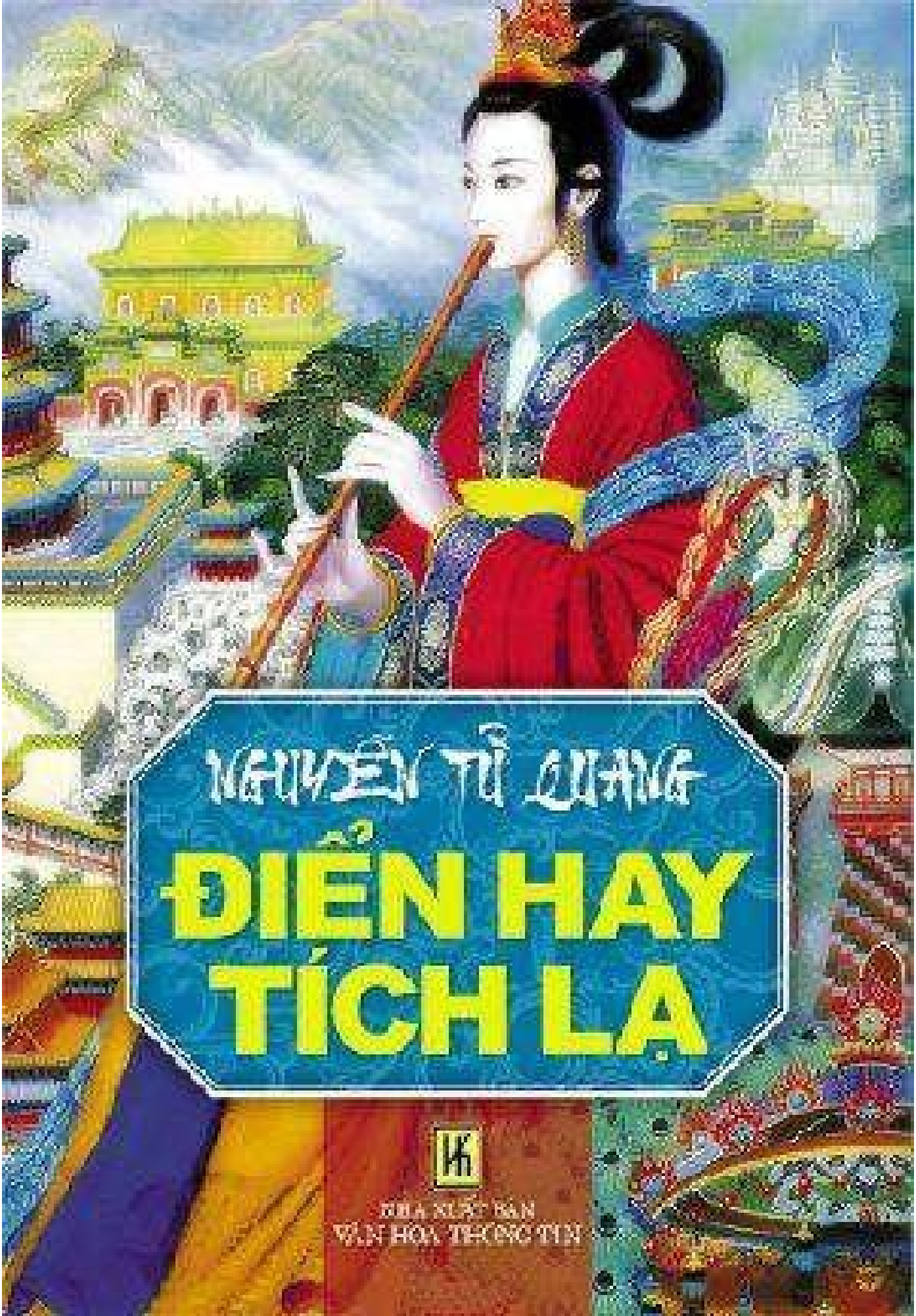

NGUYỄN TỬ QUANG

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

Mục lục

Hằng Nga Và Hậu Nghệ
Cưỡi Rồng, Bói Phượng
Đằng Vương Các Tự
Khúc Đàn Thủy Tiên
Để Thiếp Theo Chồng Mấy Dặm Khơi
Đồng Tước Đài
Chức Cẩm Hồi Văn
Vành Ngoài, Vành Trong
Vạn Lý Tìm Chồng
Khúc Phượng Cầu Hoàng
Củi Đậu Đun Hột Đậu
Bi Ca Tán Sở
Động Bích Đào
Gấm Nàng Ban
Đông Sàng Với Thiếp Lan Đình
Khúc Trường Tương Tư
Giảo Thố Tam Quật
Đổi Mỹ Nhân Lấy Ngựa
Trường Môn Phú
Trúc Mai
Lão Tiều Phu Hay Con Hạc Đen
Hà Đông Sư Tử
Lá Thắm Đưa Duyên
Lam Kiều
Đào Yêu
Động Đào Nguyên

Mười Bài Thơ Đoạn Trường
Khúc Hậu Đình Hoa
Gương Vỡ Lại Lành
Giấm Chua
Cái "Gia Gia"
Hồ Than Thở
Nghiêng Nước Nghiêng Thành
Khúc Nghê Thường Vũ Y
Trao Tơ, Gieo Cầu
Núi Vọng Phu
Trống Cơm
Kê Khang Này Khúc Quảng Lăng…
Con "Quốc Quốc"
Khối Tình Mang Xuống Tuyền Đài Chưa Tan
Trường Hận Ca
Hoa Đào Năm Ngoái …
Tiếng Đàn Tri Âm
Liễu Chương Đài
Tuyệt Diệu Hảo Từ
Nam Tào, Bắc Đẩu
Bách Bộ Xuyên Dương
Chắp Cánh, Liền Cành
Gậy Rút Đất
Kết Cỏ Ngậm Vành

Hằng Nga Và Hậu Nghệ

Trong "Bích Câu kỳ ngộ" của Vô Danh có câu:

Hay là lỗi sổ Hằng Nga,

Đêm đông vò võ, bóng tà sao thưa.

Nghĩ tình nên những ngẩn ngơ...

Trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, đoạn ca tụng sắc đẹp của nàng cung nữ, có câu:

Hương trời đắm nguyệt say hoa,

Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đời nhà Trần (1225-1400) kêu gọi tướng sĩ, trong một bài hịch có đoạn "Nay ta bảo thật các ngươi nên cẩn thận như củi

lửa, nên giữ gìn như kẻ húp canh, dạy bảo quân sĩ, luyện tập cung tên, khiến cho người nào cũng có sức khỏe như Bàng Mông và Hậu Nghệ, thì mới có thể dẹp tan được quân giặc, mà lập nên được công danh."

Hằng Nga và Hậu Nghệ là hai nhân vật thần thoại được dùng trong Cổ văn Trung Hoa và Việt Nam.

Hằng Nga trong cung trăng: Theo sách của Hoài Nam Tử, Hậu Nghệ xin thuốc trường sinh của bà Tây Vương Mẫu, Hằng Nga là vợ của Hậu Nghệ uống trộm, chạy lên cung trăng.

Người chặt cây quế trong cung trăng: Theo sách "Dậu dương tạp trở", trong mặt trăng có cây quế cao 500 trượng, dưới gốc cây có một người ngồi chặt mãi, nhưng chặt xong, dấu chặt lại liền như cũ. Người ấy tên Ngô Cương, quê ở Tây Hà, tu tiên có lỗi bị phạt chặt cây.

Con thỏ trong mặt trăng: Theo sách "Ngũ thông kinh nghĩa", trong mặt trăng có con thỏ hay con cóc.

Ông già dưới trăng: Sách "Tục U quái lục" có chép: đời nhà Đường, Vi Cố đến Nam Điện ở Tống thành, thấy ông già xem sách dưới trăng. Vi Cố hỏi sách gì? Ông già đáp: Sổ hôn nhân thiên hạ. Vi Cố hỏi hôn nhân của mình thì ông lão bảo: ở chợ có bà già chột mắt bồng đứa bé 3 tuổi; đứa bé ấy sau là vợ. Vi Cố ra chợ bắt gặp người đàn bà như lời ông lão nên tức giận mướn người giết con bé ấy. May mắn, người đàn bà bồng đứa bé chạy thoát. Đứa bé chỉ bị thương xoàng. Mười bốn năm sau, Thứ Sử đất Dương Châu là Vương Thái gả con cho Vi Cố. Thiếu nữ ấy rất đẹp, nhưng cuối mày có một vết thẹo nhỏ. Cố hỏi nguyên cớ. Nàng trả lời: hồi lên 3 tuổi, người vú họ Trần bồng đi chợ bị một tên côn đồ đâm trúng. Cố hỏi người vú họ Trần có chột mắt không. Nàng nói có rồi kể lại chuyện cũ.

Tích Hậu Nghệ: Theo "Sơn hải kinh", trên hang Dương phía bắc nước Răng Đen có cây Phù tang to lớn sống ở dưới nước, 9 mặt trời ở cành dưới; 1 mặt trời ở cành trên. Theo sách của Hoài Nam Tử, đời vua Nghiêu, 10 mặt trời cùng mọc một lần làm cây cỏ khô héo, vua Nghiêu sai Hậu Nghệ bắn 10 mặt trời, có 9 con quạ rớt

lông cánh xuống.

Theo kinh Thư, vua nước Hữu Cùng là Hậu Nghệ vì dân không phục, nổi lên kháng cự tại sông Hà. Sách "Tả Truyện" có chép: khi nhà Hạ suy, Hậu Nghệ nhờ sức ủng hộ của dân chúng được lên làm vua thay thế nhà Hạ. Về sau, Nghệ ỷ mình bắn giỏi, không lo chính sự, dâm bạo hơn thú dữ, dân oán ghét nổi lên giết chết, lại lóc thịt bắt con của Nghệ ăn. Không nỡ ăn thịt cha, con của Nghệ cũng bị giết luôn.

Trong bản dịch thần thoại "Lên cung trăng" của nhà văn hào Trung Hoa là Ngô Tổ Quang có chép:

Một thời đại rất xa xưa...

Lúc bấy giờ con người được tự do, không bị áp bức chiến tranh, người hiếp bức người. Ai làm nấy ăn. Mặt trời mọc, đi làm; mặt trời lặn, về nghỉ. Đói có hoa quả; khát có nước suối.

Con người bấy giờ không có họa người, chỉ có họa trời Để tránh gió mưa, rét mướt, loài người đốn cây làm

nhà, dệt vải may áo... Ngày tháng trôi qua, con người dùng kinh nghiệm và lao lực để cải thiện đời sống, mưu lấy sự hạnh phúc thanh bình.

Nhưng, một hôm thình lình xảy ra một thiên tai dữ dội. Khắp dưới gầm trời đâu đâu cũng bị đại hạn. Nắng như lửa thiêu, đốt cháy tất cả làm cho sinh linh dậm đất kêu trời. Trên đường, thây người, thây thú chồng chất dẫy đầy.

Nguyên ở gò Đất cuối biển Đông có hang Dương. Nơi đây 10 con quạ vàng vâng lệnh Thượng Đế thay nhau ban ánh sáng cho vạn vật. Trên hang có cây Phù tang cao vút tận trời. Chín con quạ ở cành dưới, một con quạ ở cành trên. Từ ngàn xưa chỉ có một con ra khỏi biển hóa thành mặt trời, ngày ngày tháng tháng chiếu ánh sáng xuống mặt đất làm cho mưa hòa, gió thuận, vạn vật sinh hóa. Nhưng bất ngờ, một hôm bốn biển chuyển động, đất lở núi rung, cây Phù tang quay cuồng, vì 10 con quạ vàng tranh nhau xuất hiện một lượt.

Thế là nắng như lửa thiêu, đốt cháy cả vạn vật. Ban

đầu, người ta còn ngâm mình dưới nước, núp trong hang núi... nhưng rồi, đầm nước, dòng suối đều hóa thành những vạc nước sôi. Đất bằng bỗng chốc lửa dậy làm cho nhân dân điêu đứng, đời người biến thành địa ngục.

Đương lúc tiếng khóc, tiếng kêu gào kinh khủng của nhân dân, bỗng có một vị anh hùng xuất hiện.

Vị anh hùng đó có tên Hậu Nghệ, sinh ở biển Đông, nước Hữu Cùng. Người võ nghệ phi thường, sức người có thể bạt núi lấp sông, giỏi nghề kỵ xạ. Hậu Nghệ có lại hai người học trò tên Phùng Mông và Ngô Cương đều có tài xuất chúng.

Trông thấy 10 con quạ vàng hoành hành dữ tợn làm cho nhà cửa tiêu tan, đồng ruộng khô cháy, Nghệ vừa hoảng kinh vừa tức giận, đem lòng thương xót sinh linh, và nghĩ đến mối liên hệ với thân mạng mình nên mang 10 mũi tên thần, giương cung 10 tạ lên quyết bắn 10 con quạ vàng cho tiêu ra tro bụi.

Nhưng ánh sáng rạng chói làm cho mắt đổ hào quang, không thể nhìn lên được. Nghệ bực tức, đứng

tựa góc biển chân trời không do dự bắn luôn mấy phát. Những nơi có tên của Nghệ bắn tới thì nóng cháy nguội dần, ánh sáng êm dịu. Những lông cánh sắc màu của lũ quạ đua nhau rớt xuống. Một làn không khí mát mẻ bắt đầu.

Trông thấy chín con quạ chết, Nghệ lại muốn giương cung bắn nữa, nhưng Phùng Mông ngăn lại:

- Thưa thầy! Nếu thầy bắn chết cả thì vũ trụ sẽ trở nên đen tối mất.

Nghệ "à" một tiếng, hạ cung xuống.

Bấy giờ núi sông trở lại như xưa, cây cỏ tươi tốt. Đâu đâu cũng vang dậy tiếng hò reo hoan lạc. Nhân dân ca tụng công ơn vĩ đại của Hậu Nghệ, tôn thờ Nghệ là một vị cứu tinh, trọng quý Nghệ hơn mẹ cha. Sơn hào hải vị, họ đem dâng cho Nghệ dùng.

Hậu Nghệ lên làm Hoàng đế.

Mười năm sau.

Nhân dân trước kia bị tai ách của 10 con quạ vàng thì nay lại mang phải tai ách do Hậu Nghệ gieo rắc.

Nghệ ỷ mình có tài, tự kiêu là cứu dân, vậy dân phải làm tôi mọi mới xứng đáng đền đáp công ơn ấy. Nghệ chiếm hết thịt rừng, tài sản của nhân dân. Cả đến một con gà, một miếng bánh... cũng không thoát qua tay cướp đoạt của Nghệ.

Nghệ lại tự hào là mình sẽ sống mãi vì có Linh chi dược thảo do ông tiên ban cho.

Nhân dân bấy giờ sống trong tình trạng cực kỳ thảm khốc. Từng đám dân nghèo đói, quần áo rách nát, thân trụi mình trần, mặt mũi hốc hác vàng hoe, gục đầu vào đất kiếm rễ cây ăn. Vài xác người thắt cổ lơ lửng trên cành cây làm mồi cho đàn quạ đương đảo qua lượn lại.

Bấy giờ núi rừng hoang vu xơ xác, cành khô lá úa, năm ba gốc cây còn lại nhưng trơ trọi, cằn cỗi.

Ngày trước, Nghệ được bá tánh hoan hô vang dậy. Ai ai cũng trìu mến vâng theo Nghệ đi ra, cả ngàn người

chạy theo quỳ lạy chúc tụng. Ngày nay, nhân dân oán ghét căm thù. Nghệ đi đến đâu, bá tánh bỏ chạy đến đó. Nghệ nhục nhã, tức giận ra lệnh cho học trò là Ngô Cương tàn sát hàng triệu sinh linh. Bị đói rách, bị giết chóc, nhân dân đau khổ, nỗi uất hận căm hờn ngùn ngụt cao mấy tầng mây.

Phùng Mông can gián không được, bỏ Nghệ theo đám dân nghèo võ trang đánh lại thầy.

Vợ của Hậu Nghệ là Hằng Nga.

Nàng là con nhà nghèo ở một cánh đồng hoang phương Bắc. Nhưng nàng là con chim phượng hoàng, là đóa hoa khôi sắc đẹp tuyệt vời.

Ngô Cương vâng lệnh thầy đi tìm người làm hoàng hậu. Đến phương Bắc, Ngô Cương bắt Hằng Nga về dâng cho Nghệ. Hằng Nga được Nghệ sủng ái, giao giữ cỏ Linh chi.

Hằng Nga vì bị bắt, bỏ cha xa mẹ, quyết liệt đòi về. Nghệ sợ Hằng Nga trốn trong khi Nghệ đi săn tìm thịt

nên truyền cho Ngô Cương canh gác, không cho Hằng Nga rời khỏi cung. Hằng Nga buồn tủi, ngày ngày chỉ làm bạn cùng con Ngọc thỏ trong cung lạnh.

Trước sự tàn bạo của chồng, Hằng Nga không khuyên ngăn được; và biết rằng nếu chồng sống mãi thì càng làm nhiều tội ác, nhân dân đau khổ càng nhiều nên nàng nuốt cỏ Linh chi, để Nghệ không còn dùng cỏ tiên mà trường sinh nữa.

Nuốt xong, Hằng Nga mặt mày xây xẩm một lúc, rồi thấy mình nhẹ bổng như không. Một đám mây ngũ sắc dưới chân Hằng Nga từ từ đưa Hằng Nga bay lên, Ngọc thỏ chồm nhảy theo. Hằng Nga đưa tay dắt rồi từ từ bay qua cửa sổ thẳng lên cung trăng.

Hậu Nghệ đi săn thịt trở về, thấy mất Hằng Nga, tức giận Ngô Cương vì để Hằng Nga trốn thoát, nên bóp cổ Ngô Cương cho đến chết.

Nghệ chạy lại cửa sổ trông lên mặt trăng.

Ánh trăng sáng vằng vặc chiếu vào mặt. Hình bóng

của vợ thấy thấp thoáng trong trăng. Nghệ giương đôi mắt tròn xoe nhìn. Thốt nhiên, Nghệ thét bọn vệ sĩ mang cung tên lại. Chúng khệ nệ khiêng chiếc cung và ba mũi tên lớn trên tường xuống. Nghệ đứng thẳng người như một trụ đá to, râu tóc dựng ngược, đôi mắt sáng quắc, không khác cảnh ngày xưa Nghệ bắn mặt trời Nghệ lắp tên căng thẳng dây cung bắn lên.

Hai phát tên bay ra, mặt trăng lung lay.

Nhưng mũi tên thứ ba bật khỏi dây cung, mặt trăng vẫn sáng chói như trước, không hề hấn gì. Nghệ hạ cung xuống, mặt mày buồn nghiến, im lặng, đau khổ.

Bỗng một cụ già hiện xuống.

Hậu Nghệ giựt mình, nhìn ra là ông lão đã cho mình Linh chi thảo cách mười năm về trước.

Cụ già liệng 3 mũi tên xuống đất, điềm đạm nói:

- Già xin hỏi cố nhân. Ngày trước hạnh ngộ, già có nhắn nhủ cố nhân việc trị đời không khó. Phải thực hành nhân chính, quên mình để lo cho người. Mình phải lo

trước người lo và chỉ vui sau khi người vui. Dân quý nhứt, nước thứ nhì, vua sau hết. Cố nhân sẵn sàng vâng nghe, nên già thể theo lời yêu cầu tha thiết của cố nhân là muốn sống mãi để hoàn thành sự nghiệp, vì đời sống con người thì hữu hạn mà sự nghiệp thì vô cùng, mới cho Linh chi thảo. Vậy mà khi cầm lấy quyền, cố nhân lại quên mất lời. Dân không sợ chết, sao lấy sự chết chóc trị thiên hạ. Bao nhiêu năm trời loạn lạc đau thương, giờ đây lòng người ly tán, sự nghiệp tan hoang, cố nhân còn chưa tỉnh hay sao Kìa, nghĩa quân đã hò reo tứ phía, cố nhân đã nghe chưa?

Hậu Nghệ hai tay ôm đầu, giọng nói thiểu não:

- Nghệ ăn năn, xin cụ chỉ giáo.

- Việc đã qua rồi, ăn năn không kịp. Chỉ có cách cố nhân bỏ sắc phục hoàng đế, ăn năn hối lỗi thì mới có cơ cứu vãn.

Hậu Nghệ cả giận, quắc mắt, quát:

- Lão già khốn! Thừa lúc hiểm nguy của ta mà sỉ

nhục ta sao?

Vừa nói vừa rút gươm chém ông lão.

Cụ già bình thản đưa tay hất gươm rạ Hậu Nghệ rùng mình lui lại ngồi xuống. Cụ già mỉm cười:

- Cố nhân đến nước cùng mà còn hiếu sát. Kìa, cố nhân hãy nhìn xem.

Giữa lúc ấy...

Bên ngoài có tiếng chém giết lẫn tiếng hò reo vang dậy. Nghĩa quân bao vây tứ phía dưới sự chỉ huy của Phùng Mông.

Bóng trăng khuất dần. Cụ già biến mất.

Lửa cháy khắp nơi.

Tiếng la vang:

- Tiến! Tiến!

Nghệ rút gươm xông tới, Phùng Mông đưa gươm

ngăn. Cả hai đánh nhau. Nghĩa quân ào đến. Hậu Nghệ kiệt sức bỏ chạy. Đám dân đói rách cầm hèo gậy chận lại Nhìn qua tứ phía, nơi nào cũng có nghĩa quân. Phùng Mông kêu lên:

- Hậu Nghệ! Hậu Nghệ! Thầy làm việc bất nghĩa, ngày nay tự xử lấy, đừng để bọn ta ra tay.

Hậu Nghệ đứng dậy, dậm chân, cất tiếng cười đau đớn rồi đưa gươm đâm mạnh vào cổ. Xác Nghệ ngã xuống giữa tiếng reo hò của nghĩa quân.

Trong cung trăng, bên cây quế cao trăm trượng, sắc vàng, mùi thơm bát ngát, Ngô Cương cầm búa chặt mãi cây quế nhưng cây quế không sứt mẻ mà vẫn càng cao càng lớn, càng tươi. Hắn bị đọa vì tính hiếu sát theo thầy. Cây quế bị chặt nhưng không hề hấn, nhân dân bị tàn sát nhưng nhân dân làm sao hết được.

Bên cạnh, Hằng Nga ngồi xem Ngọc thố tán thuốc. Thỉnh thoảng, nàng lại thở dài, sa nước mắt. Nàng còn luyến tiếc cảnh trần gian. Vì trần gian đã chịu bao tai nạn: lụt lội, hạn hán, nắng lửa mưa dầu, binh đao chém

giết, máu chảy thành sông, xương người thành núi; ngày nay nhân dân đã khắc phục được mọi tai ách rồi. Kìa từng đám người nô nức đương cày cấy, ca hát vui mừng; và xa xa làn khói lam chiều vẩn vơ quyện trên những mái nhà nhỏ ấm cúng, Hằng Nga tưởng nơi đây có lẽ là phương Bắc, quê hương yêu dấu của nàng.

Ở đây, quanh năm vắng lạnh, chẳng có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Muôn vật không sinh, không hóa. Trăm hoa không nở không tàn. Chán chường cảnh lẻ loi, hiu quạnh quá, Hằng Nga muốn trở về trần thế. Nhưng vì đã ăn cỏ Linh chi, nàng không bao giờ chết, lại trẻ đẹp mãi và muôn năm vẫn sống hoang liêu trong cung Quảng Hàn này.

Nhìn ra ngoài không thấy thế gian đâu nữa, tư bề lạnh lẽo âm u, Hằng Nga bất giác xót xa đau đớn, nước mắt chảy ròng.

Sau tấm bình phong bóng đuốc xa,

Sao mai lặn hết, vắng Ngân Hà.

Hằng Nga hối cắp Linh chi thảo,

Sống mãi nhìn trời dạ xót xa.

Cưỡi Rồng, Bói Phượng

Dời Chu Tương Vương (651-617 trước D.L.), Tần Mục Công làm bá chủ các nước ở tây phương. Nhà vua có một người con gái. Lúc mới sinh, gặp có kẻ dâng viên ngọc phác, Tần Mục Công sai thợ giũa, thành một viên ngọc sắc biếc và đẹp lắm.

Đến khi cô gái đầy tuổi tôi, trong cung bày đồ toái bàn, nàng nhặt ngay viên ngọc, rồi ngắm nghía mãi, mới đặt tên nàng là Lộng Ngọc.

Lớn lên, Lộng Ngọc nhan sắc đẹp tuyệt trần. Tính trời thông minh, nàng có tài thổi ống sinh hay lắm, không học ai mà thành âm điệu. Tần Mục Công sai thợ làm ống sinh bằng ngọc để cho nàng thổi Nàng thổi ống sinh ấy, tiếng trong như tiếng chim phượng.

Tần Mục Công cưng lắm, lập cái lầu để cho nàng ở,

tên là Phượng Lâu. Trước lầu có xây một đài gọi là Phượng Đài. Năm Lộng Ngọc lên 15, Tần Mục Công muốn tìm một người giai tế, Lộng Ngọc thề: nếu có người nào có tài thổi ống sinh họa được với nàng thì mới chịu lấy làm chồng.

Tần Mục Công sai sứ đi tìm, nhưng không có ai cả.

Một hôm, Lộng Ngọc ngồi trên lầu, vén rèm ngắm cảnh. Bấy giờ trời quang mây tạnh, vừng trăng sáng tỏ như gương, nàng truyền cho thị nữ đốt một lò hương rồi đem ống sinh ra thổi. Bỗng nghe tiếng tiêu từ đâu họa lại, lúc gần lúc xa. Lộng Ngọc lấy làm lạ, dừng ống sinh lại không thổi nữa, lắng tai nghe giọng tiêu ấy chỉ còn dư âm văng vẳng. Lộng Ngọc ngẩn ngơ, lưỡng lự thao thức canh chầy, đoạn đặt ống sinh ở đầu giường rồi nằm ngủ.

Giữa lúc ấy, nàng bỗng thấy trên trời về phía tây nam, cửa mở rộng, hào quang ngũ sắc rực rỡ như ban ngày, có một chàng thiếu niên, mũ lông áo bạc, cưỡi con chim phượng từ trên trời sa xuống, đứng trước Phượng Đài. Chàng bảo nàng:

- Ta đây là chủ núi Họa Sơn, Ngọc Hoàng Thượng Đế cho ta kết duyên với nàng. Đến ngày Trung Thu này thì đôi ta gặp nhau. Ấy là duyên số đã định sẵn như vậy.

Nói xong, chàng đưa tay rút ống ngọc tiêu bên mình, rồi đứng tựa lan can mà thổi. Con chim phượng đứng bên cũng giương cánh ra vừa hót vừa múa. Tiếng phượng hót cùng với tiếng tiêu xướng họa hòa nhau như một theo điệu cung thương, nghe rất thâm trầm. Lộng Ngọc mê mẩn tâm thần hỏi: Khúc tiêu này là khúc tiêu gì? Chàng thiếu niên đáp: Đây là khúc "Họa sơn ngâm". Nàng lại hỏi: Khúc này có học được không? Chàng đáp: Khi cả hai kết duyên rồi thì có gì không học được. Đoạn chàng bước đến gần đưa tay cầm lấy tay nàng...

Lộng Ngọc giật mình tỉnh dậy. Sáng lại, nàng thuật lại điềm chiêm bao cho cha nghe. Tần Mục Công liền sai người cứ theo hình dáng người trong mộng đó dò tìm đến núi Họa Sơn. Có người nông phu chỉ rằng: Từ rằm tháng bảy vừa qua, có một chàng trẻ tuổi lạ mặt đến làm nhà ở đỉnh núi, hằng ngày thường xuống chợ mua rượu uống, chiều lại thổi chơi một khúc ngọc tiêu, ai nghe cũng rất lấy làm thích.

Người của Tần Mục Công mừng rỡ tìm đến, trông thấy chàng thiếu niên mũ lông áo bạc, cốt cách thần tiên, vái chào hỏi tên họ. Chàng xưng là Tiêu Sử. Người của nhà vua thuật lại sự tình và yêu cầu Tiêu Sử về triều Sau mấy lần từ chối không được, Tiêu Sử cùng theo về triều ra mắt Tần Mục Công. Tần Mục Công thấy Tiêu Sử dung mạo thanh nhã, có vẻ bằng lòng, cho ngồi bên cạnh, hỏi:

- Ta nghe nhà ngươi có tài thổi ống tiêu tất có tài thổi ống sinh nữa.

Tiêu Sử đáp:

- Tôi chỉ biết thổi ống tiêu, chứ không biết thổi ống sinh.

Vua bảo:

- Ta định tìm một người có tài thổi ống sinh, nay nhà ngươi chỉ biết thổi ống tiêu, vậy không thể làm rể ta được.

Đoạn bảo người đưa Tiêu Sử ra.

Lộng Ngọc sai nội thị tâu với Tần Mục Công: Tiêu với sinh cũng là một loài, người ta có tài thổi ống tiêu thì sao không bảo dạo chơi một khúc để cho người ta được phô tài.

Tần Mục Công lấy làm phải, truyền Tiêu Sử thổi nghe.

Tiêu Sử mới thổi qua một khúc thì thấy có gió mát hây hẩy. Đến khúc thứ nhì thì mây che bốn mặt. Đến khúc thứ ba thì có đôi bạch hạc múa lượn trên không, đồng thời có đôi khổng tước bay đến rồi các giống chim đua nhau kêu hót..., một lúc mới tan. Tần Mục Công rất lấy làm bằng lòng. Lộng Ngọc đứng bên rèm trông thấy vui tương nói: "Người ấy thật đáng làm chồng ta!"

Tần Mục Công lại hỏi Tiêu Sử:

- Nhà ngươi có biết ống sinh và ống tiêu có từ đời nào không?

Tiêu Sử thưa:

- Ống sinh làm ra từ đời Nữ Oa; ống tiêu làm ra từ

đời Phục Hi.

Tần Mục Công bảo kể rõ nguyên ủy Tiêu Sử nói:

- Nghề tôi vốn ở ống tiêu, vậy tôi xin kể nguồn gốc ống tiêu. Ngày xưa vua Phục Hi ghép ống trúc làm ống tiêu, chế theo hình chim phượng. Tiếng thổi cũng giống tiếng chim phượng. Thứ lớn ghép liền 23 ống, dài 1 thước 4 tấc gọi là Nhã Tiêu; thứ nhỏ ghép liền 16 ống, dài 2 thước 1 tấc gọi là Tụng Tiêu. Cả hai thứ gọi chung là Tiêu Quản. Còn một thứ không đáy gọi là Đổng Tiêu. Về sau vua Huỳnh Đế sai Linh Luân lấy trúc ở Côn Khê chế làm ống địch, ống này có 7 lỗ, cầm ngang mà thổi, tiếng cũng giống chim phượng, trông rất giản tiện. Người đời sau thấy ống Tiêu Quản phiền phức quá nên chỉ dùng ống địch. Thứ dài gọi là tiêu, thứ ngắn gọi là địch. Bởi vậy, ống tiêu ngày nay không giống ống tiêu ngày xưa.

Tần Mục Công lại hỏi:

- Sao nhà ngươi thổi ống tiêu mà lại có các giống chim bay đến?

Tiêu Sử thưa:

- Ống tiêu dẫu mỗi đời mỗi khác nhưng tiếng thổi bao giờ cũng giống tiếng chim phượng. Chim phượng là chúa các giống chim, vậy khi nghe tiếng chim phượng tất nhiên các giống chim đều kéo nhau đến cả. Ngày xưa vua Thuấn chế ra khúc nhạc tiêu thiều mà chim phượng còn bay đến, huống chi là các giống chim khác.

Tiêu Sử ứng đối lưu loát. Tần Mục Công rất lấy làm bằng lòng, sai quan Thái Sử chọn ngày để làm lễ thành hôn.

Tiêu Sử kết hôn cùng Lộng Ngọc, được phong làm Trung Đại Phu. Tuy làm quan nhưng Tiêu Sử không dự gì đến quyền chính, ngày ngày vui chơi ở Phượng Lâu Lại không ăn cơm, chỉ thỉnh thoảng uống mấy chén rượu. Lộng Ngọc học được phép tiên của chồng cũng không ăn cơm. Tiêu Sử lại dạy vợ thổi tiêu.

Ở nhau được non nửa năm, nhân một đêm trăng sáng vằng vặc, vợ chồng đem tiêu ra thổi. Bỗng thấy một con phượng xuống đậu bên tả, và một con rồng xuống phủ

phục bên hữu. Tiêu Sử bảo Lộng Ngọc:

- Ta vốn là tiên ở thượng giới, Ngọc Hoàng Thượng Đế thấy sử sách trần gian nhiều chỗ tán loạn, vậy nên giáng sinh ta xuống họ Tiêu ở nhà Chu để san định lại. Người nhà Chu thấy ta có công về việc sử sách mới gọi ta là Tiêu Sử, đến nay đã hơn trăm năm rồi. Ngọc Hoàng cho ta làm chủ ở núi Họa Sơn, vì ta cùng nàng có tiền duyên nhau, nhờ khúc ngọc tiêu mà được cùng nhau tác hợp, nhưng cũng không nên ở mãi chốn trần gian này. Nay rồng và phượng đã đến đón, vậy chúng ta cùng nhau đi.

Lộng Ngọc định vào từ biệt cha. Tiêu Sử ngăn:

- Không nên! Đã là thần tiên thì chớ nên vì chút tình riêng mà quyến luyến.

Đoạn Tiêu Sử cưỡi rồng, Lộng Ngọc cưỡi phượng cùng bay lên trời.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc Từ Hải cùng Kiều gặp gỡ, có câu:

Trai anh hùng, gái thuyền quyên,

Phỉ nguyền bói phượng, đẹp duyên cưỡi rồng.

"Đẹp duyên cưỡi rồng" là do điển tích trên.

"Bói phượng có nghĩa là kén được chồng tốt.

Sách Tả Truyện có chép: Trần Trọng Kính sang nước Tề, được vua nước này cho coi việc công chính. Quan Đại Phu nước Tề có ý muốn gả con gái cho Trọng Kính. Người vợ liền bói một quẻ, bảo rất nên. Vì quẻ bói nói:

"Phượng hoàng vu phi, hòa minh tương tương" nghĩa là phượng hoàng cùng bay, cùng hót vang vang.

Phượng là tên một giống chim. Theo sách cổ, đó là một trong 4 con thú linh thiêng: Long, Lân, Qui, Phượng, đem lại điềm lành, và chỉ khi nào có đời thái bình hay thánh nhân ra đời thì mới xuất hiện.

Phượng là chúa loài chim. Con trống là phượng; con mái là hoàng. Loan là một giống chim cùng loại với

phượng hoàng. Vì là đồng loại nên người ta hay dùng để ví với vợ chồng. Ca dao có câu:

Ước gì anh được vô phòng,

Loan ôm lấy phượng, phượng bồng lấy loan.

"Bói phượng", "Cưỡi rồng" đều cũng có nghĩa là kén được chồng xứng đáng.

Đằng Vương Các Tự

Vương Bột tự Tử An, người đất Long Môn. Sáu tuổi đã biết làm văn. Mười sáu, mười bảy tuổi nổi danh hạ bút nên vần.

Vương có thói quen, mỗi khi làm văn, mài mực sửa soạn nghiên bút rồi nằm đắp chăn ngủ. Khi tỉnh dậy, cầm ngay bút viết. Vương nổi tiếng là một thi sĩ cao danh thời Sơ Đường (618-713).

Con của vua Cao Tông nhà Đường bấy giờ làm Thái Sử ở Hồng Châu, được phong là Đằng Vương, có dựng một cái gác bên sông Tầm Dương gọi là "Đằng Vương Các". Lúc Diêm Bá Dư ra giữ chức Đô Đốc Hàng Châu, đặt tiệc tại gác Đằng Vương để thết tân khách. Muốn khoe tài chàng rể, bảo làm trước một bài tự, rồi mời tất cả các nhà quyền quý, các mặc khách tao nhân xa gần đến dự; và yêu cầu mỗi người làm một bài tự ngay bữa

tiệc.

Vương Bột lúc bấy giờ, tuổi vừa 15, 16. Hay tin ấy, nhưng vì đường xá xa xôi có mấy trăm dặm, không đến họp được, lấy làm tiếc. Một ông già khuyên chàng cứ sửa soạn thuyền buồm, tự nhiên sẽ có gió thổi. Quả nhiên đêm đó có gió lớn. Vương cho thuyền khởi hành, và hôm sau tới Đằng Vương các vừa kịp lúc vào tiệc.

Thấy Vương Bột, viên Đô Đốc họ Diêm khinh là con nít, miễn cưỡng cấp giấy bút. Nhưng cho người đứng bên cạnh Vương, hễ Vương viết được câu nào thì chép lại cho ông xem.

Mới đọc hàng đầu, họ Diêm đã ngạc nhiên vì lời già giặn. Đến câu:

Lạc hà dữ cô vụ tề phi,

Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc

Nghĩa:

Ráng chiều với cò lẻ cùng bay,

Nước thu cùng trời dài một sắc

thì ông vô cùng khâm phục.

Bài của họ Vương đặc sắc hơn tất cả. Từ đó, danh càng vang dậy khắp nơi.

Bài phú "Đằng Vương các" viết theo thể biền ngẫu, dùng nhiều chữ cầu kỳ, nhiều điển khó hiểu nhưng lời thì cực đẹp nên rất khó dịch. Trong bài, Vương Bột nhắc qua địa lý và nhân vật ở quận, nơi xây gác Đằng Vương, rồi tả chủ khách trong tiệc, phong cảnh chung quanh khi ngồi trong gác trông ra, sau cùng kể cảm tưởng của chính mình.

Cuối bài thơ, có 8 câu tuyệt diệu, nhất là 4 câu cuối:

Nhàn vân đàm ảnh nhật du du,

Vật hoán tinh di, không độ thu?

Các trung đế tử kim hà tại?

Hạm ngoại trường giang không tự lưu.

Nghĩa:

Đầm chiếu mây bay, trời lửng lơ,

Sao dời vật đổi, mấy thu rồi.

Con vua trong gác nào đâu nhỉ?

Dòng nước ngoài hiên vẫn tự trôi.

Nhưng người có tài như thế mà mạng yểu. Nhân khi đi thăm cha làm quan ở Giao Chỉ, Vương bị đắm thuyền, chết ở giữa biển giữa 29 xuân xanh.

Tương truyền rằng hai câu thơ:

Lạc hà dữ cô vụ tề phi,

Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc.

tuyệt diệu như thế mà có người cho Vương Bột còn dốt, nhưng không chỉ dốt chỗ nào. Vì thế khi chết, hồn còn uất ức nên trong đêm khuya thanh vắng thường hiện hình trên bãi bể, níu áo những văn nhân sĩ tử qua đường, miệng ngâm nga hai câu thơ trên và hỏi dốt chỗ nào, xin

chỉ giúp. Nhưng ai nấy đều khen hay. Hồn Vương không bằng lòng, cho rằng sĩ tử kia còn dốt, thi khoa này không thể đậu. Quả thật như thế.

Rồi, cũng từ đó, giọng ngâm hai câu thơ kia vẫn còn văng vẳng bi ai theo hình bóng họ Vương thơ thẩn, dật dờ trên bãi biển.

Nhưng một hôm có một văn nhân đi ngang qua đấy, hồn Vương hiện hình níu lại hỏi, thì chàng văn nhân ấy cười bảo:

- Hai câu thơ ấy không phải sai nhưng nhà ngươi còn dốt thật. Đã bao năm có tiếng là tứ kiệt Sơ Đường mà không nhận biết được cái dốt của mình trong hai câu thơ ấy ư?

Nói xong dứt áo ra đi. Vương tha thiết yêu cầu giải thích. Khách không phụ lòng, nên bảo:

- Hai câu thơ thừa chữ "dữ" và chữ "cộng". Nếu bỏ hai chữ thì thật tuyệt, vừa gọn vừa thanh thoát, lại nhất khí:

Lạc hà cô vụ tề phi,

Thu thủy tràng thiên nhất sắc.

Vương Bột nhận ra, quả còn dốt thật, mới bái tạ lãnh lời chỉ giáo.

Từ đó, trong đêm khuya thanh vắng, trên bãi biển không còn hình bóng của nhà thơ tài danh trẻ tuổi hiện ra nữa. Và giọng ngâm hai câu thơ bất hủ bi ai, não ruột kia cũng chìm mất trong không gian cao rộng, mịt mờ. Đây là một câu chuyện hoang đường.

Do câu chuyện gió đưa thuyền Vương Bột đến Đằng Vương các làm cho Vương nổi tiếng tài danh, nên cổ thi có câu: "Thời lai, phong tống Đằng Vương các" (Thời tới thì gió đưa đến Đằng Vương) để chỉ sự may mắn của kẻ gặp thời. Những từ ngữ: "duyên Đằng", "gió đưa Đằng các" đều có ý nghĩa như thế.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du có câu: "Duyên Đằng thuận nẻo gió đưa" là do điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Khúc Đàn Thủy Tiên

Dất Kim Lăng bên Trung Quốc là nơi phồn hoa đô hội, thường dùng làm kinh đô cho các triều đại lâu đời. Ở đây có nhiều nơi danh thắng, khiến cho mặc khách tao nhân không ai là không muốn lưu liên thưởng ngoạn. Nhất là trên sông Tần Hoài, bên hồ Mặc Sầu, vào khoảng mùa xuân mát mẻ, những cành cây xanh, nước biếc, núi lam cũng đủ cung ngoạn cho các mặt tài tử giai nhân.

Có một chàng tên Giang Thu San, quê ở An Huy, vốn người phong nhã, tính ưu ngao du sơn thủy. Gặp buổi ngày xuân, chàng liền rủ bạn sang Kim Lăng thưởng xuân. Đến nơi nghe đồn trong vùng có một tuyệt thế giai nhân tên Thủy Tiên Tử, nổi tiếng danh cầm, gần xa ai cũng bái phục. Động lòng hâm mộ, họ Giang cùng bạn cố tình tìm hỏi cho được đến nơi.

Buổi đầu gặp gỡ, để xin nghe tiếng đàn, Thu San hết sức van nài, mới được nàng chấp thuận. Đoạn, nàng ung dung vặn trục dạo tiếng cho nghe.

Thoạt khi tay tiên đặt đến tơ đồng, chỉ nghe khoan khoan nhè nhẹ, vẳng xa như có như không. Dần dần thi thấy vẻ người trầm lặng, hai tay thoăn thoắt nhanh nhanh. Rồi tiếng đàn chuyển sang giọng dồn dập sôi nổi như gió gào gió thét, như chen với tiếng muôn quân nghìn ngựa xình xịch đổ tới. Kế đó, lại nổi giọng nỉ non réo rắt như oán, như than, khiến người ngồi nghe mê mẩn tâm thần như phiêu diêu chốn non Bồng, nước Nhược.

Thật là:

Trong như tiếng hạc bay qua,

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

"Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du)

Một lúc đàn im, Thu San từ từ định tỉnh và hỏi khúc đàn gì? Thủy Tiên Tử đáp:

- Đây là khúc "Thủy Tiên", tiện thiếp phỏng theo khúc "Thủy Tiên Tháo" của tay danh cầm ngày xưa là Bá Nha mà sáng tạo nên.

Thu San hỏi nguồn gốc, nàng ung dung kể lại rằng: "Ngày xưa, Bá Nha học đàn của ông Thành Liên. Được ba năm thì đàn đã hay như chưa nhập điệu. Thành Liên bảo: "Thầy ta là Tử Xuân ở ngoài biển cả, có thể dùng đàn làm thay đổi lòng người. Vậy ta cho ngươi ra đó để học thêm."

Đoạn dẫn Bá Nha xuống thuyền ra một hòn đảo giữa biển khơi, bảo Bá Nha ở đợi, ông sẽ đón thầy đến. Rồi dong thuyền đi thẳng, không thấy trở lại. Bá Nha một mình ở giữa đảo, chỉ thấy núi rừng mờ mịt, tiếng nước biển vỗ dồn dập, réo rắt chung quanh, chim chóc kêu rên bi thiết. Bá Nha cảm thấy buồn lạnh cả người, bất giác thở dài than: "Thầy ta muốn làm thay đổi tính tình ta

đây..."

Đoạn cầm đàn trổi lên một khúc. Vừa dứt khúc, đã thấy Thành Liên quày thuyền trở lại đón. Từ đấy, Bá Nha nổi tiếng là bực danh cầm; và khúc đàn ấy đặt tên là "Thủy Tiên Tháo". Tiện thiếp rất say mê khúc đàn đó nên mới mượn để đặt làm tên".

Thu San nghe xong, thán phục. Đoạn thở dài, nói với nàng:

- Trong "Tỳ Bà Hành" của Bạch Cư Dị có câu:

Đại huyền tao tao như cấp vũ,

Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.

Tao tao thiết thiết thác tạp đàn,

Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn"...

Xưa nay, tôi vẫn cho lời thơ ấy diễn tả quá đáng. Nhưng hôm nay, diễm phúc nghe được điệu đàn của quý nương mới nhận thấy lời cổ nhân thật bức thiết chân

tình.

Thủy Tiên Tử khiêm tốn từ tạ, đoạn sai thị nữ pha trà thủy tiên ra thết khách.

Bọn Thu San nâng chén nước uống, nghe thoang thoảng mùi thơm thanh nhã, khác hẳn với các vị hương trà quý thường dùng hằng ngày. Bất giác, ai cũng cảm thấy khoan khoái tinh thần như hiện thân như tiên cảnh.

Từ tạ ra về nhưng lòng khách vẫn quyến luyến, nao nao tưởng nhớ. Nơi quê hương, không lúc nào không nhắc nhở đến Thủy Tiên.

Mùa xuân năm sau, Thu San chạnh lòng nhớ người năm cũ, lần mò tìm đến Kim Lăng, mong lại được nghe tiếng đàn tuyệt diệu của con người ngọc. Nhưng đến nơi thì khách giai nhân ngày xưa vắng bặt, chỉ thấy cây xanh nước biếc một màu!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Để Thiếp Theo Chồng Mấy Dặm Khơi

Nàng tên là Mỵ Ê, người Chiêm Thành, không biết họ gì, vốn vương phi vua Chiêm Xạ Đẩu.

Triều vua Lý Thái Tông (1028-1054) nước Đại Việt, Xạ Đẩu không theo lệ cống, thất lễ phiên thần, vua tự đem binh Nam chinh.

Xạ Đẩu bày trận ở sông Bồ Chính nhưng bị quân nhà Lý đánh bại. Xạ Đẩu chết tại trận. Vua nhà Lý tiến vào thành Phật Thệ là quốc đô của Chiêm Thành bắt được vương phi Mỵ Ê cùng một số cung nhân, nhạc nữ, đem về nước.

Khi thuyền đến sông Lý Nhân, giữa đêm, vua nghe Mỵ Ê có sắc đẹp, bèn sai quan Trung Sứ với đến chầu thuyền ngự. Mỵ Ê không dấu được nỗi phẫn uất, từ chối rằng:

-Vợ phường man rợ quê mùa, y phục xấu xí, ngôn ngữ thô lỗ, không giống các phi tần Trung Hoa. Nay nước tan, chồng mất, chỉ mong một chết là thỏa lòng; nếu cưỡng bức hợp hoan, ngại nỗi làm dơ mình rồng vậy.

Đoạn, nàng lén lấy chăn lông chiên quấn lấy kín thân mình định phó tính mạng cho dòng nước chảy. Thế là, đánh ầm một tiếng, mất tăm hình bóng người xinh.

Nhà vua kinh hoảng tự hối, muốn cứu nhưng không sao kịp nữa.

Tương truyền từ đó, nơi này mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, người ta thường nghe văng vẳng có tiếng phụ nữ khóc kể bi ai. Dân trong vùng cho việc kinh dị, xin lập đền thờ, bấy giờ mới dứt tiếng khóc.

Một hôm, có dịp, vua Lý Thái Tông đến sông Lý Nhân. Thuyền thả giữa dòng, đến đấy, nhà vua thấy trên bờ có ngôi đền thờ, lấy làm lạ hỏi Hầu thần đem chuyện Mỵ Ê kể lại. Vua lặng yên hồi lâu, phán rằng:

- Không ngờ gái rợ lại có kẻ u trinh đến thế, quả là một gái phi thường. Thế nào cũng có sự báo thù.

Đêm ấy đã canh ba, chợt nghe một trận gió thơm thổi đến, khí lạnh tê người. Nhà vua chợt thấy một người đàn bà yểu điệu, dung nhan đẹp đẽ, uy nghi bước đến, cúi lạy vừa khóc rằng:

- Thiếp nghe đạo của kẻ phụ nhân là tòng nhất nhi chung. Quốc vương trước của thiếp tuy chẳng dám so sánh cùng bệ hạ nhưng cũng là bực nam tử kỳ tài riêng cõi. Thiếp từng được lạm dự phần khăn lược, chẳng may gặp phải cảnh nước tan chồng mất, thiếp đêm ngày sầu thương, rầu rĩ, chỉ lo báo bổ. Nhưng quần thoa yếu ớt chẳng biết tính sao? May nhờ hồng ân của bệ hạ sai Trung Sứ tiễn thiếp xuống tuyền đài hội ngộ cùng chồng. Sở nguyện của thiếp thỏa rồi, thế còn có linh gì mà dám đến đây đường đột!...

Nói xong, không thấy đâu nữa.

Vua kinh hãi tỉnh giấc, mới hay là chiêm bao. Đoạn truyền đem lễ vật đến miếu cúng tạ, sắc phong làm Hiệp

Chính Nương. Từ đó về sau, dân chúng xa gần cầu đảo đều thấy linh ứng.

Cảm nỗi chua xót của nàng Mỵ Ê phải tuẫn tiết trong cảnh nước mất nhà tan, thi sĩ Tản Đà có làm bài thơ từ khúc để tả nỗi lòng của người vương phi bạc mạng:

Châu giang một giải sông dài,

Thuyền ai than thở, một người cung phi!

Đồ Bàn thành phá hủy,

Ngọa Phật tháp thiên di.

Thành tan, tháp đổ

Chàng tử biệt,

Thiếp sinh ly.

Sinh ký đau lòng kẻ tử quy!

Sóng bạc ngàn trùng

Âm dương cách trở

Chiên hồng một tấm,

Phu thê xướng tùy.

Ôi mây! Ôi nước! Ôi trời!

Đũa ngọc, mâm vàng, giọt lụy rơi.

Nước sông trong đục,

Lệ thiếp đầy vơi

Bể bể, dâu dâu, khóc nỗi đời!

Trời ơi! Nước hỡi! Mây hời!

Nước chảy, mây bay, trời ở lại,

Để thiếp theo chồng mấy dặm khơi!...

Đồng Tước Đài

Tào Tháo đời Tam Quốc (220-264) có xây một cái đài bên sông Chương Hà tỉnh Hà Nam, đặt tên là Đồng Tước. Đài này cực kỳ tráng lệ. Tháo sai người trang hoàng tô điểm rất lộng lẫy, rồi tuyển gái đẹp khắp vùng đem chứa vào trong.

Tào Tháo có đứa con nhỏ tên Tào Thực, tự Tử Kiến có tài hạ bút thành văn. Khi xây xong đài Đồng Tước, Tháo sai con làm bài phú "Đồng Tước đài" để ca tụng công nghiệp của Tào. Bài phú rất đặc sắc:

Bản dịch của Tử Vi Lang:

Noi đức sáng thánh quân rực rỡ

Lên lầu đài hớn hở lòng xuân.

Xem công Thái Thú chăn dân,

Đức cao vời đã thấm nhuần nơi nơi.

Dựng lên giữa lừng trời xanh ngắt,

Đài nguy nga bát ngát không trung.

Mỹ quan nào kém non Bồng,

Gác cao, tây vực nhìn thông nẻo đoài.

Dòng Chương Thủy chảy dài trong suốt

Tưới nhuần vườn cây tốt quả tươi...

Hai bên tả hữu hai đài:

Ngọc Long, Kim Phượng sáng ngời ánh dương.

Bắc hai cầu tây đông nối lại

Như cầu vồng sáng chói không gian.

Ngồi cao nhìn xuống cõi trần,

Đế đô mây ráng xoay vần nổi trôi...

Mừng rỡ thấy anh tài qui tụ,

Ứng mộng hùng chuyện cũ Văn Vương.

Gió xuân đầm ấm đưa hương,

Muôn chim đua hót du dương hài hòa.

Cao đẹp tựa trời mây muôn thủa,

Phúc nhà may chất chứa dài lâu.

Khắp cùng vũ trụ nhiệm mầu,

Đề cao nhân hóa, kính chầu thượng kinh.

Noi Tề, Tấn nghĩ mình hưng thịnh,

Phò thánh minh cùng sánh công lao

Xinh tươi bền vững biết bao!

Ơn sâu nước ngấm, đức cao xa đồn.

Phò tá đấng Chí Tôn gìn giữ

Xây thái bình thịnh trị bốn phương.

Phép trời khuôn đất đo lường.

Ánh trăng cùng với ánh dương điều hòa.

Tôn quý ấy truyền xa mãi mãi,

Thọ vô cùng, thọ với chúa Xuân!

Ngự long kỳ buổi an nhàn,

Hoặc khi vội vã, xe loan trở về.

Ơn giáo hóa tràn trề bốn biển

Vui mầng thay vật kiện dân khang!

Đài nầy đứng mãi hiên ngang,

Điểm tô kim cổ, son vàng thắm tươi..."

Nguyên văn:

Tòng minh hậu dĩ hì du hề,

Đăng tầng đài, dĩ ngu tình.

Kiến Thái Thủ chi quảng khai hề.

Quan thánh đức chi sở dinh

Kiến cao môn chi tha nga hề,

Phù song Khuyết hồ Thái thanh.

Lập trung thiên chi hoa quan hề,

Liên phi các hồ Tây vực.

Lâm Chương Thủy chi trường lưu hề,

Vọng viên quả chi tư vinh.

Lập song đài ư tả hữu hề,

Hữu Ngọc Long dữ Kim Phượng

Liên nhị kiều vu đông tây hề,

Nhược trường không chi đế đống.

Phủ hoàng đô chi hoành lệ hề,

Khám vân hà chi phù động.

Hán quần tài chi lai tụy hề.

Hiệp phi hùng chi cát mộng.

Ngưỡng xuân phong chi hòa mục hề.

Thính bách điểu chi bi minh.

Vân thiên tuyên kỳ ký lập hề,

Gia nguyện đắc hồ song sinh.

Dương nhân hóa vu vũ trụ hề,

Tận túc cung vu thượng kinh.

Duy hoàn, văn chi duy thịnh hề,

Khởi túc phương hồ thánh minh.

Hưu hỹ! mỹ hỹ!

Huệ trạch viễn dương.

Dực tá ngã hoàng gia hề.

Ninh bỉ tứ phương.

Đồng thiên địa chi qui lượng hề.

Tề nhật nguyệt chi huy quang.

Vĩnh quý tôn nhi vô cực hề.

Đẳng quân thọ ư đông hoàng.

Ngự long kỳ dĩ ngao du hề

Hồi loan giá nhi chu chương.

Tư hóa cập hồ tứ hải hề,

Gia vật phụ nhi dân khang.

Nguyện tư đài chi vĩnh cô hề,

Lạc chung cổ nhi vị hương!

Bài phú "Đồng Tước đài" được truyền tụng. Tào Thực đáng là đệ nhất thi nhân trong hai đời Tần, Hán và đã mở đường cho lối thơ diễm lệ đời Lục Triều.

Trong một dịp du thuyền trên sông Trường Giang, rượu ngà say, Tháo cao hứng nói:

- Ta năm nay đã 54 tuổi. Nếu chiếm xong Giang Nam, ta cũng được chút vui mừng riêng. Số là trước kia ta có quen thân cụ Kiều công, được biết cụ có 2 cô con gái, đều là trang quốc sắc thiên hương. Không ngờ về sau Tôn Sách và Chu Du cưới mất! Nay ta đã xây đài Đồng Tước trên sông Chương, nếu hạ được Giang Nam, ta sẽ đem hai nàng họ Kiều về đấy ở, để vui thú năm tháng về già. Thế là ta mãn nguyện!

Để khích Chu Du là đô đốc Đông Ngô đánh Tào Tháo, Khổng Minh sửa đổi câu thứ 7 của bài phú "Đồng Tước đài" của Tào Thực. Nguyên văn là:

Liên nhị kiều vu đông tây hề,

Nhược trường không chi đế đống.

Nghĩa là:

Bắc hai cầu tây đông nối lại

Như cầu vồng sáng chói không gian.

Đó là nói: hai bên đài Đồng Tước còn có hai đài phụ là Ngọc Long, Kim Phượng, và có hai cái cầu bắc nối vào đài giữa như hai cầu vồng trên lưng trời. Tào Thực dùng hai chữ "đế đống" (hay "chuế đống") là có ý so sánh đài Đồng Tước với cung A Phòng nhà Tần. Trong bài "A Phòng Cung Phú" của Đỗ Mục đời nhà Đường, có câu: "Trường kiều ngọa ba, vị vân hà long? Phức đạo hành không: bất tễ hà hồng?" (Cầu dài vắt ngang sông: chưa có mây sao có rồng? Hai đường bắc trên không: không phải mưa tạnh, sao có cầu vồng?)

Nhưng Khổng Minh lại đổi ra:

Lãm nhị Kiều ư đông nam hề,

Lạc triêu tịch chi dữ cộng.

Nghĩa là:

Tìm hai Kiều nam phương về sống,

Vui cùng nhau giấc mộng hồi xuân...

Khổng Minh đem chữ "kiều" (cầu) đổi ra chữ "Kiều" (nàng họ Kiều), đổi chữ "Tây" ra chữ "Nam", đổi chữ "liên" ra chữ "lãm"; còn câu sau thì đổi hoàn toàn khác hẳn, để cố ý trỏ vào hai nàng Kiều.

Đem chữ "kiều" đổi ra chữ "Kiều", Khổng Minh chủ ý lừa và chọc tức Chu Dụ

Sau Đông Ngô liên minh cùng Tây Thục, nhờ Khổng Minh cầu đông phong, nên Chu Du dùng hỏa công đốt phá binh Tào tại trận Xích Bích. Tháo thua to, mộng chiếm đất Giang Nam để đoạt lấy hai nàng Kiều đẹp hoàn toàn tan vỡ.

Thi sĩ Đỗ Mục cũng có bài "Xích Bích Hoài Cổ" rằng:

Kích gãy, cát chìm, sắt chửa tiêu,

Rửa mài, nhận thấy dấu tiền triều.

Gió đông chẳng giúp chàng Chu thắng,

Đồng Tước đài xuân nhốt hai Kiều.

Nguyên văn:

Chiết kích trầm sa, thiết vị tiêu

Tự tương ma tẩy nhận tiền triều.

Đông phong bất dữ Chu lang tiện,

Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

Trong "Đoạn Trường Tân Thanh" của Nguyễn Du có câu: "Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều là do điển tích đó.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Chức Cẩm Hồi Văn

Dời nhà Tấn (265-419) ở đất Thần Châu có nàng Tô Huệ tự Nhược Lan. Nàng, dung nhan kiều mị, tài đức song toàn, văn chương xuất chúng. Khi Tô được 20 tuổi cha mẹ đính gả cho hàn sĩ Đậu Thao, người cùng quê. Vợ chồng ăn ở đầm ấm. Nàng Tô rất mực chiều chồng, đảm đương tất cả mọi việc gia đình để cho Đậu Thao có đủ thì giờ theo đuổi trau dồi nghiên bút. Người ở quanh vùng đều cho là hạnh phúc và hết sức ngợi khen nàng.

Sau Đậu Thao đỗ đạt làm quan, may mắn được nhâm chức tại Thần Châu, không phải đi đâu xa cả. Gia đình đã đầm ấm hạnh phúc lại càng đầm ấm hạnh phúc hơn.

Nhưng rồi vì công vụ cần thiết, vua truyền Đậu Thao ra trấn đất Lưu Sa. Vì nơi gian lao hiểm trở nên Đậu Thao đành phải để vợ ở nhà.

Thời gian qua...

Ba năm chờ đợi, nàng Tô ngày càng sức vóc mỏi mòn, dung nhan tiều tụy. Đêm đêm, bên ngọn đèn khuya, nàng ngồi âm thầm đối bóng, tủi phận hờn duyên, lo ngại thân chồng mà giọt châu tầm tã. Lòng đau dằng dặc, nỗi nhớ triền miên nên hồn thơ dâng trào lên ngọc bút làm thành 10 bài tứ tuyệt. Nàng lại lấy gấm vuông độ chừng một thước, dùng chỉ ngũ sắc thêu 10 bài tứ tuyệt lên trên theo hình trôn ốc, từ ngoài xoáy tròn vào trung tâm bức gấm.

Nàng thêu khéo, chữ nay, nên bức gấm trông cực kỳ tuyệt mỹ. Xong nàng tự tay dâng lên nhà vua. Thấy lạ, vua truyền cho quần thần đọc, nhưng cả triều không ai đọc được. Vua đành gọi nàng:

Đứng giữa triều, Tô cất tiếng ngâm với một giọng não nùng bi thảm:

Quân thừa hoàng chiếu an biêu thú,

Tống quân tống biệt hà kiều lộ.

Hàm bi yểm lụy tặng quân ngôn

Mạc vong ân tình tiện trường khứ.

Hà Kỳ nhất khứ âm tín đoạn,

Ý thiếp bình vi xuân bất noãn.

Quỳnh dao giai hạ bích đài không.

San hô trướng lý hồng trần mãn.

Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn,

Tương tâm hà thác cánh phùng quân.

Nhất tâm nguyện tác thương hải nguyệt

Nhất tâm nguyện tác lãnh đầu vân.

Lãnh vân tuế tuế phùng phu diện,

Hải nguyệt niên niên chiếu đắc biên.

Phi lai phi khứ đáo quân bàng

Thiên lý vạn lý giao tương kiến.

Thiều thiều lộ viễn quan san cách,

Hận quân tái ngoại trường vi khách.

Khứ thời tống biệt lư diệp hoàng

Thùy kính kỷ kinh mai hoa bạch.

Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,

Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo.

Thùy dương mãn địa vị quân phan,

Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo.

Đình tiền xuân tảo chính phân phương,

Bảo đắc tần tranh hướng họa đường.

Vị quân đàn đắc Giang Nam khúc,

Phó ký tình thâm đáo sóc phương.

Sóc phương thiều đệ san hà việt.

Vạn lý âm thư trường đoạn tuyệt.

Ngân trang chẩm thượng lệ chiêm y,

Kim lũ la thường hoa giai liệt.

Tam xuân hồng nhạn đệ giang thanh,

Thử thị ly nhân đoạn trường tình,

Tranh huyền vị đoạn trường tiên đoạn,

Oán kết tiên thành khúc vị thành.

Quân kim ức thiếp trọng như san,

Thiếp diệt tư quân bất tạm nhàn.

Chức tương nhấn bản hiến Thiên Tử,

Nguyện phóng nhi phu cấp bảo hoàn.

Bài này có nhiều người dịch. Dưới đây là bản dịch

của Hoàng Quang:

Chàng vâng chiếu ra yên cõi ngoại,

Thiếp đưa chàng tới lối cầu sông.

Ngậm sầu gạt lệ nhắn lòng,

Chớ tham chốn khác mà vong tình này.

Trông tin tức tới nay thăm thẳm,

Để buồng hương chẳng ấm hơi xuân.

Từ ngày đôi ngả cách phân,

Màn dần bụi bám, thềm dần rêu phong.

Tưởng ly biệt nỗi lòng kinh sợ,

Thiếp với chàng bao thuở gặp nhau.

Nguyện làm trăng giữa biển sâu,

Nguyện làm mây phủ trên đầu non cao.

Trăng giữa biển năm nào cũng thấy,

Mây đầu non đường mấy cũng thông.

Bay qua bay lại bên chồng,

Dầu ngàn muôn dặm xa trông như gần.

Quan san ấy mấy lần trở cách,

Hiềm nỗi chàng làm khách rất lâu.

Chàng đi mới ố bông lau,

Mà nay mấy độ trắng màu hoa mai.

Hoa trăm thức xuân vui hớn hở,

Xuân giục người than thở với ai.

Dương kia đủ những tơ dài,

Hoa kia rã cánh không người quét cho.

Sân xuân sớm thơm tho trăm thức,

Chốn họa đường lực bận đàn tranh.

Giang Nam năm khúc rành rành,

Mượn đầu năm mong gởi tình sóc phương.

Sóc phương ấy đôi đường diệu vợi,

Âm thư này nhắn gởi khôn thông,

Gối riêng nước mắt tuôn dòng,

Xiêm thêu áo vẽ lâu cùng mục tan.

Ba xuân tới tiếng nhàn nhắn gởi,

Xuân giục người bối rối như tơ.

Năm dây còn đón sờ sờ;

Buồn đà đứt ruột, gảy chưa rồi đàn.

Chàng thương thiếp còn hơn núi nặng,

Thiếp nhớ chàng tình chẳng kém thua.

Dệt đem bức gấm dâng vua,

Xét lòng dạ thiếp tha cho chồng về.

Ngâm xong, nàng Tô nước mắt đầm đìa. Nhà vua quá cảm động không dám nhìn nàng, vội hạ chiếu cho Đậu Thao về ngay.

Mười bài thơ ấy được truyền tụng với bức gấm thêu, ai cũng nước nở khen cho Tô là một bực kỳ tài. Trước họ gọi bức gấm thơ ấy là "Toàn Loa Đồ" (Bức đồ hình tròn trôn ốc), sau lại cho tên không xứng với giá trị của tác phẩm nên đổi là "Hồi Văn Cách" (Bài văn có tác dụng làm cho người đi biên thú được trở về), nhưng cũng vẫn chưa thấy thỏa đáng. Cuối cùng, họ lại đổi và thêm tên tác giả là "Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn".

Thông cảm mối tình sâu đậm của nàng Tô, cổ nhạc Việt Nam có người đã dựa theo bài "Chức Cẩm Hồi Văn" mà sáng tác một bài hát điệu Nam Ai, cũng nhan đề là "Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn". Lời lẽ lưu loát, ý tình nồng nàn, nhưng không biết tác giả là ai. Bài như thế này:

Khi vâng chiếu chỉ ra đề cờ,

Từ chàng đi, thiếp bặt tin đợi chờ.

Hồng nhạn kêu thu sông Hớn bơ vơ.

Áo não nùng khiến dạ ngẩn ngơ.

Trách bấy ông Tơ gieo chi mối sầu như tóc tơ.

Nghĩ mấy lời từ hồi ban sơ.

Nhớ những khi thiếp nguyện trăm năm tam tùng thờ.

Chàng mần răng ý lẳng lơ.

Chân đi thăm thẳm, mắt ngóng luống nhớ cách núi ải, biết chừ trao thơ

Má phấn duyên phai lạt, hồng nhan trông đợi chờ

Trướng lý để bụi trần nhơ.

Kìa cờ ai, nghe tiếng trống vẫn bóng xa xa

Hay là chiếu triệu chồng ta.

Chốn giang biên, chàng ôi có hay chăng là

Để lụy tương tư này như chút phận Hằng Nga.

Đêm đông quạnh quẽ, tiếng quyên hòa

Gìn lòng son nỡ để cho trăng già

Luông tuồng bao nỡ vắng bặt nhạn tin qua.

Hay là ong bướm đã say đắm mê hoa,

Chim ô thước qua sông Ngân thường,

Nỡ nào để cho loan phụng Sâm Thương.

Chẳng biết no nao cá nước hội một trường,

Kẻo nặng nề hai chữ uyên ương

Ong bướm dẫu say mên hoa hường,

Cũng đoái tưởng chút nghĩa tào khương.

Chim bao nài bay qua cho tỏ tường.

Để trông đợi tháng ngày thương.

Trông tin chàng, đêm nằm mơ màng,

Tỉnh giấc hòe trằn trọc thở than.

Năm canh sầu riêng cho bạn vàng,

Phận làm trai hiếu nghĩa trung cang.

Bệ ngọc trên báu kiếm sắc phán.

Chốn giang biên ra khử trừ đảng gian.

Nước noan xa cách muôn dặm, da người bọc mình chàng.

Tuyết sương lạnh nơi chốn Đồng quan

Chàng trừ mô ra giai đấi khởi ngụy bang,

Cho rồi, đặng trở về Trường An.

Kẻo để tương tư này mày xanh sầu võ vàng.

Soi đài gương luống thẹn hồng nhan.

Châu rơi lã chã lệ tuông đôi hàng,

Hiềm vì ai xui duyên nợ lỡ làng.

Ngàn trùng xa cách như khách ở ngoại bang.

Bao nỡ bỏ cái nghĩa Ngưu lang,

Thuở ra đi lau lá vàng.

Bây chừ đã trắng mai rỡ ràng.

Cung quế xơ rơ bóng nguyệt đã tàn.

Ơn kia chưa trả oán nọ liền mang.

Nghe tiếng dế năm canh mơ màng,

Ngỡ tạc ngựa chàng đã hồi bang.

Bởi duyên cớ nào bạc đen lòng phụ phàng.

Để gió thảm mưa sầu khan.

Chẳng biết no nao yên gót trở về

Trên ngai vàng bạc thẻ bêu kia.

Răng rứa bạn niềm tây nhớ nghĩa, nhớ nghĩa

Mây bay khói tỏa in cờ rìa,

Trống trường thành giục điểm canh khuya.

Bâng khuâng nhớ chàng như nhạn chít lìa.

Thiếp lạy ông Trời: chớ có phân chia.

Từ chàng ra chốn cung đao,

Thiếp trông tin chàng tựa cá trông sao.

Ôm gối phụng chờ trông áo não, áo não...

Sao quên lời núi hẹn sông giao.

Ai đi lấp thảm cho khuây má đào

Tương tư này rằng thấu cung cao.

Ơn trên tha về đặng tỏ nỗi âm hao.

Hiệp một nhà mới phỉ ước ao. (1)

(1) Vì không tìm được bản chính, chỉ nghe người ca truyền mà sưu tập lại, hẳn có ít chỗ chưa được ổn đáng. Vậy xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc; và mong được bổ chính cho. Nhân đây xin cảm tạ lòng tốt của ông Ngô Văn Lương (ở Bạc Liêu), người đã giúp một phần cho tài liệu này.

Vành Ngoài, Vành Trong

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du, đoạn thuật cảnh nàng Kiều sa vào lầu xanh, mụ Tú Bà thong dong dặn dò Kiều cách tiếp đãi khách làng chơi, có những câu:

Nghề chơi cũng lắm công phu

Làng chơi ta phải biết cho đủ điều

và:

... ai cũng như ai,

Người ta ai mất tiền hoài đến đây?

Ở trong còn lắm điều hay,

Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.

Này con thuộc lấy nằm lòng,

Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.

"Vành ngoài" là bề ngoài, cách đối đãi bề ngoài với khách.

"Bảy chữ" là bảy việc ghi bằng bảy chữ để dễ nhớ. Bảy việc này là bảy việc làm ở ngoài để khách say mê:

1. Khấp là khóc lóc để làm cho khách thương.

2. Tiễn là cắt tóc, thề nguyền để làm cho khách tin.

3. Thích là thích tên khách vào cánh tay mình để khách yêu thương.

4. Thiêu là đốt hương thề nguyền với khách.

5. Giá là hẹn hò với khách.

6. Tẩu là giả rủ khách đi trốn.

7. Tử làm ra bộ liều chết để khách thương yêu, tin cẩn.

"Tám nghề" là tám cách ân ái với khách:

1. Tiếp người bé nhỏ thì dùng cách kích cô thôi hoa.

2. Tiếp người to mập thì dùng cách kim liên song tỏa.

3. Tiếp người nóng tính thì dùng cách đại xiển kỳ cổ.

4. Tiếp người chậm chạp thì dùng cách mạn đả khinh khao.

5. Tiếp người mới vỡ lòng thì dùng cách khẩn thuyên tam trật.

6. Tiếp người thạo đời thì dùng cách tả trì hữu trì.

7. Tiếp người si tình thì dùng cách tỏa tâm truy hồn.

8. Tiếp người lạnh lùng thì dùng cách nhiếp thần nhiệm tỏa.

Đây là những bí quyết nhà nghề của những ả lão luyện ở lầu xanh để làm khách làng chơi say mê, khó mà cắt nghĩa rõ rệt được.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Vạn Lý Tìm Chồng

Nhà Tần (306-209 trước D.L.), đời vua Tần Thủy Hoàng (221-209 trước D.L.) có người con gái họ Hứa tên Mạnh Khương. Chồng của nàng họ Phạm tên Thực, người ở miền Quan Trung nước Sở. Vốn con nhà danh giáo, từ nhỏ đã hấp thụ đạo đức, thư hương theo tinh thần gia phiệt.

Mạnh Khương kết hôn được ít lâu thì nhằm lúc vua Tần mưu tính một công cuộc kiến trúc vĩ đại. Nguyên sau khi thôn tính xong sáu nước: Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Thủy Hoàng muốn bảo vệ ngai vàng và phòng ngừa cuộc xâm lăng của bọn Hung Nô ở miền Bắc, mới truyền xây Vạn Lý Trường Thành để làm biên giới từ Lũng Tây ở mạn tây đến Liêu Đông ở mạn đông. Thành cao từ 15 đến 30 thước, chân rộng 25 thước, dài 3600 cây số. Cứ từng quãng lại có cửa ải đồ sộ.

Thủy Hoàng đặt công trình lớn lao ấy dưới quyền chỉ huy của đại tướng Mông Điềm và dưới sự kiểm soát của Thái Tử Phò Tô. Nhà vua truyền huy động đến 30 vạn nông dân để xây trường thành, lại dùng đến 50 vạn người bắt làm binh phòng giữ miền Lĩnh Nam. Ngoài ra hơn 70 vạn người bị cung hình (bị cắt sinh thực khí) chia đi làm cung A Phòng, hoặc xây lăng ở Ly Sơn.

Vua truyền huy động đến hàng triệu thanh niên từ 18 đến 45 tuổi đi sưu dịch. Những người này không biết bao giờ mới trở về hay không chắc có ngày trở về nữa. Vì thế, trong nhân dân, vợ khóc chồng, mẹ khóc con vô cùng thảm não.

Chồng nàng Mạnh Khương phải tuân lịnh nhà vua. Cha chồng đã mất để lại mẹ chồng, Mạnh Khương phải thay thế chồng phụng dưỡng mẹ và dưỡng dục con thơ. Nhà ngày suy sụp, nàng phải giã gạo, quay tơ để mưu sinh. Đối với mẹ chồng, nàng vẫn làm tròn nhiệm vụ của một người dâu thảo.

Phần nỗi già, phần thương nhớ con, bà mẹ phát bịnh nặng rồi qua đời. Mạnh Khương phải lo cư tang báo hiếu.

Đằng đẵng mấy năm trường trông đợi chồng nhưng bặt vô âm tín. Nghe được tin đồn ở miền bắc, vì tuyết sương lạnh lẽo, vì công việc quá khó nhọc nên có nhiều người ốm chết, Mạnh Khương thương chồng nên nhất định đến tận ải quan, mong tìm chồng để an ủi, giúp đỡ, san xẻ gánh nặng. Nàng gởi con cho người thân rồi ra đi.

Nàng theo đường vạn lý. Từ miền hộ Động Đình nước Sở lên phía bắc đến kinh đô Hàm Dương. Nàng lại nghe đồn: bọn người sưu dịch đã lên vùng tây bắc, nên lại đi từ miền sông Hán Thủy đến dãy núi Tần Lĩnh về hướng tây, đoạn theo dòng sông Tất Xuyên mà đi thẳng lên phía bắc. Trải qua bao cảnh nắng mưa, sương gió, tuyết, nhưng nàng vẫn không nản lòng. Đến sông Hắc Thủy và bến Mã Lan, bị bùn lầy quá nhiều làm chậm bước tiến. Nàng lại men theo mé trường thành, thẳng về hướng đông. Hỏi han từng người, nhưng nàng vẫn thất vọng, vì chẳng ai biết được tin chồng của nàng.

Cuối cùng, Mạnh Khương đến một bãi sa mạc ở miền đông. Giữa lúc ấy, bỗng mây đen vần vũ phủ nhuộm u ám cả bầu trời. Gió bắc thổi giật giọng từng cơn vô cùng lạnh lẽo. Ngựa từ đâu lại cất tiếng hí vang những giọng

thảm thê bi đát. Trước mặt nàng lại bày ra một đống xương trắng ngổn ngang, ghê rợn.

Trước cảnh tượng, nàng hỏi: "Có lẽ chồng ta đã thác mất rồi mà thác ở đây chăng?" Và, nàng lại, nghĩ thêm: "Có lẽ phần anh linh của chồng báo điềm lạ cho nàng". Nàng bèn khấn vái vong linh của chồng và cầu Hoàng Thiên phò hộ: nếu chồng nàng thác rồi thì xin cho một biểu hiệu để biết. Đoạn, nàng cắn móng tay, nhỏ máu vào những đống xương.

Từ đống xương này cho đến đống xương khác, mãi đến khi nàng nhỏ một giọt máu vào chiếc đầu lâu nọ, thì chiếc đầu lâu lại thấm máu và đỏ rực lên. Nàng hiểu ngay đấy là dấu hiệu Trời cho biết đây là hài cốt của chồng. Nàng liền ôm chầm lấy ngay bộ xương, khóc lóc thê thảm suốt cả ba ngày đêm.

Câu chuyện này thấu đến tai thái tử Phò Tô, con trưởng của Tần Thủy Hoàng và đại tướng Mông Điềm, lúc bấy giờ đương đóng đại bản doanh tại đất Lư Long, một ải quan trong tỉnh Hà Bắc ngày nay. Rồi cả hai cấp tốc sai người đánh xe đến Trác Lộc, chỗ của nàng Mạnh

Khương đương khóc. Thái tử Phò Tô gọi nàng hỏi chuyện và tìm hiểu căn do nỗi oan ức của nàng. Nàng bây giờ đã kiệt sức, phều phào thưa:

- Vì chồng tôi đã chết nơi biên thùy, tôi cũng xin chết theo để được cùng nhau họp mặt ở suối vàng!

Nói xong, nàng nghẹn ngào, hấp hối, ngã quỵ rồi tắt thở. Đồng thời một dãy tường mới xây sụp đổ theo!

Nghe chuyện bi thảm và xem cảnh hãi hùng, hai người nao nao cảm động. Cả đến tướng sĩ và dân phu đều thương xót mà rưng rưng nước mắt.

Thái tử Phò Tô hạ lịnh hành lễ mai táng. Lễ truy tặng phẩm hàm Tả Tướng quân cho Phạm Thực và truy phong tước hiệu Trinh Phu Nhân cho Mạnh Khương. Phò Tô truyền chôn hai cỗ săng vào một cánh cửa Sơ Hải quan chừng 8 dặm, cách ven Bột Hải chừng một dặm (dặm: 576m).

Thấy việc hiển linh lạ lùng, người ta lập gần nơi nầy một miếu đá gọi là "Khương Nữ Tử". Đời sau, tại Cổ Bắc

khẩu, tỉnh Hà Bắc và ở Lộ An, tỉnh Sơn Tây, người ta cũng có dựng miếu đặt cùng một tên ấy. Vì sùng mộ nhân đức của nàng, những bá tính xa gần thường đến chiêm bái.

Đời nhà Tây Hán (206-25), nhà Đông Hán (25 trước D.L.-220 sau D.L.), nhà Ngụy (220-265), mộ nàng Mạnh Khương được triều đình lập cho nhiều bia đá. Sang đời nhà Minh (1368-1644), miếu của nàng được trùng tu vẻ vang.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Khúc Phượng Cầu Hoàng

Tư Mã Tương Như, tự Tràng Khanh, người ở Thành Đô đời nhà Hán. Người rất đa tài, văn hay, đàn giỏi.

Khi lìa quê lên Tràng An để lập công danh, đến con sông đầu làng, Tương Như viết trên cầu một câu: "Bất thừa cao xa tứ mã, bất phục quá thử kiều" (Không ngồi xe cao bốn ngựa, không qua lại cầu này nữa).

Nhưng vốn con người phóng lãng hào hoa rất mực nên mua được một chức quan nhỏ, làm trong ít lâu, chán, cáo bịnh, qua chơi nước Lương, rồi trở về nước Thục. Đến đâu, Tương Như cũng dùng bút mực và cây đàn để giao thiệp bằng hữu.

Trong khi đến đất Lâm Cùng, Tương Như vốn sẵn quen với Vương Cát là quan lệnh ở huyện, nên đến chơi. Cát lại mời Tương Như cùng đi dự tiệc ở nhà Trạc

Vương Tôn, vốn viên ngoại trong huyện. Nghe tiếng Tương Như đàn hay nên quan huyện cùng Trác Vương Tôn yêu cầu đánh cho một bài.

Họ Trác vốn có một người con gái rất đẹp tên Văn Quân, còn nhỏ tuổi mà sớm góa chồng, lại thích nghe đàn. Tương Như được biết, định ghẹo nàng, nên vừa gảy đàn vừa hát khúc "Phượng cầu hoàng (Chim phượng trống tìm chim phượng mái).

Chim phượng, chim phượng về cố hương,

Ngao du bốn bể tìm chim hoàng

Thời chưa gặp chừ, luống lỡ làng.

Hôm nay bước đến chốn thênh thang.

Có cô gái đẹp ở đài trang,

Nhà gần người xa não tâm tràng.

Ước gì giao kết đôi uyên ương,

Bay liệng cùng nhau thỏa mọi đường.

Nguyên văn:

Phượng hề, phượng hề quy cố hương,

Ngao du tứ hải cầu kỳ hoàng,

Thời vị ngộ hề vô sở tương,

Hà ngộ kim tịch đăng tư đường.

Hữu diệm thục nữ tại khuê phường,

Thất nhĩ nhân hà sầu ngã trường.

Hà duyên giao cảnh vi uyên ương

Tương hiệt cương hề cộng cao tường.

Trác Văn Quân nghe được tiếng đàn, lấy làm say mê, đương đêm bỏ nhà đi theo chàng. Trác ông tức giận, quyết định từ con.

Đôi trai gái đó mở một quán nấu rượu. Vợ chồng cùng cặm cụi làm.

Sau Hán Vũ Đế đọc bài "Tử hư phú" của Tương Như, khen tài mới vời vào triều, ban chức tước. Lại sai chàng cầm cờ tiết, thay nhà vua về Ba Thục chiêu an bọn phụ lão tùng phục nhà Hán. Lần này thỏa chí bình sinh, Tương Như áo gấm vinh quy được người đón rước long trọng. Nhưng làm quan ít lâu, lại chán, cáo bịnh lui về quê.

Trong "Bích Câu kỳ ngộ" có câu:

Cầu hoàng tay lựa nên vần,

Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào.

Và, trong "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du cũng có câu:

Khúc đâu Tư Mã phượng cầu,

Nghe ra như oán, như sầu phải chăng!

đều do điển tích trên.

Củi Đậu Đun Hột Đậu

Dời Tam Quốc (220-264), Tào Thực tự Tử Kiến là con thứ ba của Tào Tháo, vốn có tài làm thơ hay, được tiếng là đệ nhất thi nhân đời Tần-Hán nhưng có tính phóng túng. Tào Tháo thương lắm nhưng không thể truyền ngôi cho một chàng giàu tâm hồn nghệ sĩ ấy được.

Tháo chết, truyền ngôi cho con cả là Tào Phi. Thực bản tính ngông nghênh bất phục, có ý chống lại ông vua anh. Phi giận lắm, truyền người bắt Thực đến định làm tội. Nhưng vì yêu tài Thực nên Phi bảo:

- Ta với mày tuy tình anh em nhưng nghĩa vua tôi, sao dám cậy tài miệt lễ? Ngày tiên quân còn, mày thường đem văn chương khoe giỏi lòe đời. Ta rất nghi, có lẽ mày nhờ người khác làm giúp. Vậy giờ đây ta ra hạn: đi bảy bước phải làm xong một bài thơ. Nếu làm

được thì tha tội chết; bằng không xong, ta quyết chẳng dung.

Thực nói:

- Xin ra đề cho.

Trên điện sẵn có treo bức tranh thủy mặc, vẽ hai con trâu chém nhau bên bức tường đất. Một con rơi xuống giếng chết. Tào Phi trỏ vào bức tranh, bảo:

- Hãy lấy bức họa kia làm đề. Nhưng trong thơ cấm phạm vào những chữ "Ngưu", "Đẩu", "Tường", "Trụy", "Tỉnh", "Tử" (Trâu, chọi, tường, rơi, giếng, chết).

Thực đi khoan thai. Vừa hết bảy bước, liền cất tiếng ngâm:

Hai tấm thân đi đường,

Trên đầu bốn khúc xương.

Gặp nhau tựa sườn núi.

Bỗng đâu nổi chiến trường.

Đôi bên đua sức mạnh,

Một địch lăn xuống hang.

Đâu phải thua kém sức,

Chẳng qua sự lỡ làng.

Nguyên văn:

Lưỡng nhục tề đạo hành,

Đầu thượng đới ao cốt.

Tương ngô do sơn hạ,

Huất khởi tương đường đột.

Nhị địch bất câu cương,

Nhất nhục ngọa thổ quật.

Phi thị lực bất hư,

Thịnh khí bất tiết tất.

Tào Phi cùng tất cả quần thần đều giựt mình, nức nở khen. Phi lại hỏi:

- Bảy bước thành thơ, ta còn cho là nhàm. Mày có thể ứng khẩu đọc ngay một bài được chăng?

Thực đáp:

- Xin ra đề cho.

Phi nói:

- Ta với mày là anh em. Cứ lấy câu đó làm đầu đề. Nhưng cấm dùng hai chữ "Huynh", "Đệ".

Thực chẳng cần nghĩ ngợi một giây, ứng khẩu đọc ngay:

Củi đậu đun hột đậu

Đậu trong nồi khóc kêu:

Cùng sinh trong một gốc,

Bức nhau chi đến điều.

Nguyên văn:

Chữ đậu nhiên đậu cơ,

Đậu tại phẩu trung khấp.

Bản thị đồng căn sinh,

Tương tiễn hà thái cấp.

Phi nghe cảm động, sa nước mắt, liền tha cho, nhưng giáng Tào Thực làm An Hương Hầu.

Ở Việt Nam trong thời Tây Sơn (1771-1802), hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ xuýt đánh nhau để tranh quyền. Nguyễn Nhạc yếu thế, phải khóc nói với em:

- Bì oa chữ nhục, đệ tâm hà nhẫn?

Nghĩa là: nồi da nấu thịt, lòng em sao nỡ? Nên Nguyễn Huệ cảm động rồi cả hai hòa nhau.

Ở tỉnh Bình Định, mỗi khi người ta đi săn được hươu nai gì thì lột da ra làm nồi mà nấu thịt. Do đó ca dao

Bình Định có câu:

Da nai mà nấu thịt nai,

Việc đời như thế không ai động lòng.

Thịt nai mà chín bên trong,

Da nai cũng cháy còn mong nỗi gì!

Cảm động lời nói của Nguyễn Nhạc, người Bình Định đem lời đó diễn bằng câu ca dao:

Lỗi lầm anh vẫn là anh,

Nồi da xáo thịt sao đành hỡi em?

Đời nhà Nguyễn (1802-1945) vua Tự Đức giết anh là Hồng Bảo để củng cố địa vị ngai vàng của mình. Một hôm, trong một buổi chầu, nhà vua vô ý để răng cắn nhằm lưỡi mới khiến quần thần làm bài thơ chơi, nhưng trong thơ cấm dùng tiếng "Răng", "Lưỡi".

Đây là bài thơ của cụ Nguyễn Hàm Ninh:

Ngã sinh chi sơ nhữ vị sinh,

Nhữ sinh chi hậu ngã vi huynh.

Bất tư cộng hưởng trân cam vị;

Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình.

Tạm dịch:

Thuở tớ sinh ra, mày chửa sinh,

Mày sinh sau tớ, tớ là anh.

Ngọt bùi chẳng nghĩ cùng nhau hưởng,

Xương thịt đành tâm nỡ dứt tình.

Nhà vua khen hay, thưởng một chữ một nén vàng; nhưng vì cho bài có ý "móc", nên bắt phạt mỗi chữ đánh một roi.

"Củi đậu đun hột đậu", "Nồi da xáo thịt", "Răng cắn lưỡi" thành ngữ điển tích này đều có một ý nghĩa như nhau.

Bi Ca Tán Sở

Bi Ca Tán Sở" là một bài hát do Trương Lương đặt ra cho hòa theo tiếng tiêu thổi để làm tan rã quân đội Sở Bá Vương Hạng Võ.

Trương Lương tự Tử Phòng, người nước Hán, đời Tần Hán (221 trước - 195 sau Dương lịch), phò Hán Bái Công Lưu Bang. Lúc bấy giờ, Hạng Võ bị tướng soái nhà Hán là Hàn Tín bao vây tại Cửu Lý San ở phía bắc thành Từ Châu. Tuy lâm vào tình thế nguy ngập: thiếu lương, nhưng bên cạnh vua còn 8 ngàn tử đệ theo từ lúc ban đầu, ở vào lúc cùng, họ quyết tử chiến mở con đường máu, thẳng về Giang Đông tu chỉnh binh mã để tiếp tục cuộc chiến đấu.

Như vậy là một mối nguy cho Hán, dù có đại thắng bằng binh lực tất phải trả một giá rất đắt bằng xương máu. Vì thế, Trương Lương hiến kế là tìm cách phân tán

8 ngàn tử đệ để cô lập Hạng Võ. Có thế mới bắt Hạng Võ được.

Trương Lương liền thừa lúc đêm khuya thanh vắng, trời cuối thu lạnh lẽo, Trương đi qua lại từ Kê Minh san đến Cửu Lý san, vừa thổi tiêu vừa hát:

"Tiết trời cuối thu chừ, bốn phía đầy sương.

Trời cao nước cạn chừ, tiếng nhạn bi thương

Cực người biên thú chừ, ngày đêm bàng hoàng,

Thoát gươm mắc tên chừ, sa mạc phơi xương.

Mười năm xa quê chừ, cha mẹ đau buồn.

Vợ con mong nhớ chừ, gối chiếc chăn đơn.

Đồng ruộng bỏ hoang chừ, ai người trông nom.

Xóm có rượu ngon chừ, cùng ai thưởng thức,

Tóc bạc mong con chừ, tựa cửa sớm hôm,

Trẻ khóc gọi cha chừ, nước mắt trào tuôn.

Gió bấc kia thổi chừ, ngựa Hồ nhớ chuồng.

Người xa quê hương chừ, nỡ quên xóm làng,

Một sớm giao phong chừ, thân bỏ sa tràng,

Xương thịt như bùn chừ, trên bãi trong mương.

Hồn phách bơ vơ chừ, không nơi tựa nương,

Tráng khí lừng danh chừ, phó trả hoang đường.

Đêm trường canh vắng chừ, tự hỏi thiên lương,

Mau bỏ Sở tan chừ, tránh chết tha phương,

Ta vâng ý trời chừ, soạn ca thành chương,

Ai biết mạng trời chừ, xin đừng mờ màng,

Hán Vương nhân đức chừ, không giết quân hàng.

Ai muốn về quê chừ, tha cho lên đường,

Chớ giữ trại không chừ, Sở đã tuyệt lương

Khi Võ bị bắt chừ, ngọc đá khôn lường.

Mượn tiếng Sở chừ, khuyên quân Sở hàng,

Phổ thành điệu nhạc chừ theo sáu cung.

Tiếng tiêu Tử Tư chừ nơi Đan Dương

Khúc hát Trâu Diễn chừ tại Yên Đường.

Tiếng tiêu vang chừ, chín từng mây.

Gió thu về chừ, cuối thu này,

Sở kia mất chừ, chạy đâu đây!

Thời không đợi chừ, nhanh tựa bay.

Lời ca chừ, ba trăm chữ dài

Câu câu chữ chữ rõ ràng thay.

Khuyên người nghe cho kỹ càng,

Chậm tính, uổng đời thân chiến binh.

(Dựa theo lời dịch của Hải Âu Tử)

Nguyên văn:

Cửu ngoạt thâm thu hề tứ dã phi sương,

Thiên cao thủy hạt hề hàn nhạn bi thương.

Tối khổ thú biên hề nhựt dạ bàng hoàng,

Phi kiên chấp nhuệ hề cốt lập sa cương.

Ly gia thập niên hề phụ mẫu sinh biệt.

Thê tử hà kham hề độc tú cô phường.

Tuy hữu du điền hề thục dữ chi thủ,

Lân gia tửu thục hề thùy dữ chi thường.

Bạch phát ỷ môn hề vọng xuyên thu thủy,

Trĩ tử ức niệm hề lụy đoạn can trường.

Hồ mã tư phong hề thượng chi luyến thổ,

Nhân sinh khách địa hề ninh vong cố hương

Nhất đán giao binh hề đạo nhẫn chi tử,

Cốt nhục vi nê hề suy thảo hào lương.

Hồn phách du du hề võng tri sở ỷ,

Tráng chí liêu liêu hề phó chi hoang đường.

Đương thử vĩnh dạ hề truy tư thoái!

Cấp tảo tán Sở hề thố tử thù phương.

Ngã ca khởi đản hề thiên khiển cáo nhử,

Nhữ kỳ tri mạng hề vật vị diêu mang.

Hán Vương hữu đức hề hàng quân bất sát,

Ai cáo qui tình hề phòng nhữ cao tường.

Vật chủ không doanh hề lương đạo dĩ tuyệt,

Chỉ nhật cầm Võ hề ngọc thạch câu thương.

Sở chi thanh hề tán Sở tốt.

Ngã năng xuy hề hiệp lục luật,

Ngã phi Tư hề phẩm Đan Dương.

Ngã phi Trâu hề ca Yên Thất

Tiên âm triệt hề thông cửu thiên.

Thu phong khởi hề Sở vong nhật.

Sở kỳ vòng hề nhữ yên quy

Thời bất đãi hề như lôi tật.

Ca hề ca hề tam bách tự.

Tự cú tự cú hữu thâm ý.

Khuyến quân mạc tác đẳng nhàn khan

Nhập nhĩ quan tâm đương thục kỳ.

Trương Lương tập quân Hán học tiếng Sở hát theo.

Canh khuya, đêm vắng, khí trời lạnh lẽo, lá vàng rụng bay lả tả, tiếng tiêu thâm trầm, giọng hát bi thảm đồng vọng vào dinh Sở. Ban đầu, Sở quân chỉ buồn bã than thở, nhưng sau cùng, nghe đến chừng nào thì càng cảm thấy như ruột gan tan nát, rồi nước mắt đầm đìa... đoạn bàn nhau bỏ trốn.

Chỉ trong một đêm, tám ngàn tử đệ cùng quân sĩ các dinh, mười phần bỏ trốn hết bảy tám.

Binh Sở không đánh mà tự nhiên vỡ tan để Sở Vương phải ôm hận đầy lòng, buông lời than ai oán:

Lực bạt san hề khí cái thế,

Thời bất lợi hề chuy bất thệ...

Tạm dịch:

Sức nhổ núi chừ khí hơn đời,

Thời bất lợi chừ ngựa chẳng đi...

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Động Bích Đào

Oxã Trị Nội, huyện Nga Sơn, phía hữu núi Thần Phù có "Bích Đào động" cũng gọi là "Từ Thức động", trong trải rộng rãi mà lại thanh hư, cây cối xinh tốt. Trong động có bàn đá, có những viên đá nhỏ la liệt hình như con cờ. Những thạch nhũ rũ xuống hình như trống chuông, khẽ đánh có tiếng kêu. Lại có những thứ như màn trướng, lọng dù trông rất kỳ xảo, cảnh trí rất xinh đẹp.

Muốn vào trong hang động, phải nối đuốc mà đi. Nhưng cũng chưa ai đi cùng đến đáy.

Tương truyền trong niên hiệu Quang Thái (1388-1398) đời nhà Trần nước ta có ông Từ Thức là quan huyện Tiên Du (tỉnh Bắc Ninh). Bên cạnh huyện có một ngôi chùa có trồng một cây hoa mẫu đơn. Mỗi khi nở hoa thì người người các nơi đổ đến, xe ngựa dập dìu làm

thắng hội thưởng hoa.

Trong khi mọi người nhìn ngắm hoa đẹp thì bỗng có một thiếu nữ tuổi độ mười lăm, mười sáu, dung nhan diễm lệ bước đến đưa tay vuốt lấy hoa. Nhưng chẳng may khi vịn lấy một cành thì cành giòn bị gẫy. Người giữ hoa giữ lại, bắt đền. Nàng không đền mà mãi đến tối cũng không có người thân quen đến nhận. Từ Thức thấy vậy động lòng thương xót, bèn cởi áo bạch cẩm cừu đưa cho nàng chuộc tội để được tha về.

Một thời gian sau, vì không muốn ràng buộc bởi lợi danh, Từ Thức bỏ ấn từ quan về ở huyện Tống Sơn. Rồi ngày ngày, Từ với một bầu rượu, túi thơ, chu du khắp chốn danh lam thắng cảnh. Một hôm nhìn thấy cửa biển Thần Phù có đám mây ngũ sắc kết lại hình như hoa sen, Từ vội chèo thuyền đến thấy một hòn núi rất đẹp, Từ sinh cảm khái, nhân đề một bài thơ:

Thiên chương bích thụ quải triêu đôn,

Hoa thảo nghinh nhân nhập động môn.

Bạng giản dĩ vô tăng thái dược,

Lâm lưu thặng hữu khách tầm nguyên.

Lữ du tư vị cầm tam lộng,

Điếu đỉnh sinh nhai nhất tửu tôn.

Nghĩ hướng Vũ Lăng ngư phủ vấn,

Tiền lai viễn cận thực đào thôn.

Bản nôm:

Đầu cành thấp thoáng bóng kim ô,

Hoa động vui mừng đón khách vô.

Cạnh suối nào là người hái thuốc?

Quanh nguồn chỉ có gã bơi đò.

Xênh xang ghế mát đàn ba khúc,

Đủng đỉnh thuyền câu rượu một vò.

Ướm hỏi Vũ Lăng chàng đánh cá,

Làng Đào đâu đó cách chừng mô.

Từ đề xong nhưng bỡ ngỡ chưa biết đường nào đi, thoạt thấy vách đá tách mở ra một chỗ tròn độ một thước. Từ chui vào chưa được vài bước thì vách đá khép kín lại. Đi được vài dặm, thấy sườn đá đứng cao như vách tường. Lần leo lên, mỗi bước lại thấy càng rộng. Đến chót núi thì có ánh mặt trời chiếu sáng, nhìn quanh bốn phía thấy một dãy lầu đài thiên nhiên cực kỳ xinh tốt như tranh vẽ.

Từ đương lấy làm ngạc nhiên, bỗng thấy có thanh y đồng nữ đến bảo:

- Phu nhân tôi xin mời tướng công vào.

Từ vâng lời. Thẳng vào thì thấy một tiên nga đương ngồi trên giường chạm thất bảo, bên cạnh có đặt một chiếc tháp nhỏ bằng đàn hương. Tiên nga mời Từ ngồi, đoạn ung dung bảo:

- Đây là hang động thứ sáu trong số 36 động ở Phù

Lai. Thiếp đây là Ngụy phu nhân địa tiên Nam Nhạc, nghe nhà ngươi có cao nghĩa hay cứu trợ người khốn đốn, nên mới phiền bước đến đây.

Đoạn, phu nhân gọi A Nương đến.

Từ liếc nhìn, nhận ra là cô gái làm gãy hoa ngày trước. Phu nhân chỉ A Nương mà bảo Từ:

- Đó là con ta, tên Giáng Hương, khi trước nhờ người cứu việc làm gãy hoa, ơn ấy không quên nên ta muốn kết làm giai ngẫu để trả.

Lẽ cố nhiên, Từ rất vui lòng.

Ngay trong đêm ấy, phu nhân truyền thắp đèn mỡ phụng, trải chiếu vũ rồng, làm lễ giao bôi.

Thấm thoát đã được một năm.

Nhưng cảnh tiên không khuây khỏa được lòng trần. Từ bỗng động lòng nhớ cố hương nên ngỏ ý với Giáng Hương. Biết không giữ được, nàng đành thưa với mẹ. Phu nhân biết Từ còn nặng lòng trần tục nên bằng lòng

cho chàng một chiếc cẩm vân xa để đi về. Riêng Giáng Hương thì giao cho chàng một phong thư, dặn về đến nhà hãy mở ra xem.

Đến nhà, cảnh cũ không còn như xưa, vật đổi sao dời, thành quách, nhân dân hoàn toàn khác trước; duy cảnh núi sông là còn như thuở độ nào. Từ đem tên họ mình mà hỏi thăm người già cả, thì có người nói:

- Thuở tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 60 năm.

Từ bấy giờ mới hậm hục bùi ngùi, muốn lên xe mây để về lối cũ, nhưng xe đã hóa ra con tường loan bay mất rồi. Từ mở thư của Giáng Hương xem thì thấy có câu: "Kiết loan lữ ư vân trung, tiền duyên dĩ đoạn; phỏng tiên sơn ư hải thượng, hậu hội vô nhân" (Kết bạn loan ở trong mây, duyên trước đã dứt; tìm núi tiên ở trên biển, hội sau khôn cầu). Ý nói: duyên trước kết đôi loan phụng cùng nhau nay đã đoạn tuyệt rồi; ngày sau muốn tìm lại núi tiên cũng không được.

Về sau, Từ Thức mặc áo khinh cừu, đội nón lá, vào

núi Hoàng Sơn ở huyện Nông Cống (Thanh Hóa) rồi đi mất.

Lê Quí Đôn, đời Hậu Lê, có vịnh bài thơ:

Câu chuyện thần tiên rất khó lường,

Bích Đào động nọ đã hoang lương.

Áo bông gió bụi: thân Từ Thức,

Mày liễu xuân tàn: sắc Giáng Hương.

Trống đá ngày qua nghe tiếng động,

Nhủ diêm sương nhuộm mất mùi thường.

Thiên thai mộng tưởng cho thêm khổ,

Ai biết thiên thai cũng hí trường.

Nguyên văn:

Hải thượng quần tiên sự diếu mang,

Bích Đào động khẩu thái hoang lương.

Kiều khôn nhất cát cùng Từ Thức,

Vân thủy song nga lão Giáng Hương.

Thạch cổ hữu thanh xao hiểu nhật,

Sa diêm vô vị niết thu xương.

Thế nhân khổ tác Thiên thai mộng.

Thùy thức Thiên thai diệc hí trường.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Gấm Nàng Ban

Nàng họ Ban, không biết tên, vốn là một cung phi của vua Thành Đế nhà Hán (32-8 trước D.L.). Nàng làm nữ quan, chức Tiệp Dư nên thường gọi nàng Ban Tiệp Dư.

Nàng đẹp, duyên dáng, được nhà vua sủng ái.

Nhưng sau, nhà vua say mê Triệu Phi Yến. Bị nàng này gièm pha, nàng Ban sợ nguy cho thân nên xin vua cho hầu bà Thái Hậu ở cung Trường Tín. Từ đó, sự sủng hạnh của vua đối với nàng ngày càng phai lần.

Tủi cho thân phận lâm cảnh phũ phàng, nàng buồn bã, lấy một thứ lụa bát tơ trắng gọi là Tề Hoàn (lục nước Tề) do nàng tự dệt lấy và làm thành một cây quạt tròn. Trên quạt, nàng đề một bài thơ để tự ví thân phận mình:

Mới chế lụa Tề trắng.

Trong sạch như sương tuyết.

Đem làm quạt Hợp Hoan,

Tròn hin giống mặt nguyệt

Ra vào trong tay vua,

Lay động sinh gió mát.

Thường sợ tiết thu đến,

Gió mát cướp nồng nhiệt,

Ném cất vào xó rương,

Nửa đường ân ái tuyệt.

Nguyên văn:

Tân chế Tề Hoàn tố,

Hạo khuyết như sương tuyết.

Tài thành Hợp Hoan phiến,

Đoàn đoàn tự minh nguyệt.

Xuất nhập quân hoài tụ,

Động đạo vi phong phát

Thường khủng thu tiết chí

Lương viêm đoạt viêm nhiệt.

Khí nguyên giáp tư trung,

Ân tình trung đạo tuyệt.

Nàng cung nữ họ Ban ấy tự ví mình như cây quạt Hợp Hoan đã từng được nhà vua nâng niu yêu chuộng. Nhưng rồi lại ném cất vào xó rương, vì gió thu mát đã cướp mất gió mát của quạt rồi. Thế là mối tình nửa đường đoạn tuyệt. Nhà vua nỡ say đắm kẻ khác, nghe lời gièm pha để nàng chịu nỗi duyên phận bẽ bàng.

Vương Xương Linh, một thi hào danh tiếng đời Đường (617-907) cảm xúc nỗi duyên phận ghẻ lạnh của

nàng cung phi họ Ban, mà đây cũng là số kiếp chung của khách hồng nhan vô phúc sa vào cung cấm, nên có làm 3 bài, đề là "Trường Tín thu từ" để vịnh nàng:

I

Giếng ngọc cành khô rụng lá vàng,

Buông rèm đêm đã lạnh hơi sương.

Lò hương, gối ngọc vô duyên quá,

Lắng giọt đồng rơi xiết đoạn trường.

(Bản dịch của Lam Giang)

Nguyên văn:

Kim tỉnh ngô đồng lạc diệp hoàng,

Chu liêm bất quyển dạ lai sương.

Huân lung ngọc chẩm vô nhan sắc,

Ngọa thích Nam cung xuân lậu trường.

II

Ban mai quét tước mở đền vàng,

Nâng quạt nhìn thôi luống thở than.

Mặt ngọc không bằng con quạ rét,

Nó còn sưởi nắng điện Chiêu Dương.

Nguyên văn:

Phụng chửu bình minh kim điện khai

Thả tương đoàn phiến tạm bồi hồi.

Ngọc nhan bất cập hàn nha sắc,

Do đái Chiêu Dương nhật ảnh lai.

III

Đã đành phận bạc, ôi đau đớn,

Thấy vua trong mộng, tỉnh nhớ nhung.

Tây cung rộn rực đêm yến tiệc,

Mơ màng nhớ lúc được vua ban.

Nguyên văn:

Chân thành bạc mệnh cửa tầm tư,

Mộng kiến quân vương giác hậu nghi.

Họa chiếu Tây cung tri dạ ấm,

Phân minh phức đạo phụng ân thì.

Ba bài theo điệu nhạc phủ. Tác giả tả tâm trạng u hoài của Ban Tiệp Dư: nỗi buồn đêm thu, mối buồn sáng thu lại mối sầu đêm thu.

Đêm trước u buồn, sáng dậy bâng khuâng, đêm đến sầu não, cả ba bài đều cực tả một nỗi buồn tha thiết. Mà nỗi buồn ấy mãi vương vấn, không bao giờ chịu buông tha người bạc mệnh ở lãnh cung.

Trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, đoạn thuật lời thán oán của nàng cung phi trong cung

cấm, có câu:

Nụ hoa chưa mỉm miệng cười,

Gấm nàng Ban đã nhạt mùi thu dung.

"Gấm nàng Ban" lấy ở điển tích trên.

Đông Sàng Với Thiếp Lan Đình

Dời nhà Tấn (265-419) có quan Thái Úy tên Khước Giám muốn chọn một người rể hiền, mới cho người đến trường của Vương Đạo xem trong đám học sinh, có người nào xứng đáng không.

Lúc người nhà trở về, Khước Giám hỏi thì người ấy đáp:

- Học sinh giỏi thì đông, người nào nghe việc kén rể cũng sửa soạn áo quần bảnh bao, ganh đua nhau, ra dáng nề nếp; chỉ có một người không để ý đến, trật áo, tréo chân nằm ở giường phía đông.

Khước Giám bảo:

- Người ấy mới thật đáng rể ta.

Đoạn chọn làm rể. Người đó là Vương Hy Chi, sau làm quan đến chức Hữu quân, có tài viết chữ đẹp hơn cả thiên hạ.

"Đông sàng" là giường phía đông, chỉ người rể quý, "rể đông sàng".

Trong "Nhị độ mai" có câu:

"Có Tây Tử Đô, thiếu đông sàng nào" là do điển tích trên.

Vương Hy Chi, tự Dật Thiếu. Vì làm quan đến chức Hữu quân nên thường gọi là Vương Hữu Quân. Tương truyền Vương tập viết chữ bên bờ ao, sau nước ao đen ngòm những mực.

Lối chữ "Khải" của Vương được người đời cho là lối chữ đẹp nhất từ xưa đến nay.

Người đời thường khen bút thế của Vương "lướt như mây bay, mạnh như rắn lộn". Trong các bản bút thiếp của Vương để lại có bản "Lan Đình tập tự" viết ngày 3 tháng 3 năm Vĩnh Hòa thứ 9 đời nhà Tấn (337) được hậu

thế quý trọng, cho làm mẫu mực để tập theo. Những bản "Lan Đình tập tự" có lưu hành nhưng có lẽ đó là những bản phỏng theo. Bản chính đã thất lạc từ sau đời nhà Đường (618-907).

Ngày nay, trong các lối chữ Hán có lối chữ "Lan Đình"; đó tức là lối chữ phỏng theo chữ viết của Vương Hy Chi trong "Lan đình tập tự".

Trong "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du, đoạn nói về Kiều bị Hoạn Thư cho ra tu ở Quán Âm các để chép kinh, Hoạn Thư khen chữ viết của Kiều, có câu:

Khen rằng: "Bút pháp đã tinh

So vào với thiếp Lan Đình nào thua!

Ý nói chữ viết tốt ngang với chữ của Vương Hy Chi.

Khúc Trường Tương Tư

Dời Hậu Chu, thời Ngũ Quý (905-955), ở tỉnh Hồ Nam vùng sông Tiêu Tương có nàng Ý Nương, con gái của Lương công. Nàng có sắc đẹp lại hay chữ. Ở trọ nhà có chàng Lý Sinh, một hàn sĩ mỹ mạo tuấn tú.

Nhân một đêm Trung Thu, Ý Nương thưởng trăng bỗng gặp Lý Sinh. Trai tài gái sắc gặp nhau, trao đổi tâm tình. Từ đó cả hai thường tìm cách lui tới.

Lương công biết được, tức giận đuổi Lý Sinh đi. Ý Nương lấy làm đau đớn, từ đó sinh ra bịnh tương tư triền miên, mới làm bài khúc "Trường tương tư" mong gởi nguồn tâm sự cho người yêu biết. Trong bài có những câu rất lâm ly ai oán:

Người ta bảo sông Tương rất sâu,

Nhưng chưa bằng nguồn tương tư

Sông sâu còn có đáy,

Tương tư không bờ bến.

Chàng ở đầu sông Tương,

Thiếp ở cuối sông Tương.

Tương tư không gặp mặt,

Cùng uống nước sông Tương.

Hồn mơ bay chẳng tới

Chỉ thiếu một điều chết.

Ta vào cửa tương tư,

Mới biết tương tư đau khổ!

Nguyên văn:

Nhân đạo Tương Giang thâm,

Vị để tương tư bán.

Giang thâm chung hữu để;

Tương tư vô biên ngạn.

Quân tại Tương Giang đầu,

Thiếp tại Tương Giang vĩ.

Tương tư bất tương kiến,

Đồng ẩm Tương Giang thủy.

Mộng hồn phi bất đáo,

Sở khiếm duy nhất tử.

Nhập ngã tương tư môn,

Tri ngã tương tư khổ!

Lý Sinh tiếp được, đọc xong, cảm xót vô cùng, đầm đìa nước mắt. Chàng chạy nhờ mai mối đến năn nỉ với Lương ông, kể lể mối tình đầu, xin hỏi nàng làm vợ. Ông

trước còn dùng dằng, sau đọc được khúc "Trường tương tư" của con, lấy làm cảm động nên đành vui lòng cho Sinh thành mối lương duyên.

Trong "Đoạn trường tân thanh" có câu:

Sông Tương một giải nông sờ,

Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.

Và trong "Chinh phụ ngâm", bản dịch của bà Đoàn Thị Điểm cũng có câu:

Chốn Hàm Dương, chàng còn ngoảnh lại,

Bến Tiêu Tương, thiếp hãy trông sang...

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Giảo Thố Tam Quật

Giảo thố tam quật" nghĩa là "con thỏ khôn có ba ngách hang". Ý nói: thỏ có ba ngách hang để tránh cho khỏi bị chết; cũng như con người phải có trí mưu tự tồn.

Câu này là do Phùng Huyên bày kế cho Mạnh Thường Quân.

Sách cổ văn có chép:

Phùng Huyên người nước Tề, đời Chiến Quốc (470-221 trước D.L.) làm thực khách ở cửa Mạnh Thường Quân là Tướng quốc nước Tề. Một hôm, Mạnh Thường Quân đưa sổ bộ ra hỏi các thực khách xem có người nào biết về việc kế toán, nhờ qua đất Tiết, là phong ấp của Thường Quân, để thu các mối nợ, thì xin ký tên vào sổ. Phùng Huyên nhận sổ ký tên. Thường Quân lấy làm lạ hỏi tên họ người ký là ai? Kẻ tả hữu đáp:

- Đó là người thường ca câu "trường hiệp quy lai".

"Trường hiệp" là cán gươm dài, "quy lai" là đi về. Nguyên trước khi ấy, họ Phùng có ba lần ca. Lần thứ nhất là:

"Ở đây không có cá, nên mang gươm dài đi về".

Lần thứ hai ca:

"Ở đây không có xe, nên mang gươm dài đi về".

Lần thứ ba ca:

"Ở đây không có nhà cho cha mẹ ở, nên mang gươm dài đi về".

Họ Mạnh cười, ân hận lỗi mình đã bạc đãi họ Phùng, nên cho người mời Phùng đến tạ:

- Văn này chìm đắm trong công việc quốc gia rất mỏi mệt, lòng lo rối loạn mà tính lại ngu đần, không rảnh gặp mặt, xin tạ tội cùng tiên sinh. Tiên sinh đã không lấy làm hổ thẹn, nay lại có ý muốn vì tôi đi thu nợ ở đất Tiết

chăng?

Phùng thưa:

- Huyên nguyện đi.

Khi ra đi, họ Phùng hỏi: thu nợ xong rồi có cần mua vật gì? Mạnh bảo: xem trong nhà còn thiếu vật gì thì cứ mua về.

Phùng Huyên đến đất Tiết, cho người thuộc lại mời tất cả những người thiếu nợ đến đông đủ, rồi truyền rằng Mạnh Tướng quốc ra lịnh xóa bỏ tất cả số nợ. Và, để cho mọi người tin tưởng, Phùng đem đốt hết những văn khế nợ. Dân đất Tiết vui mừng, tung hô vạn tuế.

Khi họ Phùng trở về, Thường Quân lấy làm lạ cho là đòi nợ cách gì mà mau chóng thế, mới hỏi:

- Thu nợ xong phải không?

- Thu xong cả.

- Có mua gì về không?

- Khi đi, Tướng công có bảo: nên mua những vật gì trong nhà còn thiếu. Tôi trộm nghĩ trong bụng Tướng công chất chứa những đồ trân bảo, ngoài chuồng nuôi đầy chó ngựa, nhà sau la liệt những mỹ nhân, vậy vật mà Tướng công còn thiếu, chưa có là điều Nghĩa, nên tôi trộm lịnh mua điều Nghĩa đem về.

Thường Quân ngạc nhiên hỏi:

- Mua điều nghĩa thế nào?

Họ Phùng đáp:

- Tướng công nguyên trước được phong cho thực ấp ở đất Tiết là đất nhỏ mọn, mà không lo vỗ về thương yêu dân, lại còn mưu toan làm lợi. Vì vậy, tôi trộm lịnh xóa cho tất cả các con nợ, nhân đó thiêu hủy cả văn khế, được dân chúng vui mừng tung hô vạn tuế. Ấy là tôi vì Tướng công mua được điều nghĩa vậy.

Thường Quân nghe nói không bằng lòng, nhưng phải bỏ qua.

Một năm sau, vua Tề không dùng Mạnh làm Tướng

quốc nữa, phải về đất Tiết ở. Bấy giờ bá tính đất Tiết, trai gái già trẻ đua nhau đến đón rước giữa đường, hoan hô nhiệt liệt. Khi ấy, Mạnh quay lại Phùng Huyên mà bảo rằng:

- Tiên sinh vì Văn này mua điều nghĩa, ngày nay Văn mới trông thấy.

Phùng thưa:

- "Con thỏ khôn có ba cái ngách hang mới khỏi chết", nay Tướng công mới có một ngách hang, chưa được dựa gối nằm yên, tôi xin vì Tướng công đào thêm hai ngách nữa.

Mạnh nghe nói, liền ban 50 cỗ xe và 50 cân vàng để họ Phùng hoạt động. Họ Phùng liền tây du nước Lương, bảo vua Huệ Vương nước Lương rằng:

- Được người hiền thì nước mạnh, bỏ người hiền thì nước yếu. Nước Tề nay bỏ Mạnh Thường Quân, nếu Lương dùng làm tướng thì Mạnh Thường Quân sẽ đem những việc khả dĩ làm lợi cho Tề được mà làm lợi cho

Lương. Như vậy, Lương sẽ hùng mạnh mà Tề nguy mất.

Lương Huệ Vương bằng lòng khiến sứ giả dem 1000 cân vàng và 100 cỗ xe qua mời Thường Quân. Giữa lúc ấy, Phùng lại sang Tề, vào yết kiến Tề Mân Vương bảo:

- Được người hiền thì nước mạnh, bỏ người hiền thì nước yếu. Nay Tề bỏ Mạnh Thường Quân, nếu nước Lương hay một nước nào khác dùng làm tướng thì Mạnh Thường Quân sẽ đem những việc khả dĩ làm lợi được cho Tề mà làm lợi cho nước khác. Như vậy, nước khác sẽ hùng mạnh. Huống chi Mạnh trước kia ở Tề, những việc bí mật của Tề, Mạnh đều hiểu biết, như vậy dù muốn dù không Mạnh cũng dựa theo đó mà làm nguy Tề.

Mân Vương ngoài miệng tuy khen phải nhưng lòng còn do dự. Bỗng có quân báo nước Lương đương cho xe ngựa đi rước Mạnh Thường Quân về làm Tướng quốc, nên lập tức sai quan Thái Phó đem 1000 cân vàng và văn xa tứ mã (xe có vẽ vời và gác 4 ngựa) cùng một bảo kiếm, một phong thư đến xin lỗi Thường Quân và xin mời về làm tướng như cũ.

Sau khi vua Tề tái dụng Thường Quân, Phùng Huyên lại khuyên Mạnh nên thỉnh cầu cho đủ những đồ tế khí của tiên vương và xin lập nhà tôn miếu ở đất Tiết. Vì Mạnh vốn là dòng dõi của vua Uy Vương nước Tề, xong lập tôn miếu ở đất Tiết để thờ tiên vương làm căn bản vững vàng, sau này nước Tề chẳng những không dám đoạt đất Tiết, mà phải cứu trợ một khi đất Tiết bị nước khác xâm lăng.

Vua Tề không hiểu được mẹo của Phùng Huyên nên bằng lòng cho Mạnh thiết lập tôn miếu ở đất Tiết. Khi ấy họ Phùng bảo Mạnh:

- Ngày nay ba ngách hang đã đào xong, Tướng công có thể dựa gối cao mà nằm được yên vậy.

Mạnh Thường Quân làm Tướng quốc hơn vài mươi năm, không xảy ra chút mảy tai họa gì là nhờ mưu kế "Giảo thố tam quật" của Phùng Huyên.

"Ba ngách hang" của Phùng Huyên là: mua nghĩa, lập kế cho vua Tề tái dụng làm tướng, lập tôn miếu ở đất Tiết.

Thành ngữ "Giảo thố tam quật" chỉ con người cần phải có trí mưu để tạo nhiều điều kiện, nhiều phương tiện mới tự tồn được.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Đổi Mỹ Nhân Lấy Ngựa

Tô Đông Pha là một thi hào danh tiếng đời nhà Tống (950-1275). Ông có một cô hầu tuyệt đẹp tên Xuân Nương. Vì bất đồng ý kiến với Tể tướng Vương An Thạch nên bị nhà vua trích đi Hoàng Châu.

Lúc sắp lên đường, có người bạn làm chức quan Vận sứ họ Tưởng đến nhà Tô chơi để tiễn biệt.

Tô Đông Pha bảo Xuân Nương ra mời khách uống vài chén rượu, cảm khái biệt ly. Thấy Xuân Nương đẹp như tiên nga, họ Tưởng giựt mình hỏi:

- Cô bé này có đi theo bác không?

Tô bảo là Xuân Nương không muốn đi theo vì đường sá xa xôi khó nhọc nên xin trở về nhà nàng. Nhân đó, họ Tưởng nói:

- Vậy thì bác cho phép tôi đem con ngựa bạch tuyệt hay để đổi lấy cô Xuân được không?

Đông Pha ưng chịu.

Họ Tưởng lấy làm khoan khoái vô cùng, liền ứng khẩu làm bài thơ tứ tuyệt:

Tiếc gì con ngựa đẹp như mây,

Ơn bác cho tôi đổi gái này,

Giờ mất nhạt vàng rung bóng nguyệt,

Nhưng thêm má phấn bạn làng say.

Nguyên văn:

Bất tích sương mao võ tuyết đề,

Đẳng nhân phân phó tặng nga mi.

Tuy vô kim nặc tê minh nguyệt,

Khước hữu giai nhân bỗng ngọc bì.

Tô Đông Pha cũng ứng khẩu đáp lại:

Cô Xuân đi vậy cũng xa xăm,

Dầu chẳng kêu ca chớ giận ngầm.

Vì nỗi non sông nhiều hiểm trở,

Đổi người lấy ngựa phải đành tâm.

Nguyên văn:

Xuân Nương thử khứ thái thông thông,

Bất cảm đề thanh tại hận trung.

Chỉ vị sơn hành đa hiểm trở,

Cố tương hồng phấn hoán truy phong.

Xuân Nương nghe hai người đối đáp nhau và có một hành động khinh thường nàng như thế nên bực tức, đĩnh đạc nói:

- Tôi nghe ngày xưa vua Tề Cảnh Công muốn chém

tên giữ chuồng ngựa mà Yến Tử cản ngăn. Chuồng ngựa nhà mình cháy, Khổng Phu Tử chỉ hỏi thăm có ai chết không, chớ không hỏi ngựa chết mất còn. Ấy là người ta quý người khinh vật. Nay học sĩ đem người đổi lấy ngựa, thì ra quý vật mà khinh người.

Đoạn, Xuân Nương cũng ứng khẩu làm một bài thơ:

Chém cha cái kiếp của đàn bà,

Khổ sướng trăm bề há bởi ta.

Giờ mới biết người thua giống vậy,

Sống làm chi nữa trách ai mà.

Nguyên văn:

Vi nhân mạc tác vị nhân thân,

Bá ban khổ lạc do tha nhân.

Kim nhật thủy tri nhân tiện súc,

Thử sinh cẩn hoạt oán thùy sân.

Đọc xong, nàng vội lao mình ra sân đập đầu vào cây mà chết.

Thấy thân xác nàng quằn quại trên vũng máu đào bên cội cây, cả hai vô cùng hối hận, nhìn nhau ngậm ngùi, nhỏ lệ.

Nhưng đã muộn rồi

Trường Môn Phú

Tư Mã Tương Như tự Tràng Khanh, người đất Thục đời Tiền Hán (206 trước D.L.-8 sau D.L.), rất đa tài, văn hay, đàn giỏi.

Ông nổi tiếng nhất về phú.

Nguyên Trần hoàng hậu bị vua Hán Vũ đế ghét bỏ đày ra Trường Môn. Sống lẻ loi trong thâm cung, nàng lấy làm đau đớn cho thân phận. Không biết làm thế nào tỏ hết nỗi lòng để mong nhà vua hồi tâm xe lại mối tơ duyên. Nghe Tư Mã Tương Như có văn tài, nàng nhờ người đem 100 lượng vàng đến, yêu cầu Tương Như viết một bài phú để dâng vua.

Tương Như bằng lòng.

Bài phú nhan đề là "Trường Môn phú", rất hay, lời lẽ

vô cùng ai oán. Bài ấy có đoạn:

Sầu nhìn chung quanh mà rỏ lệ chừ, nước mắt ròng ròng chảy dọc ngang.

Ráng thở dài mà thêm thẹn chừ, xỏ giày đứng dậy mà bàng hoàng.

Vung tay áo để che mặt chừ, nhớ ngày xưa lầm lỗi mà sinh tai ương.

Mặt mày coi tiều tụy chừ, buồn lòng mà lên giường.

Vò bông để làm gối chừ, trải cỏ thơm mà ướp hương.

Hốt ngủ quên mà nằm mộng chừ, phách như ở bên quân vương.

Chợt tỉnh mà chẳng thấy chừ, hồn hốt hoảng như mất vật gì.

Nghe gà gáy mà lòng rầu chừ, dậy coi trăng sáng long lanh.

Xem sao bầy hàng chừ, Tất, Mão hiện ở phương

đông.

Nhìn ra sân lạnh lẽo chừ, như tháng chín trời gieo sương.

Đêm dằng dặc như năm chừ, lòng uất ức mà chẳng nguôi.

Lặng lẽ trăn trở đợi sáng chừ, trời hừng hừng đã rạng đông.

Thiếp trộm buồn tủi chừ, cho đến già chẳng dám quên.

Nguyên văn:

Tả hữu bi nhi thùy lệ hề, thế lưu ly nhi tung hoành.

Thư tức ấp nhi tăng hi hề, đồ lý khởi nhi bàng hoàng.

Du trường duệ dĩ tự ế hề, sổ tích nhật chi thiên ương.

Vô diện mục chi khả hiển hề, toại đồi tứ nhi tựu sàng,

Đoàn phân nhược dĩ vi chẩm hề, tịch thuyên lan nhi

chi hương.

Hốt tẩm mị nhi mộng tưởng hề, phách nhược quân chi tại bàng.

Dịch ngộ giác nhi vô kiến hề, hồn cuống cuồng nhược hữu vong.

Chúng kê minh nhi sầu dư hề, khỏi thị nguyệt chi tinh quang.

Quan chúng tinh chi hàng liệt hề, tất mão xuất ư đông phương.

Vọng trung đình chi ái ái hề, nhược quí thu chi giáng sương,

Dạ mạn mạn nhước tuế hề, hoài uất uất kỳ bất khả tài canh.

Đạm yển kiển nhi đãi thự hề, khương đình đình nhi phục minh.

Thiếp nhân thiết tự bi hề, cứu niên tuế nhi bất khả

cảm vương.

.....

Xem qua bài phú, nhà vua cảm động, nghĩ ngợi, xót thương nên đem nàng về phục ngôi hoàng hậu.

Giá trị thay bài phú!

Nhưng bài phú chỉ giá 100 lượng vàng. Một trăm lượng vàng mua lại được lòng yêu dấu của đấng quân vương.

Trong "Nhị độ mai" của Vô Danh có câu: "Phú Tương Như dễ mấy vàng chuốc nên", là do điển tích trên.

Trúc Mai

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả lúc nàng Kiều bán mình chuộc cha, đành lỗi ước với Kim Trọng, nàng than thở có câu:

Tái sinh chưa dứt hương thề,

Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Và, đoạn diễn tả cảnh của Kiều lúc sống đầm ấm với Thúc Sinh:

Một nhà xum họp trúc mai,

Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.

"Trúc mai" là cây trúc và cây bương.

Trúc thuộc một loại tre nhỏ. Bương là một giống tre

to ở rừng. Lá to có thể dùng gói bánh. Thân to dùng làm cột nhà. Cây bương già có hoa, gần giống bông lau nhưng dài hơn, người ta gọi là bông mai, thường bó làm chổi, gọi là chổi bông mai. Mai này không phải cây mơ, nở hoa trắng về mùa xuân.

Măng bương to và mập, người ta gọi là măng mai. Trong ca dao "Lính thú ngày xưa" có câu:

Miệng ăn măng trúc măng mai,

Những giang cùng nứa lấy ai bạn cùng.

"Trúc mai" ở đây chỉ người bạn tình chung thủy. Vì trúc và mai là giống cây có đốt thẳng lóng ngay (tiết thẳng); và suốt đời không thay đổi đốt, lóng ấy. Người ta mượn "trúc mai" để chỉ người bạn suốt đời \giữ được trọn tiết (tiết nghĩa đen là đốt, như đốt trúc), không thay lòng đổi dạ, không nghĩ quanh co (tre bao giờ cũng thẳng) tức là người giữ trọn được lời thề.

Hai người thề bồi với nhau, người này không giữ được lời thề, tức là mang nợ (lời thền) với người kia. Và,

theo thuyết luân hồi của đạo Phật: người mắc nợ kiếp này thì kiếp sau phải làm trâu ngựa để trả cái nợ cho người chủ nợ, như thế là tức là người giữ trọn lời thề.

Hình dung bằng cây trúc, cây mai là những người trọn đời giữ vững lòng ngay tiết thẳng.

Nhưng "Trúc mai" còn có một nghĩa khác hơn.

Đây không phải là cây tre và cây mơ (bamboo et abricotier), cũng không phải là cây tre và cây bương. Mà chính do tiếng "Mai trúc" đảo ngược. Nghĩa là Tre làm mai mối.

"Mai trúc" do điển tích chép trong sách "Lưỡng ban thu vũ am tùy bút":

Ở cửa sông Liêu Khê, huyện Long Môn, tỉnh Quảng Đông có một cái đầm (hồ), tên là "Đỗ Phụ đàm" (nghĩa là đầm đánh đố được vợ).

Tương truyền ngày xưa có một cậu và một cô bé trạc tuổi nhau, thường ngồi chơi bên mé đầm. Hai trẻ rất thân. Một hôm cả hai bảo nhau:

- Chúng ta bây giờ chơi thân nhau nhưng không biết có được thân với nhau mãi chăng? Đây rồi khi lớn lên, kẻ nơi người ngả.

Hai trẻ đều buồn. Nhưng rồi lại nghĩ ra một cách đánh đố nhau, chẻ một lóng tre ra làm đôi, mỗi người cầm một mảnh liệng xuống giòng nước, nguyền với nhau rằng: hễ hai thanh tre ấy mà trôi khép lại làm một thì hai bên kết làm vợ chồng. Có thế mối tình thân mật, gần gũi nhau được mãi mãi.

Cả hai thực hành, quả nhiên hai mảnh tre trôi xuôi và khép liền nhau như lóng tre chưa chẻ.

Thế là cô cậu lấy nhau làm vợ chồng. Và, đầm ấy có tên là "Đỗ Phụ đàm". Giống tre mọc ở trên bờ đầm gọi là "Mai trúc" nghĩa là giống tre làm mai mối.

Đời Thanh (1644-1909), thi hào Khuất Ông Sơn có thơ vịnh trúc mai:

Một đôi thanh trúc khép như in

Thanh trúc xe nên duyên bách niên.

Mai trúc trên đầm nay vẫn tốt,

Rườm rà cành nhánh cháu con hiền.

(Bản dịch của Vân Hạc Lê Văn Hòe.)

Nguyên văn:

Lưỡng biên sinh trúc hợp vô ngần,

Sinh trúc năng thành phu phụ ân.

Đàm thượng chí kim mai trúc mỹ,

Chi chi từ hiếu cánh đa tôn.

"Một nhà xum họp trúc mai" là mai trúc ở chung nhau tức là vợ chồng xum họp, căn cứ vào điển cố trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Lão Tiều Phu Hay Con Hạc Đen

Núi Na ở thôn Quần Ngọc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trên đỉnh núi có chùa xưa, tục danh là Tiên am. Phía tả có động thâm u. Đời nhà Trần, Hồ (1225-1407) có một tiều phu ẩn cư ở đấy. Người ta gọi là Hoàng My tiên sinh.

Một hôm Hồ Hán Thương đi săn đến đấy, bỗng gặp một lão tiều phu vừa đi vừa hát:

Na chi sơn hữu thạch toàn ngoan

Thụ thương thương

Yên tịch mịch

Thủy sàn sàn

Triêu hề ngô xuất

Mộ hề ngô hoàn

Hữu y hề chế kỹ,

Hữu bội hề nhận lan

Thát bài thanh hề bình hiểu chướng,

Điền hộ lục hề chẩm tình than.

Nhậm tha triều thị

Nhậm tha sa mã

Tri trần bất đáo thử giang san,

U thảo Tống triều cung kiếm

Cổ khâu Tấn đại y quan.

Vương Tạ phong lưu

Triệu Tào sự nghiệp,

Toán vãng cổ lai kim khanh tướng

Trạch triện đài man

Tranh như ngã trạo đầu nhất giác

Hồng nhật tam can.

Tạm dịch: (Bản dịch của Trúc Khê)

Núi Na đá mọc chênh vênh,

Cây tùm um, nước long lanh khói mờ.

Đi về hôm sớm thẩn thơ,

Mình dư áo lá, cổ thừa chuỗi hoa.

Non xanh bao bọc quanh nhà,

Ruộng đem sắc biếc xa xa diễu ngoài.

Ngựa xe võng lọng thây ai,

Nước non riêng chiếm, bụi đời khôn vương.

Áo đai đời Tấn gò hoang,

Kiếm cung triều Tống dưới làn cỏ xanh

Sự đời bao xiết mong manh,

Phong lưu Vương, Tạ, công danh Triệu, Tào

Từ xưa khanh tướng ngôi cao,

Đá mờ rêu phủ đã bao nhiêu rồi.

Sao bằng ta được thảnh thơi,

Giấc mai bừng tỉnh, mặt trời lưng không.

Hán Thương nghe hát cho đó là một vị ẩn giả, bèn truyền thị thần đi theo vào động. Thấy trên vách đá có đề hai khúc ca "Ái miên" (Thích ngủ) và khúc "Ái kỳ" (Thích đánh cờ), thị thần xin mời tiều phu về triều.

Tiều phu không bằng lòng nói:

- Nghiêm Tử Lăng không lấy chức Gián nghị ở Đông Đô mà đổi cái thú yên ba sông Đồng Lại. Khương Bá Duy không vì họa đồ của Thiên tử mà làm nhơ cái cảnh sơn thủy Bành Thành.

Sứ thần về tâu lại, nhưng Hán Thương bảo đi mời một lần nữa, mang theo một cỗ an xa, quyết mời cho kỳ được. Nhưng đến nơi chỉ thấy cửa động rêu mọc phủ cả, gai góc lấp mất đường đi, trên vách đá có hai câu thơ đề bằng nhựa cây:

Kỳ La hải khẩu ngâm hồn đoạn,

Cao Vọng đầu khách tứ sầu

Nghĩa:

Cửa biển Kỳ La hồn sẽ dứt,

Đầu non Cao Vọng khách đeo sầu.

Sứ thần về kể lại; Hán Thương nổi giận, khiến người đến đốt núi ấy. Chỉ thấy một con hạc đen từ trong núi bay bổng lên, liệng múa giữa không trung, mà không thấy giấu tích tiều phu đâu cả.

Về sau, hai cha con họ Hồ là Quý Ly và Hán Thương đều bị xảy ra tai họa đúng như hai câu thơ báo trước của

lão tiều phu.

Hà Đông Sư Tử

Trần Tạo tự Quý Thường, người đời nhà Tống, quê ở Vĩnh Gia. Vợ của Trần họ Liễu vốn có tính ghen dữ ghê gớm. Quý Thường rất sợ vợ nhưng rất có lòng tôn sùng đạo Phật. Hằng ngày ngồi đọc kinh, vợ lấy làm bực, la hét om sòm, nhưng Trần vẫn điềm nhiên, không dám cự một tiếng.

Tính của Trần cũng hào hoa, bằng hữu nhiều, nên ở nhà thường có yến tiệc. Để tăng phần hứng thú, long trọng của buổi tiệc, Trần chiều khách, mời kỹ nữ xướng ca. Liễu Thị trong phòng mượn điều này, điều nọ, quát tháo om sòm. Trần có lúc hốt hoảng, cầm gậy nơi tay bỏ rơi mất gậy. Bạn thân của Trần là Tô Đông Pha, nhân đó làm một bài thơ đùa cợt:

Thùy tự Long Khâu cư sĩ hiền,

Đàm không thuyết pháp dạ bất miên.

Hốt văn Hà Đông sư tử hống,

Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên.

Tạm dịch:

Ai hiền bằng thầy đồ Long Khâu,

Đọc kinh thuyết pháp suốt đêm thâu,

Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống,

Kinh hoàng bỏ gậy rớt nơi đâu.

"Hà Đông sư tử" chỉ người đàn bà ghen dữ tợn.

Tô Đông Pha dùng hai tiếng "Hà Đông" là mượn câu thơ của Đỗ Phủ: "Hà Đông nữ nhi thân tính Liễu" (cô gái Hà Đông người họ Liễu) vì vợ của Quý Thường cũng họ Liễu. Và tiếng "Sư tử" do lời trong kinh Phật: sư tử là chúa loài thú, mỗi khi rống lên thì các thú vật đều khiếp đảm để vừa chỉ tính ghen dữ của Liễu Thị, vừa chỉ Quý Thường là một tín đồ đạo Phật.

Tú Xương trong bài thơ vịnh cảnh lấy lẽ, có câu:

Hậu hạ đã cam phiền cát lũy,

Nhặt khoan còn ỏi tiếng Hà Đông.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Lá Thắm Đưa Duyên

Triều vua nào cũng vậy, nhiều giai nhân tuyệt sắc trong nước được tuyển vào cung để làm cung nữ. Họ là những giai nhân bạc mạng, đi chẳng có về, suốt đời chịu cảnh lạnh lùng, buồn tủi, sầu đau trong chốn thâm cung.

Nhà vua có cả tam cung, lục viện, hàng ngàn cung nữ phi tần toàn bực diễm kiều, tài sắc cả. Mỗi đêm ngủ ở cung nào, nhà vua phải nhờ xe dê đưa đến. Xe dừng trước cung nào thì nhà vua vào cung ấy. Có những nàng hằng năm không được đoái hoài, đành chịu cảnh cô phòng giá lạnh.

Đời Đường (618-907), đời vua Hy Tông có nàng cung nữ tuyệt sắc tên Hàn Thúy Tần sống cảnh lẻ loi buồn bực trong thâm cung, nên thường nhặt những chiếc lá đỏ (hồng diệp) rồi đề thơ lên trên lá, thả xuống ngòi nước:

Nước chảy sao mà vội?

Cung sâu suốt buổi nhàn.

Ân cần nhờ lá thắm

Trôi tuốt đến nhân gian.

Nguyên văn:

Lưu thủy hà thái cấp

Cung trung tận nhật nhàn.

Ân cần tạ hồng diệp.

Hảo khứ đáo nhân gian.

Chiếc lá chở bài thơ theo dòng nước chảy xuôi ra ngoài vòng cấm lũy. Lúc bấy giờ có người môn khách của quan Tể Tướng Hàn Vinh tên Vưu Hựu vốn kẻ phong lưu tài tử, thơ hay, chữ tốt, chỉ hiềm một nỗi vận chưa đạt nên đành chịu sống nhờ nơi quan Tể Tướng họ Hàn. Đương thơ thẩn ngắm dòng nước chảy, Hàn bỗng nhìn thấy chiếc lá có bài thơ, lấy làm lạ mới vớt lên xem.

Cảm tình chan chứa với người gởi thơ lạ mặt, chàng cũng bẻ một chiếc lá, viết một bài thơ vào đấy, đợi dòng nước xuôi mới thả lá xuống cho trôi trở vào cung.

Nghe oanh thấy liễu chạnh lòng thương,

Thương kẻ trong cung lúc đoạn trường.

Chiếc lá đề thơ trôi mặt nước,

Gởi cho ai đó nói không tường.

(Bản dịch của Phan Như Xuyên)

Người cung nữ họ Hàn thường ngồi nhìn dòng nước chảy, bỗng bắt được chiếc lá trở vào của người không quen biết, mới đem cất vào rương son phấn.

Ba năm sau, nhà vua sa thải một số cung nữ, trong đó có Thúy Tần. Nàng đến ở tạm dinh quan Tể Tướng họ Hàn để chờ thuyền trở về quê cũ, bỗng gặp Vưu Hựu. Hai người trò chuyện, ý hợp tâm đầu. Tể Tướng họ Hàn thấy cả hai đều xứng đôi vừa lứa nên làm mối thành duyên giai ngẫu.

Đêm tân hôn, Hựu chợt mở rương của vợ thấy chiếc lá của mình ngày xưa. Lấy làm lạ lùng, chàng cũng đem chiếc lá của mình vớt được cho vợ xem. Thì ra cả hai lại giữ hai chiếc lá của nhau. Cho là thật duyên trời định.

Cổ thi có bài: (°)

Một đôi thi cú theo dòng nước

Mười mấy năm qua nhớ dẫy đầy.

Mừng bấy ngày nay loan sánh phụng

Cũng nhờ lá thắm khéo làm mai.

Nguyên văn:

Nhất liên giai cú tùy lưu thủy,

Thập tải ưu tư mãn tố hoài.

Kim nhật khước thành loan phượng lữ,

Phương tri hồng diệp thị lương môi.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, có câu:

Thâm nghiêm kín cổng cao tường,

Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.

hay:

Dù khi lá thắm chỉ hồng,

và:

Nàng rằng hồng diệp xích thằng,

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

"Lá thắm", "Hồng diệp" đều do điển tích trên.

Lam Kiều

Lam Kiều là một cái cầu bắc trên sông Lam, thuộc tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, tương truyền là nơi tiên ở.

Đời nhà Đường, triều Mục Tông (821-825), có một chàng nho sĩ tên Bùi Hàng, lều chõng đi thi bao lần đều hỏng. Một hôm, Bùi thuê đò đi Tương Hán định sang ghé Ngọc Kinh để xem phong cảnh. Cùng đáp một chuyến đò có một mỹ nhân tên Vân Kiều, sắc nước hương trời, con người đoan trang, thùy mị. Bùi sinh cảm mến, mong được giao duyên, mới mượn thơ thay lời, nhờ con nữ tỳ của giai nhân đưa hộ:

Kẻ Hồ, người Việt còn thương nhớ,

Huống cách người tiên chỉ bức mành.

Ví được Ngọc Kinh cùng nối gót,

Xin theo loan hạc đến mây xanh.

(Bản dịch của Phan Như Xuyên)

Nguyên văn:

Đồng vi Hồ Việt do hoài tưởng,

Huống ngộ thiên tiên cách cẩm bình.

Thắng nhược Ngọc Kinh triều hội khứ,

Nguyện tùy loan hạc nhập thành vân.

Vân Kiều xem thơ, vui vẻ mỉm cười.

Nhưng thơ đi mà tin chẳng lại, Bùi rất lo lắng, băn khoăn. Nhưng khi đò sắp ghé bến, Bùi bỗng tiếp được thơ do con nữ tỳ của giai nhân đưa đến:

Uống rượu Quỳnh Tương trăm cảnh sinh,

Huyền Sương giã thuốc thấy Vân Anh.

Lam Kiều vốn thật nơi tiên ở,

Hà tất nhọc nhằn đến Ngọc Kinh.

Nguyên văn:

Nhất ẩm Quỳnh Tương bách cảnh sinh,

Huyền Sương đảo tận kiến Vân Anh.

Lam Kiều tự hữu thần tiên quật,

Hà tất khí khu thượng Ngọc Kinh.

Bùi không hiểu ý nghĩa ra sao, định hỏi; nhưng thuyền vừa ghé bến thì Vân Kiều đã thoáng mất. Nghiền ngẫm hai câu thơ cuối, Bùi không đến Ngọc Kinh, mà hỏi dò người, tìm đến Lam Kiều.

Trời trưa nắng gắt, Bùi mệt mỏi, mồ hôi nhuễ nhoại. Ghé vào hàng nước, nghỉ chân, hỏi nước uống. Bà lão chủ quán bảo người con gái đem nước ra. Nàng rất đẹp, trông dáng vẻ tựa Vân Kiều. Bùi hỏi, thì ra nàng là em của Vân Kiều, tên Vân Anh.

Bùi Hàng mừng rỡ, cho là gặp duyên trời định, mới

thuật lại cả hai bài thơ. Bà lão cười, bảo:

- Hẳn là con Vân Kiều muốn xe duyên em nó cho cậu đó.

Bùi nghe nói lấy làm hớn hở. Nhưng bà lão cho biết là hiện bà có cái cối, song thiếu chiếc chày ngọc để giã thuốc Huyền Sương, nếu Bùi tìm được chày thì bà sẽ gả Vân Anh cho.

Bùi Hàng bằng lòng. Nhưng đi tìm mãi khắp nơi mà không biết ở đâu có chày ngọc. Lòng buồn tha thiết. Tưởng hoàn toàn thất vọng, chàng đi lang thang. May mắn, một hôm, chàng gặp được tiên cho chiếc chày ngọc. Thế là duyên thành.

Sau cả hai vợ chồng Bùi Hàng đều tu thành tiên cả.

Những tác phẩm cổ văn của ta có nhiều đoạn dùng điển tích này:

Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,

Xăm xăm đè nẻo Lam Kiều lần sang.

(Đoạn trường tân thanh)

Chầy sương chưa nên cầu Lam,

Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chăng?

(Đoạn trường tân thanh)

Chốn Lam Kiều cách nước mây,

Bùi Hàng chưa dễ biết đây chốn nào?

"Lam Kiều" chỉ chỗ tiên ở hay người đẹp ở, hoặc chỉ gặp duyên tốt đẹp... như gặp duyên với tiên.

Đào Yêu

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn thuật cảnh Thúy Kiều sang thư phòng người yêu là Kim Trọng, khi chàng này sắp sửa không còn giữ vẻ đứng đắn, Kiều mới khuyên ý trung nhân, có câu:

Rẽ cho thưa hết một lời đã nao!

Vẻ chi một đóa yêu đào!

Vườn hồng khi dám ngăn rào chim xanh.

Đã cho vào bực bố kinh,

Đạo tùng phu lấy chữ trinh làm đầu."

Thưa rằng: "Đừng lấy làm chơi,

"Yêu đào" nguyên lấy chữ "Đào yêu" trong kinh Thi.

Thơ "Đào yêu" gồm ba chương:

I

Đào chi yêu yêu,

Thước thước kỳ hoa.

Chi tử vu qui,

Nghi kỳ thất gia.

II

Đào chi yêu yêu,

Hữu phần kỳ thật.

Chi tử vu qui.

Nghi kỳ gia thất.

III

Đào chi yêu yêu,

Kỳ điệp trăn trăn.

Chi tử vu qui.

Nghi kỳ gia nhân.

Tạm dịch:

I

Mơn mởn đào non,

Rực rỡ nở hoa.

Cô ấy lấy chồng,

Êm ấm cửa nhà.

II

Mơn mởn đào non,

Lúc lỉu quả sai.

Cô ấy lấy chồng,

Êm ấm nhà ai.

III

Mơn mởn đào non,

Lá xanh rườm rà.

Cô ấy lấy chồng,

Thuận với người nhà.

(Bản dịch của Lê Văn Hòe)

"Yêu đào" tức là cây đào non mơn mởn. Người ta ví một người con gái dậy thì đến tuổi lấy chồng với "Yêu đào".

Trong "Đoạn trường tân thanh", đoạn Kim Trọng và Thúy Kiều tái hợp, Thúy Vân khuyên chị kết duyên lại cùng Kim Trọng, cũng có câu: "Đào non, sớm liệu, xe tơ kịp thì"

Động Đào Nguyên

Dào Nguyên còn gọi là động Bích.

Đây là chỗ tiên ở.

Tương truyền đời nhà Tấn (265-419), có người chài cá ở huyện Vũ Lăng, một hôm chèo thuyền đi ngược ven theo bờ suối. Càng đi xa chừng nào thì thấy có nhiều hoa đào trôi theo dòng nước đổ xuống. Đến một quãng, bỗng thấy trước mặt hiện ra một rừng đào. Hoa đào đỏ rực rỡ làm cho ngư phủ càng thấy say sưa thích thú. Định co người ở gần đấy nên bỏ thuyền, lên bờ. Vượt qua rừng đào, đến một ngọn núi. Dưới chân núi có một cửa hang nhỏ hẹp, vừa chui được một người. Bên trong thấp thoáng có ánh sáng.

Gợi tính tò mò, chàng lách mình vào cửa hang. Lúc đầu, cửa hang còn hẹp, sau rộng dần, rồi cả một thế giới

hiện ra: ruộng vườn tươi tốt, nhà cửa thôn ấp liên tiếp nhau; tiếng gà, tiếng chó nghe rõ mồn một; thanh niên thiếu nữ đều say sưa công việc đồng áng. Trên mặt mọi người hiện nét vui tươi chất phác hồn nhiên. Người già, con trẻ đều có vẻ ung dung thanh thản.

Những người ở đây thấy chàng ngư phủ thì lấy làm kinh ngạc hỏi: làm sao đến được chốn này? Ngư phủ trình bày sự thực. Các bực phụ lão đem vợ con ra chào mừng khách lạ, dọn cơm rượu đãi khách. Ngư phủ ăn uống lấy làm ngon lạ, vì tuy cơm rượu mà tính chất khác thường.

Những bực phụ lão lại nói:

- Tổ tiên chúng tôi tránh loạn đời Tần, đem cả gia đình vào ở đây, từ đó cách biệt với bên ngoài. Hiện nay, chúng tôi không còn biết nhà Hán, huống hồ là nhà Ngụy, và nhà Tấn.

Cuối cùng, họ lại dặn ngư phủ: sau khi ra khỏi chốn này, xin đừng cho ai biết có họ ở đây.

Người đánh cá ở chơi một hôm rồi xin cáo biệt.

Từ đời nhà Tần (221 trước D.L.) đến nhà Tấn (419 sau Dương lịch) mà họ đến đây tránh nạn kể ra có trên sáu trăm năm. Người đánh cá cho mình may mắn đã được gặp tiên. Nên khi trở về, nhiều người đến thăm hỏi, trước còn tìm cách giấu nhưng cuối cùng chuyện thấu đến quan Thái Thú sở tại, ngư phủ đành phải thuật cả việc lại.

Có tính hiếu kỳ, viên Thái Thú sai người đi theo chàng ngư phủ tìm lại động Đào Nguyên, nhưng hai người bị lạc đường đành phải trở về.

Trong truyện "Hoa tiên" của Nguyễn Huy Tự có câu: "Nào hay là khách Đào Nguyên đã về".

Trong "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du đoạn thuật lại lời Thúy Kiều nói với Kim Trọng trong khi nhà vắng, nàng lén sang chỗ ở của chàng, có câu: "Xắn tay mở khóa động Đào".

"Động Đào" là động Đào Nguyên, Kiều dùng lối thậm

xưng, đề cao chỗ ở của tình nhân như một cõi tiên; và nàng cũng vinh hạnh được vào... cõi tiên ấy.

Trong "Tần cung nữ oán Bái Công văn" của Nguyễn Hữu Chỉnh (?) có câu: "Nếu tuổi xanh chẳng nhuốm bụi hồng, chiếc ngư phủ đã đưa vào động Bích".

"Động Đào", "Đào Nguyên", "động Bích" đều do điển tích trên.

Mười Bài Thơ Đoạn Trường

Thúy Kiều, con của viên ngoại họ Vương, người ở Bắc Kinh. Nàng yêu kiều diễm lệ, có một thái độ phong lưu, tính thích hào hoa, thích âm luật, sở trường về hồ cầm. Vốn đa cảm, giàu tình, nàng sáng tác bài "Bạc mệnh oán" để hát theo khúc hồ cầm, khi gảy lên nghe rất não nùng, ai cũng sa nước mắt.

Một hôm, nhân tiết Thanh Minh, Thúy Kiều cùng hai em đi tảo mộ và nhân tiện xem hội Đạp Thanh. Lúc trở vê, Kiều nhìn bên dòng nước có một nấm mồ hoang cô lạnh, hỏi ra mới biết đó là mồ của nàng ca nhi tên Lưu Đạm Tiên. Trước sống mua vui cho khách làng chơi, chết làm ma không chồng trong nấm mồ vô chủ.

Kiều cảm động, rơi nước mắt, khóc cho kiếp hồng nhan.

Về nhà, đêm khuya vắng vẻ, nàng cảm thấy một nỗi buồn man mác xâm chiếm cõi lòng. Nghĩ phận người lại nghĩ phận mình, hay kiếp hồng nhan rồi phải chung mạng bạc!

Nàng tựa ghế thiu thiu, rồi ngủ say lúc nào không biết. Giữa lúc ấy, thấy một thiếu nữ tiến đến chào và hỏi rằng:

- Này chị Thúy Kiều, đương lúc ngày xuân phơi phới sao không hỏi liễu tìm hoa, mà lại chịu ngủ ở nhà như vậy?

Kiều nghe nói, vội vàng đứng dậy, sửa áo đón mời, nhìn thấy thiếu nữ má đào, môi hạnh, dáng điệu như tiên. Sau khi hai bên cùng ngồi, Kiều vội hỏi:

- Chẳng hay nương tử ở tại cung nào mà xe loan thình lình hạ cố đến đây?

Thiếu nữ tươi cười đáp:

- Thiếp đây nào phải ai đâu xa lạ, nhà thiếp ở phía tây cầu bên dòng nước chảy. Chiều nay chị đã vãng qua, sao

mà mau quên như thế? Hôm nay, thiếp ở trong "Hội đoạn trường", trước mặt Giáo Chủ, thiếp có khen đến tài hoa của chị. Giáo Chủ rất vui mừng và cho biết rằng chị cũng có chân trong hội ấy. Rồi người trao cho thiếp mười cái đầu đề đoạn trường, bảo đem lại cho chị vịnh. Vậy yêu cầu chị thảo ngay để cho thiếp xếp vào tập "Đoạn trường sách".

Kiều hỏi:

- Em xin lãnh ý, nhưng xin chị cho biết Đoạn Trường Giáo Chủ là ai? Có thể đưa em đến yết kiến được không?

Thiếu nữ mỉm cười đáp:

- Lúc này chị không cần hỏi kỹ, một ngày khác, chị sẽ hiểu rõ đấy mà.

Đoạn, nàng trao tập đầu đề. Kiều tiếp lấy, mở ra xem. Đây là mười đầu đề: Tích đa tài, Liên bạc mạng, Bi kỳ lộ, Ức cố nhân, Niệm nô kiều, Ai thanh xuân, Ta kiển lộ, Khổ linh lạc, Mộng cố viên, Khốc tương tư.

Kiều xem xong, vui vẻ nói:

- Đầu đề rất hay, vậy em xin thảo ngay. May bài của em chiếm khôi nguyên trong tập, thì khỏi phải phụ công chị giới thiệu.

Vừa nói vừa viết thao thao bất tuyệt. Chỉ trong giây lát, đủ cả mười bài từ khúc theo lối hồi văn:

I

Tích đa tài

Tờ oanh nỡ bỏ hoài,

Hợp hoan ngày tháng phổ cho ai?

Tương tư mình gác để ngày mai.

Để ngày mai!

Tiếc cho tài!

II

Thương bạc mạng

Đêm đêm một mình lạnh,

Nhà vàng nghe nói để A Kiều

Một mặt nghe chừng khó hân hạnh.

Khó hân hạnh!

Thương bạc mạng!

III

Thương kỳ lộ

Khúc đường quanh co thật khó đi,

Đường khổ chưa bằng tâm em khổ!

Một bước sai thời ngàn bước lỡ!

Ngàn bước lỡ!

Thương kỳ lộ.

IV

Nhớ cố nhân

Tóc bạc nhưng tình vẫn chưa thân!

Cần gì trước phải lên tận mây xanh!

Cưỡi xe đội nón mới là chân

Mới là chân!

Nhớ cố nhân!

V

Nhớ cô hầu!

Soi gương hồn biến đâu?

Ta thấy ai vẫn còn than thở!

Son phấn thôi đừng giễu cợt nhau.

Giễu cợt nhau.

Nhớ cô hầu!

VI

Xót thanh xuân

Cành hoa giống mỹ nhân,

Xuân sắc núi rừng, ôi đẹp đẽ!

Muốn mượn mưa xuân tưới hoa thần.

Tưới hoa thần!

Xót thanh xuân!

VII

Than cảnh ngộ

Giấc mơ tỉnh rồi đó,

Đâu phải gặp ai cũng kêu thương.

Chỉ vì lầu son lối cũ chưa tỏ.

Lối cũ chưa tỏ!

Than cảnh ngộ!

VIII

Khổ linh lạc

Thân nầy hết đường bước,

Lìa cành hoa rụng khắp đông tây.

Nhạn lạc đàn bay quanh hiên trước.

Quanh hiên trước!

Khổ linh lạc!

IX

Mơ vườn xưa

Hồn về cậy ai đưa?

Cảnh cũ cúc tùng không thấy nữa.

Bạch vân phương thảo lặng như tờ.

Lặng như tờ!

Mơ vườn xưa!

X

Khóc tương tư

Nghẹn ngào đã nhiều khi,

Lòng đau không giữ nổi tiếng khóc.

Đất cũ tình thâm luống sầu bi.

Luống sầu bi!

Khóc tương tư!

Thúy Kiều viết xong 10 bài, trao lại thiếu nữ. Xem qua, thiếu nữ tấm tắc khen rằng:

- Quả thực mỗi chữ khác gì ôm mối hận. Nếu đem vào tập "Đoạn trường", chắc rằng sẽ đoạt giải nhất.

Đoạn thiếu nữ đứng dậy, từ giã. Kiều nói:

- Hôm nay chị đã có lòng chiếu cố, đôi ta ắt có tiền duyên, sao lại nỡ vội vàng như vậy? Vả lại lần này ly biệt, biết bao giờ lại được gặp nhau.

Thiếu nữ nói:

- Nếu chị tình thâm mà thiếp cũng không tình bạc, thì sông Tiền Đường đó, ta sẽ hẹn về sau.

Nói xong đi thẳng.

Kiều chạy theo giữ lại thì bỗng có trận gió làm khua động bức mành. Nàng sực tỉnh, mới hay là giấc chiêm bao.

Về sau, Kiều phải 15 năm lưu lạc, thân thế lắm nỗi đoạn trường. Cuối cùng trầm mình dưới sông Tiền Đường, ứng như điềm mộng.

Truyện trên viết theo Thanh Tâm Tài Nhân. Cụ Nguyễn Du dựa theo, viết thành quyển "Đoạn trường tân thanh" bằng thể lục bát. Đoạn này, Nguyễn Du diễn tả:

Này mười bài mới, mới ra,

Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời.

Kiều vâng lĩnh ý đề bài,

Tay tiên vẩy đủ mười khúc ngâm.

"Mười khúc ngâm" tức 10 bài "đoạn trường" đó.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Khúc Hậu Đình Hoa

Hậu Đình Hoa" nghĩa là "Hoa ở sân sau". Đây là một tập thơ chọn lọc rồi phổ thành âm điệu cho các cung nữ, phi tần hát của Trần Hậu chủ đời Hậu Trần, thời Nam Bắc triều (420-587).

Trần Hậu chủ (583-587) tên Trần Thúc Bảo, là một ông vua nổi tiếng tài tử phong lưu. Hậu cung lúc nào cũng có hàng ngàn mỹ nhân tuyệt sắc. Trong số đó có hai nàng là Khổng Quý Tần và Trương Lệ Hoa được nhà vua sủng ái.

Hai nàng Quý Tần và Lệ Hoa chẳng những có sắc đẹp lộng lẫy, người mẫn tiệp lại có tài thi phú, thường cùng Hậu chủ cùng các bực thi văn tài danh trong triều xướng họa mỗi khi có yến tiệc linh đình.

Vì yêu người đẹp tài hoa nên Hậu chủ phải tổn phí

nhiều tiền của, cho dựng trước điện Quang Chiếu ba tòa lầu lớn. Ba tòa lầu này dùng toàn bằng gỗ trầm hương. Cửa lớn, nhỏ đều dát toàn ngọc ngà, rèm châu, trướng gấm lộng lẫy. Ba lầu ấy đặt tên là Lâm Xuân, Kết Ỷ và Vọng Tiên (có bản chép là Vọng Xuân).

Dưới lầu, trồng toàn cây quý, hoa lạ, ngào ngạt mùi hương. Lại chất đá xây thành núi gọi là núi Nghinh Phong; tháo nước làm thành hồ gọi là hồ Ngoạn Nguyệt.

Hằng đêm, Trần Hậu chủ bày yến tiệc, họp các mỹ nhân uống rượu tại lầu Lâm Xuân cùng với các học sĩ ngâm thơ xướng họa. Một khi có những bài thơ hay, thích, nhà vua cho chép lạai thành tập và phổ vào khúc đàn để những cung nữ hát xướng suốt đêm, nên được gọi là Trường Dạ Ẩm.

Những bài thơ, những khúc nhạc lả lướt ấy được chép thành 3 tập là: Nghinh Xuân nhạc, Ngọc Thu và Hậu Đình Hoa. Riêng tập Hậu Đình Hoa toàn sưu tập những bài bay bướm, bóng bẩy, dâm đãng. Chính Trần Hậu chủ cũng làm một khúc hát Hậu Đình Hoa:

Nguyên tác là:

Lệ vũ phương lâm đối cao các

Trân trang điểm chất bản khuynh thành,

Ánh hộ ngưng kiều sa bất tiến,

Xuất duy hàm thái tiếu tương nghinh.

Yêu cơ kiểm tự hoa hàm lệ,

Ngọc thu lưu quang chiếu Hậu Đình.

Nghĩa:

Bóng rợp hương thơm chốn lâu các,

Nghiêng thành vẻ đẹp với mầu tươi.

Ngoài cửa dịu dàng khoan dạo bước

Trước màn chào đón mỉm môi cười,

Má hồng tựa đóa hoa đầy móc

Cây ngọc sân sau chiến sáng ngời

(Bản dịch của Phan Thế Roanh)

Suốt đêm ngày, Trần Hậu chủ bỏ cả việc triều chính, say sưa bên cạnh Trương Lệ Hoa, Khổng Quý Tần và những mỹ nữ ca hát bên tiệc rượu làm cho đất nước càng suy đồi.

Vua nhà Tùy (589-617) là Văn Đế thừa dịp nhà Hậu Trần suy vi, sai tướng Lý Uyên và Dương Tố đem quân sang vây Đại Thành. Giữa lúc ấy, Trần Hậu chủ còn đương say khươt trên lầu Kết Ỷ.

Quân Tùy đánh phá, đột nhập thành. Quân Hậu Trần chạy tán loạn. Có người phải lấy nước đổ vào mặt Trần Hậu chủ cho tỉnh dậy và yêu cầu ra hàng để cứu quân lính khỏi chết oan. Hậu chủ nói:

- Sau lầu, trẫm có đào sẵn giếng sâu.

Đoạn, Hậu chủ dắt Trương Lệ Hoa, Khổng Quý Tần và độ mươi mỹ nhân khác đến giếng, ôm nhau nhảy xuống tránh nạn.

Quân Tùy lùng tìm nhà vua trong nội cung không thấy, liền ra sau điện Cảnh Dương, thấy có giếng sâu và có tiếng người thì thầm ở dưới, liền cho thả dây xuống dò. Bỗng thấy dây nặng, chúng lấy làm lạ, kéo lên.

Thì ra hai nàng tiên tuyệt sắc Khổng Quý Tần và Trương Lệ Hoa nắm đầu dây ấy mà lên. Một tên lính già chỉ hai nàng nói:

- Trần Hậu chủ chết và mất nước cũng vì hai ả này ta chẳng nên mó đến.

Quân Tùy nghe nói liền đâm chết cả hai người đẹp vứt xác xuống giếng, lấp đá lại. Giếng ấy về sau gọi là giếng "Son Phấn".

Riêng về Trần Hậu chủ, có sách nói là được cứu sống, nhưng sau thấy quân sĩ giết mấy hai nàng Khổng, Trương nên buồn rầu, sinh bịnh nhớ thương mà chết.

Nhà Hậu Trần bị diệt vong, người ta cho rằng sở dĩ nước mất nhà tan cũng do khúc hát "Hậu Đình Hoa" ấy, vì có tính cách ủy mỵ, dâm dật. "Hậu Đình Hoa" chỉ về

khúc ca vong quốc.

Đỗ Mục, một thi hào nổi tiếng đời nhà Đường (618-907), nhân một đêm ghé thuyền trên bến Tần Hoài, gần một quán rượu. Đêm đã khuya, hơi sương mù như khói tỏa trên mặt nước. Bãi cát chiếu sáng lồng trong ánh trăng xanh. Bấy giờ trong quán, khách còn đang say sưa ăn uống, bên cạnh những ả buôn son bán phấn hát xướng để mua vui cho khách. Lắng nghe giọng hát réo rắt bên kia sông đưa sang, Đỗ Mục xúc cảnh sinh tình:

Khói bay, nước lạnh, khói trăng pha,

Thuyền đậu sông Tần cạnh Tửu gia.

Hận nước gái buôn không biết rõ,

Cách sông còn hát "Hậu Đình Hoa".

(Bản dịch của Quốc Ấn)

Nguyên văn:

Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,

Dạ bạc Tần hoài cận tửu gia.

Thương nữ bất tri vong quốc hận,

Cách giang do xướng "Hậu Đình Hoa".

Trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều ở nước ta, cũng có câu:

Vườn Tây Uyển khúc trùng thanh dạ,

Gác Lâm Xuân điệu ngã Đình Hoa.

Thừa ân một giấc canh tà,

Tờ mờ nét ngọc, lặp lòe vẻ son.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Gương Vỡ Lại Lành

Trung Quốc, đời nhà Trần, người hầu cận Thái Tử là Từ Đức Ngôn có tình với Nhạc Xương công chúa.

Khi nhà Trần suy loạn, Từ bảo công chúa:

- Nước mất, nàng tất lọt vào nhà quyền quý. Nếu tình duyên chưa dứt thì còn có ngày được gặp nhau.

Đoạn, bẻ tấm gương làm đôi, mỗi người giữ một mảnh hẹn nhau đến ngày thượng nguyên sẽ đem gương đến kinh đô bán để tìm nhau.

Bấy giờ, giặc đánh vào đế đô. Từ chạy thoát, còn công chúa bị tướng giặc là Việt Công bắt ép làm vợ. Đến ngày rằm tháng giêng, Từ đem mảnh gương ra chợ bán, thấy có người cùng bán một mảnh gương giống của mình. Lấy hai mảnh gương ghép lại thì liền nhau như

một. Từ bèn gởi cho người bán gương, nhờ đem về cho chủ mảnh gương ấy và kèm theo một bài thơ:

Người đi gương cũng đi,

Gương về người chưa về.

Chị Hằng đâu chẳng thấy,

Chỉ thấy ánh trăng lòe.

Nguyên văn:

Cảnh dữ nhơn câu khứ,

Cảnh quy nhơn vị quy

Vô phục Hằng Nga ảnh,

Không lưu minh nguyệt huy.

Nhạc Xương công chúa đọc thơ khóc rống lên. Việt Công hỏi, công chúa thuật lại cả. Việt công lấy làm cảm động, thương tình bèn cho cả hai người tái hợp.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du có câu:

Bây giờ gương vỡ lại lành,

Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi.

Giấm Chua

Giấm chua" để chỉ đàn bà ghen.

Hoàng đế nước Kim rất yêu quý hai nàng cung phi là Lệ Cẩm tây cung và Ngọc Sương ái phi. Hoàng hậu lấy làm ghen tức nhưng vì thấy nhà vua quá sủng ái hai nàng, nên đành phải câm lặng.

Khi nhà vua lâm trọng bịnh, trước giờ lâm chung, trối lại với hoàng hậu cùng quần thần là khi nhà vua chết, phải chôn sống hai nàng ái phi theo vua.

Vài hôm sau, nhà vua chết. Hoàng hậu tuân theo di ngôn của nhà vua, nhưng bà lại nghĩ rằng: nếu chôn hai vị phi tần tuyệt sắc nguyên vẹn này thì khi xuống âm cung, nhà vua lại cũng âu yếm say sưa hai nàng như trước. Cái cảnh giao hoan này như diễn ra trước mắt hoàng hậu càng làm cho máu ghen thêm sôi sục hơn

nữa. Bà quát tháo ầm ĩ, truyền cung phi thị vệ khoét đôi mắt, xẻo mủi, cắt đôi má mơn mởn của hai nàng Lệ Cẩm và Ngọc Sương. Làm như thế cốt để xuống âm cung, nhà vua sẽ ghê tởm mà không dám nhìn đến nữa.

Nhưng, hoàng hậu ngắm nghía thấy hai nàng còn đẹp. Mất mắt, mất mũi, mất má đào nhưng nước da hai nàng vẫn trắng nõn nà, thân hình cân đối, diễm lệ làm bà vẫn còn ghen. Bà mới nghĩ ra một cách làm hủy hoại tiêu mòn nhan sắc của hai nàng mới hả lòng. Bà đem ngâm hai nàng vào chum giấm chua rồi mới cho chôn theo nhà vua. Bấy giờ, hoàng hậu mới yên tâm.

Trong "Lư phu nhân truyện" có chép:

Đời nhà Đường (618-907), Phòng Huyền Linh làm đến chức Tể Tướng, có vợ là Lư Thị. Ông một niềm yêu mến vợ vô cùng, không lấy một tì thiếp nào cả. Người ngoài cho thế là tại ông sợ vợ ghen.

Vua Đường Thái Tông muốn thử Lư phu nhân, một hôm cho hoàng hậu gọi nàng vào và bảo:

- Theo phép thường, các quan to vẫn có tì thiếp. Quan nhà ta tuổi đã cao, vua muốn ban cho một người mỹ nhân.

Lư Thị nhất quyết không bằng lòng. Vua nổi giận, gắt:

- Nhà ngươi không ghen thì sống, ghen thì chết.

Đoạn sai người đưa cho một chén giấm, giả làm chén thuốc độc, phán rằng:

- Nếu vậy thì phải uống chén thuốc độc này.

Lư Thị không ngần ngại chút nào, cầm chén uống ngay.

Vua thấy thế, nói:

- Ta cũng phải sợ, huống chi là Huyền Linh.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn nói về Kiều khi ở với Thúc Sinh, nàng biết chàng đã có vợ nên lấy làm lo cho thân phận mình

mà tha thiết nói với Sinh:

Như chàng có vững tay co,

Mười phần cũng đắp điếm cho một vài.

Thế trong dầu lớn hơn ngoài,

Trước hàm sư tử gửi người đằng la.

Cúi đầu luồn xuống mái nhà,

Giấm chua lại tội bằng ba lửa hồng.

"Giấm chua" chỉ sự ghen tuông của người vợ cả.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Cái "Gia Gia"

Cuối đời nhà Thương (1783-1154 trước D.L.) vua Trụ hoang dâm vô đạo, tàn hại lê dân, người người oán giận.

Văn Vương là Cơ Xương, vốn là một chư hầu của nhà Thương, nhân từ đức hạnh, được các chư hầu và dân chúng kính phục. Văn Vương lại có một người tôi tài giỏi là Khương Tử Nha phò tá làm cho chính trị trong nước ngày càng hưng vượng. Văn Vương chết, truyền ngôi cho con là Cơ Phát, lấy hiệu Võ Vương.

Sau Võ Vương nghe lời quần thần, hội chư hầu đem binh phạt Trụ mong cứu dân chúng thoát cảnh lầm than. Bá Di và Thúc Tề là con vua nước Cô Trúc nghe thấy, ra nắm dây cương ngựa của Võ Vương, nói rằng:

- Cha chết chưa chôn mà đã chăm việc chinh chiến,

thế có gọi là hiếu được không? Bầy tôi giết vua để cướp nước, thì có gọi là nhân được không?

Võ Vương bảo:

- Vua Trụ hoang dâm vô đạo, sát hại lê dân làm giận lòng người, trái ý trời. Nếu ta thủ phận, ngồi nhìn sự hà khắc của vua Trụ thì muôn dân còn trông cậy vào đâu! Hơn nữa, giang san có riêng gì của vua Trụ, ngày xưa vua Thành Thang chẳng chinh phạt vua Kiệt nhà Hạ để dựng nên nhà Thương đó sao?

Bá Di, Thúc Tề chẳng nghe, cho Võ Vương là bội chúa. Những cận thần của Võ Vương tức giận, muốn giết cả hai. Tử Nha can:

- Không nên. Hai ông là người nghĩa.

Đoạn, bảo quân lính đẩy hai ông ra.

Sau Võ Vương thắng trận, Trụ Vương thiêu mình, lập thành nhà Chu, các chư hầu đều thần phục. Bá Di, Thúc Tề lấy làm hổ thẹn, coi thóc gạo cũng là của nhà Chu mà không ăn nữa. Hai ông lên ẩn ở núi Thú Dương, hái

rau vi mà ăn, và làm bài hát "Thái Vi" (hái rau vi) rằng:

Lên núi Tây Sơn chừ, ta hái rau vi.

Kẻ bạo thay bạo chừ, biết phải trái gì.

Thần Nông, Ngu, Hạ đã qua chừ ta biết đâu mà quy y.

Đành chịu vậy chừ, vận mạng ta suy.

Nguyên văn:

Đăng bỉ Tây Sơn hề thái kỳ vi hĩ,

Dĩ bạo dịch bạo hề bất tri kỳ phi hĩ.

Thần Nông, Ngu, Hạ hốt yên một bề ngã an thích quy hĩ.

Vu ta tồ hề mạng chi suy hĩ.

Nhưng một hôm có người bảo hai ông:

- Đất bây giờ là đất của nhà Chu, thiên hạ là thiên hạ

của nhà Chu, hai ông đã chê, không ăn cơm gạo nhà Chu mà hái rau vi của giang san nhà Chu thì có khác gì.

Hai ông cho là có lý nên từ ấy nhịn ăn mà chết.

Tương truyền, hai ông vì uất ức, oan hồn chưa tan nên biến thành một loại chim, thường gào thét một giọng bi thảm:

- "Bất thực Túc Chu gia... Bất thực Túc Chu gia"

Người ta bảo đó là chim Đa Đa do âm "gia gia" mà ra.

Trong bài "Qua đèo ngang tức cảnh" của bà Huyện Thanh Quan, có câu:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Nguyễn Công Trứ có làm bài thơ "Vịnh Di, Tề":

Danh chẳng màng, lợi cũng chẳng mê.

Ấy gang hay sắt hỡi Di, Tề?

Gặp xe vua Võ tay dừng lại,

Thấy thóc nhà Chu mặt ngoảnh đi.

Cô Trúc hồn về sương mịt mịt,

Thú dương danh tạc đá tri tri.

Cầu nhân chẳng đặng nhân mà chớ,

Chẳng trách ai chi, chẳng oán chi.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Hồ Than Thở

Hồ nằm về phía đông bắc thành phố Đà Lạt (khoảng 5 cây số). Nơi đây trước kia là một vùng hoang vu, giang sơn của những loài thảo mộc, cầm thú nhưng đã mang một sự tích bi hùng do lòng ái quốc của đôi trai tài gái sắc nước Việt.

Cuối thu năm 1788, quân Thanh lấy cớ ủng hộ ngai vàng vua Lê sang xâm chiếm Việt Nam. Khắp trời Nam, tiếng loa rộn rã thúc giục các chàng trai tráng hiên ngang nhập ngũ dưới bóng cờ Tây Sơn để tiến ra Bắc Hà, quét sạch quân xâm lược.

Lời hịch chiêu mộ đã đến tai Hoàng Tùng, chàng tráng sĩ đất Viễn Hương.

Hoàng vốn dòng dõi danh gia thế phiệt. Ông cha trước kia vì không chịu nổi chế độ hà khắc của quân

Minh (đời nhà Hồ) nên đã bồng bế, gồng gánh nhau tìm đường sống tự do. Đến đây, thấy cảnh hoang vu tịch mịch, non xanh, nước biếc, hợp với lòng phóng khoáng, ẩn dật của mình nên chọn làm nơi di dưỡng. Và, đặt tên Viễn Hương để ghi dấu cho một hoàn cảnh mới, cho con cháu sau này nhớ việc hồi hương.

Trước tiếng gọi của núi sông, chàng họ Hoàng cương quyết ra đi. Nhưng trước khi lên đường, Hoàng hẹn gặp người yêu là Mai Nương để cùng đôi câu tiễn biệt. Biết đâu chiến sĩ "một ra đi là không trở về".

Mai Nương là con một vị thổ ty sơn cước. Nàng đẹp và duyên dáng; vì may mắn được Hoàng cứu thoát tai nạn nên người ân trở thành bạn tình, rồi nhận lời gá nghĩa kết duyên. Đôi bạn định xuân sang khi hoa đào khoe sắc thắm thì sẽ xin gia đình cử hành hôn lễ. Nhưng hôm nay... nơi hẹn của Hoàng được định trong rừng Kỳ Ngộ, bên bờ suối Dịu Hiền.

Gặp nhau, sau khi nói qua cho Mai Nương biết ý định của mình, Hoàng Tùng đau đớn ngồi trầm lặng. Bên nước, bên tình, dù con người khí khái thế mấy cũng

không khỏi quyến luyến, bâng khuâng.

Sự trầm lặng của Hoàng làm cho Mai Nương hiểu lầm. Nàng tưởng người yêu hoài nghi lòng trung trinh của nàng. Dịu dàng, nàng hẹn với chàng là hôm sau cũng giờ này, tại đây, nàng sẽ có quà tặng người bạn tình anh dũng trước khi xách kiếm ra đi.

Nhưng hôm sau...

Mai Nương đến trước giờ hẹn. Nàng ngồi bên dòng suối than thở cho duyên kiếp bẽ bàng. Rồi muốn cho người yêu hiểu lòng nàng để dứt mối băn khoăn, nàng thấy chỉ còn cái chết mới để cho chàng yên tâm rằng Mai Nương của chàng bao giờ cũng là vợ của chàng, dù sau này chàng vinh quang trở về hay đã ngã gục giữa chiến trường... Nghĩ vậy, nàng khóc lóc một lúc, gọi tên người yêu mấy lần, đoạn nhắm mắt nhảy xuống dòng nước.

Hoàng Tùng đến đúng giờ hẹn. Nhưng lạ thay, chàng ngơ ngác không tìm ra chỗ cũ. Thì ra, cảm lòng người liệt nữ, chim muông cây cỏ trong rừng đều khóc, nước

chảy xuống nơi Mai Nương tuẫn tiết làm thành một giếng sâu, và hai bên đầu suối bít lại. Nơi Mai Nương trầm mình bỗng biến thành một hồ rộng rãi, im lặng bên rừng Kỳ Ngộ.

Sau khi xác nàng nổi lên, dân làng hiểu chuyện lấy làm cảm động, đặt tên hồ này là hồ Than Thở để ghi lại phút cuối cùng của người sơn nữ đã hy sinh cuộc đời cho người yêu yên tâm, làm tròn nghĩa vụ.

Một thi sĩ thương xót cho cảnh ngộ của đôi trai tài gái sắc trung trinh, nên diễn thành một bài trường ca nhẹ nhàng, ai oán:

Nhớ thuở ấy lòng đau khôn xiết,

Ngó non sông dân Việt lầm than...

Cảnh bày: Nước loạn, nhà tan.

Giặc Thanh giày xéo tan hoang cõi bờ.

Rửa hận nước phất cờ vung kiếm.

Đấng anh hùng họ Nguyễn Quang Trung

Ra tay ngang dọc vẫy vùng,

Thề đâu chịu đội trời chung phen này?

Hịch chiêu hiền đó đây rộn rực,

Trống mộ quân tập kích quân thù.

Một phen giành lại cõi bờ,

Một phen dựng lại cơ đồ nhà Nam.

Hoàng Tùng vốn trang anh tuấn,

Quyết ra đi rửa hận non sông.

Tấm thân coi tựa bông hồng,

Mong sao một tiếng anh hùng còn ghi...

Thảm một nỗi biệt ly cắc cớ

Cùng Mai Nương đâu nỡ chia tay?

Ra đi ngàn dặm nước mây,

Biết đâu còn lại có ngày thấy nhau?

Chàng tần ngần lòng đau khôn tả,

Nàng héo hon tấc dạ khôn khuây

Hết nhìn nhau lại cầm tay,

Hỡi khuôn thiêng thấu nỗi này chăng?

Nàng thổn thức hẹn chàng gặp lại,

Suối Dịu Hiền sẽ lại cùng nhau

Chân tơ kẽ tóc gót đầu

Bên rừng Kỳ Ngộ đôi câu tạ từ.

Nào có ngờ xót xa nỗi ấy,

Luống e chàng áy náy khôn nguôi.

Chiến trường biên ải xa xôi,

Chữ trinh thiếp có vẹn mười cho không?

Càng canh cánh bên lòng thắc mắc

Thà nén tâm gạt phắt thường tình.

Cho chàng thỏa chí bình sinh,

Diệt thù thỏa nguyện tâm tình nước non.

Bên dòng nước, Mai Nương lén bước

Từ tinh sương, rảo trước bóng chàng.

Đoái nhìn rừng thẳm mênh mang

Thảm nghe dòng suối thở than não nề...

Rồi một phút như mê như tỉnh,

Gọi Hoàng Tùng lanh lảnh xa đưa.

Gọi rồi đôi mắt lệ mờ,

Tấm thân gieo nặng dưới hồ nước sâu.

Bỗng gió thảm mưa sầu dồn dập,

Khắp núi đồi: Chim khóc, muông than

Hoa rừng tràn lệ chứa chan,

Đất trời như cũng thảm thương não tình.

Chàng thất thểu đinh ninh lần tới

Tìm tình nương chân mỏi, mắt mờ.

Bốn bên vắng lạnh như tờ,

Mênh mông hồ rộng, nước lờ đờ trôi...

Đôi hàng lệ: "Mai Nương ơi hỡi!

Vì đâu mà chín suối xa chơi?

Âm dương cách biệt đôi nơi,

Lệ sầu như nước xanh trôi lững lờ.

Khôn thiêng em hãy đợi chờ.

Mặt hồ Than thở bây giờ là đây

Mai Nương nàng hỡi có hay?"

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Nghiêng Nước Nghiêng Thành

Dời Vũ Đế nhà Hán (140-86 trước D.L.), có một người phường chèo tên Lý Diên Niên múa hát rất giỏi. Được hầu trong nội điện, cung vi của nhà vua, Lý Diên Niên được nghe vua thường than thở:

- Trẫm lập đền Minh Quang, kén hai ngàn mỹ nhân ở vùng Yên Triệu. Nhỏ nhất 15 tuổi, quá 30 tuổi sa thải cho lấy chồng. Thế mà, trong chốn dịch đình có trên 10 ngàn mỹ nhân vẫn chưa thấy ai đẹp cho vừa lòng trẫm. Thật là thiên hạ thiếu giai nhân tuyệt sắc.

Lý Diên Niên có một em gái sắc đẹp tuyệt trần, thường ra vào hầu hạ Bình Dương công chúa. Một hôm, nhân dịp múa hát chầu Vũ Đế, Lý Diên Niên hát:

Phương bắc có giai nhân

Tuyệt vời đứng riêng bực,

Một liếc, người nghiêng thành.

Hai liếc, người nghiêng nước.

Lẽ nào không biết được

Người đẹp thành nước nghiêng,

Người đẹp khó tìm gặp.

Nguyên văn:

Bắc phương hữu giai nhân

Tuyệt thế nhi độc lập.

Nhất cố khuynh nhân thành;

Tái cố khuynh nhân quốc

Khởi bất tri

Khuynh thành dữ khuynh quốc

Giai nhân nan tái đắc.

Nghe hát, Hán Vũ Đế thở dài, than:

- Thế gian lại có người đẹp đến thế chăng?

Bình Dương công chúa nhân đứng hầu bên cạnh nhà vua liền tâu:

- Diên Niên có người em gái đẹp tuyệt trần, còn hơn người trong bài hát ấy nữa.

Nhà vua truyền đòi người đẹp vào cung, xem mặt. Quả là một bực giai nhân tuyệt sắc, lại giỏi nghề múa hát, làm cho nhà vua càng mê mẩn tâm thần, liền phong làm phu nhân. Từ ấy, nhà vua chỉ say sưa đắm đuối bên mình nàng, không còn tha thiết đến một ai nữa. Năm sau, nàng hạ sinh được một con trai.

Một hôm, nàng lâm bịnh nặng, Hán Đế đến tận giường bịnh thăm hỏi. Nàng kéo chăn che kín mặt, tâu:

- Thiếp đau từ lâu, hình dung tiều tụy, không dám đem cái nhan sắc ủ dột tàn phai ra mắt đấng quân

vương. Thiếp chỉ xin gởi lại nhà vua một đứa con bé nhỏ và mấy người anh em của thiếp.

Hán Đế ngậm ngùi bảo:

- Phu nhân bịnh nặng không thể qua khỏi được thì hãy giở chăn cho ta nhìn mặt, há chẳng làm cho ta được thỏa lòng sao?

Nàng vẫn che kín mặt, từ tạ:

- Theo lẽ quân thần, phu phụ, đàn bà mặt không sạch, không được ra mắt quân phụ. Vậy thiếp xin nhà vua tha thứ cho.

Nhà vua cố nài nỉ. Nàng vẫn thở dài úp mặt vào trong, không nói năng gì, vẫn giữ chặt lấy chăn.

Vũ Đế tức quá, đứng phắt dậy ra về.

Nhiều người sợ nhà vua giận, nên có ý trách nàng. Nàng trả lời:

- Đàn bà là kẻ chỉ hay lấy nhan sắc thờ chồng. Nhan

sắc kém, tình duyên sẽ phai nhạt, và tình yêu sẽ kém. Nhà vua quyến luyến ta chỉ vì nhan sắc xinh đẹp lúc mạnh. Nay ta đau, nhan sắc suy kém, so với thiên hạ ta là kẻ xấu xa. Nhìn mặt ta, nhà vua sẽ chán thì khi nào còn tưởng nhớ đến ta mà ban ân huệ cho anh em ta nữa.

Sau đó nàng chết. Vua Vũ Đế chôn cất nàng rất hậu, lại truyền họa sĩ vẽ hình nàng treo ở cung Cam Tuyền, phong cho anh em nàng quan tước cao.

Ngày tháng qua nhưng hình bóng người đẹp vẫn lởn vởn trước mắt, và mối tình thương nhớ vẫn canh cánh bên lòng... mà nhà vua không tìm thấy thú vui, người đẹp nào bằng người đã khuất.

Đời nhà Đường (618-907), vua Đường Minh Hoàng dắt Dương Quí Phi thưởng hoa mẫu đơn ở đình Cẩm Hương, sai người vời Lý Bạch đến bắt dâng ngay ba bài "Thanh Bình điệu". Lý còn say rượu nhưng cầm bút viết luôn ba bài. Bài thứ ba có câu:

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,

Thường đắc quân vương đới tiếu khan.

Nghĩa:

Danh hoa nghiêng nước sánh đôi vui,

Để xứng quân vương một nụ cười.

Chữ "khuynh quốc" để chỉ cái đẹp tuyệt với của Dương Quí Phi.

Trong "Đoạn trường tân thanh", thi hào Nguyễn Du tả sắc đẹp nàng Kiều cũng có câu:

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

"Nghiêng nước, nghiêng thành" xuất sứ ở bài hát của Lý Diên Niên.

Khúc Nghê Thường Vũ Y

Theo truyền thuyết (sách "Dị văn lục") thì khúc vũ này do Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện về chế ra cho những người cung nữ múa hát.

Nguyên một đêm Trung Thu, niên hiệu Khai Nguyên đời nhà Đường (713-741), vua Minh Hoàng thấy trăng sáng, mơ ước được đặt chân đến đấy xem chơi. Có đạo sĩ tên La Công Viễn (có sách chép là Diệp Pháp Thiện), người có phép tiên mới dùng giải lụa trắng, hóa thành một chiếc cầu đưa nhà vua đến Nguyệt điện.

Trong điện bấy giờ sáng rực. Tiếng nhạc du dương. Những nàng tiên trong những xiêm y xinh tươi, lộng lẫy, uyển chuyển múa hát như đàn bướm đủ màu tha thướt, bay lượn bên hoa.

Đường Minh Hoàng càng nhìn càng thấy say mê,

quên cả trời gần sáng, nếu không có La Công Viễn nhắc thì quên trở về.

Nhờ ghi nhớ cách điệu nên khi trở về triều, Đường Minh Hoàng chế thành khúc "Nghê Thường vũ y" để tập cung nữ múa hát. Rồi cứ đến đêm rằm tháng tám, Đường Minh Hoàng cùng với Dương Quý Phi uống rượu dưới trăng, ngắm đoàn cung nữ xiêm y rực rỡ, uyển chuyển múa khúc Nghê Thường để tưởng như sống trong cung Quảng Hàn, điện Nguyệt.

Truyền thuyết này có tính cách thần thoại.

"Đường thư" chép: Đường Minh Hoàng lên chơi Nguyệt điện, thấy các tiên nữ mặc áo cánh chim, xiêm y ngũ sắc, hát bài "Tây Thiên điệu khúc", đến khi trở về trần, còn nhớ mang máng. Nhằm lúc có Tiết độ sứ là Trương Kính Thuật từ Tây Lương, đem khúc hát Bà La Môn đến biếu, Minh Hoàng truyền đem san định lại và đổi tên là khúc "Nghê Thường vũ y".

Tài liệu này có phần thực tế.

"Nghê" là cầu vồng. Tiếng miền Nam gọi là cái mống, do ánh nắng xuyên qua hơi nước trong mây nên phân thành bảy màu. Sách Tàu ngày xưa chỉ nhận có năm màu.

"Thường" là xiêm, để che phần hạ thân của người. "Nghê Thường" có nghĩa là xiêm cắt bằng năm màu.

"Vũ y" là áo dệt bằng lông chim. Hay có nghĩa là kiểu áo theo hình cách chim.

"Nghê Thường vũ y", ta có thể cho đó là những vũ nữ mặc áo theo hình cánh chim, còn quần thì bằng lụa phất phới ngũ sắc.

Những nhà sử học và khảo cổ học đã cho biết: đời Đường (và trước đời Đường), người Tàu đã có một khái niệm rõ rệt về địa dư vùng Tân Cương mà họ thường đến để mua bán và... chinh tây. Mặc dù người Tàu chưa từng chinh phục Ấn Độ nhưng sự bang giao về thương mại và chính trị đã có từ đời Hán (206-196 trước D.L.). Ấn Độ là nơi mà đạo Bà La Môn rất phồn thịnh. Lắm khi người Tàu và người Tân Cương lúc bấy giờ gọi phần đất

Ấn Độ là Bà La Môn quốc. Bằng cớ là vào năm 629, lúc nhà sư Trần Huyền Trang (thường gọi là Đường Tam Tạng) đi thỉnh kinh ở Ấn Độ, ghé nước Cao Xương. Vua nước này có viết một bức thư cho vị Khả Hãn Tây Đột Quyết, yêu cầu Khả Hãn hết sức ủng hộ Huyền Trang đi dễ dàng đến "Bà La Môn quốc".

Vậy, ta có thể cho khúc "Nghê thường vũ y" là hình thức biến chuyển của khúc hát "Bà La Môn" đã có trước tiên ở phần đất Ấn Độ ngày xưa. Nó truyền sang Tàu ở đất Tây Lương do Tiết độ sứ Trương Kính Thuật đem dâng cho Đường Minh Hoàng.

Đất Tây Lương chính là huyện Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc ngày nay của nước Tàu. Trước đời nhà Đường, Đôn Hoàng đóng một vai trò quan trọng về phương diện văn hóa và thương mại.

Về mặt văn hóa, Đôn Hoàng chính là nơi các pháp sư Ấn Độ đến nghỉ ngơi, giảng đạo trước khi đi sâu vào đất Tàu. Về mặt thương mại, Đôn Hoàng là đầu cầu nối liền đường chở tơ lụa từ Tàu sang Ấn Độ, Ba Tư đến Địa Trung Hải. Ở đây là nơi tập trung các đoàn thương gia

quốc tế chuyên chở hàng hóa trên lưng lạc đà tấp nập để trao đổi sản phẩm. Các nhà sử học gọi là "Đường tơ lụa" (Route de la soie).

Con đường dài xa thẳm ấy phải trải qua nhiều nước nhỏ với những vùng nông nghiệp rải rác phì nhiêu. Những nước nhỏ này nay đã bị diệt vong. Nhưng từ đầu công nguyên, những nước này có một nền văn hóa khá cao, chịu ảnh hưởng Ba Tư, Ấn Độ và Trung Hoa. Nước đáng chú ý nhứt là nước Qui Tư. Nước này giỏi về âm nhạc và vũ khúc. Nhạc công đội khăn đen, mặc y phục bằng lụa đỏ, tay áo thêu. Bản nhạc của họ có nhiều tên thơi mộng "Trò chơi giấu kim thoa", "Người ngọc chuyền ly rượu", v.v... Khi hòa tấu, có bốn người biểu diễn ca vũ. Ở vùng núi nước Qui Tư có những ngọn suối đàn. Nước nhỏ xuống đá từng giọt phát âm bổng trầm. Mỗi năm một lần các nhạc sĩ đến lắng nghe để phổ thành nhạc.

Phụ nữ nước Qui Tư rất đẹp. Gương mặt tròn, đều đặn. Y phục đặc biệt là nhiều kiểu, nhiều màu, thêu thùa khéo léo. Đàn ông mặc áo trắng viền xanh hoặc xanh viền trắng. Đàn bà mặc hai kiểu áo: tay rộng và tay chật.

Áo trắng bâu xanh. Áo đen có thêu hình màu xanh trắng. Áo dài xanh viền vàng hoặc có sọc vàng. Phải chăng đó là những màu "nghê thường"?

Vậy, căn cứ vào khoa khảo cổ và sử học, ta có thể cho khúc "Nghê Thường vũ y" là một ca vũ khúc Ấn Độ truyền sang. Trên con đường phiêu lưu bằng "con đường tơ lụa" trước khi truyền sang Trung Hoa, khúc ca vũ này đã bị các sắc tộc dọc đường biến cải ít nhiều. Và khi đến Trung Hoa thì nó được chấn chỉnh lại cho hợp với dân tộc tính Trung Hoa do một nhà vua phong lưu tài tử, ăn chơi rất mực.

Trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, có câu:

Dẫu mà tay múa, miệng xang,

Thiên tiên cũng ngoảnh Nghê Thường trong trăng.

Trong "Bích Câu kỳ ngộ" cũng có câu:

Đong đưa khoe thắm, đưa vàng,

Vũ y thấp thoáng, Nghê Thường thiết tha.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Trao Tơ, Gieo Cầu

Dời nhà Đường (618-907), Tể Tướng Trương Gia Trinh có năm người con gái. Cả năm đều xấp xỉ ngang nhau. Mỗi người một vẻ, sắc nước hương trời. Họ Trương đương chọn khách đông sàng.

Có danh sĩ là Quách Nguyên Chấn xin cầu hôn. Trương thấy là bực tài danh nên rất bằng lòng, nhưng không biết phải gả đứa nào. Cuối cùng Trương nghĩ ra cách, dạy năm người con gái của ông ngồi sau màn, mỗi người cầm một sợi tơ màu khác nhau.

Những sợi tơ ấy lủng lẳng bên ngoài, không ai nhìn được bóng dáng của cô nào cả. Nếu Nguyên Chấn rút sợi tơ nào tất được kết duyên với cô gái ấy.

Nhìn tới ngắm lui, Nguyên Chấn liền rút ngay sợi tơ đỏ, nhằm người con gái thứ ba. Người đẹp lộng lẫy và

có đức hạnh.

Tích gieo cầu:

Cũng đời nhà Đường bên Tàu, nước Đại Huyền có công chúa Cửu Hườn, người có sắc đẹp lại văn võ song toàn. Vua cha đương kén chọn phò mã. Nàng tâu với vua:

- Nhân duyên là do trời định. Vậy xin cha cho người lập một cái đài cao tại giáo trường, và truyền cho các sắc dân trong nước, bất kỳ xấu, đẹp đều phải dự kén phò mã. Riêng con có thêu một quả tú cầu; ngày ấy, con sẽ khấn vái trời đất rồi lên lầu mà quăng quả tú cầu ấy xuống giữa đám đông. Nếu ai lượn được thì sẽ kết duyên chồng vợ.

Nhà vua cưng con, nghe cũng hữu lý nên bằng lòng.

Nghe được tin nhà vua tuyển chọn phò mã bằng cách gieo cầu, các chàng trai, không phân biệt giai cấp giàu nghèo, diện mạo tuấn tú hay xấu xa, dốt nát hay hay chữ đều tấp nập đổ xô đến trước đài. Họ hồi hộp, mong

ngóng đón chờ...

Có chàng Tiết Cường, con thứ tư của Tiết Đinh San, vì bị nạn tru di ba họ nên lưu lạc đến đấy. Chàng là người mỹ mạo tuấn tú, võ nghệ siêu quần. Thấy người đông đảo, chàng cũng đứng xem.

Đến giờ lành, công chúa lên đài, quỳ trước bàn hương án, khấn vái, đoạn đứng lên, cầm quả tú cầu quăng xuống. Quả cầu nhào lộn trên không mấy vòng rồi sa trước mặt Tiết Cường. Mọi người đổ xô đến, lấn nhau chụp, làm té lăn sóng soài trên mặt đất. Tiết Cường đưa tay bắt lấy tú cầu, giữ chặt trong tay. Mọi người liền ào đến giựt lại. Chàng tay xô, chân đạp làm té nhào hết mấy người, rồi chen ra mà chạy, lại la lớn:

- Ấy là nhân duyên trời định, may ai nấy nhờ, lẽ đâu làm điều vô lễ.

Đoàn cấm binh liền đến can thiệp, xin rước phò mã. Bấy giờ họ mới tản ra, tiu nghỉu trở về.

Cấm binh thấy Tiết Cường mỹ mạo tuấn tú, nức nở

khen:

- Thật là trời khéo xui vợ xứng chồng hết sức.

Thế là ngay hôm ấy, nhà vua truyền cho công chúa cùng Tiết Cường làm lễ giao bôi hợp cẩn.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, có câu:

Dù khi lá thắm chỉ hồng,

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

và:

Nuôi con những ước về sau,

Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi.

"Chỉ hồng", "Trao tơ", "Gieo cầu" đều có ý nghĩa chỉ duyên vợ chồng, do điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Núi Vọng Phu

Núi Vọng Phu cũng có tên là núi Mẫu Tử, cao 2051 thước, trước kia thuộc tỉnh Darlac. Từ ngày quận Khánh Dương sát nhập vào tỉnh Khánh Hòa, núi Vọng Phu đã nghiễm nhiên trở nên ngọn núi chúa của quần sơn tỉnh này.

Chóp núi Vọng Phu là một khối đá hoa cương khổng lồ, đứng thẳng lên trời; bên cạnh lại có một khối đá khác nhỏ hơn. Hai khối đá này tương tự hình người. Đứng xa ngoài 40 cây số vẫn còn trông rõ. Và, người ta có cảm tưởng như đó là một người mẹ đang bồng đứa con, phóng tầm mắt ra biển khơi đón chờ một người đi mà không bao giờ trở lại. Và, căn cứ theo truyện cổ tích, dân chúng địa phương mới đặt tên núi này là núi Vọng Phụ Người Thượng gọi là T.Yang-Mten.

Tương truyền một thời xa xưa, có hai vợ chồng một

bác tiều phu hiếm hoi con, nên bà vợ thường đi cầu tự khắp các đền chùa quanh vùng. May mắn, một ngày kia, bà hạ sinh được một cô con gái; qua năm sau lại hạ sinh được một cậu con trai. Vợ chồng tiều phu rất đỗi vui mừng, cám ơn Trời Phật đã nhỏ lòng thương đến.

Hai chị em lớn lên trong tình thương của cha mẹ.

Một hôm, hai chị em đang ngồi róc mía ăn. Vì giành nhau nhiều ít, đứa em sẵn có con dao trong tay, giáng một nhát lên đầu chị, máu tuôn xối xả. Kinh sợ và hối hận, đứa em bỏ chạy mất. Cha mẹ tìm khắp nơi vẫn không thấy. Vì nhớ con, hai ông bà ngày càng héo mòn rồi lần lượt theo nhau qua đời. Đứa con gái sống bơ vơ, không người thân quyến nương dựa, phải bỏ đi nơi khác tìm cách nuôi thân.

Còn đứa em chạy đến bờ biển, gặp chiếc thuyền buôn sắp nhổ neo vào Nam, liền xin đi theo học nghề buôn bán. Thời gian trôi qua, nó khôn lớn lên và làm ăn khá giả. Bấy giờ lòng chạnh nhớ quê hương, cha mẹ càng nổi dậy nên nhứt định về quê. Nhưng, than ôi, khi về đến thì cha mẹ đã hóa người thiên cổ, chị thì bỏ đi

biệt tích.

Qua cơn xúc động, chàng sang một làng gần đó sinh cợ lập nghiệp. Chàng gặp một cô gái mồ côi, làm ăn lam lũ nhưng tính nết hiền lành. Cảm vì cùng cảnh ngộ, hai người đem lòng yêu nhau và thành đôi vợ chồng. Ở với nhau một thời gian trong cảnh gia đình thuận hòa đầm ấm, người vợ lại sinh được một trai. Không khí gia đình càng thêm mặn nồng.

Một hôm, người vợ gội đầu sau nhà, người chồng đi làm về, ra đứng xem. Vô tình, chàng thấy ẩn dưới làn tóc vợ có một vết thẹo, lấy làm lạ mới hỏi nguyên do. Người vợ thực tình kể lại kỷ niệm buồn mười năm xưa. Người chồng lặng điếng người khi nhận ra đó là người chị ruột của mình.

Người chồng hết sức đau khổ vì chàng vô tình đã phạm phải lỗi loạn luân. Nhưng chàng đành chôn sâu nỗi khổ tâm ấy tận đáy lòng, không dám cho vợ biết.

Thế rồi ngày hôm sau, lấy cớ đi buôn chuyến xa, chàng từ giã vợ con, giong buồm ra khơi, hẹn ngày trở

lại. Người vợ có ngờ đâu lời hẹn về ấy hóa thành lời vĩnh biệt của chồng.

Thời gian năm tháng trôi qua, chồng vẫn không thấy trở về mà âm tín cũng vắng bặt. Buồn rầu, đau khổ, nàng bồng con trèo lên đỉnh núi cao, trông ra ngoài biển cả, mỏi mòn tìm xem có thấy cánh buồm của chồng xuất hiện đâu không? Nhưng than ôi:

Bao năm đâu quản gió mưa,

Bồng con đứng đợi vẫn chưa thấy về,

Thời gian phai xóa lời thề,

Mẹ con hóa đá bên lề tháng năm.

(Thơ của Bình Nguyên Lộc).

Từ đấy, những bạn thuyền đi biển, khi qua miền Trung, thấy buồm không căng gió, liền hát lên câu ca dao để mong nàng Vọng Phu giúp đỡ:

Lạy bà cho thổi gió nồm,

Chồng bà ở Quảng giong buồm theo vô.

Hay là:

Lạy bà cho thổi gió đông,

Cho thuyền tôi chạy cho chồng bà lên.

Trống Cơm

Không ai biết trống cơm ra đời từ lúc nào. Chỉ biết đại khái là các cụ ta thường dùng nó trong những dịp tế lễ thần thánh, những buổi hát chèo. Nhất là trong việc đưa mạ

Đó là một thứ trống mình dài và nhỏ, một loại trống Việt Nam hoàn toàn từ hình dáng, âm thanh cho đến cách biểu diễn. Khi tấu nhạc, nhạc công phải đeo dây trống lên cổ, để trống nằm ngang trước bụng và vận dụng 10 ngón tay khéo léo của mình trên cả hai mặt trống.

Có một điều khác thường là người ta hay đính thêm nắm cơm nếp nhỏ trên mặt trống. Có lẽ cũng vì vậy mà chiếc trống ấy được mang một danh hiệu nôm na là "Trống cơm" chăng? Tuy vậy có một vài nơi thuộc tỉnh Bắc Ninh như làng Đình Bảng, làng Phù Đổng chẳng

hạn, nhạc công không bao giờ đính cơm trên mặt trống.

Theo những nhà khảo cứu về nhạc cụ Việt Nam, dưới triều vua Lê Thánh Tông, đời Hồng Đức (1470), ba ông Trần Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế Vinh đã dựa trên nền tảng âm nhạc Trung Hoa, lập thành hai bộ nhạc cho triều đình Việt Nam. Đó là bộ Đồng Văn, chuyên đặt ra nhạc phổ, và bộ Nhã Nhạc chuyên dùng tiếng người để ca hát. Hai bộ nhạc này hoạt động dưới sự điều khiển của quan Thái Thường Quản Đốc, và chỉ chuyên dùng trong việc tế lễ ở triều đình. Nhạc cụ có nhiều thứ: một trống lớn, một kèn lớn, một long sinh, một long phách, một cây đàn có thể ba, bốn hay mười lăm dây, một sáo trúc, một trống mảnh một mặt và một cái sinh tiền.

Cũng trong thời kỳ này, những giàn nhạc giáo phường của tư nhân ra đời và bắt đầu hoạt động mạnh mẽ trong dân gian đi song song với hệ thống âm nhạc của triều đình. Nhạc cụ gồm có: một dùi nhịp bằng tre thường do bà cụ già đánh nhịp; một ống sáo, một cây nhị quyển, một trống cơm, một cây đàn đáy do bốn, năm nhạc công sử dụng; một phách; một sinh tiền, một

trống con một mặt do ba nữ nhạc công trẻ tuổi vừa ca hát vừa giữ nhịp.

Ta nhận thấy những nhạc cụ trong hệ thống âm nhạc của giáo phường mới có trống cơm. Vậy có thể nó là một nhạc cụ cổ sơ của dân tộc, chính do hạng bình dân khi xưa sáng tạo chăng?

Hình dáng trống cơm mộc mạc bao nhiêu thì tiết điệu của nó phong phú bấy nhiêu. Nghe "Trống cơm" nhứt định chúng ta không thể lẫn lộn nó với những bài ca ngoại quốc. Nó có giọng u buồn gợi tâm hồn người nhớ đến hình ảnh quê hương xa xôi hay nhớ đến một mối tình tan vỡ, một niềm tang tóc bi thương của một thành sầu vạn cổ...

Tục truyền rằng: Ngày xưa có một nho sinh rất nghèo, thi mãi không đỗ, túng cùng phải đi xin ăn. Hằng ngày, khi sang ngang nhà của một phú hộ thì có một cô bé ở chực sẵn đem cho cơm trắng canh ngon. Công việc đó cứ theo thời gian trôi qua một cách đều đặn.

Suốt năm trời như thế, chàng nho sinh vô cùng cảm

động nhưng không khỏi ngượng ngùng. Một hôm, chàng tỏ lời cám ơn cô bé và không nhận lãnh của cho nữa. Chàng lại từ giã, đi sang ở làng khác kiếm ăn. Cô bé thực thà cho biết việc làm của cô là vâng theo lời dạy của cô Hai, con gái của chủ nhà mà thôi. Ơn đó là ơn của cô chủ.

Chàng cảm động, yêu cầu xin gặp mặt cô chủ để tỏ lời cám ơn và từ giã. Cô bé ở hẹn lại hôm sau, để xem cô chủ có bằng lòng không, rồi sẽ cho biết. Nếu cô chủ bằng lòng cho gặp mặt thì chàng cứ chờ tại chỗ này.

Hôm sau, chàng vừa đến thì đã gặp ngay cô chủ nhà đứng đợi. Nàng rất đẹp. Chàng nho sinh cúi đầu, chấp tay xá nhưng nàng khoát tay vội nói:

- Tôi đã hiểu ý chàng muốn nói gì rồi. Tôi ở đây lâu rất bất tiện, mà chàng cũng không cần phải nói ân nghĩa gì. Sở dĩ, tôi giúp chàng vì biết chàng lỡ vận và cảm thương người trong bước đường cùng mới ra nông nỗi, không lẽ chí của người con trai chịu cùng nhụt như vậy mãi sao?

Đoạn, nàng trao cho chàng một cái bọc bằng giấy, nói tiếp:

- Nay chàng từ giã đi, tôi xin tặng một số bạc và một cây thoa vàng để chàng tìm cách lập nghiệp. Một ngày nào thành đạt, chàng sẽ trở về quê. Chừng ấy...

Nàng bỏ lửng lời nói, lại quày quả thoăn thoắt đi.

Chàng nho sinh vô cùng cảm động.

Theo lời người ngọc dặn dò, chàng cần phải tạo lấy một sự nghiệp, nhưng sự nghiệp gì? Chàng không duyên số với đường công hầu danh tướng thì chàng phải chuyển sang nghê khác. Bất cứ nghề gì cũng tốt đẹp cả miễn đừng làm điều gì phi nghĩa. Thế là chàng đeo đuổi môn âm nhạc, một nghệ thuật trong 7 nghệ thuật.

Thời gian 3 năm, chàng đã thành tài và lãnh đạo một giáo phường. Chàng hớn hở, vui tươi vội quay về quê xưa mong gặp mặt người ân nhân yêu quý. Nhưng thảm thay, chàng vừa đặt chân về nhà nàng, thì gia đình nàng đương làm đám táng cho nàng. Nàng vừa chết trong một

cơn bạo bịnh!

Chàng nhạc sĩ tài hoa vô cùng đau đớn. Chàng muốn đưa đám táng cho nàng. Chàng muốn khóc kể nàng. Chàng muốn để tang cho nàng. Nhưng phải làm sao để mọi người đừng biết việc làm của chàng đối với con người đã khuất?

Chàng liền xin cha nàng cho chàng đem phường nhạc của chàng đến để đưa vong linh người chết. Chàng sáng tạo một cái trống nhỏ dài, hai mặt trống có đính hai nắm cơm nhỏ, để nhắc lại kỷ niệm sâu xa cao đẹp là ngày xưa, nàng đã cho cơm chàng ăn. Sợi dây trống đeo lên cổ bằng vải trắng là chàng để tang nàng.

Lúc đưa đám chàng mang trống cơm lên cổ, để trống nằm ngang trước bụng, vận dụng mười ngón tay vỗ trên mặt trống, phát thành tiếng kêu bi ai, tha thiết:

- "Tình tang, tang tình! Tình tang, tang tình!..."

Đó là tiếng khóc kể kín đáo của chàng đối với người yêu có một tâm tình cao thượng, thanh khiết. Đó là tiếng

nức nở ở cõi lòng của một nghệ sĩ đối với mối tình đầu đã tan vỡ, mà chàng chỉ còn mượn lấy âm thanh của "Trống cơm" để tiễn vong linh nàng.

Tục truyền là như thế.

Ngày nay, trong những đám tang, người ta vẫn còn dùng "Trống cơm". Và, người ta vẫn còn hát "Trống cơm", nhứt là ở vài làng thuộc tỉnh Bắc Ninh. Dưới đây là bài hát "Trống cơm" do ông Lý Tiến Thành, một danh ca quan họ ở làng Bái Uyên, tỉnh Bắc Ninh, hát; và nhạc sĩ Trần Văn Khê ghi lời:

"(Tình bằng có cái) trống cơm (khen ai) khéo vỗ (ố mấy bông) nên bông (ố mấy...)

"(Bông nên bông), một bầy (tang tình) con nít, (một bầy tang tình con nít ố mấy...)

"(lội), lội, sông (ố mấy) đi tìm (em nhớ thương ai). (Đôi) con mắt (ố mấy) lim...

"Dim, đôi con mắt (ố mấy) lim dim, một bầy (tang tình) con nhện (ơ...

"(Ơ ố mấy) giăng tơ, giăng tơ (ố mấy) đi tìm (em nhớ) thương ai. Duyên...

"Nợ (khách) tang bồng, duyên nợ (khách) tang bồng."

Kê Khang Này Khúc Quảng Lăng…

Trên đồ sứ Trung Hoa, ta thường thấy vẽ 7 ông cụ già ngồi trong rừng tre, kẻ đánh cờ, gẩy đàn, người uống rượu ngâm thơ. Đó là hình ảnh của Trúc Lâm Thất Hiền đời nhà Ngụy (220-264). Kê Khang là một trong bảy người hiền này.

Kê Khang (223-262) là một người có khí tiết cao khiết giàu lòng nghĩa hiệp và cũng là người có biệt tài trong các môn cầm, kỳ, thi, họa... Một điều lạ hơn hết là mặc dù có tài như thế, nhưng ông không học qua một thầy nào. Từ nhỏ chí lớn, ông cố công tự học, rèn luyện mà nên.

Kê Khang vốn họ Khuê, người đất Thượng Ngu, huyện Cối Kê (nay là huyện Thiện Hưng, tỉnh Chiết Giang). Vì một sự thù oán nên ông dời về ở ẩn huyện Hoa Dương, tỉnh An Huy Gần chỗ ông ở có núi Kê Sơn

nên lấy núi Kê làm họ.

Kê Khang cũng như 6 người bạn kia đều thích an nhàn dật lạc, say mê đạo Lão Có kẻ nói: "Ba ngày không đọc "Đạo Đức kinh" thì miệng thấy hôi". Ông làm đến chức Trung Tán đại phu nhưng luôn luôn chê vua Thang, vua Võ, khinh Văn Vương và Khổng Tử. Thơ của ông có giọng triết lý:

Mắt tiễn hồng bay,

Tay gẩy năm dây.

Cúi ngửa tự đắc,

U huyền thích thay

(Bản của Nguyễn Hiến Lê)

Nguyên văn:

Mục tống phi hồng,

Thủ huy ngũ huyền.

Phủ ngưỡng tự đắc,

Du tâm thái huyền.

Kê Khang làm quan một thời gian rồi từ quan đi trú ẩn, để hưởng cảnh tiêu diêu lúc về già. Nhưng thảm thay, ông muốn tránh khỏi điều phiền lụy ở cõi trần thì lại còn lận đận vì trần.

Từ quan, Kê Khang sống một cuộc đời ẩn dật, ngày ngày ngao du sơn thủy, hái thuốc, vui say với vần thơ điệu đàn.

Bấy giờ, nhà Ngụy suy vi, Tư Mã Chiêu có ý muốn soán ngôi nên tìm mọi cách để trừ khử những kẻ nghịch với mình. Lúc ấy ở huyện Đông Bình có người tên Lữ An vì ngưỡng mộ danh tiếng của Kê Khang nên tìm đến ra mắt. Hai người kết bạn tâm giao. Chẳng ngờ Lữ An có một người anh họ tên Lữ Tốn vốn là bộ hạ thân tín của Tư Mã Chiêu, ỷ thế hoành hành, thấy vợ của Lữ An xinh lịch nên chiếm đoạt và bắt Lữ An hạ ngục.

Vì tình bạn, Kê Khang đứng ra minh oan nhưng rồi

cũng bị bọn quyền thần bắt giam. Kê Khang vốn con rể trong tông thất nhà Ngụy, nên họ muốn tìm cách trừ tuyệt. Chúng lại dựng chứng Kê Khang khinh vua Thang, vua Võ, Khổng Tử là có ý phản loạn nên kết án tử hình.

Kê Khang vốn có tài đàn. Khúc "Quảng Lăng" do ông sáng tác. Đánh lên khúc đàn nghe lưu loát, thảnh thoát như nước chảy (lưu thủy), mây bay (hành vân).

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn tả tiếng đàn của Kiều khi nàng gẩy cho Kim Trọng nghe buổi sơ ngộ, có câu:

Kê Khang này khúc Quảng Lăng,

Một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân.

Có người cho rằng đây là hai bản nhạc Lưu thủy và Hành vân, nhưng so với mạch văn thì không phải như thế. Lưu thủy, Hành vân đây là giải thích cái điệu lưu loát của khúc Quảng Lăng.

Con "Quốc Quốc"

Con "Quốc quốc" vốn là chim Cuốc. Tiếng "quốc quốc" do cách tá âm "cuốc cuốc" mà ra. Trong bài "Qua đèo Ngang" của bà huyện Thanh Quan, có câu:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Chim Cuốc còn có tên là Đỗ Quyên, Tử Quy hay Đỗ Vũ. Giống chim này, đầu mỏ hơi cong, miệng to đuôi dài, lưng màu tro, bụng sắc trắng có một đường đen thẳng ngang. Nó thường lủi trong bụi rậm dưới ao sâu hoặc hồ rộng. Cuối xuân sang hè thì bắt đầu kêu. Giọng thê thảm khiến khách lữ hành động lòng nhớ nhà, nhớ quê hương.

Chim này không tự làm tổ lấy, đẻ trứng vào ổ chim

Oanh. Chim Oanh ấp, nuôi cho đến lớn.

Sự tích chim Cuốc có nhiều thuyết.

Có điển cho rằng vua nước Thục là Đỗ Vũ thông dâm với vợ một bề tôi là Biết Linh, Biết Linh dấy loạn. Vua Thục thất bại, mất ngôi, chạy trốn vào rừng. Đoạn này sách "Thành đô ký" lại nói: Vua Thục thông dâm với vợ Biết Linh. Biết Linh biết chuyện, bày kế cho vợ nói khích Đỗ Vũ nhường ngôi cho Biết Linh rồi cùng vợ Biết Linh bỏ nước đi, để sống cho trọn tình chung. Đỗ Vũ nghe theo, giao nước cho Biết Linh nhưng vợ Biết Linh bây giờ bỏ Đỗ Vũ, trở lại sống cùng chồng.

Buồn khổ, nhớ nước, sau thác, Thục đế hóa thành chim Đỗ Quyên, ngày đêm kêu mãi không thôi.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du đoạn tả về khúc đàn của Kiều gảy cho Kim Trọng nghe lúc tái hợp, có câu:

Khúc đâu êm ái xuân tình,

Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ Quyên.

Lại cũng có điển chép: Thục đế An Dương Vương của nước ta (207 trước D.L.?), vì con gái là Mỵ Châu bị lừa, trao nỏ thần cho chồng là Trọng Thủy nên phải thua trận và nhảy xuống biển tự tử. Vì nhớ nước nên hóa thành chim Cuốc, ngày đêm kêu lên những tiếng não ruột.

Thuyết sau này e không đúng. Vì tiếng "Đỗ Quyên", "Đỗ Vũ" nguồn gốc vốn ở Trung Hoa.

Thật không có tiếng gì kêu bi thảm, não ruột cho bằng tiếng chim Cuốc. Những buổi trưa hè nắng chang chang hay những đêm hè tịch mịch, tiếng chim Cuốc trong những bụi rậm hay trong bụi niễng dưới đầm vọng lên làm lòng người cảm thấy bi ai một cách lạ lùng. Nó gợi lên được sự nhớ nhung một thời oanh liệt xa xôi nào; có khi nó thúc giục và làm bừng dậy cái tinh thần ái quốc nồng nàn đương tiềm tàng trong lòng người dân thời nước mất nhà tan.

Thi ca cổ điển Việt Nam dùng rất nhiều điển về chim Cuốc.

Trần Danh An, một di thần nhà Lê (1428-1788), nghe tiếng Cuốc kêu cũng cảm xúc, nhớ lại một triều đại hưng thịnh, một công nghiệp dựng nước của Thái Tổ, tài đức Thái Tông... Hôm nay, Chiêu Thống hèn nhát, họ Trịnh chuyên quyền, lòng ái quốc thiết tha sống động trong tâm hồn thi sĩ; nhưng thi sĩ cảm thấy mình bất lực trước thời cuộc nên đành gói ghém tâm sự di thần của mình trong mấy vần thơ:

Giá cô tại giang Nam

Đỗ Quyên tại giang Bắc

Giá cô minh gia gia

Đổ Quyên minh quốc quốc.

Vi cầm do hữu quốc gia thanh,

Cô thần đối thử tình vô cực.

Nghĩa:

Chim giá cô ở bờ sông Nam,

Chim Đỗ Quyên ở bờ sông Bắc,

Giá cô kêu gia gia,

Đỗ Quyên kêu quốc quốc

Chim nhỏ còn kêu tiếng nước nhà

Cô thần đối cảnh tình man mác.

Bà huyện Thanh Quan khi qua đèo Ngang đã mượn tiếng Cuốc kêu để diễn tả tâm trạng thầm kín của mình đối với công nghiệp của triều Lê đã mất:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Nhưng tiếng Cuốc ở đây lại càng lâm ly, não nùng hơn nữa.

Đứng trước thành Cổ Loa, xưa kia nơi đây là cung miếu của vua Thục, nhà thơ Chu Mạnh Trinh bất giác sinh lòng hoài cổ. Cung miếu đó, xưa kia tráng lệ huy hoàng bao nhiêu thì ngày nay điêu tàn quạnh quẽ bấy

nhiêu. Trong cảnh vắng vẻ lạnh lùng này, dưới ánh trăng mờ nhạt, tiếng cuốc khắc khoải năm canh vọng lên buồn bã.

... Cung miếu triều xưa đây vắng ngắt,

Trăng mờ khắc khoải Cuốc kêu thâu

(Bản dịch của Tiền Đàm)

Nguyên văn:

... Tịch mịch tiền triều cung ngoại miếu,

Đỗ Quyên đề đoạn nguyệt âm âm.

Tiếng Cuốc của quan Án Chu Mạnh Trinh tuy có não nuột thật nhưng chưa sâu xa thấm thía và bi đát bằng tiếng Cuốc kêu của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến. Tiếng Cuốc của Cụ Nguyễn là tất cả tiếng nói của lòng một người dân tha thiết yêu nước bị mất nước. Tiếng Cuốc đó còn nói lên một mối đau buồn uất hận của tác giả vì nỗi bất lực trước cảnh đen tối của thời cuộc. Và, đó cũng là tiếng nói của lương tâm thôi thúc

tác giả xông pha vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc:

Khắc khoải sâu đưa giọng lửng lơ,

Ấy hồn Thục đế thác bao giờ.

Năm canh máu chảy đêm hè vắng,

Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.

Có phải tiếc xuân mà đừng gọi?

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?

Ban đêm ròng rã kêu ai đó?

Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.

Mượn tiếng Cuốc kêu để diễn tả tâm sự của một người dân vong quốc vẫn là một thông lệ trong văn chương Việt Nam.

"Thục đế", "Đỗ Quyên", "Quốc quốc" đều do điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Khối Tình Mang Xuống Tuyền Đài Chưa Tan

Bên Trung Hoa, tại vùng Trúc Giang có một chàng lái buôn tên Quan Diệp Nhược yêu một nàng thôn nữ tên Tần Thúy Hải. Cả hai yêu nhau thắm thiết, nguyện cùng kết tóc, se tơ cho đến ngày răng long tóc bạc.

Quan Diệp Nhược thường đi buôn bán nơi xa. Mỗi chuyến đi có cả hàng tháng. Và, mỗi chuyến đi như thế, chàng đều có hẹn ngày về với nàng. Đúng ngày, nàng Tần Thúy Hải đến đón người yêu. Lần nào cũng đúng hẹn cả.

Thời gian xa nhau không lâu nhưng họ đều cảm thấy dài đăng đẳng. Nỗi nhớ thương vẫn canh cánh bên lòng. Nhưng vì sự nghiệp, họ đành phải chịu đựng và cầu mong ngày tái ngộ.

Mùa thu năm ấy, ngô đồng vừa rụng lá, Quan Diệp

Nhược lại phải từ giã, tạm chia tay cùng người yêu, lên đường sang Hồ Bắc buôn châu báu với mấy người bạn. Cũng như thường lệ, nàng Tần ra tiễn Quan hẹn ngày này tháng sau sẽ trở về.

Nhưng chuyến này lại khác.

Đến ngày hẹn, nàng Tần trang điểm, hớn hở vui tươi để ra đón người yêu. Nàng mỏi mắt trông chờ suốt ngày đêm mà không thấy bóng chàng trở về. Rồi ngày này sang ngày khác, mấy lần thu qua đông đến nàng mỏi mòn chờ đợi, nhưng người yêu xưa lại chẳng thấy về, tin tức cũng vắng bặt. Hay là chàng đã bỏ mình nơi đất khách quê người? Nàng quằn quại sống trong cảnh sầu thương, mong nhớ.

Rồi, một ngày đông lạnh lẽo, tuyết rơi phủ trắng cả vòm trời, nàng Tần trút hơi thở trên giường bịnh.

Theo tục lệ ở địa phương, những gái tiết trinh chết được hỏa táng thi hài. Lửa đã đốt cháy người trinh nữ, xương thịt nàng Tần đã trở thành tro bụi, nhưng khi người ta bới đám tro tàn lạnh lẽo ấy bắt gặp một quả tim

đóng thành một khối long lanh như ngọc. Lửa không sao đốt cháy, búa đập cũng không tan. Ai cũng lấy làm lạ, cho đó là khối tình u uất của nàng vì tương tư thương nhớ người yêu, vì quá đau khổ nỗi duyên phận bẽ bàng... Tuy thân xác đã tiêu tan mà khối tình vẫn còn mãi mãi.

Nhưng rồi, một hôm Quan Diệp Nhược lại trở về. Sở dĩ chàng sai lời hẹn ước vì chàng gặp phải tai nạn bất ngờ. Ngày về giữa đường chàng bị giặc cướp cả tiền bạc, thuyền bè, làm chàng phải lênh đênh phiêu bạt, lại lâm trọng bịnh, tưởng là bỏ xương nơi đất khách.

Cảm thương người yêu vì quá thương nhớ mình mà chết, Quan Diệp Nhược lấy làm đau đớn vô cùng. Chàng cầm lấy quả tim thành ngọc của người yêu mà khóc nức nở. Lạ thay, nước mắt của chàng rỏ xuống thì viên ngọc ấy lại tan ra hòa theo giọt nước mắt của chàng.

Bên Việt Nam ta cũng có một truyện giống như trên.

Trương Chi làm nghề lái đò. Một con thuyền bềnh bồng trên mặt nước, hằng ngày đưa khách sang sông. Chàng Trương vốn có tâm hồn nghệ sĩ. Những khi

hoàng hôn vừa tắt sau dãy đồi xa, bóng đêm bao phủ khắp không gian, lửa cháy lốm đốm nổi theo dòng nước, thì chàng lại cất tiếng hát vang lên. Giọng chàng trong trẻo, thánh thót như giọng hót của sơn ca vào buổi bình minh.

Tiếng hát của Trương lại đồng vọng rót vào lầu tây của một quan Tể tướng, làm động lòng của nàng trinh nữ Mỵ Nương. Mỗi đêm, nàng đứng tựa bên lầu chờ nghe tiếng hát của chàng Trương. Một mối tình thầm kín, sâu xa giữa nàng tiểu thư, con quan Tể tướng với anh lái đò ngày càng thắm thiết, mặn nồng.

Vắng tiếng hát của Trương Chi, Mỵ Nương bàng hoàng, nhớ thương, đau khổ. Nàng mang nặng một mối tình cảm. Rồi từ ấy, nàng mắc phải bịnh tương tư ngày càng trầm trọng, thuốc thang không chữa được. Chỉ mỗi lần có tiếng hát ngoài sông văng vẳng đưa vào thì bịnh của nàng mới đỡ được đôi phần.

Biết con gái say mê tiếng hát anh lái đò, quan Tể tướng cho đòi Trương Chi đến. Nhưng thảm thay, diện mạo của Trương Chi quá xấu xí, Mỵ Nương trông thấy

chán nản, bịnh tương tư lại khỏi hẳn.

Tưởng rằng đòi đến sẽ được hàn thuyên cùng người ngọc, không ngờ lại chán chường nỗi tủi nhục, Trương Chi lấy làm đau đớn. Về nhà, hình bóng yêu kiều của Mỵ Nương ám ảnh mãi. Trương lâm bịnh tương tư, thuốc thang chạy chữa không khỏi. Cuối cùng Trương chết trong tủi hận sầu đau vì mối tình tuyệt vọng.

Ba năm cải táng, xương thịt của Trương đều tan rã, chỉ nguyên có quả tim còn lại đóng thành khối ngọc rất đẹp. Có người đem dâng ngọc quả tim của Trương cho quan Tể tướng. Thấy ngọc lớn và đẹp, Tể tướng cho tiện thành chén uống nước trà.

Mỵ Nương lấy chén ngọc rót nước uống. Vừa nâng chén lên thì trong chén lại hiện ra một chàng lái đò vừa chèo đò vừa hát, giọng văng vẳng não nùng như phảng phất đâu đây. Nàng nhìn kỹ là hình bóng của Trương Chi đương hát trên sông vắng.

Cảm mối tình tha thiết của Trương Chi, Mỵ Nương đau đớn, ôm chén ngọc, khóc nức nở. Nước mắt của

nàng rỏ xuống chén ngọc làm chén ngọc vỡ tan hòa theo nước mắt của nàng.

Sử ta cũng có chép:

Nhà Hậu Lê (1533-1788), vua Tây Sơn là Nguyễn Huệ đem quân sang đánh Bắc Hà, vua cuối cùng nhà Hậu Lê là Lê Chiêu Thống bỏ chạy sang Tàu cùng một số quan tòng vong. Chiêu Thống mong cầu viện vua nhà Thanh đem binh sang giúp mình mong dựng lại cơ đồ.

Nhưng quân nhà Thanh vừa bị vua Quang Trung Nguyễn Huệ đánh bại tại trận Đống Đa, vua Càng Long nhà Thanh vỡ tan mộng xâm lược nên bằng lòng chịu hòa với Tây Sơn, do đó sự cầu viện của vua Lê bất thành. Vua nhà Thanh lại còn bạc đãi, sỉ nhục vua Lê đến điều, bắt các quan lại tòng vong như Lê Quỳnh, Trịnh Hiến cả thảy 10 người phải đổi áo gióc bím như dân nhà Thanh và còn đày họ mỗi người ở mỗi nơi.

Vua Chiêu Thống lấy làm tủi nhục. Hoàng tử lên đậu chết, nhà vua càng buồn bã rầu rĩ hơn nữa nên lâm phải bịnh ngày thêm trầm trọng, rồi mất (1793).

Khi vua Gia Long lên ngôi, năm 1802, sai sứ sang Tàu cầu phong, các quan nhà Lê nhân dịp dâng biểu xin đem hài cốt vua và hoàng hậu về nước. Vua Gia Khánh nhà Thanh bằng lòng.

Trong lúc đào đất lên để cải táng mả vua Lê thì thấy da thịt đã tiêu cả, chỉ còn có quả tim không nát, vẫn đỏ như thường. Ai trông thấy cũng động lòng thương xót. Ông Trần Trọng Kim, soạn giả quyển "Việt Nam sử lược" chép đến đoạn này có lời phê: "Dẫu chuyện đó thực hư thế nào mặc lòng, nhưng tưởng đến tình cảnh vua Chiêu Thống lúc bấy giờ, thì ai cũng ái ngại thay cho ông vua một nước phải đày đọa đến nỗi như thế, có thể làm một bài bi kịch thảm xót muôn đời. Tuy rằng tại vua tôi nhà Lê vụng tính cho nên bị người ta đánh lừa, nhưng cũng nên trách vua quan nhà Thanh xử tệ bạc đãi một ông vua vong quốc, đem thân đến nương nhờ nước mình. Ấy cũng là một thời dã man về đời áp chế, khiến cho cái oan khổ của người ta muôn đời về sau không tiêu thoát đi được."

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn Kiều bán mình cho Mã Giám Sinh

trước khi theo về Lâm Truy, nàng ngồi đối bóng với ngọn đèn khuya, nhớ đến mối tình đầu giữa nàng và Kim Trọng vì gia biến mà phải dang dở, bẽ bàng nên than thở:

Biết bao duyên nợ thề bồi,

Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì.

Tái sinh chưa dứt hương thề,

Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Nợ tình chưa trả cho ai,

Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Trường Hận Ca

Hoàng đế Đường Huyền Tông, họ tên thật là Lý Long Cơ, sau này hay gọi là Đường Minh Hoàng, nhà vua thứ chín đời nhà Đường (618-907). Lúc thiếu thời là một người anh vũ, có tài thao lược. Dưới triều đại của ông, đất nước được thanh bình. Nhưng mấy năm sau cùng, nhà vua đã 50 tuổi, đâm ra si mê Dương Quí Phi tức Dương Ngọc Hoàn, lại tin dùng bọn Dương Quốc Trung (anh họ của Dương Quí Phi), Lý Lâm Phủ,... nên quốc chính ngày càng suy tệ.

Lúc bấy giờ có tướng An Lộc Sơn, người Hồ, quê ở vùng Nhiệt Hà là người rất thông minh, được nhà vua tin mến. Nhứt là đối với Quí Phi, họ An rất được yêu thương. An xin làm con nuôi của Quí Phi để được phép ra vào cấm uyển mà khỏi ai dị nghị. Nhà vua mù quáng lại vui lòng ưng thuận.

Vì có sự hiềm khích với Tể tướng Dương Quốc Trung, An Lộc Sơn sợ bị ám hại nên bỏ trốn, rồi cử binh từ quân Ngự Dương, tự xưng hoàng đế, đánh thẳng vào kinh đô Trường An. Binh triều đại bại, vua cùng một số quần thần phải bỏ kinh thành chạy vào đất Thục.

Đến Mã Ngôi, tướng sĩ không chịu đi nữa, lại đồng nhau phải giết chết quyền thần Dương Quốc Trung; và bức vua phải đem thắt cổ con người ngọc thì họ mới chịu phò vua. Vì họ cho rằng Quí Phi là mầm sinh đại loạn.

Lương thực hết, quân sĩ khổ mệt, căm tức. Gặp bước đường cùng, nhà vua đành giấu mặt, cắt lòng mà "hy sinh người yêu khuynh quốc".

Sau, loạn dẹp xong, Đường Minh Hoàng trở về Trường An. Đế đô còn đó, mà con người ngọc yêu dấu ngày xưa nay đâu còn nữa. Nỗi nhớ thương dào dạt, dằng dặc đầy lòng.

Mối tình vương giả này, rồi sẽ bị chìm trong lãng quên của thời gian, nếu không có ngòi bút tài hoa tuyệt

vời của Bạch Cư Dị tô điểm cho thêm phần lâm ly, chua xót.

Bạch Cư Dị tự Lạc Thiên, người đời nhà Đường, quê ở Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, đậu Tiến sĩ năm 27 tuổi, nhận chúc Hàn lâm học sĩ. Có lúc ông bị biếm làm Tư mã đất Giang Châu. Sau, ông giữ chức Thứ sử ở Tô Châu, Hàng Châu. Về già, được thăng Hình bộ thượng thư.

Chứng kiến được cảnh thảm khốc của một bi tình si lụy của Đường Minh Hoàng, họ Bạch để lòng cảm xúc bằng bài "Trường hận ca" (Hận tình muôn thuở).

Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc,

Ngữ vũ đa niên cầu bất đắc.

Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,

Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.

Thiên sinh lệ chất nan tự khí:

Nhất triêu tuyển tại quân vương trắc.

Hồi mâu nhất tiếu, bách mị sinh,

Lục cung phấn đại vô nhan sắc.

Xuân hàn tứ dục Hoa thanh trì,

Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi.

Thị nhi phù khởi kiều vô lực,

Thỉ thị tân thừa ân trạch thì,

Vân bấn hoa nhan kim bộ diêu.

Phù dung trướng noãn độ xuân tiêu.

Xuân tiêu khổ đoản, nhật cao khởi.

Tùng thử quân vương bất tảo triều.

Thừa hoan thị yến vô nhàn hạ,

Xuân tùng xuân du, dạ chuyên dạ.

Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,

Tam thiên sủng ái tại nhất thân.

Kim ốc trang thành kiều thị dạ,

Ngọc lâu yến bãi túy hòa xuân.

Tỉ muội đệ huynh giai liệt thổ,

Khả liên quang thái sinh môn hộ

Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm

Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ.

Ly cung cao xứ nhập thanh vân,

Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ văn,

Hoãn ca mạn vũ ngưng ti trúc,

Tận nhật quân vương khan bất túc…

Ngư Dương bề cổ động địa lai,

Kinh phá Nghê Thường vũ y khúc.

Cửu trùng thành khuyết yên trần sinh

Thiên thặng vạn kỵ Tây Nam hành.

Thúy hoa diêu diêu hành phục chỉ,

Tây xuất đô môn bách dư lý.

Lục quân bất phát, vô nại hà,

Uyển chuyển nga my mã tiền tử,

Hoa điền ủy địa vô nhân thâu,

Thúy kiều kim tước ngọc tao đầu.

Quân vương yểm diện cứu bất đắc,

Hồi khan huyết lụy tương hòa lưu.

Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác,

Vân san oanh vu đăng Kiếm các.

Nga mi sơn hạ thiểu nhân hành,

Tinh kỳ vô quan nhật sắc bạc.

Thục giang thủy bích, Thục sơn thanh,

Thánh chúa triêu triêu mộ mộ tình.

Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc,

Dạ vũ văn linh trường đoạn thanh.

Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự,

Đáo thử trù trừ bất năng khứ.

Mã ngôi pha hạ nê thổ trung,

Bất kiến ngọc nhan không tử xứ,

Quân thần tương cố tận triêm y,

Đồng vọng đô môn tín mã quy.

Quy lai trì uyển giai y cựu:

Thái dịch phù dung Vị ương liễu.

Phù dung như diện liễu như my.

Đối thử như hà bất lụy thùy!

Xuân phong đào lý hoa khai nhật,

Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì.

Tây cung nam nội đa thu thảo,

Lạc diệp mãn giai hồng bất tảo.

Lê viên đệ tử bạch phát tân,

Tiêu phòng a giám thanh nga lão.

Tịch diện huỳnh phi tứ thiểu nhiên

Cô đăng khiêu tận, vị thành miên.

Trì trì chung cổ sơ trường dạ

Cảnh cảnh tinh hà dục dục thự thiên.

Uyên ương ngõa lãnh sương hoa trọng,

Phỉ thúy khâm hàn thùy dữ cộng

Du du sinh tử biệt kinh niên

Hồn phách bất tằng lai nhập mộng.

Lâm cùng đạo sĩ Hồng đô khách,

Năng dĩ tinh thành trí hồn phách.

Vị cảm quân vương tuyển chuyển tư,

Toại giao phương sĩ ân cần mịch

Bài vân ngự khí bôn như điện,

Thăng thiên nhập địa cầu chi biến.

Thượng cùng bích lạc hạ hoàng tuyền,

Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến.

Hốt đăng hải thượng hữu tiên san,

San tại hư vô phiếu diễu gian.

Lâu các linh lung ngũ vân khởi,

Kỳ trung sước ước đa tiên tử.

Trung hữu nhất nhân tự Thái Chân,

Tuyết phu hoa mạo sâm si thị.

Kim khuyết tây tương khấu ngọc quynh,

Chuyển giao Tiểu Ngọc báo Song Thành.

Văn đạo Hán gia thiên tử sứ.

Cửu hoa trướng lý mộng hồn kinh.

Lãm y thôi chẩm khởi bồi hồi,

Châu bạc ngân bình dĩ lỹ khai.

Vân kế bán thiên tân thụy giác,

Hoa quan bất chính hạ đường lai.

Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử

Do tự Nghê Thường vũ y vũ,

Ngọc dung tịch mạc lệ lan can.

Lê hoa nhất chi xuân đái vũ.

Hàm tình ngưng thế tạ quân vương

Nhất biệt âm dung lưỡng diễu mang.

Chiêu dương điện lý ân ái tuyệt

Bồng lai cung trung nhật nguyệt trường.

Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ,

Bất kiến Trường An kiến trần vụ

Duy tương cựu vật biểu thâm tình

Điền hợp kim thoa ký tương khứ.

Điền lưu nhất cổ hợp nhất phiến

Thoa bích hoàng kim hợp phân điện.

Đãn giao tâm tự kim điền kiên,

Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.

Lâm biệt ân cần trọng ký từ,

Từ trung hữu thệ lưỡng tâm tri,

Thất nguyệt thất nhật Trường sinh điện,

Dạ bán vô nhân tư ngữ thì,

Tại thiên nguyện tác tị dực điểu,

Tại địa nguyện vi tiên lý chi.

Thiên trường địa cửu hữu thời tận,

Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ.

Tác phẩm này đã có nhiều người dịch ra quốc văn, có bản bằng Pháp văn của Georges Soulié de Morant. Dưới đây là bản dịch của Yã Hạc và Trịnh Nguyên:

Vua Hán ước mơ người quốc sắc,

Bao năm tìm kiếm luống công toi.

Họ Dương có gái hoa đương nở,

Khóa kín buồng xuân, hận lẻ loi.

Sắc đẹp trời sinh khôn bỏ phí,

Ngai vàng một sớm được ngồi chung.

Một cười khêu gợi trăm mê luyến,

Xóa mất hồng nhan ở sáu cung.

Xuân lạnh, Hoa thanh hồ sẵn đó,

Suối tuôn dòng ấm tắm hoa khôi,

Vua ban ân trạch, con hầu nịnh

Sáng dậy phò nâng ẻo lả ngồi.

Ngày dạo sen vàng bay tóc mượt,

Đêm xuân trướng ấm ủ hoa đào.

Mặt trời lên vội, đêm xuân ngắn,

Từ đấy nhà vua nhãng thị trào.

Yến ẩm vui vầy thôi chẳng ngớt;

Đêm đêm xuân tứ lại xuân tình.

Ba ngàn cung nữ, ba ngàn mối,

Sủng ái từ đây thanh hầu thánh chúa,

Anh em nhuần gội ơn mưa móc,

Nhà cửa hàn vi rạng rỡ lây.

Thiên hạ đem lòng mơ phú quý,

Khinh trai trọng gái kể từ đây.

Ly Cung cao tít lồng mây biếc,

Tiên nhạc mê hồn vẳng bốn phương.

Sớm tối ca êm hòa múa dịu

Não nùng tơ trúc đắm quân vương.

Ầm ầm chiêng trống Ngư Dương dấy,

Khúc hát Nghê Thường hoảng vỡ tan.

Thành khuyết xôn xao mù khói bụi,

Xe rồng rong ruổi hướng tây nam.

Khi đi khi nghỉ, cờ phơ phất.

Trăm dặm đường Tây bước gập ghềnh.

Quân sĩ căm hờn, không chịu tiến:

Mày ngài trước ngựa phải hy sinh!

Hoa tai bỏ đất, không người nhặt,

Trăm ngọc thoa vàng lả tả rơi.

Đứt ruột quân vương đành giấu mặt.

Ngoảnh nhìn máu chảy lệ ràn trôi.

Bụi vàng tản mác đìu hiu gió,

Kiếm Các cheo leo sạn đạo dài.

Chân núi Nga Mi buồn bã vắng;

tinh kỳ nhợt thếch, mặt trời phai.

Nước non Ba Thục xanh xanh biếc,

Sớm tối nhà vua trĩu nhớ nhung.

Quạnh quẽ hành cung, trăng gợi thảm,

Đêm mưa chuông vắng tiếng đau lòng.

Trời xoay đất chuyển quày long ngự,

Chốn cũ ngừng thăm dạ ngẩn ngơ.

Mặt ngọc giờ đâu? Trơ tử địa,

Mã ngôi ảm đảm đất bùn nhơ,

Vua tôi nhỏ lệ đầm bâu áo,

Kinh khuyết vời trông tế ngựa về,

Về tới, vườn ao như thuở trước.

Vị ương lá liễu giống mày ai,

Phù dung Thái dịch trông như mặt.

Cảnh cũ tình xưa giọt lệ rơi!

Đào lý nở hoa xuân gió thoảng,

Mưa thu đổ rụng lá ngô đồng.

Tây cung Nam nội đầy thu thảo,

Phủ kín thềm hoang lá úa hồng.

Con hát Lê viên sầu tóc bạc,

Tiêu phòng thái giam hận răng long.

Tối nhìn đom đóm bay le lói.

Khêu cạn đèn khuya giấc chửa an.

Dằng dặc năm canh rền trống điểm,

Sông Ngân lấp lánh báo đêm tàn.

Mái lầu thánh thót rơi sương lạnh,

Đắp chiếc mền đơn, nhớ độ nào...

Sống thác bao năm đằng đẵng biệt,

Hương hồn sao chẳng hiển chiêm bao!

Lâm Cùng may có tay phương sĩ,

Một phép chiêu hồn dậy tiếng tăm,

Thương cảm quân vương trằn trọc nhớ,

Mới sai đạo sĩ cố truy tầm.

Cỡi mây lướt gió nhanh như chớp,

Lên tận trời cao xuống đất sâu.

Bích Lạ, Hoàng Thuyền đi khắp chỗ,

Mênh mông nào thấy bóng ai đâu!

Chợt nghe ngoài biển nơi không ảo,

Lơ lửng mơ hồ có núi tiên.

Cung điện chập chờn mây ngũ sắc.

Tiên nga tha thướt dạo trong đền,

Mặt hoa da tuyết riêng nàng nọ,

Phảng phất hình dung, tợ Thái Chân.

Gõ cửa hiên tây vàng rực rỡ,

Báo tin Tiểu Ngọc, nhắn Song Thành.

Nghe tin sứ giả đời vua Hán

Trướng gấm hồn mơ bỗng giựt mình.

Dã dượi ngồi lên, thu vạt áo,

Rèm châu bình lạc, mở lần ra.

Tóc mây lệch nửa, nghiêng nghiêng mũ

Bước xuống thềm loan, dáng thẫn thờ.

Tay áo gió lay bay phất phới,

Tưởng như đang múa Nghê Thường xưa.

Âm thầm mặt ngọc lưa thưa lệ,

In một cành lê điểm điểm mưa.

Ngầm sầu ngưng lệ, tạ quân vương,

Từ thuở âm dương biệt mỗi phương.

Trong điện Chiêu Dương, ân ái tuyệt,

Bồng lai tiên cảnh, tháng năm trường.

Ngoảnh đầu trông xuống nơi trần thế,

Chẳng thấy Trường An, thấy bụi mù.

Gởi tỏ tình tâm trong vật cũ,

Thoa vàng hộp đá kính dâng vua.

Hộp đá thoa vàng đem bẻ nửa,

Nửa thì giữ lại, nửa đưa trao,

Lòng sao chỉ nguyện như vàng đá,

Hạ giới thiên đình sẽ gặp nhau.

Lúc sắp lui về còn nhắn nhủ,

Nhắc lời thệ ước giữa đôi bên.

Năm xưa, trùng thất, Trường Sinh điện.

Vắng vẻ đêm khuya thủ thỉ truyền:

"Trên trời nguyện hóa chim liền cánh,

Dưới đất làm cây nhánh dính liền".

Trời đất lâu bền rồi sẽ tận,

Hận này muôn thuở vẫn miên miên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Hoa Đào Năm Ngoái ...

Thôi Hộ, một danh sĩ đời nhà Đường (618-907), nhân dự hội Đạp Thanh đến Đào Hoa Trang, gõ cửa một nhà xin được giải khát. Một thiếu nữ đứng thập thò bên cửa đưa nước cho chàng. Nàng đẹp, duyên dáng, e lệ. Chàng đưa tay tiếp lấy bát nước. Đôi tay trai gái chạm nhau. Nàng ngượng ngùng, cúi mặt xuống. Đôi má hây hây đỏ như đóa hoa đào. Chàng rụt rè, ngượng nghịu. Đoạn từ giã đi.

Nhưng rồi đèn sách và mộng công hầu không xóa mờ hình bóng của giai nhân. Đào Hoa Trang vẫn gợi lên một hình ảnh đầm ấm trong trí não, khiến lòng chàng nho sinh chan chứa biết bao tình cảm mặn nồng...

Rồi năm sau, ngày hội du xuân đến. Thôi Hộ tìm đến Đào Hoa Trang. Cảnh cũ còn đó, nhưng con người xưa vắng bóng. Cửa đóng then cài. Chỉ có ngàn hoa đào rực

rỡ phe phẩy theo gió xuân như mỉm cười, chào đón khách du xuân.

Ngẩn ngơ, thờ thẫn trước cảnh cũ quạnh hiu, Thôi Hộ ngậm ngùi:

- Hay là nàng đã về nhà chồng!

Từng bước một, chàng quay bước trở ra. Lòng cảm xúc vô hạn, rồi muốn ghi lại mấy dòng tâm tư của mình, chàng thảo mấy câu thơ trên cửa cổng:

Năm ngoái ngày này vẫn cửa trong,

Hoa đào mặt ngọc đối vầng hồng.

Mặt hoa nay biết đi đâu vắng?

Chỉ thấy hoa đào cợt gió đông.

Nguyên văn:

Khứ niên kim nhựt thử môn trung,

Nhơn điện đào hoa tương ánh hồng.

Nhơn điện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Chiều đến, nàng thiếu nữ họ Đào cùng thân phụ đi viếng người thân trở về. Nàng theo sau cha, chợt nhìn lên cổng thấy bốn câu thơ, nét chữ tinh xảo, ý thơ dồi dào, nàng hiểu rõ tâm tình của khách du xuân năm ngoái. Nàng buồn bã thở dài, hối tiếc duyên vừa gặp gỡ lại khéo bẽ bàng.

Rồi ngày này sang ngày khác, nàng thiếu nữ họ Đào vẫn tựa mình bên cửa cổng, mong đợi và hy vọng người khách hào hoa phong nhã xin nước năm xưa. Nhưng ngày lại ngày qua, mấy lần bóng chiều xuống, bóng người xưa chẳng thấy mà chỉ thấy vài cánh chim chiều bạt gió, lẻ loi từ ngàn phương kêu bạn đổ về bằng một giọng não nùng...

Nàng âm thầm gạt lệ. Nhưng lệ vẫn trào lên khóe mắt, đẫm lên đôi má. Rồi đông qua xuân đến, hè lại thu sang, lá rơi rụng bay lả tả phủ đầy thềm. Trời thu hiu hắt. Cảnh sắc thu thêm giục khách sầu đau. Rồi mỗi khi xuân

về, ánh thiều quang ấm áp, ủ ấp trên ngàn cây nội cỏ càng gợi lại nỗi nhớ nhung hình ảnh của ai làm dằng dặc cõi tâm tư.

Nàng cảm thấy đời hoàn toàn tuyệt vọng. Rồi từ ấy nàng bỏ ăn bỏ ngủ, thân hình tiều tụy, dung nhan võ vàng. Thân phụ ngày đêm lo lắng, tìm thầy thuốc. Nhưng nào biết đâu: "Nhược hữu lương y viên tuyệt mạng, tùng lai vô dược liệu tương tư" (Có thầy giỏi cứu được sự sống cho người, chớ không có thuốc chữa bịnh tương tư).

Biết không sống được, nàng đành thuật lại tâm sự của mình cho cha già nghe và xin tha tội bất hiếu. Người cha xúc động đau khổ cho số phần đen bạc của đứa con gái duy nhứt của mình. Nhìn thấy đứa con nằm thiêm thiếp trên giường như chờ đợi tử thần, ông lão thương con nóng lòng, đâm liều chạy tìm người đã đề thơ trên cổng. Nhưng hạc nội mây ngàn tìm đâu cho thấy.

Người cha đau khổ ấy bối rối, cứ chạy ra chạy vào, lòng mang một mong mỏi yếu đuối. Trong giờ phút cuối cùng may được gặp chàng trẻ tuổi xa lạ đã gây sóng gió

bão tố trong gia đình ông mà giờ phút này, ông cho là vị cứu tinh của gia đình, nên ông lại chạy kiếm nữa...

Vừa ra khỏi cổng, bỗng chạm phải một người. Ông ngửng mặt nhìn. Đó là một thư sinh tuấn tú. Thấy ông, mặt mày giàn giụa nước mắt, cử chỉ hốt hoảng, chàng thư sinh thăm hỏi. Ông vừa bươn bả đi vừa kể lể. Nhưng kể chưa dứt câu chuyện, chàng thư sinh bỗng ôm mặt khóc. Ông lão lấy làm ngạc nhiên, chưa kịp hỏi thì chàng thư sinh nói:

- Tôi là Thôi Hộ, người đã đề bài thơ trên cổng...

Chàng chưa dứt lời, ông đã mừng rú lên rồi lôi sền sệt chàng vào nhà, đưa thẳng đến phòng.

Nhưng nàng thiếu nữ cũng vừa trút hơi thở cuối cùng.

Nhìn nàng thiếu nữ nặng tình yêu đã vì chàng mà vóc liễu tiều tụy, dung nhan võ vàng, chết một cách thảm thiết, chàng cảm động quá, quỳ bên giường, cầm lấy tay nàng. Chàng úp mặt vào mặt nàng, khóc nức nở!

Lạ thay, nước mắt của chàng rỏ xuống mặt nàng thiếu nữ họ Đào, thì nàng bỗng từ từ mở mắt ra đăm đăm nhìn chàng, trên môi điểm một nụ cười tươi thắm. Nàng đã sống lại. Ông già họ Đào mừng rỡ. Chàng thư sinh họ Thôi hớn hở vui tươi.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả Kim Trọng sau khi về Liêu Dương hộ tang chú, quay trở lại vườn Lãm Thúy để tìm Kiều, có câu:

Trước sau nào thấy bóng người,

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Đó là do điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tiếng Đàn Tri Âm

Bá Nha, người đời nhà Tấn, làm quan Thượng Đại Phu. Một hôm đi sứ nước Sở trở về, đến sông Hán Dương, nhằm đêm Trung Thu trăng thanh gió mát, ông bảo quân dừng thuyền lại để uống rượu thưởng trăng. Thừa hứng, Bá Nha đem đàn ra gảy.

Nhưng bản đàn chưa dứt, dây đàn bỗng đứt. Bá Nha lấy làm kinh ngạc, nghĩ thầm:

- Chỗ này núi cao, non thẳm, sông dài, lẽ đâu có người biết nghe đàn làm cho dây đàn vội đứt. Hẳn đây là quân trộm cướp chăng?

Đoạn truyền quân lên bờ tìm bắt. Bỗng có tiếng một chàng trẻ tuổi vọng xuống:

- Xin đại nhân chớ nghi, tôi là đứa trẻ đốn củi mộc

mạc, thấy khúc đàn hay nên dừng chân nghe thử.

Bá Nha mỉm cười, bảo:

- Có lẽ đâu một tên tiều phu mà lại biết nghe đàn!

Chàng tiều phu đáp:

- Xin lỗi đại nhân! Đại nhân nói như vậy chẳng là lầm lắm. Thánh nhân xưa có nói: Hễ trong nhà có quân tử thì ngoài cửa có quân tử đến. Nếu đại nhân khi chỗ núi non rừng bụi không có người biết nghe dàn thì ở nơi sông vắng đêm khuya này chẳng lẽ có khách biết đàn.

Nghe có chiều hữu lý, nhưng Bá Nha lại hỏi:

- Ngươi bảo nghe được đàn, vậy ta đàn bài gì đây?

- Dạ, đại nhân đàn bài Đức Khổng Tử than tiếc thầy Nhan Hồi. Bài ấy như vầy:

Khả tích Nhan Hồi mạng tảo vương,

Giao nhân tư tưởng mấn như sương.

Chỉ nhơn lậu hạng đơn biều lạc,

Lưu đắc hiền danh vạn cổ dương.

Bá Nha cho là hay, mời khách xuống thuyền đàm đạo. Nhưng nhìn thấy khách là một chàng trai trẻ tuổi, quần bô áo vải thì có vẻ xem thường. Bá Nha không nói gì, ôm đàn sửa dây gảy một bản hướng về ý cao siêu. Bản đàn vừa dứt, chàng tiều phu cười nói:

- Hay! Hay! Ý đại nhân vọi vọi ở non cao (Nga nga hề chỉ tại sơn).

Bá Nha lại gảy một bản đàn khác hướng về tình cảm mênh mang, khoáng đãng. Chàng tiều phu cười nói:

- Hay! Hay! Ý đại nhân cuồn cuộn nơi nước chảy (Dương dương hề chí tại lưu thủy).

Bá Nha lấy làm khâm phục, đứng dậy xốc áo xin lỗi và hỏi danh tánh. Chàng tiều phu xưng là họ Chung tên Tử Kỳ.

Cả hai trò chuyện, lấy làm tương đắc. Bá Nha lại mời

Tử Kỳ cùng theo mình về triều để hưởng cuộc sống giàu sang. Tử Kỳ thở dài, bảo: Vì còn cha mẹ già, phận làm con phải ở bên quạt nồng ấp lạnh, thần tỉnh mộ quang phụng dưỡng.

Vì việc quan cần cấp, Bá Nha phải sớm về triều. Lại ước hẹn với Tử Kỳ là sang năm ngày này, tháng này, Bá Nha sẽ đem thuyền đến đón cả gia quyến của Tử Kỳ về triều, vậy chàng hãy chờ đợi tại đây.

Đoạn hai người từ giã nhau.

Rồi đến mùa thu năm sau, Bá Nha đem thuyền đến đón tại vàm sông Hán Dương cạnh núi Mã An. Bá Nha chờ đợi mãi nhưng không thấy Tử Kỳ đến. Buồn bã, Bá Nha lại ôm đàn gảy. Tiếng đàn hôm nay sao lại ai oán vô cùng. Lòng Bá Nha nghi hoặc một điềm bất thường xảy đến.

Sáng lại, Bá Nha lên bờ, lần bước thăm hỏi nhà Tử Kỳ. Đến nơi mới hay Tử Kỳ vừa chết trong một cơn bạo bịnh. Chung ông lại cho biết rằng: Trước khi chết, Tử Kỳ lại trối phải chôn chàng bên mé sông Hán Dương,

cạnh núi Mã An để chàng giữ lời hẹn với Bá Nha năm xưa là đến đó đón người.

Bá Nha tìm đến mộ Tử Kỳ, bày đồ tế lễ, rồi lấy đàn gảy một bài ai điếu và khóc lóc thảm thiết. Đàn xong Bá Nha bèn đập đàn vào đá tan nát, thề trọn đời không đàn nữa vì đã hết bạn tri âm.

Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên" của cụ Đồ Chiểu có câu:

Than rằng lưu thủy cao san,

Ngày nào nghe đặng tiếng đàn tri âm.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn Kim Trọng yêu cầu Kiều đánh đàn cho nghe, có câu:

Rằng: "Nghe nổi tiếng cầm đài,

Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ".

Cổ thi cũng có câu: "Bất tích ca giả khổ, Đãn thương

tri âm hy" nghĩa là: "Không tiếc người hát khó nhọc, chỉ đau đớn người tri âm ít mà thôi".

"Lưu thủy, cao san, tri âm, Chung Kỳ" đều căn cứ điển tích trên.

Liễu Chương Đài

Liễu Chương Đài trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn ta nỗi lòng nhớ thương quê hương và tình nhân của nàng Kiều lúc ở lầu xanh, có câu:

Nhớ lời nguyện ước ba sinh,

Xa xôi ai có biết tình chăng ai?

Khi về hỏi Liễu Chương Đài,

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!

"Chương Đài" là tên một con đường ở thành Trường An bên Tàu. "Hỏi Liễu Chương Đài" là hỏi thăm cây liễu ở đường Chương Đài. Đây có nghĩa là hỏi thăm người tình nhân cũ (tức là nàng Kiều).

Sở dĩ có nghĩa ấy do điển tích ở tình sử:

Đời nhà Đường, Hàn Hoành tuổi trẻ nổi tiếng là một người tài danh. Nhà nghèo kiết, lấy một nàng kỵ nữ họ Liễu ở Chương Đài.

Mấy năm sau, quan Tiết độ sứ ở châu Thanh là Hầu Hy Dật mến tài, tâu vua xin Hàn Hoành làm người giúp việc. Bấy giờ, đương lúc nhiễu loạn, Hàn không dám đem Liễu đi theo, để nàng ở lại kinh đô, định chờ dịp tiện sẽ về đón. Nhưng trải qua ba năm trời, Hàn vẫn không về đón được. Nhân lấy vàng đựng vào một cái túi gởi về cho Liễu, kèm theo một bài thơ:

Liễu ơi, hỡi Liễu Chương Đài,

Ngày xưa xanh biếc, hỏi nay có còn?

Ví tơ buông vẫn xanh rờn,

Hay vào tay khác, khó còn nguyên xưa!

Nguyên văn:

Chương Đài Liễu! Chương Đài Liễu!

Tích nhật thanh thanh kim tại phủ?

Túng sử trường điều tự cựu thùy,

Dã ưng phan chiết tha nhân thủ.

Liễu được thơ cũng đáp lại:

Xanh non cành liễu đương tươi,

Năm năm luống để tặng người biệt ly.

Thu sang quyện lá vàng đi,

Chàng về biết có còn gì bẻ vin!

(Bản dịch của Trúc Khê)

Nguyên văn:

Dương liễu chi, phương chi tiết,

Khả hận niên niên tặng ly biệt.

Nhất diệp tùy phong hốt báo thu,

Túng sử quân lai khởi kham chiết!

Lời thơ trao đổi thành một điềm gở báo trước.

Một thời gian, Hàn được trở về triều, tìm Liễu không thấy đâu cả. Dò hỏi tin tức, thì ra Liễu đã bị viên tướng Phiên rất có công trạng với triều đình tên Sa Tra Lợi thấy nàng có sắc đẹp nên cướp mất. Nàng bấy giờ được luyến ái hơn hết cả mọi phòng. Hàn buồn bã vô cùng, nỗi nhớ thương không sao khuây được.

May có một tráng sĩ trẻ tuổi tên Hứa Tuấn thương xót tình cảnh của Hàn, tìm mẹo cứu được Liễu. Bấy giờ vợ chồng được xum họp đầm ấm như xưa.

Tuyệt Diệu Hảo Từ

Thái Diễm cũng gọi là Thái Văn Cơ, một nữ sĩ tài hoa đời Tam Quốc (220-264). Cha nàng là Thái Ung, có tài thẩm âm vào bực nhứt cổ kim. Tương truyền, thấy một người chụm củi, ông bảo: "Tôi nghe tiếng củi đó nổ, biết là củi tốt, sao đem chụm cho uổng". Ông xin khúc củi về, làm một cây đàn, tiếng rất trong.

Nàng Thái Diễm lên 8 đã giỏi đàn. Có chồng là Vệ Đạo Giới nhưng lại góa chồng sớm, không con. Đương lúc Đổng Trác nổi loạn, nàng bị rợ phương bắc bắt về đất Phiên, phải sống tủi nhục ở với Hung Nô. Nàng nhớ quê hương, mới làm ra 18 khúc kèn rợ Hồ. Những bản nhạc này truyền vào Trung Nguyên. Tào Tháo là chúa nước Ngụy, trước vốn là bạn thân của cha nàng, nay lại thưởng thức bản nhạc, động lòng thương xót, mới sai người đem ngàn lượng vàng lên phương bắc chuộc nàng

về.

Vua đất Hồ là Tả Hiền vương vốn sợ uy thế của Tào Tháo phải cho người đưa nàng về Hán. Tháo lại đứng làm chủ gả nàng cho Đổng Kỷ.

Khi về nước, nàng Thái Diễm có làm bài "Bi phẫn thi" dài 540 chữ, tả nỗi long đong của nàng, lời cực kỳ thống thiết, mỗi chữ như một giọt lệ.

Dục tử bất năng đắc,

Dục sinh vô nhứt khả.

Bỉ sương giả ha cô?

Nãi lao thử ách họa!

Nghĩa:

Muốn chết mà không được,

Muốn sống thêm vất vả.

Hỡi trời xanh tội gì?

Bắt ta gặp tai họa!

Hồ phong xuân hạ khởi,

Phiên phiên suy ngã y,

Túc túc nhập ngã nhĩ.

Cảm thời niệm phụ mẫu,

Ai thán vô cùng dĩ!

Nghĩa:

Xuân hạ, gió Hồ nổi,

Phất phất tà áo ta.

Ào ào bên tai thổi,

Cảm xúc sinh nhớ nhà,

Cùng khổ thay nông nỗi.

(Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê)

Một hôm, Tào Tháo đem quân đánh Lưu Bị, tiện đường ghé thăm. Đổng Kỷ làm quan xa chỉ có nàng ở nhà. Nghe tin Tháo đến, nàng vội ra rước vào. Tháo ngồi trên sập, nàng thi lễ xong chắp tay đứng hầu bên. Tháo nhìn lên vách, chợt thấy một tấm bìa treo, có ghi bài văn bia, bèn đứng dậy bước đến xem và hỏi nguồn gốc. Thái Diễm thưa:

- Đây là bài văn bia đề một nàng Tào Nga. Xưa đời Hòa Đế, ở vùng Thượng Ngu có một người đồng bóng tên Tào Vu, hay lên đồng nhảy múa. Một hôm vào ngày mồng 5 tháng 5, Vu say rượu, đứng múa may trên thuyền, sẩy chân té xuống sông chết. Cô con gái của Vu vừa lên 14 tuổi, quá thương cha, cứ đi dọc bờ sông kêu khóc suốt 7 ngày đêm, rồi nhảy xuống nước mất tích. Qua 5 ngày sau, bỗng thấy nàng đội xác cha nổi lên mặt sông. Người trong làng vớt xác cả hai chôn cất. Quan huyện Thượng Ngu là Đỗ Thượng tâu việc ấy về triều. Triều đình khen nàng Tào Nga là gái hiếu, truyền cho lập bia. Đỗ Thượng lại sai Hàn Đan Thuần làm bài văn khắc vào bia để ghi lại việc ấy. Hàn Đan Thuần bấy giờ mới 13 tuổi, cầm bút viếc ngay một hơi thành bài văn, chẳng

phải sửa chữa một chữ. Đỗ Thượng chịu là hay, cho khắc vào bia dựng bên mộ nàng Tào Nga. Thời bấy giờ, ai đọc cũng lấy làm lạ. Tiếng văn hay đồn dậy xa gần... Phụ thân thiếp nghe tiếng cũng tìm đến xem, gặp lúc trời tối, không nhìn thấy chữ, phải sờ vào bia, lần từ nét mà đọc. Đọc xong, người lấy bút viết 8 chữ lớn vào sau lưng bia. Về sau, có người khắc cả 8 chữ vào đấy.

Tào Tháo thấy 8 chữ ấy cũng ghi trên bức bia, bên cạnh bài văn như sau: "Hoàng quyến, ấu phụ, ngoại tôn, tê cửu".

Tháo hỏi Diễm:

- Nhà ngươi có hiểu ý nghĩa 8 chữ này không?

Nàng thưa:

- Tuy là di bút của cha, nhưng thú thật thiếp cũng hiểu ý nghĩa ra sao.

Tháo quay lại hỏi các mưu sĩ, mọi người đều chịu không biết. Bấy giờ có quan Chủ bạ là Dương Tu lên tiếng:

- Tôi hiểu ra rồi.

Tu giải:

- Tám chữ đó là ẩn ngữ của Thái Ung. "Hoàng quyến" là lụa màu vàng, tức là màu sắc của tơ (ti sắc), chữ "ti" với chữ "sắc" hợp lại thành chữ "tuyệt". "Ấu phụ" nghĩa là con gái còn nhỏ, tức là "thiếu nữ". Chữ "thiếu" đứng bên chữ "nữ" hợp thành chữ "diệu". "Ngoại tôn" là cháu ngoại. Cháu ngoại tức là đứa con của con gái mình (nữ nhi tử). Chữ "nữ" chắp với chữ "tử" thành chữ "hảo". "Tê cửu" là cái cối giã hành tỏi. Cái cối là vật chịu cay (thụ tân). Chữ "thụ" đặt bên chữ "tân" thành chữ "từ". Tóm lại, đó là ẩn chữ "Tuyệt diệu hảo từ", tức Thái Ung đã hết lời khen tặng văn chương của Hàn Đan Thuần vậy.

Mọi người đều khen Dương Tu tài thức mẫn tiệp.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Nam Tào, Bắc Đẩu

Quản Lộ tự Công Minh, vốn người ở đất Bình Nguyên đời Tam Quốc (220-264) diện mạo xấu xí, thích uống rượu. Từ bé, Lộ ham xem thiên văn, thường đêm nằm nhìn trăng sao, thao thức không chớp mắt, cha mẹ ngăn cấm không được.

Vừa lớn lên, Quản Lộ đã làu thông kinh Dịch, hiểu hết nghĩa uyên thâm, biết đoán chiều gió, tinh thông khoa lý số và giỏi cả xem tướng.

Một hôm, Lộ ra cánh đồng dạo chơi, thấy một gã thanh niên đương cày ruộng. Lộ đứng lại bên đường, đứng ngắm một lúc, đoạn gọi lại hỏi:

- Này anh kia, dám hỏi quý danh là gì? Niên canh bao nhiêu?

- Tôi họ Triệu tên Nhan, 19 tuổi. Dám hỏi tiên sinh là ai?

Lộ đáp:

- Ta là Quản Lộ đây. Ta thấy trên quầng mắt anh có tử khí. Chỉ còn ba ngày nữa là anh chết. Tiếc thay, gương mặt anh xinh đẹp thế mà không thọ.

Triệu Nhan nghe nói lo sợ, về ngay báo cho cha biết. Người cha lập tức chạy theo tìm gặp Quản Lộ, rồi phủ phục xuống đất, kêu khóc:

- Xin tiên sinh rủ lòng thương, trở lại cứu mạng con tôi.

Lộ nói:

- Đó là số trời, cầu đảo sao được!

Ông lão năn nỉ, van lơn:

- Già này chỉ có một đứa con, xin ngài cứu cho, kẻo khổ một đời...

Nói xong, cả hai cha con dập đầu lạy, khóc bù lu bù loa, trông rất bi thiết.

Lộ thấy cha con lão thiệt tình, lòng không nỡ bỏ, mới bảo Triệu Nhan:

- Anh hãy về tìm một vò rượu ngon rất tinh khiết với một ít thịt nai thật thơm, ngày mai đem vào núi Nam Sơn, tìm gốc cây cổ thụ, sẽ thấy ở trên phiến đá có hai dị nhân ngồi đánh cờ. Một ông ngồi quay về Nam mặc áo trắng, dung mạo dữ tợn, một ông quay về hướng Bắc mặc áo hồng, dung mạo rất đẹp. Bấy giờ thừa lúc hai vị cao hứng mải mê đánh cờ, anh cứ bày rượu thịt ra mâm dâng lên. Đợi cho ăn uống xong, sẽ lạy khóc mà xin tuổi thọ. Như thế may được sửa sổ lại. Nhưng nhớ kỹ một điều: chớ nói là ta xúi anh nhé.

Ông lão mời Quản Lộ ở lại nhà mình chờ xem.

Hôm sau, Triệu Nhan cắp nắp rượu ngon, nem thơm, dĩa chén vào núi Nam Sơn. Đi độ năm sáu dặm, quả thấy hai dị nhân đang ngồi đánh cờ trên phiến đáa, dưới bóng rườm rà của cây tùng.

Triệu Nhan đội mâm rượu đến gần. Hai ông vẫn chăm vào bàn cờ, như không có người đứng bên cạnh. Nhan quỳ xuống dâng mâm lên, đặt trên thạch bàn.

Hai ông mải mê đánh cờ, bất giác đưa tay nâng chén... rồi dần dần vừa đánh vừa ăn uống hết cả rượu thịt một cách ngon lành.

Lúc bấy giờ, Nhan mới khóc òa lên và lạy lục xin cầu thọ. Hai ông giựt nẩy mình nhìn lại. Đoạn ông mặc áo đỏ bảo ông mặc áo trắng:

- Hẳn là gã họ Quản xúi nó đến đây, nhưng hai ta đã dùng của nó thì phải thương nó.

Ông áo trắng liền rút quyển sổ trong mình ra, tìm xét, rồi bảo Nhan:

- Năm nay mày 19 tuổi, đáng lý phải chết, giờ đây ta thêm cho một chữ "cửu" lên trên hai chữ "thập cửu" thì mày sẽ sống đến 99 tuổi. Nhưng phải về báo gã Quản Lộ rằng: từ nay phải chừa đi, chớ có tiết lộ thiên cơ nữa. Nếu không trời sẽ khiển phạt, nghe chưa?

Ông áo đỏ cũng mở sổ, thêm vào một nét bút. Rồi một cơn gió thơm ngào ngạt bay qua, hai vị tiên biến thành hai con hạc trắng, bay lên trời mất hút.

Triệu Nhan mừng rỡ, về nhà hỏi Quản Lộ về hai vị tiên ông ấy.

Quản Lộ nói:

- Ông mặc áo hồng chính là ngôi Nam Đẩu hay gọi là Nam Tào. Ông áo trắng là ngôi Bắc Đẩu đấy.

Nhan lại hỏi:

- Tôi nghe nói Bắc Đẩu có những 9 vị, sao chỉ thấy có một ông?

Lộ giải thích:

- Phân tán thì thành 9, kết hợp lại thành một. Bắc Đẩu ghi sổ tử, Nam Tào ghi sổ sinh. Nay đã được sửa số tuổi rồi anh còn lo gì nữa!

Cha con họ Triệu mừng rỡ lạy tạ.

Từ đó, Quản Lộ sợ tội tiết lậu thiên cơ không dám khinh xuất nói hở việc huyền bí cho ai biết nữa.

Bách Bộ Xuyên Dương

Bách bộ xuyên dương" là đứng xa trăm bước bắn trúng lá dương.

Đời Xuân Thu (551-479 trước D.L.), tướng Dưỡng Do Cơ và Phan Đảng đều là người nước Sở, có tài thiện xạ. Một hôm, cả hai thử tài nhau chơi.

Phan Đảng bắn luôn ba phát đều trúng đích bia.

Dưỡng Do Cơ nói:

- Nhà người bắn trúng đích bia, chưa lấy gì làm lạ. Ta trăm bước bắn trúng lá dương.

Mọi người đứng quanh lấy làm lạ, hỏi. Dưỡng nói:

- Đánh dấu vào một lá dương, ta đứng xa trăm bước, bắn một phát trúng giữa lá ấy nên mới gọi là "bách bộ

xuyên dương".

Để thưởng thức tài họ Dưỡng, mọi người kéo nhau đến cây dương. Một người lấy mực đánh dấu vào một chiếc lá. Dưỡng Do Cơ đứng xa trăm bước, giương cung lắp tên, bắn ra một phát. Không thấy tên rơi xuống đất, mọi người đổ đến cây xem. Thì ra cây tên ấy vướng trên cành cây dương, còn cái mũi xuyên qua chiếc lá đã bôi mực.

Phan Đảng nói:

- May được trúng đấy thôi. Bây giờ, ta theo thứ tự mà đánh dấu vào ba chiếc lá, nhà ngươi lại theo thứ tự mà bắn trúng được cả ba thì mới là tay kiệt hiệt.

Phan Đảng liền đánh dấu ba chiếc lá. Mỗi chiếc mỗi chỗ: chiếc đề chữ "nhứt", chiếc đề chữ "nhị", chiếc đề chữ "tam". Dưỡng Do Cơ nhìn qua một lượt, đoạn lui ra ngoài trăm bước, lại theo thứ tự của mỗi chiếc lá: một, hai, ba mà bắn luôn ba phát, đều trúng cả.

Mọi người chấp tay xá, nói:

- Quả thật là thần nhân.

Phan Đảng lòng khen thầm, nhưng cũng muốn khoe tài mình, bảo:

- Bắn như thế cũng là giỏi, nhưng nghề bắn cần có sức khỏe mới được. Ta có thể bắn suốt qua được mấy lần áo giáp.

Đoạn bảo quân sĩ xếp áo giáp bảy lần liền nhau, dày gần một thước. Mọi người cho là khó bắn qua được. Phan Đảng lại sai đem bảy lần áo giáp ấy treo lên đích bia, đoạn đứng xa trăm bước, cố sức thẳng cánh giương cung bắn một phát. Chỉ nghe tiếng tên bay vút đi mà không thấy tên rơi xuống đất, mọi người đổ lại xem, reo ầm lên:

- Thật tài! Thật tài!

Nguyên Phan Đảng bắn mạnh quá, tên ấy xuyên thấu bảy lần áo giáp như đinh đóng cột. Phan có vẻ tự đắc, truyền cho quân sĩ đem mấy lần áo giáp ấy xuống, và vẫn để mũi tên găm như vậy, định đưa cho tất cả trại

lính cùng xem. Nhưng Dưỡng Do Cơ bảo:

- Khoan đã, đừng hạ xuống vội. Để ta thử bắn một phát nữa xem sao.

Mọi người vui vẻ đồng ý.

Nhưng Dưỡng Do Cơ giương cung toan bắn lại thôi. Chúng nhân lấy làm lạ hỏi, Dưỡng nói:

- Nếu cứ theo lối cũ mà bắn như vậy thì không lấy gì hay lạ. Ta sẽ có một cách bắn khác hơn.

Nói xong liền bắn ngay một phát.

Mũi tên đi không cao, không thấp, không lệch về tả hữu mà lại cắm thẳng ngay cái đốc tên của Phan Đảng và đẩy mũi tên này sang qua bên kia. Còn mũi tên của Dưỡng Do Cơ thì thay vào cắm chỗ thủng ấy.

Mọi người xem thấy đều lắc đầu le lưỡi và hoan hô nhiệt liệt.

Bấy giờ Phan Đảng mới chịu phục.

Trong sử lại có chép: Vua Sở đi săn ở Kinh Sơn, gặp một con vượn có tài bắt tên giỏi lắm. Vua Sở truyền quân vây mấy vòng rồi giương cung bắn. Nhưng phát nào, vượn cũng bắt được cả. Vua Sở truyền gọi Dưỡng Do Cơ đến. Con vượn nghe tiếng "Dưỡng Do Cơ" liền kêu gào ầm lên, ra vẻ sợ hãi.

Dưỡng Do Cơ đến, bắn trúng ngay giữa bụng con vượn. Xem thế, Dưỡng là người bắn giỏi nhất đời Xuân Thu.

Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên" của cụ Đồ Chiểu, đoạn Võ Thể Loan tiễn Lục Vân Tiên đi thi, có lời khuyên:

Chàng dầu cung Quế, xuyên dương,

Thiếp xin vẹn chữ tao khương đạo hằng.

"Xuyên dương" do điển tích trên và có ý nghĩa mưu việc đều thành tựu.

Chắp Cánh, Liền Cành

Chắp cánh, liền cành" tức là "Chim chắp cánh, cây liền cành".

Sách Nhĩ Nhã chép: Chim Kiêm giống chim le le, lông màu xanh, chỉ có một cánh và một mắt, thường ở phương Nam. Mỗi khi muốn bay thì hai con phải chắp cánh với nhau mới bay được.

Chim này gọi là tỷ dực điểu, cũng gọi là Kiêm Kiêm.

Cây liền cành là cành của hai cây giao nhau.

Nguyên đời Chiến Quốc (479-221 trước D.L.) vua nước Tống tên Yển vốn người hiếu sắc, dâm bạo. Một hôm đến chơi ở gò Phong Phụ, bắt gặp một phụ nữ hái dâu rất đẹp. Vua dọ hỏi biết là vợ của nho sĩ Hàn Phùng, người họ Tức. Vua liền cho đòi Hàn, bảo đem vợ lại hiến

mình. Hàn sợ uy quyền, về thuật cho vợ nghe và khóc hỏi có bằng lòng không? Tức Thị làm thơ để tỏ ý mình:

Núi nam có con chim

Núi bắc giăng lưới bắt.

Chim mặc sức bay cao,

Lưới kia đành quăng vất.

Vua Tống say mê sắc đẹp của nàng, theo đuổi không thôi. Liền sai người đến tận nhà Hàn, cướp lấy người ngọc. Hàn thấy vợ bị bắt đưa lên xe đi, lòng như dao cắt, biết không phương giải cứu, kiếp này khó họp, đau đớn quá mà tự tử.

Vua Tống đem Tức Thị lên đài Thanh Lăng, cưỡng bách, bảo nàng:

- Ta đây là vua một nước, có đủ uy quyền sinh sát trong tay. Muốn phúc, ta cho phúc. Muốn họa, ta cho họa. Phương chi chồng nàng đã chết, nàng còn ở với ai. Nếu bằng thờ quả nhân, cùng tay bắt mặt kề thì sẽ được

phong hoàng hậu.

Tức Thị nổi giận làm thơ tỏ ý mình:

Chim có trống mái,

Chẳng theo phượng hoàng.

Thiếp là thứ dân,

Chẳng thích Tống Vương.

Vua Tống tức quá, bảo:

- Nàng đến đây rồi, dẫu không muốn thờ ta cũng không thể được.

Tức Thị thấy thế cùng, nói:

- Để thiếp tắm gội, thay áo, lạy linh hồn chồng cũ rồi sẽ xin hầu đại vương.

Vua Tống bằng lòng cho.

Tức Thị tắm gội, thay áo xong, ngửa trông lên

không, chắp tay vái hai vái rồi từ trên lầu đâm đầu xuống. Vua Tống hoảng hốt, vội níu lại nhưng không kịp, trông nàng đã tắt thở rồi. Khám xem trong mình nàng có một bức thư. Đại ý nói: sau khi chết xin cho đem thi thể cùng chôn một mộ với chồng, dưới suối vàng sẽ đội ân sâu.

Vua Tống cả giận, cho người chôn riêng một nơi, làm hai mộ cách xa nhau. Được ba hôm, bỗng một đêm có giống cây Văn Tử mọc ở cạnh hai ngôi mộ. Chỉ trong tuần nhật, cây ấy dài hơn ba thước, những cành quấn quít lấy nhau như một. Thỉnh thoảng có một đôi chim uyên ương đậu ở trên cành, giao đầu kêu nhau một giọng bi thương. Người trong xóm thương xót, cho đó là oan hồn của vợ chồng Hàn Phùng hóa sinh; và gọi thứ cây ấy là "Cây tương tư".

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du có câu:

Trong khi chắp cánh liền cành,

Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên.

"Chắp cánh liền cành" ý nói: vợ chồng gắn bó.

Trong "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn, có câu:

An đắc tại thiên vị tỷ dực điểu,

Tại địa vị liên lý chi.

Bà Đoàn Thị Điểm diễn nôm:

Thiếp xin về kiếp sau này,

Như chim liền cánh, như cây liền cành.

Trong "Trường hận ca" của Bạch Cư Dị đời nhà Đường bên Tàu, đoạn thuật lời thề giữa đêm thất tịch của Đường Minh Hoàng cùng Dương Quí Phi tại điện Trường Sinh, có câu:

Tại thiên nguyệt tác tỷ dực điểu,

Tại địa nguyện vi liên lý chi.

Nghĩa là:

Trên trời nguyện hóa chim liền cánh,

Dưới đất làm cây nhánh dính liền

để nói ý: vợ chồng gắn bó chung thủy đời đời, không bao giờ xa rời nhau.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Gậy Rút Đất

Onúi Xuân Đài, xã Thọ Vực, huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa) có động Hồ công. Phía trước động ngoảnh về sông Mã.

Trong động có hai tượng đá. Tục truyền khi xưa, có một ông già và một thằng bé đi bán thuốc ngồi nghỉ ở đó, rồi tự nhiên biến mất. Người ta cho là hậu thân của ông Hồ Công và Phí Trường Phòng. Bởi vậy tạc tượng để thờ.

Câu chuyện Việt Nam lại liên quan chuyện của Tàu. Vì truyện Hồ Công và Phí Trường Phòng là truyện Tàu. Cả hai người đều là người Tàu.

"Liệt tiên truyện" chép:

Khoảng đời Tây Hán (206 trước D.L.-8 sau D.L.) có

ông Hồ Công hằng ngày bán thuốc ở chợ Trường An. Ông thường đeo một cái bầu bên hông. Tối đến thì chun vào bầu ấy mà ngủ.

Phí Trường Phòng là người hằng ngày dâng bánh cho Hồ Công ăn, thấy thế làm lạ kỳ. Một hôm, yêu cầu Hồ Công cho mình vào bầu thử một lần xem sao. Hồ Công bằng lòng, đưa Phí vào bầu.

Trong bầu có những lầu đài tráng lệ, có những kẻ hầu hạ rất lịch sự trông như cảnh thần tiên. Phí Trường Phòng cực kỳ kinh ngạc nói:

- Không ngờ đây lại chiếm riêng một cõi càn khôn.

Hồ công nói:

- Ta vốn là tiên bị trích xuống trần nên tạm ngụ ở đây.

Trường Phòng yêu cầu, xin theo Hồ công học đạo tiên. Hồ công bèn dẫn vào núi dạy phép tu luyện. Khi từ biệt, Hồ công trao cho Trường Phòng một cây gậy tre rút đất, có phép thâu ngắn đường đi.

Từ đấy, Trường Phòng xách gậy, rày đây mai đó, công danh phú quý gác bỏ ngoài tai. Hàng ngày, Phí thường la cà nơi quán rượu; nhân đó quen biết một anh lính thú. Anh này rất kính trọng Phí, và thường trút túi đãi rượu thẳng tay.

Một hôm trên đường về chỗ trọ, Phí thấy anh lính vẻ mặt buồn bã, thỉnh thoảng lại thở dài thườn thượt, mới hỏi cớ sự. Anh lính thú thực là ba năm rồi, chẳng được phép về quê thăm vợ con. Anh nhớ lắm. Phí vui vẻ nói:

- Tưởng là việc gì khó, chớ muốn thăm vợ con thì ta giúp cho. Đêm nay về chung vui vợ con, sáng đến có mặt cho khỏi bị quan quở.

Cho là lời bỡn cợt vô duyên, anh lính tức bực bảo:

- Trông ông có vẻ tiên phong đạo cốt, tôi kính trọng ông, không ngờ ông lại tàn nhẫn chế giễu, cười cợt trước sự đau khổ của tôi. Từ đây về quê tôi, đường trải hàng vạn dặm lại gay go hiểm trở, phải đi trót tháng mới về đến nơi. Thế mà ông bảo đêm nay về, sáng đến!

Phí Trường Phòng không hờn giận, vẫn vui vẻ, cười bảo:

- Ta nói thật đấy. Ta có phép tiên. Từ trước đến nay, ta vốn thọ ơn hậu đãi, nay ta làm phép mọn để gọi là trả ơn chút ít đó.

Đoạn, bảo anh lính ngồi lên cây gậy và nhắm mắt lại, chừng nào nghe hết hơi gió sẽ mở mắt ra. Và, khi sáng sớm cũng ngồi trên gậy trở lại, thực hành như lúc về. Anh lính mừng rỡ, vâng lời.

Vừa trèo ngồi lên gậy xong thì gió ù ù thổi đến, anh lính nhắm chặt mắt lại. Rồi cảm thấy thân mình nhẹ bổng như bay giữa thinh không. Thoáng chốc, gió lặng, anh mở bừng mắt ra thì trước mắt anh quả thực đây là nhà của mình.

Vợ chồng nhìn nhau mừng mừng tủi tủi, tưởng chừng như sống trong mộng. Thế là đêm đó, vợ chồng mặc tình trút nỗi tâm sự những ngày xa vắng nhớ nhau.

Rồi sáng sớm, anh lại lên gậy trở về biên thú.

Phí Trường Phòng còn giúp anh lính được nhiều lần như thế nữa.

Một thời gian lâu sau, Phí Trường Phòng ném cây gậy tre ấy ở xứ Cát Bi, hóa ra rồng mà bay đi mất. Từ đó, người ta không tìm thấy hình bóng của Phí đâu nữa.

Trong "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn có câu:

Hận vô Trường Phòng xúc địa thuật.

Bà Đoàn Thị Điểm diễn nôm:

Gậy rút đất dễ khôn học chước.

"Trường Phòng", "xúc địa thuật" (phép rút đất) hay "gậy rút đất" đều do điển tích trên.

Vua Lê Thánh Tông đời Hậu Lê (1428-1788) có làm bài thơ về động Hồ công:

Thần chùy quỷ tạc vạn trùng san,

Hư thất cao song vũ trụ khoan.

Thế thượng công danh đô thị mộng,

Hồ trung nhật nguyệt bất thăng nhàn.

Hoa dương long hóa huyền châu trụy,

Bích lạc tuyền lưu bạch ngọc hàn.

Ngã dục thặng phong lăng tuyệt lĩnh,

Vọng cùng vân hải hữu vô gian.

Bản dịch của Thiện Đình:

Khuông thiêng khéo tạc núi muôn trùng,

Cửa động thênh thênh gió dễ thông.

Cuộc thế công danh mơ tưởng hão,

Bầu tiên phong nguyệt thú vui cùng.

Hạt châu rơi đất ghi rồng hóa,

Giọt ngọc tuôn trời rõ suối trong.

Muốn cưỡi gió lên chơi đỉnh núi,

Trông mây, trông nước tít từng không.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 1

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Kết Cỏ Ngậm Vành

Dời Xuân Thu (551-479 trước D.L.), tướng nước Tần là Đỗ Hồi, đem quân sang đánh nước Tấn.

Hồi vốn là một lực sĩ, răng nhọn hoắc, mắt tròn xoe, tay cứng như đồng, mặt đen tựa sắt, râu xồm tóc quăn, thân cao to lớn, chuyên sử dụng cây Khai Sơn đại phủ (búa to) nặng 120 cân, người giống Bạch Địch. Đã có lần ở Thanh Mi Sơn, Đỗ đâm chết luôn 5 con hổ, lột da đem về. Và, cũng có lần, Đỗ chỉ huy 300 quân mà phá vỡ được hơn 10 ngàn quân giặc ở Sa Nga Sơn. Uy danh càng lừng lẫy.

Tướng của nước Tấn là Ngụy Khỏa đem binh ra nghinh chiến. Đỗ Hồi dẫn 300 quân xông vào mặt trận, múa cây Khai Sơn đại phủ tung hoành chém giết. Búa đến đâu là đầu rơi long lóc. Quân Tấn chết nằm ngổn ngang như rạ.

Ngụy Khỏa vội vàng rút quân, đóng chặt cửa thành, giữ lấy thế thủ. Mặc cho Đỗ Hồi đến khiêu chiến, chửi rủa thậm tệ suốt cả mấy ngày. Vừa lúc ấy có em của Ngụy Khỏa là Ngụy Kỳ vâng lịnh vua Tấn đem binh tiếp ứng. Khỏa thuật cả việc lại. Kỳ không tin, hôm sau đem quân ra nghinh chiến.

Đỗ Hồi lại múa búa, tả xông hữu đột, chém giết quân Tấn tơi bời, máu chảy tựa suối. Ngụy Kỳ thua to. May nhờ có Khỏa liều thân đem quân tiếp cứu mới về được thành.

Đêm hôm ấy, Ngụy Khỏa ngồi buồn rầu, nghĩ quanh nghĩ quẩn, không biết dùng mưu kế gì để phá địch. Đương mơ màng, bỗng nghe có tiếng người văng vẳng bên tai: "Thanh Thảo Pha! Thanh Thảo Pha!" Đến lúc tỉnh dậy, không hiểu nghĩa là sao, mà chợp mắt ngủ lại nghe như trước. Khỏa thuật lại cho Kỳ biết. Kỳ nói:

- Cách đây độ mười dặm (1 dặm bằng 576 thước tây), có một bãi cỏ tên "Thanh Thảo Pha", có lẽ thần minh mách bảo quân Tần sẽ bị bại tại đó. Vậy tôi xin đem một toán quân mai phục sẵn, rồi anh lập kế dụ quân

giặc đến. Bấy giờ hai bên đổ ra cùng đánh, chắc chắn sẽ thắng.

Khỏa bằng lòng.

Sáng ra, Ngụy Khỏa giả cách truyền lịnh rút quân. Quả nhiên, Đỗ Hồi đem quân đuổi theo. Khỏa giao chiến qua loa một lúc rồi bỏ chạy, dụ Hồi đến Thanh Thảo Pha. Quân mai phục của Ngụy Kỳ ở hai bên, bất thần đổ ra hợp với quân của Khỏa vây chặt lấy Đỗ Hồi. Hồi chẳng nao núng, múa búa tung hoành như vào chỗ không người. Nhưng bỗng nhiên, Đỗ Hồi đi mỗi bước lại ngã chút một cái, như người bị trượt chỗ nước băng. Quân Tấn lấy làm ngạc nhiên, reo ầm cả lên.

Ngụy Khỏa ngẩng trông thấy một lão già, mặc áo vải chân đi thảo hài, đương kết cỏ lại làm vướng chân Đỗ Hồi. Bấy giờ, Khỏa và Kỳ xông lại bắt sống. Quân Tần mất tướng chỉ huy nên bỏ chạy tán loạn, bị quân Tấn đuổi bắt giết gần hết.

Đem Đỗ Hồi về dinh, Ngụy Khỏa hỏi:

- Mầy cậy có sức khỏe, nhưng nay sao để bị bắt?

Hồi uất hận, trả lời:

- Ta đương đánh, không biết có vật gì trói lấy chân làm cho ta ngã. Đó là trời hại ta, chớ không phải ta thua.

Ngụy Khỏa nghe nói lấy làm lạ. Thấy Hồi có sức mạnh phi thường, sợ thoát thân được nên Khỏa và Kỳ đồng ý đem giết chết, cắt lấy đầu đem về dâng vua Tấn.

Đêm hôm ấy, Ngụy Khỏa nằm ngủ, mơ màng thấy ông lão kết cỏ ở Thanh Thảo Pha hiện đến, vái chào và nói:

- Tướng quân có biết tại sao Đỗ Hồi bị bắt hay không? Vì tôi kết cỏ lại để làm cho Đỗ Hồi vướng chân mà ngã đó.

Ngụy Khỏa kinh sợ, chấp tay đáp lễ, nói:

- Tôi chưa được biết cụ bao giờ, sao cụ lại có lòng tốt quý giúp tôi như vậỷ Tôi biết lấy gì mà trả ơn cụ!

Ông lão nói:

- Tôi là cha của nàng Tố Cơ. Tướng quân theo lời trị mệnh của tiền nhân không chôn sống con tôi, mà còn tìm chỗ xứng đáng gả cho con tôi lấy chồng. Vậy tôi cảm ơn ấy mà giúp tướng quân. Sau này con cháu tướng quân vẫn được đời đời vinh hiển.

Nói xong biến mất.

Nguyên xưa, thân phụ của Ngụy Khỏa là Ngụy Thù có một người thiếp yêu tên Tố Cơ. Mỗi khi Ngụy Thù đi đánh giặc thì thường dặn dò Ngụy Khỏa: "Nếu cha chẳng may chết ở chiến trường, con nên tìm chỗ tử tế mà gả Tố Cơ để nàng khỏi phải khổ sở tấm thân. Cha dẫu chết cũng được yên lòng!"

Nhưng đến lúc Ngụy Thù đau nặng, trước phút lâm chung, lại bảo Khỏa:

- Tố Cơ là người thiếp yêu của cha. Khi cha chết rồi, con phải đem nàng mà chôn theo cha để cho cha ở suối vàng có người làm bạn.

Ngụy Thù chết. Ngụy Khỏa an táng cho cha nhưng không bắt Tố Cơ chôn theo. Ngụy Kỳ hỏi tại sao không vâng lời cha trối lúc lâm chung thì Khỏa đáp:

- Thân phụ lúc nào cũng dặn ta sau này nên gả Tố Cơ lấy chồng. Nhưng đến lúc gần mất, lại dặn phải đem chôn theo. Bởi vậy, kẻ hiếu tử nên theo trị mệnh, chớ không theo loạn mệnh.

Sau, Ngụy Khỏa gả Tố Cơ cho một danh sĩ. Vì có ân đức ấy, nên linh hồn của thân phụ Tố Cơ hiện lên để kết cỏ báo ơn.

"Ngậm vành" do chữ "Hoàng tước hàm hoàn" nghĩa là chim hoàng tước ngậm vòng.

Đời nhà Thương (1733-1154 trước D.L.), triều vua Thái Mậu (1637-1562 trước D.L.), có một chư hầu đem dâng cho nhà vua một con chim hoàng tước trống.

Được chim quý, nhà vua truyền làm một chiếc lồng bằng vàng, chén ăn bằng ngọc và bắt thái giám cho lo săn sóc cực kỳ cẩn thận. Nhưng chim ngày ngày vẫn ủ

rũ, không chịu nhảy nhót, kêu hót, vui đùa. Hằng ngày, ngoài vườn, lại có một con chim hoàng tước mái cất tiếng kêu thật bi đát, giọng mỗi lúc càng thảm thiết não nùng. Chim hoàng tước trống ở trong lồng nghe tiếng chim mái ở bên ngoài kêu thì lại càng ủ dột, buồn bã, bỏ ăn bỏ uống. Thỉnh thoảng lại kêu lên một giọng bi thảm.

Thấy chim trống buồn, chim mái kêu bi thương, vua Thái Mậu động lòng thương xót, truyền thả chim hoàng tước trống ra. Được thoát khỏi lồng, trống mái xum họp. Đôi chim bay lượn ba vòng chung quanh đền, cất tiếng hót véo von, giọng trong trẻo lảnh lót.

Một thời gian, nhà vua đương ngự trên đền, bỗng thấy con chim hoàng tước trống bay đến, miệng ngậm một chiếc vòng. Chim lại sà trước mặt nhà vua, nhả chiếc vòng ngọc quý rồi vỗ cánh múa, tỏ vẻ tạ ơn.

Cũng tích "Ngậm vành":

Đời Hậu Hán (25-219) có cậu bé tên Dương Bảo, một hôm đi chơi bên cạnh một khu rừng, thấy một con chim sẻ vàng óng ánh bị chim cắt đánh rơi xuống đất. Chim sẻ

què chân, gãy cánh, giãy giụa, kêu la thảm thiết. Bảo đem về chăm sóc, nuôi nấng. Đến khi chim mạnh, lành thì cho bay đi.

Một hôm, có một chàng tuấn tú khôi ngô, mặc áo vàng đến, nói với Bảo:

- Tôi là sứ giả của bà Tây Vương Mẫu, chẳng may gặp nạn, may nhờ ông cứu, ơn ấy chẳng quên. Vậy xin dâng ông 4 vòng ngọc quý, chúng sẽ làm cho bốn đời nhà ông được hưởng phú quý, sang làm đến tước Tam Công.

Dương Bảo vừa nhận lấy vòng, chưa kịp tạ ơn thì chàng trai áo vàng biến mất. Quả nhiên về sau, bốn đời họ Dương đều sang cả đúng như lời.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc nàng Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhờ Sở Khanh dắt đi trốn mong thoát khỏi nanh vuốt của Tú Bà, nàng có lời tha thiết nói với họ Sở:

Rằng "Tôi bèo bọt chút thân,

Lạc đàn mang lấy nợ nần yến oanh.

Dám nhờ cốt nhục tử sinh,

Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau.

"Kết cỏ ngậm vành" là do những điển tích trên, ý nói thọ ơn bao giờ cũng đền đáp.

Mục lục

Lá Gió, Cành Chim
Nàng Ban, Ả Tạ
Mã Đầu Cầm
Tiết Phụ Ngâm
Bình Nguyên Quân
Thấy Nhàn Luống Tưởng Thư Phong
Sát Thê Cầu Tướng
Cử Án Tề Mi
Tết Hàn Thực
Giấc Nam Kha
Ngàn Dâu
Giảm Bếp, Tăng Bếp
Thao Lược
Tết Trung Thu
Mật Lịnh Trong Nhân Bánh Trung Thu
Tết Đoan Dương
Tết Trùng Cửu
Lầu Xanh Và Thần Mày Trắng
Can Tương, Mạc Gia
Giấc Vu Sơn
Xích Thằng, Nguyệt Lão
Duyên Nợ Ba Sinh
Loan Giao
Bát Trân, Thập Trân
Xe Dê
Khắc Lậu

Nằm Gai, Nếm Mật
Điểu Tận Cung Tàng
Không Vào Hang Hùm Sao Bắt Được Cọp Con
Quyển Tiểu Thuyết Tẩm Thuốc Độc
Bức Họa Dương Quí Phi Tắm Suối
Cỏ Ngu Mỹ Nhân
Tri Kỷ
Hấp Tinh Đạo Khí
Cỏ Đỏ Trên Mộ Chiêu Quân
Bạo Chúa Xem Quỳnh Hoa
Đàn Ông Làm Hoàng Hậu, Trai Đẹp Làm Cung Nga
Giang Thần Trảo Trảo
Nợ Như Chúa Chổm
Tục Uống Máu Ăn Thề
Thiến Gà, Thiến Heo
Hoạn Quan Không Bị Hoạn
Thượng Thư Lỗ Chó
Tiền Xích Bích Phú
Một Bộ Sử Loài Người Rút Ngắn Thành Một Câu
Mây Tần, Mây Hàng.
Áo Gấm Mặc Đêm
Ngọc Hoàn Dương Quí Phi
Tư Mã Thiên, Một Sử Gia Danh Tiếng Bị Cung Hình
Mười Viên "Xuân Khiết Cao"

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Lá Gió, Cành Chim

Về đời vua Đại Tông nhà Đường (763-780) ở huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây có nhà nho tên Tiết Trịnh, làm quan ở Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, sinh một đứa con gái tên Tiết Đào. Nàng học hành giỏi, tư chất thông minh, vừa lên sáu đã biết làm thơ. Nhưng ý thơ rất lẳng lơ.

Năm Tiết Đào lên tám, một hôm vào mùa thu, Tiết Đào đứng chơi bên cạnh cha, gần một cây ngô đồng. Cây đã già, cành lá sum sê đứng sừng sững trước nhà, trông như sát từng mây. Tiết Trịnh ngắm cảnh buột miệng ngâm:

Đình trừ nhứt cổ đồng,

Tung cán nhập vân trung.

Nàng Tiết Đào liền ngâm tiếp:

Chi nghinh nam bắc điểu

Diệp tống vãng lai phong.

Nghĩa:

Ngô đồng đứng trước sân,

Thân cây cao vút mây.

Đàn chim cành Nam Bắc

Đưa lá gió sớm chiều.

Nghe con gái đọc lời thơ lả lơi, Tiết Trịnh thở dài nghĩ:

- Nghiệp chướng đã vận vào mình rồi. Cứ như lời thơ này con gái ta về sau ắt sẽ là một đứa lãng mạn, bướm ong.

Hai năm sau, thân phụ Tiết Đào bị bạo bịnh qua đời. Vì làm quan thanh liêm nên sau khi chết, đời sống gia

đình họ Tiết rất chật vật. Tiết Đào phải xin vào phường ca kỹ, ngày ngày đàn hát ngâm thơ đón kẻ tao nhân mặc khách, lấy tiền nuôi mẹ già.

Ở chốn ca lâu, mang tấm thân ngà ngọc, tài học uyên thâm ra để mua vui cho những kẻ có tiền, nàng Tiết Đào buồn rầu, thường sáng tác những bài ca phổ vào nhạc điệu dạy đoàn ca nữ múa hát hay chính nàng nhịp phách ca ngâm.

Những bài ca của nàng rất tuyệt tác, được truyền tụng trong phường, nên được nhiều người trọng vọng, thường gọi nàng là Tiết tú tài. Những văn nhân tài tử bốn phương nghe danh đổ đến để cùng nàng đề thơ xướng họa, mong được nàng Tiết lưu ý đến họ. Nhưng mắt xanh chẳng lọt vào ai, nàng Tiết vẫn làm nghề ca kỹ.

Nhờ danh tiếng, Tiết Đào kiếm được chút vốn liếng bèn dựng một ngôi nhà bên cầu Vạn Lý. Nàng lại chế ra một thứ giấy ngũ sắc có vẽ cây tùng, cây bách, cây liễu, hoa sen rất đẹp, đặt tên là "Hoa tiên tùng giang". Giấy này dùng để viết thơ do Tiết Đào làm, nên về sau gọi là Hoa tiên Tiết Đào.

Quan Tư Mã Thiểm Châu là Vương Kiến mến tài nàng Tiết nên thân đến cầu Vạn Lý thăm, và tặng nàng một bài thơ:

Vạn Lý kiều biên nữ Hiệu Thư

Tỳ bà hoa hạ bế môn cư.

Tảo mỵ tài tử tri đa thiểu,

Quản lĩnh đông phong tổng bất như.

Dịch:

Nàng Hiệu Thư Lang ở bến sông,

Tỳ bà tươi thắm rũ bên sông.

Ngày xuân cửa đóng hoa ngăn gió.

Bao kẻ tôi mày đã uổng công.

(Bản dịch của Bùi Khánh Đản)

Đời vua Hiến Tông nhà Đường (806-821) có quan Tả

Thập Di tên Nguyên Chẩn, một danh nho đương thời, vâng chiếu chỉ thanh tra đất Thục. Nghe danh nàng Tiết những mong được gặp nên nhờ bạn giới thiệu. Đôi bên gặp nhau, xướng họa đối ẩm xem chừng tương đắc. Thế là từ đấy cả hai quyến luyến, chẳng rời.

Nhưng rồi vì công vụ, Nguyên Chẩn phải trở lại Trường An phục mệnh. Kẻ lên ngựa chẳng yên lòng dứt áo, người ở lại ngậm ngùi nhỏ lệ buồn thương.

Rồi một điều chẳng may hơn nữa, tướng trấn thủ Tây Xuyên là Lưu Tích tạo phản, đốt phá Thành Đô. Nguyên Chẩn nóng lòng sốt ruột, mướn người đi vào đất Thục tìm nàng Tiết Đào. Nhưng lần nào cũng hoàn toàn thất vọng vì đường bị nghẽn, làm tin tức vắng bặt.

Nguyên Chẩn buồn bã thương nhớ giai nhân. Tuy quan san cách trở, thời gian qua mau nhưng mối tình kỳ ngộ sâu xa đối với Tiết Đào vẫn canh cánh bên lòng.

Riêng về nàng Tiết Đào, từ ngày chia tay cùng ý trung nhân thì vẫn mỏi mắt trông chờ tin tức nhưng vẫn bặt tin nhạn cá. Ngày tháng trôi qua, tuổi càng chồng

chất, nghĩ buồn thương cho thân phận xấu số vô duyên, nên lui về ở đầm Bạch Hoa, mặc cà sa, ăn chay niệm Phật.

Năm Thái Hòa thứ 5 (811) đời vua Văn Tông, nàng Tiết Đào bị bạo bịnh mất.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả cảnh lầu xanh của mụ Tú Bà, có câu:

Biết bao bướm lả, ong lơi,

Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.

Dập dìu lá gió cành chim,

Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Thanh.

"Lá gió cành chim" xuất xứ ở bài thơ của nàng Tiết Đào. Và, bài thơ đó chính là một triệu chứng chỉ về vận mạng của nàng vậy.

Nàng Ban, Ả Tạ

Nàng Ban tức là Ban Chiêu, tự Huệ Cơ, con gái của Ban Bưu, em gái của Ban Cố đời Đông Hán (25-196).

Sinh trong gia đình Nho họ, cha anh đều học thức tài giỏi. Ban Chiêu rất thông minh, 13 tuổi đã giỏi thi phú. Đến tuổi cặp kê, Ban Chiêu sánh duyên cùng Tào Thế Thức, cũng là một nhà nho lỗi lạc.

Được 10 năm, Thế Thức chết, nàng thủ tiết thờ chồng. Nhà vua nghe danh nàng Ban học rộng tài cao nên cho vời vào cung dạy các hoàng tử, cung phi. Ai cũng tôn trọng là bực thầy.

Lúc bấy giờ, Ban Bưu đương làm quan tại triều, được vua cử soạn bộ Hán Thư. Nhưng làm chưa xong, Ban Bưu chết. Anh của nàng là Ban Cố được lịnh kế nghiệp cha, nhưng công việc chưa xong thì bị bạo bịnh rồi mất.

Thấy cha và anh bỏ dở công việc, Ban Chiêu tâu xin nhà vua cho nàng được tiếp tục biên soạn bộ Hán Thư. Vua Hòa Đế bằng lòng. Nàng được vào Đông quan tàng thư để tiếp tục công việc biên soạn bộ Hán Thư mà cha và anh chẳng may bỏ dở. Trong thời gian này, Ban Chiêu còn trứ tác tập "Nữ giới" gồm có 7 thiên. Danh tiếng của nàng càng lẫy lừng.

Còn ả Tạ là nàng Tạ Đạo Uẩn, con nhà thế phiệt đời nhà Tấn (265-419).

Tạ Đạo Uẩn lúc nhỏ đã thông minh, học rộng lại có tài biện luận. Nhân một hôm về mùa đông, tuyết rơi lả tả, chú của Tạ Đạo Uẩn là Tạ An ngồi uống rượu nóng có cả hai cháu là Tạ Lãng và Đạo Uẩn ngồi hầu bên. Tạ An liền chỉ tuyết, hỏi:

- Tuyết rơi giống cái gì nhỉ?

Tạ Lãng đáp:

- Muối trắng ném giữa trời.

Tạ Đạo Uẩn bảo:

- Thế mà chưa bằng "Gió thổi tung tơ liễu".

Tạ An khen Tạ Đạo Uẩn là thông minh, nhiều ý hay, tư tưởng đẹp. Ông lại thường chỉ Đạo Uẩn mà bảo các con cháu rằng:

- Nếu là trai, Tạ Đạo Uẩn sẽ là bực công khanh.

Tạ Đạo Uẩn sau kết duyên vớI Vương Ngưng Chi, một nhà nho lỗi lạc đương thời.

Làm vợ họ Vương, Tạ Đạo Uẩn thường thay chồng tiếp khách văn chương, đàm luận thi phú. Nàng tỏ ra là người hoạt bát, thông suốt nhiều vấn đề, lập luận vững chắc làm nhiều tay danh sĩ đương thời phải phục.

Em chồng của Tạ Đạo Uẩn là Vương Thiếu Chi. Người học giỏi nhưng lập luận kém cỏi, thiếu hoạt bát nên trong khi biện luận thường bị khách áp đảo. Tạ Đạo Uẩn sợ em chồng mất giá trị nên bảo thị tỳ thưa với Thiếu Chi làm một cái màn che lại, nàng sẽ ngồi sau để nhắc Thiếu Chi trong khi biện luận với khách.

Thiếu Chi nhờ đó mà khuất phục được khách và nổi

danh, được nhiều người kính phục.

Nàng Ban, ả Tạ là hai người phụ nữ có tài danh về thi phú văn chương. Về sau, các nhà văn học thường dùng tiếng "nàng Ban, ả Tạ" để chỉ người phụ nữ tài giỏi, có danh tiếng về văn chương thi phú.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du, đoạn thuật nàng Kiều sang chỗ ở của Kim Trọng và đề thơ trên bức tranh, Kim Trọng khen nàng:

Khen tài nhả ngọc phun châu.

Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này.

Mã Đầu Cầm

Trong các làng mạc ở Mông Cổ, vẫn còn nhiều người đi hát dạo, vừa ca vừa đàn. Giọng ca ai oán não nùng. Tiếng đàn như khóc như than.

Cây đàn bằng gỗ, thùng đàn hình thang, cần dài. Đầu cần có trạm hình đầu con ngựa. Cung đàn làm bằng đuôi ngựa. Người Mông Cổ gọi cây đàn này là "Khil Khuua", ta tạm gọi là "Mã đầu cầm" (cây đàn đầu ngựa).

Tương truyền: về phía bắc xứ Mông Cổ có một Thiên Miếu, người bản xứ gọi là "Bogdokure". Đây là một miếu để thờ trời. Muốn đến đây, người ta phải băng rừng lướt bụi bằng ngựa suốt bốn mươi ngày. Kế đến là ngọn Cấm Sơn mà người Mông Cổ gọi là "Jasaktu Ui". Đây là một vùng hoang vu.

Ở mấy thung lũng, thỉnh thoảng có 8 con ngựa đến

ăn cỏ. Đó là những con thiên mã rất đẹp. Ngoài 7 con mập mạp, mạnh mẽ có một con lại gầy gò, nháy mắt đã đi xa được ngàn dặm. Người Mông Cổ gọi là "Jonung Khara Mori", ta có thể tạm gọi là con Thiên lý mã.

Nhiều đêm, nhị thập bát tú sa xuống. Vừa đến mặt đất thì 28 vì sao ấy biến thành 28 tướng trẻ tuổi mỹ mạo tuấn tú, mặc kim giáp kim bào. Hai mươi tướng ngồi trên ngựa. Còn tám tướng kia thì đi thẳng đến Cấm Sơn, rồi cưỡi tám con thiên mã đương ăn cỏ ở đấy. Bấy giờ, họ mới phi ngựa rong chơi khắp nơi. Rồi đến khi trời vừa hừng đông thì họ trở về trời, thành 28 vì sao như cũ. Và khi tối đến thì họ lại xuống trần gian.

Một hôm, vị tướng trẻ tuổi chỉ huy trong 28 vì sao ấy cưỡi con Thiên lý mã đi dạo, bỗng gặp một cô thôn nữ duyên dáng xinh tươi, sinh lòng cảm mến. Rồi cả hai cùng tha thiết yêu nhau.

Cứ hàng đêm, chàng đến với nàng, chung gối giao đầu, âu yếm trong túp lều tranh đầm ấm của cô thôn nữ. Rồi khi vừng hồng sắp ló dạng thì chàng phi ngựa đi mất để nàng trơ trọi, cô quạnh phòng không.

Một thời gian như thế, nàng tò mò hỏi quê quán, gốc gác thì chàng mỉm cười âu yếm, tìm mọi cách tảng lờ. Lòng nghi hoặc nên một hôm, nàng không ngủ, chờ lúc chàng lên yên đi thì nàng cũng rón rén lén bước ra ngoài, bắt ngựa đuổi theo. Vì gấp rút để về thiên đình cho kịp giờ trước trời sáng nên chàng không hay gì cả. Nhưng ngựa của chàng chạy quá nhanh, thoáng chốc người và ngựa đều biến mất. Nàng thôn nữ không đuổi theo kịp, đành thui thủi quay về.

Tuy vậy, nàng cũng tìm được một ít sự thực về con ngựa khác thường này, nên một hôm thừa lúc chàng ngủ say, nàng lẻn ra ngoài. Đến gần ngựa, nàng quan sát kỹ, thấy phía sau mỗi chân ngựa có một cánh nhỏ, lúc ngựa không chạy thì cánh xếp lại. Nàng mừng rỡ; và vì muốn giữ mãi người yêu bên cạnh mình nên nàng cắt lấy 4 cánh ấy.

Cũng như thường lệ, trời vừa rạng đông, chàng trai trẻ lén trỗi dậy ra ngoài, lên yên phi ngựa về thiên đình. Nhưng lần này chàng lấy làm ngạc nhiên là ngựa chạy quá chậm. Trời sắp sáng mất, ngựa lại thở hồng hộc. Đến giữa một bãi sa mạc mênh mông, con thiên lý mã

quỵ xuống và trút hơi thở cuối cùng.

Vầng thái dương đã mọc rồi. Ngôi sao chàng đã tắt. Chàng không còn hy vọng trở về thiên đình mà cũng không còn mong gì trở lại với người yêu để cùng âu yếm trong túp lều tranh đầm ấm hôm xưa. Cô độc giữa bãi sa mạc, chàng buồn bã ôm lấy xác ngựa. Nước mắt chàng rỏ xuống thân ngựa, bỗng nhiên con ngựa biến thành cây đàn. Đầu ngựa là đầu đàn, đuôi ngựa là dây đàn. Chàng đưa tay nhẹ vuốt mấy dây, bật lên thành tiếng não nùng. Tiếng chàng thở than hòa với tiếng não nùng ấy thành những lời ca cực kỳ ai oán.

Chàng khóc tiếc quãng đời địa vị của chàng. Chàng khóc cái chết của con ngựa quý. Chàng lại khóc cho mối tình tan vỡ đối với nàng thôn nữ, người yêu tha thiết đã vì quá yêu mà vô tình gây nên họa thảm, biết bao giờ được hàn gắn mối duyên xưa.

"Mã đầu cầm" là một thiên tình sử bi đát của người Mông Cổ. Mà âm thanh của nó chỉ để phô diễn những nỗi sầu buồn tang tóc bất diệt của loài người.

Tiết Phụ Ngâm

Trương Tịch tự Văn Xương, người đất Tô Châu, thi gia thời Trung Đường (766-827), đậu Tiến sĩ dưới triều vua Đức Tông. Năm 799, được Hàn Dũ tiến cử làm Quốc tử bác sĩ, cuối cùng lên đến chức Quốc tử tư nghiệp.

Trong nước lúc bấy giờ lại diễn thành cuộc phiên trấn cát cứ. Mỗi Tiết độ sứ chuyên chế mỗi phương. Trấn nào, Tiết độ sứ tuân mạng triều đình thì cho là thuận đảng. Trái lại, Tiết độ sứ nào đem binh đối kháng lại triều đình thì cho là nghịch đảng. Trương Tịch hiện làm một tân khách trong mạc phủ của một Tiết độ sứ thuộc về thuận đảng. Ông muốn giúp triều đình mong đạt được cuộc thống nhất đất nước.

Bấy giờ có Lý Sư Đạo là một Tiết độ sứ thuộc về nghịch đảng, vốn tay quật cường. Biết Trương là người

có tài nên họ Lý ân cần viết thư, đem lễ vật đến đón Trương về giúp mình trong công cuộc xây dựng sự nghiệp.

Trương không dám từ khước ngay. Vì tình thế lúc bấy giờ nguy ngập lắm. Thế lực của Lý thì mạnh, nếu ông không bằng lòng thì chắc chắn hai trấn phải sinh chiến họa to. Do đó, ông phải giả cách cám ơn nhận lễ rồi dần dần tìm cách từ khước. Trong khi hoàn lại lễ vật, Trương Tịch làm một bài thơ kèm theo, nhan đề là "Tiết phụ ngâm":

Em có chồng rồi, chàng đã biết,

Mà chàng còn tặng cặp minh châu.

Cảm lòng yêu mến khăng khăng ấy,

Em giấu đeo trong yếm lụa đào.

Khốn nỗi nhà em kề ngự uyển,

Chồng em cầm kích ở hoàng cung.

Lòng chàng trong sạch như băng tuyết,

Mà đạo tùng phu phải thĩ chung.

Trả ngọc cho chàng em ứa lệ...

Phải chi gặp gỡ lúc chưa chồng.

(Bản dịch của Yã Hạ Nguyễn Vân Trung)

Nguyên văn:

Quân tri thiếp hữu phu,

Tặng thiếp song minh châu

Cảm quân triền miên ý

Hệ tại hồng la nhu.

Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,

Lương nhân chấp kích Minh quang lý

Tri quân dụng tâm như nguyệt;

Sự phu thê nghĩ đồng sinh tử.

Hoàn quân minh châu song lệ thùy,

Hận bất tương phùng vị giá thì.

Mượn thân phận người con gái đã có chồng cần phải "tùng nhất nhi chung", để nói thân phận mình, một khi đã thờ chúa này rồi thì cần phải trọn đạo làm tôi "trung thần bất sự nhị quân". Ai có thương đến thì xin cám ơn vậy.

Lý Sư Đạo tiếp được bài thơ xem qua, càng sinh lòng cảm mến mà không còn theo đuổi và sinh sự gì cả.

Nước ta cũng có bài ca dao:

Ba đồng một miếng trầu cay,

Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng, như cá cắn câu.

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,

Chim vào lồng biết thuở nào ra?

Tương truyền bài ca dao này do Đào Duy Từ làm ra. Nguyên lúc bấy giờ, nước Việt Nam chia làm hai miền. Miền Bắc thuộc chúa Trịnh; miền Nam thuộc chúa Nguyễn. Hai họ tạo thành cuộc Nam Bắc phân tranh. Đào Duy Từ ở miền Bắc, người có tài nhưng không được chúa biết trọng đến và trọng dụng nên trốn vào Nam, được chúa Nguyễn trọng đãi. Rồng đủ vi cánh lại gặp gió to, tài thao lược của họ Đào vang dậy đến Bắc Hà. Chúa Trịnh Tráng bấy giờ lấy làm hối tiếc, con người lén vào Nam, đem lễ vật quý báu dâng cho Đào, yêu cầu Đào trở lại giúp mình. Đào từ chối bằng mấy câu ca dao, mượn lời của một cô gái có chồng đã khéo léo từ khước người yêu mình để nhắn gởi chúa Trịnh, như nhà thơ Trương Tịch ở Trung Hoa.

Tuy vậy, chúa Trịnh không nản, vẫn tiếp tục theo đuổi, dụ dỗ. Đào Duy Từ lại phải gởi nhắn thêm hai câu thơ lục bát về Bắc, ý chí keo sơn kiên quyết của mình:

Có lòng xin tạ ơn lòng.

Đừng đi lại nữa mà chồng em ghen.

Bình Nguyên Quân

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của Nguyễn Du, đoạn thuật lại lúc Từ Hải gặp gỡ Thúy Kiều, cả hai nói chuyện nhau, có những câu:

...

Chút riêng chọn đá thử vàng,

Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu?

Còn như vào trước ra sau,

Ai cho kén chọn vàng thau tại mình?

Từ rằng: "Lời nói hữu tình,

Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.

Kiều tha thiết nói:

Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu?

và lời đáp của Từ Hải:

Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.

Lời lẽ và ý tứ hai câu vốn mượn ý và lời ở hai câu liền nhau trong bài "Hàm đan thiếu niên hành" của Cao Tứ đời Đường:

Vị tri can đảm hướng thùy thị,

Linh nhân khước ức Bình Nguyên Quân.

Nghĩa là:

Biết ai gan ruột như mình,

Khiến người lại nhớ đến Bình Nguyên Quân.

Nguyên đời Chiến Quốc (479-221 trước D.L.), con của Vũ Linh Vương nước Triệu tên Thắng, làm Tướng quốc và được phong đất Bình Nguyên nên thường gọi là

Bình Nguyên Quân.

Cũng như Mạnh Thường Quân (người nước Tề), Tín Lăng Quân (người làm tướng nước Ngụy), Bình Nguyên Quân người rất hiếu khách. Trong nhà bao giờ cũng có thực khách đến hàng ngàn người.

Khi quân nước Tần vây kinh đô nước Triệu là Hàm Đan, vua nước Triệu phải sai Bình Nguyên Quân đến nước Sở cầu cứu bằng cách liên minh. Bình Nguyên Quân định chọn lấy 20 người đủ sức khỏe, mưu mẹo trong số thực khách cùng đi. Nhưng chỉ chọn được 19 người.

Một thực khách trên Mao Toại bước ra, tình nguyện đi cho đủ số. Bình Nguyên Quân hỏi:

- Tiên sinh ở nhà này được bao lâu?

Mao Toại đáp:

- Đã được 3 năm.

Bình Nguyên Quân nói:

- Phàm bực hiền sĩ ở đời chẳng khác gì cái dùi ở trong cái túi, bao giờ mũi nhọn cũng thò ra ngoài. Tiên sinh ở đây đã đến 3 năm mà tôi chưa từng thấy người chung quanh tôi khen ngợi điều gì, thế là tiên sinh không có đặc tài thì xin mời tiên sinh ở lại nhà.

Mao Toại nói:

- Chính ngày nay tôi mới xin làm cái dùi trong cái túi đó. Nếu tôi sớm được như cái dùi trong túi thì chẳng những chỉ thò mũi nhọn ra, mà lại còn nhảy tuột cả ra ngoài nữa.

Nghe lời đáp lạ lùng, Bình Nguyên Quân bằng lòng cho đi. Mười chín thực khách kia nhìn nhau có vẻ xem thường, cười thầm.

Đến nước Sở, Bình Nguyên Quân cùng vua Sở bàn việc liên minh, giải bày lợi hại, từ sáng sớm mãi đến trưa mà vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Mười chín thực khách kia bèn bảo Mao Toại rằng:

- Xin mời tiên sinh lên đi.

Mao Toại cầm kiếm, bước lên thềm, nói với Bình Nguyên Quân rằng:

- Việc liên minh lợi hại thế nào, chỉ nói vài lời cũng quyết định được, thế mà bàn bạc từ sáng đến trưa vẫn chưa ra bề nào là cớ làm sao?

Vua nước Sở hỏi ai, thì Bình Nguyên Quân cho biết đó là người nhà. Vua Sở quát:

- Sao không lùi xuống? Ta đương nói chuyện với chủ ngươi, lên đây làm gì?

Mao Toại vẫn cầm kiếm, tiến lên, đĩnh đạc nói:

- Nhà vua sở dĩ quát tháo mắng tôi là vì cậy nước Sở có đất rộng người nhiều. Nhưng từ chỗ nhà vua đến chỗ tôi đứng chỉ trong 10 bước, thì tính mạng của nhà vua là ở trong tay tôi. Cậy thế nào được đất rộng người nhiều kia? Hiện có chủ tôi ngồi đó mà nhà vua quát tháo tôi thì còn lễ độ gì? Vả tôi có nghe rằng: vua Thang chỉ nhờ khoảng đất 70 dặm mà làm vua thiên hạ; vua Văn chỉ nhờ một vùng 100 dặm mà khuất phục được chư hầu,

có phải đâu là vì nhiều sĩ tốt? Nay nước Sở nếu biết giữ được thế, trấn được huy thì sẵn đất vuong 5 ngàn dặm, dưới cờ kể có 100 vạn quân, đủ sức để làm bá vương đó. Sức mạnh như thế, đáng lẽ thiên hạ không sao địch nổi, thế mà thằng nhãi Bạch Khởi, tướng của nước Tần, chỉ đem có vài vạn quân đánh nhau với nước Sở, trận đầu đã chiếm được đất Yên Sinh, trận thứ hai lại đốt mất Di Lăng, trận thứ ba phạm đến cả lăng tẩm của tiên vương nước Sở. Đó là mối thù muôn đời, ngay nước Triệu chúng tôi còn hổ thẹn thay, thế mà nhà vua không biết căm giận. Vậy ngày nay, liên minh chính là vì nước Sở chứ không phải vì nước Triệu. Chủ tôi ngồi đó, nhà vua quát tháo tôi là nghĩa làm sao?

Vua Sở gật gù bảo:

- Phải, phải! Công việc nước tôi, đúng như lời tiên sinh nói. Vậy tôi xin đem cả nước để liên minh.

Đoạn tất cả tôi chúa đều uống máu ăn thề.

Mao Toại cười nói với bọn 19 người:

- Đối với sự thành công này, các ông chỉ là theo đuôi, vấy máu ăn phần đó thôi.

Thược hiện được cuộc liên minh, Bình Nguyên Quân trở về nước Triệu, nói:

- Thôi, ta không còn dám xét đoán người nữa. Xưa nay ta đã từng xét thiên hạ, kể số nhiều thì đến hàng ngàn người, mà ít thì cũng hàng trăm, vẫn tự hào rằng chưa hề bỏ sót ai cả. Thế mà đến nay tự biết mình trước kia đã không nhận rõ đặc tài của Mao tiên sinh. Khi sang nước Sở, Mao tiên sinh đã làm cho nước Triệu được vô cùng tôn kính. Mới biết tiên sinh đã khéo dùng ba tấc lưỡi mạnh hơn trăm vạn quân. Thôi, từ đây ta không dám xét người nữa.

Ông liền cất Mao Toại lên hàng Thượng khách.

Tuy dùng người mà Bình Nguyên Quân vẫn tự nhận đã thiếu sót trong việc xét người. Lời nói đó thật tri bỉ tri kỷ vậy.

Thấy Nhàn Luống Tưởng Thư Phong

Trong "Chinh phụ ngâm", bản dịch của bà Đoàn Thị Điểm, đoạn diễn tả tình cảm của người chinh phụ trông tin chồng, có câu:

Trải mấy thu, tin đi, tin lại,

Tới xuân này, tin hãy vắng không.

Thấy nhàn, luống tưởng thư phong,

Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn sàng.

"Thấy nhàn" là thấy chim nhạn. Theo nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn là: "Kiến nhạn uổng nhiên tư tái bạch". "Thấy nhàn" có nghĩa là thư tín, do điển Tô Võ.

Tô Võ tự Tử Khanh, quê ở Mậu Lăng, huyện Hưng

Bình, tỉnh Thiểm Tây, người đời Tây Hán (206 trước-196 sau D.L.) làm quan triều vua Nguyên Đế (48-33 trước D.L.). Lúc bấy giờ, giặc Hung Nô xâm lấn Trung Nguyên. Nhà Hán thất bại, vua Hán phải sai Tô Võ làm sứ sang Hung Nô xin giảng hòa. Chúa Hung Nô thấy Tô Võ ứng đối cứng cỏi, lưu loát tỏ ra người có ý chí tài ba lỗi lạc nên ý muốn thu dùng, tìm lời dụ hàng. Không kết quả, nhưng chúa Hung Nô không chán nản, truyền cho Vệ Luật, nguyên là người Hán đầu hàng, lấy tình đồng bang mà dùng lời ngon ngọt khuyên nhủ Tô Võ. Vệ đến nói với Tô Võ:

- Tô quân nếu không nghe lời tất bị giết. Chịu chết như thế phỏng có ích gì. Chi bằng đầu hàng đi, tài hèn như tôi còn được trọng dụng, nếu là bực đại tài như Tô quân tất được phong vương bái tướng, sự đại phú quý hẳn cầm chắc trong tay.

Tô Võ đứng phắt dậy, chỉ mặt Vệ Luật mắng nhiếc:

- Ta không ngờ mày lại vô lương tâm đến thế. Đã muối mặt thờ kẻ thù để cầu vinh, tưởng không còn dám trông ta, ai ngờ mày lại mặt dày mày dạn quá, đến đây

khuyên ta đầu hàng. Mày bước ngay đi, chớ nhận ta là người cùng nòi cùng nước nữa. Vì nòi giống Trung Quốc không bao giờ lại có hạng vô sỉ như mày.

Bị sỉ nhục thậm tệ, Vệ Luật đỏ mặt trở về, phục mạng chúa Hung Nô rằng Tô quyết một chết, không chịu đầu hàng và xin đem giết đi. Chúa Hung Nô thâm độc, mỉm cười nói:

- Nó muốn chết thì có khó gì, nhưng khi nào ta cho nó chết ngay đâu. Ta còn phải làm cho nó chịu đủ điều khổ nhục để xem cái gan nó to bằng nào.

Rồi chúa Hung Nô sai giam Tô vào một cái hầm đất tối tăm, hằng ngày chẳng cho ăn uống gì cả.

Thương hại cho Tô Võ, bị giam trong hầm chăn chiếu không có, ngày đêm lại có mưa tuyết, đã đói lại rét, chẳng biết kiếm gì ăn cho no lòng, đành phải lượm những cục tuyết và nhặt những lông áo chiên tạm nhai cho đỡ đói. Đến năm hôm, chúa Hung Nô lại sai người đến dò xem thì thấy Tô vẫn ngồi chầm hầm, vẻ mặt như thường.

Lấy làm lạ, chúa Hung Nô hạ lịnh đem Tô Võ lên Bắc Hải là một miền hoang vu, quanh năm giá rét, giao cho một đàn dê đựa, bắt phải chăn nuôi; và ra lịnh nếu bao giờ đàn dê ấy đẻ con thì mới cho về nước.

Biết rõ sự tàn bạo đê hèn của chúa Hung Nô, Tô Võ chỉ mỉm cười.

Nhờ sự luyện tập chịu đựng khổ cực, có lúc đun mình bên lửa nóng, có lúc lại mình trần tắm tuyết, gội mưa ngày còn nhỏ nên Tô Võ xem thường cảnh đọa đày, vất vả. Ở Bắc Hải, ban ngày Tô đuổi đàn dê ra một bãi cỏ cho tự do đi lại kiếm ăn; còn mình thì tìm bắt những chuột đồng và bứt cỏ ăn tạm qua ngày. Tối đến lại dồn đàn dê về trong hầm nằm nghỉ. Ở đây, ngoài đàn dề làm bầu bạn, Tô Võ còn một lá cờ tiết mao của vua giao cho khi đi sứ là biểu hiện của một sứ mạng trọng đại, Tô cầm luôn trong tay, không lúc nào rời. Tháng lụn ngày qua, trải năm này sang năm khác, những lông trên thân lá cờ dần dần trút rụng hết, chỉ còn trơ lại cán không.

Ở sa mạc Bắc Hải lâu năm, một hôm Tô Võ nghĩ

được một kế viết thư về Hán báo tin. Tô viết nhiều bức thư vào mảnh lụa áo, rồi buộc vào chân chim nhạn mà Tô bắt được, thả cho chim nhạn bay đi.

Về mùa đông, chim nhạn ở Bắc Hải đổ về Trung Nguyên, bay vào vườn Thượng Lâm của nhà vua làm ổ. Vua Hán bắt được, mở thư ra xem mới biết Tô Võ còn sống ở một chỗ cực kỳ khổ cực, lấy làm mủi lòng, thương xót vô cùng. Mãi đến 19 năm, bấy giờ Hung Nô yếu thế, thất bại, xin hòa. Chúa Hung Nô nói dối là Tô Võ đã bị bịnh chết từ lâu, nhưng vua Hán đưa thủ thư của Tô Võ, bấy giờ chúa Hung Nô không dám giam cầm nữa, đành sai một đạo quân hộ tống đến biên cảnh, cho về nước.

Trong truyện "Song phụng kỳ duyên" lúc Chiêu Quân cống Hồ đến Nhạn Môn Quan, nàng cũng xé vạt áo lụa, cắn móng tay viết thư buộc vào chân chim nhạn để gởi về vua Hán.

Bởi điển này, sau dùng "tin nhạn", "tin hồng", đều chỉ tin tức. Dùng chữ "tái bạch" là lụa ngoài ải, tức áo lụa của Tô Võ xé để viết thư.

Để nhắc lại gương oanh liệt, khẳng khái và khí tiết của Tô Võ, đồ sứ của Tàu thường vẽ hình một người tay cầm cờ tiết mao, chăn bầy dê giữa một chốn hoang vu cực kỳ buồn thảm, có đề 4 chữ "Tô Võ mục dương" (Tô Võ chăn dê).

Truyện Tàu chép: khi Tô Võ sống ở Bắc Hải có kết duyên chồng vợ với một con vượn người. Con vượn này rất yêu quý Tô Võ, hằng ngày đi tìm thực phẩm về nuôi Tô Võ. Khi được chúa Hung Nô cho về nước, Tô Võ ra đi nhưng lòng còn chua xót thương cảm mối tình xưa.

Bà Ngô Chi Lan, người đời Lê Thánh Tông (1460-1497), có tài văn chương, làm bài thơ nhan đề "Tô Võ từ Hồ phụ":

Ngập ngừng bưng chén ly bôi,

Nghĩ mình muôn dặm, thương người năm canh.

Nhớ duyên kỳ ngộ ba sinh,

Trăm năm xin gởi chút tình tại đây.

Ngọn sứ tiết lung lay chín bệ,

Nặng chữ trung nên nhẹ chữ tình riêng.

Ngỡ ngàng khi quảy gánh buộc yên,

Rượu một chén, lụy đôi hàng lã chã.

Trách ông Tơ, bà Nguyệt sao khuấy khỏa,

Đem duyên em mà vấn chạ Xích Thằng,

Phỏng xưa kia vương lấy chàng Lăng,

Tìm xum hiệp chiếu chăn càng mãi mãi.

Hay là cá nước chẳng ưa màu phấn đại?

Đem duyên em mà buộc lại chàng Tô.

Xui nên kẻ Hán người Hồ,

Lạnh lẽo đem thu màn phỉ thúy.

Có câu rằng:

Đỗ Quyên đề đoạn vân thiên lý,

Ô Thước sào hàng nguyệt nhứt chi.

Dứt nhân duyên mà để lại biên thùy,

Cho nặng gánh chung tình ra thế thế.

Dầu Hồ lễ có cam lời hải thệ,

Tội thông thiên biết để cho ai.

Còn non, còn nước, còn dài.

Ôn Đình Quân, một thi hào đời nhà Đường khi qua miếu của Tô Võ có cảm đề:

Tô Võ hồn tiêu Hán sứ tiền,

Cổ từ cao thụ lưỡng man nhiên.

Vân biên nhạn đoạn Hồ thiên nguyệt,

Lũng thượng dương quý tái thảo yên.

Hồi nhật lâu đài phi giáp trướng,

Khứ thời thư kiếm thị đinh niên.

Mậu Lăng bất kiến phong hầu ấn?

Không hướng thu ba khốc thệ xuyên.

Nghĩa: (Bản dịch của Tô Nam)

Hán sứ nghe tin bỗng hết hồn,

Cây cao miếu cũ bóng hoàng hôn.

Chân mây nhạn vắng trăng hồ nhạt,

Sườn núi dê về khói ải tuôn.

Trở lại lâu đài nguyên nếp cổ,

Ra đi thư kiếm buổi xuân còn.

Mậu Lăng sao chẳng phong hầu nhỉ?

Trông loáng thua ba khóc nước nguồn.

Trong tác phẩm "Cung oán ngâm khúc" của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều cũng có câu:

Ngày sáu khắc tin mong nhạn vắng.

Đêm năm canh lắng tiếng chiêng rền.

"Nhạn vắng" cũng do điển cố trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Sát Thê Cầu Tướng

Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên" của cụ Nguyễn Đình Chiểu, đoạn Võ Thể Loan tiễn Lục Vân Tiên đi thi, Vân Tiên nhắn nhủ nàng có câu:

May duyên rủi nợ dễ phô,

Chớ nghi Ngô Khởi, hãy lo Mãi Thần.

Tại sao nghi Ngô Khởi? Vì Ngô Khởi đã giết vợ nhà để được làm tướng.

Ngô Khởi, người nước Vệ đời Chiến Quốc (481-221 trước D.L.). Lúc còn bé, Khởi chuyên học nghề đánh gươm, luyện võ. Bà mẹ rầy la. Khởi cắt lấy tay chảy máu, thề rằng:

- Nay con xin từ tạ mẹ, đi du học tha phương, nếu

không làm đến bực khanh, tướng thì con quyết không trở về đất Vệ này mà trông thấy mẹ nữa!

Bà mẹ khóc lóc khuyên can nhưng Khởi không nghe, nhứt quyết quảy gói ra đi. Khởi qua nước Lỗ xin học đạo với thầy Tăng Sâm. Khởi rất chăm học. Một hôm có quan Đại phu nước Tề là Điền Cử sang Lỗ, ngồi bàn luận sách vở, thấy Ngô Khởi là người hiếu học, có tài mới gả con gái cho. Tuy đã lấy vợ, nhưng Ngô Khởi vẫn còn ở học.

Thầy Tăng Sâm biết Ngô Khởi còn mẹ già, một hôm gọi lại hỏi:

- Ngươi du học đã 6 năm rồi, sao không trở về thăm mẫu thân nhà ngươi. Đạo làm con, xa cha mẹ làm sao yên tâm học hành được?

Ngô Khởi thuật lại lời thề xưa là chừng nào làm được bực khanh, tướng thì mới trở về. Thầy Tăng Sâm bảo:

- Làm trai có chí lập thân là hay, nhưng chỉ nên thề với người khác, chớ sao lại thề với mẹ già. Vả lại vì

khanh, tướng mà quên bổn phận làm con sớm hôm phụng dưỡng mẹ già thì làm sao ra người được.

Từ đấy, thầy Tăng Sâm có ý không bằng lòng Ngô Khởi.

Một hôm, Ngô Khởi đang ngồi học, có người nước Vệ đến báo tin cho Khởi biết là mẹ Khởi đã chết. Ngô Khởi nghe tin khóc lên ba tiếng rồi lau nước mắt, ngồi học như thường. Tăng Sâm thấy thế cả giận, gọi Ngô Khởi, bảo:

- Nước không gốc thì mau khô, cây không gốc thì dễ gãy. Làm người mà vô nghĩa thì giữ toàn đời sao được. Như nhà ngươi nghe tin mẹ chết mà chẳng động lòng thì thật là kẻ vong ân bội nghĩa, quên gốc mất nguồn, chẳng xứng là học trò của ta. Kể từ nay, ta cấm mi đến trường của ta nữa.

Ngô Khởi bỏ trường thầy Tăng Sâm đi học võ. Ba năm, Khởi giỏi binh pháp trận đồ bèn qua nước Sở xin làm quan. Tướng nước Sở là Công Nghi Hưu bàn luận binh pháp với Khởi, biết là người có tài, nên tâu xin với

Lỗ hầu dùng Khởi và phong chức Đại phu. Được bổng lộc cao, Khởi mua thêm hầu gái để làm thú vui riêng.

Lúc bấy giờ nước Tề sang đánh Lỗ. Công Nghi Hưu tâu với Lỗ Mục Công là muốn lui binh Tề nên phong tướng cho Ngô Khởi. Ý của Khởi cũng muốn làm tướng, cầm quân đánh Tề. Lỗ Mục Công biết Khởi là người có tài nhưng vì thấy Khởi có vợ là người nước Tề nên phân vân, không dám tin dùng. Công Nghi Hưu thuật lại chuyện cho Khởi nghe. Khởi cười nói:

- Tưởng điều chi? Tôi sẽ làm cho chúa công hết nghi.

Ngô Khởi trở về tư dinh, hỏi vợ là Điền Thị:

- Người ta có vợ quý vì lẽ gì?

Điền thị đáp:

- Gia đạo có trong, có ngoài mới nên. Làm cho nên nổi nghiệp nhà mới gọi là vợ quý.

Ngô Khởi lại hỏi:

- Nay ta muốn làm nên nghiệp lớn, khanh tướng ăn lộc muôn chung, gia nghiệp lẫy lừng, vậy nàng hãy giúp ta.

Điền thị đáp:

- Thiếp là đàn bà có thế gì giúp cho phu tướng thành công được.

Ngô Khởi nghiêm nghị nói:

- Nay Tề đánh Lỗ, chúa công muốn dùng ta làm tướng, hiềm vì nàng họ Điền vốn dòng quốc thích nước Tề nên chúa công e ngại. Vậy ta xin nàng cái đầu để Lỗ hầu khỏi nghi, ta chắc công danh sẽ thành toại.

Điền thị hoảng hốt, chưa mở miệng nói được gì thì đã bị Ngô Khởi chém rụng đầu. Đoạn Khởi dâng đầu vợ lên cho Lỗ Mục Công bảo rằng để tỏ lòng vì nước Lỗ.

Mục Công có ý không bằng lòng, nhưng ngại không dùng thì Khởi sẽ giúp Tề đánh lại Lỗ nên phong Khởi làm tướng cử hai vạn quân đánh Tề.

Khởi thật là người có tài, đại thắng Tề, được phong chức Thượng khanh, bổng lộc cao nhứt nước Lỗ.

Tướng nước Tề là Trương Lưu biết Khởi có tính tham lam, hiếu sắc nên đem ngàn lượng vàng và gái đẹp đến kinh đô nước Lỗ hối lộ cho Khởi để cầu hòa. Khởi lấy làm thích, nhận ngay. Trương Bưu liền làm kế ly gián, phao đồn lên là Khởi ăn hối lộ của Tề làm Lỗ Mục Công nghi ngờ định tước hết quan chức và hạ ngục Khởi.

Ngô Khởi hoảng sợ bỏ chạy qua nước Ngụy được Ngụy hầu cho trấn thủ đất Tây Hà. Nhưng chẳng bao lâu thì thế tử Kích lên nối ngôi Ngụy hầu, không dùng Khởi nữa, nên Khởi trốn sang nước Sở.

Sở Niệu vương tin dùng, phong Khởi làm tướng quốc. Ngô Khởi định lại quan chế, cất tước quan, bổng lộc của nhiều người làm cho cánh hoàng thân quốc thích căm tức. Sở lúc bấy giờ càng giàu mạnh, làm cho các nước Tấn, Tề, Tần, Lỗ đều phải khiếp phục.

Nhưng khi Sở Niệu vương mất, chưa kịp khâm liệm

thì dòng họ Niệu vương và các con cháu của các vị đại thần vì chế độ định quan của Ngô Khởi là mất tước lộc, nhân cơ hội quốc tang, nên nổi dậy làm loạn, vây bắt Ngô Khởi.

Khởi hoảng hốt bỏ chạy trốn nhưng bị bọn hoàng tộc cầm cùng tên đuổi nà theo bắn chết.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Cử Án Tề Mi

Dời Hậu Hán (25-219), ở đất Giang Nam có một chàng hàn sĩ tên Lương Hồng. Nhà nghèo, Lương Hồng ở trong túp lều tranh vách đất. Họ Lương chăm học biết trọng liêm sỉ, khí tiết, giữ đạo thanh bần cao đẹp. Đức hạnh, tài năng của chàng được người khâm phục, nổi tiếng khắp nơi.

Ở vùng địa phương có nàng Mạnh Quang vốn dòng nho gia giàu có nhứt vùng. Nàng tính nết đoan trang đức hạnh, đương độ kén chồng. Nhiều người thân hỏi, nàng trả lời rằng chỉ có người hiền đức như Lương Hồng mới xứng đáng là chồng.

Thấy nhà họ Mạnh đạo đức, Lương Hồng cùng nàng Mạnh Quang kết nghĩa đá vàng.

Khi làm lễ thành hôn, nàng Mạnh Quang mặc xiêm y

lộng lẫy, trang sức toàn vàng ngọc đắt tiền, cốt làm đẹp cho chàng vừa ý. Nào ngờ trông thấy vợ trang sức rực rỡ, Lương Hồng không bằng lòng, bảy ngày đêm, chàng không làm lễ động phòng hoa chúc.

Nàng Mạnh Quang lấy làm lạ, kiểm điểm lại lời nói cử chỉ của mình không tỏ vẻ gì vô lễ. Nghĩ mãi, nàng ngờ rằng vì nàng trang sức lộng lẫy mà chồng không bằng lòng chăng. Nàng liền trút bỏ lớp áo quần tốt đẹp, đồ trang sức ngọc vàng, để mặc y phục vải bô, cài thoa gai ra hầu chồng.

Thấy vợ như thế, Lương Hồng vui vẻ nói:

- Đây mới chính là vợ của ta. Hồng này không màng danh lợi, không ham của bạc vàng. Hồng chỉ muốn cùng vợ cày lấy ruộng, trồng lấy lúa, dệt lấy vải, sinh sống trong cảnh nghèo mà lúc nào cũng giữ tròn khí tiết, đạo đức, vợ lúc nào cũng kính trọng chồng và chồng lúc nào cũng nể yêu vợ.

Mạnh Quang nghe chồng nói rất lấy làm vui vẻ. Nàng đối với chồng rất mực cung kính. Mỗi bữa cơm, đối

diện, nàng nâng mâm ngang mày để tỏ lòng kính trọng chồng.

Trong tác phẩm "Nhị độ mai", tác giả Vô danh, đoạn diễn tả cảnh Hoài Nguyên đi cống Hồ có làm bài thơ tặng tình nhân là Mai Lương Ngọc lúc chia ly, có câu:

Ngang mày Mạnh thị chưa nâng án,

Thấy mặt Chiêu Quân đã mất tranh.

"Mạnh thị" đây chỉ nàng Mạnh Quang. Về sau, những nhà có hôn lễ, nhà trai thường viết 4 chữ "Cử án tề mi" dán ở cửa phòng, chỉ rằng người vợ hiền đức.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc Kiều sang chơi nhà Kim Trọng, chàng nho sinh này có chiều âu yếm lả lơi, Kiều sợ chàng đi quá vòng lễ giáo, mới có câu khuyên:

Vẻ chi một đóa yêu đào,

Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.

Đã cho vào bực bố kinh.

Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.

"Bố kinh" là "Bố quần, kinh thoa", nghĩa là quần bằng vải, trâm cài đầu bằng gai, chỉ người vợ hiền đức.

Tết Hàn Thực

Tết này ăn vào ngày mồng 3 tháng 3. Vào ngày này người Tàu ăn toàn đồ nguội và tổ chức những cuộc chơi vui vẻ lắm.

Nguyên con của Tấn Hiếu Công là công tử Trùng Nhĩ bị cha ghét bỏ muốn giết chết để lập dòng thứ, phải chạy trốn sang nước ngoài. Theo phò Trùng Nhĩ có một số bề tôi.

Lưu lạc từ nước này sang nước khác, chúa tôi trải qua bao nhiêu nỗi vất vả gian lao. Một hôm đói quá, họ phải hái rau sam luộn ăn. Trùng Nhĩ không nuốt được. Bỗng có một bề tôi tòng vong là Giới Tử Thôi đem một bát cháo thịt đến dâng. Trùng Nhĩ ăn lấy làm ngon lắm. Ăn xong, hỏi: ở đâu mà có?

Giới Tử Thôi thưa:

- Ấy là thịt đùi của tôi đó. Tôi nghe nói kẻ hiếu tử bỏ thân để thờ cha mẹ, người trung thần bỏ thân để thờ vua. Nay công tử không có gì ăn, nên tôi phải cắt đùi tôi mà dâng công tử.

Trùng Nhĩ sa nước mắt, nói:

- Ơn này biết bao giờ đền lại được.

Mãi 20 năm sau Trùng Nhĩ mới được trở về nước, lên ngôi vua là Tấn Văn Công.

Để ban thưởng công lao cho những người phục quốc, Trùng Nhĩ chia làm ba hạng:

1) Những người tòng vong (những người theo đi trốn).

2) Những người tống khoản (những người giúp đỡ tiền bạc).

3) Những người nghinh hàng (những người xin làm nội ứng để đón về làm vua).

Trong ba hạng này lại tùy theo những người nào có công khó nhọc nhiều hay ít mà chia hơn kém.

Ban thưởng công thần xong, nhà vua còn yết một tờ chiếu ở cửa thành rằng: "Nếu người nào có công lao mà chưa thưởng thì cho phép được tự tiện nói ra".

Giới Tử Thôi vốn người trong bọn tòng vong, nhưng tính khí điềm đạm. Khi Trùng Nhĩ lên ngôi, ông chỉ vào chúc mừng một lần đầu, rồi cáo ốm về nhà, yên phận nghèo khổ, vẫn đi khâu giày thuê để lấy tiền nuôi mẹ.

Khi Tấn Văn Công ban thưởng công thần, không thấy Giới Tử Thôi đến thì cũng quên mất, chẳng hỏi chi đến. Người láng giềng nhà Giới Tử Thôi tên Giải Trương, thấy thế không bằng lòng, nhưng khi thấy trên cửa thành có chiếu yết thì vội vàng gọi cửa báo tin cho Giới Tử Thôi biết. Ông chỉ mỉm cười, không nói gì. Bà mẹ ở dưới bếp nghe tiếng, ra bảo con:

- Mày khó nhọc trong 19 năm trời, cắt thịt đùi để dâng chúa công, sao bây giờ mày không nói ra để lãnh thưởng? Họa may được một vài chung thóc, chẳng còn

hơn đi khâu giày thuê hay sao?

Giới Tử Thôi thưa:

- Các con của Hiến Công cả thảy 9 người, chỉ có chúa công hiền đức hơn cả. Huệ công và Hoài công không có đức, vậy nên trời đất truất ngôi mà để cho chúa công. Các người theo hầu không biết ý trời, dám tự nhận là công mình, con nghĩ lấy làm xấu hổ lắm, chẳng thà đi khâu giày mà sống còn hơn.

Bà mẹ nói:

- Con làm được người liêm sỉ, có lẽ ta lại không làm được mẹ của người liêm sỉ hay sao! Vậy thì mẹ con ta tìm nơi rừng núi ẩn thân.

Giới Tử Thôi cả mừng, liền cõng mẹ đến đất Miên Thượng, làm nhà trong hang mà ở. Láng giềng hàng xóm không biết là đi đâu, chỉ có Giải Trương biết chỗ ở mà thôi. Giải Trương thấy ức, viết một bức thư, đang đêm đem treo ở triều môn. Sáng hôm sau, có người cận thần bắt gặp đem vào dâng cho nhà vua. Tấn Văn công

mở ra đọc:

Có một con rồng,

khi còn thất thế,

Đàn rắn đi theo,

chu du thiên hạ.

Rồng không có ăn,

một rắn cắt đùi.

Nay rồng trở về,

đã được yên sở.

Đàn rắn theo vào

đều sung sướng cả.

Chỉ có một rắn,

không ai hỏi đến.

Nhà vua giựt mình, nhớ ngay lại Giới Tử Thôi, lấy làm hối hận, liền cho người đi triệu nhưng Giới Tử Thôi đã đi mất rồi. Nhà vua truyền bắt những người láng giềng đến hỏi, ai biết chỉ dẫn thì cho làm quan, Giải Trương tâu với Tấn Văn công: vì Giới Tử Thôi không muốn cầu thưởng nên cõng mẹ đi ẩn ở đất Miên Thượng, còn bức thư đó là của Giải Trương.

Tấn Văn Công liền cho Giải Trương làm chức hạ đại phu, và bảo Giải Trương đưa đường vào Miên Thượng. Nhưng khi vào đến nơi chỉ thấy non cao rừng rậm, nước chảy hoa trôi, chim hót véo von, mây che mù mịt, còn tung tích Giới Tử Thôi thì chẳng thấy đâu cả. Quân lính tìm được mấy người nông phu gần đấy, Tấn Văn công gọi đến tận mặt hỏi. Họ thưa: mấy hôm trước có trông thấy một người cõng bà cụ già ngồi nghỉ ở núi này rồi vốc nước suối uống, xong lại cõng bà cụ trèo lên núi, không biết đi đâu.

Tấn Văn công truyền đỗ xe dưới chân núi, sai người đi dò tìm khắp nơi. Suốt cả mấy ngày trời mà chẳng thấy tăm hơi. Tấn Văn công có vẻ không bằng lòng, buồn bã bảo Giải Trương:

- Sao Giới Tử Thôi giận ta quá như vậy! Ta nghe Giới Tử Thôi là con chí hiếu, nếu ta đốt rừng tất Giới Tử Thôi phải cõng mẹ chạy ra.

Quân lính vâng lịnh phóng lửa đốt cả mấy phía rừng. Lửa to gió mạnh làm cháy lan cả mấy dặm, đến ba ngày mới tắt. Nhưng Giới Tử Thôi nhứt định không ra, mẹ con ôm nhau chết ở dưới gốc cây liễu.

Quân lịnh tìm được đống xương. Tấn Văn công trông thấy, ôm mặt khóc, truyền quân lính đem chôn dưới chân núi, rồi lập miếu thờ. Những ruộng xung quanh núi đều để làm tự điền cả, đổi tên núi gọi là Giới Sơn.

Ngày đốt rừng đang là tiết thanh minh, mồng 3 tháng 3. Sau người trong nước nhớ đến Giới Tử Thôi vì chết cháy nên hàng năm đến ngày hôm ấy không nỡ đốt lửa, phải làm sẵn lương khô để ăn, gọi là tết "Hàn thực", nghĩa là ngày ấy cấm lửa, chỉ ăn đồ nguội.

Tết Hàn thực, nhà nào cũng cắm cành liễu ở ngoài cửa để chiêu hồn Giới Tử Thôi. Cũng có nhà làm cỗ bàn và đốt giấy tiền để cúng tế.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả mụ Tú Bà khấn vái thần "Mày trắng" (Bạch Mi) phò hộ làm ăn khá, có câu:

Cửa hàng buôn bán cho may,

Đêm đêm Hàn thực ngày ngày Nguyên tiêu.

"Nguyên tiêu" là tết rằm tháng giêng. "Hàn thực" là do điển tích trên. Ở đây có ý ngày đêm lúc nào cũng được như ngày hội, ngày tết.

Giấc Nam Kha

Trong "Nam Kha ký thuật" của Lý Công Tá đời nhà Đường có kể truyện Thuần Vu Phần nằm mộng thấy chàng đến nước Hòe An. Thuần được vua Hòe An cho vào bái yết. Thấy Thuần tướng mạo khôi vĩ nên gả con gái, cho làm phò mã và đưa ra quận Nam Kha làm quan Thái thú, cai trị cả một vùng to lớn.

Đương lúc vợ chồng Thuần sống một cuộc vương giả, cực kỳ sung sướng thì bỗng có giặc kéo đến vây quận Nam Kha. Thuần đem quân chống cự. Giặc đông mạnh, Thuần thua chạy. Quân giặc vây thành đánh phá. Công chúa nước Hòe An, vợ của Vu Phần chết trong đám loạn quân.

Thuần Vu Phần đem tàn quân về kinh đô tâu lại vua cha. Nhà vua nghi kỵ Thuần đã đầu hàng giặc, nên tước hết phẩm hàm, đuổi về làm thường dân. Thuần oan ức

vừa tủi nhục, khóc lóc bi thương... Vừa lúc ấy thì Thuần chợt tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới gốc cây hòe, trên đầu một nhành cây hòe chĩa về phía nam. Cạnh Thuần lại có một ổ kiến lớn. Bầy kiến kéo hàng đàn hàng lũ trèo lên cây hòe.

Cũng có sách chép:

Đời nhà Đường có một nho sinh họ Lữ đi thi không đỗ. Trở về, dọc đường, vừa buồn lại vừa đói nên ghé vào một ngôi chùa con bên cạnh khu rừng, xin đỡ lòng. Chùa nghèo, nhà sư nấu kê thay gạo đãi khách.

Vì mệt mỏi nên họ Lữ nằm một lúc thì ngủ khò. Chàng thấy mình đã thi đỗ, được quan chức cao, nhà vua lại còn gả công chúa, phong cho chàng làm phò mã và cho đi trấn nhậm một nơi. Thật là vinh quang phú quý, không ai bằng. Nhưng khi đi đến nửa đường thì bỗng gặp quân giặc đỗ đến đánh. Lữ chống cự không lại. Lính hộ vệ bị giết. Xe kiệu bị đập phá tan tành. Chúng thộp cổ cả vợ chồng Lữ, đưa gươm kề họng... Lữ hoảng hốt, kêu lên một tiếng, giựt mình thức dậy mới biết là chiêm bao.

Mà giữa lúc ấy nồi kê cũng chưa chín.

Trong tác phẩm "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, có câu:

Giấc Nam Kha khéo bất bình,

Bừng con mắt dậy, thấy mình tay không.

Trong bài "Lạc đường" của Tú Xương cũng có câu:

Giấc mộng Nam Kha khéo chập chờn,

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, có câu:

Tiếng sen khẽ động giấc hòe.

Trong "Bích câu kỳ ngộ" cũng có câu:

Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa an.

Cổ thi có câu:

Trăm năm một giấc kê vàng.

"Kê vàng" cũng gọi là gạo "hoàng lương", một thứ ngũ cốc nhỏ như cát, màu vàng. Nhà nghèo bên Tàu ngày xưa dùng kê để ăn thay gạo.

Trong "Đoạn trường tân thanh" có câu:

Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai.

"Giấc Nam Kha", "Giấc hòe", "Giấc mộng kê vàng" hay "Giấc hoàng lương" đều do điển tích trên. Có nghĩa sự phú quý vinh hoa chẳng khác nào một giấc mộng.

Ngàn Dâu

Ngàn dâu" do chữ "Mạch thượng tang".

Ở Trung Hoa ngày xưa, nơi thôn quê, người ta thường trồng dâu gần bên đường.

"Mạch thượng tang" cũng là tên khúc hát cổ nhạc phủ của nàng La Phu nước Triệu thời Xuân Thu.

Trong "Chinh phụ ngâm", nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, đoạn tả tình cảm của nàng chinh phụ lúc tiễn chồng ra đi, có câu:

Tương cố bất tương kiến,

Thanh thanh mạch thượng tang.

Mạch thượng tang, mạch thượng tang,

Thiếp ý quân tâm thùy đoản trường.

Bà Đoàn Thị Điểm dịch nôm:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.

Ngàn dâu xanh ngắt một màu,

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

Nguyên nàng La Phu là một thiếu phụ sắc nước hương trời, văn chương âm nhạc nổi tiếng. Chồng nàng là một chiến sĩ hải hồ. Cả hai vẫn yêu nhau tha thiết. Nhưng rồi "trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương" nên chàng xách kiếm sang Tần, ước hẹn vợ một thời gian trở về.

Nàng La Phu ở quê nhà, ngày ngày hái dâu chăn tằm, dệt vải. Những lúc đêm dài canh vắng, nàng lẻ loi, thui thủi bóng mình nên thường sáng tạo những bài thơ điệu

cổ nhạc phủ để tỏ nỗi lòng thương nhớ người xa

vắng.

Một hôm, nàng đương hái dâu bên vệ đường, bất chợt Triệu vương du ngoạn sang ngang, nhìn thấy người thiếu phụ thô quê nhưng sắc đẹp mỹ miều lấy làm động lòng. Hỏi người biết nàng là kẻ tài hoa, văn hay đàn giỏi, Triệu vương càng say mê hơn nữa. Về triều, Triệu vương cho người đến đòi La Phu tới. Nhà vua dọn tiệc khoản đãi ân cần, mong được cùng giai nhân vầy duyên ân ái.

Nàng buồn rầu ứa lệ nhưng còn vị nể chúa tôi nên nàng ngồi vào tiệc, đoạn cầm đàn lên gẩy, hát khúc"Mạch thượng tang" để tỏ ý mình. Triệu vương tuy hiếu sắc những thông minh. Nghe qua bài hát, bản đàn biết thâm ý của nàng là bao giờ cũng liều chết để bảo vệ trinh tiết cùng chồng, giàu sang, uy quyền và bạo lực không làm lay chuyển lòng người trinh phụ. Triệu vương vừa hối hận vừa thẹn thuồng nên truyền cho La Phu về, bỏ mộng luyến ái giai nhân.

Tác giả mượn điển tích "Mạch thượng tang" (ngàn dâu) ngoài cái ý tả cảnh còn có ý tả mối tình chung thủy giữa trinh phụ đối với chinh phu một cách tế nhị.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Giảm Bếp, Tăng Bếp

Dời Chiến Quốc, nước Ngụy và nước Tề giao tranh. Tướng Tề là Tôn Cẩn nói với Điền Kỵ:

- Quân của Bàng Quyên vốn dũng mãnh mà khinh thường Tề, chi bằng nay ta giả ra thế yếu dụ nó.

Điền Kỵ hỏi:

- Dụ cách nào?

- Ngày nay nên làm 10 vạn bếp, ngày hôm sau nên dần dần bớt đi. Nó thấy bếp của quân ta bỗng bớt mất, tất cho quân ta nhát sợ mà trốn đi, sẽ gấp đường tiến đánh. Như thế khí nó tất kiêu và sức nó tất kiệt, ta sẽ dùng kế mà đánh tất thế nào cũng thắng.

Tướng của Ngụy là Bàng Quyên khi thấy quân Tề rút

lui để lại địa điểm cũ rộng rãi, cho người đến quan sát, xem chỗ bếp đun thấy 10 vạn bếp. Quân Tề báo cáo, Bàng Quyên lấy làm sợ hãi, cho rằng quân Tề quá nhiều, không thể khinh địch. Hôm sau, đến một chỗ dinh trại bỏ lại thì chỉ thấy có hơn 5 vạn bếp. Lại hôm sau nữa, chỉ còn thấy có 3 vạn bếp. Bàng Quyên mừng rỡ nói với thái tử Thân:

- Tôi vốn biết người nước Tề hèn nhát, nay vào đất Ngụy mới có 3 ngày mà quân lính bỏ trốn quá nửa rồi, còn dám đánh nhau nữa ư!

Đoạn truyền lịnh tấn binh.

Khi đi đến Mã Lăng thì mặt trời đã lặn. Đường Mã Lăng là một nơi hiểm yếu, ở giữa hai quả núi, hang khe sâu hẹp. Bấy giờ vào lúc hạ tuần tháng 10, trời không trăng... Tiền quân của Bàng Quyên báo cho Quyên hay là có nhiều cây bị chặt chận ngang đường, khó tiến lên được. Quyên bảo: đó là quân Tề sợ bị đuổi theo nên lập ra kế ấy.

Nhưng Quyên vừa ra lịnh cho quân lính khuân gỗ mở

đường, bỗng ngẩng đầu thấy chỗ thân cây đẽo trắng, thấp thoáng có dấu chữ; nhưng vì đêm tối không nhận rõ mới sai tên lính đánh lửa soi xem, nhận thấy hai câu: "Bàng Quyên chết dưới cây này" và "Quân sư Tôn bảo". Bàng Quyên bây giờ hốt hoảng, biết là mắc mưu, vội vàng hạ lịnh cho quân lui mau. Nhưng chưa kịp lui, thì hai toán phục binh cung nỏ của Tề trông thấy lửa sáng, liền bắn ra như mưa. Quân Ngụy rối loạn hàng ngũ. Bàng Quyên bị tên trọng thương, liệu không thoát được rút kiếm đâm cổ tự tử.

Đó là kế "Giảm bếp" của Tôn Tẩn.

Ngược lại kế của Tôn Tẩn, Khổng Minh dùng kế "Tăng bếp".

Đời Tam quốc, nhà Ngụy và Thục giao tranh.

Thừa tướng nhà Thục là Gia Cát Lượng tự Khổng Minh cầm quân phạt Ngụy... Đô đốc nhà Ngụy là Tư Mã Ý cầm quân chống cự. Hậu chúa nhà Thục vì nghe lời gièm pha nên nghi kỵ Khổng Minh làm phản, liền giáng chiếu triệu Khổng Minh rút quân ngay về để tước hết

binh quyền. Vì sợ trái lịnh vua mà bị nghi kỵ thêm, nên Khổng Minh phải đành rút quân.

Tướng là Khương Duy hỏi:

- Đại quân rút lui. Tư Mã Ý thừa thế đuổi đánh thì làm thế nào?

- Nay ta lui quân, phải chia làm 5 tốp mà rút dần. Như hôm nay rút khỏi một trại, nếu trong trại còn lại một ngàn quân thì phải đào hai ngàn cái bếp. Ngày hôm trước đào 3 ngàn bếp thì hôm sau đào thêm 4 ngàn. Cứ ngày ngày rút bớt quân, đào thêm bếp mà về.

Đoạn ra lịnh nhổ trại lui quân.

Tư Mã Ý nghe tin sợ Khổng Minh đa mưu, chưa dám khinh tiến. Trước hết đem hơn trăm kỵ binh đến trại Thục quan sát. Đến nơi, sai quân sĩ đếm số bếp, rồi quay về trại nghỉ. Hôm sau, lại sai quân đến chỗ nền trại mới mà đếm. Quân về báo: "Số bếp trại này nhiều hơn số bếp trại hôm qua một phần ba". Ý bảo các tướng:

- Ta đoán Gia Cát Lượng lập mẹo giả lui dụ địch, nay

quả nhiên hắn vừa lui vừa gọi thêm quân! Nếu ta đuổi đánh, ắt đã mắc mẹo phục binh. Thôi, giờ ta hãy rút về, rồi hãy hay.

Đoạn rút quân về.

Thế là Khổng Minh không hao một tên lính, vẫn yên ổn kéo quân về Thành Đô.

Sau, có người ở cửa ngõ Tây Xuyên đến báo cho Tư Mã Ý hay việc ấy. Ý ngửa mặt than:

- Thì ra Lượng dùng phép của Ngu Hủ mà đánh lừa được ta.

Thao Lược

Thao lược" cũng gọi là "Lục thao, Tam lược". Đây là hai bộ sách thuộc về binh pháp cổ Trung Hoa.

"Lục thao" do Khương Thượng tự Tử Nha, cũng gọi là Lữ Vọng hay Khương Thái công, người đời nhà Chu (1134-314 trước D.L.) làm ra. Còn "Tam lược" là bộ sách của Hoàng Thạch Công, người đời Tần Hán (221 trước-196 sau D.L.).

Cuối đời nhà Thương (1783-1154 trước D.L.), Trụ vương hoang dâm tàn bạo, giết chóc trung thần, sinh linh đồ thán. Khương Thượng làm quan nhà Thương, thấy Trụ vương vô đạo, can gián không được, xin từ quan về câu cá ở sông Vị đất Tây Kỳ.

Văn vương là Cơ Xương, chúa chư hầu đất Tây Kỳ thân hành đến Bàn Khê đón rước ông về làm tướng, hội

chư hầu tại Mạnh Tân, cầm quân phạt Trụ. Lúc bấy giờ ông đã 80 tuổi.

Ông là một người có tài, lật đổ ngai vàng của Trụ vương dựng cơ nghiệp nhà Chu hơn tám trăm năm. Những mưu lược, kế hoạch dùng binh đánh trận, chấn chỉnh giềng mối đất nước đều ghi trong bộ Lục thao.

Đây là sáu phép dùng để định thiên hạ:

- Văn thao dạy cánh thu phục nhân tâm,

- Võ thao dạy cách định thiên hạ, giữ nước,

- Long thao dạy cách kén chọn tướng,

- Hổ thao dạy cách hành quân, tiến thoái động tĩnh theo thiên lý.

- Báo thao dạy cách chiến đấu với địch, theo trạng thái biến hóa của địch.

- Khuyển thao dạy cách huấn luyện quân sĩ.

Còn "Tam lược" là mưu lược đánh trận:

- Tướng lược là mưu lược làm tướng,

- Quân lược là mưu lược của quân sĩ,

- Trận lược là mưu lược đánh trận.

Sách này do Hoàng Thạch Công, người đời Tần Hán làm ra, truyền lại cho Trương Lương thực hành.

Trương Lương tự Tử Phòng, người nước Hàn. Sau khi nước Hàn cùng các nước Yên, Tề, Ngụy, Sở bị Tần tiêu diệt. Thù mất nước chẳng đội trời chung, Trương Lương ngày đêm mưu lo báo oán.

Trương Lương lúc chưa gặp thời, còn trẻ tuổi, một hôm thơ thẩn ở cầu Vị Kiều, buồn bã ngắm cảnh. Bỗng có một cụ già mặc áo vàng đi ngang cầu làm rớt một chiếc giày xuống bùn, lại chỉ Trương Lương bảo lượm giúp. Trương Lương không từ chối, lật đật lội xuống lượm lên quỳ dâng. Cụ già đi một quãng lại làm rớt nữa và bảo Trương Lương lội xuống lượm giúp. Trương Lương chẳng phiền hà và phải lượm giày lên quỳ dâng. Đến ba lần như thế.

Cụ già nói:

- Thằng nhỏ này nên dạy.

Đoạn chỉ cây đại thọ nơi bên cầu, bảo Trương Lương:

- Năm ngày nữa, ngươi phải đến tại đây mà đợi ta, ta sẽ tặng cho ngươi một vật. Chẳng nên quên.

Nói xong, cụ già thoăn thoắt đi mất.

Ngày thứ năm, Trương Lương dậy rất sớm ra đón cụ già như chỗ dặn. Nhưng khi đến nơi thì đã thấy cụ già ngồi bên gốc đại thọ từ lúc nào. Cụ già nghiêm nghị bảo:

- Thằng con nít đã ước hẹn với người lớn, sao lại dám trễ. Thôi ngươi hãy về đi. Năm ngày nữa, phải ra dậy cho sớm.

Năm ngày sau, vừa canh năm, Trương Lương đã ra đến nơi nhưng lại cũng thấy cụ già đến trước ngồi đợi. Cụ già nổi giận nói:

- Thằng con nít, sao ngươi lại trễ nãi làm vậy. Hãy về

đi. Năm hôm nữa phải đến cho sớm.

Đêm thứ tư rạng ngày thứ năm, Trương Lương không ngủ, ra đứng bên gốc đại thọ, bụng bảo dạ chuyến này chắc chắn không trễ nữa. Hừng đông, cụ già thong dong đến. Dưới bóng trăng, Trương xem lại tướng mạo cụ già có vẻ khác thường. Mình mặc đạo bào, tay cầm gậy tre; đầu đội mão da, y phục sắc vàng thật tiên phong đạo cốt. Trương Lương bước đến đón tiếp quỳ lạy, hỏi:

- Chẳng hay tôn sư dạy bảo điều chi?

Cụ giá nói:

- Ngươi trẻ tuổi sức mạnh, cốt cách thành kỳ, ngày sau sang cả, đáng làm bực thầy bực đế vương. Nay may gặp nhau thật là thiên tải kỳ phùng, ta cho ngươi ba quyển sách nhiệm màu, trong này toàn là những kỳ mưu thần toán. Ngươi hãy giữ gìn học tập mà báo thù cho nước, và theo phò chân chúa để danh rạng muôn đời.

Trương Lương lạy tạ lãnh lấy.

Sau Trương Lương phò Lưu Bang diệt Tần dứt Sở Hạng Võ rồi bỏ quan ngao du sơn thủy.

Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên", của cụ Nguyễn Đình Chiểu có câu:

Văn đà khởi phụng đằng giao,

Võ thêm ba lược, sáu thao ai bì.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn nói về tài của Từ Hải có câu:

Đường đường một đấng anh hào,

Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.

"Ba lược, sáu thao" là hai bộ sách thuộc về binh pháp như trên đã nói. "Lược thao gồm tài" là gồm tài thao lược, ý nói có tài dùng binh bố trận, có tài về chiến lược chiến thuật, thông hiểu binh pháp.

Tết Trung Thu

Tết Trung Thu ăn vào ngày rằm tháng 8. Nguyên cuối đời nhà Tây Hán (206 trước 23 sau D.L.), Vương Mãng nhân được cầm giữ chính quyền, thiện tiện phế lập và cuối cùng cướp được ngôi vua, đặt quốc hiệu là Tân.

Bấy giờ có người tông thất về chi xa của nhà Hán là Lưu Tú nổi lên chống lại Vương Mãng, chiếm được thành trì. Nhưng thế lực Mãng còn thời mạnh mẽ, nên Lưu Tú bị bao vây, phải chờ binh cứu viện.

Trong thời gian chờ đợi, trong thành đã hết lương thực. Quân sĩ phải đào củ chuối mà ăn. Rốt cuộc củ chuối, củ vỏ cũng không còn nữa. Và, binh cứu viện cũng chưa thấy đến. Lưu Tú lấy làm lo lắng, mới đặt bàn hương án cầu trời: "Nếu có thể khôi phục được Hán triều, dòng Hán chưa tuyệt thì xin Thượng Đế ban phép mầu cho mọc vật chi để cầm cự đỡ lòng mà chờ viện

binh đến".

Lời của Lưu Tú động đến thiên đình.

Sáng hôm sau, giữa lúc quân lịnh đào đất để tìm vật ăn thì bỗng đào được một thứ khoai. Họ mừng rỡ, đem về nấu ăn. Đó là một thứ khoai môn, vị rất bùi, ăn rất ngon. Nhưng quân lính ăn nhiều quá mang chứng sình bụng, không tiêu được. Lưu Tú đâm hốt hoảng, lại đặt bàn hương án cầu trời.

Ba hôm sau, quân lính trong thành đi tìm thức ăn bỗng bắt gặp một thứ cây bưởi có trái. Họ hái trái ấy ăn thấy ngon nên ăn nhiều quá; và cũng nhờ đó mà đi tiêu được, không còn mắc phải chứng bịnh sình bụng nữa. Cầm cự một thời gian như thế, viện binh đến, dùng cách ngoại công nội ứng nên giải được vây.

Ngày mà Lưu Tú cầu trời nhằm ngày rằm tháng 8.

Truyền thuyết như thế.

Sau Vương Mãng bị giết. Hai năm sau, Lưu Tú bình định được toàn quốc, lên ngôi vua tức là Quang Võ Đế

nhà Hậu Hán. Nhân Quang Võ đóng đô ở Lạc Dương thuộc về miền đông nước Tàu nên gọi là Đông Hán.

Vì muốn kỷ niệm lại những vật nuôi sống trong thời kỳ bị vây là khoai môn và bưởi, nên đến ngày rằm tháng 8, nhà vua làm lễ tạ trời đất, lại thưởng trăng bằng hai vật là bưởi và khoai môn. Rồi được truyền khắp dân gian.

Hai vật này là hai vật chính mà người Tàu dùng để cúng trăng. Sau lần lần, người ta mới bày thêm bánh in, có đề chữ "Trung thu nguyệt bỉnh", tổ chức thành một ngày lễ long trọng gọi là Tết Trung Thu.

Vì ngày rằm 8 tháng 8 đúng vào giữa mùa Thu, theo luật âm dương tuần hoàn, trong một năm được phân định bốn kỳ: Xuân phân, Hạ chí, Thu phân và Đông chí. Rằm tháng 8 vào thời kỳ Thu phân (giữa mùa thu) lại giữa tháng 8 nên gọi là tiết Trung Thu.

Tiết Trung Thu đọc trại là Tết Trung Thu.

Khi nói đến Tết Trung Thu là nói đến trăng tròn, trăng sáng, trăng đẹp. Thế nên người Tàu còn kêu tết

Trung Thu là "Lễ trông trăng".

Lễ này có mục đích là trông mặt trăng để đoán định vận mạng quốc gia, tiên liệu mùa màng... và trông trăng để gợi nguồn cảm hứng cho thi tứ của tao nhân mặc khách.

Theo cổ học Đông phương thì trăng thuộc về Thủy trong 5 ngũ hành (Kim, Một, Thủy, Hỏa, Thổ) mà Thủy (nước) là một yếu tố quyết định nghề nông... Cho nên, vào đêm rằm Trung Thu, nhân dân kéo ra sân mà quan sát mặt trăng. Nếu trăng vàng thì năm tới sẽ trúng mùa tằm tợ Nếu trăng có màu xanh, màu lục thì thiên hạ sẽ lâm cảnh thất mùa cơ hàn do thiên tai: hạn hán, lụt lội. Nếu trăng trong sáng màu cam la, biểu lộ một cảnh thạnh trị thái bình...

Ấy là ngắm trăng thu để tiên tri thời cuộc, mùa màng, còn tao nhân mặc khách ngắm trăng thu để gợi nguồn cảm hứng. Những nhà thơ VN cũng như những nhà thơ Trung Hoa có rất nhiều thơ về trăng thu và về mùa thụ Nhưng mỗi người có một tính cáh; cũng như thơ có nhiều sắc thái do tình cảm buồn sầu vì thu hay vui vẻ vì

thu chẳng hạn.

Đỗ Phủ, một thi hào danh tiếng thời thịnh Đường (715-766), nhân lênh đênh phiêu bạt đất khách có 2 năm trời, lòng hoài vọng cố hương nên gởi lòng trong một bài "Thu hứng" rất lâm ly, áo não:

Ngọc lộ điêu thương phong thụy lâm,

Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.

Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,

Tái thượng phong vân tiếp địa âm.

Tùng cúc lưỡng khai; tha nhật lệ,

Cô chu nhất lệ: cố viên tâm.

Hàn y xứ xứ thôi đao xích,

Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

Dưới đây là hai bản dịch: một của cụ Nguyễn Công Trứ và một của ông Ngô Tất Tố:

Lác đác rừng phong hạt móc sa,

Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ.

Ngút trời sóng dậy lòng sông thẳm,

Rợp đất mây ùn mặt ải xa.

Khóm trúc tuôn hai hàng lệ cũ

Con thuyền buộc một mối tình nhà.

Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,

Thành quạnh dồn chân buổi ác tà.

(Nguyễn Công Trứ)

Vàng úa rừng phong, hạt móc bay,

Non Vu hiu hắt phủ hơi may.

Dòng sông cồn cộn, trời tung sóng,

Ngọn ải mờ mờ, đấy rợp mây,

Lệ tủi: sợ coi chòm cúc nở,

Lòng quê: mong buộc chiếc thuyền đầy.

Giục ai kéo thước lo đồ lạnh,

Đập vải trời hôm rộn tiếng chày.

(Ngô Tất Tố)

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Mật Lịnh Trong Nhân Bánh Trung Thu

Năm 1279, Nguyên Thế Tổ là Hốt Tất Liệt - vua Mông Cổ - đem quân đánh nhà Nam Tống ở Trung Quốc. Nam Tống đại bại bị diệt. Nhà Nguyên làm chủ toàn bộ Trung Quốc. Lần thứ nhứt, Trung Quốc bị ngoại tộc thống trị.

Đối với Trung Quốc, nhà Nguyên vẫn giữ quan niệm kỳ thị chủng tộc. Trong nước bấy giờ chia làm bốn đẳng cấp: người Mông Cổ, người Sắc Mục (chỉ người Tây Vực và Châu Âu), người Hán (chỉ người nước Liêu và nước Kim còn sót lại). Giữa người Mông Cổ và người Hán có một chế độ chênh lệch. Những chức vụ quan trọng về chính trị và quân sự đều tập trung vào tay người Mông Cổ. Người Hán và người Nam chỉ được giữ những địa vị phụ thuộc.

Hạng nho sĩ được người Trung Quốc quý trọng thì bị

người Mông Cổ khinh miệt. Họ thường có câu nói ví: "Thứ tám là đĩ, thứ chín là nho, thứ mười là ăn mày".

Muốn đề phòng nội loạn, nhà Nguyên cấm chỉ dân Giang Nam cầm binh khí. Trong vòng 10 nhà thì đặt giáp trưởng để giữ người Nam. Các vương công và quan lại Mông Cổ tự do cướp ruộng đất của nông dân để làm mục trường và nô tỳ.

Sự bức bách khắc nghiệt đó chính là một yếu tố quan trọng, tạo thành một động lực cho phong trào nông dân bạo độc và dân tộc tranh đấu đòi giải phóng.

Năm 1337, đời Thuận Đế nhà Nguyên, Châu Quang Khanh nổi dậy ở Quảng Châu, Bạng Hồ ở Tín Dương Châu. Tiếp theo đó nông dân quật khởi ở nhiều nơi khắp miền nam và miền bắc.

Năm 1351, cha con Hàn Sơn Đồng lập Bạch Liên Hội, lợi dụng tôn giáo để tổ hợp nông dân. Đây là một giáo hội bí mật, tuyên truyền rằng: "Hoa sen trắng (Bạch liên) nở có Phật Di Lặc giáng thế", đồng thời viết kinh sách và phù chú để truyền bá trong dân gian. Phong trào

này gây nhiều ảnh hưởng ở Hà Nam và Giang Hoài.

Hàn Sơn Đồng bị bắt. Con là Hàn Lâm Nhi nối lấy nghiệp cha và xưng đế. Đồng thời, Trương Sĩ Thành chiếm cứ đất Ngô; Trần Hữu Lương chiếm cứ Giang Châu; Châu Nguyên Chương chiếm cứ Tập Khánh (thành Nam Kinh bây giờ).

Châu Nguyên Chương xuất thân là một thầy tu. Bên cạnh lại có vị quân sư là Lưu Bá Ôn vốn người đa mưu túc trí. Năm 1367, Châu Nguyên Chương xưng vương tuyên bố tranh đấu giải phóng dân tộc, thành lập chánh quyền của người Trung Hoa, chiếm cứ vùng Giang Hoài, thống nhất phương Nam. Năm 1368, Châu Nguyên Chương sai tướng Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân đem binh lên miền bắc đánh vua Nguyên Thuận Đế.

Mùa thu tháng 8 năm 1368.

Tướng Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân điều động quân đội mở cuộc bắc tiến với mật kế của quân sư Lưu Bá Ôn.

Nhân dân Bắc kinh đang tổ chức cúng rằm Trung thu. Họ chuẩn bị bánh, bưởi, khoai môn... Nhưng khi cắt bánh ra, dân chúng trong thành rất đỗi ngạc nhiên thấy trong nhưn bánh có một mảnh giấy vàng con đề một dòng chữ nhỏ son đỏ vắn tắt: "Khuya ngày rằm Phật Di Lặc giáng thế, cầm đèn lồng đi rước".

Cho là thần linh báo trước, mọi người mừng rỡ. Ai ai cũng vâng lịnh thần linh. Vì họ tin rằng: khi Phật Di Lặc giáng thế là lúc họ sẽ được thoát khỏi cảnh lầm than mà bước đến đài hạnh phúc.

Trước kia, khi đặt nền thống trị Trung Hoa, người Mông Cổ muốn bắt người Hán theo văn hóa du mục của họ. Nhưng văn hóa hòa nhã tinh tế của người Hán lần lần cảm hóa được tính chất của người Mông Cổ, có ảnh hưởng sâu xa tinh thần người Mông Cổ, thành ra dân tộc bị chinh phục trở lại đồng hóa kẻ thống trị mình. Do đó vua Thuận Đế chẳng những bằng lòng cuộc tổ chức lễ nghi của dân Trung Hoa mà còn sẵn sàng bày những cuộc vui chơi trong đêm rằm Trung Thu để thưởng nguyệt nữa.

Nhà vua cùng quần thần mặc say sưa chè chén.

Dân chúng trong thành mặc tự do đi đi lại lại. Ai ai cũng cầm trong tay một chiếc đèn lồng. Cả bầu trời sáng rực. Thật là một hội hoa đăng tưng bừng, náo nhiệt.

Cửa thành mở toát

Người đi lại tấp nập.

Trên vườn Thượng Uyển, Thuận Đế tay nâng cốc rượu say sưa ngắm chị Hằng, bên cạnh bao vây một hàng vũ nữ, nàng nào cũng lộng lẫy xinh tươi.

Dưới đường, dân chúng cầm lồng đen cũng say sưa chờ đợi để đón rước Phật Di Lặc giáng thế.

Canh hai, canh ba... không thấy gì. Nhưng...

Bỗng một tiếng pháo lịnh nổ.

Một số người cầm đèn bấy giờ buông đen, tay đổi cầm khí giới.

Thì ra, một số quân lính của Từ Đạt và Thường Ngộ

Xuân giả làm dân chúng, cầm đen trà trộn đột nhập vào thành để làm nội ứng.

Quân lính bên ngoài lại xông vào hợp với quân trong thành tấn công dữ dội.

Tiếng hò hét vang dậy.

Chúa tôi nhà Nguyên giữa lúc say sưa chè chén bên cạnh bọn vũ nữ quay cuồng với khúc Nghê Thường vũ y, bị đánh thình lình, không phương chống cự nên cuống cuồng bỏ chạy.

Quân của Từ Đạt chiếm lấy thành.

Vua Thuận Đế nhà Nguyên bị đuổi chạy về Mông Cổ.

Châu Nguyên Chương thâu lại toàn bộ Trung Quốc, lên ngôi hoàng đế, định đô tại Tập Khánh (Nam kinh), đổi quốc hiệu là Minh. Ấy là vua Minh Thái Tổ.

Nước Trung Hoa vào tay người Mông Cổ trong 89 năm (1279-1386), trải qua mười đời vua, nay lại trở về người Hán.

Xiềng xích đô hộ tan vỡ. Nhân dân hoan lạc âu ca.

Một "nhân bánh"... lịch sử.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tết Đoan Dương

Tết Đoan Dương cũng gọi là Tết Đoan Ngọ. Theo phong tục Tàu, tết này ăn vào ngày mồng 5 tháng 5.

Vì quan Đại Phu nước Sở (một nước chư hầu thời Xuân Thu, ở vào địa phận tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ) là Khuất Nguyên trầm mình tự tử tại sông Mịch La vào ngày mồng 5 tháng 5. Từ ấy, mỗi năm đến ngày tháng này, người Tàu tổ chức cuộc lễ đua thuyền ngụ ý vớt xác Khuất Nguyên vì cảm mến kẻ trung thần. Tục ấy lâu ngày thành lệ vui chơi

Khuất Nguyên tên Bình, là người trong hoàng tộc nước Sở, làm chức Tả Đồ cho Sở Hoài Vương, học rộng, nhớ dai, giỏi về chính trị, lại có tài văn chương. Ông giúp vua bàn quốc sự và ra hiệu lịnh, tiếp đãi tân khách, ứng đối chư hầu. Trước vua tin cậy lắm. Sau có quan lại ganh tài ông, tìm cách hãm hại, vu cho ông là

ông thường khoe với mọi người rằng: "Mỗi lần nhà vua ra lịnh đều là do công của ông nghĩ ra cả". Vua nghe lời gièm sinh ghét ông. Ông âu sầu, ưu tư viết thiên Ly Tao để tả nỗi buồn bị vua bỏ.

Ly Tao nghĩa là xa vua mà buồn. Đây là một tác phẩm bất hủ của ông, dài 370 câu tả tâm sự của tác giả. Đặc sắc của bài trường thiên này là lời bi thảm triền miên, thường dùng lối tượng trưng, lối nhân cách hóa và dẫn rất nhiều điển cố thần thoại.

Tình cảm của ông luôn luôn thay đổi một cách kỳ dị. Vừa vui đã buồn, vừa cười đã khóc. Vừa muốn đi xa lại đổi ý. Đòi lên chầu Thượng Đế lại muốn trở về cố hương, rồi lại muốn tự tử. Tình cảm của ông biểu hiện một cách trung thực: mỗi chữ là một tiếng thở dài lâm ly, một giọt nước mắt não ruột. Ít có một văn nhân nào đau khổ, thác loạn đến thế.

Bài "Thiên vấn" (hỏi Trời) của ông cũng là một kỳ văn, tuy kém thiên Ly Tao về phương diện nghệ thuật nhưng giọng lại cũng ai oán cùng cực. Ông hỏi Trời một loạt 172 câu. Sức tưởng tượng của ông thật vô địch.

Sở Hoài Vương sang đánh Tần (Một nước chư hầu thời Chiến Quốc ở vào địa phận Tân Châu (tỉnh Cam Túc) và tỉnh Thiểm Tây ngày nay), Khuất Nguyên nhiều lần can ngăn, nhưng nhà vua không nghe, rốt cuộc Hoài Vương bị thất bại, chết tại đất Tần.

Vua Tương Vương nối ngôi, bọn phản đối ông càng đắc chí, ông bị đày ra Giang Nam (phía nam sông Dương Tử). Ông thất chí, suốt ngày ca hát như người điên, làm bài phú "Hoài Sa" rồi ôm một phiến đá, gieo mình xuống sông Mịch La.

Ca dao ta có câu: "Ăn Tết Đoan Ngọ trở về tháng năm".

Tết Trùng Cửu

Theo phong tục của Tàu, Tết Trùng Cửu ăn vào ngày mồng 9 tháng 9.

Nguyên đời Hậu Hán (25-250) có Hoàng Cảnh, người huyện Nhữ Nam, theo học đạo tiên với Phí Trường Phòng. Một hôm Trường Phòng bảo cảnh:

- Ngày mồng 9 tháng 9 tới đây, gia đình của nhà ngươi gặp phải tai nạn. Vậy đến ngày đó, ngươi nên đem cả nhà lên núi cao, tay đeo túi đỏ, đựng hột thù du (một loại tiêu), uống rượu hoa cúc, tối sẽ trở về, may ra tránh khỏi tai nạn.

Hoàng Cảnh vâng theo lời thầy.

Quả thực đến tối trở về thì thấy gà vịt heo chó trong nhà bị dịch chết hết.

Vì tích trên, nên về sau hằng năm, đến ngày mồng 9 tháng 9, người ta bỏ nhà tạm lên núi, lánh nạn... Lâu đời thành tục gọi là Tết Trùng Cửu. Sau dần thay đổi tính chất, Tết Trùng Cửu lại dành riêng cho tao nhân mặc khách lên núi uống rượu làm thơ.

Sách "Phong Thổ Ký" lại chép:

Cuối đời nhà Hạ (2205-1818 trước D.L.), vua Kiệt dâm bạo tàn ác, Thượng Đế muốn răn nhà vua nên giáng một trận thủy tai làm nhà cửa khắp nơi bị chìm xuống biển nước, nhân dân chết đuối, thây nổi đầy sông.

Nạn thủy tai đó nhằm ngày mồng 9 tháng 9. Vì vậy mỗi năm đến ngày này, nhân dân lo sợ, già trẻ gái trai đều đua nhau quảy thực phẩm lên núi cao để lánh nạn... Tục ấy thành lệ.

Đến đời Hán Văn Đế (176-156 trước D.L.), vua cho dựng một đài cao 30 trượng ở trong cung, mỗi năm đến ngày mồng 9 tháng 9, nhà vua cùng vương hậu, vương tử, cung phi đem nhau lên đài ở cho qua hết ngày ấy.

Sau đến đời nhà Đường (618-907), ngày mồng 9 tháng 9 thành ngày lễ tết gọi là Trùng Cửu. Các văn nhân thi sĩ mang bầu rượu túi thơ cùng nhau lên núi cao say sưa ngâm vịnh.

Cổ thi có câu: "Gặp ngày Trùng Cửu đăng cao".

"Đăng cao" là lên chỗ cao. "Trùng cửu" và "Đăng cao" đều do điển tích trên.

Lầu Xanh Và Thần Mày Trắng

Lầu xanh" tên chữ "Thanh lâu".

Tào Thực đời Tam Quốc (220-264) có viết:

Thanh lâu lâm đại lộ,

Cao môn kết trùng quan.

Nghĩa là:

Lầu xanh bên đường lớn,

Cửa cao mấy lần then.

Ngày xưa, lầu xanh là nơi các nhà quyền quý, những thiếu nữ khuê các ở. "Đại lộ khi thanh lâu" nghĩa là đường lớn dựng lầu xanh.

Nhà Tề, vua Võ Đế bắt dân phu và bộ Công cất những lầu cao thật đẹp. Cửa sổ đều sơn xanh. Nơi này để cho nhà vua ở cùng với các mỹ nữ cung tần. Rồi lầu đài của các hàng công khanh cũng sơn cửa bằng màu xanh, nên dân chúng thường gọi chỗ ở của vua chúa, quan lại ở là "lầu xanh".

Về sau, những nhà quyền quý có con gái đẹp, ước mong con nhà mình được vào chầu nơi cung khuyết nên thường sơn nhà màu xanh cho con gái ở. Những nhà nào có cửa sổ hoặc lầu đài sơn xanh là nhà có gái đẹp được nhiều bực vương tôn, công tử chú ý.

Lúc ấy, bọn buôn son bán phấn đem gái đẹp mở nhà rước khách thưởng hoa, muốn quyến rũ khách yêu hoa hay các bực vương tôn, công tử nên cũng sơn nhà xanh đón khách.

Ý nghĩa "lầu xanh" biến đổi, lần lần trở thành hoàn toàn một nơi rước khách yêu hoa, tìm hoa giải muộn.

Vì thế, đến đời nhà Lương, Lưu Diễn có hai câu thơ nói về chữ Thanh lâu để chỉ chỗ ở của bọn gái điếm:

Xướng nữ bất thăng sầu,

Kết thúc hạ thanh lâu.

Nghĩa là:

Gái hát chẳng xiết buồn,

Thu vén xuống lầu xanh.

Thanh lâu (lầu xanh) về sau dùng để chỉ nhà điếm nuôi bọn gái mãi dâm.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du có nhiều tiếng "lầu xanh":

Lầu xanh có mụ Tú Bà,

Làng chơi nổi tiếng về già hết duyên.

Và khi nói về cuộc đời của Kiều:

Hết nạn nọ đến nạn kia,

Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.

Lại đoạn tả về tính tình, tư cách hành động của Sở Khanh:

Bạc tình nổi tiếng lầu xanh,

Một tay chôn biết mấy cành phù dung.

Đỗ Mục, một thi hào đời nhà Đường có bài:

Lạc phách giang Hồ tải tửu hành,

Sở yên tiêm tế trường trung khinh.

Thập niên nhứt giác Dương Châu mộng,

Doanh đắc thanh lâu bạc hạnh danh.

Nghĩa (bản dịch của Bùi Khánh Đản):

Quẩy rượu lang thang khắp đó đây,

Lưng thon gái Sở nhẹ trên tay.

Mười năm tỉnh giấc Dương Châu mộng,

Để lại lầu xanh tiếng mặt dầy.

Ở các lầu xanh ngày xưa, các mụ Tú Bà thường dựng một bàn hương án giữa nhà, có treo một tượng đồ. Tượng này vẽ hình người có đôi lông mày trắng gọi là thần Bạch Mi (thần Mày Trắng).

Sách "Dã Hoạch biên" có chép: các thanh lâu thường thờ thần Bạch Mi. Thần này mặt to, râu dài, cưỡi ngựa cầm dao, xem na ná như hình Quan Công, nhưng lông mày trắng và mắt đỏ.

Không ai hiểu được tranh vẽ ai và lai lịch thần Mày Trắng ra sao. Nhưng các thanh lâu đều quen thờ như vậy, coi là một vị tổ sư để cầu phù hộ cho nghề được phát đạt, cửa hàng được đông khách, cũng như tất cả các nghề khác.

Đời nhà Minh (1368-1628), các cô bán dâm ở lầu xanh có cách đuổi vía lạ lùng. Khi nào một cô xui xẻo, ế hàng thì đến trước thần Mày Trắng, trút bỏ áo quần, đốt hương van vái cầu xin. Đoạn lấy hoa mới đổi lấy hoa đã cúng trên bàn thờ đem lót dưới chiếu mình nằm. Như

vậy cô sẽ đắt khách hàng. Theo quan niệm của họ như thế, không biết có thực đắt khách không.

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn tả cảnh thanh lâu của Tú Bà, có những câu:

Giữa thì hương án hẳn hoi,

Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.

Lầu xanh quen thói xưa nay,

Nghề này thì lấy ông này tiên sư.

Hương hoa hôm sớm phụng thờ.

Cô nào xấu vía, có thưa mối hàng.

Cởi xiêm trút áo sỗ sàng;

Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm.

Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,

Bướm ong bay lại ầm ầm tứ vi.

Can Tương, Mạc Gia

Can Tương và Mạc Gia là tên hai vợ chồng người rèn kiếm. Mà cũng là tên hai thanh kiếm báu ngày xưa ở bên Tàu.

Nguyên đời Xuân Thu, vua nước Ngô là Hạp Lư muốn có những thanh kiếm báu, mới đắp một cái thành ở Ngưu Thủ sơn để đúc mấy ngàn thanh kiếm, gọi là Biển Chư. Tuy vậy chưa vừa ý, nhà vua tìm được người nước Ngô tên Can Tương, cho ở cửa Tượng Môn để đúc những thanh kiếm thật sắc, chém đá như chém bùn.

Can Tương được lịnh nhà vua cho vào kho và khắp toàn quốc tìm vàng và sắt thật tốt. Đoạn chọn ngày giờ, Can Tương sai các đồng nam và đồng nữ trinh tiết cả thảy 300 người, ngày đêm đốt than nấu. Nhưng suốt cả ba tháng trời, vàng sắt vẫn không chảy. Can Tương lấy làm lạ, không biết tại sao? Người vợ là Mạc Gia bảo

rằng:

- Những vật báu của thần linh tất phải đợi nhân khí mới thành tựu được. Nay phu quân đúc kiếm suốt ba tháng không thành, hoặc giả thần linh còn chờ đợi nhân khí chăng?

Can Tương nói:

- Ngày xưa thầy ta cũng đúc mãi mà kiếm không thành, nên cả hai phải nhảy vào lò, bấy giờ mới kết quả. Về sau, ai đúc kiếm ở chân núi ấy cũng phải làm lễ tế lò. Nay ta đúc kiếm mãi không được, hay là cũng phải thực hành như thế!

Mạc Gia nói:

- Thầy ta còn bỏ thân để đúc nên thần kiếm, khó gì mà ta không noi gương.

Đoạn, Mạc Gia tắm gội sạch sẽ ra đứng ở bên lò. Sai các đồng nam, đồng nữ kéo bễ đốt than. Giữa lúc lửa cháy phừng phực, Mạc Gia liền nhảy ngay vào lò. Được một lúc, vàng và sắt đều chảy ra cả.

Bấy giờ, Can Tương đúc được hai thanh kiếm. Thanh đúc trước lấy tên là Can Tương. Thanh đúc sau lấy tên là Mạc Gia. Can Tương giấu lại một thanh kiếm, chỉ đem thanh kiếm Mạc Gia dâng cho Hạp Lư. Vua Ngô cầm thanh kiếm chém thử vào viên đá thì viên đá đứt đôi ra. Nhà vua thưởng cho Can Tương 100 nén vàng.

Sau, vua Ngô biết Can Tương giấu lấy một thanh mới sai người đến đòi và bắt buộc nếu không chịu giao trả thì sẽ xử tử.

Can Tương đem thanh kiếm ra xem. Thanh kiếm ở trong bao nhảy ra, hóa thành một con rồng xanh. Can Tương cưỡi con rồng ấy bay lên trời đi mất. Sứ giả về tâu với Hạp Lư. Nhà vua thở dài, luyến tiếc, lại càng quý trọng thanh kiếm Mạc Gia, mới thuê người làm kim câu để đeo thanh kiếm vào mình. Lại truyền lịnh: ai làm kim câu giỏi, giá trị thì được thưởng 100 nén vàng.

Người trong nước đua nhau làm kim câu để dâng. Có một câu sư tham giải thưởng to, giết chết hai con còn trinh, lấy máu tươi hòa với sắt đúc thành hai cái kim câu đem dâng cho Hạp Lư. Qua mấy hôm sau, câu sư đến

cửa cung nhà vua xin lãnh thưởng. Hạp Lư hỏi:

- Kim câu của nhà ngươi có gì đặc biệt hơn của người ta không mà đến đòi lãnh thưởng.

- Có. Vì muốn được thưởng, tôi đã giết chết hai con để đúc thành hai cái kim câu ấy. Người khác bì thế nào được.

Nhà vua truyền đem hai cái kim câu ấy ra. Nhưng thị vệ tâu rằng: vì bỏ lẫn vào đám kim câu khác, cái nào cũng giống nhau, không thể nào tìm được. Câu sư lại van nài xin cho xem tất cả. Thị vệ đem một đống kim câu. Nhưng câu sư cũng không nhìn được cái nào là của mình, mới cất tiếng kêu lên:

- Ngô Hồng và Hổ Kê ơi! Ta đây, sao hai con không hiển linh trước mặt đại vương?

Vừa dứt lời, lạ thay, hai cái kim câu trong đống nhảy ra, ấp vào ngực câu sư. Hạp Lư kinh sợ, bảo:

- Ừ, thế thì nhà ngươi nói thực.

Đoạn thưởng cho câu sư 100 nén vàng. Từ bấy giờ, nhà vua quý trọng hai kim câu như thanh kiếm Mạc Gia, và đeo chúng hẳn bên mình.

Về sau, thanh kiếm này không biết lạc về đâu.

Cách hơn 600 năm, đến triều nhà Tấn (265-419), có quan thừa tướng tên Trương Hoa trông thấy trên trời có khí lạ, liền triệu một người giỏi về thiên văn là Lôi Hoán đến hỏi. Lôi Hoán nói:

- Đó là cái tinh bảo kiếm ở về địa phận Phong Thành.

Trương Hoa lập tức bổ Lôi Hoán làm huyện lịnh ở Phong Thành. Lôi Hoán đào nền ngục thất, bắt được một cái rương bằng đá, dài hơn 6 thước, rộng hơn ba thước. Mở ra xem, trong có hai thanh kiếm. Lấy thứ đất ở núi Tây Sơn mà chùi đánh thì ánh sáng rực rỡ. Lôi Hoán đem dâng cho Trương Hoa một thanh, còn một thanh giữ lại cho mình. Trương Hoa xem thanh kiếm, bảo:

- Đây tức là thanh kiếm Can Tương, còn thanh kiếm

Mạc Gia đâu mất. Tuy vậy, thần vật thế nào rồi cũng hợp nhau.

Một hôm, Lôi Hoán và Trương Hoa cùng đeo kiếm đi qua bến Diên Bình Tân. Tự nhiên hai thanh kiếm bỗng nhảy xuống nước mất. Vội vàng sai người lặn xuống nước tìm thì thấy có hai con rồng ngũ sắc, vểnh râu, trừng mắt, làm cho người này hốt hoảng vội trồi lên.

Từ đó, hai thanh kiếm hoàn toàn mất tích.

Giấc Vu Sơn

Dất Cao Đường, bên cạnh đầm Vân Mộng có hai ngọn núi là Vu Sơn và Vu Giáp thuộc tỉnh Hồ Bắc nước Tàu. Đời Chiến Quốc, vua Sở Tương Vương thường đến du ngoạn. Một hôm, nhà vua đến đấy, say sưa ngắm cảnh, một lúc mệt mỏi mới nằm ngủ dưới chân núi Vu Sơn.

Trong lúc mơ màng giấc điệp, vua Sở mộng thấy thiếu nữ tuyệt sắc, mặt hoa, da phấn, duyên dáng thướt tha đến bên mình, rồi cùng nhà vua chung chăn gối vô cùng thỏa thích.

Sau khi cùng giai nhân ân ái mặn nồng, vua Sở hỏi:

- Chẳng hay ái khanh ở đâu đến đây để quả nhân duyên may gặp gỡ?

Giai nhân mỉm miệng cười duyên, thưa:

- Muôn tâu thánh thượng! Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn qua chơi đất Cao Đường, vốn cùng nhà vua có tiền duyên, nay được gặp gỡ thật là phỉ nguyền mong ước. Ở thiên cung, thiếp có nhiệm vụ buổi sớm làm mây, buổi chiều làm mưa ở Dương Đài.

Nói xong, đoạn biến mất. Nhà vua chợt tỉnh dậy, cảm thấy mùi hương như còn thoang thoảng đâu đây. Mộng đẹp vơ vẩn trong trí não, nhà vua thấy luyến tiếc vô cùng. Sau sai người lập miếu thờ (tức miếu Vu Sơn thần nữ) gọi là miếu Triên Viên.

Cảm nhớ người đẹp trong mộng, vua Sở thuật lại cho quan Đại phu Tống Ngọc nghe. Vốn là một danh sĩ đương thời, Tống Ngọc bèn làm bài phú "Cao Đường" để ghi lại sự tích Sở Tương Vương giao hoan cùng thần nữ Vu Sơn:

Tiên vương du Cao Đường

Đái nhi trú tầm.

Mộng kiến nhất phu nhân viết: Vi Cao Đường chi khách,

Văn quân du Cao Đường

Nguyện tiếm chẩm tịch,

Vương nhận hạnh chi

Khứ nhi tử viết:Thiếp tại Vu Sơn chi dương

Cao Khâu chi trở

Triệu vi hành vân

Mộ vi hành vũ.

Tạm dịch:

Tiên vương dạo Cao Đường

Mỏi mệt ngủ ngày

Mộng gặp một đàn bà nói:"Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn,

Đến Cao Đường làm khách

Tin vua dạo Cao Đường

Nguyện dâng chăn gối"Vua nhận yêu nàng,

Khi đi nàng nói:"Thiếp ở đỉnh núi Vu Sơn

Cao Khâu hiểm trở.

Sớm đi làm mây

Chiều đi làm mưa".

Trong bài "Thanh Bình điệu" của thi hào Lý Bạch đời nhà Đường, có câu:

Nhất chi nùng diếm lộ ngưng hương,

Vân vũ Vu Sơn uổng đoạn trường.

Tạm dịch:

Đầu cành sương đọng ngát hương đông.

Mây mưa Vu Giáp nỗi đau lòng.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả Kim Trọng đương dựa án thiu thiu ngủ, nửa tỉnh, nửa mê thì Kiều lén song thân, băng lối vườn khuya sang thăm chàng Kim, có câu:

Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần

Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

Và, khi chàng Kim tỏ vẻ lả lơi, suồng sã, Kiều van lơn, lý luận để tránh cuộc tấn công của người yêu, có câu:

Mây mưa đánh đổ đá vàng,

Quá chiều nên đã chán chường yến oanh.

Trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều cũng có câu:

Bỗng gươm lấp loáng dưới mành,

Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.

Tôn Thọ Tường làm quan về đời Tự Đức hàng Pháp, lúc về trí sĩ có làm bài thơ "Đĩ già đi tu", mượn tâm cảnh của một người đĩ hết duyên, chán trần về Phật mà tả tâm sự của mình. Trong bài có câu:

Chày kình gióng tỉnh giấc Vu San,

Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng.

Những chữ "mây mưa", "giấc Vu Sơn", "giấc Cao Đường", "đỉnh Giáp non Thần" hay "Vu Giáp", "giấc mộng Dương Đài", "đến Dương Đài" đều chỉ việc trai gái chung chạ chăn gối, ấp yêu với nhau.

Dùng những tiếng này để tránh tiếng tục.

Xích Thằng, Nguyệt Lão

Xích thằng" là tơ hồng hay chỉ hồng.

"Nguyệt lão" là ông già dưới trăng do chữ "Nguyệt Hạ Lão Nhân", nói tắt.

Nguyên đời nhà Đường (618-907) có chàng nho sĩ tên Vi Cố, học giỏi, thi phú tài danh. Một hôm du học đến Đông Đô, giữa đêm trời quang mây tạnh, trăng sao vằng vặc, gió hiu nhẹ thổi, chàng thơ thẩn dạo chơi, chàng bỗng ngạc nhiên vì nhìn thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, ngồi dưới ánh sáng trăng, mắt nhìn vào quyển sổ to, tay se tơ đỏ. Trông người tiên phong đạo cốt. Vi Cố lấy làm lạ đến gần, hỏi:

- Chẳng hay lão trượng ở đâu đến đây mà ngồi một mình giữa đêm khuya canh vắng? Còn sách này là sách chi và tơ đỏ này, cụ se làm gì?

Cụ già đáp:

- Ta là Nguyệt Lão, xem sổ định hôn của dân gian. Còn chỉ ta đương se là duyên của vợ chồng do tơ này buộc lại.

Vi Cố mừng rỡ, yêu cầu cụ già cho biết duyên của mình. Cụ già mỉm cười nói:

- Số duyên của nhà ngươi là con bé 3 tuổi của mụ ăn mày, thường ăn xin ở chợ Đông Đô.

Vi Cố nghe nói hỡi ôi, buồn tủi không nói được tiếng. Cụ già biết ý, bảo:

- Đó là duyên trời định. Già này không thay đổi được. Mà nhà ngươi muốn tránh cũng chẳng xong.

Vi Cố buồn bã, từ giã lủi thủi đi về.

Sáng hôm sau, Vi Cố ra chợ Đông Đô, quả thực trông thấy một mụ ăn mày dơ dáy, tay ẵm đứa bé gái 3 tuổi, thơ thẩn xin ăn ở góc chợ. Cố bực tức, mướn một gã lưu manh đâm chết được đứa bé kia, sẽ thưởng nhiều

tiền. Tên lưu manh vâng lời, cầm dao xông đến, chém một nhát vào đầu đứa bé. Mụ ăn mày hốt hoảng, ôm con chạy.

Nhìn thấy máu tuôn xối xả, tên lưu manh tưởng đứa bé đã chết, sợ người bắt nên cuống cuồng chạy trốn.

Mười lăm năm sau, Vi Cố đi thi đỗ Thám Hoa. Vào triều bái yết nhà vua xong, Cố ra lễ quan Tể Tướng họ Chu vốn làm chủ khảo khoa thi. Thấy quan tân khoa chưa vợ, quan Tể Tướng liền gả con gái cho. Vi Cố mừng rỡ, bái tạ.

Đến khi nhập phòng, Cố nhìn thấy vợ mỹ miều, đẹp đẽ lấy làm hớn hở, vừa ý. Chợt nhìn ở sau ót có một vết thẹo, chàng lấy làm lạ hỏi. Nàng thành thật kể rõ thân thế mình vốn là con của mụ ăn mày, 15 năm về trước bị tên lưu manh ác độc, không biết có thâm thù gì lại chém nàng. May mẹ nàng nhanh chân chạy khỏi, nàng chỉ bị thương sau ót. Mẹ chết, nàng chịu cảnh bơ vơ, may Tể Tướng gặp giữa đường, vì không con nên đem về nuôi xem như máu huyết.

Nghe vợ thuật, Vi Cố thở dài, lẩm bẩm:

- Thật là duyên trời định, tránh đâu cũng không khỏi.

Tuy than thở nhưng Vi Cố cũng lấy làm hả dạ, vì dù sao... vợ cũng đẹp và là con yêu của nhà quan to.

Trong vở kịch thần thoại "Lên cung trăng" của Ngô Tổ Quang có chép.

Hậu Nghệ, người nước Hữu Cùng, sau khi bắn 9 mặt trời, được tôn làm hoàng đế, một đêm cùng 2 người đồ đệ là Ngô Cương và Phùng Mông đi đường. Cả ba gặp một ông lão ngồi dưới ánh sáng trăng, tay cắp một quyển sổ to. Trên sổ buộc tơ đỏ chằng chịt. Hậu Nghệ lấy làm lạ, hỏi:

- Thưa cụ! Cuốn sách sao lại có buộc dây đỏ thế kia?

Cụ già nói:

- Quý nhân đã hỏi, già này phải nói thực: già này chuyên coi việc hôn nhân thiên hạ. Đây là quyển sổ cưới gả của người thế gian.

- Thế thì may quá. Ba thày trò chúng tôi đều độc thân, nhờ cụ xét coi việc hôn nhân chúng tôi thể nào?

Ngô Cương đến trước nghiêng mình xưng tên họ và nhờ cụ già xem. Cụ già giở sổ xem một lúc nhưng không nói. Hậu Nghệ hỏi:

- Thưa cụ thế nào?

Ngô Cương nóng nảy, giục:

- Có không cụ?

Cụ già đáp:

- Số tráng sĩ trọn đời không vợ.

Ngô Cương mỉm cười:

- Không vợ cũng được.

Đến phiên Phùng Mông. Cụ già bảo:

- Vì tráng sĩ chưa quyết, còn tấn thối lưỡng nan nên việc hôn nhân vì thế mà chưa nhứt định.

Hậu Nghệ cất tiếng cười ha hả:

- Té ra hai đứa học trò đều không vợ cả, dám phiền cụ xét coi số phận của Nghệ này ra sao?

Cụ già cúi đầu giở sổ, một lúc kêu lên:

- Có đây rồi. Cách đây rất xa, ở trong một cái hang hiu quạnh tại phương Bắc. Cô con gái nhà nghèo, mình không áo che thân, cơm không đủ ngày hai bữa.

Hậu Nghệ tỏ vẻ bất bình:

- Tôi có một người vợ như thế sao?

Cụ già cười bảo:

- Nàng là chim phượng hoàng, là đóa hoa khôi, kiếp trước đã định rồi, đời này sẽ tác hợp. Nàng hiện giờ còn nhỏ quá.

Nghệ nóng nảy hỏi:

- Thì mấy tuổi.

- Mới có 6 tuổi thôi.

Phùng Mông, Ngô Cương nín không nổi, bật cười, nhưng thấy Hậu Nghệ có vẻ giận nên không dám cười nữa. Hậu Nghệ nói với cụ già:

- Tôi không tin.

- Già đã nói là không bao giờ sai. Sổ nhân duyên đã chép, đâu có phải nói chơi được.

Hậu Nghệ lẩm bẩm:

- Nhưng mới có 6 tuổi.

Cụ già điềm đạm nói:

- Sau 10 năm nữa há chẳng 16 tuổi ư? Sau 20 năm nữa há chẳng phải 26 tuổi ư? Lại 60 năm nữa há chẳng phải 66 tuổi ư? Quý nhân chẳng biết con gái lớn lên, thay đổi đến mười tám lần sao?

Hậu Nghệ bực tức, lớn tiếng:

- Rõ ràng là cụ muốn trêu tôi!

Cụ già đĩnh đạc bảo:

- Ngàn dặm nhơn duyên một sợi tơ, trêu đùa sao được.

Hậu Nghệ giận dữ, quát:

- Đồ quỷ.

Nhưng cụ già đã biến mất.

Mười năm sau, Hậu Nghệ sai Ngô Cương đến phương Bắc, tìm được Hằng Nga, bắt về phong làm hoàng hậu, đúng như lời cụ già dưới trăng đã nói trước.

Cụ già đó là Nguyệt Lão.

Do những điển tích này mà có những chữ "Tơ hồng", "Chỉ hồng" để chỉ việc nhân duyên vợ chồng. Những chữ "Ông tơ", "Nguyệt Lão", "Trăng già" cũng do điển này mà ra. Hiện giờ trong lễ cưới, có lễ Tơ Hồng, tức lễ ông cụ già vô danh ngồi dưới trăng đó.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" có câu:

Dù khi lá thắm chỉ hồng,

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

Trong "Cung oán ngâm khúc" cũng có câu:

Tay Nguyệt Lão khờ sao có một,

Bỗng tơ tình vướng gót cung phi.

Và:

Tay Nguyệt Lão chẳng se thì chớ,

Se thế này có dở dang không?

Duyên Nợ Ba Sinh

Ba sinh" do chữ "Tam sinh" nghĩa là ba kiếp luân chuyển: kiếp này sang kiếp khác. Duyên nợ ba sinh là duyên nợ từ ba kiếp với nhau. Ý nói duyên nợ phải làm vợ chồng với nhau do số kiếp tiền định.

Trong bài thơ "Khóc ông phủ Vĩnh Tường" của Hồ Xuân Hương có câu:

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi,

Cái nợ ba sinh đã trả rồi!

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du cũng có câu:

Ví chăng duyên nợ ba sinh,

Thì chi đem giống khuynh thành trêu ngươi.

Sách "Truyền đăng lục" và sách "Quần ngọc chú" có chép:

Xưa có chàng Tỉnh Lang, một hôm đến chùa Nam Huệ tự, nằm chơi, bỗng ngủ quên, chiêm bao thấy mình đi chơi non Bồng. Tỉnh Lang nhìn thấy một nhà sư ngồi niệm kinh, trước mặt có một cây nhang đương cháy. Tỉnh Lang thấy lạ, hỏi. Nhà sư đáp:

- Khi trước có một người đi cúng chùa, thắp cây nhang này, khấn nguyện. Nhang hãy còn cháy mà người ấy đã sinh ba kiếp rồi. Kiếp đầu nhà Đường, đời vua Huyền Tông, làm quan Phủ sứ ở đất Kiến Nam. Kiếp thứ hai cũng đời Đường, đời vua Hiến Tông, làm quan đất Tây Thục. Kiếp thứ ba, sinh ra tên Tỉnh Lang.

Tỉnh Lang nghe đến tên mình bỗng giựt mình tỉnh dậy, nhưng lòng nửa tin nửa ngờ.

Lại có một điển tích khác.

Đời nhà Đường (618-907), có nhà sư tên Viên Trạch, một hôm cùng bạn là Lý Nguyên Thiện đi chơi. Gặp một

mụ đàn bà gánh nước, Viên Trạch nói:

- Người đàn bàn này đã có mang ba năm đợi tôi vào làm con. Nay đã gặp đây, không thể nào trốn được. Hẹn ba ngày nữa, bạn đến, ta lấy nụ cười làm tin. Mười ba năm sau, ta lại sẽ gặp nhau tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu, vào đêm Trung Thu trăng sáng.

Chiều đó, sư Viên Trạch mất.

Người đàn bà nọ sinh con trai. Ba hôm sau, Lý đến thăm. Quả nhiên đứa bé thấy Lý thì cười, đúng như lời hẹn. Mười ba năm sau, Lý đến chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu, thấy một cậu chăn trâu hát rằng:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,

Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu luân,

Tàm qui tình nhân viễn tương phỏng

Thử thân tuy dị, tính thường đồng.

Nghĩa:

Là tinh hồn cũ đã ba sinh,

Trăng gió làm chi để bận mình.

Thẹn với người quen xa viếng hỏi,

Thân này tuy khác, tính nguyên lành.

"Ba sinh" có nghĩa là số kiếp tiền định. "Nợ ba sinh" là nợ số kiếp tiền định, duyên số với nhau từ kiếp trước.

Loan Giao

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc nàng Kiều bán mình chuộc tội cho cha, sắp sửa về ở cùng Mã Giám Sinh, nàng nhắn nhủ với em là Thúy Vân xin thay mình mà kết duyên với Kim Trọng, có câu:

Giữa đường đứt gánh tương tư,

Loan giao chắp nối tơ thừa mặc em.

Có bản chép là "Keo loan chắp nối tơ thừa mặc em".

"Keo loan" bởi chữ "Loan giao" mà ra. Nghĩa là một thứ keo chế bằng máu chim loan.

Sách "Hán Võ ngoại truyện" có chép: đời nhà Hán (206 trước-196 sau D.L.), miền Tây Hải có cống cho

nhà vua thứ keo loan. Vua Võ Đế (140-88 trước D.L.) thường bị đứt dây cung, nên lấy keo này nối lại. Nhờ đó mà bắn suốt ngày không bị đứt. Vua lấy làm mừng lắm, đặt tên thức keo đó là "Tục huyền giao" tức là keo nối dây cung.

Sách "Hán Thư" cũng có chép: vua Võ Đế ra lịnh cho Câu Qua phu nhân Triệu thị đánh đàn. Nhưng đương đánh, dây đàn bỗng đứt. Triệu thị nói:

- Giữa lúc đánh đàn mà dây đứt, thế là điềm gở.

Vua Võ Đế an ủi:

- Dây đứt nhưng có thể nối được. Có gì mà gở.

Đoạn sai người lấy máu chim loan nấu với keo để nối dây đàn.

Đời nhà Tống (950-1275), Đào Cốc vâng lịnh vua đi sứ Giang Nam, được gặp một thiếu nữ là Tần Nhược Lan. Hai người yêu nhau và cùng ở chung một đêm để trao đổi tâm tình. Nhưng vì sứ mạng, Đào phải gấp rút về triều phục lịch. Một đêm ân ái, tình thắm duyên nồng,

giữa đường hạnh ngộ, mới gặp gỡ lại chia phôi, mối ân tình vẫn còn canh cánh bên lòng gây biết bao niềm cảm xúc, nên sau khi Đào về có làm một bài từ gởi cho người yêu. Trong có câu: "Tỳ bà hát tận tương tư điệu, tri âm thiểu; đãi đắc loan giao tục đoạn huyền, thị hà niên"? Nghĩa là: "Đàn tỳ bà đã gẩy hết khúc tương tư, mà người tri âm có ít, đợi được keo loan chắp nối dây đàn đứt, biết đến năm nào"?

Tác giả mượn dây đàn đứt vì mối tình đứt, và mượn sự chắp dây đàn để nói sự chắp tơ tình.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Bát Trân, Thập Trân

Tám món ăn hay mười món ăn quý nhất Trung Hoa.

Nước Trung Hoa xưa, kể cả ngày nay nữa, có rất nhiều món ăn ngon, lạ, bổ. Những vua chúa cũng như những anh hùng hảo hán v.v.. trải qua bao thời đại, đã lựa chọn trong các thức ăn ấy để lấy mấy thứ mà người ta cho là lạ nhứt, cầu kỳ nhứt, vì hiếm có. Những món ăn hiếm ấy thường là tám thứ, gọi là Bát trân.

Dưới đời Tần Thủy Hoàng (221-209 trước D.L.), không phải là tám, món mà vua này thường dùng mười món nên gọi là Thập trân.

Tính chất bổ dưỡng của Bát hay Thập trân không biết có thực không, nhưng nhứt định các thức ấy đều thuộc về loại thực phẩm cực kỳ hiếm có. Và, vì hiếm nên người ta cho là quý, rồi cho là lạ và ắt phải ngon,

phải bổ.

Đời nhà Đường (618-907) thì có Bát trân, nhưng đến đời nhà Tống (950-1275), nhà Minh (1368-1628) thì lại có Bát trân khác.

Bát trân của đời Đường là: Gan rồng. Chả phụng. Báo, bao tử cọp. Đuôi cá gáy. Chả thịt cú. Môi đười ươi. Bàn tay gấu. Vành (mí) mắt heo con.

Bát trân của đời nhà Tống và nhà Minh là: Gan rồng. Chả phụng. Thịt chim Dủ Di lộn. Đuôi cá lý ngư (cá chép). Môi đười ươi. Thỏ hàng nàm Vành (mí) mắt heo con. Bàn tay gấu.

Thập trân đời Tần và Hán: Nem công Tứ Xuyên. Chả phượng Tây Khương. Da Tây ngu (tê giác) Tây Tạng. Tay gấu Mông Cổ. Gân hươu Liêu Ninh. Mí mắt đười ươi Hiệp Tây. Chân voi Thanh Hải. Yến sào Tây Sa. Trùng thảo Quảng Tây. Trúc sáng Vân Nam.

Đây là "Mười món ăn quý của Trung Hoa" (Trung Quốc thập trân).

Ông H. Duy Việt đã trình bày qua 10 món ăn ấy trong một thiên du ký.

Nem công Tứ Xuyên là nem làm bằng da và thịt con công đánh bẫy ở rừng trúc tỉnh Tứ Xuyên, thuộc phía tây nam Trung Hoa. Công tên chữ là Khổng Tước ưa ở nơi gò, đồi cao để bay dễ dàng; và ở gần rừng tre, trúc và cây cao rậm rạp, những nơi thường có những thú dữ như cọp, beo. Săn bắt nó rất khó.

Công trống Tứ Xuyên sinh ra được 36 tháng thì đuôi dài trên hai thước. Khi nó múa, lôn xòe tròn như cái lọng hay cái bánh xe, có đủ màu sắc của cầu vòng.

Mật công rất độc, ăn phải sẽ chết. Nhưng thịt và da công thì có thể giải được hết thảy các thứ độc do thời khí gây nên.

Chả phượng Tây Khương là đem một con trống và một con mái, lựa giống vàng hay trắng, đuôi dài, đánh bẫy ở Tây Khương, đem cắt tiết rồi nhổ lông sống. Chớ không nhúng nước sôi như làm lông gà. Vì nếu nhúng như vậy thì chả sẽ vữa, nát và mất giòn. Bỏ hết ruột,

gan, mề, mật, phổi. Lấy dao sắc lột bỏ da, chỉ lấy thịt nạc. Xương, đầu, cánh, chân đều bỏ cả. Thịt nạc cắt thành miếng nhỏ, cho vào cối đá mà quết. Lấy nước mắm, tiêu, xì dầu, một chút hàn the tán nhỏ, một chút mật ong (hay đường trắng), và cứ năm phần thịt phượng thì cho vào một phần mỡ gà trống thiến béo, rồi tiếp tục quết đến bao giờ thành chả nhuyễn mới thôi.

Bấy giờ nặn chả ấy thành viên bằng ngón tay cái, để vào nồi hấp cách thủy cho thịt vừa chín tới; đoạn lấy chân gà róc da ống chân, xiên vào viên chả. Móng chân gà làm chỗ cầm để ăn chả. Lại lấy mỡ gà trống thiến đun chảy ra, rồi mỡ đương sôi thì cho chả vào. Rán vàng xong, đoạn vớt để nguội và ráo mỡ. Khi ăn, nhúng chả vào mỡ sôi để dùng cho nóng. Muốn ăn chả cho giòn thì lấy da phượng nhúng vào nước gà sôi, lấy kéo cắt thành sợi nhỏ mà cột viên chả vào đầu xương ống chân gà. Chấm chả phượng với xì dầu hay chanh muối tiêu.

Da tây ngu Tây Tạng là da nách con tây ngu. Tại miền rừng núi ở về phía tây Trung Hoa như chân dãy núi xứ Tây Tạng, khí hậu ẩm thấp, trong những rừng cây thưa thớt có một loài heo rừng đặc biệt gọi là con tây

ngu, tê ngu, tây ngưu hay tê giác. Đây là một giống thú rất hung dữ, vì nó có một sức mạnh phi thường.

Da tây ngu dầy đến một tấc và gấp lại thành miếng như áo giáp. Các khí giới thường khó đâm thủng được. Tuy nhiên chỉ có da ở nách hai chân trước và háng hai chân sau là mềm. Người đi săn phải nhắm trúng chỗ ấy mà đâm mới hạ nổi nó. Nhưn làm gì đến gần được.

Muốn săn nó chỉ có lối đánh bẫy mà thôi. Người ta đốt rừng dồn nó đến chỗ đầm lầy, rồi nhử nó tới ăn các cây gai (loài này chuyên ăn cây có gai). Khi tới ăn bị sa lầy xuống bùn sình, lúc bấy giờ dùng giáo mác mà đâm vào nách, vào háng nó.

Thịt tê ngưu dai, ăn không ngon. Chỉ có da nách của nó là ăn được. Đem da tươi cạo hết lông, lọc hết mỡ; rồi ban ngày đem phơi nắng, tối lại sấy lửa đến 100 ngày. Đoạn tẩm rượu Mai quế lộ một tháng rồi đem phơi khô, cất vào hộp bằng bạc hay vàng. Vì người ta tin rằng nếu để ngoài trời, da sẽ bay đi mất.

Khi muốn ăn da ấy, người ta phải ngâm nó vào nước

tro thảo mộc bảy ngày đêm, rồi rửa sạch, đem hấp cách thủy cho chín. Sau đem thái mỏng để ăn như nem, giòn và thơm.

Người ta nghiệm rằng đã ăn được da tây ngu thì sau sẽ hết bịnh hôi nách và không bao giờ bị phong sương mang bịnh.

Tay gấu Mông Cổ là bàn tay của con gấu ở xứ Mông Cổ.

Tại miền bắc Trung Hoa, nhứt là ở rừng xứ Mông Cổ có loại gấu nâu và gấu trắng rất to lớn. Cứ đến mùa đông, gấu này vào hang hay khe đá, bụi cây mà ngủ trong 3 đến 6 tháng, không ăn uống gì cả. Nó nằm thu mình lại, thò hai tay ra ngoài như để phơi nắng. Thế rồi khi đông tàn, tuyết tan, xuân đến, gấu thức dậy. Việc đầu tiên của nó là liếm hai bàn tay. Liếm cả ngày, cả đêm, không đi kiếm mồi mà cũng no! Người ta cho rằng hai bàn tay của nó đã thu được âm dương của trời đất khi nó ngủ, nên lúc thức dậy nó liếm tay thay vì ăn thức ăn. Chính vì thế mà người ta chuộng bàn tay gấu mà gọi là "hùng chưởng".

Ăn tay gấu sẽ được khỏe mạnh, sống lâu.

Người ta lại cho rằng: khi bắt được gấu thì các chất tinh khiết của mạch nó đều chạy lên cả hai bàn tay. Đây cũng là thêm một lý do để làm cho món tay gấu thành ra quý, bổ.

Muốn tay gấu trở thành thức ăn, người ta phải nhúng bàn tay gấu vào mỡ gấu đun sôi đủ một trăm lần để làm lông. Đoạn lấy gân trong bàn tay ngâm vào nước nhựa trái đu đủ trong một ngày một đêm, rồi lại ngâm vào nước tro một ngày. Bấy giờ mới đem rửa gân và da gang bàn tay bằng rượu, rồi nấu các vị thuốc bổ, trong đó có huỳnh kỳ, khởi tử, hoài sơn, v.v...

Gân hươu Liêu Ninh là gân con hươu ở Liêu Ninh làm món ăn. Hươi ở miền núi Liêu Ninh có tiếng là quý. Vì hươu ở đây được ăn ngon một giống nhân sâm mọc trong rừng.

Gân hươu có thể làm ra nhiều món ăn.

Gân hươu khô đem ngâm với nước tro bếp một đêm.

Hôm sau cho vào nồi nước, đun sôi trong hai giờ. Khi nào gân mềm sẽ đem ra, rửa sạch rồi cắt thành từng khúc nhỏ, lại chẻ hai đầu ra làm bốn năm miếng. Lấy thịt gà nạc, thịt bắp đùi heo, hành, nấm hương, của mã thày, đậu xanh, mướp hương, sáng sấu (chanh hay muốn tiêu), mì chính, muối rang và bốn vị thuốc bắc là khởi tử, hoài sơn, đại táo, hùng kỳ, cho gân hươu vào nấu chín mềm là thành món ăn ngon và bổ.

Mí mắt đười ươi Hiệp Tây là lấy mí mắt con đười ươi ở Hiệp Tây.

Tại rừng rậm tỉnh Hiệp Tây có một loài đười ươi lớn, tay dài, mặt trắng, lông nâu và có đôi mắt và đôi môi rất to. Đây là một giống khỉ lớn, đi bằng hai chân rất mau và có một sức khỏe kinh khủng. Săn được nó là một điều rất khó khăn. Vì nếu vô phúc bị nó bắt được thì nó sẽ nắm lấy đầu mà bóp bẹp như bóp một hột vịt.

Đặc tính của nó hay cười, thích uống thứ gì cay như rượu. Người săn bắt đười ươi dùng mấy chụp dép da hay guốc gỗ và mấy hũ rượu mạnh đặt ở trước cửa hang của chúng. Đười ươi biết ngay người ta muốn bắt chúng, nên

kéo nhau bỏ hang đi hết. Nhưng một lúc sau tiếc của, chúng kêu nhau trở lại lấy rượu uống, lấy dép guốc đi rồi cười giỡn cả khu rừng lại múa may, nhảy nhót. Một lúc say mềm thì ngã lăn ra đất mà ngủ, mồm há ra mà cười với trời. Bấy giờ, người ta xông ra trói, bắt dễ như trở bàn tay. Mí mắt, môi đười ươi phơi khô để làm vị ăn. Lông thì làm bút lông thật tốt.

Chân voi Thanh Hải là chân của con voi ở Thanh Hải. Voi ăn cây cỏ, hoa quả. Thường, voi được 25 đe6'n 30 năm mới đẻ con. Ở trên rừng voi sống lâu tới 100 năm. Có con sống trên 200 năm.

Chân voi tuy lớn, cục mịch thế mà rất tài tình. Khi dẫm lên đâu thì nó biết ngay chỗ nào mềm, chỗ nào cứng nên ít khi bị sa hố. Vì trong gang bàn chân của nó có một lớp thịt rất mềm; sau lớp thịt ấy có nhiều dây thần kinh thật tinh vi. Chính lớp thịt ấy, người ta lấy để làm món ăn, vì nó ngon giòn, nuốt qua cổ họng đã thấy trong người khoan khoái, và chữa khỏi bịnh gân cốt.

Người ta lấy thịt trong bàn chân voi rồi ninh một ngày một đêm, đoạn nấu với các vị thuốc và đem ăn

cùng với thạch (rau câu) vì hai thứ giòn, mềm như nhau. Thạch sẽ dẫn chất bổ của thịt chân voi đi khắp cơ thể ta một cách nhanh chóng.

Yến sào Tây Sa là món yến tìm thấy trên hòn đảo Tây Sa. Yến biển thuộc về loài chim sẻ. Trên thế giới có chừng 10 giống. Chúng ở rải rác trên các hải đảo chạy dài từ đảo Vinh Sơn thuộc tỉnh Quảng Bình, qua cù lao Chàm ngang Đà Nẵng, vách đá bờ biển phía đông mũi đất Phương Mai, tới 7 đảo ngoài khơi Nha Trang, từ ngang đèo Cả tới vịnh Cam Ranh.

Hải yến được nổi tiếng trên thế giới chẳng phải vì giọng hót hay, bộ mã đẹp hay vì thịt ngon mà chỉ vì cái ổ của chim (yến sào). Ổ yến làm bằng một thứ rong biển đặc biệt được biến chế bởi nước miếng của chim yến. Người Á Đông đã công nhận là món ăn thật bổ, ngon; và cũng vì các tính chất quý ấy m` ổ yến được liệt vào một món ăn đắt nhất, có thể nó rằng ổ yến đắt như vàng.

Ổ yến làm ở những chỗ cheo leo trên vách đá. Nó có nhiều màu tùy theo sự thay đổi của vách đá. Ở trên cao, ổ màu trắng, ở phía dưới ẩm thấp hơn thì ổ màu xám

hay màu xanh lợt, màu da cam hoặc đỏ như máu. Ổ yến đỏ gọi là huyết yến là loại ổ quý nhất, vì người ta cho rằng: ổ sở dĩ đỏ là vì làm bằng nước dãi và máu của chim yến mẹ đã hy sinh làm ổ bằng máu của nó.

Ổ yến đỏ rất hiếm.

Thật ra ổ yến đỏ này không phải là do huyết mẹ mà có lẽ vì chim đã làm ổ này bằng một thứ rong biển đặc biệt lấy ở ngoài khơi, loại rong biển này màu đỏ. Cũng như những ổ khác màu trắng hay màu xanh lợt do chim đã làm bằng một thứ rong biển trắng như thạch, tìm ở ngoài biển rồi lấy nước dãi biến chế thành những sợi tơ trong. Đoạn chúng đem gắn chặt sợi nọ vào sợi kia thành một cái ổ xinh đẹp, rất nhẹ và bền.

Các nhà bác học phân chất trong ổ yến có nước vị toan của miệng và dạ dày chim là chất làm cho thức ăn dễ tiêu, lại có thêm chất đường, chất nhựa tròng trắng trứng gà là cu-bi-lêđo và sinh chất cùng hóa chất của muốn biển của loài hải rong là loại có nhiều i-ốt và lân tinh.

Muốn ăn yến, người ta ngâm yến vào nước nóng, nào là cho dầu phộng vào nước để lọc hết lông và chất dơ, nào là nhặt hết lông yến bằng tăm, nào là chế nước dùng bằng thịt gà, thịt chim hay đường phèn...

Có biết làm thì món yến sào quý giá kia mới trở nên ngon và bổ, xứng đáng là một món ăn đắt tiền nhứt mà xưa nay vua chúa cũng như những người mắc phải bịnh nặng hay những người muốn tẩm bổ cho thân thể khỏe mạnh và cường tráng... hay hơn nữa để đông con. Cũng như Tần Thủy Hoàng có trên 3000 cung nữ, và đã lấy món yến thay cơm hàng ngày; hay như vua Minh Mạng nước Việt Nam cũng lấy món yến làm món ăn thường nhựt, nên đã có tới 75 hoàng tử và 83 công chúa.

Trùng thảo Quảng Tây là gì?

Theo người dân vùng núi tỉnh Vân Nam thì đó là một thứ rễ cây tự nhiên biến đổi thành con sâu và sâu ấy có chất bổ đặc biệt. Ăn nó sẽ trừ được bá bịnh, nhứt là về lao lực. Nhưng có người lại cho rằng đó là hình con sâu sống ở trên loại cây bổ như cây nhân sâm trên rừng hay cây tam thất. Vì ăn nhiều chất bổ của hai loại thảo mộc

ấy nên tự nhiên biến thể vào thành ra rễ cây giống như rễ cây sâm hay rễ cây tam thất.

Nhưng lại có thuyết cho rằng trùng thảo là một con tằm dại sống trên một vài cây thuộc loại nhân sâm, nhứt là cây đinh lăng rừng. Khi thời tiết đổi thay bất thường, có nhiều con sâu bị một thứ nấm (tống cú) xuất hiện, mọc trên đầu, trên cổ, dưới phía đuôi. Trước còn nhỏ, ngắn; sau dần mọc dài ra, con tằm dại ấy bị cây hút hết thịt rồi ít lâu chết lăn xuống đất. Trong giới lương y, người ta vào rừng nhặt các sâu ấy đem về sao tẩm thành một môn thuốc bổ và chữa những chứng nan y có công hiệu.

Món ăn trùng thảo khó tìm được, vì họa có năm tằm dại bị nấm ăn mới có, nên rất đắt tiền. Già trẻ trai gái đều ăn món trùng thảo được. Người ta thường bắt sâu tươi về phơi khô để dành hoặc làm món ăn. Họ nấu với vi yến hoặc đem chiên giòn với mỡ gà trống thiến.

Còn món trúc sáng Vân Nam thì làm bằng màng mỏng ở trong giống cây trúc rừng. Người ta cho rằng những khóm trúc nào đã mọc được 100 năm bên bờ

suối thì mới có trúc sáng. Nhưng theo những nhà bác học thì trúc sáng không phải là màng mỏng ruột cây trúc mà là một thứ nấm mọc ở gốc cây tre, cây trúc.

Nấm này hình dài, mỏng như lụa, có trổ nhiều lỗ như màng nhện. Nếu ta thả vào chậu nước nóng ma xem thì thấy rõ hình cây nấm. Chân nấm dày, mình mỏng, lỗ hoa to lớn, đầu như chụp nón mỏng. Theo sách Đông y, người Trung Hoa biết lấy nấm trúc sáng để làm thuốc giải độc, lọc máu và nhuận trường từ thời xa xưa. Cũng như các vị thuốc quý, ngày nay trúc sáng đã thành món ăn ngon và bổ.

Tục truyền rằng: ngày xưa, hoàng hậu và cung phi cưng của Tần Thủy Hoàng hàng ngày ăn canh trúc sáng để cho da mặt được tươi đẹp.

Xe Dê

Xe dê" do chữ "Dương xa".

Ngày xưa, nhà vua nào cũng vậy, ngoài có hoàng hậu, thứ phi còn có hàng ngàn cung nữ, chọn lấy người đẹp trong toàn quốc để vào cung hầu hạ, làm vui cho nhà vua. Đời nhà Tần (221-209 trước D.L.), vua Tần Thủy Hoàng (246-209 trước D.L.) có trên 3000 cung nữ. Ở Việt Nam, đời nhà Lý (1010-1225), vua Lý Thái Tông (1028-1054) quy định số hậu phi và cung nữ: hậu và phi 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ 1000 người.

Đó là con số ít nhứt so với các triều vua, nhứt là các vua Tàu. Kể ra là một sự... tiến bộ.

Cung của nhà vua chia làm từng phòng đặc biệt. Mỗi nàng cung phi ở riêng một phòng. Đêm đến, nhà vua muốn vui say với một cung phi nào thì vào cung đó. Vì

nhiều cung phi quá, và nàng nào cũng sắc nước hương trời, nhà vua, rốt cuộc, trông ai cũng như ai rồi... đêm nay, mình không biết là phải ngự ở cung nào?

Sách "Tấn thư" có chép: vua Võ Đế có nhiều cung nhân, mỗi đêm muốn đến với cung nhân nào thì vua ngồi trên một chiếc xe nhỏ khảm châu ngọc có con dê kéo, để tùy ý dê đi đến cung điện nào thì nhà vua vào đấy.

Xe dê gọi là "Xe dê", tên chữ là "Dương xa".

Con dê trở thành một tên hướng đạo quan trọng.

Rồi cứ chiều đến, hoàng hôn vừa buông mình rủ xuống nhà vua ngồi trên chiếc xe dê để dê lững thững kéo đi. Các cung phi vì muốn được hưởng ơn mưa móc của quân vương, muốn sưởi ấm thân để cõi lòng khỏi đơn côi trống trải, nhưng không biết tìm thế nào cho dê kéo xe ngừng lại trước cung mình. Sau, có vài nàng có sáng kiến, biết dê thích ăn lá dâu nên tìm lá dâu rắc trước cung để nhử dê dừng xe lại. Dần dần trước cung nào cũng thấy dẫy đầy lá dâu.

Trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều, đoạn nói về nàng cung nữ oán trách nhà vua ghẻ lạnh đối với mình, có câu:

Phải duyên hương lửa cùng nhau,

Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào.

Ý nói duyên nợ với vua từ bao kiếp trước, chứ đâu như các cung phi khác, muốn được hầu vua thì tất phải rắc lá dâu cho xe dê vào rồi mới được gần vua.

"Xe dê" lấy ở điển tích trên

Khắc Lậu

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn tả về thời gian có những câu:

Đêm thu khắc lậu canh tàn,

Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm sương.

và:

Giọt rồng canh đã điểm ba,

Tiểu thư nhìn mặt đường đà cam tâm.

"Khắc lậu", "Giọt rồng" là vật đo lường thời gian (ấn định thời giờ) ngày xưa.

Về thời thượng cổ, người ta chưa có cơ khí gì để đo lường thời gian mà chỉ có một ít dụng cụ thô sơ. Dụng

cụ đó là cái đồng hồ thái dương, xuất hiện có lẽ trước nhứt. Đồng hồ này gồm có một cái trụ đứng thẳng giữa một cái khung bán nguyệt bằng phẳng gọi là nhật quỹ, có chia từng gạch. Mỗi gạch là một giờ. Mặt trời chiếu cái trụ và bóng trụ ấy rọi xuống nhật quỹ, rồi người ta căn cứ vào đó mà định giờ.

Lẽ cố nhiên, cái đồng hồ thái dương chỉ có thể dùng ban ngày và khi trời tốt, có bóng mặt trời mà thôi. Còn ban đêm là cả một vấn đề.

Ở Việt Nam, ban đêm đại khái chia làm 5 canh:

Canh một từ 8 giờ đến 10 giờ (giờ Tuất).

Canh hai từ 10 giờ đến 12 giờ (giờ Hợi).

Canh ba từ 12 giờ đến 2 giờ khuya (giờ Tí).

Canh tư từ 2 giờ đến 4 giờ sáng (giờ Sửu).

Canh năm từ 4 giờ đến 6 giờ sáng (giờ Dần).

Ca dao ta có câu hài hước:

Nửa đêm: giờ Tí: canh ba,

Trổ sanh nam tử vậy mà con trai.

Hay là:

Nửa đêm: giờ Tí: canh ba,

Vợ tôi: con gái: đàn bà: nữ nhi.

Vì đồng hồ thái dương chỉ dùng được ban ngày và những lúc có mặt trời, nên người ta phải tìm dùng vật khác để tiện lợi trong việc đo thời gian, phân định

Nằm Gai, Nếm Mật

Nằm gai nếm mật" do chữ "Ngọa tân thường đảm".

Đời Xuân Thu (722-479 trước D.L.), hai nước Ngô và Việt đánh nhau. Sau trận đại bại tại Cối Kê, vua Việt là Câu Tiễn phải mình trần sang lạy vua Ngô là Phù Sai xin hàng. Ngô vương bắt vợ chồng Câu Tiễn phải sang Ngô làm con tin, có quan Tướng Quốc là Phạm Lãi theo hầu. Cả ba đều bị giam trong ngục đá.

Hằng ngày vợ chồng Câu Tiễn và Phạm Lãi phải cắt cỏ, hốt phân ngựa, gánh nước rửa dọn chuồng ngựa, kiếm củi nấu cơm... Suốt thời gian ba năm, chúa tôi sống một cách vô cùng vất vả cực nhọc, những vẫn bền chí đợi thời.

Một hôm vua Ngô đau, Câu Tiễn nghe theo lời của Phạm Lãi là chịu nếm phân của vua Ngô để được vua

Ngô tin kẻ hàng giữ dạ trung thành. Nhờ đó mà cả ba được phóng thích về nước.

Được trở về cố quốc, nhớ đến nỗi thất bại nhục nhã và bị giam cầm làm nô lệ, Câu Tiễn vô cùng căm uất, lòng canh cánh mưu toan báo thù. Tướng quốc Phạm Lãi nói:

- Chúa công chớ lúc nào quên cái nhục ở ngục đá thì mới có cơ báo thù được nước Ngô.

Câu Tiễn đáp:

- Xin vâng lời dạy bảo!

Bấy giờ giao quốc chính cho Văn Chủng, giao quân chính cho Phạm Lãi, nhà vua tôn hiền đãi sĩ, kính người già, thương kẻ nghèo, đối xử trăm họ như anh em nên được mọi người mến phục.

Đến mùa làm ruộng, Câu Tiễn cũng vác cày đi cày. Vương phi Câu Tiễn cũng chăm việc dệt cửi. Cùng đám dân chia sự lao khổ, ăn mặc rất tiết kiệm.

Muốn gấp báo thù, Câu Tiễn cố sức chăm chỉ làm việc suốt ngày đêm. Khi nào buồn ngủ thì lấy cỏ lục (rau răm) xoa vào mắt cho cay làm mắt phải mở. Chân lạnh muốn co thì dầm nước lạnh. Mùa đông lạnh thì ôm giá. Mùa hè nóng nực thì ngồi bên lửa. Bỏ cả giường nệm, lấy gai lấy củi lót nằm. Quả mật luôn luôn treo ở chỗ ngồi, chỗ nằm, thỉnh thoảng lại nếm một ít như để nhắc lại nỗi tủi nhục, khổ đau. Đêm nào cũng sùi sụt khóc. Khóc chán lại thở dài. Hai chữ "Cối Kê" lúc nào cũng lẩm nhẩm ở miệng.

Theo 7 kế phá Ngô của Văn Chủng, mới thi hành được 3 thì nước Việt hưng thịnh, nước Ngô suy. Cuối cùng nước Việt báo được thù, thôn tính nước Ngô, và vua Ngô tự tử.

Trong bài "Văn tế trận vong tướng sĩ" của Nguyễn Văn Thành đời vua Gia Long, có câu: "Nằm gai nếm mật chung nỗi ân ưu; mở suối bắc cầu riêng phần lao khổ".

"Nằm gai nếm mật" có nghĩa chịu những việc lao khổ để trả thù cho kỳ được là do điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Điểu Tận Cung Tàng

Diểu tận cung tàng" nghĩa là: khi chim đã chết thì người ta vác cung đi một nơi mà không dùng đến nữa. Nguyên câu Hán văn: "Giảo thố tử, tẩu cẩu phanh; cao điểu tận, lương cung tàn; địch quốc phá, mưu thần vong". Nghĩa là: "Thỏ khôn chết, chó săn bị mổ làm thịt; chim bay cao hết, cung tốt vất bỏ; nước địch phá xong mưu thần bị giết".

Nguyên đời Xuân Thu (722-479 trước D.L.), nước Việt và nước Ngô giao tranh. Vua Ngô là Phù Sai thất bại. Thế cùng lực tận và bị bao vây bức bách quá, định xin hàng. Phù Sai biết có hai bề tôi có uy quyền của Việt Vương Câu Tiễn là Tướng Quốc Phạm Lãi và Đại Phu Văn Chủng, nên viết một bức thư, buộc vào mũi tên, bắn vào thành Việt, mong hai người tâu giúp vua Việt cho hàng. Quân Việt lượm được đệ trình lên Phạm Lãi và

Văn Chủng. Thư ấy nói:

"Tôi nghe giảo thỏ chết thì chó săn tất bị mổ, địch quốc đã diệt thì mưu thần cũng chẳng còn. Sao quan Đại Phu không lưu cho nước Ngô tôi còn lại một chút để làm cái dư địa sau này".

Nhưng Phạm Lãi và Văn Chủng không cho hàng. Cuối cùng Phù Sai tự tử.

Việt Vương Câu Tiễn chiếm được nước Ngô, bày tiệc rượu trên Văn Đài nước Ngô. Các quan vui say đánh chén nhưng Câu Tiễn lại có vẻ không vui. Phạm Lãi biết ý nhà vua không muốn nói đến công của kẻ hầu hạ đã diệt được Ngô mà lòng vua lại mang mối nghi kỵ, nên xin từ quan trí sĩ.

Nhưng trước khi bỏ nước đi du Ngũ Hồ, Phạm Lãi có viết thư gởi cho bạn là Văn Chủng. Thư nói: "Vua Ngô có nói: "Giảo thỏ đã chết thì chó săn tất bị mổ, địch quốc đã diệt thì mưu thần cũng chẳng còn". Ngài không nhớ hay sao! Vua Việt môi dài mỏ quạ là người nhẫn nhục mà ghét kẻ có công. Cùng ở lúc hoạn nạn thì

được, chớ cùng ở lúc an lạc thì không toàn, nay ngài không đi ắt có tai vạ".

Văn Chủng xem thư phàn nàn Phạm Lãi, cho họ Phạm xử như thế là khí quá!

Quả thực như lời Phạm Lãi nói. Câu Tiễn không chia cho các quan một thước đất nào, lại có ý khinh dể công thần. Văn Chủng buồn bã, cáo ốm không vào triều. Câu Tiễn vốn biết tài của Văn Chủng, nghĩ thầm: Ngô đã diệt, còn dùng hắn chi nữa, một khi hắn làm loạn thì sao trị nổi, nên muốn trừ đi.

Một hôm, Câu Tiễn đến thăm bịnh Văn Chủng, bảo:

- Ta nghe người chí sĩ không lo cái thân mình chết mà lo cái đạo mình không được thực hành. Nhà ngươi có 7 thuật, ta mới thi hành có 3 mà Ngô đã diệt, còn thừa 4 thuật, nhà ngươi định dùng làm gì?

Văn Chủng đáp:

- Tôi cũng không biết dùng làm gì cho được!

Câu Tiễn nói:

- Xin nhà ngươi đem 4 thuật ấy mà mưu hộ cho tiền nhân nước Ngô ở dưới âm phủ, phỏng có nên chăng?

Nói xong, lên xe đi về, bỏ thanh kiếm đeo tại chỗ ngồi. Văn Chủng cầm lấy xem thấy vỏ kiếm có đề chữ Chúc Lâu, là thanh kiếm của Phù Sai đưa cho Ngũ Viên tự tử khi trước. Văn Chủng ngửa mặt lên trời than: "Cổ nhân có nói "Ơn to thì không báo nữa", ta không nghe lời Thiếu Bá đến nỗi bị giết, chẳng cũng ngu lắm ru!"

Văn Chủng nói xong, cầm kiếm tự tử.

Lời nói: "Giảo thố tử, tẩu cẩu phanh; cao điểu tận, lương cung tàn; địch quốc phá, mưu thần vong" được nhiều người về sau nhắc lại.

Đời Tây Hán (206 trước 23 sau D.L.), Hàn Tín,người đất Hoài Âm phò Hán Lưu Bang, có tài cầm quân nên diệt Triệu, phá Ngụy, thắng Sở, làm cho Sở Bá Vương Hạng Võ phải bức tử ở Ô Giang. Hán Lưu Bang thấy tài của Hàn Tín quán thế thiên hạ và Tín có ý cậy công nên

nghi Tín làm phản, lòng toan mưu mẹo chờ dịp giết Tín.

Khoái Triệt là tướng tâm phúc của Hàn Tín có khuyên: "Tôi lo thầm cho túc hạ, vì thấy túc hạ chắc rằng Hán Vương chẳng hại thì là lầm lắm: Hễ thú rừng hết thì ắt làm thịt chó săn, túc hạ phải lo cho xa mới được. Vả lại, dõng lược mà rúng chúa, thì mình khốn, công trùm thiên hạ lại chẳng được thưởng. Nay túc hạ mang cái oai rúng chúa, cầm cái công chẳng thưởng mà muốn cho được an thân sao?"

Hàn Tín cho là phải nhưng không nghe theo để đề phòng. Sau Hàn Tín bị vua lừa bắt tại Vân Mộng, kết án mưu phản, toan đem xử tử. Hàn Tín thở dài, than:

- Chim rừng hết thì cung ná quăng, chồn thỏ hết thì chó săn chết, nước giặc phá thì mưu thần mất, nay thiên hạ định thì tôi phải chết.

May nhờ trung thần là Đại Phu Điền Khẳn can gián nhà vua nên Tín được tha, nhưng bị tước hết binh quyền. Tuy vậy, cuối cùng, Tín bị vợ của Hán Vương là Lữ Hậu tên Lữ Trỉ âm mưu dụ bắt Hàn Tín và xử tử tại

Vị Ương Cung.

Người đời sau có làm hai bài thơ tứ tuyệt tiếc Hàn Tín. Trong đó có những câu:

Mươi năm chinh chiến công lao nặng,

Một phút phủi rồi uổng xiết chi.

Và:

Chim hết ná quăng đà chẳng biết,

Hoài âm sao chẳng sớm lo âu.

Ở nước Việt Nam đời nhà Nguyễn (1802-1945), vua Gia Long Nguyễn Ánh sau khi thống nhất đất nước lại có ý nghi kỵ các công thần có tài cán lật đổ ngai vàng của mình, nên tìm dịp để giết hại. Nguyễn Văn Thành có tài thao lược đã theo phò Gia Long từ lúc còn nhỏ, lận đận lao đao với nhà vua, cũng như Đặng Trần Thường có tài văn học, trốn Tây Sơn vào Gia Định giúp vua, thế mà cả hai ông đều bị xử tử vì những lỗi tầm thường.

Tương truyền Đặng Trần Thường khi còn bị giam trong ngục, có làm bài "Hàn Vương tôn phú" bằng quốc âm để ví mình như Hàn Tín đời Hán.

Sử gia Việt Nam, Trần Trọng Kim, soạn giả quyển "Việt Nam sử lược", chép về đoạn này có viết: "...chỉ hiềm có một điều là khi công việc xong rồi, ngài không bảo toàn cho những công thần, mà lại những chuyện nhỏ nhặt đem giết hại những người có công với ngài, khiến cho hậu thế ai xem đến những chuyện ấy cũng nhớ đến vua Hán Cao, và lại thở dài mà thương tiếc cho những người ham mê hai chữ công danh về đời áp chế ngày xưa".

Ngày xưa, phần đông nhà vua nào cũng thế, chớ riêng gì vua Gia Long. Ngày nay cũng vậy thôi, mới có câu thành ngữ: "Được chim bẻ ná, được cá quăng nơm" để chỉ sự phản bội của nhà vua mà cũng là sự phản bội của những người đối với kẻ giúp mình được lập nên thân thế, địa vị.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Không Vào Hang Hùm Sao Bắt Được Cọp Con

Không vào hang hùm sao bắt được cọp con", nguyên Hán văn: "Bất nhập hổ huyệt an đắc hổ tử". Đó là lời nói bất hủ của tướng Ban Siêu đời nhà Hán ở Trung Hoa.

Ban Siêu người đất Bình Lăng. Cha là Ban Bưu, anh cả là Ban Cố, em gái là Ban Chiêu, đều là những người học vấn uyên thâm nổi tiếng một thời. Siêu cũng là người học rộng tài cao, hay thích biện luận.

Năm thứ năm, niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán Minh Đế (58-76), Siêu theo anh và mẹ lên Lạc Dương. Nhà nghèo, phải viết mướn trong dinh quan Tri Phủ để kiếm tiền nuôi mẹ. Cuộc đời chật vật và vô vị đã khiến Ban Siêu chán nản uất ức. Đã nhiều đêm nằm trên chiếc chiếu rách, quạt phì phạch chiếc quạt nan, Siêu nhìn lại dĩ vãng mà đau lòng, rồi trông vào hiện tại mà lo lắng cho tương lai của mình và cả gia đình. Là một thanh

niên có học thức, huyết chí phương cương, Ban Siêu không thể để cuộc đời trôi theo dòng đời một cách tầm thường, vô vị.

Một hôm, đang viết công văn cho quan phủ, Ban Siêu bỗng vứt mạnh bút xuống giường, hét lên một tiếng, khẳng khái nói: "Đại trượng phu sinh ra ở trên đời phải lập cho mình một sự nghiệp hiển hách mới thỏa chí bình sinh, chớ sao lại chịu chết già chốn bút nghiên đói lạnh này!" Đoạn Siêu bỏ đi.

Mười sáu năm sau, Đậu Cố vâng lịnh vua Hán đem binh đánh Hung Nô, Siêu tùng quân, giúp nhiều kế hay, có công lớn, được phong chức Tư Mã.

Đậu Cố thấy Ban Siêu có tài bèn sai đi sứ cùng Quách Tuân sang Tây Vực.

Quách Tuân và Ban Siêu đến nước Thiên Thiện. Vua nước này tiếp đãi rất nồng hậu. Nhưng ít lâu sau, Siêu nhận thấy thái độ nhà vua bỗng lạnh nhạt với mình nên sinh nghi. Tìm cách hỏi dò lính hầu thì mới biết nhà vua nghe lời gièm pha của bọn sứ thần Hung Nô vừa mới đến

đây vài ngày nên nhà vua không ưa chuộng bọn Ban Siêu nữa. Là người thông minh quyết đoán, Siêu tiên đoán ngay tương lai nguy hiểm nên vội tìm cách đối phó.

Biết Quách Tuân là người nhu nhược nên Siêu không tính kế với hắn; chỉ triệu tập thủ hạ cả 36 người uống rượu bàn mưu. Rượu đã ngà ngà, Siêu lấy lời nói khích:

-Anh em cùng tôi xa xôi ngàn dặm đến đây, ai cũng muốn lập công lớn để mong cầu phú quý. Sự nghiệp chưa thành mà nguy cơ đã đến. Hiện nay sứ Hung Nô vừa tới đã cố ý gièm pha, khiến vua Thiên Thiện thay lòng đổi ý lãnh đạm với chúng ta. Nếu chẳng may chúng ta bị nhà vua bắt nạp cho Hung Nô, chết uổng mạng nơi đồng hoang, làm mồi cho hổ báo, thì anh em liệu có cam tâm chịu chết nhục không?

Bọn thủ hạ nghe nói vừa sợ vừa tức, đồng thanh nói:

-Việc gấp rút như thế, sống chết xin theo lịnh ngài.

Siêu bảo:

-Không vào hang hùm sao bắt được cọp con. Chúng

ta bây giờ thừa đêm tối trời, xông vào đốt phá dinh trại Hung Nô. Xuất kỳ bất ý hẳn phải toàn thắng.

Thế rồi, vào canh ba đêm đó, Siêu dẫn thủ hạ đến gần trại Hung Nô, chia làm hai đội. Một đội phục đằng sau có đủ khí giới trống chiêng; một đội phục đằng trước, tay sẵn sàng cung tên chờ lịnh.

Quân Hung Nô ngon giấc.

Ban Siêu tức tốc hạ lịnh nổi lửa đốt trại.

Lửa bốc cháy. Khói mù mịt. Lửa theo gió, gió thổi lửa. Gió lửa tung hoành trong bầu trời mù mịt bóng đêm. Quân Hung Nô choàng dậy, hoảng hốt, kêu khóc vang dầy, bỏ chạy tán loạn.

Phục binh của Siêu nhất tề đứng dậy, hò hét inh ỏi. Kẻ dùng tên bắn, người dùng giáo đâm, kẻ dùng đao chém. Chỉ trong chốc lát, quân Hung Nô bị mất ba bốn chục đầu. Còn hơn trăm tên khác đều bị cháy trong đống lửa, không một kẻ thoát thân.

Thắng trận, Ban Siêu lên mặt, hạ lịnh đòi vua Thiên

Thiện đến, cho xem mấy chục thủ cấp Hung Nô. Vua sợ hãi quá, phải xin hàng làm thuộc quốc Hán triều.

Hoàn thành nhiệm vụ, Ban Siêu trở về nước, được vua Minh Đế khen thưởng, phong chức quan Tư Mã, ban cho 200 tấm vải.

Sau Ban Siêu còn lập nhiều chiến công vĩ đại nữa là đánh bại nước Quy Tư, uy danh lẫy lừng. Suốt cõi Tây Vực, 50 nước rải rác khắp bắc đạo cũng như nam đạo đều phải dâng biểu triều cống nhà Hán, Siêu được vua Hán trọng đãi phong chức Đinh Viễn Hầu.

Sau 31 năm tung hoành Tây Vực, Ban Siêu đã 71 tuổi.

Trong tác phẩm "Chinh phụ ngâm", bản dịch của Đoàn Thị Điểm, có câu:

Chàng trẻ tuổi vốn dòng hào kiệt,

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Và:

Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,

Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

"Hang beo" hay "hang cọp" (hổ huyệt) cùng đồng nghĩa để chỉ chỗ nguy hiểm. "Xếp bút nghiên", "Hang beo" đều do điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Quyển Tiểu Thuyết Tẩm Thuốc Độc

Quyển tiểu thuyết tẩm thuốc độc này là quyển "Kim Bình Mai" ở Trung Hoa, tác giả Vương Thế Trinh, người đời nhà Minh.

"Kim Bình Mai" là một bộ tiểu thuyết vừa nổi tiếng vừa mang tiếng. Nổi tiếng nhờ nghệ thuật tả chân cao, nhờ nội dung chống bọn cường hào khá. Nhưng lại mang tiếng vì những đoạn diễn tả khiêu dâm đậm đà. Mà những đoạn này muốn chiếm cả toàn quyển truyện.

Sự tích Kim Bình Mai vốn rút trong truyện "Thủy Hử" của Thi Nại Am. Trong "Thủy Hử", tên kỳ hào lưu manh là Tây Môn Khánh thông dâm với vợ của Võ Đại Lang là Phan Kim Liên và âm mưu giết Võ đi. Sau em của Võ Đại Lang là Võ Tòng giết cả hai để báo thù cho anh.

Trong "Kim Bình Mai", sự việc gian dâm này được miêu tả một cách tinh tường, vô cùng "hấp dẫn". Nguyên tên thổ hào Tây Môn Khánh có một chánh thất và ba thứ thiếp, ngày đêm chơi bời phóng đãng. Dưới tay hắn có một bọn tay sai toàn đầu trộm đuôi cướp chuyên đánh thuê giết mướn. Hắn thấy Phan Kim Liên là vợ của Võ Đại Lang có sắc đẹp bèn lập kế giết Đại Lang để giựt Phan Kim Liên về làm tỳ thiếp. Võ Tòng, em của Đại Lang về báo thù nhưng lại giết lầm một người khác, Tây Môn Khánh trốn thoát được.

Sau đó, hắn lại lấy thêm con tỷ tất của Kim Liên là Xuân Mai, rồi nạp thêm Bình Nhi làm thiếp. Vì thế truyện mới lấy tên ba nàng là "Kim Bình Mai".

Tây Môn Khánh vốn tay cự phú, với quan phủ địa phương rất thân mật nên mặc sức tung hoành, tác oai, tác ác thiên hạ. Hắn hoang dâm quá độ cùng bầy mỹ nữ chuyên môn nghệ thuật khích dâm. Một hôm hắn bị bạo bệnh chết ngay trên mình người tỳ thiếp.

"Kim Bình Mai" đã bóc trần được bộ mặt xấu xa tàn ác dâm bạo của tên thổ hào Tây Môn Khánh nói riêng,

và những tên thổ hào khác đời Tống nói chung. Về phương diện nghệ thuật, "Kim Bình Mai" đạt đến một mức khá cao. Những nhân vật và hành động được tác giả vẽ lên như sống. Nhưng "Kim Bình Mai" thuộc về loại dâm thư vì lối diễn tả những chuyện dâm tình quá bạo, dễ kích thích người đọc.

Quyển tiểu thuyết này được người Pháp dịch ra Pháp văn. Tên dịch giả không được nhớ.

Tương truyền: tác giả quyển "Kim Bình Mai" là Vương Thế Trinh, người đời nhà Minh vốn có phụ thù với Nghiêm Thế Phồn. Thân phụ của tác giả là Vương Dư bị cha của Thế Phồn là Nghiêm Tung vốn quan thái sư đương triều hại thác. Uy thế họ Nghiêm rất mạnh. Vương Thế Trinh không làm gì được. Thế Phồn là con trai duy nhứt của Nghiêm Tung, họ Vương biết hắn thích đọc truyện khiêu dâm nên viết bộ "Kim Bình Mai", "lòn" cho người chuyền đến tay Thế Phồn. Và mỗi góc tờ sách đều có tẩm thuốc độc, để khi Thế Phồn lấy tay thấm vào môi lật sách, cố nhiên sẽ ngộ độc.

Truyện "Kim Bình Mai" đến tận tay Thế Phồn. Hắn

vốn có tật thấm nước miếng lật sách. Nhưng lần này lại khác. Vì đọc qua chương đầu, hắn cảm thấy bị "hấp dẫn" ngay. Rồi vì muốn giữ cho sách được lâu, đừng bị ướt nên hắn không thấm nước miếng mà lại cẩn thận giở từng tờ. Do đó, mục đích của tác giả "Kim Bình Mai" không đạt được.

Quyển truyện không giết được kẻ thù. Nó lại được lưu hành trong dân chúng. Lần này nó lại đầu độc tinh thần quần chúng quá tợn. Nhứt là thanh niên nam nữ xem đến thì càng cảm thấy sóng lòng thèm khát bồng bột... quá chừng!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Bức Họa Dương Quí Phi Tắm Suối

Dọc sử Tàu, ai cũng biết qua vua Đường Minh Hoàng và Dương Quí Phi nhà vua tuy già nhưng vẫn đa tình và rất mực phong lưu. Còn Dương Quí Phi tức Dương Ngọc Hoàn là một giai nhân có một sắc đẹp nứt vàng tan đá.

Tập "Tây bắc thảm kỳ" của Đào Ngọc Sơn đời nhà Minh (1368-1628) có chép truyện "Quái Nham Quí phi toàn dục bích họa", nghĩa là bức họa trên vách tả cảnh Dương Quí Phi tắm suối ở Quái Nham.

Ai cũng cho là một sự quái lạ.

Vì Quái Nham là một hòn núi kỳ quái, hiểm hóc ở về phía nam tỉnh Thiểm Tây. Nơi này ít có dấu chân người đặt đến. Thân núi cao vót, vách đá cheo leo. Người nào hiếu kỳ muốn lên được trên núi phải bám mỏm đá, bíu

dây song chuyền thân cây, phải giữ từng ly từng tí, chật vật khó khăn, mệt đứt hơi, sợ bể tim mới lên đến được. Sơ sẩy một chút rơi xuống thì bỏ mạng đời.

Đứng dưới chân núi nhìn lên, nếu người có tính nhút nhát, tưởng không ai dám đến gần. Vì ở giữa thân núi, bốn bề đều có những phiến đá. Có phiến to bằng cả mái nhà. Có phiến nhỏ cũng bằng tấm ghế. Tất cả đều từ trên dốc xuống, xem có vẻ như không bám chặt vào đâu, sắp cùng một loạt lao mình xuống đất. Chỉ có về mặt nam thì núi hơi thu gọn lại. Cố lách mình leo những khe đá, dù chật vật cũng còn có lối lên. Đến lưng chừng, có một cái hang, cửa vào khá rộng và không tối lắm.

Cửa hang càng vào trong càng rộng. Tới mãi trong cùng thì có một bãi đất lộ thiên độ vài chục mẫu, cỏ mọc xanh rờn như một nệm gấm trải phẳng phiu. Ở đây có nhiều thứ cây lạ. Mỗi cây có một thứ hoa đủ các hình sắc. Chung quanh bãi ấy, thân núi dựng đứng như bức tường dài. Vách núi nhiều chỗ lại phẳng trơn như mài, mỗi chỗ mỗi sắc, bóng nhoáng rất đẹp. Dưới những vách đá là một suối nước dài lượn theo. Dòng suối ấy cứ

cách một quãng có những giọt nước từ trên khe đá tí tách rỏ xuống; hay những tia nước từ trong các mạch đất cuồn cuộn tuôn ra, hợp với dòng suối chảy tạo nên những tiếng êm tai như âm nhạc. Dòng suối có chỗ sâu hàng trượng, nước trong vắt, trông suốt cả những hòn đá nhỏ trắng phau dưới đây.

Thật là một cảnh thần tiên.

Trông về vách phía đông, thấy có một hàng chữ to có vẻ cổ kính "Dương Quí Phi toàn dục diễm tích" nghĩa là "Dấu vết xinh đẹp khi Dương Quí Phi tắm suối". Đây là một khoảng vách đá dài độ mươi trượng, rộng độ hai trượng có nhiều bức vẽ đều từng lúc Dương Quí Phi tắm suối thế nào. Các nét vẽ đều chạm khắc sâu vào thân vách nên dù màu có hơi nhạt nhưng nét vẫn còn rõ ràng như mới.

Tất cả chừng 10 bức vẽ.

Đây là lúc Dương Quí Phi cởi áo.

Đây là lúc nàng còn ngồi trên phiến đá thò chân

khoắng nước.

Đây là lúc nàng đùa nghịch lấy tay đập nước, giọt nước bắn tung lên.

Và, đây là lúc nàng lội suối theo những chỗ nông sâu; ngấn nước trong veo dần dần mờ in trên cái thân mình tha thướt uyển chuyển, da trắng như tuyết...

Và, mỗi bức vẽ đều vẽ quí phi từ dưới suối nhìn lên cái ông chồng già Đường Minh Hoàng đương ngồi tựa mình trên vách đá, đôi mắt đắm say nhìn giai nhân mà tủm tỉm cười tình.

Thật là những bức hoạt tượng. Dù đã cách có hàng năm sáu trăm năm mà xem đôi bạn tình vương giả ấy như đã học được thuật trường sinh, đem nhau đến chốn này, riêng hưởng cái diễm phúc mà người đời khó ai tìm được.

Dưới những bức họa ấy có đề ngày tháng năm đã vẽ ghi cái diễm tích ấy. Tức là ngày 25 tháng 5 năm Thiên Bảo thứ mười (theo Dương lịch là năm 752).

Quái Nham là một hòn núi hiểm hóc. Ít có dấu chân người đặt đến. Vậy mà nhà vua cùng quí phi dẫn nhau đến đấy. Người thì tắm, kẻ thì ngồi xem. Cả hai đều có sở thích.

Người thì được cái thú tắm suối khoái hoạt. Một thân hình kiều diễm "làu làu sẵn đúc một tòa thiên nhiên" kia được ngâm trong làn nước tinh sạch thiên nhiên. Người thì lại có lẽ tự hào là được cùng một giai nhân tuyệt thế đến thưởng ngoạn một thắng cảnh thiên nhiên, xưa nay ít ai biết đến, rồi ghi lại dấu vết diễm tuyệt trên vách núi để góp một phần tình tứ, một phần mỹ lệ vào cảnh kỳ quan của hóa công?

Quí phi thích đi tắm suối. Mỗi lần đi phải phí tổn cả hàng vạn bạc. Nghe nói trên Quái Nham có cảnh đẹp, có suối trong khác thường, ai tắm sẽ được trường thọ. Vừa tham sống, vừa có tính tò mò nên quí phi đòi Minh Hoàng cho đi kỳ được.

Muốn cho mỹ nhân vui lòng, Minh Hoàng không quản khó nhọc, hạ chỉ cho quan lại địa phương phải moi óc nghĩ cách làm cho được con đường lên núi. Hạn

trong nửa tháng, làm xong sẽ hậu thưởng; bằng không sẽ cho tuột chức nghỉ vô thời hạn.

Tiếp chỉ, quan địa phương xiết bao lo sợ. Sau có người bày cách kết mây làm cầu, chôn hai cây to dưới đất, rồi từ đó các đợt cầu mây cứ kế tiếp nối nhau đến tận cửa hang. Vì phải làm gấp và leo trèo khó khăn nên tốn kém có hơn 10 vạn bạc và số nhân công sơ sẩy bị té chết có hàng trăm.

Cầu làm chắc chắn và đi rất êm. Minh Hoàng và quí phi lên được đến nơi cho là một cuộc viễn du khó có. Muốn làm kỷ niệm, Minh Hoàng mới tìm một thợ vẽ khéo, vẽ lại diễm tích trên núi.

Một cuộc tắm mát đã làm cho người yêu như ý, Minh Hoàng vui mừng khôn xiết, hậu thưởng quan quân và dân chúng miền đó. Nhưng thấy làm hao hụt hàng vạn của kho và làm chết hàng trăm mạng người, Minh Hoàng cấm sử quan ghi chép và không ai được nói chuyện ấy.

Tưởng cái diễm tích ấy bị vùi dập trong cái hang bí

mật đã trên ngàn năm nay, và câu chuyện vì cái thú phong lưu "tai ác" giết hại mạng người ấy chìm trong dĩ vãng đen tối, không ngờ bị quyển "Tây bắc thảm kỳ" chép lại cuộc du hí của hàng vương giả, vô tình tố cáo với thế nhân.

Cỏ Ngu Mỹ Nhân

Hán, Sở giao binh tại Cai Hạ. Đây là trận cuối cùng quyết định thắng bại của đôi bên.

Tướng soái của Hán vương Lưu Bang là Hàn Tín đem trăm vạn quân siết chặt vòng vây, quyết tiêu diệt Sở Bá Vương Hạng Võ. Bị vây suốt mấy hôm, quân Sở, người thiếu lương, ngựa thiếu cỏ, trong một đêm chúng bỏ trốn gần hết. Chỉ còn hai tướng là Hoàn Sở và Chu Lan.

Sở Hạng Võ được tin báo, ra trướng nhìn quanh. Quân Sở bấy giờ chỉ còn độ hơn ngàn người. Sở vương kinh hãi, buông tiếng thở dài não ruột, quay trở vào. Sở hậu là Ngu Cơ đón tiếp, hỏi:

- Việc quân hôm nay ra sao mà thiếp thấy sắc diện đại vương có chiều ê ủ?

Sở vương nói:

- Lưu Bang thất phu, ngờ đâu có chí lớn. Quân ta sinh biến đã bỏ đi hết. Nay binh Hán đánh phá rất gấp, một mình ta khó mong địch lại. Nếu thoát khỏi vòng vây trở lại đất Giang Đông mới mong mưu đồ khôi phục, nhưng nghĩ đến nàng, lòng ta vô cùng chua xót.

Ngu Cơ nghe nói nghẹn ngào, tức tưởi khóc:

- Thiếp mong ơn đại vương luyến ái, tình sâu ghi khắc vào lòng. Nay bước cùng, đại vương muốn bỏ thiếp đi xa làm lòng thiếp như dao cắt ruột.

Đoạn nàng nắm chặt lấy áo Sở vương, nước mắt lai láng. Cả hai bịn rịn không muốn lìa nhau. Sở vương khiến kẻ tả hữu bày rượu ra, uống với Ngu Cơ vài chén, đoạn cất tiếng ca, lời rất bi tráng:

Lực bạc sơn hề khí cái thế,

Thời bất lợi hề chuy bất thệ.

Chuy bất thệ hề khả nại hà?

Ngu hề, Ngu hề khả nại hà!

Tạm dịch:

Sức khổ núi chừ khí hơn đời.

Thời bất lợi chừ ngựa chẳng đi.

Ngựa chẳng đi chừ biết làm sao?

Ngu ơi! Ngu ơi! biết làm sao?

Ngu Cơ càng cảm động, cất giọng hòa lại:

Hán binh dĩ lược địa,

Tứ diện Sở ca thinh.

Đại vương ý khí tận,

Tiện thiếp hà biểu sinh.

Tạm dịch:

Binh Hán cướp lấy đất,

Bốn bề tiếng Sở kêu.

Đại vương ý khí hết

Mạng sống thiếp phải liều.

Chu Lan và Hoàn Sở vào trướng, thúc giục, yêu cầu nhà vua sớm ra đi. Trời sắp sáng. Sở vương nhìn Ngu Cơ nghẹn ngào:

- Thôi, từ nay vĩnh biệt, xin nàng bảo trọng!

Ngu Cơ hỏi:

- Đại vương ra khỏi vòng vây, vậy còn thiếp?

Sở vương say đắm nhìn Ngu Cơ, nói:

- Cứ như nhan sắc của nàng, Lưu Bang trông thấy tất phải lưu dụng, liệu không đến nỗi chết, nàng có lo gì.

Ngu Cơ đầm đìa nước mắt, nói:

- Thiếp xin đi lẫn với ba quân, theo ra khỏi vòng vây. Nếu không ra được, xin chết trước mặt bệ hạ để âm hồn

được theo bệ hạ về đất cũ.

Sở vương ngậm ngùi bảo:

- Dũng sĩ áo giáp dày, khí giới sắc còn khó mong đi thoát, huống chi thân kiều mị như nàng đương nửa chừng xuân, để hoa rụng thật muôn vàn đáng tiếc. Ta không nỡ.

Ngu Cơ nói:

- Thiếp xin mượn thanh gươm của đại vương, sẽ thay áo đi theo đại vương.

Sở vương rút gươm đưa cho. Ngu Cơ cầm lấy, khóc nói rằng:

- Thiếp chịu ơn đại vương rất hậu, không lấy chi báo đáp, thôi xin liều một chết báo đền.

Vừa dứt lời, nàng mạnh tay đưa gươm vào cổ, kết liễu một đời tài sắc. Sở vương bưng mặt khóc.

Thương cảm người liệt nữ, người ta chôn xác Ngu

Cơ tử tế. Trên mả nàng mọc một thứ cỏ bốn mùa vẫn xanh tươi, tục gọi "cỏ Ngu mỹ nhân" (Ngu mỹ nhân thảo).

Tăng Tử Cố, một văn sĩ đời nhà Tống làm bài "Ngu mỹ nhân thảo" có câu:

Hương hồn dạ trục kiếm quang phi,

Thanh huyết hóa vi nguyên thượng thảo.

Hoàng Khôi dịch:

Hương hồn theo ánh gươm vàng,

Huyết rơi nay hóa mấy hàng cỏ xanh.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tri Kỷ

Dời Xuân Thu, Quản Di Ngô tự là Trọng, vốn người có tài kinh bang tế thế. ngày còn hàn vi, chưa gặp thời thường cùng bạn là Bảo Thúc Nha đi buôn chung. Lúc chia lời, Quản Trọng thường lấy phần hơn. Người ngoài thấy thế bất bình, nhưng Bảo Thúc Nha vui vẻ nói:

- Quản Trọng không phải tham mà lấy tiền ấy, chỉ vì gặp cảnh quẫn bách bất đắc dĩ nên ta cũng bằng lòng nhường cho hắn.

Quản Trọng ở chỗ thị tứ thường bị lắm kẻ nạt dọa, hà hiếp mà không một lời phản kháng. Mọi người cười cho là hèn mạt, nhu nhược, nhưng Bảo Thúc Nha cho bạn là người khoan dung.

Quản Trọng thường đàm luận cùng Bảo Thúc Nha nói nhiều điều sai lầm. Bảo nói:

- Đó là con người chưa gặp vận. Chớ lúc gặp thời thì trăm việc không hỏng việc nào.

Lúc theo việc quân, mỗi khi ra trận thì Quản Trọng đi sau; khi thu qua6n về thì Quản Trọng đi trước. Mọi người đều chế giễu cho là nhát. Bảo Thúc Nha nói:

- Quản Di Ngô nào phải nhát gan, chỉ vì người còn mẹ già nên phải giữ thân thể để phụng dưỡng mẹ.

Quản Trọng ba lần ra làm quan, ba lần bị bãi, người người đều khinh. Nhưng Thúc Nha nói:

- Di Ngô không phải là kẻ bất tiếu, vì chưa gặp thời, chưa gặp được vua hiền mà thôi.

Về sau, Quản Trọng phò công tử Củ; Bảo Thúc Nha phò công tử Tiểu Bạch. Công tử Củ và công tử Tiểu Bạch vốn anh em khác mẹ tranh ngôi nhau. Công tử Củ thất bại ở nhà nước Lỗ, bị vua nước Lỗ giết chết. Vua Lỗ lại bắt Quản Trọng và Thiệu Hốt là người phò công tử Củ nộp cho Tiểu Bạch tức Tề Hoàn công đương làm chúa nước Tề.

Thiệu Hốt tự tử. Còn Quản Trọng thì chịu làm tên tù, và chịu tội với Tiểu Bạch vì trước kia đã bắn nhằm đai bụng của Tiểu Bạch. Mến tài của Quản Trọng và do Thúc Nha tiến cử, Tiểu Bạch dùng Quản Trọng làm tướng quốc.

Người ta chê Quản Trọng không giữ được khí tiết như Thiệu Hốt. Nhưng Thúc Nha lại bảo:

- Di Ngô nhẫn nhục thờ Hoàn công không phải vô sỉ mà là người không câu chấp những tiểu tiết thường tình. Đó chính là kẻ có chí làm lợi cho cả thiên hạ.

Quản Trọng nghe được lời phê phán của Bảo Thúc Nha, thường thở dài nói:

- Sinh ra ta là cha mẹ nhưng hiểu biết ta ở đời chỉ có một Bảo Thúc Nha mà thôi.

"Tri kỷ" nghĩa là biết mình. Người thật biết được mình là tri kỷ.

Cổ văn có câu: "Đắc nhất tri kỷ, khả dĩ bất hận", nghĩa là: "Ở đời có được một người tri kỷ thì không còn

ân hận gì nữa".

Ông Tchya (Đái Đức Tuấn), một nhà thơ hiện đại cũng có câu:

Tri kỷ tìm nhau mắt đã mờ.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả lúc Từ Hải gặp Thúy Kiều ở thanh lâu, Kiều đề cao Từ Hải, Từ lấy làm thống khoái, có câu:

Nghe lời vừa ý gật đầu,

Cười rằng: "Tri kỷ trước sau mấy người".

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Hấp Tinh Đạo Khí

Nàng Hạ Cơ, người nước Trịnh đời Chiến Quốc bên Tàu. Nàng, mắt phượng mày ngài, môi son má phấn nhưng tính rất lẳng lơ, dâm bạo. Ai trông thấy cũng bắt tâm thần mê mẩn. Nàng lại có một điều kỳ dị hơn cả là năm lên 15 tuổi nằm mộng thấy một chàng đẹp trai, mũ ngọc áo lông, tự xưng là thượng giới thiên tiên đến cùng nàng giao hoan, rồi dạy nàng những phép "Hấp tinh đạo khí".

Khi Hạ Cơ chưa đi lấy chồng thì cùng người thứ huynh là công tử Man tư thông nhau. Chưa được ba năm thì công tử Man ốm quặt quẹo mà thành chết yểu. Sau nàng lại lấy Hạ Ngự Thúc, sinh được một trai. Năm con lên 12 tuổi thì Thúc đau chết.

Hạ Cơ rất dâm nên thường ngoại tình.

Bấy giờ có tên Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ làm quan đại phu đời Trần Linh công, trước là bạn đồng liêu với Hạ Ngự Thúc, trông thấy Hạ Cơ đẹp vẫn có ý nom dòm. Hạ Cơ có một con thị nữ tên Hà Hoa vốn đứa tinh quái, biết tính ý chủ. Khổng Ninh tìm cách mật kết cùng Hà Hoa, đưa cho cành trâm nhờ dẫn mối. Do đó, hắn được cùng Hạ Cơ tư thông.

Khổng Ninh mê quá đến nỗi đánh cắp cái cẩm đương (quần lót bằng gấm) của Hạ Cơ giữ làm "kỷ niệm", cho là của quý nhứt đời. Nhưng trong lúc thống khoái kiêu kỳ, hắn lại đem khoe với bạn là Nghi Hàng Phủ. Phủ cầm vật ngắm đi ngắm lại tự nhiên thấy lòng say mê cực độ nên cũng đem tiền của mật nói với Hà Hoa, nhờ tiến dẫn hộ.

Phủ vốn người cao lớn, mặt mũi đầy đặn, Hạ Cơ xưa nay trông thấy đã lấy làm thích mới bảo Hà Hoa mời đến. Trong lúc giao hoan, Phủ khéo dùng cách làm cho Hạ Cơ hả dạ bằng lòng. Bởi vậy, Hạ Cơ yêu Phủ hơn Khổng Ninh. Phủ bảo Hạ Cơ:

- Ngày trước quí nương có tặng cho Khổng Ninh

một cái cẩm đương, nay đã có lòng yêu đến tôi cũng nên cho tôi vật gì để làm kỷ niệm.

Hạ Cơ cười bảo:

- Cái cẩm đương ấy là hắn lấy trộm, chớ không phải thiếp tặng cho.

Đoạn, nàng ghé tai bảo nhỏ:

- Dẫu nằm cùng giường với nhau nhưng cũng có kẻ hậu người bạc.

Rồi để làm kỷ niệm cho Phủ, Hạ Cơ cởi cái bích la nhu (áo lót bằng lụa) tặng cho Phủ.

Phủ thích quá, nhưng trong lúc cao hứng, hắn lại đem khoe với Khổng Ninh. Ninh phát ghen, muốn báo thù thằng bạn ác ôn một cách tế nhị, hắn giới thiệu Hạ Cơ với Trần Linh công để nhà vua dùng uy quyền chiếm lại cho hắn cùng vua giữ trọn của quí. Hắn tán dương sắc đẹp của Hạ Cơ. Trần Linh công nghe cũng lấy làm thèm nhưng còn hoài nghi, nói:

- Ta cũng nghe đồn từ lâu, nhưng năm nay nàng đã gần 40, ta e rằng hoa đào tháng ba, còn gì là xuân nữa!

Ninh thưa:

- Hạ Cơ khéo giữ nhan sắc lắm, năm nay vẫn còn như gái 18.

Bấy giờ lửa dục của Trần Linh công nổi lên đùng đùng, bảo Ninh tìm cách cho mình được gần Hạ Cơ xem nàng ra sao? Ninh bằng lòng làm hướng đạo.

Hạ Cơ được Ninh cho biết tin liền dọn tiệc rượu đãi đằng nhà vua, đoạn sửa soạn các đồ gối thêu mền gấm, lại tắm gội sạch sẽ chờ vua ngự.

Sau bữa tiệc xong, đêm đến, con thị nữ Hà Hoa cầm lồng đèn đưa vua vào phòng. Hạ Cơ đương ngồi dưới ánh đèn ngẩn ngơ chờ đợi. Trần Linh công bước vào phòng, Hà Hoa cầm đèn quày ra. Nhà vua không nói năng gì, cởi áo nằm xuống giường bên cạnh giai nhân, đưa tay sờ vào da thấy mát mẻ cả người. Trong lúc giao hoan, vua cảm thấy lạc thú chẳng khác gì khuê nữ. Trần

Linh công sung sướng quá, lấy làm lạ hỏi. Hạ Cơ thưa:

- Thiếp có một phép lạ, dầu sau khi sinh sản, chỉ trong 3 ngày thì đã hoàn nguyên như cũ.

Trần Linh công nức nở khen:

- Ta được gặp quí nương chẳng khác gì được gặp một vị thần tiên. Mà cái phép lạ ấy là phép gì, thật là tuyệt không chỗ nói. Gần quí nương, ta bây giờ cảm thấy bọn phi tần mỹ nữ trong cung như gỗ đá đất bùn. À, phép lạ ấy là gì, cho ta biết được không?

Hạ Cơ mỉm cười, tỏ vẻ e thẹn đáp:

- Đó là phép "hấp tinh đạo khí".

Sức khỏe của Trần Linh công đã không bằng Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ, lại có bịnh hôi nách, nhưng vì là một ông vua của một nước nên Hạ Cơ cũng ham thế lợi mà không quản ngại. Nàng lại cởi áo lót mình mà tặng cho nhà vua. Nhà vua rất mừng cho là được của quí, lại đem ra khoe với hai quan đại phu là Ninh và Phủ.

Ninh và Phủ bấy giờ cũng cao hứng, đem hai vật của Hạ Cơ ra khoe. Cả ba chúa tôi cầm ba vật của giai nhân ngắm tới ngắm lui lấy làm thích thú, cảm thấy say sưa như khi nằm bên người ngọc. Nhà vua bật cười nói:

- Ba ta người nào cũng đều có một vật báu đem tùy thân để làm tang chứng. Vậy từ đây, khi đến đó, chúng ta có thể cùng quần với nhau trong phòng trên một giường được.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Cỏ Đỏ Trên Mộ Chiêu Quân

Tỉnh Tuy Viễn ở Trung Hoa, bắc giáp Mông Cổ. Thị trấn tỉnh hội là Quy Tuy. Cách 10 cây số về phía nam có mộ của Vương Chiêu Quân, người cung phi tuyệt đẹp của Hán Nguyên đế, được tiếng là "trầm ngư"(°), một trong "tứ đại mỹ nhân" ở cổ Trung Hoa.

Nơi đây có 3 tòa cổ miếu xây bằng đá và 4 tấm bia xoay mặt về hướng nam. Đó là mộ của nàng Chiêu Quân ở giữa; hai bên là mộ của 2 nữ tỳ đã cùng thác với nàng. Trên bia đá có khắc tên tuổi của ba người.

Mộ của Chiêu Quân đặt ở dưới ngôi miếu giữa. Trên mộ bia có khắc mấy dòng chữ đã mờ vì thời gian "Vương Chiêu Quân chi mộ". Trên một tấm bia chót to hơn, có ghi qua sự tích của nàng kỳ nữ Chiêu Quân.

Đây là cuộc đời của Chiêu Quân, vì lịnh vua, vì để

làm một công việc hòa bình cho đất nước trong lúc vận nước suy đồi nên đem tấm thân liễu yếu đào tơ, vượt qua hai cửa ải Nhạn Môn và Đắc Thắng để sang cống Hồ.

Chiêu Quân tên là Vương Tường quê ở Tùy Quy là một cung phi của vua Nguyên đế đời nhà Hán (48-53 trước D.L.). Lúc bấy giờ vua Hán có đến ba ngàn mỹ nữ cung phi nên không thể nào biết mặt cả thảy được. Vua truyền tên thị vệ Mao Diên Thọ bảo họa sĩ vẽ hình tất cả những cung phi để vua ngắm và chọn làm hậu cung khi cần thiết.

Mao Diên Thọ được dịp "nước đục thả câu", ăn hối lộ của cung nhân. Hễ ai đút tiền thì truyền thần mặt xinh tươi, đẹp đẽ để dâng lên nhà vua. Cung nhân cũng nhờ đó mà hưởng được chút ơn mưa móc của quân vương, cho cuộc đời tài sắc của mình đỡ tẻ lạnh. Chiêu Quân đẹp hơn các cung phi khác nên không chịu đút lót tiền, lại còn xỉ vả nặng lời Diên Thọ. Do đó, khi cầm lấy bức ảnh Chiêu Quân, hắn lấy viết chấm dưới mắt ảnh nàng một chấm làm thành nốt ruồi. Rồi khi dâng tranh lên nhà vua, hắn lại xàm tấu cho rằng Chiêu Quân tuy đẹp nhưng vì có nốt ruồi mà sách tướng gọi là "thương phu trích

lệ", đó là ruồi sát phu. Nhà vua nghe lời nên không đoái hoài đến nàng.

Rợ Hung Nô bấy giờ đánh thắng nhà Hán. Chúa Hung Nô buộc Hán Nguyên dến phải cống phẩm vật và một cung phi tuyệt sắc mới chịu bãi binh. Trong tình thế nguy của nước nhà, Nguyên đế phải đồng ý.

Vừa sợ việc làm bị bại lộ, vừa ghét Chiêu Quân nên Mao Diên Thọ mưu với bọn gian thần đem Chiêu Quân đi cống. Nguyên đế trước đã xem hình của Chiêu Quân nên bằng lòng đem nàng đi cống Hồ. Nhưng đến lúc Chiêu Quân vào triều bái để lên đường sang Phiên thì nhà vua mới trông thấy rõ mặt thật là một tuyệt thế giai nhân. Vua tức giận lắm, điều tra mới rõ mưu mô gian xảo của Diên Thọ, định đem trị tội. Thọ hay được trốn sang đầu hàng Hung Nô. Bây giờ sự thực đã rồi, không thể thay người khác được. Vì sứ giả đã nhận được mặt của Chiêu Quân.

Thế là Chiêu Quân từ biệt xứ sở cố hương, tới ải biên thùy Nhạn Môn. Nỗi thương nhớ nước nhà, nỗi giận kẻ gian thần, xót xa phận bồ liễu, nàng xuống kiệu song

loan hướng về quê hương cố quốc, gảy một bản đàn biệt ly. Giọng đàn bi ai thảm thiết, những kẻ theo đưa tiễn đều não lòng rỏ lệ. Cây cỏ bên đường cũng héo xào gục xuống mặt đất như để xớt thảm chia sầu...

Chiêu quân chẳng những có sắc mà còn có tài đàn hay thơ giỏi. Nhìn một con chim lẻ cánh bạt gió về chiều, nàng xót xa cảm cho thân thế, cất tiếng ngâm:

Cánh én cô đơn đượm tủi sầu,

Ngang trời gió cuốn bạt về đâu?

Quan san ngàn dặm vương thương nhớ,

Hồ Hán từ đây cách biệt nhau.

Và:

Mây trắng trời trong gió ngạt ngào,

Hồn hoa mờ mịt dưới trăng sao,

Đêm đêm thổn thức, đêm đêm mộng,

Có phải trời xanh cợt má đào.

Và, khi mùa thu đến, nhìn mây thu, trời thu, sắc thu nhuộm úa lá vàng, dưới bầu trời ảm đạm lá vàng rơi lả tả, bài "Thu phong oán" của nàng còn truyền tụng do một tình cảm sâu đậm của một kỳ nữ vì nước ly hương:

Thu mộc lê thê,

Kỳ diệp nuy hoàng.

Hữu điểu xử sơn,

Tập ư bào tang.

Dưỡng dục mao vũ.

Hình dung sinh quang.

Ký đắc thanh vân,

Thượng du khúc phường.

Ly cung tuyệt khoáng.

Thân thế tồi tàn.

Chí niệm ức chẩm,

Bất đắc hiệt ngoan.

Tuy đắc ẩm thực,

Tâm hữu hồi hoàng.

Y hà ngã độc,

Vãng lai biến thường!

Phiên phiên chi yến,

Viễn tập Tây Khương,

Cao sơn nga nga.

Hà thủy ương ương

Phụ hề mẫu hề.

Đạo lý du trường.

Ô hô ai tai

Ưu tâm trắc thương!

Thái Bạch dịch:

Cành thu hiu hắt lá thu vàng,

Trên đỉnh non cao, đó rõ ràng.

Có một chim kìa hay đáo để,

Ở ăn tự lúc mớ ra dàng.

Ra dàng đã đủ cánh lông bay,

Thấy rõ hình dung quý giá thay.

Trên nóc lầu cao đá đổ xuống.

Chín từng mây thẳm đã tung bay.

Tung bay, nhưng khốn biết sao rầy;

Sự thế than ôi, nỗi nước này!

Nỗi nọ dường kia khôn tả xiết;

Gan sầu ruột héo, ngỏ ai hay!

Ai hay cho khúc đoạn trường này,

Cho nỗi quan hoài ở chốn đây!

Uống uống ăn ăn khôn đắp lại,

Những hờn những oán, những sầu cay!

Sầu cay riêng nghĩ xiết bàng hoàng,

Biết đến bao giờ hận mới tan.

Én nọ tung bay xập xòe cánh,

Đường xa mấy mấy dặm quan san.

Quan san thăm thẳm nỗi lòng đau,

Biển rộng non cao chất tủi sầu.

Vòi vọi đường xa muôn dặm cách,

Mưa nắng sân Lai, xót dãi dầu!

Dãi dầu ai hỡi thấu cho chăng?

Lấp đặng cho ai những bất bằng.

Những nhớ những thương tầy núi biển,

Tình thu chan chứa hận sầu vương!

Khi đến Lạc Nhạn đài bên sông Hắc Thủy, Chiêu Quân bắt được chim nhạn, liền viết thư buộc vào chân nhạn, rồi thả cho bay đi, mong nó mang tin về quê hương. Nhìn chiếc nhạn bay, nhìn dòng sông Hắc Thủy, nàng xót xa đau đớn, ngao ngán thở dài:

Thủy hà sóng lạnh gió đìu hiu,

Cánh nhạn lê thê giải nắng chiều.

Thấp thoáng mây về nơi lữ thứ,

Mơ màng một giấc mộng cô liêu.

Ngâm thơ xong, nàng lao mình xuống sông Hắc

Thủy. Cái chết trinh liệt của nàng khiến cho mọi người, kể cả chúa Hung Nô cũng ngậm ngùi thương tiếc, cảm phục người kỳ nữ nhà Hán. Nhứt là chúa Hung Nô tưởng là hoa nọ về tay, người mang tiếng là chúa của một nước rợ oai hùng sẽ được cùng người ngọc Trung Nguyên âu yếm, tận hưởng tất cả những khoái cảm của cuộc đời người, không ngờ mối hy vọng nay đã hoàn toàn tan vỡ.

Văn thơ đời Hán và đời sau có nhiều bài nói về cuộc đời và ca tụng đức tính hy sinh cao khiết của Chiêu Quân. Đến đời nhà Tấn (265-419), Tấn chúa Tư Mã Chiêu đổi tên Chiêu Quân là Minh Phi. Thạch Sùng sáng tác khúc ca gọi là Vương Minh Quân. Có khúc cổ nhạc phủ được phổ biến ở Trung Hoa xưa gọi là khúc "Chiêu Quân oán", "Chiêu Quân cống Hồ".

Tương truyền cỏ ở chung quanh đất nầy đều màu trắng, chỉ riêng cỏ mọc trên mộ Chiêu Quân màu đỏ, là giống màu cỏ ở Trung Nguyên mà thôi. Phải chăng đó là hồn thiêng của đất nước của người kỳ nữ đã hun đúc tạo thành một vật lạ lùng để tiếng muôn đời.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả khúc Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe buổi sơ ngộ có câu:

Quá quan này khúc Chiêu Quân,

Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.

Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên" của cụ Nguyễn Đình Chiểu cũng có câu:

Chiêu Quân xưa cũng cống Hồ,

Bởi người Diên Thọ họa đồ gây nên.

°: theo tư liệu khác, tứ đại mỹ nhân được mô tả theo 4 vẻ đẹp:Tây Thi "trầm ngư", Điêu Thuyền "nguyệt thẹn", Chiêu Quân "lạc nhạn" (vì chim nhạn thấy nàng đi cống Hồ, mải nhìn mà đâm vào đá(!?)), Dương quý phi(Dương Ngọc Hoàn) "hoa nhường". Mỗi vẻ đẹp đều có tích riêng. Tôi ghi thêm vào đây chứ phần này không có trong tác phẩm.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Bạo Chúa Xem Quỳnh Hoa

Dời nhà Tùy (587-617), ở Dương Châu thuộc huyện Giang Ninh, một phồn hoa đô hội nước Tàu, có ngôi chùa tên Dương Ly. Một đêm giữa lúc canh ba, ngoài chùa bỗng có ánh sáng lòe như lửa dậy. Trên không lại có tiếng nổ vang, rồi có một vật gì sa xuống như sao rơi, mùi thơm xông nên nực mũi.

Người trong nhà mở cửa đổ ra xem.

Gần bên giếng của chùa bỗng mọc lên một cây hoa lạ. Cây cao một trượng, trên ngọn có một đóa hoa ngũ sắc cực kỳ tươi đẹp. Trên hoa chia làm 18 cánh lớn, dưới có 24 cánh nhỏ. Người ta gọi là Quỳnh Hoa.

Lúc bấy giờ có người tên Vương Thế Sung ở thành Lạc Dương, nguyên trước can án giết người nên chạy trốn đến chùa trú ngụ. Vương vốn biết vẽ, thấy thế mới

lấy bút mực ra vẽ đóa hoa ấy.

Vua nhà Tùy là Dương đế, nhân một đêm nằm mộng thấy hoa, nay được tin có hoa lạ trổ tại Dương Châu mới yết bảng nếu ai vẽ được đóa hoa ấy, đem dâng cho nhà vua thì sẽ được trọng thưởng. Vương Thế Sung mang bức tranh ấy đến dâng, được nhà vua tha tội giết người lại được phong chức Quỳnh Hoa thái thú.

Chùa Dương Ly đổi thành chùa Quỳnh Hoa.

Vì hoa trong tranh còn đẹp lộng lẫy, cố nhiên hoa thực còn đẹp gấp ngàn lần. Gợi lòng tò mò ham thích nên nhà vua định ngự giá ra Dương Châu xem hoa.

Vốn đường đất từ Lạc Dương (kinh đô nhà Tùy) đến Dương Châu ở Giang Nam rất xa xôi, khó đi. Nhà vua cho đi xe giá nhọc nhằn nên truyền cho người đốc uất dân chúng lao dịch khai kinh bắc cầu từ Long Trì thẳng qua ải Trường Bình, thông với sông Huỳnh Hà cho đến Dương Châu để ngự thuyền rồng cho tiện. Đồng thời lại truyền cho người xây cất cung điện nơi ấy để nghỉ ngơi.

Việc lực dịch quá gian lao, bọn quan lại tham tàn thừa nước đục thả câu càng bóc lột những nhiễu dân chúng. Nhân dân cực khổ chết chóc, tiếng thán oán kêu khóc ngập trời. Vì dục vọng xem hoa mà làm khổ trăm họ. Nhưng nhà vua không nghĩ đến, lại ra lịnh cấp tốc hoàn thành công việc đào kinh trong vòng một tháng. Chậm trễ hoa sẽ tàn mất. Đàn ông cung cấp không đủ thì đàn bà cũng bị bắt đi làm. Sử chép: đào con kinh ấy lao dịch có đến một triệu dân phu. Cung phi, mỹ nữ, ngự binh, cước điện (người kéo thuyền) có đến 80 ngàn người. Dân chúng trong vòng 500 dặm dọc theo kinh phải mang thức ăn cung phụng cho đoàn du hành quý phái ấy.

Nhưng khi thuyền rồng ngự đến Dương Châu và chuẩn bị ngày mai Tùy đế xe giá đến xem thì khuya hôm ấy, mưa gió đầy trời, hoa thần rụng mất.

Vì đây là thần hoa, hiện ra không phải để cho bạo chúa xem mà là để cho nhân dân và chơn chúa xem; đồng thời để chỉ rõ sự diệt vong của nhà Tùy. Mười tám cánh trên của hoa biểu hiệu 18 vị phản vương, 24 cánh nhỏ dưới biểu hiệu 24 trấn khởi loạn chống lại Tùy đế.

Và, cơ nghiệp nhà Tùy sẽ chuyển sang nhà Đường do con của vị đại thần Lý Uyên là Lý Thế Dân khai sáng, đánh bại 18 phản vương và dẹp yên 24 trấn, thống nhứt lãnh thổ. Đó là một chơn chúa.

Vì vậy, trong khi lãnh sứ mạng bảo giá Tùy đế ra Dương Châu, Lý Thế Dân đến chùa trông nom lính dọn dẹp, chuẩn bị cho ngày mai Tùy đế đến xem, Thế Dân thừa dịp đến xem hoa trước. Quỳnh hoa nhún lên xuống ba lần như đón chào. Rồi ngay đêm hôm ấy, sau một cơn mưa to, hoa tàn rụng. Mộng xem hoa của tên bạo chúa tan vỡ. Dục vọng ngông cuồng của nhà vua đã làm cho hàng vạn sinh linh điêu đứng, chết chóc, lầm than!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Đàn Ông Làm Hoàng Hậu, Trai Đẹp Làm Cung Nga

Vua Lý Thái Tông (627-649) là Lý Thế Dân đời nhà Đường, năm Đinh Dậu chỉ truyền kén chọn gái xinh. Có quan thứ sử đất Kinh Châu kén được một nàng tên Võ Mị Nương nên trang quốc sắc, đáng giá khuynh thành. Nghĩ rằng: "Nếu để tên Mị Nương, sau vào cung thì khó xưng làm nương nương", bèn cải tên nàng lại là Võ Minh Không đem dâng lên cho nhà vua.

Thái Tông trông thấy cả đẹp, phong làm Tài Nhơn, nên gọi là Võ Tài Nhơn.

Võ Tài Nhơn vốn là một tuyệt thế giai nhân, lại hay chữ nhưng rất đa dâm. Vua Thái Tông bấy giờ đã già, không đủ sức bù đắp lại được lòng xuân phơi phới đương chuyển động mạnh trong các sớ thịt đường gân của con người nàng. Nhân Thái Tông phải bịnh, nằm tại cung của Võ Tài Nhơn, đông cung thái tử là Lý Trị vào

thăm. Thấy Võ Tài Nhơn thật một trang quốc sắt thì bắt động lòng nên thỉnh thoảng liếc mắt đưa tình.

Lạ gì gái đẹp thường tình, thái tử người đương trẻ tuổi, thật xứng đôi vừa lứa, đồng sức, đồng tài nên Tài Nhơn cũng đưa mắt tống tình đáp lại. Thái tử Lý Trị hớn hở, lòng nở đầy hoa nhưng không có dịp tỏ nỗi lòng, liền giả đi tiểu tiện.

Võ Tài Nhơn liền lấy bồn vàng đựng nước, quỳ xuống dâng lên cho thái tử rửa tay. Nhân dịp Lý Trị liền rảy nước trên mặt Tài Nhơn, cất tiếng ngâm nhỏ hai câu:

Mơ tưởng Vu Sơn biết mấy lần,

Dương đài cách trở khó toan gần.

Tài Nhơn hiểu ý thái tử nên mỉm cười ngâm tiếp:

Tuy chưa vầy cuộc phong vân hội,

Song đã được nhờ võ lộ ân.

Lý Trị mừng rỡ nghĩ:

- Nàng này quả thật tài sắc gồm đủ, rất đẹp lòng ta.

Đoạn, bạo dạn đưa tay đỡ Tài Nhơn dậy rồi cùng dắt nhau đến chỗ vắng vẻ tư tình. Nàng bỗng rơi lệ, nói:

- Từ ngày thiếp chầu hoàng thượng vẫn được yêu vì, nay may mắn được điện hạ tỏ lòng thương hương mến ngọc, nhưng biết về sau, khi điện hạ lên ngôi rồi có còn đoái tưởng đến tấm thân bồ liễu này chăng?

Lý Trị nói:

- Ngày sau ta lên ngôi sẽ phong nàng làm chánh hậu.

Võ Tài Nhơn mừng rỡ nói:

- Xin điện hạ hãy cho thiếp một vật để làm tin.

Lý Trị liền cởi chiếc nhẫn co chạm chín con rồng trao cho Tài Nhơn.

Lúc bấy giờ có quan Tư thiên giám xem thiên văn, tiên đoán nhà Đường sau bị nữ chúa họ Võ chuyên quyền nên yêu cầu nhà vua phải trừ trước để dứt hậu

hoạn. Vua không tin, nhưng chiều ý quan Tư thiên giám nên cho Võ Tài Nhơn ra ở chùa Hưng Long mà tu hành, suốt đời không được cải giá.

Lý Trị thương nhớ Tài Nhơn, lén cho người đến chùa dặn nàng đừng xuống tóc, chờ ngày triệu vào cung.

Tài Nhơn vốn hiếu dâm, ăn quen nhịn không quen. Cảnh chùa lại thanh vắng. Ngày ngày chẳng làm gì khiến lòng xuân càng bồng bột. Nàng mưu cùng mụ vãi già làm mối để được tư thông cùng lão thày sãi ở chùa Bạch Mã cho cuộc đời đỡ lạnh, đỡ khát, đỡ thèm.

Chẳng bao lâu vua Thái Tông phát bịnh thăng hà, Lý Trị lên ngôi xưng hiệu Cao Tông, truyền đem xe giá lên chùa rước Võ Tài Nhơn về, phong làm Chiêu Nghi, cải tên là Võ Tắc Thiên. Rồi nàng được phong làm hoàng hậu.

Cao Tông ở ngôi được 34 năm, vì té bị trọng thương mà chết. Võ Tắc Thiên dùng mưu lập kế phế con. Cuối cùng lên ngôi hoàng đế, xưng hiệu Tắc Thiên hoàng đế, đổi quốc hiệu là Đại Chu.

Làm vua tất phải có hoàng hậu, Võ Tắc Thiên liền lập hai người đàn ông là Trương Xương, tôn làm chánh hậu, Trương Diệc Chi làm thứ hậu. Đây là hai người chồng trẻ đẹp lực lưỡng của nhà vua. Lại truyền chỉ kén chọn con trai xinh đẹp làm cung nga, còn cung phi mỹ nữ trước kia nay trở thành vô dụng nên đều được cho về xứ sở.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Giang Thần Trảo Trảo

Năm Nhâm thân (1572), nhà Mạc sai tướng là quận công Lập Bạo đem quân đánh Thuận Quảng là đất chúa Nguyễn ở miền Nam. Lập Bạo huy động cả thảy lục quân tiến vào. Thủy quân gồm có 60 chiến thuyền do cửa Việt đổ vào sông; lục quân độ 1000 người khởi hành từ Khang Lộc (giữa Quảng Bình) theo con đường Hồ Xá (con đường đại lộ số 1 bây giờ) tiến đến chùa Thanh Tướng thuôc. làng La Nguyễn hạ trại. Chỉ còn cách xã Ái Tử, nơi Nguyễn Hoàng đóng binh chừng vài chục dặm.

Quân của Lập Bạo đi đến đâu là tàn phá nhà cửa ruộng vườn xơ xác đến đấy. Tài sản bị cướp đoạt, già trẻ trai gái bị giết chóc rất bi thảm. Thế lực của chúa Nguyễn bấy giờ còn yếu. Trước lực lượng quá hung bạo của địch, Nguyễn Hoàng rất lấy làm lo, chưa tìm được

cách gì để phá địch.

Tương truyền, một đêm, Nguyễn Hoàng đương ngủ, chợt nghe như có tiếng kêu "trảo trảo" ở trên sông. Giựt mình thức dậy, chúa khấn rằng:

- Nếu giang thần có quyền lực vô biên xin hãy giúp tôi kháng giặc.

Ngay đêm đó, trong giấc mơ, chúa Nguyễn thấy một thiếu nữ mặc áo xanh hiện đến, bảo rằng:

- Nếu tướng công muốn giết giặc phải dùng kế mỹ nhân để dụ nó đến đồi Cát, kẻ tiện tỳ này xin giúp sức.

Đoạn nàng từ giã biến mất.

Nguyễn Hoàng tỉnh dậy, nhớ lời dặn, chọn người đẹp thân tín để thực hành kế hoạch. Lúc bấy giờ ở làng Thế Lại, huyện Hương Trà có nàng thanh nữ diễm lệ tên Ngọc Lâm được Nguyễn Hoàng chọn giao cho công tác ấy. Vì muốn chống giặc, Ngọc Lâm đành phải hy sinh. Chúa Nguyễn liền đưa Ngọc Lâm cùng vàng bạc gấm lụa sang dinh Mạc xin cầu hòa, hẹn uống máu ăn thề, kết

nghĩa đồng minh với nhau.

Lập Bạo vốn người hiếu sắc, nghe giọng oanh thỏ thẻ của Ngọc Lâm rót vào tai nên rất tin lời Nguyễn Hoàng là thật. Hơn nữa, Bạo biết giữa Nguyễn và Trịnh vốn có mối thù bất cộng đái thiên, cho rằng Nguyễn muốn kết đồng minh với Mạc để đánh Trịnh nên Bạo mừng rỡ nhận lời chúa Nguyễn và đến ngay chỗ hẹn.

Nhờ Ngọc Lâm báo trước nên chúa Nguyễn cho người thiết lập một cái gò ngay bên bờ sông, chờ nghe thấy tiếng nước để làm nơi tế lễ và ăn thề.

Lập Bạo cùng đi với nàng Ngọc Lâm trên một chiếc thuyền nhỏ, bên cạnh có vài chiếc khác hộ vệ. Tuy vậy, Bạo vẫn còn ngờ, liếc mắt xem chừng đối phương có động tịnh gì không. Nhưng chỉ thấy Nguyễn Hoàng cùng vài người tùy tùng không võ khí, đứng trên bờ đưa tay vẫy. Bạo yên lòng, dưới thuyền bước lên tiến thẳng đến chỗ của đàn lễ. Nhưng vừa đến nơi thì thốt nhiên, quân Nguyễn đã núp sẵn dưới hố, đồng loạt nhảy lên xông vào bắt. Lập Bạo và bọn tùy tùng khiếp đảm vội chạy xuống thuyền.

Nhưng thuyền đã xa bờ quá rồi, Bạo vội vàng nhảy xuống sông. Chưa kịp lặn trốn thì đã bị quân Nguyễn đổ đến, rồi cả hàng chục cây giáo đâm bổ xuống. Máu tuôn đỏ trên mặt sông. Xác Bạo chìm luôn dưới đáy nước. Không để mất cơ hội, Nguyễn huy động quân lính tiến đến chùa Thanh Tướng tiêu diệt cả toán quân Mạc đóng ở đấy.

Những quân còn sống sót vội đổ xuống thuyền, tìm đường tẩu thoát. Bấy giờ vào tháng 10, gió bấc thổi mạnh. Thuyền bè không thể nào ra khơi cửa Việt khi có gió bấc nên chiến thuyền của Mạc vỡ lung tung. Những kẻ thoát chết đuối đều về hàng Nguyễn cả.

Quân Nguyễn đại thắng. Chúa Nguyễn trọng thưởng Ngọc Lâm và chọn hàng quan lại, gả Ngọc Lâm cho một kẻ xứng đôi vừa lứa với nàng. Lại truyền lập đền thờ vị giang thần đã báo mộng giúp mình bên khúc sông đó gọi là miếu "Giang thần Trảo Trảo".

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Nợ Như Chúa Chổm

Nước Việt, năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lên làm vua. Vua Lê Chiêu Tông bị họ Mạc bắt nhốt định giết chết.

Trong ngục lạnh tại Đông Hà, nhà vua nhờ người đàn bà bán cơm hàng ngày được phép mang cơm đến cho ăn. Dù mỗi ngày một gầy gò héo hắt vì bị giam cầm nhưng nhà vua cũng cảm thấy lòng mình đỡ u buồn tẻ lạnh bên cạnh một người đàn bà có một ít sắc đẹp nẩy nở về chiều, ngoan ngoãn chăm nom, săn sóc. Rồi cả hai lại nồng nhiệt yêu nhau.

Một hôm, nàng cho nhà vua biết là nàng đã có thai, đồng thời lại báo tin là họ Mạc định bức tử nhà vua. Vua vẫn bình thản trao cho nàng một ngọc ấn mà từ lâu đã giấu kín trong đai áo, đoạn buồn bã dặn:

- Nếu đứa con của chúng ta sau này là trai thì đây là một chứng vật, không ai chối cãi được nó là dòng dõi đế vương. Còn nếu nó là gái thì nàng hãy liệng ngọc ấn giữa dòng, đừng để cho một kẻ nào lợi dụng!

Chiêu Tông bị giết chết. Người đàn bà bán cơm may mắn sinh được một trai đặt tên là Duy Ninh. Sợ tung tích bại lộ, nàng bỏ nghề cũ, đem Duy Ninh trốn về thôn quê, kiếm củi đổi gạo nuôi thân.

Ninh lớn lên, vẻ người tuấn tú khác thường. Ai cũng tấm tắc khen. Nhưng Ninh mắc phải cái tật ăn chơi ngông nghênh, nợ nần nhiều, mẹ con thiếu thốn vất vả. Có lắm khi phải nhịn đói, uống nước lã cầm hơi. Tương truyền người nào được Ninh mua mở hàng cho thì bán rất đắt. Người bán hàng gặp Ninh thì đổ nhau mời bảo mua cho kỳ được. Ninh bảo không tiền và hẹn chừng nào Ninh làm ăn khá giả sẽ trả. Họ rất đồng ý. Do đó, Ninh thiếu nợ càng nhiều.

Khi Mạc cướp ngôi nhà Lê, các bề tôi nhà Lê kẻ chạy theo tân triều, kẻ tuẫn tiết, kẻ nổi lên chống Mạc. Trong số những bực trung thần có ông Nguyễn Kim trốn sang

Sầm Châu, nơi biên giới Việt Lào, nhờ quốc vương Lào giúp đỡ để gây thanh thế chống Mạc.

Muốn nắm được chính nghĩa, Nguyễn Kim quyết định phải tìm cho được một người dòng dõi nhà Lê. Nhưng đã lâu ngày, vì sự đàn áp thẳng tay của họ Mạc, dòng Lê đâu mất cả, Kim không tìm thấy một ai.

Năm Quí tị (1532), thế lực của Nguyễn Kim khá mạnh, mà dòng Lê vẫn chưa tìm được, ông rất nóng lòng khôi phục cơ đồ, mới nhờ một bốc sư suy đoán việc tiền trình. Bốc sư trịnh trọng tuyên bố:

- Dòng Lê nào đã hết đâu! Hiện nay Chiêu Tông vẫn còn một hoàng tử cuối cùng và vẫn sống lang thang khắp xứ. Nếu có ý muốn tìm, thật chẳng khó. Cứ thấy một thanh niên có tiếng tốt, đầu đội mũ sắt, mình ngồi kiệu cối xay thì hẳn là đúng đó. Người ấy sẽ đem nhà Lê và non sông trở về với phong thái cũ.

Nguyễn Kim mừng lắm, hạ lịnh cho nha lại đi tìm.

Bấy giờ Nguyễn Kim đóng binh ở biên giới Việt Lào

để chống với Mạc Đăng Dung, cũng là lúc Duy Ninh đương lang bạt ở đấy. Một hôm, Ninh vừa trong một quán rượu đi ra bỗng gặp một trận mưa rào đổ xuống. Ninh không dù không nón, nhân tìm thấy một cái chảo bỏ không, liền chụp ngay đội lên đầu che mưa. Tiếng náo động của trận mưa làm con chó đương ngủ bên đường thức dậy. Nó lại thấy Ninh lạ kỳ quá nên sủa vang lên và đuổi theo cắn. Ninh đâm hoảng, chạy bổ vào nhà người, nhảy ngay lên một cái cối xay lúa ở hàng ba mà tránh.

Quân sĩ của Nguyễn Kim vừa từ trên đường đi tập trận về, xa xa trông thấy dáng Ninh thì la lớn:

- Vị hoàng tử mà tướng công ta tìm kiếm, chắc là người đội chảo sắt và ngồi kiệu cối xay kia!

Duy Ninh nghe được, tưởng là quân Mạc đuổi bắt mình nên hoảng hốt, ù té chạy. Từ đấy, mẹ con Ninh thấp thỏm lo âu, đem nhau sang đất Lào, tạm sống bằng nghề thợ nhuộm Tuy cuộc sống không sung túc gì, nhưng ở đây xa lạ, không ai biết được tông tích nên mẹ con Ninh tự thấy đỡ khổ đôi phần.

Một hôm, nhân bại trận, Nguyễn Kim rút binh sang Lào. Ông rất ngạc nhiên khi đi ngang qua một căn nhà nhỏ, vách đất cột tre, trước cửa có dán một câu đối bằng chữ Hán:

Thiên hạ thanh hoàng giai ngã thủ,

Triều đình chu tử tận ngô môn (°)

Đọc sơ qua, ý nghĩ tuy biểu lộ được chủ nhân làm nghề thợ nhuộm, nhưng suy ngẫm kỹ thì bên trong còn hàm súc một khí phách phi thường làm cho Nguyễn Kim chú ý. Ông liền ghé vào nhà ân cần gạn hỏi và nói thật nguyện vọng của mình.

Quả thật Nguyễn Kim không lầm. Người mà ông mơ ước từ lâu bỗng nhiên xuất hiện. Mẹ con Duy Ninh kể lại đoạn đời đau khổ vừa qua và trao ngọc ấn làm tin.

Nguyễn Kim rước Duy Ninh về Thanh Hóa, cử đại binh đánh Mạc. Duy Ninh được suy tôn đế vị, tức là Lê Trang Tông.

Tương truyền lúc Duy Ninh được Nguyễn Kim xe giá

rước về Thanh Hóa, khi ngang qua làng cũ, chỗ mẹ con Duy Ninh lánh nạn, một số người bán chịu cho Ninh ngày xưa đổ lại đòi tiền. Họ không biết Duy Ninh làm ông gì nhưng thấy được đi xe giá, quân lính hộ vệ thì chắc là Ninh đã thành đạt, nên họ nhắc lại lời hứa của Ninh. Có nhiều người không phải là chủ nợ nhưng thừa nước đục thả câu, cũng đổ xô lại yêu cầu, đòi hỏi. Người người tấp nập đầy đường.

Nhà vua không biết ai và cũng không biết làm sao mà trả cho hết nên truyền miễn thuế một năm cho dân cả làng để trừ.

"Nợ như chúa Chổm" trở thành một thành ngữ chỉ những người thiếu nợ quá nhiều.

°: Xanh vàng thiên hạ đều tay tớ

Đỏ tía triều đình tự cửa ta

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tục Uống Máu Ăn Thề

Núi Đồng Cổ ở xã Đan Mô, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Núi này còn gọi là núi Khả Phong. Sách "Việt điện U Linh" có chép:

Đời nhà Lý (1010-1225), vua Lý Thái Tông tên Phật Mã lúc còn làm thái tử (1020), Lý Thái Tổ là Lý Công Uẩn sai đem quân đánh Chiêm Thành. Quân đi đến Trường Châu, trời đổ tối, thái tử dừng quân nghỉ tại đó. Đêm khuya thái tử nằm mộng thấy một người lạ mặt vận nhung phục, cầm binh khí bước đến gần cúi đầu tâu rằng:

- Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin điện hạ đi bình Chiên nên xin ám trợ.

Khi thái tử đánh được Chiêm Thành, trở về đến núi Đồng Cổ làm lễ tạ, rồi khấn xin rước về Thăng Long để

giúp nước yên dân. Về đến kinh đô, xem khắp trong thành không có chỗ nào vừa ý nên đặt lễ khấn thần. Vị thần Đồng Cổ liền báo mộng xin cho lập đền ở sau chùa Thánh Thọ tại phía hữu kinh thành, tức thôn Đông, xã Yên Thái bây giờ (bây giờ là làng Đông Xã). Vua y lời thần mộng, lập đền thờ ở đấy.

Năm 1028, Lý Thái Tổ mất, thái tử sắp lên kế vị thì đêm ấy, thần Đồng Cổ báo mộng cho nhà vua biết có ba vị hoàng tử: Vũ Đức vương, Dực Thánh vương và Đông Chinh vương sắp khởi loạn nên kíp đề phòng.

Sáng hôm sau, quả nhiên ba vị hoàng tử đem quân vây hãm kinh thành để tranh ngôi vua. May có danh tướng Lê Phụng Hiểu giúp vua dẹp ngay được cuộc khởi loạn. Nhớ ơn thần nhân mách bảo, vua Lý Thái Tông phong cho thần làmThiên Hạ Minh Chủ, lại gia phong chức Đại Vương.

Trong số ba hoàng tử, một người là Vũ Đức vương bị Lê Phụng Hiểu chém chết tại trận, còn hai người trốn chạy; sau về xin chịu tội. Nhà vua nghĩ tình cốt nhục tha tội và cho hồi phục chức tước cũ.

Sau đó, vào ngày 23 tháng 3 năm 1028, nhà vua ban chiếu lập đàn treo cờ tại đền Đồng Cổ, bắt các hoàng thân quốc thích và tất cả triều thần tới đền, đứng trước thần vị, đọc lời thề rằng: "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung; ai bất trung bất hiếu, thì xin thần minh làm tội". Đoạn mỗi người từ cửa đông đi vào, qua thần vị, uống tiết sống ăn thề.

Từ đó hàng năm thành lệ. Ai trốn không thề sẽ bị phạt 50 trượng.

Sách "Hà Nội địa dư" còn chép thêm rằng: đời nhà Trần cũng bắt chước lối thề của nhà Lý. Ngày hôm đó, nhà vua ngự tại điện Đại Minh, các quan phải đem cả giai nhân tới đền mà thề rằng: "Làm tôi phải hết lòng trung, làm quan phải thanh bạch; ai trái lời thề, thần minh giết chết". Đến triều Hậu Lê cũng vẫn theo lệ này, nhưng chọn ngày "mậu" tháng giêng mỗi năm làm lễ tuyên thệ ở bến sông. Còn tại đền Đồng Cổ thì vua sai quan đến tế lễ.

Nước ta có tục uống máu ăn thề là vậy.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Thiến Gà, Thiến Heo

Hoa Đà tự Nguyên Hóa, người ở Tiêu Quận, đất Bái đời Tam Quốc (220-264) có tài chữa bịnh linh diệu trên đời. Ai mắc bịnh cần đến thì, hoặc cho thuốc, hoặc mổ chích, hoặc châm cứu, động tay vào là khỏi ngay.

Ai đau lục phủ ngũ tạng khó chữa, ông cho uống một thang ma phế làm người bịnh mê man như chết, rồi dùng dao nhọn bén mổ bụng ra, lấy thuốc tẩy rửa tạng phủ, người bịnh chẳng đau đớn gì cả. Tẩy rửa xong, lấy kim chỉ khâu lại và rịt thuốc vào, sau một tháng hoặc vài mươi ngày là người bịnh bình phục. Chữa bịnh gì cũng tài tình như thế. Thật xứng danh là một thần y, được xem ngang hàng với Biển Thước đời Chiến Quốc.

Tào Tháo, chúa nước Ngụy, đau đầu óc như búa bổ, không sao chịu nổi, vội truyền chỉ thị khắp nơi tìm thầy thuốc giỏi về chữa. Nhưng chữa mãi không thuyên giảm

chút nào, Tháo đau đớn dữ dội. Bấy giờ có người giới thiệu Hoa Đà. Tháo cho mời đến. Chẩn mạch xong, Hoa Đà nói:

- Đại vương đau đầu là vì nhiễm phải gió độc. Gốc bịnh ở trong màng óc nên rải gió không thoát ra được, dùng thuốc cũng uổng mà thôi. Tôi có phép này chữa được, trước hết đại vương uống thang ma phế cho mê đi, rồi tôi dùng búa sắt bổ tách xương sọ, rạch vào màng óc lấy cái rải gió ra, thế mới trừ tuyệt nọc được.

Tháo nghe qua, giựt mình trố mắt rồi bỗng đùng đùng nổi giận quát:

- Ngươi muốn giết ta phải không?

Hoa Đà dù biện bạch tài nghệ công hiệu thế mấy nhưng Tháo vẫn đa nghi, cho Đà là tay sai của địch muốn mưu hại mình nên thét tả hữu bắt Hoa Đà giam vào ngục, quyết tra hỏi cho ra.

Hoa Đà bị giam, có người lính ngục họ Ngô trông coi, người quen gọi là Ngô áp ngục. Người này ngày

ngày đem cơm rượu vào cung phụng Hoa Đà. Đà cảm ơn mới bảo rằng:

- Tôi sắp chết. Chỉ tiếc bộ sách Thanh Nang chưa truyền ra đời. Nay cảm thấy lòng tốt quý của ông, chẳng biết lấy gì báo đáp, vậy tôi viết bức thư này, ông cứ cho người đem đến nhà tôi lấy quyển "Thanh Nang" về đây. Tôi xin tặng để ông nối lấy nghề thuốc.

Ngô áp ngục mừng rỡ nói:

- Nếu được bộ sách ấy, tôi sẽ bỏ nghề này, đi khắp thiên hạ chữa bịnh giúp người để truyền cái đức của tiên sinh.

Đà liền viết thư trao cho Ngô áp ngục nhờ người đến thẳng quê nhà, hỏi vợ Hoa Đà lấy bộ Thanh Nang đem về ngục. Hoa Đà cầm lấy, dò lại từng chương đầy đủ liền đưa tặng ngay ân nhân. Ngô áp ngục đem về cất kỹ.

Qua mười ngày sau, Hoa Đà chết trong ngục.

Ngô áp ngục mua quan tài khâm liệm chu đáo. Chôn cất Hoa Đà xong, liền bỏ nghề lính ngục, lòng khoan

khoái trở về nhà, mong đem bộ Thanh Nang ra học để làm nghề thuốc.

Nhưng...

Hỡi ôi! Về đến cổng, Ngô thấy mụ vợ đương đem sách ra đốt. Ngô hoảng hốt, vội chạy sấn vào giằng lấy, nhưng sách đã cháy gần hết, chỉ còn được vài tờ. Ngô tức giận mắng vợ thì mụ vợ nói:

- Nếu mình có học được giỏi như Hoa Đà rồi cũng chẳng qua đến chết trong lao tù mà thôi! Quý báu gì cuốn sách này?

Ngô chép miệng thở dài, tiếc ngẩn người ra một hồi rồi cũng đành chịu.

Vì thế bộ sách "Thanh Nang" không được truyền đến đời sau. Chỉ còn ít thuật nhỏ như thiến gà, thiến heo, chính là do ở vài chương còn lại.

Hoạn Quan Không Bị Hoạn

Lã Bất Vi, người đất Dương Lịch ở nước Triệu đời Chiến Quốc. May nhờ mưu mẹo "buôn bán vua" mà được làm thừa tướng nước Tần.

Vì người có sức khỏe nên được mẹ của Tần Thủy Hoàng là Trang Tương hậu yêu lắm. Tương hậu tên là Triệu Cơ trước vốn hầu thiếp của Vi nay gặp ở Tần như cá trở về nước nên Vi thường ra vào cung cấm, không kiêng nể gì. Đến khi Tần Thủy Hoàng khôn lớn thông minh hơn người, Bất Vi có ý sợ. Nhưng Tương hậu ngày càng đa dâm, thường đòi Vi vào cung Cam Toàn để vầy cuộc mây mưa. Bất Vi sợ lâu ngày, việc phát giác thì họa đến mình, muốn tìm một người để thay cho được vừa lòng thái hậu nhưng chưa tìm ra.

Lúc bấy giờ có tên Lao Ái, dương vật to có tiếng. Những dâm phụ trong xóm cho là vật quý, tranh nhau

để được gần Ái. Nhưng một hôm hắn phạm tội dâm, quan sắp bắt trị tội. Bất Vi nghe được can thiệp xin tha, để làm xá nhân trong phủ.

Nước Tần có tục khi làm mùa ruộng xong, trong nước mở cuộc vui chơi ba ngày để bõ công khó nhọc. Ai muốn bày trò chơi gì tự do. Kẻ nào có tài hay cái khéo gì cứ phô bày. Lã Bất Vi lấy thứ gỗ vông bảo người làm bánh xe, sai Lao Ái xỏ dương vật vào giữa bánh xe biểu diễn. Bánh xe quay tít mà dương vật vẫn không hề hấn gì. Người trong chợ cười ầm lên, đoạn lắc đầu le lưỡi cho là khó có kẻ kỳ phùng địch thủ.

Tương hậu nghe chuyện hỏi Bất Vi, dường có ý thích. Bất Vi nói:

- Thái hậu muốn thấy người ấy không? Tôi xin chờ dịp tiến vào.

Tương hậu cười mà không đáp, một lúc nói:

- Nhà ngươi nói đùa đấy ư! Người ngoài làm thế nào được vào nội cung?

Bất Vi kề tai Tương hậu nói nhỏ. Tương hậu mừng quá, cho là diệu kế. Đoạn lấy năm trăm nén vàng giao cho Bất Vi, ân cần dặn bảo cố gắng làm cho thành việc. Bất Vi lãnh lịnh, mật gọi Lao Ái cho biết. Ái sẵn tính dâm, nghe tin hớn hở, nhảy cỡn lên cho là một sự đại phúc kỳ ngộ.

Bất Vi liền sai người phát giác cái dâm tội trước kia của Lao Ái, bắt phải đem thiến, đoán đem vàng đút lót cho viên quan hành hình, lấy dương vật của con lừa và bôi vào một thứ máu giả là thiến thật. Tên hành hình lại cố ý đem dương vật con lừa, giơ lên cho người chung quanh xem. Ai ai cũng tưởng thực.

Lao Ái bấy giờ được xung làm hoạn quan. Bất Vi đem dâng cho thái hậu để hầu trong cung. Đêm đến, Lao Ái hầu ngủ. Thái hậu lấy làm thích quá, đời thấy lên hương trở lại, ngày đêm không muốn lúc nào rời ra.

Chẳng được bao lâu, thái hậu có mang. Sợ khi sinh nở, không thể giấu được nên dối có bịnh; lại sai Lao Ái đem tiền đút lót cho thầy bói, bảo dối là trong cung có ma nên tránh ra ngoài 200 dặm ở phương tây. Vua Tần

trước nghi Lã Bất Vi thông dâm với thái hậu, nay thấy thái hậu đòi đi xa tất tuyệt đường đi lại nên đồng ý.

Thái hậu liền đi ra Ung Thành, ở vào một tòa cung điện cũ gọi là Đại Trịnh cung. Bấy giờ thì thái hậu cùng Lao Ái mặc sức tự do tung hoành. Trong hai năm, sinh luôn hai trai, làm một cái nhà kín để nuôi. Thái hậu lại hẹn với Lao Ái là sau khi vua mất, sẽ đem một đứa làm con nối.

Thái hậu lại tâu với vua Tần là Lao Ái có công thay vua hầu hạ, vậy xin phong đất cho. Tần Thủy Hoàng vâng mạng, phong cho Lao Ái là Trường Tín hầu, cấp đất Sơn Dương làm lộc.

Ái bỗng được quý hiển, lại càng hung hăn lên mặt. Sau chuyện phát giác, Thủy Hoàng sai quan bắt hắn. Lao Ái vốn mua chuộc được một số tay sai, chống cự lại. Nhưng thất bại, Ái bị bắt. Vua Tần tự đến cung Đại Trịnh lục tìm, bắt được hai đứa con của Lao Ái ở nhà kín, liền sai kẻ tả hữu bỏ vào cái túi vải đem quật chết. Thái hậu đau xót ngấm ngầm, không dám ra cứu, chỉ đóng cửa khóc lóc mà thôi.

Còn Lao Ái, vua Tần truyền dùng xe xé xác ở ngoài cửa Đông, và tru di cả ba họ.

Thượng Thư Lỗ Chó

Dời Nam Tống bên Tàu (1127-1275) có quan tể tướng tên Hàn Xà Trụ. Vốn một gã vô học bất tài, nhưng nhờ thế lực mỹ nhân mà làm được tể tướng. Vua thích gái đẹp, Hàn lo lắng dâng gái đẹp cho. Trong dinh của Hàn bao giờ cũng sẵn chứa giai nhân để phòng một khi nhà vua cần đến. Hàn vẫy tiền không tiếc tay để mua những người đẹp toàn quốc. Nhiều gái đẹp trinh liệt đã phải khổ sở vì hắn. Dùng tiền tài vô hiệu thì Hàn lại dùng đến uy quyền, cưỡng ép bắt ngang. Do đó, Hàn được vua thương. Các quan trong triều phần nhiều sợ uy thế của Hàn. Ai ai cũng nịnh hót để mong được yên thân hay để Hàn cất nhắc đề cử.

Một hôm, Hàn cùng các tân khách dạo chơi. Đi qua một trang viên, thấy phong cảnh đẹp, Hàn khen rằng:

- Thật rõ là cảnh nông thôn, hiềm vì tĩnh mịch quá,

thiếu tiếng chó sủa.

Hàn vừa nói xong thì bỗng có tiếng "ăng ẳng" phát lên.

Ồ, chó đâu chẳng thấy mà lại nghe tiếng chó sủa đây? Mọi người ngạc nhiên, nhìn quanh quất nhưng tuyệt nhiên chẳng thấy bóng chó. Giữa lúc ấy thì có tiếng "ăng ẳng" tiếp theo. Bấy giờ mọi người mói cười ầm lên. Thì ra quan thị lang Triệu Sư Trạch nhại tiếng chó sủa để làm vui tai quan tể tướng.

Ở trong triều có một viên quan tên Hứa Cập Chi. Lão này cũng chẳng thua gì lão Sư Trạch. Đối với tể tướng họ Hàn, Cập Chi hàng ngày muốn bẩm báo điều gì thì quỳ gối khấn đầu, trông vẻ sợ sệt, khép nép cung kính.

Một hôm gặp lễ sinh nhật của Hàn, Cập Chi bận việc mua sắm lễ vật nên đến chậm. Cửa tư dinh của Hàn đã đóng, tên lính gác cửa không cho vào. Cập Chi lo sợ quá. Không dâng lễ vật ắt sau này sẽ bị quở mắng hay tai vạ. Con đường quan thế nào cũng bị đứt đoạn. Năn nỉ mãi không được, hắn rơm rớm nước mắt.

Tên lính gác bắt cười thầm. Lòng sẵn ghét bọn xu nịnh nên quyết không cho vô, bảo rằng: "Lịnh của quan tể tướng đã dạy, cãi lịnh sẽ bay đầu, ai vô đây thế?" Túng quá, Cập Chi nhìn thấy có một cái lỗ chó, liền khòm lưng chun vào dinh để dâng lễ mừng thọ.

Biết được sự việc, Xà Trụ lấy làm cảm động! Và cũng nhờ đó mà Hứa Cập Chi được cất nhắc làm đến chức thượng thư. Người đương thời biết chuyện cười thầm, gọi lén là "Thượng thư lỗ chó!"

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tiền Xích Bích Phú

Tiền Xích Bích phú " là một áng văn chương kiệt tác của Tô Đông Pha (1036-1101), một văn hào đời nhà Tống (950-1275).

Đông Pha tên là Thức, tự Tử Chiêm, người ở Mi Sơn (huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên ngày nay), con của Tô Tuân, anh của Tô Triệt. Cả ba cha con đều là văn gia trứ danh đời nhà Tống, được người đương thời hâm mộ và gọi là "Tam Tô".

Tô Thức làm quan đời Tống Nhân Tông. Đến triều Thần Tông, Vương An Trạch lên làm tể tướng, thi hành việc cải cách chính trị, Tô Thức cùng em dâng sớ lên Thần Tông, công kích dự án tân pháp của họ Vương; và vì xúc phạm đến quan tể tướng nên Tô Thức phải bị biếm ra Hàng Châu, rồi Hồ Châu, Hoàng Châu, Huệ Châu và Quỳnh Châu.

Trong thời gian ở Hoàng Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), Tô Thức làm nhà ở Đông Pha (sườn đồi phía đông) nên lấy hiệu là Đông Pha cư sĩ.

Ở đây, ông có làm hai bài "Tiền Xích Bích phú" và "Hậu Xích Bích phú". Xích Bích là tên một dãy núi tại huyện Gia Ngư, tỉnh Hồ Bắc trên bờ phía nam sông Dương Tử.

Đây là một di tích lịch sử.

Năm Kiến An thứ 13 (dương lịch 208), Tào Tháo, chúa Bắc Ngụy đã thua to tại đó vì bị tướng của Đông Ngô Tôn Quyền là Chu Du dùng trận hỏa công đốt sạch chiến thuyền. Hai bên bờ sông vì lửa đốt cháy đỏ nên người ta mới gọi là"Xích Bích" (vách đỏ).

Tô Thức bị trích ra Hoàng Châu, tức huyện Hoàng Cương ngày nay, thuộc tỉnh Hồ Bắc nhưng cách xa huyện Gia Ngư. Tại Hoàng Châu có một dãy núi đá sắc đỏ cũng gọi là Xích Bích hoặc "Xích tị cơ", Tô Thức nhân đi chơi đến đây là bài Xích Bích phú.

Trong "Thanh nhứt thống chí" có dẫn lời của Hồ Khuê trong "Xích Bích khảo" cho rằng: "Tô Tử Chiêm đã lầm lẫn Xích tị cơ tại Hoàng Châu với Xích Bích tại huyện Gia Ngư". Nhưng thiết nghĩ có lý nào một người như Tô Thức mà lại lầm lẫn một việc quá tầm thường đối với một di tích danh tiếng trong lịch sử được. Có lẽ vì hai nơi trùng tên nên ông Tô liên tưởng đến việc Tào Tháo, Chu Du đời Tam Quốc; và nói đến trong bài phú với dụng ý luận anh hùng và ký thác tâm sự.

Ông sáng tác Xích Bích phú trong thời gian bị biếm trích, tâm hồn đương đau khổ và chán nản nên muốn tìm nguồn an ủi ở những lẽ phi thường. Bởi vậy, trong bài có những tư tưởng tiêu sái, phóng khoáng, siêu thoát.

Tô Thức là một nhà văn thơ lỗi lạc. Văn của ông hàm súc, bôn phóng; thơ cũng tuấn dật, thanh cao. Nét chữ của ông lại đẹp, vẽ khéo, đúng là một văn hào, thi gia kiêm nghệ sĩ.

Bài Tiền Xích Bích phú hay hơn bài Hậu Xích Bích phú. Vì thế bài Tiền Xích Bích phú đã được nhiều văn

gia thi sĩ dịch ra Việt văn như Phạm Sĩ Vy, Phan Kế Bính, v.v…

Nguyên tác:

Nhâm tuất chi thu,

Thất nguyệt kỳ vọng:

Tô tử dữ khách phiếm chu,

Du ư Xích Bích chi hạ.

Thanh Phong từ lai, thủy ba bất hưng.

Cử tửu chúc khách

Tụng Minh nguyệt chi chi,

Ca yểu điệu chi chương

Thiểu yên, nguyệt xuất ư đông chi thượng,

Bồi hồi ư Đẩu Ngưu chi gian.

Bạch lộ hoành giang,

Thủy quang tiếp thiên.

Túng nhất vĩ chi sở như,

Lăng vạn khoảng chi mang nhiên

Hạo hạo hồ như bằng hư ngự phong,

Nhi bất chi kỳ sở chỉ.

Phiêu phiêu hồ như di thế độc lập,

Vũ hóa nhi đăng tiêu.

Ư thị ẩm tửu lạc thậm,

Khấu huyền ca nhi.

Kỳ ca viết: "Quế trạo hề lan tương,

Kích không hề tố lưu quang.

Diếu diếu hề dư hoài,

Vọng mỹ nhân hề thiên nhứt phương".

Khách hữu xuy động tiêu gaỉ,

Ỷ ca nhi họa chi.

Kỳ thanh ô ô nhiên,

Như oán, như mộ, như khấp, như tố.

Dư âm niệu niệu,

Bất tuyệt như lũ.

Vũ u hác chi tiềm giao,

Khấp cô chu chi ly phụ.

Tô tử thiểu nhiên,

Chính khâm nguy tọa.

Nhi vấn khách viết:

"Hà nhi kỳ thiên dã?" Khách viết:

"Nguyệt minh linh hy, ô thước nam phi;

Thử phi Tào Mạnh Đức chi thi hồ?

Tây vọng Hạ khẩu, đông vọng Vũ Xương;

Sơn xuyên tương liễu, uất hồ thương thương.

Thử phi Tào Mạnh Đức

Chi khốn ư Chu lang giả hồ?

Phương kỳ phá Kinh Châu, hạ Giang Lăng,

Thuận lưu nhi đông dã;

Trục lô thiên lý,

Tinh kỳ tế không.

Si (ly) tửu lâm giang, hoành sáo phú thi;

Cố nhất thế chi hùng dã.

Nhi kim an tại tai!

Huống ngô dữ tử,

Ngư tiều ư giang chữ phi thượng;

Lữ ngư hà nhi hữu mi lộc;

Giá nhất diệp chi thiên chu,

Cử bào tôn dĩ tương chúc.

Ký phù du ư thiên địa,

Diểu thương hải chi nhất túc.

Ai ngô sinh chi tu du,

Tiện trường giang chi vô cùng.

Hiệp phi tiên dĩ ngao du.

Bão minh nguyệt nhi trường chung.

Tri bất khả hồ sậu đắc,

Thác di hưởng ư bi phong."

Tô tử viết: "Khách diệt tri

Phù thủy dữ nguyệt hồ?

Thệ giả như tư, nhi vị thường vãng dã.

Doanh hư giả như bỉ, nhi tốt mạc tiêu trường dã.

Cái tương tự kỳ biến giả nhi quan chi,

Tắc thiên địa tằng bất năng dĩ nhất thuấn;

Tự kỳ bất biến giả nhi quan chi,

Tắc vật dữ ngã.

Giai vô tận dã;

Nhi hựu hà tiện hồ?

Thả phù thiên địa chi gian,

Vật các hữu chủ.

Cẩu phi ngô chi sở hữu.

Tuy nhất hào nhi mạc thủ.

Duy giang thượng

Chi thanh phong,

Dữ sơn gian,

Chi minh nguyệt;

Nhĩ đắc chi nhi vi thanh,

Mục ngộ chi nhi thành sắc;

Thủ chi vô cấm,

Dụng chi bất kiệt.

Thị tạo vật giả chi vô tận tàng dã,

Nhi ngô dữ tử chi sở cộng thích".

Khách hỷ nhi tiếu,

Tẩy trản cách chước;

Hào hạch ký tận,

Bôi bàn lang tịch.

Tương dữ chẩm tịch hồ chu trung,

Bất tri đông phương chi ký bạch.

Dưới đây là bản dịch ra văn vần của Quân công thị (Hoằng Hóa Quận vương), con thứ 66 của vua Minh Mạng:

Năm Nhâm tuất mùa thu tháng bảy,

Mới qua rằm trăng hãy còn hin.

Ông Tô cùng khách dời thuyền.

Chơi nơi Xích Bích gần miền Kinh Châu.

Gió phảng phất dòng sâu sóng lặng,

Cất chén mời khách hẳn vui ưa;

Ngâm nga Nguyệt xuất thi xưa,

Liền câu yểu điệu cảnh giờ khéo in.

Phương đông thoắt trăng lên chóp núi,

Trong Đẩu, Ngưu noi dõi dần dà;

Sông trong, nước rạng bao la,

Ngang giăng móc trắng, là đà trời xanh.

Bồng một chiếc thích tình hứng cảnh,

Nước mênh mang muôn khoảnh xông pha;

Phới như cỡi gió bay qua,

Nương không lóng biết đâu là đến đâu.

Phơ phơ giống đời hầu có một,

Bỏ phàm trần cởi lốt lên tiên;

Chừng khi ấy dốc rượu liền,

Vui chi xiết gõ mạn thuyền ca xoang.

Trổi một khúc: "Thuyền lan, chèo quế,

"Vỗ trong ngần ngược vẻ rạng trôi;

Đăm đăm luống dạ ai hoài,

Mỹ nhân trông tưởng cách trời một phương."

Thổi tiêu sẵn có chàng đạo sĩ,

Nương lời ca rủ rỉ họa theo;

Cô cô loan phượng tiếng kêu,

Dở hờn, dở khóc, dở chiều, dở than!

Tiếng thừa thãi khoan khoan réo rắt,

Rõ ràng nghe chẳng dứt như tơ;

Đầm sâu giao lặn mưa kỳ

Thuyền không gái góa sầu bi lỡ đường.

Đông Pha lão nghe tường buồn bã,

Sửu bào ngồi hỏi gã thấp cao;

Hỏi rằng: "Do dĩ làm sao,

Tiệc vui thổi khúc tiêu tao lấy gì?

Khách dẫn thi: "Tinh hy nguyệt bạch,

Mạnh Đức ngâm Xích Bích phải không?

Xanh xanh đoái khắp tây đông,

Vũ Xương, Hạ Khẩu non sông tí mù.

Ấy chẳng phải đánh đua tài trí,

Nên Tào Man khốn bị Chu Lang;

Đương sơ Kinh địa phá tan,

Giang Lăng cũng đã tro tàn dòng xuôi.

Thuyền ngàn dặm nối đuôi giữa sóng,

Cờ muôn cơn rợp bóng trên không;

Rượu thi tới bến gác dòng,

Hùng tài tót thế gẫm không ai bì.

Đến giờ há còn chi đâu có?

Huống nữa là ngư nọ tiều kia.

Đòi ta bãi bạc, cồn le,

Vui vầy tôm cá, bạn bè hươu nai.

Lênh đênh vãi thuyền chài một lá,

Hê ha khuyên rượu lã vài hồ;

Dầm vàng gởi cái phù du,

Dự chi hốt thóc xô bồ biển thương.

Đời người gẫm thảm thương thấm thoắt,

Sông giang khen dài dặc không cùng;

Giày phi tiên cắp thung dung,

Ôm châu minh nguyệt muốn cùng dài lâu.

Liệu chẳng khá kíp cầu mà đặng,

Đem tiếng thừa phải nhắn gió đông".

Ông rằng: "Này khách biết không?

Mặt trăng phải tỏ, lòng sông phải dò.

Nước chảy mãi có mô trôi thẳng,

Trăng khuyết tròn trọn chẳng tiêu hao.

Hãy coi lẽ biến làm sao,

Lại coi chẳng biến thế nào thời hay.

Biến nháy mắt trời xoay đất trở,

Chẳng biến thời như rứa đeo tai;

Vật người chẳng hết còn hoài,

Có gì mà lại dong dài khong khen.

Vả lại xét trong nền Tạo hóa,

Các vật đều có gã chủ trương;

Dầu ta không có nõ màng

Mảy lông chớ đúng, muôn vàn kể chi.

Vui mặt nước những khi êm mát,

Cùng đầu non mấy lượt thanh tao.

Trăng thanh gió mát nghêu ngao,

Trăng non, gió nước dồi dào hòa hai.

Tiếng không hẹn lọt tai càng đớt

Sắc tình cờ vào mắt mà nên;

Mua vui nào phải tốn tiền

Tai dùng không chán, mắt nhìn không no.

Ấy tạo vật là kho vô tận

Ta cùng ngươi chỗ sẵn chơi chung".

Khách cười chi xiết mừng lòng,

Vội vàng rửa chén, rắp mong nghiêng bầu.

Cơm rượu thảy hồi lâu ráo xáo,

Chén bát đà lộn lạo ngửa nghiêng;

Cùng nhau chiếu gối trong thuyền,

Không dè trời đã rạng liền hướng đông.

Trong bài hát nói "Chữ nhàn" của Nguyễn Công Trứ có câu:

Sông Xích Bích buông thuyền năm Nhâm tuất.

Để ông Tô riêng một thú thanh cao,

Chữ nhàn là chữ làm sao?

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Một Bộ Sử Loài Người Rút Ngắn Thành Một Câu

Ngày xưa có một nhà vua, tuổi quá ngũ tuần rồi mà chưa được xem một quyển sách nào. Bộ sách ông thèm khát được đọc là bộ "Lịch sử loài người"; nhưng khốn nỗi, cuộc đời ông từ mái đầu xanh cho đến tóc điểm bạc, không lúc nào ông được rảnh rang.

Đời ông luôn luôn sống trên mình ngựa, nằm sương gối tuyết bên bãi chiến trường. Nay chinh phục nước này, mai ngăn chận nước kia xâm lấn. Mắt ông toàn nhìn thấy sắt và máu lửa, không bao giờ hân hạnh được nhìn trọn một chương sách của thánh hiền. Ông rất ân hận.

Nay nước nhà hòa bình và cuộc chiến đấu phải nhường cho một thế hệ mới: thế hệ trẻ hơn ông. Ông định xem cho kỳ được bộ sử loài người để tìm xem con người xưa nay sống để làm gì? Đó là điều mà ông thường băn khoăn và tò mò muốn biết rõ. Nhưng thảm

thay, tuổi ông cao, mắt ông mờ mà bộ lịch sử loài người, nhìn mà phát khiếp.

Sách toàn là những mảnh da trâu dày cộm, chất dẫy đầy trong hàng chục gian nhà của viện Tàng cổ. Nhà vua làm sao đọc hết được một bộ có hàng trăm quyển như thế? Ông bảo viên sử thần già:

- Đời trẫm chỉ có một điều mong muốn là đọc được bộ lịch sử loài người trước khi nhắm mắt theo các tiên vương, nhưng trẫm đã già mà bộ sử thì quá nhiều, vậy hiền khanh cố chiều ý trẫm là rút ngắn bộ lịch sử ấy chỉ còn độ phân nửa có được không?

Viên sử thần tâu:

- Được. Nhưng hạ thần xin bệ hạ cho thêm 50 người phụ giúp...

Nhà vua tươi cười, ngắt lời:

- Bao nhiêu người cũng được. Tùy hiền khanh chọn lựa.

Viên sử thần lại tâu:

- Hạ thần xin đội ơn bệ hạ. Nhưng thời gian quyết định 10 năm mới làm xong.

Nhà vua bỗng sa sầm nét mặt, lẩm bẩm tính:

- Năm nay ta đã 55 tuổi, 10 năm nữa, ta sẽ 65 tuổi. À, 65 tuổi trẫm sẽ đọc được bộ lịch sử loài người Kể ra muộn. Nhưng muộn còn có hơn không.

Thế là viên sử thần già nhận chức Trưởng ban tu sử, cầm đầu một ủy ban gồm 50 người nỗ lực bắt tay vào việc.

Bộ sử viết bằng da trâu nằm yên bấy lâu trong viện Tàng cổ nay bỗng chốc được người nâng dậy, giở từng mảnh, từng chương, lục soạn, thảo tra. Bị xốc lên tuôn bụi mịt mù chẳng khác bãi sa mạc đương cơn gió lốc. Mùi bụi bặm hôi ẩm nồng nặc bắt mọi người phải nghẹt thở nôn ọe. Nhưng ai cũng phải chịu đựng cố gắng.

Họ tự an ủi vì mạng lệnh của nhà vua; và vì đây là một công trình vĩ đại đối với hậu thế. Công việc làm gian

lao của người trước đổ cho người sau hưởng lấy và tiếp tục xây dựng hoàn thiện. Đó là công việc đồng lân. Chớ muốn biết lịch sử loài người mà phải đọc cả hàng tá quyển đựng trong hàng chục căn nhà thì phỏng còn ai muốn biết cái lịch sử loài người là cái quái gì cho phải khổ thân.

Trải qua ngày tháng năm, ủy ban tu sử cặm cụi làm việc ngày đêm bất kể. Ông Trưởng ban tu sử lưng càng còm, và mắt càng lờ dưới đôi kính trắng đã mấy lần thay đổi.

Mười năm qua, bộ sử hoàn thành còn 50 quyển.

Một sáng sớm, ông Trưởng ban tu sử cho chở bộ sử trên 10 thớt tượng to khệ nệ vào triều, dâng lên vua. Nhà vua chóa mắt thở dài, bảo:

- Công lao của hiền khanh thật to. Nhưng đáng tiếc trẫm đã già, sức mòn mỏi mà đối với bộ sử còn quá nhiều, trẫm không đủ sức đọc được. Vậy phiền hiền khanh chịu khó rút gọn lại còn độ 5 quyển được không?

Vị Trưởng ban tu sử tâu:

- Được. Nhưng hạ thần năm nay đã ngoại thất tuần rồi, hạ thần e rằng không còn đủ ngày giờ sống để hoàn thành bộ sử cho bệ hạ xem nữa. Điều này, hạ thần rất lấy làm lo ngại.

Nhà vua vuốt chòm râu bạc, mỉm cười:

- Điều lo ngại của hiền khanh chẳng khác nào điều lo ngại của trẫm. Trẫm năm nay đã 65 tuổi, vì hồi trẻ lao tâm lao lực quá nhiều, ngày thấy càng suy nhược. Trẫm nghĩ không biết trẫm còn sống để hân hạnh nhìn lấy cái kết quả vẻ vang của hiền khanh đây nữa. Nhưng trẫm không chán nản, bi quan. Vậy hiền khanh khá vì trẫm mà cố gắng hoàn thành bộ sử trong thời gian 5 năm, để trẫm biết lịch sử loài người sống để làm gì trước khi trẫm yên dạ nhắm mắt.

Viên Trưởng ban tu sử vâng vâng dạ dạ, bái tạ lui về.

Thế là ủy ban tu sử lại nỗ lực tiếp tục làm việc. Họ quên cả ngày đêm, lơi cả ăn ngủ. Họ gìn từng giờ, tiếc

từng phút, tiện từng giây.

Năm năm, bộ sử hoàn thành còn được 5 quyển. Những ủy viên tu sử bây giờ, người nào cũng ốm gầy như cây khô, mặt mày võ vàng như sắp chết. Còn ông Trưởng ban tu sử thì râu tóc như bông, lưng còm cơ hồ sát đất, giọng nói khàn khàn, tay chân run lẩy bẩy, đi phải chỏi gậy. Trông họ thật thiểu não.

Một sáng sớm, vị Trưởng ban tu sử cho một thớt tượng chở 5 quyển sử vào triều. Chuyến này ông không còn sức đi bộ được nữa mà phải nằm nhờ kiệu khiêng đi.

Vừa đến nơi, bỗng có tên nội giám từ trong cung nhà vua bươn bả chạy ra, kêu to:

- Bệ hạ sắp thăng hà, các quan ai có chuyện cần kíp quan trong thì hãy gấp vào cung để gặp mặt lần cuối cùng, và muốn tâu gì thì tâu.

Vị Trưởng ban tu sử hoảng hốt, cho kiệu đi tuốt vào cung. Nhà vua nghe tin, vội vén màn, nói với vị Trưởng ban tu sử, giọng phều phào:

- Ta... ta rất cảm động... và cám ơn... công khó nhọc của... của hiền khanh. Ta sắp chết... Ta rất ân hận... vì không biết... không biết lịch sử loài người. Vậy... vậy hiền khanh hãy tóm tắt bộ sử bằng... bằng một câu... Một câu thôi.

Vị Trưởng ban tu sử lập bập tâu:

- Hạ thần xin vâng mạng. Lịch sử loài người từ khai thiên lập địa đến giờ là: "Loài người sinh ra để khổ rồi chết".

Nhà vua gật đầu. Đôi môi khô héo của nhà vua bỗng nở một nụ cười tươi tắn mãn nguyện... rồi tắt thở. Và giữa lúc ấy, vị Trưởng ban tu sử đáng mến nấc lên mấy tiếng, đoạn trút hơi thở cuối cùng trên kiệu tại hoàng cung.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Mây Tần, Mây Hàng.

Hàn Dũ (768-823) tự Thoái Chi, người đất Nam Dương, Châu Đăng (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), làm quan về đời vua Đường Hiếu Tông (806-820).

Theo "Liệt tiên truyện" thuật lại: một hôm Hàn Dũ mở tiệc hạ thọ, có người cháu gọi Hàn là chú tên là Hàn Tương tu tiên trong núi về bái mừng. Hàn Dũ thấy cháu lông bông, không chịu học hành lập chí bèn ngỏ lời khuyên. Tương thưa với chú:

- Cháu có học, nhưng học lối xuất thế.

Hàn không bằng lòng cho là hoang đường. Tương lại thưa:

- Đó là túc căn của cháu, cháu phải theo.

Hàn hỏi:

- Học như thế có ích gì? Kết quả ra sao?

Tương thưa:

- Sự học của cháu mênh mông như biển xanh, bàng bạc như mây trắng, nói khôn xiết. Chỉ biết khi học được tất chiều được ý muốn mọi người. Như chú thích rượu ngon, cháu xin dâng. Chú thèm quả ngọt, cháu cũng có.

Nói xong, Tương lấy nước lã đổ vào bình to để trước án. Một lúc, Tương đem bình ấy rót dâng Hàn và tân khách trong tiệc. Mọi người nâng chén đưa lên ngửi thấy mùi thơm, nhấp vào môi thấy rượu ngon quý. Quả là một thứ rượu tuyệt ngon, trên đời khó kiếm nên lấy làm kỳ lạ.

Tương lại hỏi chú:

- Cháu thấy chú thích ướp trà sen, cháu xin dâng chú loại sen Đông hải để dùng.

Hàn ngạc nhiên:

- Nay cuối đông làm gì có sen. Vả lại sen Đông hải làm sao mà hái về được? Cháu đoạt được cả quyền của Tạo hóa hay sao?

Tương mỉm cười, đoạn lấy vuông lụa phủ lên một lọ cắm bông. Khoảnh khắc mở ra có bó bông sen, hương thơm nức khắp phòng. Bông tuy lớn nhưng cánh lại nhỏ, nhụy trắng toát. Rõ ràng là sen Đông hải.

Sen còn hàm tiếu nhưng chỉ một lúc sau, sen nở lớn. Lạ thay, nhìn vào bông sen lại có hai câu thơ:

Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại,

Tuyết ủng Lam Quan mã bất tiền.

Nghĩa:

Mây ngang Tần Lĩnh nhà đâu tá?

Tuyết phủ Lam Quan ngựa khó qua.

Xem qua hai câu thơ, Hàn nói:

- Hai câu thơ rất hay nhưng không có ý nghĩa gì cả.

Tương thưa:

- Xin chú cứ nghiệm về sau sẽ rõ.

Năm sau, nhân việc Đường Hiến Tông cho rước xương Phật vào cung để thờ, Hàn dân biểu can gián bằng những lời rất mạnh. Xin trích một đoạn:

"... Tự hoàng đế cho đến vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Vũ đều hưởng thọ lâu dài, trăm họ yên vui mà thuở ấy chưa có Phật vậy. Đến đời vua Minh Đế nhà Hán mới có Phật pháp, về sau cứ loạn lạc mãi, các vua trị vì chẳng được bao lâu. Nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần cùng nhà Ngụy thờ Phật càng ngày càng thêm kính cẩn thế mà niên đại rất chóng. Duy có vua Vũ Đế nhà Lương ở ngôi được 48 năm, ba kỳ xả thân đi làm tăng, sau bị giặc Hầu Cảnh bức phải chết đói. Thờ Phật cầu phúc mà lại phải vạ. Lấy đó mà xem, thờ Phật không nên tin cũng khá biết vậy..." (Bản dịch của Lệ Thần Trần Trọng Kim).

Vua Hiến Tông cả giận hạ lịnh đem Hàn ra xử tử.

May nhờ tể tướng Bùi Độ và các quan đồng liêu hết sức kêu xin hàn mới thoát khỏi tội chết. Nhà vua liền giáng chức Hàn làm thứ sử ở Triều Châu (nay thuộc tỉnh Quảng Đông), và hạn trong 8 ngày phải có mặt tại sở nhậm. Nếu trễ sẽ chết chém.

Đường từ Trường An (kinh đô nhà Đường) ra đến Triều Châu đến 8 ngàn dặm, đường sá lại gập ghềnh hiểm trở, đèo núi cheo leo. Đi ngựa cả tháng chưa chắc đã đến nơi, thế mà lịnh vua chỉ có 8 ngày. Tuy vậy, Hàn không dám trái lịnh, lập tức cùng hai gia nhân lủi thủi lên đường. Bè bạn sợ vạ lây không ai dám đưa tiễn.

Ba thầy trò Hàn đi suốt ngày đêm, ăn cơm khô, uống nước bầu trên ngựa, không dám nghỉ ngơi quán dịch mà 8 ngày rồi, mới đến Lam Quan.

Lúc bấy giờ đương tiết đông, nơi cửa ải Lam Quan mưa dầm gió bấc, tuyết xuống đầy đường. Những tảng tuyết cao và trơn như mỡ, ngựa không thể nào đi được. Hàn và hai gia nhân đành phải xuống ngựa đi bộ. Chẳng may cả ba lại lạc vào rừng, bốn phía vắng tanh, tìm mãi không thấy lối ra và cũng chẳng gặp ai để hỏi.

Suốt bao nhiêu ngày gian lao như thế làm cho người Hàn sút ốm quá nửa, đầu cơ hồ bạc. Lòng Hàn bàng hoàng chán nản, tự nghĩ vì công danh mà chịu nỗi lao đao. Hàn bấy giờ có ý định bỏ quan vào rừng ẩn náu, thoát vòng cương tỏa.

Ý đã quyết, Hàn định trở lại nhưng không biết đường nào ra. Bốn phía tuyết phủ mịt mù, gió rít từng cơn. Trên đỉnh rặng núi Tần Lĩnh mây trắng lững lờ trôi, cố hương nào biết nơi đâu mà về?

Lúc ấy, Hàn mới chợt nhớ đến hai câu thơ trong bông sen năm trước mà cháu là Hàn Tương đã nhắc Hàn suy nghiệm về sau sẽ biết. Thật là đúng với quang cảnh của Hàn lúc này. Trong lúc tấn thối lưỡng nan, trời mịt mù sắp tối, tuyết đổ xuống càng dầy, gió thổi càng mạnh, mưa bay càng nặng, bỗng nghe như có tiếng gọi văng vẳng sau lưng. Hàn quay lại thì ra Hàn Tương.

Hàn Dũ mừng rỡ, biết cháu đến là có ý cứu mình bèn đem đầu đuôi câu chuyện thuật lại cho Tương nghe. Tương bảo:

Nếu thúc phụ muốn đến Triều Châu ngay bây giờ thì hãy bỏ ngựa đi thuyền. Đêm nay sẽ đến Triều Châu đúng hạn.

Hàn Dũ nghe lời. Tương đưa ba thầy trò ra khỏi rừng. Đến bờ sông Chương thấy sẵn có một chiếc thuyền cắm sào trên băng tuyết. Nước Chương giang đóng thành băng một giải liền như tấm lụa trắng. Tương bảo ba thầy trò Hàn vào trong thuyền ngồi và nhắm mắt lại để Tương đưa đi.

Ba thầy trò nghe theo nhắm chặt mắt lại, tai chỉ nghe tiếng gió thổi vù vù, tiếng thuyền rẽ sóng nước ào ào. Độ một giờ sau, thuyền ngừng lại, tiếng gió, tiếng nước vắng lặng, bấy giờ thầy trò mới mở mắt ra. Thì ra bến Triều Châu ở ngay bên cạnh. Cả ba mừng rỡ lên bờ vào dinh thứ sử Triều Châu nhậm chức.

Nhớ đến chuyện long đong, lận đận, nhứt là hai câu thơ trong bông sen ngày nọ đã tả đúng cảnh lạc loài cô đơn và nỗi nhớ nhà nơi rừng thẳm bên ải Lam Quan và núi Tần Lĩnh nên Hàn Dũ làm một bài thơ, nhan đề "Chế Lam Quan thị điệt Hàn Tương" (Đến Lam Quan bảo

cháu Hàn Tương):

Sớm dân bản tấu vào cung khuyết,

Chiều đất Triều Châu bị biếm ra.

Muốn bỏ dị đoan cho đất nước,

Quản chi suy hũ tiếc thân già.

Mây ngang Tần Lĩnh, nhà đâu tá?

Tuyết phủ Lam Quan ngựa khó qua.

Hẳn cháu đến đây lòng đã định,

Chướng giang rồi nhặt nắm xương ta.

(Bản dịch của Bùi Khánh Đản)

Nguyên văn:

Nhất phong triêu tấu cửu hoàng thiên,

Tịch biếm Triều Châu lộ bát thiên.

Bản vi thánh triều trừ tệ sự,

Cảm tương suy hũ tích tàn niên,

Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại,

Tuyết ửng Lam Quan mã bất tiền

Tri nhữ viễn lai ưng hữu ý

Hão thu ngô cốt Chướng giang biên.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn nói về Từ Hải biệt nàng Kiều, để Kiều nương mình trong gian nhà nhỏ ở Châu Thai, thui thủi trông chờ cùng Từ tái hợp. Trong lúc phòng không lẻ bóng, mỗi khi nhìn thấy giải mây bàng bạc xa xa, nàng Kiều lại nhớ đến gia đình, cha mẹ nên có câu:

Đoái trông muốn dặm tử phần,

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.

"Mây Tần" là lấy ở ý câu thơ trên: "Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại", nghĩa là "Mây kéo phủ núi Tần Lĩnh, biết

nhà ta ở đâu". Nghĩa bóng nói nhớ nhà.

Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên" của cụ Nguyễn Đình Chiểu, đoạn nói về sự ghét thương của ông quán, có câu:

Thương ông Hàn Dũ chẳng may,

Sớm dâng lời biểu, tối đày đi xa.

cũng do điển tích trên.

"Mây Tần" nghĩa bóng chỉ nhớ nhà, nhớ quê hương, cha mẹ. Còn những tiếng "Mây trắng", "Mây Hàng", "Mây bạc", "Mây vàng" cũng để nói ý nhớ gia đình, nhớ cha mẹ, quê hương. Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh", đoạn nói về nàng Kiều lúc vào lầu xanh lần thứ nhứt ở Lâm Truy, gặp Thúc Sinh. Tên lái buôn này nhìn Kiều tắm, cảm hứng mới làm một bài thơ đoạn bảo Kiều họa lại. Kiều từ chối vì nỗi lòng nhớ quê hương, gia đình mà không còn ý nghĩ gì để làm được nữa, có câu:

Lòng còn gửi đám mây Hàng,

Họa vần xin hãy chịu chàng hôm nay.

Đời nhà Đường, Địch Nhơn Kiệt được bổ làm Pháp tào Tham quân ở thành Tỉnh Châu. Cha mẹ thì ở đất Hà Dương, xa Tỉnh Châu có mấy ngày đường. Một hôm, Địch lên núi Thái Hàng, nhìn thấy một đám mây trắng bay một mình (bạch vân cô nhi) bèn nói với cả tả hữu: "Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng đó " (Ngô thân xé ư kỳ hạ).

Địch ngậm ngùi giờ lâu, đợi đám mây bay khuất mới về.

Cũng có bản chép là "Mây vàng": "Lòng còn gởi đám mây vàng", do câu thơ cổ: "Thiên thượng hoàng vân ảnh du tử hà thơi qui", nghĩa là: "Trên trời bóng mây vàng, gã xa nhà bao giờ về".

Trong bài "Tôn phu nhân qui Thục" của Tôn Thọ Tường cũng có câu:

Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc.

"Mây bạc" cũng có nghĩa nhớ nhà, nhớ cha mẹ như

điển tích trên.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Áo Gấm Mặc Đêm

Ao gấm mặc đêm" nguyên Hán văn là "Ý cẩm dạ hành" do câu: "Kim hữu nhứt nhân, cách bích diêu linh chỉ văn kỳ thinh bất biến kỳ hình; phú quý bất huờn hương như ý cẩm dạ hành" (Nghĩa là: "Nay có người cách vách rung lục lạc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình; giàu sang mà không về xứ như áo gấm mặc đêm") của Trương Lương đời Tây Hán.

Nguyên Sở Hạng Võ chiếm đất Quang Trung là đất hưng vương, núi non hiểm trở; còn Hán Lưu Bang vì thế lực yếu nên phải bị đày vào đất Bao Trung.

Trương Lương, tự Tử Phòng, người nước Hán vốn là tay mưu sĩ của Lưu Bang, muốn tìm cách làm cho Hạng Võ bỏ đất Quang Trung để Lưu Bang trở lại chiếm giữ.

Trương Lương liền giả một tên đạo sĩ mắc bịnh

phong ma, nói điên, nói cuồng. Lưng buộc tiền đồng, tay áo đựng trái lê, gõ mõ đi khắp đường, khi ở chùa chiền, đình miếu, khi thì lang thang ở phố phường, vảy tiền hoặc liệng trái lê cho bọn trẻ chạy theo xem. Trước lũ trẻ chưa quen còn ở xa, dần dần chúng không còn sợ sệt nữa nên xáp lại gần.

Trương Lương ngắm trong lũ trẻ ấy có đứa thông minh mới dắt lần vào miếu vắng người, lấy bánh và tiền cho, rồi dạy nó hát: "Kim hữu nhứt nhân, cách bích diêu linh, chỉ văn kỳ thinh bất biến kỳ hình; phú quý bất huờn hương như ý cẩm dạ hành". Khi đứa bé thuộc làu, Trương Lương bảo nó trở về truyền lại cho những đứa khác, và dặn nếu có ai hỏi thì bảo là trời dạy.

Đứa bé vâng lời. Chẳng bao lâu lời hát đó được phổ biến khắp cả xóm. Nó lại thấu đến tai vua Sở.

Hạng Võ nghĩ đó là trời xuống diêu ngôn. Câu: "Kim hữu nhứt nhân" là ám chỉ nhà vua. Còn câu: "Cách bích diêu linh, chỉ văn kỳ thinh bất biến kỳ hình" là nói nhà vua tuy đã có danh tiếng nhưng chưa được truyền rộng ra. Câu cuối: "Phú quý bất huờn hương như ý cẩm dạ

hành" là có ý muốn nói nhà vua tuy đã được thiên hạ mà chẳng về xứ sở thì cũng như mặc áo gấm đi đêm.

Vì nghĩ thế nên nhà vua cho khởi công kiến thiết lại Bành Thành là cố hương của nhà vua và chọn ngày dời đô.

Hạng Võ đã mắc kế Trương Lương vì một câu hát.

chú thích thêm (không có trong tác phẩm này):Hạng Võ bỏ Hán Trung (nơi địa lợi) cho Lưu Bang về Bành Thành (nơi hãm địa) đóng đô nên về sau thất bại..

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Ngọc Hoàn Dương Quí Phi

Dương Quí Phi là một cung phi tuyệt sắc của Đường Minh Hoàng (tức Đường Huyền Tông). Nàng được liệt vào một trong bốn người đẹp nhứt ở Trung Hoa ngày xưa (Tứ đại mỹ nhân).

Quí phi tục danh là Ngọc Hoàn sinh ở tỉnh Tứ Xuyên vào khoảng năm 719. Nàng là con út trong số bốn người con gái của một vị quan tư hộ đất Thục Chân. Gia đình này nguyên gốc ở một quận nhỏ thuộc Trung Đông (Thiểm Tây) là Hòa Âm đến đây lập nghiệp. Cha là Dương Huyền Diễn thuộc dòng khá giả vì tổ phụ từng làm thứ sử tại quận Kim.

Năm 727, Hoàng Thọ vương Lý Dục, con thứ 18 của Huyền Tông đi tuần tiễu miễn Tứ Xuyên đến tiếp xúc với gia đình nàng. Rồi 9 năm sau, nàng được tiến cung hầu Lý Dục, kết duyên cầm sắt.

Có sách lại chép: Thọ vương Lý Dục tính nhút nhát, thích ngắm mỹ nhân. Dương Ngọc Hoàn về hầu hạ Lý Dục được ba năm, nhưng tình chăn gối chẳng bao giờ có vì Lý Dục còn nhỏ. Giữa lúc ấy, Ngọc Hoàn lại xinh tươi lộng lẫy trong tuổi dậy thì.

Sắc đẹp của nàng đã làm cho một đại thi hào lúc bấy giờ là Lý Bạch phải ca tụng bằng ba bài "Thanh bình điệu". Đây là bài thứ nhứt:

Thoáng bóng mây hoa, nhớ bóng hồng.

Gió xuân dìu dặt giọt sương trong

Ví chăng non ngọc không nhìn thấy,

Dưới nguyệt đài Dao thử ngóng trông.

....

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

Nguyên văn:

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung,

Xuân phong phật hạm, lộ hoa nùng.

Nhược chi quần ngọc sơn đầu kiến,

Hội hướng Đao đài nguyệt hạ phùng.

Đời nhà Đường, Huyền Tông là một ông vua tương đối trị vì lâu hơn cả. Các cung phi được nhà vua sủng ái sinh cả thảy 59 người con. Trong số đó có 30 trai và 29 gái. Nàng cung phi được nhà vua sủng ái rất mực là Vũ Huệ Phi. Nàng sinh được 7 con, nhưng bỏ mất 3 khi còn nhỏ.

Huệ Phi mất, Huyền Tông buồn rầu, ngày nhớ đêm thương, lập đài Tập Linh để cầu siêu cúng vái cho vong hồn Huệ Phi được sớm siêu thăng. Nội giám thấy nhà vua buồn bã nhớ thương người cũ bèn tìm đủ mọi cách làm cho nhà vua nguôi buồn. Nhưng bao nhiêu cung tần mỹ nữ chọn đến hầu hạ gối chăn, không ai làm khuây khoả được nỗi lòng nhớ thương người cũ của nhà vua cả.

Một hôm Cao Lực sĩ đi qua phủ Thọ vương thấy

Ngọc Hoàn tư dung mỹ lệ, cốt cách thanh kỳ, thật là một giai nhân tuyệt đẹp trên đời có một, bèn nghĩ rằng có lẽ mỹ nhân này thay được Vũ Huệ Phi. Nhân buổi hầu vua, Cao Lực sĩ mật tấu với Huyền Tông, truyền đưa Dương Ngọc Hoàn vào Tập Linh đài để trông coi đèn nhang sớm hôm cầu nguyện cho Vũ Huệ Phi.

Do đó, Ngọc Hoàn phải vào cung Hoa Thanh đến đài Tập Linh làm sãi, lấy đạo hiệu là Thái Chân. Cao Lực sĩ lại chọn con gái của Vị Chiêu để thay Ngọc Hoàn làm vợ Thọ vương Lý Dục.

Trông thấy Ngọc Hoàn, vua Huyền Tông bỗng thấy lòng rung động xao xuyến, hình ảnh Huệ Phi phai mờ, rồi nỗi buồn rầu thương nhớ người cũ tiêu tan để nhường lại những nụ cười cởi mở, những cái liếc nhìn say đắm... Rồi từ đó, Huyền Tông đâm say mê, thường triệu nàng vào hầu hạ mình rồng, tình ngày một mặn nồng, ý ngày thêm đượm sắc.

Nhà vua say đắm Ngọc Hoàn còn hơn Vũ Huệ Phi nữa, nên sáng lập nàng làm quí phi, lại sắc phong Dương Huyền Diễn làm Binh bộ thượng thư. Ba chị của Ngọc

Hoàn cũng được phong làm phu nhân là Hàn quốc phu nhân, Quốc quốc phu nhân và Tần quốc phu nhân. Hàng tháng, nhà vua cho xuất của kho 30 vạn quan tiền cho mỗi vị phu nhân, 10 vạn quan tiền mua sắm tư trang phấn sáp. Anh họ quí phi là Dương Xuyên được phong làm tể tướng và được đổi tên là Dương Quốc Trung, uy quyền nghiêng đổ thiên hạ. Còn riêng về Dương Quí Phi thì không cần phải nói, nhà vua chiều chuộng mọi điều, luôn luôn làm thỏa mãn ý muốn của con người đẹp. Như cuộc đi tắm suối của nàng mỗi lần tốn hàng vạn bạc của kho và làm chết hàng trăm mạng người, nhà vua cũng thẳng tay, không chút tiếc rẻ.

Dương Quí Phi đã đẹp lại có tài gẩy tì bà, tỏ ra giỏi về âm nhạc. Nàng lại đặt được nhiều khúc hát và điệu múa làm cho lòng của một ông vua nghệ sĩ cang thích thú say sưa.

Huyền Tông gặp Dương Quí Phi bấy giờ nhà vua tuổi đã ngoài 50, cơ thể suy nhược vì trải qua những thú vui sắc dục thái quá... Vua nhờ An Lộc Sơn dâng một thứ linh đan gọi là "Trợ tình hoa" để có nhiều sức khỏe được hòa hợp vui say cùng mỹ nhân.

Minh Hoàng say đắm Dương Quí Phi, suốt ngày đêm cùng nàng yến tiệc đàn ca, bỏ cả việc triều chính. Nhà vua lại tin dùng An Lộc Sơn là một võ tướng Phiên, cho giữ phần chỉ huy nửa lực lượng quân sự của triều đình.

Có sách lại chép An Lộc Sơn được Dương Quí Phi nhận làm con nuôi, được tự do ra vào cung cấm để cùng thông dâm với quí phi. Nhà vua mù quáng, không hiểu biết gì cả.

Bấy giờ, Dương Quốc Trung nắm giữ toàn quyền binh lực. Sau khi lên đến bực thượng thư và hai con trai la Dốt và Huyên sánh duyên cùng hai quận chúa Vạn Xuân và Diên Hòa, Dương Quốc Trung lại càng kiêu hãnh, tự đắc, có ý định phản nghịch. Thấy An Lộc Sơn như cái gai trước mắt nên định mưu hại. An Lộc Sơn biết được nên bỏ trốn. Rồi vào ngày 16 tháng 12 năm 755, An cử binh từ quận Ngư Dương (có sách chép là Phạm Dương) đánh thẳng vào kinh đô Trường An.

Binh triều đại bại.

Đường Huyền Tông lúc bấy giờ đã 70 tuổi.

Vào mùa hạ năm 756, quân của An Lộc Sơn tiến đến Trường An. Nhà vua và Dương Quí Phi cùng một số quần thần phải bỏ kinh thành chạy vào đất Thục. Ngày 14 tháng 7 năm 756, mọi người đến Mã Ngôi thì tướng sĩ không chịu đi nữa, vì lương thực đã hết, quân sĩ khổ nhọc mà Dương Quốc Trung và cả gia quyến đều no đủ sung sướng, nên họ nổi lên chống lại. Dương Quốc Trung ra lịnh đàn áp nhưng bị loạn quân giết chết. Lòng căm phẫn đối với họ Dương chưa tan, loạn quân lại bức vua đem thắt cổ Dương Quí Phi thì họ mới chịu phò vua. Vì họ cho rằng quí phi là mầm sinh đại loạn.

Nhà vua không thể làm thế nào hơn, đành giấu mặt cắt lòng mà hy sinh nàng cung phi họ Dương, một trang quốc sắc thiên hương giữa thời 38 xuân xanh!

Mộng chiếm đoạt ngai vàng chưa bằng mộng chiếm đoạt con người đẹp, nhưng nay người yêu đã mất, mộng tình tan vỡ, An Lộc Sơn tức giận sinh cuồng, ra lịnh cho quân lính đốt phá kinh đô, tàn sát nhân dân. Sử chép: "Có 36 triệu sinh linh chết trong cơn loạn ấy. Rợ Phiên gặp ai cũng chém cũng giết, thực là một cuộc đổ máu không tiền khoáng hậu trong lịch sử Trung Hoa, mà

nguyên nhân sâu xa là do cái sắc của một người đàn bà dâm loạn".

Sau An Lộc Sơn bị con là Khánh Tự giết chết. Bộ tướng là Sử Tư Minh lại giết Khánh Tự mà hàng nhà Đường. Minh Hoàng khôi phục sự nghiệp, trở về Trường An để mục kích cảnh điêu tàn nơi đế khuyết.

Đế đô còn đó mà con người ngọc yêu dấu ngày xưa nay đâu còn nữa. Nỗi nhớ thương dào dạt, dằng dặc đầy lòng. Và đôi mắt già nua kia càng mờ đi vì đọng lệ.

Tư Mã Thiên, Một Sử Gia Danh Tiếng Bị Cung Hình

Tư Mã Thiên tự Tử Thường (145-87 trước D.L.), người huyện Long Môn (nay thuộc huyện Hán Thành, tỉnh Thiểm Tây) đời Hán Vũ đế. Cha của ông là Tư Mã Đàm, một nhà văn học danh tiếng làm chức thái sử tại triều.

Hồi còn nhỏ, Tư Mã Thiên đã thông cổ văn. Năm 20 tuổi, ông đi chu du khắp nước, khảo sát về địa lý, phong tục từng miền, gặp di tích nào cũng dừng bước để nghiên cứu. Phàm những cảnh kỳ quan cùng quê hương các vĩ nhân, ông đều để chân đến.

Lãng du một thời gian khá lâu, Tư Mã Thiên trở về được phong làm chức Lang trung (quan hầu cận vua). Trước khi cha mất có trối lại với ông:

- Nếu cha có qua đời, con hãy nối tiếp lấy chí của

cha để tâm vào việc soạn sử. Cái đạo hiếu của con người là phải thờ vua, thờ cha nhưng việc trọng yếu lớn hơn là phải làm một việc gì có ích cho đời, sau để cho cha mẹ được tiếng thơm lây...

Sau khi Tư Mã Đàm qua đời, ông nối chức cha làm Thái sử. Ông quyết thực hiện lời di chúc của cha; và cũng bắt đầu từ đó, ông sắp xếp tài liệu, khởi công viết pho "Sử ký".

Nhưng một bất ngờ xảy ra.

Lúc bấy giờ có giặc Hung Nô rất mạnh đánh vào biên thùy. Lý Lăng là một võ tướng anh hùng vâng lịnh vua Hán đem binh dẹp giặc. Quân của Lý chỉ có 5 ngàn mà phải giao phong với 8 vạn quân địch. Lý Lăng bị bao vây mà không được quân tiếp viện. Ông can đảm chống cự không nổi, bị giặc bắt. Mến tài năng, giặc Hung Nô dụ dỗ đầu hàng. Lý Lăng bất đắc dĩ tạm thời đầu hàng để bảo toàn sinh mạng mình và quân lính hầu chờ thời cơ rửa nhục.

Tin về đến triều đình, có kẻ gièm pha với vua Võ Đế

bảo ông phản quốc. Nhà vua cả giận ra lịnh tru di ba họ của Lý Lăng.

Tư Mã Thiên biết Lý Lăng là tôi trung nên đứng ra binh vực Lý giữa triều. Vua Võ Đế bất bình, nổi giận bắt ông hạ ngục và xử cung hình (hoạn hay thiến). Đó là một trong những tội nhục nhã nhứt ngày xưa. Theo luật lệ, ông có thể bỏ tiền ra chuộc tội, nhưng ông vốn nghèo mà bạn bè khôn ai có lòng nghĩa hiệp dám ra mặt giúp vì sợ vua ghét lây.

Bị tội cung hình, Tư Mã Thiên cho đó là một điều sỉ nhục ghê gớm, trong thâm tâm muốn tự sát; nhưng nhớ lại chưa hoàn thành được lời di chúc của cha, nên thấy bổn phận mình trong lúc này là phải sống để nối nghiệp cha, nối chí người trước… Vì nghĩ như thế nên ông can đảm nhận lấy hình phạt; rồi từ đó ông kiên nhẫn nằm trong ngục tù, dùng những ngày sống thừa để hoàn thành bộ Sử ký.

Trong bài tựa bộ này, ông tự ví với các thánh hiền đời trước:

"Ông Thái sử gặp cái họa Lý Lăng, bị giam trong cảnh xiềng xích, bùi ngùi than rằng: "Đó là lỗi của ta ư? Đó là lỗi của ta ư? Thân ta bị hủy không dùng được nữa". Rồi mà nghĩ kỹ lại rằng: "Những lời nói bóng bẩy trong kinh Thi, kinh Thư là để diễn cái chí của cổ nhân. Hồi xưa Tây Bá bị giam trong ngục Dữu Lý mà viết Chu Dịch; Khổng Tử bị nguy ở Trần, Sái mà soạn Xuân Thu; Khuất Nguyên bị phóng mà làm Thiên Ly Tao; Tả Khâu mù mới có bộ Quốc Sách; Tôn Tử què chân mới bàn về binh pháp; Bất Vi phải đày qua Thục mà bộ Lã Thị truyền lại đời sau; Hàn Phi bị tù ở Tần mới có hai thiên thuyết nạn, cô phẫn; 300 thiên trong kinh Thi đại để là thánh hiền phát phẫn mà làm ra. Những vị đó đều có nỗi uất kết, không nói rõ được lòng mình nên thuật việc mới kể từ Đào Tườngđến đời Lâm Chỉ bắt đầu từ đời Hoàng Đế (°)"

Sau khi ra khỏi ngục, Tư Mã Thiên đã trở thành người tàn phế, đời không còn thấy chút thú vị gì. Có lẽ cũng vì thương tình và hối hận nên Võ Đế thăng cho ông lên chức Trung thư lịnh. Nhưng lòng ông vẫn cảm thấy buồn chán, không tha thiết gì đến danh lợi, việc đời,

chỉ chuyên tâm biên soạn bộ Sử ký mà thôi.

Nhờ chí kiên quyết nên Tư Mã Thiên đã hoàn thành được một bộ sử ký có giá trị của nước Trung Hoa. Cho đến ngày nay, có non hơn hai ngàn năm, ai cũng nhận "Sử ký " là một công trình sáng tác vĩ đại. Và, ai cũng lấy làm khâm phục tài năng và ý chí kiên nhẫn có một không hai của Tư Mã Thiên.

Bộ "Sử Ký " gồm 130 thiên, có 526.500 chữ.

Về phương diện sử học, nó có bốn đặc điểm:

- Là bộ sử đầu tiên chép việc nhiều đời, không như những bộ sử trước chỉ chép riêng một đời: Xuân Thu hoặc Chiến Quốc.

- Tác giả trọng niên đại (chronologie). Sử gia trước ông không theo một qui tắc nào nhứt định trong sự kê niên đại (trừ bộ Xuân Thu của Khổng Tử, nhưng bộ này chỉ chép việc trong một thời đại). Đến ông mới lập ra niên biểu của 12 nước chư hầu và niên biểu của các lục quốc.

- Tác giả không những chép những hành vi của vua chúa còn ghi cả văn hóa như lễ, nhạc, triết học, văn học…

- Thái độ của tác giả rất thành thực: điều nào chưa nghiên cứu rõ thì tồn nghi. Nếu có nhiều thuyết bất đồng thì kê hết.

Tư Mã Thiên vốn người học rộng, lịch duyệt nhiều, lại có tâm hồn cao thượng, thêm mang một nỗi lòng u uất nên lời văn của ông tuy bình dị mà hùng mạnh, siêu dật, nhiều khi bóng bẩy, thắm thiết. Nó phát tự lòng phong phú cũng như tự óc nên gợi cảm người đọc rất sâu xa.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 2

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Mười Viên "Xuân Khiết Cao"

Triệu Phi Yến và Hợp Đức là hai chị em ruột. Cả hai đều là cung phi sủng ái của vua Thành Đế nhà Hán (32-6 trước D.L.).

Ba bài "Thanh bình điệu" của Lý Bạch để ca tụng sắc đẹp lộng lẫy của Dương Quí Phi đời Đường Huyền Tông, bài thứ hai có câu nhắc đến Triệu Phi Yến:

Tá vấn Hán cung thùy đắc tự?

Khả liên Phi Yến ỷ tân trang.

Phan Như Xuyên dịch:

Ướm hỏi Hán cung ai sánh kịp?

Phấn son Phi Yến cũng xin nhường.

Tuy ca tụng sắc đẹp của Dương Quí Phi, nhưng nhà thi hào tài hoa họ Lý cũng phải nhìn nhận Triệu Phi Yến là một quốc sắc thiên hương. Và, cả hai chị em khi vào hầu vua Thành Đế là bắt đầu làm đảo lộn cả cung vi. Bao nhiêu cung phi mỹ nữ, Thành Đế xem như đất bùn. Cả đến nàng Ban Tiệp Dư, trước được nhà vua sủng ái bao nhiêu thì bấy giờ ghẻ lạnh bấy nhiêu. Đến nỗi vua Thành Đế bị bịnh... bất lực (liệt), nhưng cuối cùng lại chết đột ngột trên mình của nàng Hợp Đức giữa lúc giao hoan.

Nguyên hai nàng trước họ Phùng. Cha là Vạn Kim, vốn một kẻ lãng tử trác táng. May mắn, Kim được Cô Tô quận chúa kêu vào làm việc tại nhà riêng. Chồng của quận chúa là Triệu Man lại "bất lực", làm quận chúa buồn duyên tủi phận cho kiếp đào tơ sen ngó lỡ làng. Vì thế nên Vạn Kim được mắt xanh để ý, rồi lửa gần rơm, quận chúa có thai. Nhưng vì chồng bất lực, quận chúa không thể bảo đó là kết quả huyết thống của chồng. Để bảo tồn danh dư, quận chúa giả đau xin về nhà dưỡng bịnh, rồi sinh ra Phi Yến và Hợp Đức.

Cả hai chị em ở chung với Vạn Kim. Sau khi Kim chết, hai nàng lưu lạc đến kinh đô, đổi thành họ Triệu

vào làm nữ tỳ cho Lâm A công chúa. Nhờ ở được lòng công chúa nên khi Hán Thành Đế có lịnh kén mỹ nữ vào cung, công chúa liền đề cử Phi Yến.

Trước khi vào làm nữ tỳ cho Lâm A công chúa, Phi Yến đã trải qua một cuộc sống tình ái lãng mạn. Nàng từng đi lại với một chàng trai tên Xạ Điểu Nhi. Rồi trong thời gian vào cung hầu Thành Đế, nàng lại thông dâm với tên cung nô Yến Xích Phụng, tên cận vệ Khánh An... Nhà vua không hay biết gì cả, vẫn say sưa mê mệt trước sắc đẹp và nghệ thuật giao hoan, nên phế Hứa hậu, lập Phi Yến làm hoàng hậu. Nhưng vì không sinh con nên nàng đưa em là Hợp Đức dâng cho Thành Đế.

Không bao lâu, Thành Đế biến thành kẻ bất lực. Các thái y không tài nào chữa được. Nhưng lạ có một điều là chỉ có gần nàng Hợp Đức thì nhà vua mới thấy rạo rực hứng tình...

Có người dâng cho nhà vua một thứ thuốc tráng dương gọi là "Xuân khiết cao". Mỗi tối khi muốn giao hoan được đầy đủ hứng thú, thỏa mãn cả đôi bên thì uống một viên, là thấy hiệu nghiệm ngay.

Một buổi tối, Thành Đế đãi tiệc trong cung. Nhà vua cùng Hợp Đức ngà ngà say, rồi vì muốn tận hưởng một thích thú mới mẻ nên cả hai dùng đến 10 viên Xuân khiết cao để kích thích dục tính. Đêm tối ấy, công lực của nhà vua dũng mãnh phi thường.

Gặp phải tay kỳ phùng địch thủ, nhưng chẳng may Thành Đế bị chết ngay trên giường.

Một ông vua chết đau đớn và nhục nhã!

Mục lục

Chu Công Thổ Bộ
Liệt Nữ Họ Lý Thành Giang Du
Tung Hoành Gia
Bán Kiên Cung Kiếm Nhứt Trao Giang Sơn.
Đêm Lệ Chi Viên
Kẻ Được Khen Bị Tội, Người Bị Chê Được Thưởng
Sa Nang Ủng Thủy
Đạo Binh 80 Mỹ Nhân Phá Tan Nước Lỗ
Bối Thủy Trận
Tiêu Lang
Người Chặt Cây Quế Trong Cung Trăng
Mỹ Nhân Cười Người Què Bị Chém Đầu
Loạn Kiêu Binh
Tào Tháo Thèm Kỹ Nữ
Chim Việt, Ngựa Hồ
Lễ Hôn
Hỏa Ngưu Trận
Tam Bành, Lục Tặc
Suối Vàng Hay Chín Suối
Cơm Phiếu Mẫu, Trôn Ác Thiểu
Mấy Cành Dương Quan
Đuốc Hoa, Hoa Đèn
Ma Rồng Gặp Trâu Bồ Tát
Tái Ông Thất Mã
Ngọc Tỉnh Liên Phú
Ngôn Quá Kỳ Hành

Lễ Tang
Thôi Xao
Tựa Cửa, Tựa Cổng
Tứ Thư
Ngũ Kinh
Lợn Người
Tây Thi, Trịnh Đán
Nữ Trượng Phu
Hát Quan Họ
Điêu Thuyền Với Kế Liên Hoàn
Hát Trống Quân
Tuyệt Anh Hội
Đào Hoa Phu Nhân
Mắt Xanh, Mắt Trắng
Ninh Thích, Người Chăn Trâu Ở Dao Sơn
Thanh Minh Trong Tiết Tháng Ba

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Chu Công Thổ Bộ

Chu Công tên Đán, người đời nhà Chu (1135-221 trước D.L.), có tài trị nước.

"Thổ bộ" do nguyên câu: "Nhất phạn tam thổ bộ" nghĩa là "Một bữa ăn phải nhả cơm ba lần".

Nhà Thương (Ân) truyền được 600 năm thì đến vua Trụ tên Ân Thọ là vua dâm bạo. Văn vương Cơ Xương vẫn thờ nhà Ân nhưng đến con là Võ vương tên Cơ Phát hội các chư hầu phạt Trụ, diệt nhà Ân lên ngôi, đóng đô ở Cảo Kinh, đặt quốc hiệu là Chu, tức là Tây Chu.

Võ vương làm vua, em là Chu Công Đán giúp việc chính trị, tôn trọng chiêu đãi người hiền. Chu Công xem gương hưng vong của các đời Đường, Ngu, Hạ, Thương, thấy rằng chỉ là do chư hầu (các tù trưởng) phục hay bất phục nên đem đất đai chiếm được phong

lại cho các tù trưởng cũ. Chỉ có các địa điểm trọng yếu thì phong cho các công thần cùng con em để khống chế chư hầu cũ và làm hàng rào cho vương thất.

Chư hầu mới cũ đều theo đất phong lớn nhỏ mà chịu tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Đất phong của Công, Hầu là 100 dặm vuông, của Bá là 70 dặm, của Tử, Nam là 50 dặm. Người được đất không đến 50 dặm gọi là phụ dung.

Chu Công lại đặt ra lễ nhạc, mỗi nghi thức ở triều đình, mỗi trật tự trong gia tộc đều được quy định chặt chẽ. Về nông nghiệp, Chu Công đặt phép tỉnh điền. Một khoảng đất rộng chừng 5, 6 trăm mẫu chia làm 9 khu theo hình chử "tỉnh". Tám gia đình chia nhau 8 khu ở chung quanh và phải chung sức cày cấy khu ở giữa để nộp cho vua. Phép tỉnh điền có lợi là làm cho đất đai tài sản nhân dân khỏi chênh lệch.

Sử chép dưới triều này, nước Việt Nam lúc bấy giờ gọi là Việt Thường, sai sứ sang cống chim bạch tử. Chu Công chế xe chỉ nam (nguồn gốc của địa bàn) để đưa sứ ta về nước, phòng lạc đường. Đây là một thời cực thịnh

của đời nhà Chu mà phần lớn do tài đức của Chu Công xây dựng.

Ở ngôi được 13 năm, Võ vương mất, Thành vương còn nhỏ. Chu Công giữ quyền nhiếp chính để phò ấu chúa. Có bọn bầy tôi cũ của vua Trụ phao ngôn là ông sẽ cướp ngôi của cháu. Thấy Thành vương không trị tội kẻ phao vu tin nhảm mà còn tỏ ý hoài nghi, ông bèn trả chức vị lui về ấp riêng, soạn tập thơ "Xuy hiền" gởi cho nhà vua. Thành vương xem xong, lấy làm hối hận lại rước Chu Công về làm phụ chính.

Chu Công chẳng những có tài về chính trị còn có đức tính quý trọng kẻ sĩ người hiền. Khi tắm gội hay đương ăn cơm, nghe có kẻ sĩ đến, ông liền bới tóc hay nhả cơm ngay để ra đón tiếp. Sách "Sử ký " có chép: Chu Công răn ông Bá Cầm rằng: "Một buổi tắm gội, ta phải bới tóc ba lần, một bữa ăn ta phải nhả cơm ba lần để đứng dậy ra tiếp kẻ sĩ. Thế mà còn lo không thu phục được người hiền trong thiên hạ đấy!" Nguyên văn: "Ngã nhứt mộc tam ác phát, nhứt phạn tam thổ bộ, khởi dĩ đãi sĩ, do khủng thất thiên hạ chi hiền nhân".

"Chu Công thổ bộ" ý nói Chu Công trọng vọng kẻ sĩ. Đó là một tấm gương sáng cho những người lãnh đạo việc nước cần phải quý trọng kẻ sĩ, trọng người hiền để tìm bực hiền giả cùng mìnhlo đại cuộc cho đất nước.

Trong bài "Đoản ca hành" của Tào Tháo đời Tam Quốc có câu:

Sơn bất yếm cao,

Thủy bất yếm thâm.

Chu Công thổ bộ,

Thiên hạ qui tâm.

Dịch ý:

Núi sông cách trở là bao,

Chu Công trọng vọng, anh hào về theo.

(Bản dịch của Tử Vi Lang)

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Liệt Nữ Họ Lý Thành Giang Du

Dời Tam Quốc, nhà Thục đến hồi suy mạt. Thục chúa là Lưu Thiện, con của Lưu Bị, sau khi Khổng Minh chết, nghe lời gian thần là Hoàng Hạo đắm mê tửu sắc, không nối được chí lớn của cha để giữ vững cơ nghiệp. Thừa tướng của nhà Ngụy là Tư Mã Chiêu sai tướng là Chung Hội và Đặng Ngại đem binh đánh Thục.

Vì muốn đánh úp Thành đô thình lình để bên Thục không phòng bị nên tướng Đặng Ngại ngầm độ binh qua ngả tắt Âm Bình hiểm trở. Họ đục núi mở đường, bắc gỗ làm cầu trải qua các hang sâu đèo dốc, núi đá chập chùng... họ tiến đến thành Du Giang.

Tướng Thục giữ Du Giang là Mã Mạc, nghe tin Đông Xuyên đã mất, cũng cho quân sửa soạn canh phòng, nhưng chỉ chăm lo về mặt đại lộ. Lại tin tưởng Khương Duy còn có đại quân đứng giữ Kiếm Các, nên Mạc

không phải lo nghĩ mấy. Vì vậy, Mạc không để ý tình hình cho lắm. Hôm ấy, Mạc lo thao luyện quân sĩ xong, về nhà với vợ là Lý thị, đốt lò lên sưởi và hâm rượu cùng uống. Lý thị hỏi chồng:

- Nghe nói ngoài biên đình quân giặc đánh gấp lắm, mà tướng quân không vẻ lo buồn là tại sao?

Mạc cười đáp:

- Việc lớn đã có Khương Bá Ước trông coi. Can gì đến tôi mà lo!

Lý thị nghiêm nét mặt, hỏi:

- Dù thế nào đi nữa, tướng quân cũng chịu trách nhiệm coi giữ thành trì. Sao lại bảo không quan hệ?

Mạc điềm nhiên nói:

- Thiên tử thì nghe thằng Hoàng Hạo, tối ngày say đắm về rượu với gái. Tôi liệu vạ lớn cũng sắp tới chớ chẳng xa gì. Nếu quân Ngụy đến tận đây nữa thì còn gì mà chẳng hàng đi cho xong. Lo nghĩ lắm thêm mệt!

Lý thị đùng đùng nổi giận, đứng lên nhổ vào mặt Mạc, mắng rằng:

- Làm thân nam tử mà giặc chưa đến đã nghĩ điều bất trung bất nghĩa! Thật phí cả tước lộc của triều đình bấy nay! Ta còn mặt nào sống nhìn mặt ấy.

Mã Mạc xấu hổ ê mặt không biết trả lời ra sao nữa... Chợt gia nhân từ ngoài chạy vào hoảng hốt bảo:

- Tướng Ngụy Đặng Ngại, không biết theo lối nào kéo tới, hiện đã đem 2000 quân xông vào thành rồi!

Mạc sợ hãi vội vàng ra xin hàng.

Đến công đường, Mạc cúi rạp người xuống lạy Ngại, rồi sụt sịt kêu khóc:

- Tôi có lòng hàng từ lâu. Vậy xin chiêu dụ dân trong thành và đem quân bản bộ về theo tướng quân.

Đặng Ngại nhận cho hàng và thu hết quân mã của Mạc trong thành Du Giang, cho nhập vào quân mình để điều khiển, lại cho Mạc làm hướng đạo quan. Bỗng có

người hầu nhà Mã Mạc hớt hải chạy tới bảo:

- Phu nhân ở nhà đã thắt cổ chết mất rồi!

Mạc kinh hãi điếng lặng người. Đặng Ngại hỏi duyên cớ. Mạc đem sự thực kể lại. Ngại cảm động khen Lý thị là bực hiền phụ, cho dùng lễ mai táng rất hậu. Ngại thân đến trước linh cữu tế lễ. Quân sĩ nghe tin ấy, ai cũng than tiếc.

Người sau có thơ khen Lý thị:

Hậu chúa hôn mê, nghiệp Hán nghiêng,

Trời sai Đặng Ngại chiếm Tây Xuyên

Buồn thay Ba Thục nhiều danh tướng

Chịu kém Giang Du Lý thị hiền.

Nguyên văn:

Hậu chúa hôn mê Hán tộ điên,

Thiên sai Đặng Ngại thủ Tây Xuyên.

Khả lân Ba Thục đa danh tướng,

Bất cập Giang Du Lý thị hiền.

Tung Hoành Gia

Tung hoành gia" là một học phái trong Cửu Lưu, tức là chín học phái lớn nhứt hay là chín dòng tư tưởng đời Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Hoa:

Nho gia

Pháp gia

Tung hoành gia

Đạo gia

Binh gia

Tạp gia

Âm dương gia

Mặc gia

Nông gia

"Tung hoành gia" là một môn phái về thuật ngoại giao.

Nguyên khi nhà Chu suy vi, các rợ chung quanh thường xâm lấn bờ cõi. Vua U vương nhà Chu say đắm nàng Bao Tự, bị rợ Tây Nhung đánh bại giết chết. Con là Nghi Cửu lên ngôi tức Chu Bình vương, sợ quân Tây Nhung đánh phá nữa nên dời đô sang Lạc Ấp (tỉnh Hà Nam ngày nay) lập thành nhà Đông Chu.

Nhà Đông Chu bấy giờ suy nhược quá. Các chư hầu không phục tùng nữa, tự do, phóng túng, người xưng công, kể xưng bá, tranh giành đất đai, khuynh loát lẫn nhau làm thiên hạ rất nhiễu nhương.

Đời nhà Chu, Trung Hoa có hàng ngàn nước chư hầu. Đến đời Xuân Thu (722-481 trước D.L.), những nước này tranh đánh nhau chỉ còn độ một trăm. Có mấy nước mạnh là Tề, Sở, Tấn, Tần, Lỗ, Tống. Nhà Chu tuy

suy nhưng các chư hầu vẫn chưa nỡ hoặc dám bỏ hẳn. Người nào cũng muốn mượn danh nghĩa tôn phò nhà Chu để hủy diệt đối phương và tự suy tôn làm minh chủ (gọi là Bá).

Có 5 chư hầu nối tiếp nhau làm minh chủ gọi là Ngũ Bá. Đó là những người đứng đầu trong việc đồng minh, ăn thề để đoàn kết nhau và suy tôn nhà Chu. Ngũ bá là Tề Hoàn công, Tấn Văn công, Tống Tương công, Sở Trang công, Tần Mục công. Vì tranh giành địa vị, thôn tính đất đai nên tất cả chư hầu lớn nhỏ gây thành những cuộc binh đao dữ dội, chưa từng thấy trong lịch sử Trung Hoa.

Đến đời Chiến Quốc (481-221 trước D.L.) lại có 7 nước mạnh gọi là Thất hùng: Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Tần, Sở, Yên. Cuộc chiến tranh càng kéo dài dữ dội. Nay Tần thân với Sở, thì mai đã có thể coi Sở là kẻ thù; Tề ngoài mặt thân với Triệu nhưng vẫn có thể giao thiệp bí mật với Tấn chẳng hạn để diệt Triệu, v.v...

Trong thời đại này, những người có chút học vấn vì xã hội loạn ly, họ không đứng vững được trên đường

thực nghiệp theo khoa hoạn của mình, nên phải phiêu lưu tù nước này sang nước khác để tìm áo cơm hay địa vị khanh tướng công hầu. Ngoài những người học rộng trên thấu thiên văn, dưới đạt địa lý còn có những người có tài biện luận, ngôn ngữ giảo hoạt...

"Tung hoành gia" là một học phái trong Cửu lưu gồm những hạng sĩ xuất thân, có tài biện luận đi du thuyết các nước để chiến hay hòa. Người được tôn sùng trong phái này là Tô Tần và Trương Nghi. Tô Tần chủ trương thuyết "Hợp tung". Trương Nghi chủ trương thuyết "Liên hoành". Cả hai đem thuyết của mình chu du khắp các nước, thuyết minh với các vua chúa chư hầu. Hai thuyết này mạnh nhứt đời Chiến Quốc nên được lấy làm tên cho học phái.

Tô Tần và Trương Nghi đều là học trò của Quỉ Cốc tiên sinh. Tô Tần người ở Lạc Dương đi du thuyết 6 nước: Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Sở hợp nhau lại chống đánh nước Tần là nước mạnh nhứt. Chiều dọc là "Tung". đất 6 nước đều ở theo một chiều từ bắc đến nam tại phía đông; đối với Tần ở phía tây, có một mình nên dùng danh từ "Hợp tung" để chỉ sự liên minh các nước. Tô

Tần được vua Triệu phong làm Tung ước chưởng và cầm ấn là Tướng quốc 6 nước.

Trương Nghi người nước Ngụy, chủ trương trái lại thuyết của Tô Tần. Sau khi Tô Tần chết, tung ước 6 nước tan rã, Trương Nghi làm tướng nước Tần đi du thuyết 6 nước thờ Tần. "Hoành" là chiều ngang từ tây sang đông. Đất Tần ở về phía tây. Sáu nước ở về phía đông, không phải liên kết để chống Tần mà để hàng Tần, nên gọi là "Liên hoành".

Bán Kiên Cung Kiếm Nhứt Trạo Giang Sơn.

Bán kiên cung kiếm nhứt trạo giang sơn..." nguyên do hai câu thơ:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên tuấn,

Nhứt trạo giang sơn tận địa duy.

Nghĩa:

Nửa vai cung kiếm tận trời cao,

Non sông khắp cõi xông pha một chèo.

Đây là hai câu thơ khí phách của Hoàng Sào, tướng giặc nổi danh đời nhà Đường.

Nguyên nhà Đường từ đời vua Đại Tông (763-765) đến Hy Tông (874-888) thì quốc thế càng suy vi. Phiên

trấn hoành bạo ở ngoài, hoạn quan chuyên chính bên trong. Phiên trấn thì nắm quyền thưởng phạt sinh sát nhân dân trong tay; hoạn quan thì thiện tiện phế lập vua chúa.

Chính cuộc đã nguy như thế làm cho mối loạn trong dân gian ngày càng tăng gia nguy ngập. Những bần cố nông phải bỏ trốn lưu lạc. Một số có ít đất ruộng bị kiêm tính cũng bỏ quê quán mà thành lưu vong, hoặc tụ họp làm trộm cướp, hoặc làm điền hộ ở các trang viên.

Tài chính bị kiệt quệ, kho tàng nhà nước hư không, triều đình phải đánh thuế nặng. Vừa binh tai, lại xảy ra thủy tai và hạn tai luôn năm làm cho nhân dân càng lâm vào tình trạng cực kỳ khốn khổ.

Lúc bấy giờ ở Tào Châu, làng Xích Tướng có một người tên Hoàng Sào tự Cự Thiên, vốn con của một nhà bán muối. Sào rất thông minh, văn võ đều giỏi nhưng vẻ người rất xấu. Năm Càng Phủ thứ ba (876) đời vua Hy Tông, Hoàng Sào đi thi đỗ được Võ cử Trạng nguyên. Vua thấy hình dung "cổ quái" của Sào nên không dùng, đuổi Sào đi.

Hoàng Sào ra khỏi triều môn trở về, giữa đường ghé quán nghỉ, lòng đầy căm tức. Sào nghĩ thầm:

- Khi đăng bảng mở khoa thi thì nói chọn người văn chương và võ nghệ mà thôi, chớ không thấy nói chọn người mặt mày đẹp đẽ. Nếu ta dè hôn quân muốn lấy diện mạo chọn người thì ta có đi thi làm chi cho uổng công.

Tức khí quá, Hoàng Sào lấy bút mực viết một bài thơ trên vách quán rồi bỏ ra đi:

Lược thao như mỗ đáng phong hầu,

Mắt thịt hôn quân dễ biết đâu?

Nếu được đôi ba ngàn tử đệ,

Đoạt thâu thiên hạ bốn trăm châu.

Tào Châu Hoàng Sào tự Cự Thiên đề.

Quân tuần thành đến quán trông thấy bài thơ liền chép lại dâng lên vua. Nhà vua tức giận truyền họa đồ

hình Hoàng Sào và ra lịnh tập nã. Sào hay tin, không dám đi đường lớn nữa mà phải lặn lội trong rừng núi để về quê.

Có truyện chép rằng: một hôm Hoàng Sào ghé vào chùa nghỉ, có tiên cho mượn gươm báu. Sào định thử gươm mới bảo các sãi trong chùa tìm nơi ẩn trốn kẻo bị gươm báu chém nhầm.

Đến giờ ngọ, Hoàng Sào ra đứng giữa trời, nhìn ngay mặt trời khấn rằng:

- Tôi là Hoàng Sào tự Cự Thiên, nghĩ vì đời vua này vô đạo, chẳng kể hiền tài, cứ nghe lời gian nịnh cho nên đạo tặc phong khởi, hào kiệt ly tâm, thiên hạ nhiễu nhương, trăm họ khổ thống. Vậy tôi muốn ra sức trừ loài gian nịnh, cứu nạn cho sinh linh, đoạt lấy xã tắc, sửa trị ngôi trời. Nay tôi muốn thử sức gươm linh xin hoàng thiên giúp sức nếu vạn sự kết quả như lòng tôi muốn thì xui tôi chém một gươm cho tốt.

Đoạn, cầm gươm ra khỏi cổng chùa, nhìn chung quanh không thấy ai cả. Thấy một cây đại thọ ở bên

đường, Sào liền đưa gươm lên chém phạt ngang một gươm. Cây đại thọ đứt hai đổ xuống, nhưng có làn máu đỏ vọt ra. Sào cực kỳ ngạc nhiên nhìn kỹ lại là ông sãi cả ở chùa. Thì ra vì ông sãi cả nghe lời Hoàng Sào bảo mọi người trong chùa phải tìm chỗ ẩn trốn khi Sào thử gươm linh, nhưng ông không biết chỗ nào trốn cho kín. Ông lấy làm lo sợ quá, nhìn thấy một cây đại thọ có cái bộng to nên chun vào đó, ý định toàn thân... không ngờ lại không toàn!

Hoàng Sào đau lòng than thở, đoạn quảy gói mang gươm lên đường, thẳng lên Thái Hành Sơn chiêu binh mãi mã.

Non một năm, Sào chiêu mộ được trăm muôn binh thêm một số tướng tá văn võ kiêm toàn: Châu Ôn, Thượng Nhượng, Liễu Ngạn Chương, Liễu Ngạn Tùy, Các Tùng Châu, Đặng Thiên Vương, Mạnh Tuyết Hải. Hoàng Sào đặt Thượng Nhượng làm quân sư và các tướng toàn Tổng binh. Thế lực rất mạnh.

Hoàng Sào tự hiệu là Xung thiên đại tướng quân, đem hơn 10 vạn quân đoạt được nhiều châu khác và vượt qua

sông Dương Tử, xuống cướp miền Giang Nam, ra phía đông đến Chiết Giang, lại đánh Phúc Châu, Kiến Ninh, rồi thẳng đường xuống đoạt Quảng Châu. Ở đây, Hoàng Sào giết hại rất nhiều nhân dân trong thành thị, cùng 20 vạn người ngoại quốc buôn bán, gồm những giáo đồ Hồi Hồi, Cơ Đốc, Bái Hỏa và người Do Thái, người Hy Lạp.

Sau vì miền nam có bịnh dịch, Hoàng Sào kéo quân lên bắc. Năm 880, vây hãm Đông Đô rồi chiếm lấy Trường An, cướp phá và giết chóc những người quý tộc, quan lại và phú hào, số không kể xiết. Vua Hy Tông bấy giờ phải bỏ hoàng thành chạy vào đất Thục. Hoàng Sào tự xưng là Đại Tề hoàng đế. Thật là thỏa chí bình sinh.

Hoàng Sào trước muốn cứu muôn dân ra khỏi cảnh lầm than tang tóc, nhưng đến khi thực hành thì lại chẳng cứu muôn dân mà còn gây thảm họa chết chóc cho nhân dân nhiều thêm nữa. Tướng Châu Ôn là bộ hạ của Hoàng Sào lại đầu hàng quan triều. Trong số hơn 50 vạn quân của Sào, một số chán ghét Sào bỏ chạy theo Châu Ôn. Còn vua Hy Tông sau khi trốn chạy vào Tứ Xuyên, nhờ người Tây Đột Quyết là Lý Khắc Dụng đem quân cứu viện. Triều Đường được trung hưng.

Năm 884, Hoàng Sào bị Lý Khắc Dụng đánh bại rồi bị tên bộ hạ ám hại tại Biện Châu. Có sách chép là Hoàng Sào đánh trận bị thương nặng trở về tư dinh, đâm cổ tự tử.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn tả khí phách của Từ Hải có câu:

Giang hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

Hai câu này thoát ý câu thơ của Hoàng Sào như trên:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,

Nhứt trạo giang sơn tận địa duy.

Cũng trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh", đoạn Thúy Kiều khuyên Từ Hải hàng triều đình, có câu:

Ngẫm từ khởi việc binh đao,

Đống xương Vô Định đã cao bằng đầu,

Làm chi để tiếng về sau?

Ngàn năm ai có khen đâu Hoàng Sào?

"Hoàng Sào" là do điển tích trên.

Kiều đem Hoàng Sào ra để thuyết Từ Hải biết là Từ có tài giỏi dũng lược như Hoàng Sào chăng nữa, thì cũng chỉ lưu lại đời sau cái tiếng làm giặc mà thôi.

Nhưng ở đời từ xưa đến nay, được làm vua thua làm giặc là một lẽ thường.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Đêm Lệ Chi Viên

Nước Đại Việt, đời Hậu Lê, Lê Thái Tông (1434-1442) tên Nguyên Long, con thứ của vua Thái Tổ Lê Lợi, lúc lên ngôi mới 11 tuổi nhưng chính sự đều tự tay mình làm lấy. Ở trong triều, vua thẳng tay giết bọn quyền thần như Lê Ngân, Lê Sát; ở ngoài thì đánh Ngọc Ma, bắt Cầm Quí và bình được các Thổ tù ở Lạng Sơn, Gia Hưng.

Thông minh dũng trí, người đa tài tất cũng đa tình háo sắc. Thấy Nguyễn Thị Lộ là nàng hầu của Nguyễn Trãi, dung mạo đẹp, văn chương hay nên đòi vào cung, cho làm chức Lễ nghi học sĩ.

Nhưng không may, nhà vua gặp phải bà hoàng hậu ghen kinh khủng. Bà biết tính vua nên canh chừng nghiêm nhặt làm cho nhà vua không giở trò gì được.

Tháng 7 năm Nhâm tuất (1442), vua Thái Tông ngự đông tuần ở huyện Chí Linh. Bấy giờ, Nguyễn Trãi đã về trí sĩ ở Côn Sơn, huyện Chí Linh, nhà vua ghé vào thăm. Vừa lúc ấy, Thị Lộ cũng về thăm ông Nguyễn Trãi ở đấy. Khi sắp về triều, nhân đó, nhà vua truyền cho Thị Lộ cùng theo nhà vua về một thể. Thị Lộ phải vâng mạng.

Xa giá về đến Thiên Đức Giang (thuộc huyện Gia Linh, tỉnh Bắc Ninh), trời đổ tối. Vua truyền dừng lại, vào vườn Lệ Chi (vườn vải) để nghỉ.

Đêm ấy trời trong trăng tỏ, vua truyền bày tiệc rượu cùng Thị Lộ đối ẩm và xướng họa thơ văn. Thị Lộ không dám cãi mạng. Thế rồi câu xướng, câu họa, rượu mời, tay chuốc, tay trao. Sắc đẹp của Thị Lộ càng lộng lẫy dưới ánh trăng vằng vặc. Nhà vua vốn còn trẻ tuổi lại háo sắc đa tình, lòng sẵn ôm mối tình với Thị Lộ từ lâu nay mới có dịp gần bên người ngọc, rồi càng say sưa vì sắc, quyến luyến vì tình nên không còn giữ được vẻ đứng đắn của một đứng chí tôn đối với kẻ bề tôi được nữa.

Cuộc vui thi vị ấy kéo dài cho đến khuya, cho đến khi vầng trăng vàng chỉ còn mờ nhạt trong ánh sương đêm dày đặc, nhà vua càng cảm thấy mình khao khát một thứ gì để ấm áp cho tấm thân đơn trong khi đêm lại sắp hồ tàn. Dịp may hiếm có, đêm gặp gỡ thi vị ngàn năm một thuở phải làm sao tận hưởng cho trọn vẹn. Để hỏng đi sẽ suốt đời ôm lấy nỗi hối tiếc ân hận đầy lòng.

Say rượu thì ít mà say sắc thì nhiều, nhà vua bỗng đứng phắt lên, bạo dạn cầm lấy tay Thị Lộ nhẹ nâng nàng đứng dậy. Đoạn nhà vua đưa tay choàng qua chiếc lưng thon, ép sát mình vào tấm thân mềm mại, uyển chuyển và ấm áp của nàng, rồi dìu nàng vào trại. Thị Lộ không còn cưỡng sức được. Mà nàng cũng không muốn cưỡng. Đó là lịnh của đấng chí tôn. Và, lịnh này nó đã hòa hợp với lịnh của con tim đương vỗ đập cho ái tình nhục dục. Nàng chiều theo cánh tay rắn chắc của nhà vua và ngã dần mình vào tấm thân lực lưỡng của người. Hôm nay nàng mới nhận thấy một cảm giác say sưa của một người con gái mơn mởn đào tơ mà nàng không lúc nào tìm thấy ở bên cạnh Nguyễn Trãi, một vị lão thần chỉ đem lại cho nàng một kính mến hơn là thỏa thích yêu

đương và khát vọng.

Bên ngoài, quần thần đã yên giấc từ lâu. Một vài tên lính canh đổi gác cầm canh.

Trong gian phòng vắng ở Lệ Chi Viên, dưới ánh trăng lạp lờ mờ càng làm cho sắc đẹp của Thị Lộ thêm lộng lẫy, huyền ảo. Da của nàng trắng mơn mởn, bắp thịt tròn trịa lồ lộ khêu gợi phô bày dưới đôi mắt say đắm cuồng nhiệt của nhà vua. Kẻ thì xa vắng nội cung lâu ngày, mối khát vọng ôm ấp từ lâu, người thì mơn mởn đào tơ đương thiết tha đòi hỏi yêu đương trọn vẹn, nay gặp nhau thì mặc sức ngụp lặn trong nguồn ân biển ái.

Nhưng...

Giữa lúc hoan lạc thích thú, bốn cánh tay của hai người siết chặt, nhà vua bỗng rít lên một tiếng thê thảm rồi ngất xỉu, trút ngay hơi thở trong đôi cánh tay ngà ngọc của giai nhân.

Đụng phải tay "Hà Đông sư tử", một tay "giấm chua" hảo hạng, hoàng hậu tức giận cành hông, đổ tội cho

Nguyễn Trãi âm mưu cùng Thị Lộ đầu độc nhà vua, nên cùng triều thần kết tội tru di ba họ Nguyễn Trãi.

Thương thay một vị lão thần, có tài kinh bang tế thế, một tay rường cột trong công cuộc giải phóng đất nước và dựng nên sự nghiệp Lê triều, mà nay vì một cớ do sự "cảm xúc quá độ" của ai kia để phải tru di ba họ.

Về sau, có người làm một bài thơ tứ tuyệt bằng Hán văn:

Xung linh tiễn tộ tại tiền qui,

Nội ngoại tu nhương, vọng hữu vi.

Nhứt tự Lễ nghi thừa sắc tiếu.

Lệ Chi viên lý nguyệt ba di.

Nghĩa:

Tuổi trẻ lên ngôi giữ phép nhà,

Trong ngoài sửa đẹp trổ tài ba,

Từ khi nữ sữ vào hầu chực,

Vườn vải đêm khuya bóng nguyệt tà.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Kẻ Được Khen Bị Tội, Người Bị Chê Được Thưởng

Sô Kỵ là một người hiền lại có tài chính trị đời Chiến Quốc, làm Tướng quốc nước Tề dưới triều Tề Uy Vương. Ông hết lòng lo chính sự, thường lưu ý dò xét trong bọn các quan ấp để xem ai hiền, ai không hiền.

Bấy giờ các quan trong triều, ai cũng khen quan đại phu đất A là người hiền mà chê quan đại phu đất Tức Mặc. Sô Kỵ tâu với Tề Uy Vương, rồi sai người đi dò xét, kiểm tra xem sự thực thế nào?

Khi đã dò xét được sự thực rồi, Tề Uy Vương cho triệu hai quan đại phu đất A và đất Tức Mặc đến. Tề Uy Vương chẳng nói gì cả. Các quan trong triều đều ngơ ngác, không hiểu ra làm sao? Một lúc sau, quan đại phu đất A cũng đến. Tề Uy Vương truyền họp tất cả triều thần lại để định thưởng phạt. Triều thần ai cũng nghĩ thầm: quan đại phu đất A phen này ắt được trọng

thưởng; trái lại quan đại phu đất Tức Mặc thế nào cũng có vạ đến nơi.

Lúc bấy giờ, giữa triều, Tề Uy Vương gọi quan đại phu đất Tức Mặc đến, bảo:

- Từ khi nhà ngươi ra trấn giữ đất Tức Mặc, ngày nào ta cũng nghe thấy lời người chê bai. Ta sai người đến dò xét đất Tức Mặc thì thấy ruộng nương mở rộng, nhân dân giàu có, việc quan không chậm trễ, cả một phương đông ấy được yên. Thế là do nhà ngươi chuyên tâm trị dân mà không chịu lễ đút lót những người tả hữu gần ta, thành ra bị họ chê bai đó. Nhà ngươi thật là một ông quan hiền.

Nói xong liền gia phong cho. Đoạn gọi quan đại phu đất A đến, bảo:

- Từ khi nhà ngươi ra trấn giữ đất A, ngày nào ta cũng nghe thấy lời người khen ngợi. Ta sai người dò xét đất A thì thấy ruộng nương bỏ hoang, nhân dân đói rét. Hôm trước quân Triệu đến xâm lấn bờ cõi mà nhà ngươi không biết cứu. Thế là nhà ngươi chỉ đem tiền của đút

lót những kẻ tả hữu gần ta, thành ra được họ khen ngợi đó. Nhà ngươi thật là một ông quan rất dở.

Quan đại phu đất A sụp lạy xin tha tội.

Tề Uy Vương không tha, truyền lực sĩ đem vạc dầu ra nấu. Dầu sôi sùng sục. Tề Uy Vương sai trói quan đại phu đất A bỏ vào vạc dầu. Đoạn bắt tất cả những người xưa vẫn khen ngợi quan đại phu đất A mà chê bai quan đại phu đất Tức Mặc hàng mấy mươi người đến, quở mắng:

- Các ngươi là người tả hữu gần ta tức là tai mắt của ta. Các ngươi lại tham ăn của lễ, phải nói ra trái, trái nói ra phải để lừa dối, ta còn dùng các ngươi được việc gì nữa! Nên đem mà mổ cả đi.

Chúng đều khóc lóc kêu van.

Tề Uy Vương vẫn còn hầm hầm nổi giận, chọn lấy mười người, toàn là những người xưa nay nhà vua có lòng thân yêu đem ra mà mổ. Chúng đều run sợ, mặt tái như gà cắt tiết.

Từ bấy giờ Tề Uy Vương kén chọn những người hiền tài cho đi trấn nhậm các quận. Nhờ đó mà trong nước ngày càng cường thịnh.

Sa Nang Ủng Thủy

Theo "Tây Hán chí ", "Sa nang ủng thủy" là một kế hoạch của tướng Hán là Hàn Tín đánh bại quân Sở tại ngọn sông Duy thuộc tỉnh Sơn Đông. Đây là kế hoạch lấy bao cát (sa nang) để chận nước nguồn lại (ủng thủy) rồi chờ giặc đổ đến thì cạy bao cát lên, xổ nước xuống làm ngập quân địch.

Long Thơ là tướng của Sở đem binh đánh Hán. Hàn Tín lui binh 5 dặm, nói với các tướng:

- Long Thơ là danh tướng, ỷ mình mạnh mà đến đây, ta phải dùng trí thắng chớ nên dùng sức.

Hôm sau, Hàn Tín ra ngựa đối địch với Long Thơ. Thơ đánh mỗi lúc càng hăng, càng mạnh. Hàn Tín bỏ chạy. Thơ xua quân, đuổi theo. Đến sông Duy, nước cạn khô. Binh của Hàn Tín giục ngựa qua sông một cách dễ

dàng. Tướng Sở là Chu Lan theo sau lấy làm nghi hoặc, tiến đến ngăn Long Thơ:

- Sông Duy sâu dài, nước cuồn cuộn chảy, nay lại không có nước chắc là chúng đã chận ở trên nên nước không đổ xuống được. Chúng đợi binh ta qua sông rồi xổ nước thì bấy giờ ta làm sao ngăn kịp.

Long Thơ không tin, nói:

- Hàn Tín đã thua chạy, còn rảnh đâu mà bày mưu kế. Vả lại nước sông tùy mùa hạn lụt. Lúc này là tháng chạp nhằm tiết đông, ấy là lúc nước kém nên sông cạn, có lấy chi làm lạ.

Bấy giờ trời đổ tối. Vừa lúc ấy có quân báo là Hàn Tín còn ở gần trước đây. Long Thơ lập tức huy động ba quân qua sông đuổi theo, quyết bắt Hàn Tín cho kỳ được. Vừa đến giữa sông, thấy có chiếc lồng đèn treo trên cao, Long Thơ tò mò đến xem. Bên cạnh đèn ấy có dựng một mộc bài đề 6 chữ lớn: "Điếu đăng cầu trảm Long Thơ" (treo lồng đèn chém Long Thơ). Long Thơ nói:

- Hàn Tín thấy binh ta rượt gấp, muốn cho binh ta lui nên dựng mộc bài dọa ta.

Chu Lan suy nghĩ một lúc nói:

- Đêm hôm tăm tối lẽ nào hắn làm gấp được. Hay hắn đã làm sẵn để dẫn dụ binh ta đuổi theo đến chỗ này đặng binh Hán coi chừng lồng đèn mà tiến đến. Vậy ta chặt ngã đèn tất binh Hán phải loạn.

Long Thơ đưa dao chặt ngã đèn.

Ánh đèn vừa tắt thì đột nhiên binh Hán đã mai phục từ đâu nhứt loạt đổ đến như vũ bão. Tiếng la hét vang dậy cả một vùng trời. Rồi nước từ trên ngọn sông Duy ầm ầm đổ xuống nhanh như tên bắn.

Binh Sở khủng khiếp. Đương ở giữa sông, chúng không sao đứng vững được. Nước tràn đến cuồn cuộn, cuốn phăng chúng đi như cuốn phăng những chiếc lá vàng. Long Thơ hốt hoảng, giục ngựa chạy khan. Ngựa của Long Thơ là Thiên lý cu nên nhảy vài bước là đến bờ. Hắn vừa muốn tìm đường chạy thì một tiếng súng

nổ vang, tướng Hán là Tào Kham, Hạ Hầu Anh cùng một số tướng tá xông ra bao vây. Long Thơ tả xông hữu đột, không thoát khỏi được. Đêm tối dày đặc lại ở vào một thế bị động, địa hình địa vật không biết nên không phương xoay trở, giữa lúc vòng vây mỗi lúc càng siết chặc, Long Thơ dầu có sức mạnh cử đảnh bạt sơn cũng khó lòng mong thoát khỏi.

Ngọn đao của Tào Kham phạt ngang chiếu một ánh sáng loang loáng. Long Thơ trở tay chẳng kịp bị một đao ngã gục tại phía bắc sông Duy. Còn tướng Chu Lan thừa lúc binh loạn và trời tối, trốn thoát được, hú hồn hú vía.

Đó là trận đánh lịch sử "Sa nang ủng thủy" của nhà quân sự đại tài Hàn Tín đời Tây Hán trong cuộc Hán Sở tranh hùng.

Nước Việt Nam ta cũng có trận đánh như thế.

Thực dân Pháp chiếm lấy Việt Nam. Cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp. Cuộc kháng chiến kéo dài đến 10 năm. Tuy chí phấn đấu kiên trung có thừa nhưng sức người có hạn nên lực

lượng nghĩa quân ngày càng hao mòn. Quân Pháp đánh rát quá, năm 1895, cụ Phan phải rút quân về đóng ở thung lũng của núi Vụ Quang, cách đồn Pháp không bao xa. Cụ dự đoán sớm muộn nay mai giặc Pháp cũng đến vây đánh. Nhìn dòng sông Vụ Quang thấy quanh co một giải trắng phau, nước cuồn cuộn chảy, cụ Phan vui vẻ nói:

- Nếu quân Pháp kéo đến đánh ta thì con sông kia có thể cự địch được lắm. Ta sẽ dùng kế "Sa nang ủng thủy" của Hàn Tín đánh quân Sở ngày xưa mới được.

Quả thực, lúc quá nửa đêm, giặc Pháp kéo đến đánh trái núi có đồn nghĩa quân đóng. Nhưng trước khi chúng chưa đến thì cụ Phan đã kéo quân dời qua đóng trên một thung lũng núi khác.

Giặc Pháp bao vây, chĩa súng bắn như mưa nhưng không thấy nghĩa quân bắn trả lại một tiếng. súng nào. Đồn tại bằng cây lá bị đạn phát cháy. Bấy giờ giặc mới đoán chắc là nghĩa quân đã sợ bỏ chạy từ lúc nào. Chúng xông lên núi xem rõ hư thực. Đến nơi chẳng thấy bóng một người. Còn lại và nhà chưa bị cháy, thấy có ít

nhiều khí giới là dao cùn, gươm mẻ bỏ nằm ngổn ngang. Giặc Pháp bấy giờ càng tin chắc là nghĩa quân hoảng sợ bỏ chạy thực.

Giữa lúc bọn giặc Pháp đương lục lạo ngẩn ngơ trong những đồn trại bỏ trống như thế thì bỗng nghe có tiếng trống, tiếng hò hét vang dậy từ dưới chân núi đưa lên. Nhìn xuống, thấy lô nhô một toán quân độ trên trăm người phất cờ, gióng trống toan xông lên núi để đánh. Đồng thời tiếng súng bắt đầu nổ đoành đoàn tứ phía.

Giặc Pháp biết là nghĩa quân, tức tốc đổ xuống núi chận đánh và đuổi bắt. Từ xa, hai bên ứng chiến bằng súng đạn. Một lúc, đạo quân này xem chừng núng thế, vội vàng rút lui, nương theo những lùm cây và mô đất để tránh đạn. Giặc Pháp thừa thế đuổi theo và bắn dữ dội. Nhưng đạo quân bại tẩu chỉ chạy được một quãng đường thì nằm phục xuống bắn trả lại. Rồi một lúc lại bỏ chạy. Cứ chạy lại bắn. Cứ bắn lại chạy. Giặc Pháp càng tức, càng giận, phát ghét càng cố rượt theo quyết giết ráo cho kỳ được mới nghe.

Ra tới sông Vụ Quang, đạo quân bại tẩu cư" chạy

dựa bên mé sông. Đến một chỗ nước hơi cạn, họ bỏ hết cả cờ trống và quân giới tại mé sông, rồi tranh nhau lội qua sông mong thoát thân cho mau. Giặc Pháp đuổi nà tới, đến chừng thấy đạo quân bại tẩu đã sang sông thì chúng ùa xuống sông để đuổi cho kịp. Nước chỉ đến đầu gối.

Nhưng khi chúng lội đến giữa sông thì bỗng trên núi cao có tiếng súng lịnh làm hiệu. Chúng chưa hiểu ất giáp ra sao thì bỗng dưng nước cuồn cuộn đổ đến. Tiếng nước chảy ầm ầm như đất lở trời nghiêng...

Nguyên cụ Phan truyền cho nghĩa quân lấy những khúc gỗ lim to ghép liền vào nhau thành từng bè lớn. Đoạn đóng suốt thân cây này qua cây kia thật chặt, và lấy mây rừng buộc cứng lại, rồi đặt ngay đầu nguồn sông Vụ Quang là sông phát nguyên từ núi Vụ Quang đổ xuống. Nghĩa binh cốt chận đầu nguồn cho nước dưới sông cạn nhiều, rồi dùng kế dụ địch, đợi giặc Pháp qua đến giữa sông thì chặt dây cho nước đưa cây trôi xuống. và hai bên sông lại phục binh chờ sẵn.

Lạ gì nước trên nguồn bị cây chặn lại, tức đường bí

lối đã lâu, nay cây tháo ra, nước được tự do hoạt động mà chảy. Gỗ lim to tướng theo nước từ trên cao trôi phăng xuống mạnh mẽ hung hăng như đàn sấu đói. Trời có sương mù, giặc Pháp vô ý lại không thấy được xa, vả lại bị phục binh bắn xuống dữ dội, chúng hốt hoảng lúng túng vừa bị nước cuốn vừa bị cây đẩy, lại thêm đạn bắn tứ tung, thật là một trận cực kỳ kinh khủng.

Trận này, giặc Pháp không kể lính tập, chết mất ba viên võ quan. Nghĩa quân đoạt lấy gần 50 khẩu súng cùng đồng hồ, dây nịt bằng da vô số.

Đây là trận "Sa nang ủng thủy" ở Việt Nam. Có khác với Hàn Tín là không dùng bao cát mà dùng cây chận nước.

Về sau, một người chí sĩ là Phạm Văn Ngôn đi qua chỗ trận đánh này, có làm hai bài thơ "Hoài Vụ Quang sơn cố sự". Dưới đây là một trong hai bài ấy:

Phi vi hiểu vụ tỏa hàn khê,

Châu lạp ô thương phục ngạn tê.

Nhất hưởng đồng la ham sát tặc.

Đại gia tề quyết thượng lưu đê.

Nhà văn Đào Trinh Nhất dịch đại khái:

Gió lạnh sương mù buổi rạng đông,

Ba quân phục sẵn ở bên sông,

Chiêng khua một tiếng quân reo dậy,

Đê phá trên nguồn nước chảy hung.

Đạo Binh 80 Mỹ Nhân Phá Tan Nước Lỗ

Vua Định Công nước Lỗ cử Khổng Tử làm Tướng quốc. Nước Lỗ ngày càng cường thịnh.

Tề là nước tiếp giáp của Lỗ. Trước sự cường thịnh của Lỗ, Tề hầu là Tề Cảnh Công lo sợ bị Lỗ thôn tính. Quan đại phu nước Tề là Lê Di hiến kế:

- Bản tính con người hễ được cường thịnh thì hay sinh lòng kiêu dật. Xin chúa công lập bộ nữ nhạc dâng cho vua Lỗ. Được bộ nữ nhạc, vua Lỗ tất sinh lười biếng mà chán bỏ Khổng Khâu. Bấy giờ Khổng Khâu tất bỏ Lỗ mà đi, chúa công mới có thể ngồi yên được.

Tề Cảnh Công bằng lòng, sai Lê Di kiểm điểm trong đám nữ lư chọn những nàng xinh đẹp độ 18, 20 tuổi, cả thảy 80 nàng, chia làm 10 đội đều cho trang phục gấm vóc lộng lẫy và dạy múa hát. Khúc hát ấy gọi là Khang

nhạc, điệu bộ mới lạ, ẻo lả, có nhiều cử chỉ hấp dẫn, gọi tình. Khi luyện tập đã thành, lại dùng 120 cỗ ngựa cương vàng, yên nạm, mỗi con một sắc đẹp đẽ như gấm hoa, đem dâng cho Lỗ Định Công.

Tám mươi mỹ nữ trải qua các con đường trong kinh thành nước Lỗ, tha thướt như những nàng tiên trong những truyện truyền kỳ diễm ảo. Vua nước Lỗ ngự chu trên bờ hồ nhìn thân hình uyển chuyển của các nàng từ trên bờ nhảy xuống thuyền nhẹ nhàng, phất phới như một đàn bướm trắng lượn hoa.

Thuyền vừa đổ bến, các mỹ nữ ấy nhẹ nhàng nhảy lên, reo cười trong trẻo vui tươi như đàn chim non. Rồi người đàn, kể múa, họ nô đùa viên hoàng môn quan và tiến đến ngân loan điện. Vua mỉm cười khoan khoái kêu hỏi, cả bọn đồng thanh đáp:

- Chúng tôi đều là thế nữ của nương nương đây.

Vừa nói họ vừa trỏ vào một người đẹp nhất trong bọn, uy nghi, đường bệ như một bà chúa, một nữ hoàng. Nàng mặc một chiếc áo trắng thưa như màn sương khói

mỏng để lộ ra những đường cong của bắp thịt, của một vóc hình thon chắc, yểu điệu tuyệt mỹ. Thật là một tác phẩm linh động, vĩ đại do một kỳ công kỹ xảo của Hóa công. Nhà vua đến gần hoa khôi, ngập ngừng ngọt dịu hỏi tên. Nàng mỉm nở một nụ cười như hoa hàm tiếu e lệ dưới ánh trăng thanh, đoạn cất giọng oanh thỏ thẻ:

- Tâu bệ hạ, thần thiếp chính là Văn Khương, nay được diễm phúc vào hầu bệ hạ.

Lỗ Định Công ngây ngất, truyền ngay bãi chầu.

Tiết xuân hòa ấm, cành quế đều mọc chồi non. Hai bên đường, hoa thủy tiên đâm chồi nẩy lộc. Nhà vua cảm thấy như mình ở chốn Đào nguyên, được gần giai nhân là người mà nhà vua đã từng khao khát mơ ước từ lâu. Trên đường về cung, nhà vua nhẹ mình cúi xuống hái mấy cành thủy tiên, âu yếm trao cho mỹ nhân.

Người đẹp không từ chối. Nàng đưa bàn tay trắng nuột, xinh xắn cầm lấy cánh hoa. Hoa và bàn tay là một. Nàng ngoan ngoãn đưa hoa lên mũi, nhoẻn một nụ cười tươi thắm mê hồn.

Trông vào mỹ nhân, hai má ửng hồng, đôi mắt lóng lánh hữu tình như nước hồ thu, một nụ cười tươi thắm nở mãi trên đôi môi son hé ra bày đôi hàm răng trắng nhỏ đều như ngọc làm nhà vua ngây ngất, bàng hoàng. Tâm trí rối loạn, thần hồn mê mẩn, tấm thân bảy thước, địa vị ngai vàng của vua Lỗ đã bị nhận chìm trong sóng sắc biển tình. Cầm lấy cườm tay ngà ngọc của giai nhân, nhà vua nhìn giai nhân bằng đôi mắt say đắm mờ mệt và chỉ lẩm bẩm được có một câu:

- Ta yêu mỹ nhân lắm lắm!

Rồi cả hai, đôi thân mình ép sát vào nhau lần bước vào chốn thâm cung.

Trời sâm sẩm tối.

Bốn phía, đèn đuốc nổi lên sáng rực như một hội hoa đăng.

Một đoàn mỹ nữ, trang phục bằng một thứ tơ trắng mỏng như sương lả lướt theo một vũ khúc mê ly trên con đường chung quanh hồ Thưởng Nguyệt. Thân hình

uyển chuyển, tha thướt theo điệu nhạc, nhìn họ có lúc ẩn lúc hiện, lúc mờ như hình bóng của khói, của sương... đương bao phủ hoàng cung.

Bấy giờ, hàng võ quan bỏ cả binh thư.

Bấy giờ, hàng văn thần quên hết kinh sách.

Trên hồ, thuyền bè đua nhau tấp nập, rượu trà yến ẩm, đàn dịu hát hay, tiếng nói giọng cười lả lơi, diêm dúa bay bổng đến mấy từng sao.

Thỉnh thoảng, một vị hoàng thân, một viên đại tướng ghé thuyền vào bờ, ôm lấy một mỹ nữ đem về tư thất; rồi mày xanh tóc bạc bên cốc rượu nồng tha hồ ân ái phỉ tình.

Rồi từ ấy...

Tiếng đàn, điệu vũ từ giữa hồ trong thâm cung truyền đến ngoài thành, sự hoan lạc từ kẻ quyền quý trong vòng khuê các lan tràn đến hàng trưởng giả phong lưu. Chỉ có bọn dân đen ngày ngày tắm mưa gội gió, dãi nắng dầm sương, chui rúc trong những túp lều tranh xiêu vẹo

thiếu cơm, thiếu thuốc ở chốn bùn lầy nước đọng.

Thói xấu, tật dâm là những ngòi thuốc rất nhạy, những chất men dễ cho con người tập nhiễm, say đắm. Thế rồi, ai ai cũng nong nả cởi bỏ đạo nghĩa, cho là một cái ách nặng nề quàng cổ bấy lâu. Những cửa phòng khuê bỗng mở to. Trong bóng tối, thấp thoáng những bóng nữ nhi đi tìm hoan lạc. Nhiều vị Lễ quan đương cúng tế ở Thái miếu cũng vội vàng ném hương, đốt giấy cho mau để bươn bả đi tìm đến chốn yêu hoa. Nơi Tam pháp tư, một viên Đô sát già lụ khụ dừng chân trước cửa viện, thở một hơi dài cất giọng phều phào thiểu não:

- Hỡi ơi! Thời niên thiếu của ta đâu rồi!

Không còn đủ sức ngăn cản được, Khổng Tử phải bỏ nước Lỗ mà đi. Lỗ suy nhược dần, cuối cùng bị Tề thôn tính. Đạo binh mỹ nhân 80 người phá tan nước Lỗ, quê hương của một đấng thánh nhân.

Bối Thủy Trận

Hán đánh triệu. Tướng Hán là Hàn Tín bảo các tướng sĩ của mình:

- Hôm nay phá Triệu ắt thành công. Vậy ba quân chỉ ăn cơm sơ qua đỡ lòng. Trong chốc lát phá Triệu rồi sẽ ăn no.

Tướng sĩ chưa dám tin nhưng phải gắng gượng vâng theo. Hàn Tín lại đem một muôn binh đóng nơi mé nước, sau lưng là một con sông to. Tướng sĩ của Triệu thấy Hàn Tín dàn mặt trận như thế thì cho là cầm quân vụng về. Họ tin tưởng sự thắng lợi sẽ nắm chắc trong tay; và bao nhiêu quân Hán đóng ởnước sông không chỗ rút lui sẽ bị tiêu diệt hay làm mồi cho thủy chúa.

Hàn Tín nổi trống kéo quân ra khỏi vàm Tỉnh Hình. Binh Triệu khai đồn ra đánh. Hai bên giáp chiến được

một lúc, Hàn Tín cùng tướng sĩ quăng cờ ném trống bỏ chạy xuống bờ sông. Binh Triệu thấy thắng thế, bỏ đồn trống, xông ra giành lấy cờ trống của Hán, đồng thời rượt theo Hàn Tín. Bấy giờ, quân đội đóng ở bờ sông đổ xô ra chận đánh binh Triệu. Chỉ có một con đường tiến tới, quân Hán nỗ lực đánh nhầu, một chống với mười, khí thế rất hăng. Binh Triệu phải rút lui trở về, thì thấy đồn đã bị quân Hán chiếm lấy. Trên đồn cờ Hán bay phất phới như ngạo nghễ.

Nguyên hai ngàn binh Hán theo lịnh của Hàn Tín núp tại Kỳ Sơn, chờ binh Triệu bỏ đồn hăng hái ra giành cờ trống và đuổi theo Hàn Tín thì xung phong vào đồn Triệu, chiếm lấy một cách dễ dàng. Binh Triệu bấy giờ như chim mất ổ, rối loạn hàng ngũ, vỡ chạy tứ tán. Tướng Triệu là Trần Dư ra sức cản ngăn, giết hết mấy tên quân nhưng cũng không thể ổn định được tình thế.

Trần Dư lại bị binh Hán bao vây, cuối cùng chết tại trận. Binh Hán thừa thắng đánh thẳng vào thành bắt vua Triệu.

Các tướng hỏi Hàn Tín rằng:

- Phép đóng binh, bên hữu phải có gò núi, bên tả phải có bưng chầm, sao tướng quân khiến bọn tôi lập bối thủy trận mà thắng được giặc.

Hàn Tín nói:

- Ấy cũng ở trong binh pháp cả, tại các ông không nghĩ đến. Trong binh pháp có nói: để vào chỗ tử địa thì sống, để vào chỗ vong địa thì còn. Nếu đem người đến chỗ sinh địa mà đánh, gặp địch mạnh thì bỏ chạy hết, như vậy còn gì binh!

Các tướng đều chịu cho là hay.

Tiêu Lang

Thôi Giao học giỏi, thơ phú rất hay. Nhà nghèo xơ xác nhưng Thôi cũng phong lưu hào phóng rất mực.

Trong vùng có nàng họ Lương tên Bích Nga, sắc đẹp lộng lẫy, duyên dáng cực kỳ. Cha mẹ mất sớm, nàng họ Lương phải ở nhờ cô ruột. Trai tài gái sắc, Thôi Giao và Bích Nga gặp nhau rồi tha thiết yêu nhau. Nhưng mộng xây dựng gia đình của hai họ Thôi Lương chưa thành, thì chẳng may nhà cô ngày càng sa sút. Cuối cùng, người cô phải đem bán Bích Nga làm nàng hầu cho một viên Liên soái là Vu Địch.

Cầm được giai nhân trong tay, họ Vu rất mực yêu thương. Lại xuất ra 40 vạn đồng tiền, xây một lâu đài cho người cô ở.

Mất người yêu đẹp, chàng Thôi đau xót, từ đó như

kẻ mất hồn. Suốt ngày, chàng đứng tựa bên cội cây ngoài dinh quan Liên soái ngóng trông bóng hình người đẹp, mong được nhìn người yêu cho đỡ nỗi nhớ thương. Trên lầu, nàng Lương nhìn qua cửa sổ thấy chàng Thôi thẫn thờ buồn bã mà lòng đau như cắt.

Gặp tiết Hàn Thực, nàng Lương có việc ra ngoài dinh. Thấy chàng Thôi đứng bên cội liễu, hình vóc võ gầy, nàng Lương cảm động, ngồi trên kiệu mà khóc nức nở. Gặp nhau, nhìn nhau nhưng cả hai không dám mở lời. Bốn mắt lã chã bốn dòng châu. Thôi đau đớn làm bốn câu thơ:

Theo chân bao kẻ ngớp mùi hương,

Tầm tã khăn the lệ mấy hàng.

Một tới cửa hầu sâu tựa bể,

Chàng Tiêu từ đó khách qua đường.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

Có kẻ ghét Thôi, bắt được bài thơ ấy, muốn hại Thôi

nên lòn bàn thơ để trên bàn của quan Liên soái. Họ Vu xem thơ, thấy lời đã hay ý lại nhã, đẫm vẻ ai oán não nùng nên có chiều cảm động, cho lính đòi chàng Thôi vào. Thôi hoảng sợ quá. Có người xúi chàng trốn đi kẻo bị tai vạ nhưng không biết trốn đi đâu, đành phải liều vào hầu.

Vừa gặp Thôi, Vu Địch liền cầm lấy tay chàng nói:

- Câu: "Một tới cửa hầu sâu tựa bể, Chàng Tiêu từ đó khách qua đường" hẳn tiên sinh đau khổ lắm! Bốn mươi vạn đồng, một lâu đài có là bao mà tiên sinh nỡ tiếc lời thơ không sớm cho tôi biết. Kẻ này có hẹp gì mà chẳng cho châu về Hợp Phố!

Đoạn, Vu Địch bảo mã phu xe đưa nàng Bích Nga về với chàng Thôi để cùng xum họp. Vu Địch còn đem tặng nàng Lương tất cả những nữ trang đắt tiền, trước kia đã sắm cho nàng.

Nguyên văn:

Hầu môn nhứt nhập thâm như hải,

Tùng thử Tiêu lang thị lộ nhân.

Thôi Giao đã dùng điển Tiêu lang (chàng Tiêu) trong bài thơ của mình.

Nguyên đời nhà Đường, chàng Tiêu có người vợ rất đẹp tên Lục Châu. Người nghèo, không quyền thế nên Lục Châu chẳng may bị người bắt đem dâng Quách Tử Nghi là một quan lớn đương thời. Lục Châu trở thành một nàng hầu sủng ái của Quách Tử Nghi; và từ đó, chàng Tiêu trông thấy vợ cứ dửng dưng như khách qua đường.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn Thúy Kiều và Kim Trọng tái hợp, chàng Kim lý luận về chữ trinh của Kiều để bác bỏ cái ý tự ty mặc cảm của người yêu cũ khi chàng xin chấp nối lại mối tơ tình, có câu:

Hoa tàn mà lại thêm tươi,

Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

Có điều chi nữa mà ngờ,

Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu.

Ý của Kim Trọng muốn nói nếu Kiều không ưng kết duyên với chàng là nàng cố ý bắt buộc chàng phải hờ hững không nhận nàng nữa. Hay nói một cách khác là tại sao Kiều lại cố ý làm cho chàng phải coi nàng như chàng Tiêu coi vợ cũ?

TchyA (Đái Đức Tuấn)(°), nhà thơ hiện đại có câu:

Đỡ ly ân ái qua môi thắm.

Uống chẳng vơi cho mới bẽ bàng.

Khổ nhục mảnh thân vì bát gạo,

Đường tình kia lại số Tiêu lang.

chú thích thêm (ngoài tác phẩm): TchyA

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Người Chặt Cây Quế Trong Cung Trăng

Truyện thần thoại, sách "Dậu dương tạp trở" có nói: Trong mặt trăng có cây quế cao 500 trượng. Dưới gốc có một người cầm búa chặt mãi, nhưng chặt xong thì dấu chặt dính liền lại như cũ. Người ấy tên Ngô Cương quê ở Tây Hà, tu tiên có lỗi bị phạt chặt cây.

Kịch thần thoại "Lên cung trăng" của Ngô Tổ Quang cũng có chép:

Ngô Cương và Phùng Mông là học trò của Hậu Nghệ. Nghệ sinh ở bờ biển Đông tức nước Hữu Cùng, võ nghệ phi thường, sức có thể nhổ núi lấp sông lại giỏi về kỵ xạ. Hai người học trò cũng đều tài ba xuất chúng.

Hậu Nghệ có công bắn 9 mặt trời cứu bá tính khỏi chết trong biển lửa nên được nhân dân kính mến, suy tôn làm hoàng đế. Lên làm vua, Nghệ lại cướp giựt của

cải của nhân dân. Ngô Cương lại tòng theo thầy làm nhiều điều tàn ác, giết chóc sinh linh vô số. Phùng Mông là người hiền, can thầy can bạn không được, bỏ đi theo dân nghèo chống lại thầy.

Hậu Nghệ bắt Hằng Nga làm hoàng hậu. Sợ nàng trốn, Nghệ giam một nơi và bắt Ngô Cương canh giữ. Một hôm, Nghệ đi săn, Hằng Nga lấy cỏ Linh chi (cỏ trường sinh) của Nghệ uống vào, mình nhẹ bổng nên nàng cùng con Ngọc Thố bay lên cung trăng. Nghệ đi săn về thấy mất Hằng Nga nên tức giận, bóp cổ Ngô Cương cho đến chết. Vong hồn Ngô Cương bay lên cung trăng gặp Hằng Nga, định giết nàng báo thù. Hằng Nga hoảng hốt thì vừa lúc ấy Nguyệt Lão đến, quát to:

- Ngày trước nhà ngươi giết hàng triệu sinh linh, ngày nay phải chịu quả báo, thế chưa biết ăn năn hối cải sao?

Ngô Cương đáp:

- Tôi chết rồi... vì Hằng Nga trốn nên đại vương giết tôi. Tôi chết oan uổng nên hồn không tiêu tan, tôi muốn trả thù.

Cụ già mỉm cười:

- Nhà ngươi chết như thế phải lắm, còn muốn sống làm sao nữa?

- Tôi hết lòng trung vì chúa, đánh đông dẹp bắc, ngày đêm lo việc trị dân.

Cụ già gật gù hỏi:

- Nhà người có trị được không? Hay càng trị càng rối.

- Tại đại vương quá giận giết tôị Nếu không, tôi có cách trị an thiên hạ.

- Cách gì?

Ngô Cương tỏ vẻ cương quyết:

- Giết.

Cụ già cười ha hả:

- Nhà ngươi giết mấy chục năm rồi mà càng giết

càng đông, càng loạn. Đồ khùng! Thân xác đã chết rồi mà hồn chưa tỉnh ngộ. Ngô Cương, có thấy cây quế kia không?

Cụ già vừa nói vừa đưa tay trỏ cây quế. Ngô Cương đáp:

- Thấy, mà có quan hệ gì tới tôi.

- Nhà ngươi chặt cây kia ngã được thì mới có thể giết người để bình thiên hạ được.

Cụ già vừa nói xong, đưa tay móc túi lấy ra một cây búa trao cho Ngô Cương. Hắn tiếp lấy búa, đưa thẳng tay lên chặt vào cây quế. Lửa trong cây quế văng ra. Cương buông búa, xuýt xoa kêu:

- Cây cứng quá!

Cụ già cười xòa:

- Phải. Nó còn cứng hơn nhà ngươi.

Ngô Cương thẹn thùa, đưa tay nhặt lấy búa đưa thẳng

tay chặt lia lịa. Lửa lại bắn ra tứ tung. Mỗi lần giở búa ra thì dấu chặt lại dính liền như cũ.

Cụ già bảo:

- Thôi, chặt không được đâu.

Ngô Cương càu nhàu:

- Thây kệ tôi.

- Đồ ngu đến chết vẫn không tỉnh. Nhà ngươi không thấy cây quế ấy, mày càng chặt thì cây càng lớn, càng cao, càng đẹp sao? Được. Mặc kệ cho mày chặt. Ta đi đây.

Cụ già nói xong biến mất.

Ngô Cương vẫn cầm búa chặt mãi... chặt mãi mà cây quế kia không bao giờ đứt, vẫn tươi sống kiếp kiếp đời đời.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Mỹ Nhân Cười Người Què Bị Chém Đầu

Bình Nguyên Quân tên Thắng, người nước Triệu đời Chiến Quốc. Được vua Huệ vương cử làm Tướng quốc phong cho đất Bình Nguyên nên gọi là Bình Nguyên Quân.

Bình Nguyên Quân cũng có lòng hiếu sĩ như Mạnh Thường Quân ở nước Tề. Khi đã quý hiển càng chiêu nạp tân khách. Trong nhà, số khách ăn thường ngày có đến vài ngàn người. Phủ đệ của Bình Nguyên Quân có một cái họa lâu để một mỹ nhân ở đấy.

Lầu ấy trông sang nhà của một thường dân. Chủ nhân nhà này què chân sáng dậy khập khiễng ra xách nước. Mỹ nhân trên lầu trông thấy cười ồ lên. Một lúc sau, người què ấy đến phủ đệ của Bình Nguyên Quân xin vào yết kiến. Bình Nguyên Quân vái chào, mời ngồi. Người què nói:

- Nghe ngài có lòng yêu kẻ sĩ. Kẻ sĩ không ngại xa xôi mà đua nhau đến. Ngài quý kẻ sĩ mà khinh gái đẹp, tôi không may bị què chân, đi lại không vững, người hậu cung của ngài cứ trông tôi mà cười. Tôi không thể chịu để cho một người đàn bà làm nhục. Vậy tôi xin ngài cho tôi cái đầu của kẻ cười tôi.

Bình Nguyên Quân cười đáp xin vâng.

Người què đi về. Bình Nguyên Quân cười nói:

- Thằng ấy ngu quá. Vì một cái cười mà muốn giết mỹ nhân của ta ư!

Nhà của Bình Nguyên Quân có lệ thường: người giữ việc đãi khách mỗi tháng phải dâng trình sổ khách để xem số khách ít nhiều mà lượng tính xuất phát chi tiêu tiền thóc gạo vào ra. Trước kia số khách chỉ tăng thêm, nay mỗi ngày mỗi ít đi. Hơn một năm mấy kém mất một nửa. Bình Nguyên Quân lấy làm lạ, đánh chung hợp cả khách lại hỏi:

- Thằng này đãi các người chưa dám có điều gì thất

lễ, thế mà lại đua nhau bỏ đi là tại làm sao?

Trong bọn khách có một người đứng lên nói:

- Ngài không giết bỏ mỹ nhân cười người què kia, nên ai nấy đều không bằng lòng, cho rằng ngài yêu sắc đẹp mà khinh kẻ sĩ. Do đó mà họ bỏ đi. Chúng tôi bất nhật cũng sẽ xin đi.

Bình Nguyên Quân cả sợ nhận tội:

- Thực là lỗi ở Thắng này!

Nói xong, cởi ngay thanh gươm đeo, sai kẻ tả hữu chém đầu vị mỹ nhân ở trên lầu, rồi tự tay đi đến cửa nhà người què, quỳ xin chịu tội. Người què lấy làm mừng. Từ đó những tân khách trong nhà đều ngợi khen đức hiền của Bình Nguyên Quân. Bấy giờ, những khách đã bỏ đi lại trở về như cũ.

Chiêu Tương vương nước Tần nghe chuyện, thuật với bề tôi là Hướng Thọ và khen Bình Nguyên Quân là người hiền.

Hướng Thọ nói:

- Còn chưa hiền. Bình Nguyên Quân để cho mỹ nhân cười người què mà không giết, mãi đến lúc tân khách bỏ đi mới chém đầu để tạ, chẳng là muộn lắm ru!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Loạn Kiêu Binh

Nước Nam vào thời kỳ Nam Bắc phân tranh (1528-1788). Từ Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê đến nhà Lê trung hưng, nước Nam lại chia làm hai miền: Bắc thuộc họ Trịnh, Nam thuộc họ Nguyễn. Dưới quyền khống chế của họ Trịnh, vua Lê chỉ còn hư vị.

Nguyên từ khi họ Trịnh giúp nhà Lê trung hưng lên ngôi chúa về sau, đất kinh kỳ chỉ dùng lính ở ba phủ: Thiệu Thiên, Tỉnh Gia và Hà Trung thuộc tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An gọi là lính Tam Phủ hay cũng gọi là Ưu Binh để làm quân túc vệ.

Lính này rất cậy công làm nhiều điều trái phép. Đối với họ Trịnh, nhứt là chúa Trịnh Tông, lính này tỏ ra "dày công hãn mã" hơn nữa, nên chúng càng hoành hành. Vì Trịnh Sâm say đắm nàng Đặng Thị Huệ (tục gọi bà Chúa Chè), bỏ con trưởNg là Trịnh Tông mà lập

con của Thị Huệ là Trịnh Cán làm chúa. Bọn lính Ưu Binh này phò Tông, làm một cuộc đảo chính, giết Quận Huy (Hoàng Đình Bảo), lật đổ Cán, đưa Tông lên ngôi. Thôi thì từ đó, lính Ưu Binh có tiếng gọi là Kiêu Binh, mặc sức hống hách. Ngay đến chúa cũng sợ họ như cọp.

Hàng ngày họ họp nhau lại một chỗ để cùng làm việc triều đinh. Rồi họ viết giấy đệ vào triều nói thẳng việc này nên để, việc kia nên thay. Nhiều khi những việc vô lý, họ cũng bắt buộc triều đình phải làm. Họ lại còn xin gia ơn này ơn khác, không biết thế nào là đủ. Trong triều có ai bàn chuyện phải chăng thì họ dọa sẽ phá nhà, đánh chết. Những lúc xử kiện, có khi họ nhận bên nguyên cáo là người của họ; có khi họ nhận bên bị là người quen rồi ép các người đương sự thay đen đổi trắng. Những người có quan hệ đến họ, nếu có kiện ai, thì họ bắt luôn người ấy và tự đưa ra xử đoán, không cần gì đến quan chức!

Các quan đều phải nhịn hơi nuốt tiếng, không dám động chạm đến họ. Triều đình bàn nên xét công ban thưởng trọng hậu, tỏ ý đền ơn cho họ để họ đều được mãn nguyện, rồi sau sẽ dùng phép vua trị họ dần dần.

Bọn Kiêu Binh được trọng thưởng bấy giờ mới bảo nhau:

- Chúng ta đã phò ông ấy làm chúa thì cũng đừng làm quấy nhiễu quá, để cho ông biết làm chúa là vui. Chớ xem sau này dần dần thuận cảnh, ông ấy cư xử ra sao. Nếu mà gàn rỡ thái quá, bấy giờ mình sẽ liệu cách mà trị. Quyền mình nguyên vẫn là lính kia mà.

Một hôm trong đám Kiêu Binh có 4 tên lính cưỡng bách một người lái buôn ở Đông Hà để mượn chiếc thuyền bị người đội trưởng phát giác. Cả bốn tên đều bị xử chém. Bọn Kiêu Binh thán oán cho là hình phạt quá nặng, nhưng vì việc đó tự họ trót bới ra nên đành phải im.

Triều đình tự đắc cho là họ đã nép oai, trừng trị họ được.

Nhân thái tử Lê Duy Vĩ bị bịnh, Trịnh Sâm bức thắt cổ chết, con là Duy Kỳ bị bắt giam trong ngục Đề Lĩnh, khi Kiêu Binh lập Tông làm chúa thì đem kiệu đến tận nhà giam đón Kỳ về. Tông bị ép nên cùng triều đình lập

Kỳ lên ngôi Đông cung, tức Hoàng tự tôn. Kiêu Binh nhân đó kể công, làm giấy tâu lên vua Lê để cầu ân huệ.

Nhà vua tuyên chỉ ủy lạo cả bọn. Lại truyền đãi tiệc và bàn cách thưởng công. Giữa lúc bọn Kiêu Binh họp ở trên điện ăn uống, có người chạy đi báo tin với chúa Trịnh Tông. Tông bàn với Quốc sư Nguyễn Khản và Quốc cựu Dương Khuông (em của Dương Thái phi, cậu của Tông). Cả hai chủ trương đem quân vây bắt và giết đi. Tông liền sai Chiêm Vũ hầu đi bắt.

Chiêm Vũ vốn có can đảm và sức khỏe, xách gươm ra thẳng cửa phủ. Vừa đi vừa tuốt gươm ra, Vũ sờ vào lưỡi gươm, tự hào nói:

- Sắc. Gươm ta sắc. Gươm ta chém được đầu Kiêu Binh.

Đoạn dẫn quân đến bao vây. Bọn Kiêu Binh còn đương ăn uống chè chén, nghe tin có lính bắt, ai nấy hỏa tốc chạy trốn. Chiêm Vũ bắt được 7 tên đem về phủ. Tông nghe lời Khản và Khuông đem ra xử tử. Lúc ấy trong triều, ngoài quê đều lấy làm khoái!

Bọn Kiêu Binh cả thảy lấy làm oán tức. Họ lại họp nhau bàn bạc. Có người nói:

- Ngày nay được có triều đình, khiến cho vua tôi ngồi yên mà hưởng phú quí đều là sức của chúng mình. Thế mà... chẳng ơn thì chớ lại còn xem là kẻ thù, động một tí là cho đè nén. Nếu cứ nấn ná nén nhịn, khiến cho cái mưu "bẻ đũa" của họ được thành, thì rồi bọn mình không mặt nào sống sót.

Lại có người chêm vào:

- Chúng ta không biết "bẻ", chỉ biết "đả". Vậy hãy mau mỗi người đấm cho bọn họ một cái để họ đi theo Quận Huy, thử xem họ có bẻ nổi hay không?

Rồi họ hẹn hôm sau, khi tan triều sẽ khởi sự.

Các quan trong triều bắt được tin, bán tín bán nghi. Sáng lại, Dương Khuông và Chiêm Vũ hầu đi lén vào phủ chúa. Nguyễn Khảm đóng cửa nằm nhà, không dám vào triều. Tan triều, bọn Kiêu Binh chia nhau đi vây các dinh. Vào nhà Dương Khuông và Chiêm Vũ hầu không thấy

hai người, bọn họ tức thì hò nhau phá nhà. Chỉ trong chốc lát cả hai tư dinh đó hóa thành đất bằng.

Nguyễn Khảm bắt được hung tin, hoảng hốt thay đổi y phục, theo ngõ tắt chạy trốn thoát được. Còn nhà cửa đều bị Kiêu Binh phá tan tành.

Không bắt được ba người, lòng càng căm tức. Họ dò được tin quốc cựu Dương Trung và Chiêm Vũ hầu trốn trong phủ chúa, bèn cùng chia ra chắn kín cửa phủ. Đoạn cho một bọn kéo vào phủ đường đòi Tông đưa hai người ra cho họ. Tông bảo là không có. Họ nói:

- Hai thằng ấy trốn vào phủ, đã có người thấy rõ ràng. Người ta còn nhớ cả giờ chúng đi vào nữa, thế mà chúa còn chối à? Xưa nay chúa nói dối bao giờ?

Dương Thái phi vừa khóc vừa nói:

- Cái thân góa bụa nhờ có ba quân phò chúa mới được thế này. Xin chư quân hãy tha mạng hắn cho già được vẹn tình cốt nhục.

Bọn Kiêu Binh quát to:

- Tha mạng cậu cấy à? Thế còn hôm nọ bảy mạng chết, ai tha? Nếu còn cố giấu, cung khuyết sẽ hóa thành tro lập tức.

Tông và Thái phi hoảng sợ quá cùng ngồi xuống đất, chấp tay vái lạy.

Bọn Kiêu Binh lại nói:

- Không nói chuyện với đàn bà, chỉ nói chuyện với nhà chúa mà thôi.

Tông nói:

- Bức nhau thế này, thà rằng đừng lập làm chúa cho rảnh.

Họ lại nói:

- Tưởng rằng chúa muốn nên mới cố lập. Không muốn thì có ai ép.

Một người trong bọn chêm vào:

- Nói làm gì nữa? Hãy hạ xuống bệ...

Tông sợ quá không dám hó hé.

Bấy giờ trời sẩm tối, bọn Kiêu Binh bảo nhau giải tán. Trước khi ra về, họ còn nói dọa:

- Bắt chúng ví như bắt cá. Nước sâu thì cá còn lặn. Ngày mai tháo cho cạn nước, thử xem nó có mà bay lên trời.

Đêm ấy, họ canh phòng cửa phủ rất cẩn mật.

Tông bàn với Thái phi là phải mất nhiều của tiền đút cho chúng, may ra mới xong. Thái phi đồng ý. Biết có tên thư lại tên Nhưng Thọ vốn đứa xảo quyệt, bọn Kiêu Binh bàn việc gì cũng phải hỏi nó, nên Tông đưa cho một ngàn lượng bạc, nhờ nó làm sứ giả phân chia cho chúng. Tông còn hứa "công việc xong sẽ còn trọng thưởng."

Hôm sau, Kiêu Binh lại kéo sát vào phủ. Tông và Thái phi lại ra yêu cầu. Họ nói:

- Việc gì phải lắm lời. Cứ vào cửa cấm lùng khắp tòa

phủ rồi túm búi tóc lôi ra, hỏi xem cái nắm đũa ấy bẻ được mấy chiếc.

Nhưng Thọ ra hòa giải. Quân lính vốn sẵn tham lợi nên dịu giọng nói:

- Đã thế thì tha cho em ruột Thái phi. Nhưng còn Chiêm Vũ là người giữa trời, chúng tôi phải xin mỗi người một miếng thịt để nhắm rượu, rồi sẽ giải tán ngay.

Tông nói:

- Tha thì tha cả. Sao lại còn phân biệt người nọ người kia.

Bọn họ giận nói:

- Nhà của chúa nếu còn quanh co che chở Chiêm Vũ, hễ chúng tôi điên tiết thì cả Quốc cựu cũng không thể thoát.

Tông sợ quá cho người đến an ủi Chiêm Vũ và khuyên phải ra. Chiêm Vũ trốn trên Lân Các bất đắc dĩ phải trèo xuống thang ra mắt Tông và nói:

- Chết thì chết, nhưng thần xin đôi tay đôi thanh kiếm, đánh với chúng nó một trận, giết chơi vài ba trăm đứa cho hả cái giận của nhà chúa.

Tông khuyên giải:

- Không nên. Như thế chỉ làm cho Thái phi kinh sợ, quả nhân cũng chẳng được yên.

Tông khóc, đoạn hứa với Chiêm Vũ là sau khi Vũ chết, sẽ cấp một ngàn mẫu ruộng làm của nối đời, và phong làm phúc thần, bắt dân 10 làng thờ cúng. Tông lại tự viết 6 chữ "Trung nghĩa tráng liệt đại vương" đưa cho Chiêm Vũ. Vũ quỳ xuống nhận lấy, vo tròn mà nuốt rồi lạy tạ Tông bước ra. Khi qua điếm Tiểu Bút, Chiêm Vũ bị bọn Kiêu Binh lôi kéo hỏi:

- Gươm sắc của mày ra sao?

Chiêm Vũ đáp:

- Ta không thể dùng thanh gươm đó chém đầu chúng bay là theo lịnh chúa và vì xã tắc đó thôi. Nhưng mà chẳng lâu gì đâu!

Chúng toan đánh. Vũ bảo:

- Đây là cấm địa, không thể làm việc vũ phu. Hãy để tao ra cửa phủ ngồi yên, tha hồ chúng bay muốn làm gì thì làm.

Rồi Chiêm Vũ khoan thai bước đến cạnh cầu đá, ung dung ngồi xuống mặt đường, bảo bọn Kiêu Binh:

- Đứa nào muốn làm gì tao, cứ việc mà làm.

Bọn Kiêu Binh lấy gạch đá đập mãi vào đầu. Máu chảy đầy mặt. Chiêm Vũ ngồi yên không động, khẽ lấy tay lau mặt, vừa cười vừa nói:

- Bây giờ tao không thi võ nhưng vẫn còn thi can đảm.

Một tên Kiêu Binh đứng sau dùng dao đâm thẳng vào lưng, bấy giờ Chiêm Vũ mới ngã chết.

Vậy mà chưa hả giận, bọn Kiêu Binh lại buộc chúa Trịnh Tông phải xử án trước. Tông bất đắc dĩ phải thi hành. Nguyễn Khản, Dương Khuông đều bị bãi chức làm

dân. Bảy tên Kiêu Binh bị chém ngày trước đều được đền mạng.

Từ đó bọn Kiêu Binh càng ngông nghênh. Tại các đường phố, họ cứ dắt tay nhau đi. Các vị vương hầu vừa thấy bóng dáng của họ từ xa là phải quay xe lại đi đường khác.

Oai tợn như thế đó, nhưng rất buồn cười là khi chúa Tây Sơn Nguyễn Huệ đem binh từ miền Nam đánh ra, chúng nghe hơi đã run, chưa thấy bóng dáng là đã cuốn vó co giò phóng chạy. Dân chúng đã sẵn căm thù, nên chúng lẻ tẻ chạy đến đâu là bị dân bắt giết.

Hợp cũng không oai danh mà rã cũng không oai danh!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tào Tháo Thèm Kỹ Nữ

Dời Tam Quốc, Tào Tháo là chúa nước Ngụy, lúc làm Thừa tướng cho Hán triều, oai quyền hống hách, nhứt hô bá ứng. Lúc nào cũng ra vẻ nghiêm trang đạo mạo. Tuy vậy cũng có khi, họ Tào thấy khao khát dục tình, trổ mòi lắm chuyện... để lộ chân tướng.

Nguyên Tào Tháo đem binh đánh Trương Tú đương đóng ở Uyển Thành.

Tú là cháu của Trương Tế. Tế dẫn quân đánh Nam Dương bị tên chết. Tú thấy lực lượng của Tháo quá mạnh nên xin hàng. Tháo bằng lòng, đãi Tú rất hậu, rồi dẫn quân vào Uyển Thành đóng đồn. Quân còn lại thì đóng ngoài thành. Dinh trại liên tiếp nhau dài hơn 10 dặm. Để vừa lòng họ Tào, Trương Tú ngày nào cũng bày tiệc khoản đãi.

Một buổi tối, sau khi rượu thịt no say, Tháo lui về phòng ngủ. Phòng vắng lạnh, men rượu ngà ngà, Tháo cảm thấy con người bức rức, sự thèm khát trỗi dậy, mới hỏi nhỏ kẻ tả hữu:

- Trong thành này có... kỹ nữ không?

Con người anh của Tháo là Tào An Dân biết ý chú, bí mật thưa rằng:

- Chiều hôm qua, cháu thấy ở cạnh quán xá có người đàn bà nhan sắc mười phần diễm lệ. Hỏi ra mới biết là thím của Trương Tú tức là vợ của Trương Tế. Vậy nếu có thể... thì...

- Hẳn mi thấy rõ là đẹp đấy chớ?

- Người rất đẹp, chú thấy chắc vừa lòng ngay.

Tháo thấy lòng dục bừng bừng nổi dậy, lấy làm mừng rỡ, vội bảo An Dân đem ngay 50 giáp sĩ đi bắt. Lát sau, đem về trung quân, Tháo ngắm nhìn nàng quả nhiên tuyệt đẹp. Tháo đắc ý hỏi họ. Thiếu phụ đáp:

- Thiếp là vợ của Trương Tế, người họ Chu.

Tháo hỏi:

- Phu nhân có biết tôi chăng?

Chu thị thưa:

- Nghe danh Thừa tướng đã lâu, đêm nay mới được chiêm bái, hân hạnh cho thiếp biết chừng nào.

Tháo ra vẻ nghiêm nghị, lên giọng tán:

- Chính vì tôi nể phu nhân mới chấp nhận cho Trương Tú hàng đấy. Nếu không thì đã giết cả ba họ rồi.

Chu thị chấp tay vái tạ rằng:

- Cảm ơn tái sinh này biết mấy.

Tháo lại dỗ:

- Hôm nay được gặp phu nhân quả là trời dun dủi. Vậy bây giờ xin hãy cùng nhau vui vầy cá nước, rồi mai đây cùng ta về Hứa Đô an hưởng phú quý. Phu nhân

lòng nghĩ thế nào?

Chu thị tỏ vẻ bẽn lẽn, một lúc mỉm cười tạ ơn. Thế rồi đêm ấy, cả hai mặc sức giao hoan thủ lạc. Đêm trường ân ái, Chu thị thấy cảm ngay họ Tào nên thỏ thẻ:

- Nếu ở lâu trong thành này ắt Trương Tú sinh nghi, và cũng sợ người bàn tán nữa.

Tháo an ủi:

- Được rồi, ngày mai ta đưa phu nhân cùng ra ở trại lớn là yên.

Hôm sau cùng nhau dời ra ngoài thành ở. Tháo truyền cho tướng mạnh là Điển Vi vào trung quân, bảo ngủ ngay bên ngoài trướng phòng vệ. Ngoài ra bất cứ ai, nếu không có lịnh gọi đến bị cấm hẳn, không được vào. Tháo ngày đêm vui thú với Chu thị, say sưa hoan lạc, mê mẩn đến quên hẳn ngày về.

Chuyện dâm loạn khó dấu được. Tú có người mật báo, lấy làm tức giận cho là một sỉ nhục ghê gớm nên bí mật hội chư tướng của mình lại, giữa đêm tấn công vào

trướng của Tháo và Chu thi đương ở.

Tướng Điển Vi dù mạnh nhưng mãnh hổ nan địch quần hồ, cuối cùng bị tên chết tại trận. Tào An Dân bị băm nát như bùn. Người con cả của Tháo là Tào Ngang trong cuộc ủng hộ Tháo chạy trốn bị loạn tên chết. Tháo chạy bán sống bán chết, may nhờ các tướng kéo quân đến tiếp cứu, không thì cũng táng mạng.

Trận này, họ Tào hú hồn hú vía.

Thế là tướng yêu, cháu ruột, con cưng cùng một số lính chết oan mạng vì Thừa tướng trong một lúc thèm kỹ nữ.

Chim Việt, Ngựa Hồ

Cổ thi có câu:

Hồ mã tê Bắc phong,

Việt điểu sào Nam chi.

Nghĩa là:

Ngựa Hồ hí gió Bắc,

Chim Việt ở cành Nam.

Chim Việt là loài chim sinh ở đất Việt, thuộc phía nam nước Tàu. Mỗi năm cứ đến buổi đầu thu, từng đàn chim Việt bay sang phương Bắc để kiếm ăn. Vì khi thu sang, phương Bắc có nhiều chỗ có giống lúa mới vừa chín, lại thêm có nhiều hoa quả. Trái lại ở phương nam vì mới giao mùa, lúa vừa đọng sữa, cây trái hiếm. Do đó, chim

Việt phải đổ sang đấy kiếm ăn.

Tuy sang phương Bắc nhưng đàn chim Việt vẫn nhớ quê hương. Muốn làm ổ, chúng chọn cành cây chĩa về phương Nam, tức là phương của quê nhà mà chim sinh trưởng.

Chim Việt (Việt điểu) để chỉ chim nhớ quê hương cố quốc.

Ngựa Hồ là ngựa ở nước Hồ. Nước này ở về phương bắc nước Tàu mà ngày xưa người Tàu thường cho là nước man rợ hay cũng gọi là Phiên quốc. Ngựa Hồ cao lớn, leo núi rất giỏi, chạy rất nhanh. Người Trung Quốc thường mua về làm ngựa chiến trận. Nước Hồ vốn là xứ lạnh. Khi đông về, gió bấc thổi, tuyết rơi lả tả, gió lạnh tê tái.

Ngựa Hồ tuy về Trung Quốc, là nơi tương đối ấm áp nhưng vẫn nhớ đến đất Hồ tê lạnh, mỗi độ đông về. Vì thế khi có gió bấc là gió phương bắc thổi đến, tuyết rơi lả tả nơi đất Trung nguyên thì ngựa cất tiếng hí lên thê thảm tỏ lòng nhớ cố quốc.

Có sách lại chép: nước Hồ đem ngựa cống vua Hán ở Trung nguyên. Ngựa được nhốt vào chuồng cho ăn uống thật ngon và được chăm sóc rất kỹ. Nhưng khi gió bấc thổi đến thì ngựa lại bỏ cả ăn uống, ngóng về phương bắc hí vang lên những tiếng bi thảm.

"Chim Việt ngựa Hồ" trở nên thành ngữ, có nghĩa bóng là không quên nơi quê hương cố quốc dù ở nơi đất khách quê người.

Trong tác phẩm "Trinh thử" của Hồ Huyền Qui có câu: "Chỉ con chim Việt đỗ rày cành Nam".

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Lễ Hôn

OViệt Nam, những nghi lễ về cưới gả vốn của Trung Hoa truyền sang từ thời Bắc thuộc (111 trước D.L.) do hai quan thái thú Tích Quang và Nhâm Diên.

Hẳn vào thời kỳ xa xưa, người Việt Nam xây dựng hôn nhân có lẽ giản dị lắm. Thế nên quan lại Trung Hoa sang cai trị đất Giao Chỉ phải dạy dân cưới gả theo nghi lễ phiền phức của họ.

Theo cổ tục, hôn lễ có 6 lễ:

1/ Nạp thái: lễ coi mắt, chọn lựa.

2/ Vấn danh: lễ hỏi tên họ, tuổi.

3/ Nạp kiết: lễ bói xem hai tuổi có hợp nhau không.

4/ Nạp trưng: nạp sính lễ như tiền bạc, quần áo, nữ

trang…

5/ Thỉnh kỳ: định ngày cưới.

6/ Thân nghinh: lễ rước dâu.

Tuy kết hôn theo kiểu Tàu nhưng người Việt Nam đã bỏ bớt một số nghi lễ phiền phức mà chỉ còn giữ ba lễ chính:

1/ Lễ vấn danh (lễ giạm) là lễ do nhà trai nhờ mối (mai) đến hỏi tên tuổi người con gái để so hai tuổi trai gái xem có hợp nhau không (sung khắc hoặc tương hợp theo số tử vi).

2/ Lễ nạp trưng (lễ hỏi) là lễ đem đồ sính lễ đến nhà gái.

3/ Lễ thân nghinh là lễ họ nhà trai đến nhà gái rước dâu về.

Việc hôn nhân do cha mẹ định đoạt (phụ mẫu chi mạng) hay do lời nói của người mối lái (môi chước chi ngôn). Con cái không có quyền định đoạt mối lương

duyên của mình.

Khi cha mẹ ưng ý một người con gái nào hoặc vì nết na, đảm đang, hoặc vì địa vị gia đình (môn đăng hộ đối) thì nhờ người mối (băng nhân) đến điều đình. Nếu nhà gái thuận thì người mối đem lễ đến nhà gái xin "lộc mạng" hay "bát tự", tức là giấy ghi chép giờ, ngày, tháng, năm sinh của người con gái. Nếu thấy số so tuổi hai người trai gái được tương hợp thì nhà trai cùng người mối đem lễ vật đến nhà gái để sính ước. Lễ này gọi là lễ nạp trưng, lễ nạp lệ hay cũng gọi là lễ hỏi.

Từ đấy, cứ đến ngày nhà gái có giỗ, người con trai phải đến cúng. Và theo những ngày lễ tết trong một năm, phải đem đồ lễ tết đến nhà vợ chưa cưới. Lễ tết dài trong bao nhiêu năm không chừng. Vì người Nam có tục hỏi vợ cho con ngay từ lúc con còn nhỏ, đợi đến gần tuổi trưởng thành mới cưới hẳn, hoặc bị tang chế phải đợi.

Cũng có tục bắt con trai đến nhà gái làm giúp đỡ công việc trước khi cưới, tục gọi làm rể hay giữ rể. Nhưng thường con trai nhà nghèo mới chịu cách này.

Sau lễ hỏi, nhà gái đem trầu cau biếu người trong họ, bằng hữu để báo tin mừng. Nếu đôi trai gái đã trưởng thành mà lỡ gặp người trong họ chết thì có thể hỏi cưới ngay để tránh sự ngăn trở bởi tang chế. Như vậy tục gọi là cưới chạy tang.

Trước ngày cưới (lễ nghinh thân) nhà trai cho mối đến điều đình về món tiền và lễ vật cưới. Đến ngày đón dâu, chú rể cùng họ hàng khăn áo tốt đẹp chỉnh tề, họp thành một đoàn, chọn giờ hoàng đạo, kéo đến nhà gái do một người chủ hôn đi đầu hướng dẫn. Người chủ hôn (thường chọn người cao tuổi, vợ chồng song toàn có con cháu đông đúc) mặc lễ phục, bưng quả hộp đựng trầu cưới và tư trang của cô dâu, mở lối, rồi đến các người dẫn lễ, sau đến chú rể cùng hai người phù rể, sau là cha mẹ và họ hàng đàng trai.

Tất cả lễ vật cũng như số người đều không được lẻ mà phải đủ đôi đủ cặp.

Trong khi đến nhà gái, dọc đường, họ nhà trai thường gặp những đám giăng dây. Phải nộp tiền, họ mới mở lối cho đi. Nếu lấy vợ ở làng khác, lệ giăng dây còn sinh ra

nhiều phiền nhiễu. Vì mỗi ngõ phải qua, họ nhà trai thường gặp nhiều đám giăng dây. Có đám bày cả hương án với đỉnh trầm, đèn nến, giá hương, độc bình, trên giăng một sợi dây điều kèm một cây kéo cắm trong bình hương do tuần tráng bầy ra. Khi họ đàng trai nạp tiền rồi mới cắt dây cho đi. Đó là một thứ tiền phụ, còn có số tiền nộp cheo phải trả cho làng để làng công nhận việc hôn thú.

Nhiều khi, trong họ nhà gái, có người ra đón tại cổng để lấy tiền nhà trai rồi mới mở cổng cho vào. Hoặc chính người em hay người cháu đích trưởng nhà gái đóng cả cửa từ đường lại để đòi tiền rồi mới mở ra. Những tục lệ này không được phổ thông bằng tục lệ giăng dây.

Bấy giờ vị chủ nhân họ nhà trai (hay mai nhân) đem đồ nữ trang và đôi đèn cầy đi thẳng lại bàn thờ để khai hộp giữa bàn. Hai ông sui trai gái, mỗi người lãnh lấy một cây đèn cắm vô chưn đèn rồi đốt lên. Mai nhân họ nhà trai trình cho mai nhân họ nhà gái những lễ cưới. Đoạn chú rể cô dâu làm lễ từ đường, rồi lạy cha mẹ, mai dong, thân tộc. Bà con họ hàng muốn cho tiền thì cho ngay lúc cô dâu chú rể đương lạy mình.

Lễ xong, nhà họ gái đãi trà mứt rồi tiệc rượu. Trong lúc này cũng như trong họ nhà trai đến, họ thường đốt pháo để cảnh thêm tưng bừng vui vẻ.

Ăn uống xong đoạn rước dâu về.

Khi đưa dâu, họ nhà gái chọn người cao tuổi cầm bó hương đi trước. Rồi họ hàng dẫn cô dâu theo sau. Có hai cô phù dâu đi cạnh hai bên cô dâu.

Về đến nhà trai, cô dâu chú rể đến bàn thờ làm lễ gia tiên, rồi lạy cha mẹ, mai dong, thân tộc như bên nhà gái, đoạn làm lễ nhập phòng. Trước khi vào phòng, cô dâu phải bước qua cái hỏa lò than hồng để xua đuổi tà khí.

Trong phòng cưới có đặt sẵn một mâm trầu rượu gọi là "mâm tơ hồng". Người chồng lấy trầu lễ tơ hồng trao một nửa cho vợ lại rót một chén rượu, uống một nửa trao cho vợ uống. Đó là lễ Hợp Cẩn hay lễ Giao Bôi.

Ba hôm sau, hai vợ chồng cùng trở về nhà vợ làm lễ từ hỉ hay "lại mặt" hay cũng gọi là lễ "giở mâm trầu". Rồi vợ chồng cùng đi chào họ hàng nhà vợ. Sau lễ cuối cùng

này, hai vợ chồng lại trở về nhà chồng. Từ đấy, người vợ không còn quan hệ mật thiết đến gia tộc mình nữa (nữ nhân ngoại tộc).

Hỏa Ngưu Trận

Tướng nước Yên là nhạc Nghị đem quân đánh nước Tề. Trong vòng 6 tháng mà hạ được 70 thành của Tề. Chỉ còn hai thành thôi là Cử Châu và Tứ c Mặc đương hấp hối trước lực lượng của Yên. Riêng thành Tức Mặc bị bao vây rất ngặt.

Tướng giữ thành Tức Mặc chết. Điền Đan được cử lên thay. Hàng ngày, Điền Đan tay cầm ván, thuổng cùng sĩ tốt làm việc. Họ hàng thê thiếp đều ghép vào hàng ngũ cả. Người trong thành đều sợ mà được yên.

Nhạc Nghị vây suốt ba năm mà không hạ được thành, bèn rút quân lui ra 9 dặm, đắp lũy để giữ. Lại hạ lịnh rằng: Dân trong thành Tức Mặc nếu có ai ra kiếm củi thì cứ cho ra tự do, ai đói thì cho cơm ăn, ai rét thì cho áo mặc. Ý muốn cho dân trong thành cảm phục mến đức mà qui hàng.

Quan đại phu nước Yên là Kỵ Kiếp gièm pha với vua Yên là Nhạc Nghị không muốn hạ thành Tức Mặc sớm, cố kéo dài để xem ân uy kết chặt lòng dân Tề, mục đích sẽ tự lập làm vua Tề vậy. Dò được tin đó, Điền Đàn liền bí mật cho người sang Yên đồn đãi lên rằng: người Tề chỉ sợ nhất là Nhạc Nghị đến, thì thành Tức Mặc sẽ bị phá, Nghị hoãn thành là để chờ cơ hội lên làm vua.

Yên Huệ vương đã sẵn nghi Nhạc Nghị nay nghe lời đồn đãi hợp với lời nói của Kỵ Kiếp nên sai Kỵ Kiếp thay Nhạc Nghị và rút Nghị về nước. Nghị sợ bị giết, nghĩ mình vốn người nước Triệu nên bỏ trốn về Triệu.

Kỵ Kiếp được thay quyền làm tướng, vừa đến lũy được ba ngày liền đem quân đánh Tức Mặc, bao vây thành mấy vòng, tưởng con kiến con ong cũng khó chui ra.

Trong thành phòng giữ rất vững. Tuy vậy quân sĩ cũng lấy làm lo.

Một buổi sáng, Điền Đan sớm dậy nói với người trong thành:

- Đêm hôm ta nằm mộng thấy Thượng đế bảo ta rằng Tề sẽ thắng, Yên phải thua. Ngày nào đây sẽ có thần nhân làm quân sư cho ta, đánh trận nào thắng trận nấy.

Giữa lúc ấy có một tên lính đứng thập thò bên cột trông vẻ ngớ ngẩn, Điền Đan liền bước đến chụp lấy tay nó, nói với mọi người:

- Đây rồi. Vị thần nhân mà ta thấy đêm hôm chính là người này.

Đoạn, Đan kính cẩn mời nó vào trướng. Tên lính ngẩn ngơ, không biết ất giáp gì, sợ tái mặt lập cập thưa:

- Tôi thực không có tài gì, xin tướng quân tha cho.

Điền Đan nghiêm nghị bảo:

- Mày bôi mặt đỏ, mặc áo đỏ, đội mũ đỏ, mang hia đỏ, ngồi trên cái ghế cao kia để tao lạy mày nghe chưa?

- Không dám.

Điền Đan trợn mắt, quát:

- Không dám thì tao đập đầu mày vỡ như cám. Mày phải vâng lời, nghe chưa?

Tên quân hoảng sợ:

- Dạ, xin nghe.

Đan lại bảo:

- Mày tự xưng là "Tướng nhà Trời" do Ngọc Hoàng Thượng đế sai xuống để cứu nước Tề đây, nghe chưa?

- Dạ!

- Rồi mày ngồi yên lặng trên ghế cao đó, để cho tao lạy mày và các tướng sĩ lạy mày. Mày nghe chưa?

- Dạ!

- Rồi mày nói to lên: "Các tướng sĩ hãy lui ra hết, một mình tướng quân ở lại đây nghe ta truyền mật lịnh để cứu nước Tề". Mày nghe chưa?

- Dạ!

- Xong rồi, mày làm thinh, đừng nói gì nữa hết, nghe chưa?

- Dạ!

- Nếu mày không làm đúng như lời tao dặn, tao sẽ chém đầu mày cho mày chết không kịp ngáp. Nghe chưa?

- Dạ!

Tên lính ngờ nghệch ấy răm rắp tuân lịnh, bôi mặt đỏ, mặc quần áo đỏ, đội mũ đỏ rồi trèo lên chiếc ghế cao ngồi chóc ngóc trên đó.

Tướng Điền Đan liền truyền lịnh cho tất cả tướng sĩ tụ họp vào trong dinh để nghe lịnh của "Tướng nhà Trời". Hàng ngàn tướng sĩ đến nơi thấy một cảnh tượng vô cùng kỳ dị: chủ tướng Điền Đan mình đang mặc cẩm bào đương sụp lạy một hình người mặt đỏ, áo đỏ, mũi đỏ, hia đỏ, ngồi chót vót trên ghế cao. Bỗng hình người phán:

- Ta là tướng nhà Trời do Ngọc Hoàng Thượng đế sai

xuống để cứu nước Tề đây, nghe chưa?

Điền Đan cúi đầu cung kính đáp:

- Dạ!

Đoạn sụp xuống lạy "Tướng nhà Trời".

Toàn thể tướng sĩ lúc bấy giờ không ai bảo ai, cũng răm rắp một loạt lên tiếng:

- Dạ!

Rồi sụp xuống lạy.

"Tướng nhà Trời" lại bảo:

- Các tướng sĩ hãy lui ra hết, một mình tướng quân ở lại đây nghe ta truyền mật lịnh để cứu nước Tề. Nghe chưa?

- Dạ!

Nghe "Tướng nhà Trời" truyền dạy như thế nên tất cả mọi người lạy 3 lạy rồi lui ra, chỉ để Điền Đan ở lại lãnh

mật lịnh. Bấy giờ ai cũng sợ sệt nhưng rất mừng vì tin tưởng có Tướng nhà Trời làm quân sư thì nước Tề sẽ thắng trận và được hưng vượng. Tin "Tướng nhà Trời" được loan truyền ra tận ngoài thành đến dinh Yên. Nhưng quân Yên chưa tin.

Điền Đan truyền lịnh của Tướng nhà Trời cho dân chúng trong thành: ngày 2 buổi, trước bữa ăn phải đem hoa quả thực phẩm bày ra sân để tế tổ tiên. Như thế sẽ được tổ tiên phò hộ cho. Dân chúng đều triệt để tuân theo. Những chim chóc bay ngang thấy có đồ tế liền sà cách xuống đớp mỗi ngày hai buổi. Chúng lượn đi lượn lại rợp trời rợp đất. Được mồi ngon, chúng lại kêu hót líu lo, cực kỳ vui thích.

Quân Yên bao vây bên thành trông thấy lấy làm lạ lùng quái dị, chuyến này tin chắc là có hẳn tướng nhà Trời. Chúng hoang mang vô cùng. Đã có Trời giúp thì làm sao địch nổi. Nếu địch lại thì trái mạng Trời. Nếu trái mạng trời thì phải toi mạng.

Quân Yên bấy giờ cực kỳ hoang mang, tinh thần bắt đầu giao động.

Điền Đan lại cho thám tử lẻn qua trại Yên đồn đãi rằng: "Nhạc Nghị trước kia hiền quá, bắt được người Tề không giết, nên người trong thành không sợ. Nếu thẻo mũi đi thì người Tề trong thành Tức Mặc kinh khủng mà đầu hàng". Kỵ Kiếp nghe thế liền truyền đem những quân lính Tề bị bắt trước kia, cả đến những quân lính hàng đều thẻo mũi cả.

Người trong thành nghe thế vừa sợ vừa tức, bảo nhau nhứt quyết giữ thành. Nếu lôi thôi, chẳng may thành hạ thì họ bị bắt, dù có đầu hàng cũng bị địch bắt thẻo mũi.

Điền Đan lại cho người đồn đãi qua trại Yên. Dân chúng ở trong thành nhưng mồ mả tổ tiên của họ đều xây đắp ở ngoài thành. Nếu quân sĩ nước Yên đào những mồ mả ấy thì người nước Tề vì sợ cái nạn quật mồ tổ tiên mà đầu hàng hết. Kỵ Kiếp liền sai quân lính đào hết mồ mả ở ngoài thành, đốt thây người chết, quăng bỏ hài cốt.

Dân chúng trong thành nhìn thấy đều khóc nức nở, căm thù quân Yên cực độ, quyết một phen rửa hận và

nguyện uống máu ăn gan của quân bạo tàn man rợ. Họ cùng kéo nhau đến quân môn, yên cầu Điền Đan cho họ ra đánh một trận để báo thù cho tổ tông. Thấy lòng căm phẫn của dân đã đến cực độ, Điền Đan mừng thầm cho là quân lính đã đến lúc dùng được. Nhưng Đan chưa cho đánh vội.

Đan sai sứ đưa lễ sang quân Yên bảo rằng lương thực trong thành đã hết, và định ngày đầu hàng. Kỵ Kiếp tự đắc hỏi các tướng sĩ:

- Ta sánh với Nhạc Nghị thế nào?

Các tướng đều nói:

- Thật tài hơn Nghị vạn bội.

Rồi chúng lại nhảy nhót, vui mừng, tung hô vạn tuế.

Điền Đan thu trong dân chúng được hơn ngàn vàng, sai những nhà giàu đem biếu riêng các tướng Yên, yêu cầu trong ngày hạ thành, họ bảo toàn gia quyến cho. Các tướng Yên cả mừng, nhận vàng rồi giao cho mỗi nhà một lá cờ nhỏ, cắm ở trước cửa để làm dấu hiệu.

Chúng rất tin chắc, không phòng bị, chờ ngày Điền Đan khai thành đầu hàng.

Điền Đan liền chuẩn bị tổng phản công.

Đan sung công tất cả trâu của dân chúng. Trâu đực, trâu cái, trâu mẹ, trâu con, trâu già, trâu nghé... có hơn ngàn con đều được tập trung ở một khu đất trống trong thành. Đan lại tuyên bố đây là mưu kế củaTướng nhà Trời bày ra cho ông để tiêu diệt quân Yên mà đem thắng lợi cho nước Tề.

Tất cả một ngàn con trâu đều mang một lớp áo đỏ vào thân, vẽ thêm màu sắc lòe loẹt. Gươm, giáo, mác cột chặt vào sừng trâu đưa mũi nhọn sắc ra trước. Mỗi đuôi trâu lại buộc một nùi cỏ khô tẩm dầu chai.

Người ta không hiểu để làm gì.

Hoàng hôn xuống. Điền Đan liền cho giết một con trâu làm tiệc. Đoạn cho năm trăm quân cường tráng ăn uống no say, vẽ 5 màu sắc vào mặt, mặc y phục đỏ, cầm k hí giới và chạy theo sau trâu.

Trời đã khuya. Giờ khởi binh đã điểm. Tức thì cửa thành mở hoác, lùa trâu ra. Đồng thời đốt bó cỏ buộc ở đuôi trâu. Lửa cháy, trâu bị nóng quá, rống lên đâm đầu chạy xông qua dinh Yên. Năm trăm tráng quân cắm cổ chạy theo.

Quân Yên cứ tin chắc là hôm sau, quân Tề đầu hàng, sẽ kéo vào thành nên đang đêm chỏng cẳng ngủ thẳng. Thốt nhiên có tiếng ầm ầm như đất lở trời đổ, chúng giựt mình tỉnh dậy, trông ra thấy có hàng ngàn ngọn đuốc sáng rực như ban ngày. Những con vật kỳ quái xồng xộc băng băng chạy đến, lại rống lên những tiếng rùng rợn. Theo sau đó, một đoàn người dị thường hung hăng xông theo. Quân Yên hồn bay phách tán tưởng như một đoàn mãnh thú quái dị và lũ quỷ sứ mặt ngũ sắc của tướng Trời chỉ huy.

Hàng ngũ quân Yên rối loạn. Chạy đâu cũng không thoát. Những cặp sừng húc vào đâu thì người bị thương toi mạng, ruột gan lòng thòng, máu chảy dẫy đầy. Năm trăm tráng quân chẳng nói chẳng rằng, tay cầm dao lớn búa to cứ gặp người là chém, là bửa. Năm trăm người mà khí thế bằng mấy vạn quân.

Khủng khiếp quá, quân Yên mặt mày không còn một hột máu, tiểu đại xổ ra một lần. Nhưng nào thoát mạng được.

Điền Đan lại thân xuất người trong thành reo hò chạy đổ đến. Những kẻ già yếu và phụ nữ đều cầm dùi đánh vào những đồ đồng, đồ thiếc, tiếng vang dội khắp trời đất. Quân Yên càng khiếp đảm, chạy tán loạn, đạp nhau chết vô số. Thây nằm ngổn ngang như rạ, máu đổ lan mặt đất như nước sông.

Tướng Kỵ Kiếp ôm đầu lủi chạy, bị Điền Đan đâm một giáo chết không kịp la.

Quân Yên đại bại.

Thừa thắng, Điền Đan cử một cuộc tấn công, đánh thẳng đến sông Hoàng Hà, phía bắc nước Tề, khôi phục hơn 70 thành. Các thành ấy nghe quân Tề đắc thắng đều phản Yên mà trở lại với Tề.

Thật là một trận giặc trâu kinh khủng trong lịch sử thế giới.

Trong bài "Con trâu" của Học Lạc (Nguyễn Văn Lạc) có câu:

Mắc mưu đốt đít tơi bời chạy,

Làm lễ bôi chuông dớn dác sầu.

Cụ Huỳnh Mẫn Đạt, trong bài "Con trâu già" cũng có câu:

Đuôi cùn biếng vẫy Điền Đan hỏa,

Tai điếc buồn nghe Ninh Thích ca.

"Đốt đít" và "Điền Đan hỏa" là do điển tích trên.

Tam Bành, Lục Tặc

Dạo gia (tức Đạo giáo, theo học thuyết của Lão Tử) cho rằng cái Thần (tinh thần) của con người ở vào ba nơi. Một ở óc, hai ở minh đường (quả tim), ba ở dạ dày. Theo sách "Chư chân huyền ảo" thì cái Thần ấy có thể làm hại người. Ba nơi chư Thần ấy, Đạo giáo gọi là Tam thi.

Theo sách "Thái thượng tam thi trung kính" thì: thượng thi tên Bành Cứ vốn ở đầu con người; trung thi tên Bành Chất vốn ở bụng người; hạ thi tên Bành Kiêu ở chân người. Ba thần này gọi là thần Tam Bành hay xúi giục người làm bậy. Đến ngày Canh Thân, ba vị thần này lén tâu với Ngọc Hoàng Thượng Đế cho người mau chết để khỏi phải theo dõi nữa. Người ta tin rằng những sự giận dữ, nóng nảy là do thần Tam Bành xúi giục gây ra để cho người dễ làm bậy. Vì giận dữ, nóng nảy dễ làm

cho người làm những điều sai lầm. Nhiều việc không thành, đổ vỡ vì giận giỗi, nóng nảy.

Cũng như tục ngữ ta có câu: "No mất ngon, giận mất khôn".

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn Tú Bà nghe Kiều đã lấy Mã Giám Sinh (chồng bình phong của mụ), mụ ghen tức, có câu:

Mụ nghe nàng nói hay tình

Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên.

Nghĩa là mụ nghe Kiều nói rõ sự tình (tình hình, tình trạng về việc nàng đã thất thân với Mã Giám Sinh, coi Giám Sinh là chồng rồi) tức thì mụ mới nổi giận lên đùng đùng.

"Lục tặc" là sáu thứ hại.

Theo Phật giáo thì sáu thứ hại cho sự tu hành là: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc đẹp, tiếng thanh tao, mùi thơm, vị ngọt, ấm áp, êm ái dễ làm lòng người giao

động xao xuyến. Chúng như có một ma lực huyền bí để quyế rũ, hấp dẫn lôi cuốn người vào bến mê, đọa lạc. Bởi vậy, người tu hành mắt không xem sắc đẹp, tai không nghe tiếng thanh, mũi không ngửi mùi thơm, miệng không nếm vị ngọt, thân thể xa kẻ khác, lòng không tưởng điều tà vậy.

Con người, một khi để Tam Bành, Lục Tặc dậy lên thì tất nguy khốn cho thân mạng, cho cuộc đời. Người nào giết được Tam Bành, Lục Tặc tức là một vị chân tu vậy.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Suối Vàng Hay Chín Suối

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc Thúy Kiều cùng hai em đi dự hội đạp thanh và lễ thanh minh thấy mộ của Đạm Tiên vắng lạnh hoang tàn, Kiều động lòng thương xót hỏi thăm. Được Vương Quan kể lại cuộc đời bi thảm của nàng ca nhi nằm dưới mộ, Kiều ngậm ngùi khóc, có câu:

Đã không kẻ đoái, người hoài,

Sẵn đây ta thắp một vài nén hương.

Gọi là gặp gỡ giữa đường,

Họa là người dưới suối vàng biết cho.

"Suối vàng" do chữ "Huỳnh tuyền" tức là suối nước màu vàng. Người Tàu ngày xưa tin rằng ở dưới âm phủ

có chín cái suối nước vàng, nên có chữ "Cửu tuyền" tức là "Chín suối". Huỳnh tuyền hay Cửu tuyền, Suối vàng hay Chín suối đều chỉ chỗ ở của người chết.

Đời Xuân Thu (722-479 trước D.L.), chúa nước Trịnh là Trịnh Trang công tên Ngộ Sinh rất có hiếu với mẹ. Vì mẹ bất chính nên Trang công có lời thề rằng: "Chẳng phải chốn suối vàng thì chẳng nhìn nhau" (Bất cập huỳnh tuyền vô tương kiến dã).

Nguyên vợ của Trịnh Vũ công là Khương thị sinh được hai con. Con trưởng là Ngộ Sinh, con thứ tên là Đoạn. Cái tên Ngộ Sinh là do sự đẻ thình lình làm cho Khương thị chịu nhiều đau đớn. Vì đó mà Khương thị đâm ra ghét Ngộ Sinh, thương Đoạn. Lại Đoạn người khôi ngô, thông minh, mặt trắng như dồi phấn, môi đỏ như son, sức khỏe lạ thường, thêm tài kỵ xạ. Khương thị rất mực thương yêu, muốn sau này được nối ngôi nên thường khoe Đoạn là người hiền trước mặt chồng và tỏ ý muốn Đoạn được nối ngôi thế tử. Trịnh Vũ công bảo:

- Anh em có thứ bực, không nên xáo trộn đạo lý. Hơn nữa Ngộ Sinh không có tội lỗi gì, sao lại bỏ trưởng

mà lập thứ được.

Trịnh Vũ công lập Ngộ Sinh làm thế tử. Còn Đoạn thì đem đất Cung phong cho. Khương thị càng bất bình.

Vũ công mất, Ngộ Sinh lên kế vị tức là Trịnh Trang công. Khương thị rất buồn bả, bảo Trịnh Trang công:

- Con nối ngôi cha làm chủ nước Trịnh, đất rộng ngoài mấy trăm dặm mà chỉ để cho người em ruột thịt một chỗ đất nhỏ bé không đủ dung thân, sao yên lòng được?

- Vậy xin mẫu thân dạy cho biết ý muốn?

- Sao con không lấy đất Chế Ấp mà phong cho em con.

- Chế Ấp là một nơi hiểm yếu, tiên vương ngày xưa có di mạng cấm phong cho bất cứ ai. Vậy trừ đất ấy, mẫu thân muốn chỗ nào, con sẽ vâng lời.

- Nếu vậy phong cho Đoạn ở Kinh Thành.

Trịnh Trang công im lặng, không nói gì. Khương thị thấy thế nổi giận, nói:

- Nếu con không nhận như vậy thì cứ đuổi Đoạn đi sang nước khác, để nó kiếm cách gì làm ăn được thì nó làm!

Trịnh Trang công thở dài:

- Con đâu lại làm thế được!

Hôm sau, Trang công vời Đoạn vào phong cho đất Kinh Thành.

Đại phu là Sái Túc can rằng:

- Kinh Thành là một ấp lớn, đất rộng, người đông. Nếu đem phong cho Đoạn thì mai hậu người tất cậy thế chuyên quyền.

Trang công nói:

- Mẫu thân ta muốn như vậy thì ta phải làm theo vậy.

Đoạn được phong đất Kinh Thành, vào cáo biệt mẹ.

Khương thị đuổi kẻ hầu cận rồi bảo Đoạn:

- Anh mày không nghĩ đến tình ruột thịt, đãi mày lắm điều bạc. Nhờ ta ba lần khẩn khoản, nó mới phong đất Kinh Thành cho mày, ấy là vị nể chưa chắc thành thật. Con về Kinh Thanh nên lo luyện tập binh mã, phòng bị sẵn sàng, nếu có cơ hội thì đem quân lại đánh, ta sẽ nội ứng cho mà chiếm lấy nước Trịnh. Nếu con đoạt được ngôi của Ngộ Sinh thì ta có chết cũng được hả dạ.

Đoạn lãnh lịnh mẹ rồi ra đóng ở đất Kinh Thành.

Từ đấy, Đoạn giả cách đi săn bắn mà luyện tập binh mã, tìm kiếm mưu mô chiếm lấy nước Trịnh. Đoạn lại chiếm luôn cả hai ấp gần đó. Quan ấp tể trốn vào Trịnh kêu cứu. Trịnh Trang công không nói gì chỉ cười lạt mà thôi.

Đại phu Sái Túc và quan thượng khanh là công tử Lữ nằng nằng tâu xin Trang công cho đem quân đi dẹp. Trang công nói:

- Đoạn dẫu vô đạo nhưng chưa rõ tội lỗi. Nếu ta đem

quân đánh thì quốc mẫu ắt tìm cách ngăn cản. Người ngoài không biết lại bảo ta bất hữu, bất hiếu. Chi bằng cứ để thế, Đoạn tất làm càn, không hề kiêng nể, lúc ấy ta sẽ kể tội trạng đem quân đi đánh thì người trong nước chẳng ai giúp Đoạn, mà đến mẫu thân ta cũng không trách oán gì được.

Công tử Lữ nói:

- Mặc dù vậy nhưng tôi sợ thế lực Đoạn ngày một to, lan ra như cỏ mọc, cắt không hết được thì mới làm sao? Chúa công nên mưu cách gì cho Đoạn phản nghịch, nổi loạn sớm thì đánh hắn mới chắc được.

Trang công cho là phải. Bấy giờ cả hai mới tính kế nhau.

Sáng hôm sau, Trang công ra lịnh giao việc quốc chính cho Sái Túc để vào triều nhà Chu. Khương thị nghe biết mừng lắm, cho là có dịp cướp được nước, vội vã viết thư sai người tâm phúc đem đến Kinh Thành, hẹn với Đoạn chiếm lấy nước Trịnh. Nhưng công tử Lữ đã cho người đón đường, giết tên đưa thư và đoạt lấy thư.

Trang công xem xong niêm lại, rồi sai kẻ tâm phúc giả làm người của Khương thị đem thư sang đưa cho Đoạn và lấy thư trả lời về. Thư của Đoạn hẹn đến ngày mùng 5 tháng 5 thì khởi sự.

Trang công tiếp được thư, mừng nói:

- Tờ cung chiêu của Đoạn sẵn có đây rồi. Mẫu thân hẳn không còn binh vực thế nào được.

Đoạn từ khi tiếp được thư mẹ liền sai con là Hoạt sang nước Vệ mượn binh; rồi phao tin rằng mình về Trịnh phụng mạng coi việc quốc chính và mở cửa thành tiến quân. Công tử Lữ sai quân giả dạng lái buôn vào thành, đợi khi Đoạn cất quân thì đốt lửa làm hiệu cho Lữ biết mà đem quân đến, trong thành sẽ mở cửa đón.

Lữ vào được thành liền kể tội trạng của Đoạn và đem những đức tính của Trang công yết cho nhân dâng biết. Đoạn biết cớ sự không thành, rút quân về Cung Thanh. Trịnh Trang công đem quân tiến đánh. Đoạn tự tử.

Trang công vào thành, ôm thây Đoạn than khóc, lại

đem tất cả thư từ của mẹ gởi cho Đoạn và thư của Đoạn gởi cho mẹ gói làm một gói, truyền Sái Túc trao lại cho Khương thị. Trong lúc buồn tức, Trang công truyền an trí mẹ ở Đỉnh Ấp và thề rằng: "Chỉ đến khi xuống suối vàng, mẹ con mới gặp mặt được".

Khương thị trông thấy cả hai bức thu, lấy làm hổ thẹn, tự nghĩ không còn mặt mũi nào nhìn thấy Trang công nữa nên theo lịnh an trí ở Đỉnh Ấp.

Trang công về cung, thấy vắng mẹ, lòng chua xót than thở: "Ta buộc lòng mà để em chết, nay nỡ tình nào lìa mẹ nữa. Ta thật có tội với luân lý." Nhà vua rất lấy làm hối nhưng đã lỡ thề rồi. Quan trấn Đỉnh Ấp là Đĩnh Khảo Thúc biết ý Trang công nên mới bày cách giải lời thề là cho người đào đất đến tận mạch nước, rồi làm một cái nhà dưới hầm bên cạnh suối đem Khương thị xuống ở, đặt thang dài để Trang công xuống gặp mẹ. Trang công sụp lạy mẹ, nói:

- Ngộ Sinh này bất hiếu, lâu nay thiếu sự phụng thờ mẹ, xin mẹ tha tội cho.

Khương thị nói:

- Đó là lỗi của mẹ, con không có tội gì.

Đoạn đỡ Trang công dậy, mẹ con khóc lên não ruột. Trang công liền dắt mẹ lên thang rồi ngồi xe, và tự tay cầm cương đưa mẹ về cung.

Hình thức đào đất tận mạch nước suối để xuống tận nơi gặp mẹ cho đúng lời thề "gặp nhau ở suối vàng".

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Cơm Phiếu Mẫu, Trôn Ác Thiểu

Hàn Tín người đất Hoài Âm nước Sở đời Tây Hán, thuở hàn vi thường câu cá ở sông Hoài. Có khi cả ngày tìm không được một bữa cơm. Phiếu mẫu thương thình thường cho cơm ăn. Tín tạ ơn, nói:

- Tôi ngày sau được đắc đạo sẽ xin báo đáp.

Một hôm, Hàn Tín đem cá ra chợ bán, gặp đứa tiểu nhân tên Ác Thiểu đón đường làm nhục, bảo:

- Chà, bán cá mà còn đeo gươm cho oai, nhưng có dám đâm ta không?

Tín ngẩn ngơ. Tên Ác Thiểu lại tiếp:

- Nếu không dám thì hãy chui dưới trôn của ta đây mà qua...

Tín không do dự, cúi mình chui dưới trôn của nó mà đi. Người ở chợ đều cười ồ lên, cho Tín quá hèn nhát. Có người tên Hứa Phụ vốn xem tướng giỏi, nói với Tín:

- Tướng ngươi sang lắm, hưởng đến tước vương hầu, oai danh thiên hạ.

Hàn Tín phì cười:

- Một ngày chẳng có một bữa cơm no, còn trông giàu sang sao được.

Khi Hạng Lương khởi binh đánh Tần Thủy Hoàng, Hàn Tín đến đầu mong lập công, nhưng Lương khinh Tín, chỉ cho làm chức Chấp kích lang để dùng hầu hạ nơi trướng mà thôi. Sau Hạng Lương chết, cháu là Hạng Võ lên thay cầm quân, vẫn khinh thường Tín, cho Tín là tên "lòn trôn", hèn nhát nên không dùng vào việc lớn.

Trương Lương là quân sư của Hán Lưu Bang, biết Hàn Tín là người có tài kinh bang tế thế nên tìm đến, yêu cầu Tín bỏ Sở sang giúp Hán. Tín bằng lòng.

Hàn Tín được Hán Lưu Bang đăng đàn bái tướng

phong chức Nguyên nhung, cầm quân đánh Sở. Đánh được nhiều trận thắng lợi to, cuối cùng hạ được Sở Hạng Võ, gồm thâu thiên hạ, thống nhứt đất nước, giúp Lưu Bang lập nên cơ nghiệp Hán triều, Tín được phong làm Sở vương.

Về quê cũ cai trị, Hàn Tín cho người tìm Phiếu mẫu và Ác Thiểu đến. Cả hai phủ phục, gầm đầu không dám nhìn lên. Hàn Tín sai người lấy ngàn vàng thưởng cho Phiếu mẫu gọi là đền đáp ơn ngày xưa. Phiếu mẫu lạy tạ ra về. Đoạn Tín lại phong cho Ác Thiểu làm chức Trung húy.

Ác Thiểu cực kỳ ngạc nhiên, thờ thẫn một lúc mới nói:

- Lúc trước tôi ngu lậu thô bỉ, chẳng biết đại nhân mà xúc phạm uy nghiêm, nay tội ấy được tha chết là may, còn dám mong đâu được ban chức tước.

Hàn Tín ôn hòa bảo:

- Ta chẳng phải là kẻ tiểu nhân hay cố chấp, đem

lòng cừu hận. Hành động đối xử của nhà ngươi ngày xưa xem qua tuy có vẻ quá đáng nhưng cũng là một bài học luyện chí cho ta. Vậy nhà ngươi đừng tị hiềm, mà hãy nhận lấy chức ta ban.

Ác Thiểu cảm mến lạy tạ ra về. Hàn Tín lại nói với kẻ tả hữu:

- Tráng sĩ đó trước kia làm nhục ta. Lúc ta còn hàn vi, không thế lực gì, nếu ta chống cự, giết nó đi thì chưa chắc ta được như ngày hôm nay. Nhờ ta biết nhẫn nhục nên mới yên thân mà giúp được nước lập nên công danh. Nó giúp ta đấy, nên ta mới phong thưởng chớ không phải là việc vô cớ.

Cổ thi có câu: "Mà lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân".

Mang ơn người, đền đáp ơn âu cũng một lẽ thường. Bị người làm nhục mà cũng đền đáp, cho là công ơn "mạ nhân như giáo nhân", thật là thái độ của một sĩ quân tử.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Mấy Cành Dương Quan

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc Kiều tiễn Thúc Sinh trở về quê cũ huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô với vợ cả là Hoạn Thư, có câu:

Tiễn đưa một chén quan hà,

Xuân đình thoắt đã dạo ra cao đình.

Sông Tần một dải xanh xanh,

Loi thoi bờ liễu, mấy cành Dương Quan.

"Xuân đình", "Cao đình" chưa từng tìm được nguyên ngữ, nhưng theo Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu thì tạm cho rằng đại khái "Xuân đình" là chỗ hợp vui; "Cao đình" là chỗ chia rẽ. Cổ thi có câu: "Cao đình tương biệt xứ" nghĩa là: "Chỗ ở biệt nhau ở cao đình".

Ông Hồ Đắc Hàm cho rằng: "Núi Cao đình" ở tại tỉnh Chiết Giang, phía đông bắc Hàng Châu, chính là một chỗ người ta thường qua lại nghỉ chân và làm nơi tiễn biệt nhau. Đường phú có câu: "Đình cao hề mộc diệp lạc", nghĩa là "Chốn Cao đình kia lá xanh rụng".

Thời xưa, người ta tiễn nhau thường bẻ cành liễu đưa cho người đi. Dương Quan là một cửa ải ở biên giới tỉnh Thiểm Tây. Đường thi có bài "Tống Nguyên Nhị sứ An Tây" của Vương Duy là một bài thơ tiễn biệt rất đặc sắc. Vua Đường Huyền Tông lấy vào Nhạc phủ phổ thành một bài hát gọi là "Khúc Dương Quan tam điệp" (ba dịp Dương Quan) dùng để hát khi tiễn biệt nhau.

Dưới đây là bài "Tống Nguyên Nhị sứ An Tây" (Đưa Nguyên Nhị đi sứ An Tây) của thi hào Vương Duy:

Vị thành chiêu vũ ấy khinh trần,

Khách xá thanh thanh liễu sắc tân!

Khuyến quân khánh tận nhất bôi tửu,

Tây xuất Dương Quan vô cố nhân.

Nghĩa:

Trời mai mưa ướt Vị Thành,

Xanh xanh trước quán, mấy cành liễu non.

Khuyên người hãy cạn chén son,

Dương Quan tới đó không còn ai quen.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

Dương Quan là tên một cửa ải nhưng dùng nghĩa bóng là chỉ nơi tiễn biệt. Trong kinh Thi cũng có câu:

Trường đoạn Dương Quan,

Chiêm vọng phất cập

Trữ lập dĩ khấp.

Nghĩa:

Dương Quan đứt ruột

Khuất bóng người đi,

Dừng chân ứa lệ.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Đuốc Hoa, Hoa Đèn

Duốc hoa do chữ "hoa chúc" là đèn cầy, nến đốt trong phòng của vợ chồng đêm tân hôn. Tiếng "chúc" thời cổ là "đuốc" tức bó đóm to. Ngày nay gọi là "Hỏa bả".

Bó đuốc chưa đốt gọi là "tiêu". Đuốc châm lửa cầm tay gọi là "chúc". Đuốc lớn đóng cọc xuống đất mà đốt gọi là "đình liệu". Lệ xưa bên Tàu đời nhà Chu, khi đầu canh năm, vua sắp ra thị triều, thì ở trước điện đình, bày hai hàng hoặc sáp, hoặc đuốc để sáng đường cho bá quan vào triều.

Từ đời Lục triều, Đường, Tống có tục đốt hoa chúc trong lễ kết hôn. Về sau này, để nói việc chính thức kết hôn, người ta thường dùng hai chữ "Hoa chúc".

Hoa chúc đời Lục triều và đời Đường không biết phải

là bó đuốc có kết hoa ở ngoài cho đẹp không? Riêng về đời Tống thì "Hoa chúc" vừa là đuốc hoa, lại vừa là nến sáp hoa. Sách "Mộng lương lục" đời Tống có chép: "Cô dâu xuống xe, mấy con hát cầm đuốc làm bằng cuống hoa sen đi trước đưa đường". Sách "Qui điền lục" của Âu Dương Tu đời Tống có chép rằng: Ở Đằng Châu có thứ hoa lạp chúc (thứ nến làm bằng sáp hoa) nổi tiếng nhứt, ở Kinh đô cũng không chế nổi.

Điều chắc chắn là từ thời cận kim, người Trung Hoa đều hiểu "chúc" là nến, chớ không hiểu là đuốc như thời cổ.

Và, từ nghĩa đuốc hoa, hoa chúc dần dần biến nghĩa thành nến hoa, đèn hoa.

Ta có câu:

Động phòng hoa chúc dạ,

Kim bảng quải danh thì.

"Động phòng hoa chúc" là những chữ thường được dùng để chỉ đêm động phòng đầu tiên của cô dâu chú rể.

Trong phòng kín có đèn nến đốt trong đêm tân hôn. Dũ Tín, một thi hào đời Nam Bắc triều cũng có câu: "Động phòng hoa chúc minh", nghĩa là: "Phòng kín đuốc hoa sáng".

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn diễn tả hành động cục xúc lỗ mãng, ghẻ lạnh của tên Mã Giám Sinh đối với Kiều, sau cuộc truy hoan, có câu:

Tiếc thay một đóa trà mi,

Con ong đã mở đường đi lối về!

Một cơn mưa gió nặng nề,

Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.

Đêm xuân một giấc mơ màng,

Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ.

Mặc dù họ Mã không dám nhận Kiều là vợ vì sợ Tú Bà, nhưng Kiều là gái mới lớn lên, đêm này là đêm đầu

tiên, để thay đổi con người của nàng sang một giai đoạn khác, mà nàng coi đó là đêm bắt đầu làm công việc vợ chồng với người đã bỏ tiền ra mua nàng. Có lẽ do đó mới có tiếng "đuốc hoa".

Cũng như khi Kiều được đoàn tụ gia đình sau 15 năm lưu lạc, Kim Trọng xin Kiều cùng chàng xe tơ kết tóc, Kiều từ chối bằng những câu:

Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,

Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa!

Vì:

Thiếp từ ngộ biến đến giờ,

Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.

Bấy chầy gió táp mưa sa,

Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn!

Còn chi là cái hồng nhan,

Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào?

Cho nên nàng:

Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?

Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!

Đã hay chàng nặng vì tình,

Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru?

Từ nay khép cửa phòng thu,

Chẳng tu thì cũng như tu mới là!

"Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa", và "Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru?", ý Kiều đã cho rằng dù Kim Trọng còn nặng lòng yêu nàng, nhưng nếu nàng bằng lòng lấy chàng, thì rồi đây đêm động phòng, nhìn đuốc hoa hay hoa đèn (đèn hoa) kia chẳng là hổ thẹn lắm. Vì nàng đã cùng ai ở dưới hoa đèn...; cũng như hoa đèn đã chứng kiến... thì khi nàng nhìn hoa đèn (đuốc hoa) làm sao lại khỏi thẹn với lòng mình!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Ma Rồng Gặp Trâu Bồ Tát

Dời nhà Đường (618-907), triều Lý Thái Tông (Lý Thế Dân), niên hiệu Trinh Quán năm thứ 13, gần thành Trường An có con sông Kinh, nước trong vắt. Bên sông có nhà ông chài tên Trương Lão, cạnh rừng có nhà ông tiều tên Lý Định. Cả hai vốn bạn thân và đều học giỏi, nhưng không thích chuộng công danh mà chỉ lấy nghiệp ngư tiều làm thú.

Một hôm, cả hai ra chợ người bán củi, kẻ bán cá tôm vào quán đối ẩm. Xong, cùng dắt nhau về. Dọc đường, Trương nói với Lý:

- Này anh Lý! Tôi nghĩ kẻ giành danh vì danh bỏ mạng, người cướp lợi bởi lợi liều mình. Mang ơn vua như bọc rắn mà đi, ăn lộc chúa như ôm hùm mà ngủ. Kể ra thì họ đều thua chúng ta cả. Non xanh nước biếc, thong thả thảnh thơi, lạt lẽo qua ngày tuy không vinh mà khỏi

nhục.

Lý Định cười, tán thành nói:

- Anh Trương phân phải lắm. Tuy vậy nước biếc còn thua núi xanh đây.

Trương Lão mỉm cười đáp lại:

- Nhưng tôi lại xem non xanh chưa bằng nước biếc đấy!

Cả hai nhìn nhau cất tiếng cười.

Rượu bấy giờ thấm say, hồn thơ bắt đầu nhóm dậy, Lý Định vui vẻ bảo Trương Lão:

- Chúng mình cũng đã theo đòi nghiên bút, hôm nay lại đồng cảm hứng về cuộc sống của con người, vậy thiết nghĩ, mình cũng nên làm thơ liên vịnh thử nào?

Trương Lão gật gù:

- Được. Vậy là hay lắm.

Hai người vừa đi vừa ngâm. Đến ngã tẻ, cả hai bái nhau từ giã. Trương Lão khôi hài, nói:

- Anh Lý ơi! Đi lên rừng phải coi chừng hùm cọp cho lắm. Nếu anh có mạng hệ nào, thì ắt là tôi: ngày mai đầu chợ thiếu bằng hữu đó anh.

Lý Định nghe nói phát giận nhưng bật cười nói:

- Chú thật độc ác. Bằng hữu tốt, người ta còn chết thế cho nhau, sao chú lại nỡ rủa tôi như vậy? Tôi nói cho mà giữ hồn; nếu hùm dữ ăn tôi thì sóng thần nhận chú.

- Sóng thần nào nhận tôi được?

- Biết chừng đâu. Trời khi nắng khi mưa, người khi phúc khi họa. Sao chú chắc là không chìm xuống đáy sông?

- Anh nói vậy chớ không chắc gì. Thật ra nghề làm ăn của tôi vững lắm.

Lý Định xì một tiếng, nói:

- Chú làm ăn chân trời mặt nước, hiểm nghèo quá đỗi, mạng có ba phân, sao chú gọi là vững?

Trương Lão nghiêm nghị đáp:

- Anh không hiểu. Tôi xin nói anh nghe. Nguyên phía tây chợ Trường An có một ông thày bói linh lắm. Mỗi ngày đem cho ông một con cá chài vàng thì coi một quẻ. Ông sẽ chỉ hướng nào cá nhiều, vãi trăm chài không sai một. Bữa nay tôi đi coi quẻ. Ông bảo tôi bủa lưới phía đông trên ngọn sông Kinh, rồi qua phía tây vãi chài thì trúng. Quả như lời nói, chở tôm cá khẳm ghe.

Tục có câu: "Nhà có mạch, vách có tai", câu chuyện giữa hai người bỗng có kẻ nghe được. Nguyên có quỷ Dạ Xoa ở sông Kinh đi tuần dưới nước, nghe ông chài nói "Vãi trăm chài không sai một" thì hoảng kinh hối hả trở về thủy cung báo với vua Rồng về lời của lão chài nói. Đoạn hắn lại kết luận:

- Vãi trăm chài không sai một, nếu mãi như vậy thì dưới thủy cung này hết binh tướng, lấy ai mà giúp việc vua.

Vua Rồng nghe nói nổi giận, xách gươm toan đi, quyết đến Trường An hạ sát thày bói giỏi. Nhưng Rồng con, Rồng cháu, tướng Chạch, quan Cua, quân sư Cháy, thừa tướng Chài... đồng ra quỳ tâu:

- Xin chúa công bớt giận, lời huyễn chớ khá nghe. Nếu chúa công xuống chợ, nổi dông tố mây mưa, sợ dân Trường An khốn hại. Trời sẽ bắt tội chẳng dung. Vậy nên giả tú tài, đến chợ Trường An xem thử. Nếu thực như lời thì giết, dối thì thôi.

Vua Rồng nhận lời, lên bờ giả làm tú tài áo trắng, thẳng đến chợ Trường An thấy thiên hạ đương bao vây ông thày xin xem quẻ. Ông thày bói tên Viên Thủ Thành, người cốt cách thanh kỳ. Tú tài áo trắng chen vào. Thày bói đãi trà xong, hỏi bói chuyện gì? Tú tài áo trắng bảo:

- Xin bói chừng nào mưa?

Thày bói gieo quẻ đoán:

Mây che đỉnh núi,

Mù tỏa non đoài,

Hỏi thăm mưa rưới,

Ắt tại ngày mai.

Tú tài áo trắng lại hỏi tiếp:

- Mai mưa giờ nào? Nước dâng lên bao nhiêu?

Thày bói đáp:

- Giờ thìn kéo mây, giờ tỵ nổi sấm, giờ ngọ mưa, cuối giờ mùi tạnh. Nước dâng 3 thước 3 tấc, có lẽ 48 giọt tức 4 phân 8 ly.

Tú tài áo trắng cười, bảo:

- Lời này không phải nói chơi, nếu ngày mai y như lời đoán thì ta thưởng 50 lượng bạc. Bằng không mưa hay mưa sai giờ, thiếu nước thì ta sẽ phá nhà thày, đuổi khỏi chợ Trường An, không cho ở đây gạt chúng nữa.

Thày bói họ Viên vui vẻ:

- Được. Được. Tôi rất đồng ý, xin cuộc với ông.

Tú tài áo trắng từ tạ ra về.

Tại thủy cung, vua Rồng đương thuật chuyện lại cho quần thần nghe. Ai cũng vui cười hỉ hả, cho rằng thế nào tên thày bói cũng bại cuộc. Vì mưa nhiều ít là do ở nhiệm vụ của vua Rồng. Bỗng có tiếng gọi:

- Long vương mau ra tiếp chiếu trời.

Vua Rồng cùng quần thần giựt nảy mình, vội chạy ra quỳ tiếp chiếu chỉ, đoạn mở ra xem:

Rồng tám sông vâng lịnh,

Y theo giờ khắc ban.

Ngày mai không được trễ

Mưa tại thành Trường An.

- Giờ thìn kéo mây, giờ tỵ nổi sấm, giờ ngọ mưa, cuối giờ mùi tạnh. Nước dâng 3 thước 3 tấc, có lẽ 48 giọt tức 4 phân 8 ly.

Vua Rồng hoảng hốt nói với quần thần:

- Trên đời sao có người tài thông trời thấu đất? Thế này chắc ta phải chịu thua.

Quân sư Cháy tâu rằng:

- Xin chúa công đừng lo. Muốn thắng nó cũng không khó. Tôi dùng một kế, nó sẽ cứng họng đi.

Vua Rồng dồn dập hỏi kế chi? Quân sư Cháy tâu:

- Chúa công là vị thần coi 8 sông này, mưa đúng hay sai là ý của chúa công. Vậy ta mưa không đúng giờ và bớt nước lại, không đứng lời đoán tất nó thua ngay.

Vua Rồng cho là thượng sách. Hôm sau tập trung Thiên Lôi, Điển Mẩu, Vân Đồng... kéo đến Trường An, ra lịnh giờ tỵ kéo mây, giờ ngọ nổi sấm, giờ mùi mưa, giờ thân tạnh, nước lên 3 thức 4 phân...

Vua Rồng lại giả làm tú tài áo trắng như trước, đến nhà thày bói họ Viên. Chẳng nói chẳng rằng, hắn một mạch đập phá đồ đạc, xé tấm bảng treo. Thày bói họ Viên vẫn ngồi trên sập, nghiễm nhiên như không có việc

gì xảy ra.

Càng trêu tức, tú tài áo trắng phát cáu, đùng đùng nổi giận, tay xách tấm ván cửa dóa vào mặt thày bói họ Viên, quát:

- Mày là đồ mị gạt chúng ăn tiền, coi quẻ không linh đặt điều nói bậy. Đoán sai giờ sai nước, vậy mà còn ngồi làm tỉnh. Cút đi mau, kẻo ta đập chết.

Thày bói họ Viên cười ha hả:

- Không sợ. Không sợ. Tôi không phạm tội chết, e cho ai chết kìa. Ông gạt ai chớ gạt tôi sao được. Ông không phải là tú tài áo trắng mà là Rồng Bạch sông Kinh. Ông dám cải lịnh trời tráo giờ bớt nước, phạm tội chết chém lại còn dám hành hung với tôi sao?

Vua Rồng nghe nói rởn tóc gáy, vỡ mật tan hồn, buông tấm ván cửa, xốc áo quỳ lạy xin cứu mạng. Thày bói họ Viên nói:

- Tôi cứu ông không được, nhưng chỉ chỗ cho ông cầu khẩn họa may. Giờ ngọ mai, ông sẽ bị Ngụy Trưng

xử trảm, mà Ngụy Trưng đương là tướng của hoàng đế bây giờ. Ông cầu hoàng đế nói giúp, may ra cứu được.

Vua Rồng lau nước mắt từ tạ ra đi.

Bấy giờ trời đổ tối, trăng thượng tuần lố mọc, vua Rồng không về phủ, lững thững nửa lừng, chờ đến canh ba, hiện vào cung cấm. Thấy vía vua Thái Tông đi dạo, vua Rồng đến phủ phục, thuật lại sự tình rồi cầu xin cứu mạng. Nhà vua thương tình chấp thuận lời yêu cầu.

Sáng lại, nhà vua mời Ngụy Trưng vào cung đánh cờ, cố ý trì hoãn cho mãn ngày để Ngụy Trưng không rảnh mà giết vua Rồng có tội. Nhưng giữa lúc Ngụy Trưng và nhà vua say sưa trước bàn cờ, thì Ngụy Trưng bỗng gục đầu xuống bàn ngáy pho pho. Thái Tông cho thừa tướng mệt mỏi nên vẫn để yên...

Giữa lúc ấy, bỗng có người xách đầu Rồng Bạch, máu chảy đầm đề, vào quỳ tại sân chầu, báo cho nhà vua biết là đầu Rồng từ trên trời sa xuống tại ngã tư, thật là điềm lạ. Ngụy Trưng lúc ấy cũng vừa tỉnh dậy, nhà vua đem chuyện đầu Rồng thình lình rớt xuống rồi hỏi

duyên cớ. Ngụy Trưng tâu rõ sự tình. Nguyên đêm hôm rồi, Ngụy Trưng tiếp được chiếu của Ngọc Hoàng ra lịnh giờ ngọ ngày mai phải chém Rồng Bạch phạm tội tại sông Kinh. Vì thiên cơ bất khả lậu, nên trong lúc hầu cờ phải giả ngủ để xuất hồn đi chém...

Vua Thái Tông đã chót hứa mà không cứu được vua Rồng nên lấy làm không vui.

Vua Rồng bị xử tử, lấy làm tức giận, cho Lý Thái Tông sai lời hứa, nên tay vịn đầu máu me lênh láng, rồi đêm đến, đột nhập vào cung, kêu Thái Tông đòi thường mạng. Đồng thời xuống Diêm vương đầu cáo.

Truyện trên đây thuật theo quyển "Tây du ký" của Ngô Thừa Ân. Theo "Tây du ký" của họ Ngô thì ma Rồng xuống âm phủ kiện vua Lý Thái Tông, Diêm vương phải mời hồn Thái Tông xuống để đối chất. Chuyện còn dài... Người đọc truyện "Tây du diễn nghĩa" đều biết.

Nhưng tiếp theo câu chuyện trên, có người viết khác

"Bấy giờ trăng thượng tuần vàng vọt chiếu trên dải đồng xanh, ma Rồng nương theo gió lơ lửng trên không, thẳng đường tiến xuống địa phủ. Nhưng thình lình hắn dừng lại, lấy làm ngạc nhiên vì nhìn thấy một con trâu đương cặm cụi kéo chiếc cày to, theo sau là một thằng bé đương đẩy cày. Trâu có ừ mệt nhọc, vậy mà còn bị thằng bé dùng roi tre to đập vào mông, vào đít đôm đốp. Cho là kỳ lạ, ma Rồng bước đến.

Thằng bé nông dân trông thấy một vật hình thù kỳ quái, người chẳng ra người, vật chẳng ra vật, lù lù tiến đến gần thì đâm hoảng, ba hồn bảy vía tan mất, rồi ba chân bốn cẳng ù té chạy.

Ma Rồng đến gần trâu, bảo:

- Này Ngưu thần! Nhà ngươi to lớn, có một sức mạnh hơn người lại có cả một cặp võ khí dài nhọn hoắc lợi hại, vậy mà để cho một thằng bé đánh đập tàn nhẫn trong khi phải làm việc vất vả cho nó như thế? Có phải nhà ngươi quá dại dột lắm ư?

Trâu mỉm cười, bảo:

- Tại sao đại huynh lại bảo tiểu đệ dại dột? Đại huynh không biết tiểu đệ đã phạm tội ở thiên tào nên nay phải đền tội hay sao?

Nghe Trâu nhắc, Rồng mới nhớ lại Trâu vốn là vị Bồ Tát ở thiên đình, vâng lịnh Ngọc Đế đem một nắm lúa và một nắm cỏ rải xuống trần gian. Vì thực hành sai lời dặn, không rải lúa trước mà lại rải cỏ trước, làm cho thế gian mọc cỏ dẫy đầy, không còn đất trống để rải lúa nữa. Ngọc Đế bắt tội lơ đễnh nên đày xuống trần gian làm kiếp trâu cày đất tạo lúa cho người, và chừng nào ăn hết cỏ kia thì mới được hóa kiếp... Ma Rồng nghĩ đến đó, thở dài, lẩm bẩm:

- Mình cũng bị tội chắc cũng phải đền tội!

Nhìn thấy vua Rồng tay xách đầu, máu nhỏ giọt lênh láng, Trâu hỏi:

- Vừa rồi, tiểu đệ được nghe đầu Rồng rớt tại thành Trường An vì bị thừa tướng Ngụy Trưng ngủ thiếp chém Rồng. Vậy có phải là đại huynh đây không?

Ma Rồng ngậm ngùi, đáp:

- Chính thế.

Đoạn thuật cả lại sự việc xảy ra cho Trâu nghe rồi tiếp:

- Thật cả giận cho vua Đường, đã hứa lại sai lời. Giờ đây ta quyết xuống âm phủ đầu cáo hắn, vì hắn mà ta chết.

Trâu mỉm cười, ôn tồn nói:

- Lúc nãy, đại huynh nóng nảy nên cho tiểu đệ là ngu muội, nhưng xét ra đại huynh lại ngu muội hơn. Tại sao đại huynh dám cải lịnh Trời? Trời đã sinh ra nhân loại tất phải chăm lo phụng sự nhân loại. Trời đã phân 4 mùa 8 tiết để cho nhân loại sống hạnh phúc, cây cỏ hoa màu tốt tươi. Dân mong ước như thế tất Trời phải làm như thế. Ý Dân là ý Trời. Đại huynh mưa sai giờ bớt nước, không đủ cung cấp vật cần thiết cho muôn dân tất là trái ý Dân, trái ý Trời. "Thiên thính tự ngã dân thính; thiên thị tự ngã dân thị", vậy Trời không vì Dân mà bắt tội đại

huynh sao được?

Trâu nói đến đây ngừng lại, nhai ngổm ngoảm vài lụm cỏ bên bờ ruộng, vẻ bình thản, vô tư. Ma Rồng im lặng, trầm ngâm tư lự. Một lúc, Trâu đĩnh đạc nói tiếp:

- Xưa kia ở dưới trần, các đấng thánh vương đời Tam đại: vua Võ, vua Thang, vua Văn là người làm thuận ý Trời mà được hưởng. Cũng ở đời này: vua Kiệt, vua Trụ, vua U, vua Lệ là người làm trái ý Trời mà bị phạt. Hậu Nghệ, vua nước Hữu Cùng ngày xưa, bắn 9 mặt trời để cứu muôn dân thoát khỏi cảnh hỏa ngục, vậy mà sau làm trái ý dân đến nỗi phải chết một cách thảm thiết để đền tội ác. Đại huynh từng xem sách sử, không noi gương xưa để sửa mình, nay còn đòi thường mạng. Xuống Diêm vương đầu cáo, e mắc phải tội nặng hơn nữa. Vua Đường không vì tình cảm mà cứu đại huynh được nên khiến Ngụy Trưng ngủ thiếp trong khi hầu cờ. Trời không vì tư ý mà vì dân ý mới kết tội đại huynh; cũng như thừa tướng Ngụy Trưng chém đầu đâu phải vì thiếu tình cảm, vì hiếu sát. Tất cả hành động đó đều vì ý dân mà thôi.

Trâu nói đến đây ngừng lại, quật sừng, đập đuôi đuổi muỗi bám vào mình. Ma Rồng nghe Trâu giảng giải một hồi, đoạn thở dài hỏi:

- Vậy theo ý của hiền đệ, ngu huynh làm sao đây?

Trâu mỉm cười, đáp:

- Có gì khó. Cứ nhìn tiểu đệ đây thì biết.

Ma Rồng gật đầu, khẽ buông một tiếng ngắn ngủi, não ruột:

- À!

Bây giờ, trăng đã chìm sau dãy núi mờ xa. Bóng tối chập chùng lan rộng. Bầu trời tô đậm một màu nâu thẫm. Giữa cánh đồng hoang vắng, gió rít dài tăng thêm sự lạnh lẽo trong cảnh tịch mịch đìu hiu.

Bóng ma Rồng tội lỗi phưởng phất rồi chìm dần trong thâm u. Trâu thẫn thờ từng bước về chuồng.

Tái Ông Thất Mã

Tái ông thất mã" là "ông già ở biên giới mất ngựa".

Sách của Hoài Nam Tử có chép:

Một ông lão ở gần cửa ải Nhạn Môn, nơi giáp giới nước Tàu với Phiên Quốc (Hồ) có con ngựa. Một hôm, con ngựa đi mất. Người quen thuộc đều đến thăm hỏi, chia buồn. Ông lão nói:

- Mất ngựa thế mà phúc cho tôi đấy, biết đâu!

Cách mấy tháng, con ngựa trở về lại quyến thêm một con ngựa hay tốt. Những người quen thuộc kéo đến xem ngựa và chúc mừng. Ông lão nói:

- Được ngựa thế mà họa cho tôi đấy, biết đâu!

Từ khi được ngựa hay tốt, con ông lão thích cưỡi.

Chẳng may té què chân. Người quen thuộc đều đến hỏi thăm, chia buồn. Ông lão nói:

- Con què thế mà phúc cho tôi đấy, biết đâu!

Cách một năm có giặc Hồ. Nhà vua bắt lính đi đánh giặc. Quân lính mười người chết đến chín. Chỉ con ông lão vì què, không phải đi lính mà cho con vẫn họp nhau.

"Tái ông thất mã" trở nên một thành ngữ để chỉ sự họa, phúc xoay vần, khó biết trước được. Trong cái phúc thường khi có cái họa; trong cái họa lại có cái phúc. Cổ ngữ cũng có câu: "Họa tùng phúc sở ỷ, phúc tùng họa sở phục".

Sách của Úc Ly Tử cũng có chép:

Một người nhà quê trải cỏ phơi ở chân giậu. Hôm sau ra vơ cỏ, nghe tiếng kêu "tích tích", lật lên xem thì bắt ngay được một con trĩ.

Anh ta thấy thế lại vẫn để cỏ ở đấy, có ý mong ngày mai lại được con trĩ nữa. Mai ra, lắng tai nghe tiếng "tích tích" như hôm trước, bụng mừng thầm. Nhưng vừa bới

cỏ lên thì ra một con rắn cắn ngay vào tay làm anh ta bị thương rồi chết.

Úc Ly Tử nói: "Trong thiên hạ có cái phúc không tưởng được thế mà may được thế; cũng có cái họa không ngờ đến thế mà xảy ra thế".

Trong một bài thơ của nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng có câu:

Kìa tụ tán chẳng qua là tiễn biệt,

Ngựa tái ông họa phước biết về đâu.

Ngọc Tỉnh Liên Phú

Ngọc tỉnh liên" là "Hoa sen trong giếng ngọc". Đây là bài phú của Mạc Đĩnh Chi.

Ông đỗ Trạng nguyên, khi vào bái yết nhà vua, Trần Anh Tông thấy hình dung ông xấu xí quá, không muốn cho đỗ. Ông liền làm bài phú "Ngọc tỉnh liên" để tự ví mình. Vì hoa sen vốn có tiết tháo thanh cao, không hoa nào sánh được, tuy gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn; vả lại sen này lại trồng trong giếng ngọc nữa thì sen càng cao quý biết bao. Ông như sen, dù có phải ở vào hoàn cảnh ô trọc thế nào thì cũng vẫn giữ khí tiết thanh cao, huống chi ở phải vào một thời tốt đẹp, vua minh chánh thì người ông càng cao quý biết mấy. Sen quý nhưng phải có người sành mới biết thưởng thức.

Vua đọc bài phú của ông cho là kiệt tác nên mới yêu dùng.

Dưới đây là bài phú "Ngọc tỉnh liên" dịch ra văn nôm:

"Đương khi lửa hạ, khách cao trai thư thả, lời dòng nước biếc, vịnh khúc phù dung; đến bến ao trong, ngâm câu nhạc phủ. Bỗng bóng ai, áo trắng mũ vàng, phất phơ điệu cốt xương tiên, hớn hở tinh thần khác tục. Khách hỏi: từ đâu mà lại? Thưa rằng: từ núi Hoa san. Khách kéo ghế mời ngồi vồn vã, này dưa ngon quả quý bày ra. Chuyện gần thôi lại chuyện xa, nói cười lơi lả, tiệc hoa tơi bời. Chuyện xong, mới hỏi khách rằng: khách đây quân tử ái liên chăng là? Tiện đây sẵn có giống nhà, vẫn từng gìn giữ nâng niu hoa vàng. Nọ đào lý bỉ thô còn kém, kể trúc mai đơn lạnh còn xa; nào phải giống tăng phòng câu kỷ, nào phải phường lạc thổ mẫu đơn, cũng chẳng phải đông ly đào cúc, mà cũng không cửu uyển linh lan; chính là một giống sen thần, đầu non núi Họa giếng vàng sinh ra. Khách nghe nói: khen thay quý lạ! Phải chăng giống hoa cao mười trượng, ngó cong như thuyền, lạnh giá như băng, ngọt ngon tựa mật, xưa từng nghe tiếng, nay được thực trông. Nghe qua đạo sĩ vui lòng, hoa trong tay áo giữ liền tặng đưa. Khách trông thấy trong lòng hồi hộp, bút ngũ lăng tay thảo nên ca. Ca

rằng:

Thủy tinh làm mái cung đình,

Lưu ly lạc để nên hình cung môn,

Pha lê nát nhỏ làm bùn,

Minh châu làm nóc trên cành tưới cây.

Hương thơm bay thấu từng mây,

Bích thiên âu cũng mê say tấc lòng.

Quế xanh khóc vụng tủi thầm,

Tố Nga luống những mười phần giận thân.

Cỏ dao hái chốn Phương tân,

Sông Tương trông ngóng mỹ nhân dãi dầu.

Giữa dòng lơ lửng vì đâu?

Non sông đất cũ cớ sao chẳng về?

Đành nơi lưu lạc quản gì,

Thuyền quyên lỡ bước lắm bề gian truân.

Một lòng trung chính nghĩa nhân.

Lo chi mưa gió, phong trần, tuyết sương!

Chỉn e lạt phấn phai hương,

Tháng ngày thắm thoát, mỹ nhân ai hoài.

Nghe xong, đạo sĩ than rằng: nói chi ai oán thiết tha! Kìa chẳng xem đóa tử vi nở trên ao phượng, hoa thược dược mọc trước bệ vàng, cũng là địa vị thanh cao, thanh danh hiển hách, ơn trên thánh chúa, mưa móc dồi dào. Vội chi tủi phận hờn duyên, nước non lẩn thẩn toan bề đi đâu? Khách nghe nói như tình, như cảm, đem lòng kính mộ xiết bao. Khúc trai đình tay tiên đề vịnh, thơ phong đầu giọng ngọc ngâm nga. Nỗi lòng xin giải gần xa, kính dâng một phú hải hà xét xoi. (Bản dịch của C... Đ...)

Mạc Đĩnh Chi người làng Lũng Động, huyện Chí Linh (nay thuộc phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương), thông

minh tuyệt vời, diện mạo rất xấu xí. Vì cái xấu xí đó mà xuýt chút con đường hoạn lộ của ông bị bế tắc; tuy vậy mà cũng nhờ đó, trên đài văn học, ông để lại cho đời một bài phú "Ngọc tỉnh liên" có giá trị.

Ông tài giỏi quá nên đời ông có nhiều giai thoại ngộ nghĩnh nửa thực nửa hư. Ông được người tôn sùng là "Lưỡng quốc Trạng nguyên". Vì ông đỗ Trạng nguyên ở nước nhà, rồi đi sứ sang Tàu, ông lại được vua Tàu sau khi xem văn ông lại cầm viết phê là Trạng nguyên nữa.

Thật là chuyện nửa tin nửa ngờ.

Nguyên ông đi sứ sang Tàu đời nhà Nguyên. Khi vào triều, vừa gặp người ngoại quốc dâng nhà vua một cây quạt. Vua bảo ông làm một bài minh (một thể văn ngày xưa) để đề vào quạt. Ông cầm bút viết ngay:

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô

Nhĩ ư tư thời hề, Y, Chu cự nho.

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ,

Nhĩ ư tư thời hề, Di, Tề ngã phu,

Y! Dụng chi tắc hành, xã chi tắc tàng

Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù!

Nghĩa là:

"Vàng chảy đá tan, trời đất như lò lửa, lúc ấy ngươi được như Y Doãn, Chu công là bực cự nho.

Gió bấc lạnh lùng mưa tuyết đầy đường, lúc ấy ngươi phải như Bá Di, Thúc Tề là kẻ bị đói.

Ôi! Dùng thì làm, bỏ thì cất,

Ta cùng ngươi cũng giống nhau chăng?"

Quần thần nhà Nguyên thấy bài minh cho là hay, cực kỳ khen ngợi. Có truyện chép: từ chữ "Y" trở xuống, vua Nguyên phê 4 chữ "Lưỡng quốc Trạng nguyên".

Ông đi sứ tàu, vì trời mưa gió nên đến cửa ải trễ. Lính đã đóng cửa. Nhưng muốn thử tài sứ Việt, quan Tàu đưa một vế câu đối xuống để ông đối. Vế rằng:

"Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan"

Nghĩa: "Qua ải chậm, cửa ải đóng, xin khách qua qua ải".

Ông liền đối:

"Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh trên đối"

Nghĩa: "Ra đối dễ, đối lại, khó, xin mời tiên sinh đối trước".

Người Tàu phục tài mở cửa quan cho qua.

Một quan Tể tướng nhà Nguyên mời ông vào phủ, cùng ngồi đàm luận. Trong phủ có treo một bức trướng thêu con chim sẻ vàng (hoàng tước) đậu trên cành trúc. Thêu khéo đẹp quá, ông tưởng là chim thật, bước đến đưa tay bắt. Người Nguyên cười ầm lên. Ông liền kéo ngay bức trướng xé toang ra. Chúng lấy làm lạ hỏi. Ông nói:

- Tôi nghe người ta họa bức mai tước (cây mai và chim sẻ) thì có, chớ chưa thấy họa bức trúc tước (cây trúc và chim sẻ) bao giờ. Vả chăng trúc là quân tử, tước là tiểu nhân, nay bức trướng thêu trúc tước, ấy là cho tiểu nhân đứng trên quân tử. Tôi sợ e quân tử đạo tiêu, tiểu nhân đạo trưởng, nghĩa là quân tử suy mà tiểu nhân thịnh, cho nên tôi vì Thánh triều mà trừ đi đó. Chúng nghe rất lấy làm phục.

Nhưng cũng rất vô lý.

Ai đời sứ thần một nước dù là nước nhỏ đi nữa cũng là sứ thần, lỡ đi trễ mà chúng đóng cửa ải quan không cho vào, rồi ra câu đối... Ông Trạng của một nước dù là nước nhỏ nhưng nước ấy đã từng phá Tống, bình Chiêm, vậy mà nhìn tranh thêu lại tưởng là thật; rồi giữa lúc đàm luận với vị Tể tướng cùng quan khách lại bỏ chạy chụp chim, thì thật là ngớ ngẩn hết chỗ nói.

Họa chăng, ông Trạng Việt Nam thẳng thắn phê bình tranh Tàu trước vị Tể tướng nước Tàu, rồi người sau thêm nhưn nhị vào cho vui câu truyện có tính cách khôi hài chăng?

Ngôn Quá Kỳ Hành

Ngôn quá kỳ hành..." nguyên câu là: "Ngôn quá kỳ hành bất khả trọng dụng" đó là lời nói của Lưu Bị chúa nước Tây Thục đời Tam Quốc, có nghĩa: "Nói nhiều hơn làm, không dùng việc lớn được."

Lưu Bị đánh Ngô bị đại bại, chạy về Bạch Đế Thành, lâm bịnh nặng. Trước phút lâm chung, các quan chầu chực bên long sàng. Lưu Bị nhìn thấy có Mã Thốc bèn truyền cho tạm lui ra. Đoạn hỏi Khổng Minh:

- Thừa tướng xem tài Mã Thốc thế nào?

Nguyên Thốc là người có tài bác lãm quần thư, quán thông kim cổ, không có điều nào hỏi mà không biết, không có sách nào hỏi mà không nhớ, nên Khổng Minh thành thật đáp:

- Cũng là bậc anh tài đời này.

Lưu Bị nói:

- Không đâu! Trẫm xét thấy người ấy thường nói lớn quá sự thực mà làm thì không được như lời, không thể dùng vào việc lớn. Thừa tướng nên xét kỹ lại.

Lưu Bị chết.

Khổng Minh đem binh ra Kỳ Sơn đánh Ngụy.

Ngụy chúa là Tào Duệ dùng Tư Mã Ý làm đô đốc cầm binh đánh Thục.

Nguyên phía tây núi Tần Lĩnh có một con đường quan yếu gọi là Nhai Đình. Cạnh đó có thành Liệt Liễu. Hai chỗ ấy là yết hầu của Hán Trung (đất của Thục). Tư Mã Ý định kéo binh thẳng tới Nhai Đình, chiếm được điểm giao thông quan trọng này thì Dương Bình Quan của Thục cũng sắp lọt vào tay Ngụy.

Nhai Đình mất, tất Ngụy sẽ cắt đứt đường vận tải lương thực thì một vùng Lũng Tây của Thục khó giữ

nổi. Như vậy Thục chỉ còn hai cách bị động: rút lui hay ở lại cố thủ. Hễ Ngụy nghe quân Thục chuyển động rút quân về Hán Trung, lập tức chia binh chận các đường nhỏ mà đánh. Nhược bằng quân Thục không lui, Ngụy sẽ cho các lộ quân đào hào, đắp lũy cố giữ chặt đứt các đường rút về của Thục, như vậy chỉ trong vòng một tháng, Thục sẽ bị tuyệt lương, quân chết đói hết.

Khổng Minh vẫn nhận thấy điều đó cho nên chọn tướng đem binh giữ Nhai Đình. Mã Thốc xin đi. Khổng Minh nói:

- Nhai Đình chỉ là một mảnh đất nhỏ, nhưng can hệ vô cùng. Nếu chỗ ấy thất thủ thì cả đại quân ta nguy hết đường cứu! Ngươi tuy thâm thông mưu lược nhưng hiểm nơi ấy không có thành quách, lại cũng chẳng có thế hiểm nào mà dựa Khó giữ vô cùng.

Thốc nói:

- Tôi làu thuộc binh thơ từ nhỏ lại cũng biết phép dùng binh, lẽ nào không giữ nổi một chỗ như Nhai Đình.

Thấy Thốc cương quyết xin đi và lập "quân lịnh trạng" nên Khổng Minh phát cho 2 vạn 5 ngàn tinh binh và cho thêm một thượng tướng là Vương Bình trợ giúp. Khổng Minh lại kêu Bình vào dặn dò riêng:

- Ta vốn biết ngươi bình sinh cẩn thận nên mới đem việc này phó thác cho. Vậy phải thận trọng đề phòng. Đóng trại ở Nhai Đình thì phải đóng chặn ngang đường chính yếu, khiến giặc không đi qua lọt. Hạ dinh trại xong, hãy vẽ ngay đường lối bốn mặt tám phương và hình thế địa lý, lập thành bản đồ đầy đủ, gởi về cho ta xem. Ngoài ra, việc gì cũng phải bàn nhau kỹ càng rồi hãy làm, chớ có coi thường. Nếu giữ được nơi ấy an toàn tức là được công đầu trong việc đánh chiếm Trường An vậy.

Mã Thốc và Vương Bình kéo quân lên đường rồi, nhưng Khổng Minh còn cẩn thận sai thêm tướng giỏi dẫn binh đóng giữ phía đông bắc và phía sau Nhai Đình để tiếp cứu khi Nhai Đình bị nguy.

Mã Thốc, Vương Bình đến Nhai Đình, trước hết đi quan sát địa thế đóng quân. Thốc xem xét rồi cười nói:

- Sao Thừa Tướng cẩn thận đến thế! Một nơi ven núi thế này, quân Ngụy đâu dám bén mảng tới.

Vương Bình nói:

- Dù quân Ngụy không dám đến, ta cũng phải đóng trại vào chỗ ngã năm kia để canh giữ năm mặt đường.

Nói rồi truyền quân sĩ đi đẵn cây đóng trại, tính kế giữ lâu dài. Mã Thốc không bằng lòng, nói:

- Ai đóng trại giữa đường bao giờ? Tiện đây có ghềnh núi, bốn mặt đều kín đáo, cây cối lại rất nhiều, chính là chỗ hiểm trời dành cho ta, cứ đóng quân ngay trên núi là hơn.

Bình nói:

- Tham quân tính sai rồi, đóng trại giữa đường đi, đào hào đắp lũy chấn ngang thì quân giặc dẫu có 10 vạn cũng không thoát qua lọt. Chớ bỏ ngã năm xung yếu này mà lên núi đóng đồn, nếu quân Ngụy ào đến bổ vây bốn mặt thì chống làm sao?

Thốc cười ha hả:

- Ngươi liệu tính không khác gì... đàn bà! Binh pháp có dạy: "Từ trên cao nhìn xuống, đánh địch dễ như chẻ tre". Nếu quân Ngụy đến đây, ta sẽ đánh cho không còn mảnh giáp.

Bình lại cãi:

- Trái núi này thật là chỗ tuyệt địa. Quân Ngụy cứ chặn đứt đường lấy nước thì quân ta chẳng đánh cũng rối loạn ngay.

Thốc gạt đi:

- Đừng bàn nhảm như thế! Tôn Tử có nói: "Lăn vào chỗ chết mà tìm được cái sông". Nếu quân giặc chặn đường lấy nước thì quân ta cũng liều mình tử chiến, một người địch nổi trăm tên. Ta học binh thư đã chán ra rồi. Mọi việc đến Thừa Tướng còn phải hỏi ta nữa là! Sao ngươi cứ cản trở ta vậy?

Bình đành phải khuyên:

- Nếu Tham Quân nhất định đóng đồn trên núi thì xin chia binh cho tôi đóng một trại nhỏ dưới chân núi phía tây, làm thế "ỷ dốc". Quân Ngụy đến, ta có thể cứu ứng lẫn nhau.

Nhưng Thốc vẫn không nghe. Bỗng thấy dân cư trong núi rầm rộ đổ ra, kéo từng tốp chạy đến, nháo nhác kêu rằng: "Giặc sắp đến nơi". Vương Bình sốt ruột toan bỏ đi. Mã Thốc bảo:

- Ngươi đã không chịu nghe lịnh, giờ quân Ngụy sắp đến rồi, vậy ta cho ngươi 5 ngàn binh, cứ đi mà đóng trại tùy ý. Rồi đây khi phá xong quân giặc, về trước mặt Thừa Tướng, ngươi đừng mong chia công với ta.

Bình chẳng nói gì nữa, kéo ngay 5 ngàn binh xuống cách xa chân núi 10 dặm rồi hạ trại, rồi lập tức vẽ thành bản đồ, sai người đi suốt đêm về trình Khổng Minh, bẩm rõ mọi việc Mã Thốc tự ý đóng đồn trên núi...

Khổng Minh đặt bản đồ lên án, mở xem qua một lượt bỗng ông đập tay xuống ánh đánh "bùng", kinh hãi kêu lên:

- Chết chưa! Mã Thốc ngu dốt, hãm quân ta vào chỗ nguy rồi.

Đoạn vội cho người thay Mã Thốc. Nhưng chưa kịp thì có tin cấp báo: "Nhai Đình và Liệt Liễu thất thủ cả rồi". Khổng Minh giậm chân đập gối than rằng:

- Ôi thôi, việc lớn hỏng rồi! Đây là lỗi tại ta!

Mã Thốc phải nhờ Vương Bình, Cao Tường, Ngụy Diên đem binh tiếp ứng mới được toàn mạng.

Thốc bị xử tử theo quân pháp.

Khi võ sĩ dâng đầu Mã Thốc dưới thềm, Khổng Minh òa lên khóc! Có người hỏi:

- Mã Ấu Thường phạm tội bất khả dung. Thừa tướng đã giết đi để minh chính phép quân, sao còn sầu não?

Khổng Minh sụt sùi nói:

- Có phải ta khóc Mã Thốc đâu! Vì ta nhớ lại tiên đế lâm chung ở Bạch Đế Thành, đã dặn ta rằng: "Mã Thốc

là kẻ hay nói quá sức mình, không nên giao cho việc lớn". Nay quả đúng như thế. Ta càng giận mình ngu tối, lại càng nhớ đến đức sáng suốt của tiên đế, cho nên đau lòng mà khóc vậy!

Lễ Tang

Lễ tang là lễ đặt ra để tỏ lòng thương trọng và kính thờ người chết.

Theo Khổng Tử thì trị thiên hạ "trọng nhứt là ba việc: ăn, tang và tế" (Sở trọng giả, thực tang tế). Theo Mạnh Tử thì: "Đạo trị thiên hạ cần nhứt là khiến dân nuôi người sống và tang người chết mà không có điều di hám" (Dưỡng sinh tang tử vô hám, vương đạo chi thủy giả). Bởi thế ở xã hội Việt Nam cũng như ở xã hội Trung Hoa, lễ tang còn có phong tục và lễ nghi phiền phức hơn việc hôn nhân nữa.

Việc tang trọng nhứt là tang cha mẹ.

Khi cha mẹ hấp hối thì phải đem ngay ra giữa nhà để tỏ rằng cha mẹ chết vì lẽ quang minh chính đáng. Bấy giờ phải đặt tên thụy, tục gọi là tên hèm hay tên cúng

cơm, rồi thưa cho cha mẹ biết. Đoạn lấy một mảnh lụa trắng dài 7 thước để lên mặt, sau khi kết thành hình người gọi là hồn bạch để hồn người chết tựa vào đó. Khi tắt hơi thì người nhà lấy một chiếc khăn tay hay một tờ giấy phủ trên mặt, khiêng xác đặt xuống đất rồi lại khiêng lên giường, có ý để cho người hấp thụ sinh khí của đất may ra có sống lại được. Đoạn một người cầm cái áo của người chết, tay tả cầm cổ, tay hữu cầm lưng, do đường trước trèo lên mái nhà để gọi tên và hú hồn người chết ba lần, rồi do đường sau nhà mà xuống. Đó là lễ phục hồn. Bấy giờ con cháu mới khóc và thay bỏ hết đồ trang sức mà quấn tóc và đi chân không, cùng ăn cháo để tỏ lòng đau thương.

Sau khi lập người tang chủ (thường là người con trưởng, là cháu trưởng thừa trọng) và người chủ phụ (vợ người chết hay vợ tang chủ) thì phải lo việc trị quan, nghĩa là sửa soạn quan tài theo nghi tiết nhứt định, rồi tắm gội và thay quần áo mới cho người chết để sắp sửa làm lễ phạm hàm. Lễ này, người nhà dùng một chén gạo nếp và ba đồng tiền, chia ra ba lần mà bỏ vào miệng người chết. Bấy giờ đến lễ tiểu liệm (một mảnh dọc, ba

mảnh ngang) và đại liệm (một mảnh dọc, năm mảnh ngang), theo nghi tiết mà lấy vải bọc lấy xác người chết cho kín.

Khi nhập quan, con cháu sắp hàng ở trước quan tài để khóc và làm lễ. Những người giúp việc khiêng xác bỏ vào quan rồi khiêng quan đặt ở giữa nhà. Từ bây giờ, con cháu phải trải rơm ở hai bên linh cữu và thay phiên nhau ngồi hầu suốt đêm ngày.

Khi đặt cữu đã xong, nhà giàu sang thì đặt linh sàng ở phía đông có đủ mùng màn chăn gối. Nhà hẹp thì chỉ đặt linh tọa ở trước cữu mà thôi. Cứ sáng và tối thì làm lễ triêu tịch điện, rước hồn bạch ở linh sàng ra linh tọa, rồi lại rước từ linh tọa vào linh sàng.

Trước khi làm lễ thành thục, phải lập minh tinh là thứ cờ hiệu bằng lụa đỏ có chữ ghi họ tên, chức tước cùng thụy hiệu chết bằng phấn trắng. Khi làm lễ thành phục thì con cháu người chết theo nghi tiết phủ phục mà mặc đồ tang, rồi quỳ lạy và khóc trước linh cữu.

Đồ tang phục có năm bực gọi là ngũ phục.

Áo đại tang để cha mẹ là áo trảm thôi (vải sô chặt bằng dao chớ không dùng kéo hay sổ gấu có mảnh vải đính ở sau lưng (phụ phiến), hai mảnh đính ở hai vai (thích). Ở lưng thắt một dây chuối hai vòng, ngoài phủ một cái áo rộng bằng vải sô. Trên đầu có một cái khăn bằng vải sô bỏ múi sau gáy. Con trai có mũ vành bằng bẹ chuối (mũ nùn) và gậy tre đẽo tròn nếu tang cha hay gậy vông đeo vuông nếu tang mẹ. Gái thì đội mũ nhọn (mũ mấn) bằng vải to che kín cả mặt.

Nếu mẹ chết trước cha, thì con để tang là áo cũng may theo kiểu trảm thôi (sổ gấu) nhưng gấu có viền qua loa. Về tang ông bà, chị em, anh em, chú bác cô dì thì tùy theo thứ tự thân sơ mà may đồ cơ phục (để một năm), đồ đại công (để chín tháng) bằng vải to, đồ tiểu công bằng vải hơi thô và đồ ti ma (để ba tháng) bằng vải nhỏ.

Trước khi tống táng thì làm lễ thiên cữu (dời cữu đi chỗ khác hoặc xích đi một chút), và lễ yết tổ tức rước hồn bạch đến từ đường để cáo tổ tiên.

Đến ngày phát dẫn thì làm lễ khiển diện tức là lễ tiễn

biệt, rồi rước linh cữu đến đại dư. Khi phát dẫn thì đi trước hết là phương tướng (người mặc áo mũ đạo sĩ, đeo nạ cầm dao) để khu trục tà quỷ; thứ đến có cờ đan triệu viết chữ "trung tín" (nếu đàn ông) hoặc "trinh thuận" (nếu đàn bà) bằng phấn trắng; thứ đến là các đồ minh khí cùng đối trướng của người phúng điếu, kế đến minh tinh, linh xa rước hồn bạch, rồi đến đại dư. Con trai thì chống gậy tre (tang cha), hoặc gậy vông (tang mẹ) đi lùi ở trước linh cữu. Còn con gái, dâu thì đi theo sau linh cữu trong một cái màn trắng (bạch mạc). Sau cùng là các người tôn trưởng họ hàng và bằng hữu đi đưa.

Dọc đường, con gái con dâu có lệ là thỉnh thoảng phải nằm lăn xuống đường khóc lóc kể lể để cỗ đại dư vượt qua. Người ta lại rắc những thoi vàng giấy để đánh dấu lối cho linh hồn người chết mà biết lối về.

Đám tang nhà phú quý, dọc đường thỉnh thoảng có làm trạm trung đồ (đạo trung) để dừng linh cữu lại làm điện tế. Đến huyệt lại có trạm để tế hạ huyệt. Trước khi hạ huyệt thì làm lễ tế Thổ thần. Khi đặt quan tài vào huyệt thì có thầy phong thủy phân kim lấy hướng, trải minh tinh lên mặt quan tài rồi cho đắp mồ. Đắp xong thì

làm lễ thành phần. Đoạn rước hồn bạch hay thần chủ vào linh xa về nhà rồi đưa lên linh tọa. Sau đó làm lễ phản khốc (khóc lại) và lễ sơ ngu (cầu cho vong hồn được an tĩnh). Sau gặp ngày nhu nhựt (ất, đinh, tỵ, tân, quý) thì làm lễ tái ngu; gặp ngày cương nhựt (thân, bính, tuất, canh, nhâm) thì làm lễ tam ngu.

Tống táng được ba ngày thì phải ra thăm mộ, làm lễ "mở cửa mả". Rồi cứ 7 ngày làm một tuần chay cho đến 49 ngày thì làm lễ chung tất, cùng lễ 50 ngày và 100 ngày. Được một năm thì làm lễ tiểu tường (giỗ đầu), sau một năm nữa thì làm lễ đại tường (giỗ hết). Được 27 tháng thì làm lễ đoạn tất hay lễ trừ phục (mãn tang). Từ đấy về sau cứ hàng năm đến ngày kỵ lại phải làm lễ, cho đến khi người chết lên đến bực tổ ngũ đại thì chôn thần chủ rồi thờ chung ở từ đường, chớ không làm giỗ riêng nữa. Trong khoảng tiểu đại tường, cứ đến tuần trung nguyên (rằm tháng bảy), người ta thường đốt đồ mã cho người chết hai kỳ. Kỳ đầu gọi là mã biếu (quỷ sứ), kỳ sau mới thực cho người chết dùng. Có nhiều nơi, người ta đốt đồ mã vào kỳ giỗ đầu và giỗ hết.

Tục đốt mã nguyên theo tục xưa chôn đồ dùng thật

kèm với người chết, sau mới thay bằng đồ giấy. Người ta tin rằng người chết xuống âm phủ cũng tiêu dùng tiền và quần áo nên phải đốt đồ mã để cho người chết khỏi thiếu thốn. Bởi theo mê tín và lý luận đơn giản, người ta cho rằng: "Dương sao thì âm vậy".

Về đại tang thì sau khi chôn cất yên rồi, con cháu đem mũ gậy và áo rộng treo ở bên linh tọa. Khi làm lễ thì mới dùng đến. Lúc thường thì chỉ mặc quần áo và chít khăn tang mà thôi. Trong thời hạn đại tang, người con còn phải ăn ở theo lễ. Theo sách Gia lễ: khi con cái có tang cha mẹ phải nằm rơm gối đất, không được vui chơi, không được nghe đàn hát, ăn uống thịt rượu, không được kết hôn, phải kiêng phòng sự (đàn bà có thai trong kỳ đại tang thì phải vạ). Người đương làm quan mà gặp đại tang thì phải xin nghỉ để cư tang, hết hạn mới xin bổ lại.

Sau ba năm đoạn tang, hoặc vài năm sau nữa, người ta thường cải táng. Khi ấy phải mời thầy phong thủy tìm lấy huyệt tốt rồi làm lễ bốc mả (cải táng). Trước hết là khai mả nhặt lấy xương xếp vào một cái tiểu sành rồi đậy thực kín. Nhà giàu sang thì dùng quan quách khâm liệm

như khi hung táng.

Tục cải táng ở miền Bắc rất phổ thông, người ta thường gọi là làm ma khô, đối với lễ hung táng là làm ma tươi. Từ Hoành Sơn trở vào Nam thì trừ khi người ta tưởng rằng mộ động thì phải cải táng, còn thường thì chôn cất một lần là xong.

Lễ tang rất phiền phức. Tục lệ tang ma khôn dứt bỏ được dễ dàng vì tôn giáo, luân lý, nghi lễ, phong tục và luật lệ phối hợp lại gây nên một áp lực mạnh mẽ, thúc bách cá nhân phải tuân theo. Trừ khi dân trí tiến bộ bớt mê tín và khi điều kiện sinh hoạt thay đổi hẳn. Cho nên ta đã thấy

.

Từ khi người chết vừa tắt hơi cho đến lễ đạm tất thì mỗi lần làm lễ phải có thầy phù thủy hay thầy tu tụng kinh và làm phép. Nếu ngày chết là ngày xấu, như ngày trùng tang trùng phục thì người ta phải tìm thầy phù thủy làm phép, đại khái là bỏ bùa vào quan tài và yểm bùa ở cửa để hung sát sợ mà không dám làm hại; hoặc

làm chay, lập đàn cúng lễ. Những kẻ chết oan, chết trẻ chưa thành gia thất, những kẻ bất đắc kỳ tử đều là những thứ ma thiêng hay hãm hại người sống nên muốn trừ tai ách, người ta phải làm chay để siêu độ vong hồn hoặc để giải oan.

Những thứ phiền toái này làm tê ngừng dòng tình cảm giữa người sống và người chết cùng huyết thống của một ông tổ. Đúng như điều nhận xét của dân chúng vốn thiết thực, nhưng không thể chống lại được sức mạnh của những "sự vật đã thành" mà họ vẫn ngấm ngầm phản đối:

Sống thì hít hít, hôn hôn,

Chết thì bùa yểm, bùa chôn, bùa trừ!...

hoặc:

Sống thì chả được cho ăn,

Chết thì làm giỗ, làm văn tế ruồi.

Thôi Xao

Thôi" là "đẩy".

"Xao" là "gõ".

Giả Đảo là một nhà sư giỏi thơ đời Đường. Một hôm trăng sáng, sư cưỡi lừa thong thả trên con độc đạo, định đến thăm nhà một người bạn. Cảnh vắng, trăng thanh, chim đậu trên cành cây bên bến nước, bóng người chiếu xuống mặt nước đầm, sư thấy lòng thơ lai láng, tức cảnh ngâm:

Điểu túc trì biên thọ.

Tăng thôi (xao) nguyệt hạ môn.

Độc hành đàm để ảnh,

Sác tức thụ biên thân.

Tạm dịch:

Chim đỗ cây bến nước,

Sư đẩy (gõ) cửa dưới trăng.

Mình đi bóng chiếu xuống,

Tựa cây mà thở than.

Giả Đảo ngâm đi ngâm lại, nhận thấy chữ "thôi" trong câu "Tăng thôi nguyệt hạ môn" không được ổn, nên đổi lại "xao". Nhưng cũng không vừa ý. Ông đọc "thôi" rồi lại "xao", lại đọc "xao" rồi đọc "thôi". Rốt cuộc ông phân vân không biết dùng chữ nào cho thích hợp.

Ông tức quá, bước xuống lừa, đứng giữa đường đi, đưa tay đẩy (thôi) rồi gõ (xao), gõ rồi đẩy giả như đứng trước nhà bạn vậy. Ông cứ làm như thế mãi mà không thấy phải dùng chữ nào.

Hàn Dũ vì can vua nên bị giáng chức tại triều ra làm thứ sử ở Triều Châu. Buồn cho thân thế, thấy trăng thanh gió mát nên cũng thong thả dạo chơi. Xa xa thấy

một nhà sư đứng bên con lừa, tay lúc đưa tới đưa lui, lúc đưa qua đưa lại như thằng điên thì rất lấy làm lạ. Hàn lần bước đến gần lên tiếng, nhà sư mới giựt mình ngừng lại Hàn Dũ hỏi thì Giả Đảo thuật lại sự tình. Hàn bật cười và bàn: "Nên dùng chữ "Xao" (gõ) là đúng hơn".

Giả Đảo đồng ý nên câu "Tăng thôi nguyệt hạ môn" đổi ra "Tăng xao nguyệt hạ môn".

Hai tiếng "thôi xao", trong văn chương ngày nay để chỉ là "chọn chữ làm văn thơ". Đây cũng là một gương sáng cho những người làm thơ, làm văn phải chọn chữ cho xác đáng, thích hợp. Chớ không được dùng từ ngữ "ẩu"!

Ta cũng có thành ngữ: "Nghĩ ra một chữ rụng mấy sợi râu", cũng đồng một ý nghĩa như trên. Giả Đảo lại có một bài thơ:

Nhị cú tam niên đắc,

Ngâm thành son lệ lưu.

Tri âm như bất thưởng,

Qui ngọa cố sơn thu.

Dưới đây là bản dịch của Hoài Nam Tử:

Ba năm được hai câu,

Ngâm lên giọt lệ trào,

Tri âm bằng chẳng hiểu,

Về ẩn chốn non cao.

Tựa Cửa, Tựa Cổng

Tựa cửa", "tựa cổng" do chữ "Ỷ môn", "Ỷ tư".

Nhạc Nghị là tướng nước Yên đời Chiến Quốc đem quân đánh Tề, hạ được 72 thành. Tề chỉ còn 2 thành là Cử Châu và Tức Mặc. Tề Mẫn vương thua chạy ra Cử Châu, có quan đại phu là Vương Tôn Giả hộ giá.

Vương Tôn Giả mới 12 tuổi, chỉ còn mẹ già, Mân vương thương cho làm quan. Tôn Giả theo phò Mân vương đến nước Vệ thì cả hai lạc nhau. Giả chẳng biết Mân vương ở đâu, bèn lẻn về nhà. Bà mẹ trông thấy hỏi vua Tề ở đâu, Giả nói:

- Con theo vua đến nước Vệ, nửa đêm vua tôi cùng bỏ trốn, rồi không biết vua đi ngả nào.

Bà mẹ giận, nói:

- Mày sớm đi chiều về thì ta đứng tựa cửa mà mong; mày chiều đi mà không về thì ta đứng tựa cổng mà mong. Vua mong bề tôi có khác gì mẹ mong con. Mày làm tôi vua Tề, vua ban đêm chạy trốn, mày không biết vua đi đâu, sao lại bỏ về?

Giả thẹn quá, lại từ biệt mẹ già đi tìm vua Tề, nghe vua ở Cử Châu, đến ngay để tìm. Nhưng khi đến đó mới biết vua Tề bị Tướng quốc Tề là Trác Xỉ mưu phản, tư thông với Nhạc Nghị giết chết vua Tề. Giả bèn trần tay áo bên tả ra hô hào ở ngoài chợ:

- Trác Xỉ làm tướng Tề mà giết vua, thế là làm tôi bất trung. Nếu ai bằng lòng giết kẻ có tội ấy thì theo ta cùng trần tay áo bên tả.

Người trong chợ cùng bảo nhau: "Người ấy ít tuổi mà có lòng trung nghĩa, chúng ta ai là người hiếu nghĩa, tưởng đều nên theo". Chỉ trong một chốc có đến hơn bốn trăm người cùng trần tay áo bên tả.

Trác Xỉ, trước vốn tướng nước Sở. Khi Tề bại trận có sai sứ sang cầu viện vua Sở tiếp cứu, hứa cắt dâng cả

đất Hoài Bắc cho Sở để đền ơn. Vua Sở sai đại tướng Trác Xỉ mang 20 vạn quân lấy cớ đi cứu Tề, sang Tề nhận đất, nhưng lại mưu mẹo dặn Xỉ cứ liệu chừng mà thi hành, hễ có lợi cho Sở thì làm ngay. Xỉ được Tề Mân vương lập làm tướng quốc. Quyền hành đều về tay Xỉ.

Xỉ thấy quân Yên thế mạnh, sợ cứu Tề vô công, bèn mật sai sứ tư thông với Nhạc Nghị, định giết Mân vương rồi cùng Yên chia đất Tề, và yêu cầu Yên để cho mình làm vua. Tướng Yên là Nhạc Nghị ưng chịu.

Trác Xỉ mừng quá, bèn dàn quân ở Cổ Lý, mời Mân vương đến duyệt binh, đoạn bắt Mân vương rút gân treo lên nóc nhà. Sau ba ngày, Mân vương mới tắt hơi. Xỉ liền về Cử Châu, muốn tìm thế tử vua Tề mà giết nốt nhưng tìm không được. Xỉ liền làm biểu tâu với vua Yên kể công mình, nhờ Nhạc Nghị chuyển đệ cho.

Giữa lúc ở Cử Châu, Trác Xỉ vào cung vua Tề uống rượu say sưa, truyền mỹ nữ tấu nhạc làm vui. Quân Sở đông nhưng đều đóng ở ngoài thành, chỉ có vài trăm quân dàn hầu ở cửa cung. Vương Tôn Giả đem 400 người xông vào cướp khí giới của quân lính, tiến vào

cung bắt được Trác Xỉ. Xỉ bị xả thây, bằm nát thành nước thịt. Quân Sở không có chủ tướng, một nửa bỏ trốn, một nửa đầu hàng nước Yên.

Vương Tôn Giả truyền đóng chặt cửa thành, cố giữ.

Lời nói của bà mẹ Vương Tôn Giả: "Mày sớm đi chiều về thì ta đứng tựa cửa mà mong; mày chiều đi mà không về thì ta đứng tựa cổng mà mong...", nguyên văn: "Nhữ triêu xuất nhi vãn lai, tắc ngô ỷ môn nhi vọng; mộ xuất nhi bất hoàn, tắc ngô ỷ lư nhi vọng". Do đó, nên sau trong văn chương, người ta thường dùng chữ "ỷ môn, ỷ lư" (tựa cửa, tựa cổng) để chỉ sự cha mẹ trông con.

Trong tác phẩm "Chinh phụ ngâm", bản dịch nôm của bà Đoàn Thị Điểm, đoạn nói về tình gia thất của khách chinh phu, có câu:

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,

Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ

Nguyễn Du, lúc Kiều ở lầu Ngưng Bích của mụ Tú Bà, nàng nhớ quê hương, nhớ tình nhân, nhớ cha mẹ, cũng có câu:

Xót người tựa cửa hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

"Tựa cửa" là do điển tích trên.

Riêng có chữ "hôm mai" đi theo chữ "tựa cửa" là vì trong chữ sách, mẹ của Vương Tôn Giả có nói đến việc con đi buổi mai và buổi chiều (triêu xuất, mộ xuất).

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tứ Thư

Tứ Thư và Ngũ Kinh là những bộ sách làm nền tảng cho Nho giáo. Sách này vừa là kinh điển của các môn đồ đạo Nho, vừa là những tác phẩm văn chương tối cổ của nước Tàu.

Tứ Thư (bốn sách) gồm có Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử.

1/ Đại học là sách của bực "đại học" cốt dạy cái đạo của người quân tử. Sách chia làm hai phần:

a/ Phần đầu gọi là Kinh, chép lời đức Khổng Tử có 1 chương.

b/ Phần cuối gọi là Truyện, lời giảng giải của Tăng Tử là môn đệ của Khổng Tử có 10 chương.

Mục đích bực đại học hay tôn chỉ của người quân tử, đã tóm tắt ở câu đầu sách là: "Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện". Nghĩa là: "Cái đạo của người theo bực đại học là cốt làm sáng cái đức sáng (đức tốt) của mình, cốt làm mới (ý nói cải hóa) người dân, cốt dừng lại ở cõi chí thiện". Vậy người quân tử trước phải sửa sang đức mình cho hay, rồi lo dạy người khác nên hay, và lấy sự chí thiện làm cứu cánh.

Mục đích đã vậy, phương pháp phải thế nào? Con người phải sửa mình trước (tu thân), rồi mới chỉnh đốn việc nhà (tề gia), cai trị việc nước (bình thiên hạ). Phương pháp này phải tuần tự tiến hành là tự mình đến người ngoài, mà điều cốt yếu nhứt là việc sửa mình. Vì vậy trong Đại Học có câu: "Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhứt thị giai dĩ tu thân vi bản". (Từ vua đến thường dân, ai ai cũng đều lấy việc sửa mình làm gốc).

Vậy muốn sửa mình phải thực hành cách nào? Trước hết phải cách vật (thấu lẽ mọi sự vật), rồi phải trí tri (biết cho đến cùng), thành ý (phải thành thực), chánh tâm (lòng phải ngay thẳng). Thực hành bốn điều này thì sẽ tu được thân, rồi tề được nhà, trị được nước và bình được

thiên hạ, mà làm tròn được cái đạo của người quân tử.

2/ Trung Dung là sách gồm những lời tâm pháp của đức Khổng Tử do học trò ngài truyền lại, rồi sau thầy Tử Tư là cháu của ngài chép thành sách, gồm có 33 chương.

Thầy Tử Tư dẫn những lời nói của Khổng Phu Tử đã giảng về đạo trung dung, có cho rằng: Trung hòa là tính tình tự nhiên của trời đất mà trung dung là đức hạnh của con người. Trung là giữa, không lệch về bên nào; dung là thường, nghĩa là dùng đạo trung làm đạo thường. Muốn theo đạo này cốt phải có cái đạo đức: trí, nhân và dũng. Trí để biết rõ các sự lý, nhân để hiểu điều lành mà làm, dũng là có cái khí cường kiện mà thực hành theo điều lành đến cùng.

Đạo người là phải cố gắng để đạt đến bực chí thánh. Phải học cho rộng, xét hỏi cho kỹ, nghĩ ngợi cho sâu, biện biệt điều phải trái cho rõ và dốc lòng làm điều thiện cho đến cùng. Nếu ai làm được như thế thì ngu thành sáng, yếu thành mạnh, tức là dần lên đến bực chí thánh. Trong thiên hạ chỉ có bực chí thánh mới hiểu rõ cái tính

của Trời. Biết rõ cái tính của Trời thì biết được cái tính của người. Biết rõ cái tính của người thì biết được cái tính của vạn vật. Biết rõ cái tính của vạn vật thì khả dĩ giúp được sự hóa dục của trời đất và có công ngang với trời đất vậy.

Sách Trung Dung nói về đạo của thánh hiền vốn căn bản của Trời, rồi giải diễn ra hết mọi lẽ, khiến cho con người phải giữ mình cho kính cẩn trong khi hành động và khi im lặng một mình.

Tóm lại, Trung Dung thuộc về loại sách triết lý rất cao.

3/ Luận Ngữ là quyển sách chép những lời nói của đức Khổng Tử khuyên dạy học trò, hoặc những câu chuyện của ngài nói với những người đương thời về nhiều vấn đề (luân lý, triết lý, chính trị, học thuật) do các môn đệ của ngài sưu tập lại.

Sách chia làm hai quyển (thượng, hạ) gồm có 20 thiên (mỗi thiên lấy 2 chữ đầu đặt tên). Các chương không có liên lạc, hệ thống gì nhau.

Sách Luận Ngữ có thể cho là quyển sách dạy đạo người quân tử một cách thực tiễn và mô tả tính tình, cử chỉ, đức độ của đức Khổng Tử, như phác họa một mẫu mực hoạt động cho người đời sau noi theo.

Sách này cho ta biết được nhiều câu cách ngôn xác đáng về đạo người quân tử. Còn cho ta nhận thấy phẩm cách cao thượng (hồn hậu, thành thực, khiêm cung, khoái hoạt) của đức Khổng Tử biểu lộ qua những chuyện ngài nói với học trò. Sách này chẳng những cho ta thấy được cảm tình phong phú và lòng ái mỹ mà còn là khoa sư phạm của Khổng Tử. Trong những lời khuyên dạy chuyện trò với học trò, ngài tỏ ra là một ông thầy hiểu thấu tâm lý học trò và khéo làm cho lời dạy bảo của mình thích hợp với trình độ, cảnh ngộ của mỗi người. Có khi cùng là một câu hỏi mà ngài trả lời khác, tùy theo tư chất và chí hướng của từng người.

4/ Mạnh Tử là tên bộ sách do Mạnh Tử viết. Sách gồm có 7 thiên. Các chương trong mỗi thiên thường có liên lạc với nhau và cùng bàn một vấn đề.

Sách này cho ta nhận thức được tư tưởng của Mạnh

Tử về các vấn đề:

Về luân lý, ông xướng lên thuyết tính thiện để đánh đổ cái thuyết của người đương thời (như Cáo Tử) cho rằng tính người không thiện không ác. Theo ý ông, thiên tính con người vốn thiện, ví như tính nước vốn chảy xuống chỗ thấp; sỡ dĩ thành ác là vì làm trái thiên tánh, ví như ngăn nước cho nó chảy lên chỗ cao.

Tính người vốn thiện nhưng vì tập quán, vì hoàn cảnh, vì vật dục làm sai lạc đi, hư hỏng đi, vậy cần phải có giáo dục để nuôi lấy lòng thiện, giữ lấy bản tính. Những điều cốt yếu trong việc giáo dục là: dưỡng tính (giữ lấy thiện tính), tồn tâm (giữ lấy lòng thành), trì chí (giữ chí hướng cho vững). Và, ông thường nói đến phẩm cách của người quân tử mà gọi là đại trượng phu hoặc đại nhân. Bực này phải có bốn điều là: nhân, nghĩa, lễ và trí.

Về chính trị, ông cho rằng bực làm vua trị dân phải trọng nhân nghĩa chớ đừng trọng tài lợi thì mới tránh được sự biến loạn và chiến tranh. Ông cũng lưu tâm đến vấn đề kinh tế. Ông cho rằng người có hằng sản rồi mới

có hằng tâm, nghĩa là người ta có của cải đủ sống một cách sung túc thì mới sinh ra có lòng tốt muốn làm điều thiện, và có phương tiện để thực hiện điều thiện ấy. Vậy bổn phận kẻ bề trên là phải trù tính sao cho tài sản của dân được phong phú, rồi mới nghĩ đến điều dạy dân và bắt dân làm điều hay được. Ông lại chỉ cho các vua chúa những phương lược để làm cho việc canh nông, mục súc, công nghệ của dân được phát đạt.

Mạnh Tử không những là một nhà tư tưởng lỗi lạc mà còn là một văn gia đại tài. Văn của ông rất hùng hồn và khúc chiết. Ông biện luận điều gì cũng rạch ròi, sắc cạnh. Ông hay nói thí dụ. Muốn cho ai hiểu điều gì, muốn bắt ai chịu phục lẽ gì, ông thường dẫn những thí dụ mượn ở sự vật cho người ta dễ nhận xét. Ông lại thường dùng thể ngụ ngôn hoặc kể những câu chuyện ngắn để diễn đạt tư tưởng cho người nghe vui thích và dễ nhận cái hàm ý của ông.

Tóm lại, bộ Tứ Thư là bộ sách gồm những điều cốt yếu của Nho giáo. Ai muốn hiểu rõ đạo giáo ấy tất phải nghiên cứu.

Ngũ Kinh

Ngũ Kinh (năm quyển sách) cũng như Tứ Thư là những sách làm nền tảng của Nho giáo. Nguyên trước có sáu kinh nhưng vì sự đốt sách của Tần Thủy Hoàng (246-209 trước D.L.), một kinh là kinh Nhạc (âm nhạc) bị mất đi. Kinh này chỉ còn lại một thiên, sau đem vào sách Lễ ký (kinh Lễ), đặt là thiên Nhạc ký.

Ngũ Kinh là:

1/ Thi (thơ), do đức Khổng Tử sưu tập và lựa chọn. Kinh này vốn là những bài ca dao ở nơi thôn quê và nhạc chương nơi triều miếu của nước Tàu về thời thượng cổ.

Nguyên trước có đến ba ngàn thiên. Sau, đức Khổng Tử san định lại hơn ba trăm chương và theo ý nghĩa các thiên, sắp đặt thành bốn phần. Đến đời Tần Thủy Hoàng, kinh Thi cũng như các kinh khác, bị đốt nhưng có nhiều

nhà nho còn nhớ. Đến thế kỷ thứ hai trước Dương lịch, về đời nhà Hán có bản kinh Thi xuất hiện, đại thể giống nhau, duy chữ viết có khác. Truyền lại đến nay là bản của Mao Công (tức Mao Trường).

Kinh Thi có bốn phần gồm 305 thiên (bài thơ). Trong đó có 6 thiên chỉ truyền lại đề mục mà không còn bài. Mỗi thiên lấy vài chữ chính trong thiên làm đề mục và chia làm nhiều chương. Bốn phần trong kinh Thi là: Quốc phong, Tiểu nhã, Đại nhã và Tụng.

Quốc phong là những bài ca dao của dân các nước chư hầu đã được nhạc quan của nhà vua sưu tập lại: Quốc là nước (đây là các nước chư hầu về đời nhà Chu); phong nghĩa đen là gió, ý nói các bài hát có thể gợi cảm con người như gió làm rung động các vật.

Quốc phong gồm có Chính phong và Biến phong. Chính phong phân làm 2 quyển Chu Nam và Thiệu Nam, gồm những bài hát từ trong cung điện nhà vua truyền ra khắp dân quân. Biến phong gồm những bài hát của 13 nước chư hầu khác.

Tiểu nhã gồm những bài hát dùng ở nơi triều đình, nhưng chỉ dùng trong những trường hợp thường như khi có yến tiệc.

Đại nhã chỉ những bài hát dùng trong những trường hợp quan trọng như thiên tử họp các vua chư hầu hoặc tế ở miếu đường.

Tụng nghĩa là khen, gồm những bài ngợi khen các vua đời trước và dùng để hát ở nơi miếu đường.

Các bài trong Kinh Thi thường viết theo thể thơ 4 chữ (thỉnh thoảng có câu 3 chữ hoặc 5 chữ). Cách kết cấu các bài làm theo ba thể: phú, tỉ, hứng.

Đọc Kinh Thi, ta biết được tính tình, phong tục của người dân và chính trị các đời vua cùng các nước chư hầu ở nước Tàu về đời thượng cổ. Đọc Mân phong, ta biết được tính đức cần kiệm người dân đất Mân. Đọc Vệ phong, ta biết được thói dâm bôn của người dân nước Vệ. Đọc Tần phong, ta biết được sự hối quá của người dân nước Tần. Đọc Đại nhã, Tiểu nhã, ta biết được chính trị của nhà Chu thịnh suy thế nào.

Kinh Thi là một nguồn thi hứng: các thi sĩ thường mượn đề mục. Kinh Thi còn là một kho điển tích. Các nhà làm văn thường lấy điển hoặc lấy chữ ở đây. Cũng như ca dao của Việt Nam, Kinh Thi là nền tảng thơ tối cổ của Trung Hoa. Trong đó có nhiều bài mô tả tính tình, phong tục dân Tàu một cách chất phác, hồn nhiên.

2/ Thư (nghĩa đen là ghi chép), do đức Khổng Tử sưu tập. Kinh này chép những điển (phép tắc), mô (mưu mẹo, kế sách), huấn (lời dạy dỗ), cáo (lời truyền bảo), thệ (lời răn bảo tướng sĩ), mệnh (mạng lịnh) của các vua tôi bên Trung Hoa từ đời Nghiêu, Thuấn đến đời Đông Chu (từ năm 2357 đến năm 771 trước D.L.)

3/ Dịch (nghĩa đen là thay đổi) là bộ sách tượng số dùng về việc bói toán và sách lý học cốt giải thích lẽ biến hóa của trời đất và sự hành động của muôn vật. Nguyên vua Phục Hi (4480-4365 trước D.L.) đặt ra bát quái (tám quẻ, tức là 8 hình vẽ); tám quẻ ấy lại đặt lần lượt chồng lên nhau thành ra 64 trùng quái (quẻ kép). Mỗi trùng quái có 6 nét vạch (hoặc vạch liền biểu thị lẽ "dương", hoặc vạch đứt biểu thị lẽ "âm") gọi là hào, thành ra 384 hào. Đức Khổng Tử nhân đó mà giải nghĩa

các quái, các trùng quái và các hào.

4/ Lễ Ký (chép về lễ) là sách chép các nghi lễ trong gia đình, hương đảng và triều đình. Hiện Kinh Lễ (Lễ Ký) còn truyền lại đến giờ phần nhiều là văn của Hán nho, chớ chính văn do đức Khổng Tử san định về đời Xuân Thu không còn mấy.

5/ Xuân Thu (mùa xuân và mùa thu) nguyên là sử ký nước Lỗ, do đức Khổng Tử san định lại, chép công việc theo lối biên niên từ năm đầu đời Lỗ Ẩn công đến năm thứ 15 đời Lỗ Ai công (từ năm 722 đến năm 481 trước D.L.). Kinh Xuân Thu cũng gọi là Kinh Lân, vì đức Khổng Tử chép lúc nước Lỗ săn được con lân què thì ngài dừng bút. (Loan rằng: "Sữ Mã kinh Lân" - cụ Nguyễn Đình Chiểu).

Lợn Người

Lợn người" do chữ "nhân trệ" của Lữ hậu, vợ vua Hán Cao Tổ Lưu Bang đời Tây Hán.

Lữ hậu tên Lữ Trĩ lấy Lưu Bang lúc còn hàn vi. Lưu Bang dựng nghiệp nhà Hán phong Lữ Trĩ làm hoàng hậu. Nhà vua có người hậu phi tên Thích Cơ trẻ đẹp nên rất sủng ái. Một hôm, vua vào cung Thích Cơ bày yến tiệc. Uống say, vua nằm trên vế Thích Cơ ngủ vùi. Lữ hậu cho người dọ biết nên lên kiệu đi thẳng lại cung Thích Cơ. Kẻ tả hữu chạy vào phi báo, nhưng vì nhà vua nằm trên vế ngủ, nên Thích Cơ chẳng dám động, đành phải ngồi yên.

Lữ hậu bước vào thấy thế máu ghen càng sôi lên:

- Loài tiện tỳ thường vô lễ, nay ta vào cung của mi, sao mi dám ngồi trên cao, không đứng dậy là đạo lý chi

vậy?

Thích Cơ sợ sệt thưa:

- Tôi thấy nương nương đến, há chẳng tiếp nghinh. Vì chúa thượng ngủ đương ngon giấc, tôi chẳng dám động nên mới thất lễ, xin nương nương tha tội.

Lữ hậu nghiến răng, mắng:

- Loài tiện tỳ, cứ lấy vua làm nể, chừng người có muôn tuổi rồi, ta sẽ nghiền mi nát ra tro cho mi coi.

Đoạn Lữ hậu quày quả bỏ đi.

Sau khi Hán Cao Tổ chết, Thích Cơ không người bảo bọc, ủng hộ nên Lữ hậu thừa dịp trả thù. Lữ truyền bắt Thích Cơ cùng một số cung nhân trước kia theo Thích Cơ, được nhà vua sủng ái đem ra hành hình một cách bi thảm rùng rợn. Lữ bắt họ phải uống thuốc câm, rồi chặt tay chân, khoét mắt, cắt tai, giam vào chuồng xí dơ bẩn. Họ đau đớn quá nhưng bị câm, không thốt ra tiếng người được nữa, chỉ tru lên những tiếng ú ớ u ơ rất thê thảm. Lữ hậu lại bắt mọi người gọi những nạn nhân ấy là lũ

"nhân trệ" (lợn người).

Đời Tam Quốc, Lưu phu nhân là vợ của Viên Thiệu chúa chư hầu đất Hà Bắc… thấy 5 nàng hầu diễm lệ được chồng sủng ái thì phát ghen. Sau khi Thiệu chết, Lưu bắt 5 nàng ra giết chết cả. Lại sợ âm hồn các nàng về chín suối được tái ngộ với chồng, mụ còn sai người cạo tóc, vạt mặt, khoét mắt và băm vằm năm cái thây ma ấy ra như tương. Con mụ là Viên Thượng sợ có kẻ oán mà mưu hại, bèn sai bắt hết thân nhân gia thuộc của năm nàng này đem giết hết.

Sư tử Hà Đông trả thù thật khiếp.

Máu ghen lạ đời và tàn ác đến thế là cùng.

Đọc "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, diễn tả Hoạn Thư tuy ghen mà còn khá. Nàng Hoạn Thư ghen sâu sắc tế nhị chớ không tàn bạo như Lữ hậu, Lưu... hay những mụ tạt át xít vào mặt tình địch như thời nguyên tử.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Tây Thi, Trịnh Đán

Tây Thi là một giai nhân tuyệt sắc ở nước Việt đời Chiến Quốc, có tiếng là "Lạc nhạn" trong "tứ đại mỹ nhân" ở cổ Trung Hoa.

Nàng xuất thân một gia đình nghèo, cha đốn củi, nàng dệt vải ở Trữ La Sơn. Trữ La có hai thôn: Đông thôn và Tây thôn, phần nhiều là họ Thi. Vì nàng ở về Tây thôn nên gọi là Tây Thi. Ở đây lại có nàng Trịnh Đán, bạn láng giềng Tây Thi, cũng là một mỹ nữ sắc nước hương trời. Nhà ở gần sông, ngày nào hai nàng cũng cùng nhau ra đập sợi ở ven sông. Má hồng nước biếc, hai bóng lộn nhau, trông hai đóa phù dung của buổi bình minh tươi đẹp.

Vua nước Việt là Câu Tiễn bại trận, phải cùng vợ sang làm người tù chăn ngựa cho vua nước Ngộ Sau khi được thả về, lòng uất ức căm hờn mong rửa được nhục thù.

Đại phu Văn Chủng hiến 7 kế phá Ngộ Một trong 7 kế là đem mỹ nữ sang dâng để làm mê hoặc vua Ngô. Câu Tiễn liền thực hành ngay. Trong vòng nửa năm, tuyển được hai ngàn mỹ nữ, lại chọn hai người đẹp nhứt là Tây Thi và Trịnh Đán. Câu Tiễn sai Tướng quốc Phạm Lãi đem 100 nén vàng đến thôn Trữ La rước hai nàng về, trang sức lộng lẫy, cho ngồi trong xe có màn phủ.

Người trong nước nghe tiếng mỹ nữ, ai cũng muốn xem mặt, tranh nhau ra ngoài cõi đón. Đường xá chật ních những người. Phạm Lãi liền để hai nàng ở nhà quán xá rồi truyền dụ rằng: "Ai muốn xem mặt mỹ nhân phải nộp một đồng tiền". Chỉ trong một lúc mà tiền thu đầy quỹ. Hai nàng lên lầu, đứng tựa bao lơn, khác nào như tiên nga giáng hạ. Hai nàng lưu ở ngoài cõi ba ngày, tiền thu không xiết kể. Câu Tiễn cho hai nàng ở riêng tại Thổ Thành, rồi sai một lão nhạc sư đến dạy múa hát.

Ba năm qua, Tây Thi và Trịnh Đán cùng số mỹ nữ học múa hát đã được tinh xảo, Câu Tiễn liền truyền Phạm Lãi đem sang cống cho vua Ngô là Phù Sai. Phạm Lãi vào yết kiến, sụp lạy vua Ngô, tâu rằng:

- Đông hải tiện thần là Câu Tiễn cảm ơn đại vương, không thể đem thê thiếp đến hầu hạ ở bên cạnh được, vậy cố tìm khắp trong nước được hai mỹ nhân khéo nghề múa hát nên sai chúng tôi đem nộp vương cung để giữ việc quét rửa.

Phù Sai trông thấy hai nàng, cho là thần tiên mới giáng hạ, hồn phách mê mẩn, mắt nhìn đăm đăm một cách say sưa. Phù Sai rất lấy làm hài lòng nhận lấy mỹ nữ. Tây Thi và Trịnh Đán được Phù Sai yêu mến. Nhưng riêng Tây Thi vì có sắc đẹp lộng lẫy lại khéo chiều chuộng, có nghệ thuật làm người say đắm nên Ngô vương sủng ái hơn. Tây Thi được ở Cô Tô đài với Phù Sai. Nàng đi dạo nơi đâu cũng dùng đồ nghi vệ theo địa vị phi hậu. Trịnh Đán ở Ngô cung, ghen với Tây Thi uất ức không nói ra, được hơn một năm đau chết. Phù Sai thương lắm, đem chôn ở Hoàng Mao sơn và lập đền thờ cúng.

Phù Sai rất yêu Tây Thi, lập Quán Khuê cung ở Linh Nham sơn, trang trí toàn bằng châu ngọc để làm chỗ cho Tây Thi ra dạo, ngắm cảnh. Lại xây cất Hưởng Điệp lan, Ngoạn Hoa trì, xây giếng Ngô vương tỉnh... để cho

Tây Thi đến ngắm hoa, thưởng trăng và soi bóng mình dưới làn nước trong. Phù Sai lại lập cầm đài để Tây Thi ngồi đàn để Phù Sai thưởng thức những cung đàn tuyệt diệu của nàng. Phù Sai lại cho đào một con sông con ở trong thành, từ nam sang bắc rồi làm một chiếc buồm gấm để nàng Tây Thi dong thuyền, gọi là Cẩm phàm hình. Và, còn rất nhiều nơi nữa, cứ mỗi lần nàng ngự đến là trở nên một di tích "lịch sử" mà Phù Sai sắp đặt kiến trúc cho.

Phù Sai từ khi được Tây Thi cứ ở luôn trên Cô Tô đài, bốn mùa vui chơi, rượu chè đàn địch, chẳng thiết đến việc gì cả. Tây Thi, con người kiều diễm ấy, tuy có một thân hình mảnh mai như cành liễu yếu nhưng tiềm tàng một sức mạnh phi thường là quyết lật đổ cả một triều Ngô để đem lại sự chiến thắng vinh quang cho triều Việt. Hai bàn tay ngà ngọc xinh xắn của nàng, xưa kia là để quay tơ giặt lụa nhưng nay lại để bóp nát dần cả một nước Ngô có binh hùng tướng mạnh cho đến ngày tàn. Mắt nàng cau một cái là một cái đầu của viên thượng tướng bị rơi. Môi nàng cười một nét là kho nhà Ngô vơi đi bạc vàng, châu báu... Ngũ Viên, một vị Tướng quốc

kiên trung, đa mưu, túc trí, đầy tài dũng lược của triều Ngô vì nàng mà chết dưới thanh kiếm Trúc Lâu của Ngô vương.

Nước Ngô ngày càng suy yếu. Nước Việt thừa thế tấn công. Ngô bại trận. Ngô vương Phù Sai tự tử.

Tây Thi làm tròn sứ mạng của một người nhi nữ quần vận yếm đối với tổ quốc, nàng mong được trở lại quê nhà thăm cha ở Trữ La thôn, nhưng vương phi Câu Tiễn sợ rằng chồng sẽ say đắm sắc đẹp của nàng, nên mật sai người bắt Tây Thi neo đá quăng xuống dòng nước Tam Giang. Thật là mụ đàn bà ghen đanh ác.

Cái chết của Tây Thi nói trên là theo chính sử.

Có truyện chép: Phạm Lãi yêu nàng Tây Thi nhưng thấy Việt vương Câu Tiễn muốn lấy Tây Thi, nên ghen mới bày mẹo cho mụ vợ Câu Tiễn giết thác nàng. Có truyện lại chép: Phạm Lãi trước đã cùng Tây Thi yêu nhau, nên trong trận tấn công nước Ngô, đốt phá Cô Tô đài, Phạm Lãi đón rước Tây Thi xuống thuyền, rồi cả hai bỏ nước đi du Ngũ hồ cho trọn tình chung thủy. Truyện

sau này thấy chép trong "Tình sử". Có lẽ những nhà tiểu thuyết diễm tình giàu cảm, giàu tưởng tượng và cũng giàu lòng nhân đạo, thấy đôi trai tài gái sắc, nhứt là đối với Tây Thi, một bực sắc nước hương trời lại có công to với nước mà bị chết một cánh oan uổng, bi thảm như thế nên quá xúc cảm, viết thành câu chuyện kia để an ủi oan hồn của người đẹp chăng?

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Nữ Trượng Phu

Dời Tam Quốc, em trai của Ngô chúa Tôn Quyền là Tôn Dực làm Thái thú quận Đan Dương. Dực vốn tính cương cường, nóng nảy lại hay rượu. Viên đốc tướng Đan Dương là Qui Lãm cùng viên quận thừa là Đái Viên thường có ý mưu sát Dực. Hai tên mới kết thông với kẻ tùy tùng của Dực là Biên Hồng. Thế là cả ba mưu giết Dực.

Một hôm, các tướng cùng các vị huyện lịnh về hội họp đông đủ tại Đan Dương. Tôn Dực cho bày yến tiệc thiết đãi. Vợ của Dực là Từ thị có sắc đẹp lại thông minh, rất giỏi khoa bói Dịch. Bấy giờ nàng bói thử một quẻ thấy "tượng" rất xấu, mới khuyên chồng chớ ra tiếp khách. Nhưng Dực không nghe, cứ cùng các quan ra công đường, chủ tọa buổi tiệc. Đến chiều tiệc tan, Biên Hồng ngầm giấu dao trong mình, theo chân Dực ra cửa,

rồi bất thình lình rút dao đâm Dực chết ngay. Qui Lãm và Đái Viên bèn đổ tội cho Biên Hồng, lôi ra giữa chợ chém đầu. Rồi hai tên thừa thế đoạt lấy của cải và thị thiếp của Dực. Qui Lãm thấy Từ thị nhan sắc diễm lệ, động lòng dục vọng, bèn bảo nàng:

- Ta đã báo thù cho chồng nàng, vậy nàng hãy về ở với ta. Nếu không nghe thì có toàn mạng.

Từ thị nói:

- Chồng thiếp vừa mới chết, chưa tiện theo tướng quân ngay. Xin đợi đến tối 30 này, thiếp cúng "trừ phục" xong, rồi chúng ta thành thân cũng chẳng muộn.

Qui Lãm nghe nói, sung sướng ưng lời lui ra chờ đợi. Từ thị bèn bí mật triệu hai viên tướng tâm phúc của Dực là Tôn Cao và Phó Anh vào phủ, khóc và nói:

- Khi tiên phu còn sống, vẫn thường khen hai ông trung nghĩa. Nay hai tên giặc Đái, Qui mưu sát chủ, rồi đổ tội cho một mình Biên Hồng và đem hết gia tư, tôi tớ nhà tôi ra chia nhau. Qui Lãm lại cưỡng bức, đòi hại cả

đời tôi nữa. Tôi phải giả tảng ưng lời cho yên lòng nó. Nay hai tướng quân nên sai người đi gấp về báo Ngô hầu. Một mặt hãy bày mật kế trừ hai tên giặc ấy để rửa thù nhục này, thì người chết được ngậm cười mà kẻ sống đội ơn muôn phần.

Đoạn, nàng cúi xuống lạy hai lạy. Tôn Cao, Phó Anh cũng khóc, nói:

- Hai chúng tôi đã đội ơn tri ngộ của Phủ quân nay Phủ quân bị hại, mà chúng chưa thể chết theo là còn muốn lập kế báo thù cho chủ. Giờ phu nhân sai khiến, chúng tôi há dám không hết sức?

Đến đêm 30, Từ thị bí mật cho hai tướng Tôn, Phó vào phục sẵn trong màn the nơi phòng kín. Đoạn bày lễ cúng tế ngoài nhà thờ. Tế chồng xong, nàng trút bỏ hết đồ tang phục, tắm gội nước hương, trang điểm thật lộng lẫy, cười nói tươi vui. Qui Lãm nghe tin, sung sướng như mở cờ trong bụng. Đến đêm, Từ thị cho con hầu ra mời Lãm vào phủ, bày tiệc giữa nhà, chuốc rượu. Người đẹp, rượu ngon, những lời chuốc mời ngọt dịu, những cái liếc hữu tình, những nụ cười tươi tắn say đắm làm cho Lãm

ngây người tưởng mình đã lạc vào bồng lai... nên mặc sức cứ uống.

Khi Lãm đã say, nàng mới mời vào buồng the. Lãm sung sướng mê mẩn. Chắc hẳn phen này bên cạnh giai nhân mặc đi mây về gió, cảm thấy đời sắp lên hương, nên Lãm chuếnh choáng theo vào. Bỗng Từ thị kêu lên:

- Tôn, Phó, hai tướng quân đâu?

Tức thì hai tướng từ sau màn cầm dao nhảy ra. Lãm trở tay không kịp, bị Phó Anh chém một đao lăn ngã xuống. Tôn Cao bồi thêm một đao nữa, chết không kịp la. Đoạn, Từ thị lại mời Đái Viên đến dự tiệc. Viên không nghi ngại, lòng lại thấy hớn hở, biết đâu mình may phúc được mắt xanh để ý. Nhưng khi vừa hăng hái bước vào phủ, óc còn đương toan tính những lời nói sao cho có duyên dáng và mơ tưởng những chuyện lông bông thì Tôn, Phó xông ra mỗi người phạt cho một đao, chết không kịp dãy.

Hạ được chúng, Tôn Cao và Phó Anh sai quân đi bắt cả gia thuộc già trẻ cùng dư đảng của hai tên Lãm, Viên

rồi giết chết cả.

Thù chồng đã trả, Từ thị lại mặc đồ tang phục, đem thủ cấp Đái Viên, Qui Lãm đặt trước bàn thờ Tôn Dực mà tế.

Khắp Giang Đông, ai cũng khen tài đức tiết liệt của Từ thị. Người sau có làm bài thơ khen:

Tài đức gồm hai tuyết giá trong,

Tru di nghịch tặc rửa hờn chồng.

Tôi hèn bó gối, tôi trung chết,

Thua hẳn Đông Ngô một má hồng.

(Bản dịch của Tử Vi Lang)

Nguyên văn:

Tài tiết song toàn thế sở vô,

Gian hồi nhất đán thụ thôi từ.

Dung thần tòng tặc, trung thần tử

Bất cập Đông Ngô nữ trượng phu!

Hát Quan Họ

Dặc biệt ở tỉnh Bắc Ninh miền Trung du Bắc Việt có loại dân ca trữ tình gọi là "Hát quan họ".

Đất Bắc Ninh xưa gọi là đạo Bắc Giang, rồi đổi ra trấn Kinh Bắc, một miền phong phú về mặt dân ca, cũng là một vùng nổi tiếng về phong quang cẩm tú, về điền địa phì nhiêu, về sắc đẹp duyên dáng và tình tứ của phụ nữ, về thông minh hay chữ và thành đạt của danh thần, văn sĩ.

Cũng như hầu hết các loại dân ca trữ tình ở Việt Nam, hát Quan họ vay mượn nhiều ở phong dao. Hầu hết các bài Quan họ đều theo thể lục bát hay lục bát biến thể. Đó là những bài tình ca do nam nữ thanh niên Bắc Ninh hát lên để ca tụng tình yêu, nói lên những oán trách, hờn ghen và giận tủi về yêu đương hoặc biểu lộ những tâm tình sôi sục về yêu đương.

Tính chất trữ tình của các điệu hát ấy có thể chia thành nhiều loại. Loại bài có tính chất nhẹ nhàng, chân thật vui tươi, cởi mở, hoạt bát, thoải mái. Có loại bài có tính chất bày tỏ, tin tưởng, lạc quan, yêu đời, trìu mến. Có loại bài tình tứ, duyên dáng, thắm thiết, say sưa. Có loại mang tính chất vui tươi nửa trào phúng, nửa tình tứ một cách ý nhị. Có loại đượm nỗi nhớ nhung, trách móc. Trong các bài Quan họ, nhiều nhứt là những bài để tỏ tình. Rất ít bài nói lên sự thất tình. Nhưng trong sự tỏ tình có nhiều hình thức: khi thổ lộ tâm tình, khi thăm dò lòng bạn, khi hy vọng, mong mỏi nhớ nhung người tình, khi trách hờn giận, ghen tuông người tình; nhưng rốt cuộc những câu thổ lộ tâm sự cùng là để thăm dò tình bạn là nhiều hơn cả. Ví dụ:

Anh như cây gỗ xoan đào,

Em như câu đối dán vào nên chăng?

Em như cây cảnh trên chùa,

Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng?

Văn thể của hát Quan họ tuy là lối lục bát, nhưng khi hát, vì những chỗ lên bổng xuống trầm, vì những nhu cầu của sự chuyển giọng, chuyển lời nên loại dân ca này có mang vài đặc tính là bài hát bao giờ cũng có thêm vào nhiều tiếng không có trong nguyên văn. Đó là những tiếng vô nghĩa, hoặc những chữ hát chệch hẳn đi, hoặc những tiếng dùng để đưa hơi như: y, a, ư, ô, ơ, a ha, ôi hôi, ư hư, ối a, ý a, này a, i ì... hoặc những tiếng đệm (đệm lót và đệm nghĩa) như: thời, mà, tình chung, ô mấy, ai ơi, là rằng, tình rằng, tình tang, tình bằng... Nhờ những tiếng đệm, tiếng láy lập lại như thế mà và nhất nhịp điệu tiết tấu của câu thơ lục bát được thay đổi luôn, trở nên phong phú vô cùng.

Ví dụ phong dào có bài "Trống cơm":

Trống cơm khéo vỗ nên bông,

Một bầy con nít lội sông đi tìm.

Thương ai con mắt lim dim,

Một bầy con nhện giăng tơ đi tìm,

Thương ai duyên nợ tang bồng.

Khi trở thành hát Quan họ Bắc Ninh là:

1/ (Tình bằng có cái) trống cơm (khen ai) khéo vỗ (ố mấy bông) nên bông.

2/ Một bầy (tang tình) con nít (ố mấy lội lội) lội sông (ố mấy) đi tìm.

3/ (Em nhớ) thương ai (đôi) con mắt (ố mấy) lim dim,

4/ Một bầy (tang tình) con nhện (ớ ớ ớ ố mấy) giăng tơ (giăng tơ ố mấy) đi tìm.

5/ (Em nhớ) thương ai duyên nợ (khách) tang bồng.

Đó là chưa kể những chỗ hát lại hai lần như ở phần đầu câu 2 và ở phần cuối những câu 1, 2, 3, 5.

Ngoài những tiếng đưa hơi, tiếng đệm, tiếng láy, có khi trong bài hát có cả những tiếng dùng để ghi hệ thống âm giai của cổ nhạc là hò, xự, xàng, xê, cống,... Ví dụ

trong bài "Xe chỉ luồn kim":

May quần (tình chung là vuông) nhiễu tím (í a, í a).

Gởi ra (gởi ra chồng) cho chồng.

Ứ xáng, ú xáng u cái liu xê phàn

(thời cái nỗi gởi ra cho chồng)

Ngày xưa, trai gái vùng Bắc Ninh có thể hát Quan họ quanh năm. Mỗi khi có dịp lễ là họ mời nhau đến hát. Cả đến khi không có việc gì, họ cũng rủ nhau đến một làng nào đó trong vùng để cùng nhau vui hát. Chỉ cốt là trước khi đến, họ bảo cho nhau biết trước để có thì giờ gọi người. Nhưng hát Quan họ đặc biệt thịnh hành vào mùa thu tháng 8 và nhất là vào tiết xuân trong ba tháng: giêng, hai, ba...

Dịp hát quan trọng nhứt là những dịp đám cưới, đám khao, đám giỗ, đám hội.

Hát Quan họ là lối hát không dính dáng đến lao động, trái với nhiều loại dân ca khác như hò, hát ví, vì thế

không hát ở ngoài đồng trong khi làm lụng. Có thể hát tại nhà trong các dịp cưới hỏi, giỗ khao; hay sau khi hát ở hội đình, hội chùa rồi mời nhau về nhà. Tại nhà có khi gái ngồi trong nhà hát ra, và trai ngồi trên bờ hát vọng xuống. Có k hi họ cùng ngồi trong thuyền thúng trên mặt hồ để vui hát trong một đêm hè hay một chiều thu.

Tại hội đình, trai gái hát trước bàn thờ Thanh hoàng. Lắm khi các bài hát, lúc đầu chỉ có tính chất tôn giáo một ít, còn về sau đều có tính chất tình tứ. Tại hội chùa, họ hát ở trước cửa chùa, giữa sân chùa, có khi cả ở trong chùa. Nhưng thường hát ở các sườn đồi hay giữa các đám ruộng, hoặc trên những bờ đê bên cạnh chùa.

Hát chia làm từng bọn. Mỗi bọn, trai hay gái, phải có ít nhứt bốn người để thay phiên nhau hát, vì hát rất hao hơi. Quan họ phải hát giọng đôi, nghĩa là hai người cùng hát một lúc, một người "dẫn" (chính) và một người "luồn" (phụ). Mỗi bọn quan họ có một người đứng đầu đại diện, được cả bọn tôn làm anh Hai hay chị Hai. Những người khác cứ theo thứ tự hát hay, hát kém mà lấy tên là anh Ba, anh Tư, anh Năm hay chị Ba, chị Tư, chị Năm. Chỉ cần bốn người hát được, còn bao nhiêu dự

vào cho đông cũng không sao.

Khi hai bên hát với nhau, bên hát trước hát giọng nào thì bên hát sau phải theo giọng ấy để trả lời và phải theo cho đúng; không được bỏ một tí ngân nga. Như thế mới là đối chọi. Không đối được là tỏ cái kém cỏi của mình.

Trai gái hát Quan họ không phải sống về nghề hát, không thể gọi là những người hát chuyên nghiệp. Nhưng không phải bất cứ ai ai cũng có thể hát được Quan họ. Muốn hát Quan họ phải có nhiều điều kiện, phải có giọng tốt, phải chịu khó luyện tập, phải có trí nhớ và ít nhiều thông minh, nghĩa là có ít nhiều tài đối đáp, biết bình tĩnh để trả lời người đối diện, không những trong ý câu hát mà nhứt là trong giọng bài hát.

Tình bạn hữu, tình anh chị em giữa những người cùng chung "gia đình" Quan họ thật thân thiết. Họ coi cha mẹ của nhau như cha mẹ của mình. Những dịp hiếu, hỷ, buồn vui, họ đều đến thăm hỏi, biếu tặng. Cha mẹ bạn có yếu đau, họ tìm đến săn sóc an ủi.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Điêu Thuyền Với Kế Liên Hoàn

Diêu Thuyền là một giai nhân tuyệt sắc đời mạt Hán. Cũng như Tây Thi, Chiêu Quân, Dương Ngọc Hoàn, Điêu Thuyền có tiếng là "bế nguyệt" trong "tứ đại mỹ nhân" ở cổ Trung Hoa.

Nàng bị loạn Đổng Trác, gia cảnh tan tành, cha mẹ bị giết chết mất cả, nàng phải phiêu bạt lênh đênh, xin vào làm người ở cho quan Tư đồ Vương Doãn. Thấy nàng đẹp, có tài hát hay đàn giỏi nên Vương Doãn nhận làm con nuôi.

Đổng Trác trước làm thứ sử đất Tây Lương. Khi dẹp giặc Hoàng Cân (giặc khăn vàng, bịt khăn vàng làm biểu hiệu) bị thua nhiều trận, triều đình muốn làm tội. Đổng Trác lo sợ đem của hối lộ cho bọn hoạn quan là Thập Thường thị nên mới thoát khỏi. Hắn lại khéo léo kết giao với các nhà quyền quý, thường đem lễ vật làm nhân tình,

do đó nên được thăng chức cao và thống lãnh đại binh xứ Hiệp Tây hơn 20 vạn. Lòng tham không đáy hắn thấy cần phải trèo lên ngai vàng mới thỏa chí nguyện nên rắp tâm chờ đợi thời cơ cử đồ đại sự.

Nhân dịp triều đình bị loạn Thập Thường thị, hắn lấy cớ bảo giá kéo quân về triều. Hắn chuyên quyền, khống chế các quan giết cả vua Thiếu Đế, Hà Hậu và Đường Phi. Hắn vào cung gian dâm cùng cung nữ rồi ngủ luôn tại long sàn. Có lần hắn dẫn lính đi dạo đồn tại một địa phương, gặp tiết tháng hai có mở hội, trai gái các xã thôn tụ họp vui chơi. Hắn sai quân sĩ bổ vòng vây, giết hết đàn ông con trai, bắt hết phụ nữ và lấy hết của cải chở lên xe, treo hơn ngàn đầu người ở dưới xe đem về thành, phao lên rằng: "Tướng quốc đánh giặc, đại thắng trở về".

Đổng Trác lại có một đứa con nuôi tên Lữ Bố, sức đánh trăm người, nên Trác càng kiêu ngạo, hống hách coi mạng người như cỏ rác. Các quan trong triều có ai biểu lộ sự phẫn nộ, chống đối thì lập tức, sau một tiếng quát, một cái vẩy ta của hắn là đầu lìa khỏi cổ. Trước sự tàn bạo của hắn, lòng dân căm phẫn, tất cả 17 trấn chư

hầu nổi lên quyết tiêu diệt hắn, nhưng đều bị đứa con nuôi của hắn đánh bại.

Đại thắng, hắn càng kiêu căng.

Và, càng thẳng tay giết chóc kinh khủng.

Quan tư đồ Vương Doãn nghĩ đến hành vi lộng quyền sát nhân của Trác, càng xốn xang phiền muộn, ngồi đứng không an. Nhân đêm khuya trăng sáng, Doãn chống gậy thơ thẩn ra vườn. Từng bước một, lão thỉnh thoảng ngửa mặt lên trời sa nước mắt.

Bỗng ở phía Mẫu Đơn đình có tiếng thở than. Doãn lấy làm lạ, lần bước đến lén nghe. Thì ra tiếng than đó là tiếng của Điêu Thuyền. Doãn tức giận hỏi:

- Thế mi có tư tình với ai chăng?

Điêu Thuyền thưa:

- Con đâu dám!

- Vậy tại sao đêm khuya canh vắng như thế này, mi

lại còn ra đây than thở?

Điêu Thuyền buồn bã thưa:

- Con nhờ cha nuôi dưỡng từ tấm bé, dù cho thịt nát xương tan, con cũng đền bồi chưa đủ; lẽ nào con đành làm bại hoại gia phong để phải tủi nhục cho cha. Vì mấy hôm rày, con thấy cha vẻ mặt luôn luôn tư lự, thế tất trong nước có điều đại sự nhưng con không dám hỏi thăm. Đêm nay, con thấy cha buồn rầu thái quá, đến nỗi đứng ngồi không yên, con rất lấy làm khổ tâm nên lén thở than, không dè cha bắt gặp. Vậy con xin cha nếu có việc gì phải dùng đến con thì con nguyện dù thác cũng chẳng từ.

Vương Doãn nghe nói cả mừng, nói:

- Cha dè đâu sự nghiệp cơ đồ còn ở trong tay con trẻ.

Đoạn, lão bảo Điêu Thuyền theo lão lên nhà trên. Lão truyền cho bọn gia đinh đi ngủ cả, rồi bảo Điêu Thuyền:

- Con ngồi lên cho cha lạy rồi cha sẽ nói chuyện cho

con nghe.

Điêu Thuyền kinh hãi quỳ xuống, thưa:

- Lòng con đã nhứt quyết, nếu cha còn lo ngại mà buông những lời như thế thì con rất đắc tội với cha!

Doãn buồn rầu bảo:

- Đổng Trác hiện nay dọc ngang tàn bạo, thêm có thằng rể tên Lý Nhu bày mưu hại chúng, và có thằng con nuôi tên Lữ Bố kiêu dũng khác thường; làm cho trên, thì triều đình khốn khổ như bị đá dằn, dưới thì bá tánh nguy nan như mắc dây treo ngược. Đổng Trác lại lòng toan soán vị mà các quan đều thúc thủ vô mưu, riêng cha cũng thế. Nhưng cha chỉ thấy có một điều này, nói ra rất ngại, không biết con có bằng lòng không?

Điêu Thuyền sa nước mắt:

- Cha không tin lòng con sao?

Doãn ngậm ngùi nói:

- Cha tin lòng con, nhưng ngại con không thực hành được. Nguyên cha con thằng Đổng Trác là phường háo sắc, bây giờ cha muốn dùng "liên hườn kế", trước đem con hứa tiếng gả cho Bố rồi sau lại hiến cho Trác. Con ở giữa tùy cơ ứng biến làm cho cha con nó trở lại giết hại nhau. Nếu mà làm được như vậy là con liều thân giúp nước, công nghiệp vô cùng to lớn.

Điêu Thuyền cúi đầu sa nước mắt, nghẹn ngào:

- Con xin vâng lời cha. Cha cứ tin tưởng nơi con.

Hôm sau, Vương Doãn đem hai hột minh châu, bảo thợ khéo khảm một cái mão vàng tuyệt đẹp, rồi sai người đem tặng cho Lữ Bố. Bố mừng rỡ liền qua dinh tạ ơn.

Vương Doãn rước Bố vào nhà, thỉnh lên ngồi trên. Lữ Bố không dám. Doãn ân cần nói:

- Ngày nay, cả trong thiên hạ chỉ có tướng quân mới đáng mặt anh hùng. Lão kính tài tướng quân chớ không phải kính chức phận.

Nghe nói, Bố vui lòng đẹp ý lắm.

Vương Doãn lại bày diên yến, khuyên mời Lữ Bố rất ân cần. Trong tiệc, Doãn không ngớt lời ca tụng oai thế cha, tài lực con làm cho Bố càng hứng chí, uống rượu thật nhiều. Độ một lúc Doãn truyền quân hầu đi nghỉ, chỉ để vài thị nữ ở lại châm rượu. Thấy Bố hơi men đã thắm, Doãn truyền thị nữ phò Điêu Thuyền ra.

Mặt hoa mơn mởn lại trang điểm vô cùng diễm lệ, mình liễu uyển chuyển lại y phục lộng lẫy huy hoàng, Bố vừa trông thấy giựt nảy mình, tưởng là tiên nữ hạ phàm, nhìn không chớp mắt. Doãn tươi cười giới thiệu:

- Con gái lão là Điêu Thuyền. Nay lão với tướng quân cũng như tình nghĩa một nhà, nên cho nó ra chào mừng tướng quân và thay mặt lão mà bồi rượu. Kẻo lão già yếu e có điều sơ xuất.

Đoạn bảo Điêu Thuyền đến bên Lữ Bố mời rượu. Nàng uốn tay ngọc nâng ly rượu ghé lại mời, rồi đôi mắt long lanh nhìn thẳng vào đôi mắt chàng. Bốn mắt đưa lên rồi hai cặp mày lại rủ xuống, rồi lại nhìn nhau nữa, khiến cho kẻ ngẩn ngơ người ngơ ngẩn.

Vương Doãn giả say.

Lữ Bố mời Điêu Thuyền ngồi. Điêu Thuyền tỏ vẻ e lệ ngần ngừ rồi muốn bỏ vào trong. Doãn vui vẻ bảo:

- Tướng quân đây vốn người thiết nghĩa với cha. Con cứ ngồi, không phải ngại.

Nàng vâng lời rón rén ngồi bên cạnh Vương Doãn.

Bấy giờ, Bố cứ ngồi ngây người ra như tượng gỗ. Hai mắt đăm đăm nhìn nàng không rời, y như bị thu hồn. Rồi đưa tay lên miệng như cái máy mà uống cạn luôn mấy ly rượu nữa.

Doãn rất đắc ý, nói:

- Lão muốn đưa con gái lão sang làm tiểu thiếp tướng quân để hầu hạ trang anh hùng duy nhứt thời nay. Chẳng hay tướng quân có lòng thương yêu dung nạp chăng?

Lữ Bố vội đứng ngay dậy, chắp tay, cúi đầu tạ rằng:

- Nếu Tư đồ thương cho được thế, tiểu tướng thề

đem hết sức khuyển mã báo đáp ân tình.

Doãn nói với giọng cương quyết:

- Vậy nay mai lão chọn được giờ tốt thì sẽ cho người đưa tiện nữ ngay sang quý phủ.

Bố mừng rỡ khôn xiết, hân hoan đưa mắt nhìn Điêu Thuyền. Nàng cũng đảo đôi mắt long lanh, như sóng nước hồ thu đưa tình... tiếp theo một nụ cười nở nhẹ trên làn môi thắm.

Tiệc tan, Bố quyến luyến không muốn đứng dậy. Doãn nhỏ nhẹ bảo:

- Ý lão muốn lưu tướng quân nghỉ lại đây một đêm nhưng sợ Thái sư nghi hoặc đấy thôi.

Bố dùng dằng lưu luyến mãi nhưng rồi sau hai ba lần tạ ơn Vương Doãn, chàng mới đành ra về, thần trí vẫn mơ màng đến con người đẹp và mong mỏi, đợi chờ...

Vương Doãn lại kính cẩn mời Đổng Trác đến nhà. Trác bằng lòng đến. Doãn tiếp rước trọng thể và bày yến

tiệc. Doãn luôn miệng ca tụng:

- Thái sư là cành vàng lá ngọc, phước lộc song toàn, không nhường Y Doãn, Chu Công đời trước.

Trác lấy làm đắc ý. Doãn lại nói:

- Tôi có học chút thiên văn biết chắc vận số Hán triều đã hết, bốn phương thiên hạ đều nghe tiếng Thái sư. Căn cứ vào ý trời và lòng người chắc không bao lâu, thiên tử cũng nhượng vị cho Thái sư chớ chẳng không.

Trác rất khoái trá, nâng ly rượu, cười khà khà:

- Ta đâu dám trông chuyện ấy. Nếu may gặp hoặc thời vậy có đến cho ta, thì ta hứa với Tư đồ là sẽ phong cho Tư đồ làm cống mạng đại thần.

Doãn tỏ vẻ mừng rỡ vâng vâng dạ dạ rồi lại truyền cho nữ nhạc dâng ca múa hát cho Đổng Trác xem.

Bấy giờ đuốc hoa càng đốt lên sáng rực cả nhà.

Rèm châu vừa cuốn lên, thì Điêu Thuyền nhè nhẹ gót

hài bước ra, xiêm y thướt tha, mình liễu uyển chuyển múa trước rèm châu như tiên nữ nhập động.

Trác nhìn đắm đuối đờ đẫn như kẻ mất hồn. Điêu Thuyền lại hát. Nàng vừa cầm phách gõ nhịp cất giọng ca. Giọng trong như oanh kêu, cao như hạc gọi, khi trầm khi bổng thánh thót như rót vào tai, mà huyền huyền ảo ảo làm mê hồn tục khách. Trác tặc lưỡi, nức nở khen mãi. Sắc đẹp, hát hay, vũ giỏi, thật là không phải một kẻ phàm tục. Doãn giới thiệu với Trác: nàng là con nuôi. Trác lại hỏi tuổi. Nàng thỏ thẻ:

- Thiếp vừa đôi tám.

Trác nức nở khen:

- Trông qua, ta ngỡ là tiên.

Doãn đứng dậy thưa:

- Ý tôi muốn dâng nó cho Thái sư, không biết Thái sư có bằng lòng dung nạp không?

Trác gật gù, khoan khoái lập bập nói:

- Tư đồ hậu tình thương ta, thật ta không biết lấy chi tạ đáp cho xứng.

Doãn khiêm nhượng nói:

- Con tôi được hầu gần Thái sư là có nhiều phước lắm. Tôi còn mong ước gì hơn nữa.

Tiệc rượu xong, Đổng Trác từ giã về. Doãn cho người đem xe đưa Điêu Thuyền theo Đổng Trác về tướng phủ.

Bấy giờ vừa lúc canh một. Sau khi đưa Điêu Thuyền về Tướng phủ, Vương Doãn quày ngựa trở về. Vừa đến nửa đường, bỗng gặp Lữ Bố cầm kích cưỡi ngựa đi đến. Bố gò cương lại, đưa tay nắm lấy áo Doãn, gay gắt hỏi:

- Ngài bày trò chi lắm vậy! Tại sao ngài đã hứa hả con cho tôi mà còn đem cho Thái sư?

Vương Doãn điềm nhiên đáp:

- Tướng quân chớ nóng nảy, xin mời về một thể rồi lão sẽ tường trình cho tướng quân nghe.

Đến nhà Doãn hỏi:

- Tướng quân cớ gì trách lão?

- Người ta cho biết là ngài cho xe đưa Điêu Thuyền qua Tướng phủ.

Doãn tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Thế tướng quân không hay gì sao? Nguyên hôm nọ, Thái sư ở triều đường có nói với lão là sẽ đến viếng nhà lão. Do đó, lão phải sửa soạn tiếp rước. Trong khi tiệc rượu, người dạy lão rằng: "Ta nghe ngươi có một đứa con gái là Điêu Thuyền đã hứa gả cho con ta, sợ ngươi nói không chắc nên ta phải đến đây mà cầu. Vậy ngươi bảo nó ra đây cho ta xem". Lúc ấy lão không dám nghịch mạng lập tức đem nó ra mừng cha chồng. Người lại bảo lão rằng: "Nay cũng nhằm ngày tốt, vậy để ta ra rước nó về phối hợp cùng Lữ Bố". Lịnh của Thái sư, lão đâu dám cải. Xin tướng quân xét lại.

Bố suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Tại tôi nghe lầm, xin ngài miễn chấp.

Vương Doãn nói:

- Đồ tư trang của con lão đem theo chưa hết. Khi nào đưa nó về dinh tướng quân rồi, lão sẽ sai người đem qua cho nó.

Bố tin thực lòng, mừng khấp khởi, đợi chờ...

Nhưng...

Đợi chờ trông ngóng mãi từng giờ, từng phút, từng giây, nhưng nào thấy bóng hồng được ai đưa đến. Lữ Bố lòng xốn xang nên lần mò qua Tướng phủ hỏi thăm mấy người thị nữ. Chúng đáp:

- Quan Thái sư còn ngủ với tân giai nhân đến bây giờ chưa thức.

Bố chết điếng cả người.

Vừa đau đớn vừa tức giận, Bố lén vô cửa sau phòng nom xem. Vừa lúc ấy Điêu Thuyền đã thức, đứng trước gương trải tóc, thấy Bố thì quay ra nhìn, mặt mày buồn nghiến. Nàng đưa khăn chậm mắt.

Lữ Bố ruột lòng đứt đoạn.

Đổng Trác thức dậy nhìn qua nhà giữa thấy Lữ Bố bước vào thì hỏi:

- Có việc chi không?

Bố đáp "không" rồi vòng tay đứng hầu. Thấy Điêu Thuyền đứng thập thò bên bức rèm châu ở cửa phòng, nhìn chàng đăm đăm, vẻ mặt đầy đau đớn tủi cực thì lòng Lữ Bố càng tan nát. Trông người Lữ Bố đờ đẫn như kẻ mất hồn, Đổng Trác sinh nghi nên truyền cho Lữ Bố lui đi nghỉ. Bố trong lòng ấm ức, tiu nghỉu bước ra về.

Từ khi nạp dụng Điêu Thuyền, hơn một tháng, Đổng Trác không ra khách. Một hôm lão cảm thương hàn. Điêu Thuyền tận tụy chầu chực, thuốc men, cơm cháo. Trác lấy làm vui lòng lắm. Bố nghe tin vào phòng vấn an. Vừa lúc Đổng Trác còn ngủ, Điêu Thuyền đứng sau giường nhìn Lữ Bố, lấy ta chỉ lòng mình rồi lại chỉ Đổng Trác và hai hàng lệ chảy ròng trên má.

Bố đau đớn vô cùng.

Đổng Trác vừa giựt mình thức giấc, mở mắt thấy Lữ Bố đứng nhìn sau giường mãi thì nổi giận trở mình qua, lại thấy Điêu Thuyền, nên nạt Lữ Bố:

- Sao mi dám giễu cợt ái cơ ta?

Lão lại truyền đuổi Bố ra. Lại cấm Bố không được bén mảng đến nữa. Bố gặp Lý Nhu, tỏ bày tự sự, Nhu vào bẩm với Trác:

- Thái sư muốn tung hoành thiên hạ sao lại lấy chút hờn nhỏ quở trách Ôn Hầu, nếu va biến tâm ắt hư đại sự.

Trác hỏi:

- Bây giờ liệu làm sao?

Nhu nói:

- Thái sư cho kêu va vào ban thưởng bạc vàng và lấy lời an ủi.

Trác nghe theo. Bố tạ ơn nhưng lòng tan nát của Bố làm sao hàn gắn được.

Đổng Trác lành bịnh, xe giá vào chầu vua. Bố cầm kích theo hầu. Thấy Trác đương nói chuyện với vua, Lữ Bố lén cầm kích lên ngựa chạy phăng về Tướng phủ, vào kiếm Điêu Thuyền. Điêu Thuyền tỏ vẻ vui tươi nói:

- Lang quân ra sau vườn đến Phụng Nghi đình mà chờ thiếp.

Điêu Thuyền trang điểm xong, vội vàng bước ra sau, chấp tay bái Lữ Bố mà rưng rưng nước mắt, nói:

- Thiếp tuy là con nuôi của quan Tư đồ song người coi như con đẻ. Người gả thiếp cho lang quân là chọn chỗ xứng đáng cho thiếp trao thân gởi phận. Mừng chưa kịp no, không dè Thái sư lòng trâu dạ chó, bắt thiếp cưỡng bức như thế này. Sở dĩ thiếp chưa chịu chết vì chưa gặp mặt chồng. Nghĩ lại thiếp ngày nay chẳng khác hoa tàn nhụy rữa còn phụng sự anh hùng sao đặng. Vậy thiếp xin tự tử trước mặt lang quân để lang quân hiểu rõ nỗi lòng của thiếp.

Nói xong, Điêu Thuyền nhắm ngay ao sen toan nhảy xuống. Lữ Bố lật đật ôm lại, cảm động nói:

- Ta biết rõ lòng nàng lắm rồi.

Điêu Thuyền níu lấy Lữ Bố, nức nở:

- Đôi ta bây giờ sống ở dương gian chẳng đặng kết đôi thì xin nguyện chết xuống tuyền đài sẽ kết duyên tơ tóc.

Bố an ủi nói:

- Kiếp này nếu ta không lấy được nàng làm vợ thì thề không phải là một kẻ anh hùng.

Điêu Thuyền đưa khăn chậm mắt, nghẹn ngào:

- Thiếp tin tưởng lời hứa của lang quân. Xin lang quân thương mà cứu thiếp.

Bố nói:

- Ta đi tự giờ cũng lâu, sợ lão tặc sinh nghi thì khó.

Điêu Thuyền níu lấy vạt chiến bào của Lữ Bố, khóc dầm nói:

- Nếu lang quân sợ lão tặc như thế thì chắc thân thiếp không thoát được rồi!

Bố an ủi:

- Nàng đừng lo mà hao tổn mình vàng, để thủng thẳng rồi ta liệu.

Nói rồi xách kích muốn đi, Điêu Thuyền nói:

- Thiếp ở chốn khuê phòng nghe danh tiếng lang quân anh hùng dưới đời có một, không ngờ lại bị có người kềm chế như thế.

Nói rồi lại khóc òa lên như mưa như gió một cách bi thảm. Bố lấy làm thẹn thùa, xấu hổ để kích xuống, ôm lấy Điêu Thuyền, đưa khăn chậm nước mắt cho nàng, tìm lời an ủi vỗ về.

Hai người bịn rịn âu yếm, không nỡ buông nhau.

Đổng Trác ngồi tại triều, chợt quay lại nhìn không thấy Lữ Bố thì hối hả từ tạ vua, lên xe về. Thấy ngựa Lữ Bố buộc trước Tướng phủ thì vội vàng hỏi:

- Lữ Bố đi đâu mà để ngựa đây?

Môn lại thưa:

- Lữ Ôn Hầu đi ra nhà sau.

Trác vào phủ kiếm không thấy. Cả Điêu Thuyền cũng vắng. Trác hoảng hốt hỏi thị nữ. Chúng thưa Điêu Thuyền ra vườn xem hoa. Trác hỏa tốc đi thẳng ra sau thấy Điêu Thuyền và Lữ Bố đương nói chuyện. Lão hoa cả mắt. Máu ghen sôi sùng sục, lão quát lên một tiếng. Lữ Bố hoảng hốt bỏ chạy, để cây kích lại dựa lan can ở bao lơn.

Đổng Trác cúi xuống cầm lấy kích, phóng ngay người Bố, nhưng không trúng. Lão đuổi theo nhưng gần đến cửa vườn, thốt nhiên một người ở ngoài chạy vào va nhằm cái bụng phệ của Đổng Trác làm lão té nằm một đống như cây thịt to nặng nề đổ.

Đó là Lý Nhu, rể của Trác. Trác mặt mày hầm hừ nói:

- Thằng nghịch tặc đó dám giỡn với Ái Cơ ta. Ta

quyết không dung.

Nhu thưa:

- Thái sư chớ vội nóng mà lầm. Xưa, Sở Trang vương trong "bữa tiệc bứt dải mũ" không trách phạt Tưởng Hùng về tội ghẹo Ái Cơ, mà về sau Trang vương được Tưởng Hùng liều chết cứu khỏi vòng vây nguy khốn của quân Tần. Nay Điêu Thuyền bất quá chỉ là một ả con gái thường mà Lữ Bố là mãnh tướng tâm phúc của Thái sư! Nếu nhân cơ hội này, Thái sư đem Điêu Thuyền tặng cho Lữ Bố, ắt Bố phải cảm kích vô cùng, và sẽ liều chết báo ơn. Xin Thái sư nghĩ lại cho kỹ.

Trác trầm ngâm một lúc, rồi nói:

- Ngươi nói vậy cũng phải, để ta nghĩ lại đã.

Nhu từ tạ lui ra. Trác vào hậu đường hỏi Điêu Thuyền:

- Sao mi dám tư thông với thằng Lữ Bố?

Điêu Thuyền khóc nấc lên rồi kể lể:

- Thiếp đang xem hoa nơi sau vườn, thình lình Lữ Bố bước vào, thiếp hoảng sợ toan chạy trốn. Hắn nói hắn là con của Thái sư, không hề chi, rồi cầm kích rượt thiếp đến Phụng Nghi đình. Thấy nó sinh tâm, xấu xa như vậy, thiếp định liều mình nhảy xuống ao sen. Nó lại ôm cứng lấy thiếp. Đương cơn bối rối, vừa may ngài vào kịp nên thiếp mới toàn tánh mạng. Vậy mà Thái sư không thương hại còn nói oan, nói xấu cho thiếp.

Đổng Trác nói:

- Ý ta muốn gả mi cho Lữ Bố, vậy mi có bằng lòng không?

Điêu Thuyền thất sắc, nức nở:

- Thiếp đã thất thân với Thái sư, bây giờ Thái sư lại nỡ lòng đem đưa thiếp cho con là một thằng thất phu, như thế thật trái đạo quá. Vậy thiếp thà chết, còn hơn sống mà chịu nhơ danh.

Nói xong, Điêu Thuyền bước lại rút lấy gươm treo trên vách toan đâm vào cổ.Trác hốt hoảng vội đứng dậy

giựt lấy gươm, ôm Điêu Thuyền vào lòng, đặt môi vào má nàng hôn lấy hôn để, nói:

- Ta nói đùa nàng vậy mà.

Điêu Thuyền nằm ngã ngang trên mình Đổng Trác, tay đập, chân giẫy, khóc kể:

- Thiếp biết mưu này là mưu của Lý Nhu. Nhu với Bố thân nhau nên muốn đặng lòng nhau mới bày điều phi đạo lý, vô liêm sỉ như thế.

Trác nâng lấy má của Điêu Thuyền, nói:

- Nàng có lòng như thế, ta phụ rảy sao đành.

Điêu Thuyền nói:

- Thiếp e ở lâu nơi này thì Bố có ngày hãm hại.

Đổng Trác nói:

- Thôi, nàng chớ buồn rầu mà hao mòn sắc đẹp. Sáng ngày, ta sẽ đưa nàng về My Ô đặng chúng ta cộng hưởng khoái lạc.

Điêu Thuyền vui vẻ lau nước mắt bái tạ.

Hôm sau, Lý Nhu vào thưa với Trác:

- Nay cũng tốt ngày, vậy xin Thái sư cho đưa Điêu Thuyền về với Lữ Bố.

Trác bảo:

- Ta với Lữ Bố có tình cha con, nếu làm như thế ta e can danh phạm nghĩa, để thiên hạ sỉ nhục ta chăng?

Nhu nói:

- Xin Thái sư cương quyết, không nên nghe lời phụ nữ.

Trác nổi giận quát to:

- Mi đành đưa vợ mi cho Lữ Bố không? Này, tự hậu còn nói chuyện về Điêu Thuyền nữa thì toi mạng.

Nhu buồn bã bước ra, than thở:

- Chúng ta đều phải chết tại tay đàn bà!

Ngay ngày hôm sau, Đổng Trác hạ lịnh xa giá về My Ô, là quê hương. Các quan đều lạy đưa. Điêu Thuyền ngồi trên xe thấy Lữ Bố nhìn nàng mãi thì giả bộ che mặt rồi lấy khăn chậm mắt.

Xe đã đi rồi nhưng Lữ Bố cầm cương ngựa cho đi từng bước một trên gò, đăm đăm nhìn theo xe cuốn sau một làn bụi mịt mờ mà ruột lòng đứt đoạn.

Vương Doãn giục ngựa trờ tới hỏi:

- Sao tướng quân không đi cùng với Thái sư, lại ở đây mà buồn bã như vậy?

Lữ Bố ngậm ngùi, thở dài:

- Cũng vì chuyện con gái của ngài mà tôi mới buồn!

Vương Doãn cũng thở dài, nói:

- Lão tưởng lâu nay đã đưa con về cho tướng quân rồi, không dè Thái sư làm thói cầm thú. Lão nghĩ lại con

lão thật vô phước lắm!

Vương Doãn lại mời Bố về tư dinh và dọn tiệc thết đãi. Bố càng buồn, đem chuyện Điêu Thuyền khóc kể tại Phụng Nghi đình cho Vương Doãn nghe. Doãn nói:

- Thái sư cưỡng hiếp con lão, đoạt vợ tướng quân thiên hạ sỉ tiếu lão và tướng quân nhiều lắm. Nhưng lão già rồi cũng không đủ tiếc; chỉ tiếc cho tướng quân có danh cái thế anh hùng mà lại phải chịu nhục nhã như vậy.

Lữ Bố nghe nói nổi giận vỗ bàn quát to. Vương Doãn can:

- Lão chẳng may nói lỡ lời xin tướng quân giảm nộ.

Lữ Bố nói:

- Tôi quyết giết lão tặc ấy thì mới rửa được sự xấu hổ này.

Vương Doãn ra vẻ sợ sệt nói:

- Tướng quân giận giỗi nói như vậy e họa lây đến lão.

Lữ Bố nói:

- Làm người đứng giữa càn khôn lẽ đâu lại chịu người câu thúc như vậy. Tôi muốn giết lão già ấy lắm nhưng còn ngại tiếng cha con.

Vương Doãn mỉm cười nói:

- Thái sư họ Đổng, tướng quân họ Lữ có liên hệ gì đâu. Khi Thái sư phóng kích tại Phụng Nghi đình thì còn tình nghĩa cha con gì nữa. Vả lại tài ba của tướng quân nếu giúp Hán thì được chữ trung thần, danh lưu thiên tải; theo phò Trác thì mang tiếng phản nghịch di xú vạn niên.

Lữ Bố đứng lên bái tạ Doãn và nói:

- Lòng tôi đã quyết, thượng quan chớ nghi ngại.

Nói xong, cắt tay chảy máu mà thề.

*

Vâng theo mưu của Vương Doãn và Lữ Bố, Lý Túc đem 20 quân kỵ mã kéo đến My Ô, thưa với Đổng Trác:

- Vua đau mới nhẹ, ý muốn nhượng vị cho Thái sư nên sai tôi đem chiếu ra đây mà tuyên triệu.

Đổng Trác hỏi:

- Vương Doãn có bằng lòng không?

Túc đáp:

- Quan Tư đồ đã sai người đắp nền ba từng xây Thọ Thiên đài, chuẩn bị đón rước Thái sư.

Trác mừng rỡ nói:

- Hèn chi đêm rồi, ta nằm mộng thấy rồng phủ mình, quả nhiên bây giờ được hỉ báo.

Rồi ngay hôm ấy, Trác truyền bày xe giá để trở về kinh. Lại nói với Điêu Thuyền:

- Ta lên làm vua thì sẽ lập nàng làm hoàng hậu.

Điêu Thuyền đã biết mưu kế rồi nhưng cũng giả bộ vui vẻ lạy đưa.

Trác về đến kinh vào Tướng phủ, Bố đến bái yết. Trác nói:

- Cha lên làm hoàng đế thì sẽ phong cho con làm Đại đô đốc tổng quản quyền hành.

Lữ Bố tạ ơn.

Sáng hôm sau, Đổng Trác vào triều. Các quan mặc phẩm phục chực rước bên đường. Lý Túc cầm gươm hầu theo xe Trác. Vào đến cửa Bắc Dịch, quân sĩ của Trác phải dừng lại bên ngoài. Chỉ còn Trác ngồi xe cùng với vài chục người được vào. Đến bên trong thấy Vương Doãn và các quan đều cầm gươm lăm lăm ở tay, đứng đợi sẵn, bấy giờ Trác có hơi hoảng sợ mới hỏi Túc:

- Ai cũng đều cầm gươm thế kia là ý thế nào?

Túc không đáp, cứ đẩy xe thẳng vào:

Bỗng Vương Doãn hô to lên:

- Phản tặc đã tới! Vũ sĩ đâu?

Tức thì có hơn 100 vũ sĩ phục hai bên đổ ra cầm kích, cầm giáo đâm như mưa vào người Đổng Trác. Vì Trác mặc áo giáp sắt nên giáo kích không đâm thấu, chỉ bị thương nơi cánh tay và ngã ngay xuống đất. Trác vội kêu lên:

- Phụng Tiên con đâu? Cứu ta!

Lữ Bố chạy ra sau xe, quát to lên rằng:

- Có chiếu chỉ giết giặc đây.

Đoạn đâm ngay một kích trúng giữa yết hầu Trác.

Vương Doãn lại sai Lữ Bố, Hoàng Phủ Tung và Lý Túc dẫn quân kéo ra My Ô, tịch biên gia sản của Đổng Trác. Bố đến My Ô, giao tất cả công việc cho Hoàng Phủ Tung và Lý Túc, còn mình thì vào phòng tìm kiếm Điêu Thuyền.

Về việc làm của Điêu Thuyền, "Thánh Thán ngoại thư" có đoạn phê bình:

"Mười tám lộ quân chư hầu không giết nổi Đổng Trác, mà một thiếu nữ đào tơ liễu yếu như Điêu Thuyền lại giết nổi Trác. Ba anh em Lưu, Quan, Trương hùng liệt không thắng nổi Lữ Bố, mà chỉ một nàng Điêu Thuyền lại thắng nổi. Ôi, lấy chăn chiếu làm chiến trường, lấy son phấn làm khôi giáp, lấy sóng mắt nụ cười làm gươm sắc giáo nhọn, lấy mày ngài làm cung nỏ, lấy nước mắt nũng nịu làm tên đạn, lấy lời tình tứ ngọt ngào làm chiến lược mưu cơ. Xem thế thì cái bản lĩnh của "Nữ tướng quân" quả là tuyệt cao cường, đáng sợ lắm thay!

"Tây Thi với Điêu Thuyền cùng lấy sắc khuynh thành. Nhưng việc làm của Tây Thi còn dễ, việc làm của Điêu Thuyền khó hơn. Tây Thi chỉ phải đánh ngã một mình Ngô vương Phù Sai. Điêu Thuyền phải đồng thời đánh ngã cả Lữ Bố lẫn Đổng Trác. Phải luôn luôn nghĩ mưu kế trong lòng, thay đổi bộ mặt để đối phó với cả hai bên. Ta nghĩ rằng cái công của Điêu Thuyền đáng ghi vào sử xanh. Nếu như, khi Đổng Trác đã bị giết rồi, Vương Doãn không vụng về mà gây ra cái loạn Lý Thôi, Quách Dĩ thì cơ đồ nhà Hán đã phục hưng ngay từ đó. Và như thế thì một cô gái như Điêu Thuyền há lại không

đáng ghi tên vào nơi Phượng Các, không được tô tượng ở chỗ Lân Đài hay sao?

"...

"Cái tuyệt diệu của "Liên hoàn" không phải là làm cho Lữ Bố giết Đổng Trác đâu! Nếu Trác cầm kích lao trúng, giết chết Lữ Bố lúc bấy giờ, tức là Trác tự chặt một cánh tay, và Trác sẽ bị tiêu diệt dễ dàng ngay. Đó mới là chủ ý. Điều này đã nằm trong bụng Vương Doãn và có lẽ Điêu Thuyền cũng muốn thế. Vương Doãn lẽ nào lại yêu Lữ Bố? Mà Điêu Thuyền cũng không yêu Lữ Bố đâu?

"Riêng ta, ta yêu nàng Tây Tử thật lòng trở về với Phạm Lãi; và yêu nàng Điêu Thuyền giả vờ sống thác với Lữ Bố. Bởi vì tuy thân đứng trước Lữ Bố, nhưng lòng Điêu Thuyền bao giờ cũng chỉ nghĩ đến một mình Vương Doãn mà thôi.

"...

"Sau khi thành Hạ Bì thất thủ, Lữ Bố bị chết, đâu còn

thấy bóng dáng nào ở chỗ nào? Nàng chính là con Rồng thiêng, chỉ lộ cái đầu, cái mình với đời, mà không cho đời sau biết cái đuôi mình ẩn đi đâu hết! Có thể danh tiếng mới khỏi bị tổn thương".

Trên đây là lời phê bình của Thánh Thán.

Hát Trống Quân

Trong kho tàng dân ca Việt Nam, trống quân là một loại hát rất bình dân và phổ biến tại miền Bắc; và đặc biệt hát trong các dịp hội hè mùa thu, nhất là trong những đêm trăng sáng đẹp của trung tuần tháng tám.

Nguồn gốc hát Trống quân có nhiều thuyết:

Các nhà nho Việt Nam cho rằng "Trống quân" do hai chữ "Tống quân" (tiễn bạn) mà ra. Theo tương truyền ngày xưa khi một ông quan rời tỉnh này đi tỉnh khác, bạn bè tiễn đưa một quãng đường. Lúc sắp chia ly, người đi đưa đặt một cái trống xuống đất rồi vừa nhịp trống vừa hát bài tiễn bạn trong đó có câu: "Tống quân nam phó thương như chi hà" (khi ta tiễn bạn đi về phía nam, lòng đau đớn thế nào ai rõ được) (theo G. Cordler).

Có thuyết cho rằng: Trống quân bày ra từ đời

Nguyễn Huệ. Nguyên khi ra Bắc đánh bọn xâm lược Thanh (cuối thế kỷ 18), quân sĩ lắm kẻ nhớ nhà, vua Quang Trung Nguyễn Huệ mới bày ra một cách cho đôi bên giả làm trai gái hát đối với nhau để cho quân sĩ vui lòng. Đang khi hát có đánh trống làm nhịp cho nên gọi là Trống quân (theo Phan Kế Bính).

Có thuyết gần giống như thuyết thứ hai, cho rằng; hát Trống quân có nguồn gốc từ lối hát "Trung quân" một điệu hát của quân lính đi theo nhịp trống. Mà quân đây là quân Nghệ Tĩnh của đạo binh Nguyễn Huệ kéo ra Bắc đánh giặc Thanh xâm lăng, cõng nhau rong ruổi ngày đêm không nghỉ (°). Về sau khi chiến tranh đã qua, nhân dân đem lối hát này vào những buổi hội hè gọi là hát Trống quân (theo Phạm Duy).

Có thuyết cũng cho rằng loại hát này phát xuất từ những điều kiện lịch sử gần giống như hai thuyết vừa kể, chỉ khác về mặt thời gian, là Trống quân có từ đời Trần lúc chống giặc Nguyên xâm lược (thế kỷ thứ 13). Tục truyền rằng: những lúc đóng quân để nghỉ ngơi, muốn giải trí, binh sĩ Việt Nam ngồi thành hai hàng đối diện nhau, gõ vào tang trống mà hát. Cứ một bên "hát xướng"

vừa dứt thì bên kia lại "hát đối". Sau khi đuổi được quân xâm lăng khỏi bờ cõi, hòa bình được lập lại, điệu hát Trống quân được phổ biến trong dân gian. Có nơi gõ nhịp vào tang trống, có nơi căng một dây thép thật thẳng để đánh nhịp (theo Vũ Ngọc Phan).

Người ta chưa tìm được thuyết nào là đúng.

Hát Trống quân cũng như hát Quan họ không phải thuộc hát lao động, mà thuộc về loại hát lễ hay hát hội. Người hát thuộc về mọi tầng lớp trong xã hội nông thôn. Nhà nho, thư sinh hát với con cái gia đình kỳ mục, giàu có hay gia đình thường dân. Họ hoàn toàn không phải ca sĩ chuyên nghệ mà chỉ là "tài tử" nghiệp dư sính hát, biết hát... Phần đông là trai và gái đến tuần cập kê, đi hát hội để tìm gặp tài sắc, ước định tương lai.

Từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị vào Nam không có hát Trống quân. Từ Thanh Hóa trở ra, loại hát này chỉ để hát vào dịp thu, nhứt là trong tháng tám. Nhưng không hát ban ngày mà chỉ hát vào những đêm trăng, nhứt là đêm rằm.

Hát hội có hai hình thức: hát vui chơi và hát thi lấy giải. Nơi hát có thể là nhà riêng, giữa làng, đầu xóm hay trên sân đình Thành Hoàng.

Thi hát có khi tổ chức giữa hai nhóm trai vài gái, có khi giữ hai thanh nam thanh nữ. Ngoài mấy cuộc thi hát tại nhà, trai gái nông dân tự động tổ chức nhiều hội hát trên đám đất rộng giữa làng, bên bờ ruộng hay ở đầu cổng xóm. Trai gái ngồi ra hai bên cách nhau chừng mươi thước. Giữa hai toán có một cái "trống quân" mà ngày xưa gọi là "thổ cổ". Trai hát xướng lấy que tre đánh vào dây kêu bình bình; gái hát đáp gõ cái sênh kêu cách cách làm nhịp.

Trống quân, cũng như hầu hết các loại dân ca khác, vay mượn nhiều nơi kho tàng phong dao. Văn thể Trống quân là thơ lục bát. Nhưng khi hát, câu 6 chữ và câu 8 chữ biến thể là cứ sau tiếng thứ hai ở mỗi câu, người hát đệm tiếng thời, thì, hay này, v.v... Và, cứ đến tiếng thứ tư ở mỗi câu thì lên giọng và thêm vào mấy tiếng í a hay ứ ư; có khi người hát lặp lại chữ chót của câu 8 chữ. Thí dụ:

Trên trời (này) có đám (ứ ư) mây xanh

Giữa thì (này) mây trắng (ứ ư) chung quanh mây vàng

Ước gì (này) anh lấy được nàng

Thì anh (này) mau gạch Bát Tràng (đem) về xây.

Xây dọc (rồi) anh lại xây ngang.

(chứ) Xây hồ (này) bán nguyệt (để) cho nàng (chân) rửa chân.

Nên ra (thì) tình ái nghĩa ân.

Chẳng nên (thì) phú giả (ứ) về dân (tràng) Bát (ừ) tràng.

Những tiếng như: thời, này, rồi, rằng, mà, ấy, mấy, nó, cái, con, anh, em... thêm vào khi hát gọi là tiếng đệm; và những tiếng như í, a, ư, ứ, ừ... gọi là tiếng đưa hơi dùng để ngân nga. Âm hưởng dịu dàng hay réo rắt của tiếng đệm và tiếng đưa hơi làm sao giọng Trống

quân mang sức truyền cảm mạnh mẽ.

Đó là đặc điểm quan trọng của Trống quân về hình thức. Đặc điểm này lại phù hợp với nội dung Trống quân là biểu lộ được nỗi vừa vui vẻ vừa chứa chan cảm động, và nói lên được những thích thú cao thượng của sự sinh hoạt nông thôn, những cảnh đẹp đẽ của quê hương, những điều trù phú đặc biệt của đất nước. Trống quân còn là một loại hát tình tứ, hoặc nói đến nghĩa bạn bè, nhất là hay đề cao tình luyến ái giữa trai gái nông dân.

Trống quân có tính cách đối thoại. Nó là một lối hát đối giữa trai và gái, một lối đối đáp hỏi trả qua lại. Thí dụ:

Bên trai đố:

Anh đố em câu này em giảng làm sao?

Cái gì (mà) thấp cái gì (mà) cao;

Cái gì (mà) sáng tỏ (ứ) hơn sao (ở) trên trời.

Cái gì (mà) em giải (cho) anh ngồi,

Cái gì (mà) thơ thẩn (ứ) ra chơi (ừ) (đào) vườn đào.

Cái gì (mà) sắc hơn dao (ứ)

Cái gì (mà) phơi phới (ứ) lòng đào (thì em) bảo anh.

Bên gái trả lời:

Anh đã đố thì em xin giảng ra,

Dưới đất (thì) thấp, trên giời (thì) cao

Ngọn đèn (thì) sáng tỏ (ứ) hơn sao (ở) trên trời...

Chiếu hoa (này) em giải (cho) anh ngồi (mà)

Đêm nằm (thì) mơ tưởng (ứ) ra chơi (ư) (đào) vườn đào.

(Chứ) Nước kia thì (nó) sắc hơn dao

(Chứ) Trứng gà (thì) phơi phới (ứ) lòng đào (thì em) bảo anh.

Hát Trống quân, trai gái bao giờ cũng thiên về tình

cảm. Hoặc bằng câu ướm hỏi, thử thách, hoặc bằng lời tâm sự. Do đó, Trống quân có tính chất trữ tình, tính chất giao duyên rất sâu sắc. Vì đối đáp, hỏi trả, nên hát Trống quân đòi hỏi người hát phải có tài mẫn tiệp, xuất khẩu thành thi, đột xuất nhanh trí... nhưng bao giờ cũng vẫn giữ thái độ phong nhã, lời không sàm sỡ, lố lăng.

Trống quân không phải là một loại trống, mà là một sợi mây dài độ 3, 4 thước tây và dày độ 1 phân tây. Người ta cắm hai đầu sợi dây mây dưới đất bằng hai cây cọc nhỏ bằng gỗ hay bằng tre. Ngay chính giữa sợi mây, người ta đào một lỗ vuông độ 4 tấc mỗi bề, rồi bịt lỗ ấy bằng một miếng ván mỏng. Có khi người ta dùng một khúc tre, một đầu chống lên sợi mây, một đầu chịu trên mặt gỗ.

Có khi người ta cột sợi mây với mặt ván. Người đánh trống quân dùng hai chiếc đũa con đánh lên sợi mây. Sợi mây rung làm mặt ván rung, và tiếng mây rung nhờ lỗ đất làm vang lên nghe thình thùng thình như tiếng trống. Có khi người ta đào một lỗ miệng tròn và hình giống như một cái chum, và đậy miệng lỗ bằng một miếng ván tròn và mỏng.

Có khi người ta để trong lỗ đất một thùng dầu hỏa. Trên miệng thùng có tấm ván và cây cọc để chống chính giữa sợi mây. Có thùng này tiếng vang càng mạnh. Có khi người ta để trong lỗ một thùng dầu lửa, quay miệng về phía dưới, phía trên có cây cọc chống đáy thùng và căng sợi mây. Không cần dùng tấm ván nữa. Có khi người ta không đào lỗ, chỉ lật úp thùng dầu lửa (hay thùng trà) trên mặt đất và căng dây lên trên thùng.

Tóm lại, Trống quân là một loại hát hội vấn đáp giữa nam nữ thanh niên, khuyến khích họ giải bày tình cảm, thông minh và cốt cách qua trung gian của nghệ thuật, trong không khí vui vẻ tưng bừng của hội thu.

Tuyệt Anh Hội

Thắng trận, Sở Trang vương đời Xuân Thu truyền bày tiệc liên hoan, gọi là "Thái bình yến". Phàm các quan văn võ bất cứ cấp nào đều được tham dự.

Khi mặt trời gần lặn, tiệc rượu còn đương vui say, Sở Trang vương truyền đốt đèn lên, lại cho một nàng hầu yêu tuyệt đẹp là Hứa Cơ đi mời khắp quan triều thần, mỗi người một chén rượu.

Được mỹ nhân chuốc rượu, các quan lấy làm vui vẻ thích thú đều đứng dậy đón lấy rượu uống. Bỗng có một ngọn gió to, bao nhiêu nến thắp ở trên điện tắt phụp cả. Điện tối mò. Bọn nội thị còn đương loay hoay đi châm lửa chưa đến. Trong hàng quan đại phu có một người trông thấy Hứa Cơ đẹp, nhân lúc tối tăm, đưa tay nắm lấy vạt áo của nàng. Hứa Cơ tay trái giằng vạt áo, tay mặt chụp được dải mũ của người ấy.

Dải mũ đứt, người ấy sợ lắm vội buông tay ra. Hứa Cơ lấy được dải mũ, rón rén đến trước Sở Trang vương, ghé tâu:

- Thiếp vâng mạng đại vương ra mời các quan uống rượu, thế mà có người vô lễ dám nhân lúc tắt đèn, nắm lấy vạt áo thiếp. Nay thiếp đã bứt được cái dải mũ của người ấy, vậy xin đại vương giục thắp nến mà xét xem.

Nhưng Sở Trang vương lại truyền cho bọn nội thị chớ thắp nến vội, đoạn bảo các triều thần:

- Ngày nay ta bày tiệc mong cùng các quan mua vui. Vậy các ngươi nên bứt đứt dải mũ cả đi, rồi cùng ta uống rượu thật say. Nếu ai không bứt đứt dải mũ thì chưa được vui lắm.

Nghe lịnh dạy, tất cả triều thần đều bứt đứt dải mũ của mình. Bấy giờ Sở Trang vương mới cho thắp đèn lại. Thành ra không ai biết người nào làm ẩu, níu lấy vạt áo mỹ nhân cả.

Tiệc xong trở về cung, Hứa Cơ tâu với Sở Trang

vương:

- Thiếp nghe nói kẻ trai gái phải có sự phân biệt, huống chi là vua tôi. Đại vương sai thiếp mời các quan uống rượu là để tỏ lòng mến, nay người ấy nắm lấy vạt áo thiếp mà đại vương không trị tội, thì còn ra thể thống gì nữa.

Sở Trang vương cười bảo:

- Ta bày tiệc rượu này là muốn các quan đều được cùng vui. Rượu say sinh ra chớt nhã chẳng qua cũng là lẽ thường tình. Nếu ta trị tội một người mà làm cho các quan không được vui thì ta không muốn.

Hứa Cơ nghe nói, phục là người có lượng.

Một hôm Sở Trang vương đem quân đánh nước Trịnh, có một viên phó tướng tên Đường Giao xin đem 100 thủ hạ đi mở đường.

Đường Giao cố sức xông pha. Quân nước Trịnh không ai đương nổi. Vì thế, đại binh của Sở Trang vương tiến thẳng đến địa giới của nước Trịnh một cách mau lẹ.

Sở Trang vương thấy quân tiền bộ đi được nhanh chóng như thế, mới triệu Đường Giao đến, toan trọng thưởng. Đường Giao thưa:

- Tôi chịu ơn đại vương to lắm. Ngày nay gọi chút báo đền, có đâu lại dám lãnh thưởng.

Sở Trang vương ngạc nhiên hỏi:

- Ta có biết nhà ngươi bao giờ mà nhà ngươi bảo là chịu ơn ta.

Đường Giao thưa:

- Trong tiệc rượu có người nắm áo Hứa Cơ và bị đứt dải mũ, tức là tôi đó. Đại vương rộng lượng tha, không giết mà còn tìm cách làm tôi không phải bị nhục, vậy tôi cố sức phải báo đền.

Sở Trang vương truyền ghi công ấy để về sau phong thưởng. Nhưng Đường Giao nói với bằng hữu:

- Tội ta đáng chết mà đại vương không giết, vậy ta nên cố sức báo đền. Nay đã nói rõ sự thực rồi, chẳng lẽ

ta là người có tội mà còn chờ đợi phong thưởng hay sao?

Ngay đêm hôm ấy, Đường Giao bỏ trốn.

Tiệc rượu "Bứt đứt dải mũ" gọi là "Tuyệt anh hội". Về sau này, nó có ý nghĩa chỉ tấm lòng đại lượng của kẻ bề trên đối với kẻ bề dưới. Và, lòng đại lượng ấy bao giờ cũng đem đến một kết quả tốt đẹp.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Đào Hoa Phu Nhân

Dời Xuân Thu, Sái Hầu và Tức Hầu cùng lấy gái nước Trần làm phu nhân.

Tức phu nhân là nàng Tức Vĩ nhan sắc tuyệt vời. Nhân khi về thăm cố quốc, ngang qua nước Sái, Sái Hầu mời vào cung thết đãi. Trong lúc tiệc rượu, Sái Hầu tỏ vẻ chớt nhả. Tức Vĩ giận lắm bỏ đi. Và khi ở nước Trần trở về nước Tức, nàng không đi ngang nước Sái nữa.

Tức Hầu nghe Sái Hầu trổ mòi "xấu" với vợ mình như thế, mới nghĩ cách báo thù, sai sứ vào cống nước Sở, và mật cáo với Sở Văn vương: Sái Hầu cậy thế có Tề, không chịu phục Sở. Bây giờ quý quốc giả cách đem quân sang đánh nước tôi, nước tôi sang cầu cứu nước Sái. Sái Hầu là người nông nổi, tất nhiên vội vàng sang cứu. Bấy giờ nước tôi cùng quý quốc hợp binh đánh thì có thể bắt được Sái Hầu.

Sở Văn vương mừng lắm. Quả thực bắt được Sái Hầu. Muốn giết đi nhưng nhờ quần thần can gián mới tha, cho Sái Hầu đầu hàng. Sái Hầu biết mắc mẹo của Tức Hầu nên lấy làm tức lắm. Một hôm, Sở Văn vương mở tiệc tiễn Sái Hầu về nước. Trong bữa tiệc có đoàn nữ nhạc ra múa hát. Trong đó có một con hát ngồi gảy đàn, nhan sắc đẹp lắm. Sở Văn vương liền bảo con hát ấy đến mời Sái Hầu một chén rượu. Sái Hầu uống xong, đoạn tự rót lấy rượu, hai tay dâng chén lên để chúc thọ Sở Văn vương. Vua Sở tiếp lấy cười, hỏi:

- Hiền hầu xưa nay có được trông thấy một người con gái nào đẹp lắm không?

Sái Hầu sực nhớ đến cái thù của Tức Hầu trước kia xúi Sở đánh Sái, mới đáp:

- Gái đẹp trong thiên hạ, tôi tưởng không ai bằng Tức Vĩ. Thật là một tiên nữ trên trời.

Sở Văn vương hỏi:

- Người đẹp thế nào?

Sái Hầu nói một mạch:

- Mắt như sóng thu, má tựa hoa đào, người tầm thước, dáng yểu điệu. Thật mắt tôi chưa từng thấy đến người thứ hai.

Sở Văn vương nghe nói lấy làm thích quá, bảo:

- Nếu vậy thì ta có được trông thấy Tức Vĩ mới thỏa tấm lòng.

Sái Hầu lại chêm vào:

- Lấy uy linh của đại vương trí dẫu Tề Khương, Tống Tử cũng chẳng khó huống chi là một người đàn bà trong vòng thế lực của mình.

Sở Văn vương muốn chiếm Tức Vĩ, mượn tiếng tuần du, đem quân sang nước Tức. Tức Hầu ra đón rồi mở tiệc thết đãi. Tức Hầu bưng ly rượu chúc mừng Sở Văn vương. Sở Văn vương đỡ lấy, cười tủm tỉm nói:

- Ngày trước ta cũng có một chút công với quý phu nhân, nay ta đến đây, quý phu nhân lại không đáng mời

ta một chén rượu hay sao?

Tức Hầu sợ uy nước Sở, không dám trái ý, vâng vâng dạ dạ, truyền vào trong cung gọi Tức Vĩ ra. Một lúc Tức Vĩ trang điểm tuyệt đẹp bước ra, sụp lạy Sở Văn vương.

Sở Văn vương đứng lên. Tức Vĩ lấy chén bằng ngọc, rót đầy rượu vào, đoạn dâng lên Sở Văn vương. Tay trắng cùng với sắc ngọc lẫn màu với nhau. Sở Văn vương trông thấy ngồi ngẩn người ra, toan đưa tay đỡ lấy chén rượu. Nhưng Tức Vĩ lại khoan thai trao chén rượu cho cung nhân để đệ lên Sở Văn vương. Đoạn, nàng cáo từ, lui vào cung. Vua Sở nhìn theo, thần hồn mê mẩn như muốn quyện theo gót son của con người ngọc.

Trở về quán xá, Sở Văn vương ngồi đứng chẳng yên, nằm không an giấc, trước mắt cứ thấp thoáng hình dáng tha thướt yểu điệu của giai nhân.

Hôm sau, Sở Văn vương bày tiệc ở quán xá, cho giáp sĩ phục cả chung quanh, rồi mời Tức Hầu đến dự tiệc.

Tiệc đến nửa chừng, Sở Văn vương giở giọng say bảo Tức Hầu:

- Ta có công với quý phu nhân nhiều lắm, nay quân ta tới đây, quý phu nhân lại không đáng vì ta mà khao thưởng hay sao?

Tức Hầu thưa:

- Nước tôi bé nhỏ lắm, khó lòng mà khao thưởng cho đủ. Đại vương dạy như vậy, xin hãy để cho chúng tôi bàn nhau.

Sở Văn vương vỗ bàn, quát mắng:

- Đứa thất phu này dám bội ân, lại giở goịng nói khéo để lừa ta. Quân sĩ đâu hãy bắt lấy nó.

Tức Hầu chưa kịp nói gì thì quân sĩ đổ ra bắt trói. Sở Văn vương đem quân thẳng vào cung, tìm bắt Tức Vĩ. Tức Vĩ nghe tin chồng bị bắt, đau đớn nói:

- Dắt hổ sói về nhà thì còn nói gì nữa!

Đoạn chạy ra sau vườn, toan đâm đầu xuống giếng. Tướng nước Sở là Đấu Đan vội chạy đến, nắm lấy vạt áo, nói:

- Phu nhân không muốn cho Tức Hầu được toàn tính mạng sao? Tội gì mà hai vợ chồng cùng chịu chết!

Đấu Đan bắt đem nộp cho Sở Văn vương.

Thành công một cách dễ dàng, Sở Văn vương nhìn giai nhân hân hoan vô cùng, rồi tức khắc phong làm phu nhân, và an trí Tức Hầu ở Nhữ Thủy. Tức Hầu tức giận mà chết.

Tức Vĩ má tựa hoa đào nên người thường gọi là "Đào hoa phu nhân". Nàng được Sở vương cực kỳ yêu quý. Trong ba năm, sinh được hai con. Tuy ở suốt ba năm trong cung nước Sở nhưng tuyệt nhiên, nàng không nói với Sở vương một lời nào cả. Sở Văn vương cố hỏi tại sao không nói chuyện, Tức Vĩ sa nước mắt gầm mặt xuống mà không đáp lại. Vua càng gạn hỏi, nàng bảo:

- Một thân này phải thờ hai chồng, đã không biết giữ

tiết mà chết, lại còn mặt mũi nào nói chuyện với ai nữa!

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang
www.dtv-ebook.com

Mắt Xanh, Mắt Trắng

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, lúc Từ Hải gặp Kiều ở thanh lâu, Từ Hải nói với Kiều, có câu:

Bấy lâu nghe tiếng má đào,

Mắt xanh chẳng để ai vào có không?

"Mắt xanh" do chữ "Thanh nhãn", tức là mắt ở giữa là tròng đen (hoặc xanh) hai bên tròng trắng.

Nguyên Nguyễn Tịch, người đời nhà Tấn, là người rất ưu rượu và đàn. Làm quan rồi cáo bịnh về nhà, kết bạn cùng Kê Khang, Lưu Linh, Nguyễn Hàn, Sơn Đào, Hướng Tú và Vương Nhung, người thường gọi là "Trúc lâm thất hiền" (bảy người hiền ở rừng trúc).

Có giai thoại về ồng.

Được biết trong bộ Binh có người bếp cất rượu rất ngon, trữ 300 hũ mỹ tửu, ông liền xin vào làm một chức nhỏ ở đây để được thưởng thức! Có lần ông say luôn 60 ngày, vua Tấn muốn nói chuyện với ông mà không được.Người ta cho ông là "cuồng túy".

Ông là người chán đời, thích tiêu diêu trong vũ trụ. Thơ của ông phần nhiều tả tình, hoặc than cho thói đời đen bạc, hoặc chán cho thế sự thăng trầm, hoặc ngao ngán cảnh phú quý công danh như phù vân...Tư tưởng của ông có lúc lại kỳ dị. Như trong bài văn xuôi "Đại nhân tiên sinh truyện", ông ví con người trong vũ trụ như con rận trong quần.

Ông phản đối Nho giáo. Ông bảo: "Không có vua thì vạn vật ổn định; không có bề tôi thì mọi việc được trị; không có kẻ sang thì kẻ hèn không oán; không có kẻ giàu thì kẻ nghèo không tranh của. Ai nấy đều đủ ăn mà không cầu gì nữa". Thật là một tư tưởng "vô chính phủ" nhưng cũng lạ là vua Tấn vẫn để ông ở yên.

Nguyễn Tịch lại có một thái độ lạ lùng. Khi tiếp khách hễ là hạng quân tử, là hạng người vừa lòng mình thì Nguyễn Tịch nhìn thẳng bằng tròng mắt xanh; trái lại khách là kẻ tầm thường, người không vừa lòng mình thì ông nhìn bằng đôi tròng trắng.

Do điển đó, sau này người ta dùng chữ "Mắt xanh" để chỉ sự bằng lòng, vừa ý. Cũng như câu của Từ Hải: "Mắt xanh chẳng để ai vào có không?" là ý muốn hỏi: nàng chưa thấy ai là người vừa ý phải không? Tức là nàng chưa tiếp ai bằng mắt xanh.

Ninh Thích, Người Chăn Trâu Ở Dao Sơn

Ninh Thích, người nước Vệ đời Xuân Thu. Người có tài kinh bang tế thế. Lúc còn hàn vi, chưa gặp thời, mình mặc áo cộc, đầu đội nón rách, đi chân không, thường gõ vào sừng trâu mà hát ở núi Dao Sơn.

Lúc bấy giờ Tề Hoàn Công đem binh đánh Tống. Tể tướng nước Tề là Quản Di Ngô (Quản Trọng) đi trước. Ngồi trên xe nghe tiếng hát, biết không phải là người thường mới sai quân sĩ đem tặng cơm rượu. Ninh thích nói:

- Tôi muốn được yết kiến quan Tể tướng.

Quân sĩ nói: xe quan Tể tướng đã đi khỏi.

Ninh Thích nói:

- Tôi có một câu này nhờ người đọc lại cho quan Tể tướng nghe. Ấy là câu: "Nước trong leo lẻo..."

Quân sĩ theo kịp xe Quản Di Ngô, thuật cả lại cho nghe. Di Ngô không hiểu được ý câu nói ấy ra sao. Có người thiếp yêu là Tĩnh Nương vốn thông minh học rộng thường được theo hầu. Di Ngô hỏi, nàng nói:

- Thiếp nghe cổ giả có bài thơ "Nước trong". Có câu: "Nước trong leo lẻo, cá lượn giữa dòng; người đến triệu ta, ta cũng bằng lòng". Ý chừng người chăn trâu muốn ra làm quan đó.

Di Ngô lập tức dừng xe lại, cho người mời. Ninh Thích đến chào mà không lạy. Di Ngô hỏi qua họ tên, thân thế và học thức, Ninh Thích đối đáp thông suốt như nước chảy. Di Ngô khen tài, bảo:

- Kẻ hào kiệt lúc chưa gặp thời, không có người tiến dẫn thì sao cho rõ tài được. Đại binh của chúa công ta đi sau, chẳng bao lâu cũng đến đây, ta viết cho nhà thầy một bức thư để cầm đưa cho chúa công ta, tất chúa công trọng dụng.

Ninh Thích cầm lấy thư trở lại Dao Sơn. Ba hôm sau, đại binh Tề Hoàn Công kéo đến. Ninh Thích gõ vào sừng trâu, cất tiếng hát:

Kìa sông Thương Lang, đá trắng lởm chởm,

Có con cá chép dài một thước hơn.

Nghiêu Thuấn thái bình đã không được gặp,

Áo cộc che thân độ đến ngang lưng,

Ta cho trâu ăn từ tối đến đêm.

Đêm tối mờ mờ, bao giờ thấy sáng!

(Bản dịch của Nguyễn Hoài Nam.

Nguyên văn:

Thương lang chi thủy, bạch thạch lạn,

Trung hữu lý ngư trường xích bán.

Sinh bất phùng Nghiêu dữ Thuấn thiện,

Đoản hạt đan y tài chí cán.

Tùng hôn phạn ngưu chí dạ bán.

Trường dạ man man, hà thời đán.

Tề Hoàn Công nghe thấy lấy làm giận, sai quân đòi đến. Hoàn Công hỏi họ tên rồi bảo:

- Nhà ngươi là đứa chăn trâu, sao dám gièm chê việc chính trị?

Ninh Thích đáp:

- Tôi có dám gièm chê chính trị đâu.

Hoàn Công nói:

- Ngày nay trên thì có thiên tử nhà Chu trị vì, dưới thì các chư hầu theo lịnh. Nhân dân vui vẻ, cây cỏ tốt tươi, dẫu đời Nghiêu Thuấn thái bình chẳng qua cũng chỉ như thế. Vậy mà nhà ngươi dám bảo rằng: "Nghiêu Thuấn thái bình đã không được gặp", lại bảo: "Đêm tối mờ mờ, bao giờ thấy sáng". Thế không phải gièm chê

chính trị là gì?

Ninh Thích thưa:

- Tôi nghe nói đời Nghiêu Thuấn mưa gió thuận hòa, dân gian không phải lo sợ gì, chỉ việc cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống. Đời bây giờ trái lại, giềng mối đổ nát, giáo hóa suy đồi, thế mà bảo "Nghiêu Thuấn thái bình" thì thật tôi không hiểu được. Vả lại đời Nghiêu Thuấn trừ bốn kẻ hung ác mà thiên hạ được yên. Từ bấy giờ không phải nói mà dân tin, không phải giận mà dân sợ. Nay chúa công mới hội chư hầu, đã thấy nước Tống bội ước, nước Lỗ hiếp thề, chinh chiến quanh năm. Tôi lại nghe nói vua Nghiêu bỏ con là Đan Chu mà nhường thiên hạ cho ông Thuấn, Thuấn không chịu nhận bỏ trốn ra Nam Hà, trăm họ rủ nhau mà theo Thuấn. Bấy giờ ông Thuấn bất đắc dĩ mới lên nối ngôi. Nay chúa công giết anh ruột mà cướp nước, lại mượn uy thiên tử để sai khiến các chư hầu. Vậy thì tôi không biết có phải là lối vái nhường nhau như vua Nghiêu, vua Thuấn ngày xưa không?

Tề Hoàn Công nổi giận, quát:

- Đứa thất phu dám nói càn!

Liền truyền quân sĩ dẫn ra chém. Ninh Thích bị trói dẫn đi, nhưng vẫn nghiễm nhiên, không sợ hãi, ngửa mặt lên trời nói: "Ngày xưa vua Kiệt giết Long Bàng, vua Trụ giết Tỷ Can, nay tôi cùng với hai ông ấy kể là ba người".

Quan Đại phu là Thấp Bằng thưa với Tề Hoàn Công:

- Người ấy không xu phụ quyền thế, không sợ uy nghiêm, chẳng phải là kẻ chăn trâu tầm thường đâu. Chúa công chớ nên giết.

Hoàn Công nguôi cơn giận, truyền mở trói. Ninh Thích bấy giờ mới đem bức thư giới thiệu của Quản Di Ngô dâng lên. Tề Hoàn Công xem xong, mỉm cười bảo:

- Đã có bức thư của Trọng Phụ, sao không đưa ngay.

Ninh Thích thưa:

- Tôi nghe nói vua hiền chọn người mà dùng, tôi hiền chọn chúa mà thờ. Nếu chúa công ghét người thẳng, ưa

người nịnh mà nhân lên cơn giận giết tôi, thì tôi thà chết đi, chớ quyết không đưa thư của quan Tể tướng làm gì nữa.

Tề Hoàn Công bằng lòng lắm, truyền cho ngồi một chiếc xe sau. Tối hôm ấy, khi đóng quân lại nghỉ, Hoàn Công sài thắp đèn lên tự đi tìm mũ áo. Có tên cận thần là Thụ Điêu hỏi:

- Chúa công cho tìm mũ áo có phải muốn phong cho Ninh Thích chăng?

- Phải.

Thụ Điêu thưa:

- Từ nước ta sang Vệ cũng chẳng xa bao nhiêu, sao chúa công không cho người sang hỏi dò xem. Nếu thực là hiền, bấy giờ sẽ phong tước cho, có chi mà vội.

Tề Hoàn Công nói:

- Người này là một bực đại tài không câu nệ những điều nhỏ nhặt. Hoặc giả khi ở nước Vệ, cũng có vài điều

lỗi nhỏ, nếu dò hỏi biết những điều lỗi ấy chẳng lẽ lại phong tước cho. Còn nếu bỏ đi không dùng thì đáng tiếc lắm.

Nói xong, ngay đêm hôm ấy phong cho Ninh Thích làm quan Đại phu, để cùng với Quản Di Ngô trông coi quốc chính.

ĐIỂN HAY TÍCH LẠ - QUYỂN 3

Nguyễn Tử Quang

www.dtv-ebook.com

Thanh Minh Trong Tiết Tháng Ba

Thanh Minh là tên một thời tiết, tức là một khoảng thời gian phân định sẵn trong lịch Tàu.

Lịch cổ nước Tàu chia một năm ra làm 8 tiết, gọi là "Bát tiết": lập Xuân, lập Hạ, lập Thu, lập Đông, Xuân phân, Thu phân, Hạ chí và Đông chí.

Lịch Kim (tức là lịch đời Hán trở lại) của Tàu thì chia năm ra làm 24 Khí hoặc Tiết. Cứ ba ngày là một Hậu; 5 Hậu là một Khí hoặc Tiết. Một năm có 24 Khí hoặc Tiết. Mỗi tháng chia làm 2 Khí. Khí nhằm vào những ngày đầu tháng thì gọi là Tiết Khí. Khí nhằm vào giữa tháng thì gọi là Trung Khí. Tiết Khí và Trung Khí thường gọi tắt là Tiết và Trung.

Đầu thời Hán lấy tiết Kinh trập làm "Chính nguyệt trung" (tức là khí vào giữa tháng giêng), lấy Vũ thủy làm

"nhị nguyệt tiết" (tức là khí vào đầu tháng hai). Cuối đời Hán, Lưu Hầm làm Tam thống đổi Kinh trập làm "Nhị nguyệt tiết" (khí vào đầu tháng hai), Vũ thủy làm "Chính nguyệt trung" (khí vào giữa tháng giêng), Cốc vũ là "Tam nguyệt tiết" (khí đầu tháng ba); Thanh minh làm "Tam nguyệt trung" (khí giữa tháng ba).

Lịch Tàu ngày nay tức là sau đời nhà Hán thì chia Thanh minh làm Tam nguyệt tiết (khí vào đầu tháng ba).

Hai mươi bốn tiết khí trong một năm là:

Mùa xuân: Lập Xuân, Vũ thủy, Kinh trập, Xuân phân, Thanh minh, Cốc vũ.

Mùa hạ: Lập Hạ, Tiểu mãn, Mang chủng, Hạ chí, Tiểu thử, Đại thử.

Mùa thu: Lập Thu, Xử thử, Bạch lộ, Thu phân, Hàn lộ, Sương giáng.

Mùa đông: Lập Đông, Tiểu tuyết, Đại tuyết, Đông chí, Tiểu hàn, Đại hàn.

Trong tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, đoạn tả cảnh Thanh minh có câu:

Thanh minh trong tiết tháng ba,

Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.

"Thanh minh trong tiết tháng ba" là do câu "Thanh minh tam nguyệt tiết" nghĩa là: Tiết thanh minh đầu tháng ba.

Theo cách dùng thuật ngữ của Tàu thì chỉ nói "Tiết tháng ba" hay "Tam nguyệt tiết" tức "Tam nguyệt khí tiết" là người ta hiểu ngay là nói đầu tháng ba. Vì tiết đây là tiết khí nói tắt, mà tiết khí nghĩa là thời tiết nhằm đầu tháng. Vậy thì "trong tiết tháng ba" có nghĩa là "vào đầu tháng ba".

Tục Tàu, nhân tiết Thanh minh, người ta tổ chức lễ thăm mộ gọi là "Lễ tảo mộ", tức là lễ quét tước sửa sang mồ mả. Và, nhân lễ tảo mộ ngoài đồng, mà tự nhiên có hội gọi là "hội đạp thanh" tức là hội giẫm trên đám cỏ xanh ở ngoài đồng.

Cổ thi của Tàu có bài:

Xuân du thanh thảo địa,

Hạ thưởng lục hà trì.

Thu ẩm huỳnh hoa tửu,

Đông ngâm bạch tuyết thi.

HẾT